

**LINH HỒN
TÍNH CHẤT CỦA SỰ SỐNG
(THE SOUL, THE QUALITY OF LIFE)**



By Alice A. Bailey



NỘI DUNG

NỘI DUNG	3
Trích từ một phát biểu của Chân Sư Tây Tạng	9
ĐẠI THỈNH NGUYỆN	12
Danh mục các sách trích dẫn	14
1. LỜI TỰA.....	15
2. SỰ HẠN CHẾ CỦA LỜI NÓI	15
3. HÃY TỰ BIẾT CHÍNH BẠN	16
4. CẤU TẠO CỦA CON NGƯỜI.....	18
5. BẢN CHẤT CỦA CON NGƯỜI.....	19
6. TINH THẦN	20
7. CHÂN THẦN.....	23
8. TAM THƯỢNG THỂ TINH THẦN	25
9. NGUYÊN KHÍ SỰ SỐNG TRONG CON NGƯỜI.....	25
10. HIỆN TƯỢNG BIỆT LẬP NGÃ TÍNH.....	27
11. TRÍ TUỆ (MANAS)	28
12. NĂM GIÁC QUAN VÀ CHÂN NGÃ	35
13. LINH HỒN VŨ TRỤ (THE ANIMA MUNDI)	40
14. LINH HỒN	44
a) Một Số Từ Đồng Nghĩa Với “Linh Hồn”	49

b) Sự Nhận Thức Linh hồn.....	51
c) Định Nghĩa Về Linh Hồn.....	51
d) Christ Nội Tâm.....	57
e) Thể Dĩ Thái, Biểu Tượng Của Linh Hồn.....	60
f) Sự Xuất Hiện Và Tiến Hóa Của Linh Hồn.....	62
g) Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục (The Angel of the Presence)	68
15. LINH HỒN TẬP THỂ (GROUP SOUL)	70
16. LINH HỒN NHÂN LOẠI	72
17. LINH HỒN THỂ	77
a) Nội Dung của Linh Hồn Thể.....	78
b) Kiến Tạo Linh Hồn Thể	81
c) Sự Giải Thoát Tâm linh	82
18. HOA SEN CHÂN NGÃ (Egoic Lotus)	88
19. SỰ TIẾN HÓA CỦA CHÂN NGÃ THỂ	93
20. CÁI CHẾT THỂ XÁC VÀ LINH HỒN	96
21. SỰ HỎA THIÊU VÀ SỰ GIẢI THOÁT CỦA LINH HỒN	102
22. LUÂN HỒI	104
a) Định luật Tái Sinh	106
b) Sự Bất Tử.....	116
c) Trạng thái Phúc Lạc (Devachan)	121
d) Chân Ngã Làm Chủ Các Thể.....	123
e) Các Chu Kỳ Của Linh hồn	126
f) Tuổi Của Linh hồn	127
g) Các Linh hồn Thức Tỉnh	127
23. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA LINH HỒN	130
a) Tính Bao Gồm.....	132
b) Lòng Bác Ái.....	132
c) Niềm Vui và Hạnh Phúc	137
d) Chia Sẻ.....	141
e) Sự Cô Độc.....	142
f) Sự Đằm Nhiên Tâm Linh.....	144
g) Vô Ngã (Impersonality)	146

h) Sự Đoạn Tuyệt.....	147
i) Sự Tự Do.....	151
j) Sự Thanh Thân	151
k) Sự Điềm Tĩnh Bên Trong.....	153
l) Trách Nhiệm	156
m) Minh Triết	156
n) Trực Giác	158
24. ÁNH SÁNG	171
(a) Ánh Sáng Của Linh Hồn	177
(b) Sự Tìm Kiếm Ánh Sáng	181
(c) Ánh Sáng Trong Đầu	184
(d) Con Đường Ánh Sáng.....	186
25. TÂM THỨC	192
(a) Sự Mở Rộng Tâm Thức.....	193
(b) Tâm Thức Chân Ngã.....	201
(c) Sự Tự Nhận Thức.....	204
26. CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA LINH HỒN	206
(a) Linh Hồn Và Phạm Ngã.....	207
(b) Chân Ngã Và Các Chân Sư	209
(c) Linh Hồn Và Ashram Của Chân Sư.....	213
(d) Linh Hồn và Thánh Đoàn.....	217
(e) Linh Hồn Và Ý Chí Thiêng Liêng.....	218
(f) Linh Hồn Và Các Cung	219
(g) Linh Hồn Và Các Nghiên Cứu Nội Môn.....	222
(h) Linh Hồn Và Các Chân Ngã Khác	224
(i) Chân Ngã Và Môi Trường Chung Quanh	225
(j) Linh Hồn Và Sức Khỏe	226
(k) Linh Hồn Và Việc Chữa Trị.....	229
(l) Chân Ngã Và Các Lực Lượng Bóng Tối	232
(m) Linh Hồn Và Việc Phụng Sự.....	233
(n) Linh Hồn Và Những Năm Tiến Bộ	240
(o) Linh Hồn Và Việc Sử Dụng Quyền Lực Từ	241
27. NGUYÊN KHÍ XÂY DỰNG HÌNH TƯỢNG	244
28. MỤC ĐÍCH CUỘC SỐNG CỦA CHÂN NGÃ.....	246
29. NĂNG LỰC TRI GIÁC THẦN BÍ	249

30. NHÀ THẦN BÍ VÀ NHÀ HUYỀN BÍ	250
31. "LINH HỒN BỊ MẤT"	252
32. VIỆC HUẤN LUYỆN CÁC HIỆN THỂ CHO VIỆC PHỤNG SỰ LINH HỒN	253
(a) Việc Huấn Luyện Thể Xác	258
(b) Việc Huấn Luyện Thể Dĩ Thái.....	259
(c) Việc Huấn Luyện Thể Cảm Xúc	260
(d) Việc Huấn Luyện Thể Trí	262
33. CHÂN NGÃ VÀ CÁC BÍ HUYỆT.....	268
34. SỰ CHỈNH HỢP CỦA CHÂN NGÃ VỚI PHẠM NGÃ.....	272
35. SỰ TÍCH HỢP	278
36. SỰ NHẤT QUÁN, KẾT QUẢ CỦA ĐIỂM ĐẠO.....	283
37. SỰ TIẾN HÓA TINH THẦN.....	285
(a) Con Người	287
(b) Việc Bước Lên Đường Đạo Mông Như Lưỡi Dao Cạo	291
(c) Sự Phát Triển Của Con Người.....	293
(d) Những Bước Ngoặt Trong Đời Sống	302
(e) Tốc Độ Của Sự Tiến Bộ	304
(f) Học Tập Từ Kinh Nghiệm	305
38. CON ĐƯỜNG ĐỆ TỬ	307
39. CUỘC SỐNG SONG ĐÔI CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ	313
40. HUYỀN LINH THUẬT.....	317
41. BẢN CHẤT SÁNG TẠO CỦA LINH HỒN	320
42. BẢN CHẤT NHỊP NHÀNG CỦA CÁC XUNG LỰC CỦA LINH HỒN	324
43. TẦM NHÌN	329
44. MẮT CỦA LINH HỒN	331
45. MẮT THỨ BA	336

46. ẤN TƯỢNG	339
(a) Viễn Cảm	341
(b) Sự Nhạy Cảm Với Ấn Tượng.....	346
(c) Việc Ghi Nhận Ấn Tượng	353
(d) Sự Linh Hứng.....	356
47. TIẾNG NÓI BÊN TRONG.....	357
48. SỰ PHỤC TÙNG LINH HỒN.....	361
49. SỰ TIN CẬY VÀO LINH HỒN	362
50. SỰ HƯỚNG DẪN BỞI LINH HỒN	363
51. ĐÁM MÂY CỦA NHỮNG ĐIỀU KHẢ TRI	365
52. Ý NGHĨA BÍ TRUYỀN.....	367
53. ẢO CẢM VÀ ẢO TƯỞNG	368
54. CÁC CẶP ĐỐI LẬP.....	373
55. KẺ CHẶN NGÕ (The Dweller on the Threshold).....	374
56. LINH HỒN VÀ CÁC QUYỀN NĂNG TÂM THÔNG.....	380
57. SUTRATMA.....	380
58. ANTAHKARANA.....	383
59. THIỀN ĐỊNH	401
(a) Tham Thiền để hỗ trợ sự chinh hợp	410
(b) Nguy Hiểm của Sự Hao Mòn	414
(c) Việc Thiền Định Được Quyết Định Bởi Cung Chân Ngã.....	415
(d) Chân Ngã Là Ngọn Lửa.....	418
60. CHÂN NGÃ VÀ CÁC CUỘC ĐIỂM ĐẠO.....	419
(a) Sự Mở Rộng Tâm Thức và Sự Điểm Đạo	420
(b) Cuộc Điểm Đạo Thứ Nhất	425
(c) Cuộc Điểm Đạo Thứ Hai	425
(d) Cuộc Điểm Đạo Thứ Ba	427

(e) Sự Loại Bỏ Hình Tư Tưởng Của Phàm Ngã	429
(f) Cuộc Điểm Đạo Thứ Tư	434
61. SỰ TIẾT LỘ “BẢN LAI DIỆN MỤC”	436
62. GIỚI LINH HỒN	442
63. KẾT LUẬN	450

Trích từ một phát biểu của Chân Sư Tây Tạng

Xuất bản tháng 8 – 1934

Chỉ cần nói rằng Tôi là một đệ tử Tây Tạng ở một cấp đẳng nào đó, và điều này chỉ mách cho bạn một vài điều, vì tất cả đều là các đệ tử, từ người tìm đạo tâm thường nhất trở lên, và vượt trên chính Đấng Christ nữa. Giống như bao người khác, Tôi đang sinh hoạt trong một thân xác trên các biên giới của Tây Tạng (Tibet), và thi thoảng (theo quan điểm thế tục) Tôi có điều khiển một nhóm đông đảo các Lạt-ma Tây Tạng khi các nhiệm vụ khác của Tôi cho phép. Chính vì sự kiện này mới có dư luận cho rằng Tôi là một tu sĩ của Lạt-ma-viện đặc biệt này. Những ai có cộng tác với Tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và mọi đệ tử đích thực đều hợp tác trong công việc này) đều nhận ra Tôi bằng một danh xưng và chức năng khác nữa. A.A.B. biết rõ Tôi là ai và nhận ra Tôi theo hai danh xưng.

Tôi là một huynh đệ của các bạn, kẻ đã đi trên Thánh Đạo lâu hơn một ít so với đạo sinh bậc trung, do đó phải gánh vác các trách nhiệm lớn lao hơn. Tôi là kẻ đã phấn đấu và đấu tranh trên con đường riêng của Tôi để tiến vào lĩnh vực ánh sáng lớn hơn lĩnh vực của người tìm đạo, tức là những ai sẽ đọc được tác phẩm này, do đó Tôi phải hành xử như người truyền ánh sáng bất cứ giá nào. Tôi không phải là người luống tuổi như số tuổi được nói đến trong các huấn sư. Tuy nhiên Tôi không non kém hoặc thiếu kinh nghiệm. Công

việc của Tôi là giảng dạy và quảng bá tri thức Minh Triết Muôn Thuở nơi nào mà Tôi có thể tìm được sự đáp ứng, và Tôi đã phụ trách việc này từ nhiều năm qua. Khi có dịp, Tôi cũng tìm cách phụ giúp Đức Thầy M. và Đức Thầy K.H., vì từ lâu Tôi đã liên kết với các Ngài và công việc của các Ngài. Qua tất cả mọi điều trên, Tôi đã nói nhiều với bạn, đồng thời Tôi cũng không nói với bạn gì cả để làm cho bạn nghe theo Tôi một cách thiếu cân nhắc và tôn sùng một cách thiếu sáng suốt mà người tìm đạo dễ xúc cảm thường có đối với vị Guru (Đạo Sư) và Đức Thầy mà đến giờ y vẫn chưa tiếp xúc được. Người tìm đạo cũng sẽ không có được tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự tôn sùng do xúc cảm, thành việc phụng sự vị tha đối với nhân loại – chớ không phải đối với Đức Thầy.

Các sách mà Tôi viết, được đưa ra mà không đòi hỏi được chấp nhận. Chúng có thể đúng, trung thực hoặc hữu ích, hoặc không có gì cả. Chính bạn phải xác nhận sự xác thực của chúng bằng việc thực hành đúng và bằng việc luyện tập trực giác. Cả Tôi và A. A. B. đều ít quan tâm tới việc các sách đó được chào đón như là các tác phẩm được truyền linh hứng hay là được ai đó nói đến (bằng cách hạ thấp giọng) như là công trình của một trong các Chân Sư. Nếu các sách này trình bày chân lý cách nào mà nó vẫn theo đúng trình tự đã được đưa ra trong các giáo huấn trên thế gian, nếu kiến thức được đưa ra có giúp nâng cao hoài bão (aspiration) và ý-chí-phụng-sự (will-to-serve) từ cõi tình cảm đến cõi trí (cõi hoạt động của các Chân Sư) thì các sách này đã đạt được mục tiêu. Nếu giáo lý được truyền đạt này tạo ra được một đáp ứng nơi thể trí giác ngộ của kẻ phụng sự trên thế gian và mang lại sự lóe sáng cho trực giác của y, thì bấy giờ giáo lý này mới nên được chấp nhận. Bằng không thì thôi. Nếu các lời này đáp ứng

được với sự vững tin cuối cùng hay được cho là đúng dưới sự trắc nghiệm của Định Luật Tương Ứng (Law of Correspondences), thì bấy giờ chúng mới thực sự là tốt lành. Còn nếu không được như thế, thì đạo sinh đừng nên chấp nhận những gì đã được nói ra.



ĐẠI THỈNH NGUYỆN

Từ điểm Linh Quang trong Thiên Trí
Mong sao ánh sáng tràn ngập trí người
Mong cho Linh Quang giáng xuống Dương Trần.

Từ điểm Bác Ái trong Thiên Tâm
Xin cho bác ái tràn ngập tâm người.
Mong sao Đấng Christ trở lại Trần Gian.

Từ trung tâm mà Thiên Chí được thấu triệt
Cầu xin Thiên Ý dắt dẫn tiểu chí con người –
Thiên Ý mà Chân Sư biết rõ và phụng hành.

Từ trung tâm mà chúng ta gọi là nhân loại
Mong cho Thiên Cơ, Bác Ái và Linh Quang khởi
động
Và mong sao Thiên Cơ phong bế tà môn.

Mong sao Linh Quang, Bác Ái và Quyền Năng
phục hồi Thiên Cơ trên chốn Phàm Trần.

“Bài Khấn Nguyện hay Cầu Nguyện trên không thuộc về bất cứ người hoặc nhóm nào, mà thuộc về toàn thể nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm trong tính chất đơn giản của nó, trong sự diễn đạt của nó về một vài chân lý chính yếu mà tất cả mọi người đều chấp nhận một cách bẩm sinh và một cách thông thường – chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Tuệ (Intelligence) cơ bản, mà một cách mơ hồ, chúng ta gán cho cái tên Thượng Đế (God); chân lý

cho rằng đằng sau mọi vẻ bên ngoài, có một quyền năng thúc đẩy của vũ trụ là Lòng Bác Ái; một chân lý cho rằng có một Đấng vĩ đại đã đến với thế gian, mà người theo Thiên Chúa Giáo gọi là Đấng Christ, Ngài đã hiện thân cho Lòng Bác Ái đó sao cho chúng ta đều có thể hiểu; chân lý cho rằng cả Bác Ái lẫn Trí Thông Tuệ đều là kết quả của điều được gọi là Thiên Ý (Will of God); và sau cùng một chân lý hiển nhiên cho rằng Thiên Cơ (Divine Plan) có thể thể hiện chỉ qua chính *nhân loại* mà thôi”.

Alice A. Bailey



Danh mục các sách trích dẫn

Mã số	Tiếng Việt	Tiếng Anh
1	Điễm Đạo, Nhân loại và Thái dương	Initiation, Human and Solar
2	Thư về Tham Thiên Huyền Linh	Letters on Occult Meditation
3	Luận về Lửa Càn Khôn 1	A Treatise on Cosmic Fire 1 (tới trang 600)
3	Luận về Lửa Càn Khôn 2	A Treatise on Cosmic Fire 2 (từ trang 601 đến hết)
4	Luận về Huyền Linh thuật	A Treatise on White Magic
5	Đường Đạo trong Kỷ Nguyên mới I	Discipleship in the New Age I
6	Đường Đạo trong Kỷ Nguyên mới II	Discipleship in the New Age II
7	Các vấn đề của Nhân Loại	Problems of Humanity
8	Sự tái lâm của Đức Christ	The Reappearance of the Christ
9	Vận mệnh các quốc gia	The Destiny of the Nations
10	Áo Cầm: Một vấn đề của thế giới	Glamour: A World Problem
11	Viễn cảm và thể dĩ thái	Telepathy and the Etheric Vehicle
12	Nền Giáo Dục trong Kỷ Nguyên mới	Education in the New Age
13	Sự Hiện Lộ của Thánh Đoàn I	(The Externalisation of the Hierarchy) đến trang 388
13	Sự Hiện Lộ của Thánh Đoàn II	(The Externalisation of the Hierarchy) từ trang 389
14	Tâm lý học Nội Môn I	Esoteric Psychology I
15	Tâm lý học Nội Môn II	Esoteric Psychology II
16	Chiêm tinh học nội môn	Esoteric Astrology
17	Chữa trị nội môn	Esoteric Healing
18	Cung và Điễm Đạo	Rays and the Initiations

[1]

1. LỜI TỰA

1. Ở đây chúng ta đã nhận nhiều điều cần suy gẫm, suy nghĩ và thiền định. Chúng ta hãy tìm kiếm sợi chỉ vàng để dẫn chúng ta, trong tâm thức tỉnh thức, tiến vào kho tàng của linh hồn riêng của chúng ta, và ở đó, học cách hợp nhất với tất cả những gì biểu lộ, để cảm nhận linh thị đối với tổng thể, theo hết khả năng của chúng ta, và để hoạt động cùng với Thiên Cơ ở mức độ mà Thiên Cơ đó được các Đấng Hiểu Biết đã tiết lộ cho chúng ta. (15–242/3)

2. Không một điều gì dưới bầu trời này có thể ngăn chặn sự tiến bộ của linh hồn con người trên con đường hành hương dài dằng dặc từ chỗ tối tăm đến nơi ánh sáng, từ cõi giả đến cõi chân, từ cõi tử đến cõi bất tử, và từ vô minh đến minh triết.... Không gì có thể giữ tinh thần con người tách khỏi Thượng Đế. (7–124), (8–159)

2. SỰ HẠN CHẾ CỦA LỜI NÓI

Những lời nói không thể diễn đạt và ngôn ngữ gây cản trở hơn là trợ giúp mục tiêu mà tôi thấy trước mắt. Tư tưởng con người hiện đang bước vào một lĩnh vực mà cho đến nay không có hình thức ngôn ngữ thật sự cho nó, vì chúng ta không có những thuật ngữ thích hợp, và trong đó, các ký hiệu từ ngữ chỉ có ý nghĩa ít thôi. Cũng như việc khám phá ra xe ô tô và sóng vô tuyến (radio) đã cần việc xây dựng một bộ hoàn toàn mới của các thuật ngữ, cụm từ, danh từ, động từ, vì vậy trong những năm sắp tới, việc khám phá sự thực về linh hồn sẽ đòi hỏi một cách tiếp cận ngôn ngữ mới. Thực ra

là, có phải một người của thời đại Victoria khi nghe những từ ngữ chuyên môn về kỹ thuật của phòng thí nghiệm vô tuyến hiện nay, hoặc trạm sửa ô tô thông thường, sẽ hoàn toàn không hiểu gì hay không? Vì vậy, nhà tâm lý học ngày nay rất thường ở trong tình trạng không biết và không hiểu những gì chúng ta đang cố gắng truyền đạt, vì ngôn ngữ mới chưa được phát triển và các thuật ngữ cũ thì không thích hợp. Do đó, tôi không thể làm gì nhiều hơn là sử dụng các từ ngữ mà dường như đối với tôi là thích hợp nhất, biết rằng tôi đang không thể thể hiện ý nghĩa thực sự của những ý tưởng của tôi, và do đó bạn đang chỉ có được một sự hiểu biết và quan niệm gần đúng về những khái niệm mà tôi đang nỗ lực trình bày. (15-425) [2]

3. HÃY TỰ BIẾT CHÍNH BẠN

1. Chỉ khi nào một người hiểu được chính mình thì y mới có thể đạt đến một sự hiểu biết cái vốn là tổng thể mà chúng ta gọi là Thượng Đế. Đây là một sự thực hiển nhiên (a truism) và là một câu nói tầm thường nhưng huyền bí (occult platitude), nhưng khi được tuân theo, sẽ dẫn đến một sự mặc khải làm cho “Vị Thượng Đế Bất Khả Tri” hiện nay trở thành một thực tại được nhận biết. (4-29)

2. Con người tâm linh là người vốn đã vừa là một người của thế gian lẫn một môn sinh huyền học, đã đạt đến kết luận rằng đằng sau mọi nguyên nhân mà y đã bị thu hút vào từ trước đến giờ là một Nguyên Nhân; sự đồng nhất nguyên nhân này khi đó trở thành mục tiêu của sự tìm tòi của y. Đây là bí nhiệm nằm đằng sau mọi bí nhiệm; đây là sự bí mật của điều mà tất cả những gì từ trước đến giờ đã được biết và được hình dung ra chỉ là bức màn che; đây là tâm (heart) của

Cái Bất Tri (the Unknown) đang che giấu mục đích, và là chìa khóa đối với tất cả những gì Hiện Tồn (IS), và chỉ được đặt vào tay của các Đấng Cao Cả mà – sau khi đã tiến hành con đường của các Ngài qua mạng lưới sự sống đa dạng – Các Ngài tự biết Các Ngài thực ra và quả thật là Atma, hay là chính Tinh Thần, và là các tia lửa thực sự trong Linh Hóa vĩ đại duy nhất.

Ba lần tiếng gọi phát ra cho mọi Kẻ Hành Hương trên Thánh Đạo của Sự Sống: *“Hãy tự biết chính người”* là mệnh lệnh vĩ đại thứ nhất, và tiến trình lâu dài để đạt đến sự hiểu biết đó. *“Hãy biết Chân Ngã (the Self)”* đến sau đó, và khi đạt được điều đó, con người không chỉ biết được chính y, mà còn biết được mọi bản ngã khác; đối với y, linh hồn của vũ trụ không còn là quyển sách sự sống niêm kín nữa, mà là quyển sách với bầy dấu niêm bị phá vỡ. Lúc đó, khi con người là vị adept, tiếng kêu lại phát ra *“Hãy biết Đấng Duy Nhất”*, và các lời này vang lên trong tai các vị adept: *“Hãy tìm kiếm những gì là Nguyên Nhân đáng tin cậy, và khi đã biết linh hồn và sự biểu lộ của nó, là hình hài, hãy tìm kiếm Cái Đó (THAT) mà linh hồn tiết lộ”*. (3–1237)

3. Khi bạn luôn nghiêm trì giới luật thì sự hoàn thiện cuối cùng sẽ đến. Đối với người đệ tử thì không có gì là quá nhỏ nhặt để không cần đảm trách, vì bằng việc điều chỉnh nghiêm nhặt các chi tiết nhỏ của đời sống Phạm Ngã, mà việc thành đạt mục tiêu sẽ đến vào lúc cuối. Khi đến gần Cửa Đạo, thì cuộc sống của người đệ tử không trở nên dễ dàng hơn, mà bao giờ việc trông chừng phải được xuyên suốt, bao giờ hành động chân chính phải được gìn giữ mà không màng đến hậu quả, và bao giờ cũng phải đấu tranh với mỗi thể cho đến từng máy may của nó và chinh phục cho được nó. Chỉ bằng việc

thông hiểu thấu đáo câu châm ngôn: “*Hãy tự biết mình*”, hành giả sẽ có sự hiểu biết vốn làm cho y có thể vận dụng định luật và biết sự vận hành bên trong của hệ thống (phàm ngã – ND), từ trung tâm đến ngoại biên. Hãy đấu tranh, hãy phấn đấu, hãy trì giới và hãy phụng sự một cách vui vẻ mà không có sự thương công, ngoại trừ sự hiểu lầm, sự sĩ nhục của những kẻ *theo đuôi* – đây là vai trò của người đệ tử. (2–310). [3]

4. CẤU TẠO CỦA CON NGƯỜI

Cấu tạo của con người, như được xem xét trong những trang sau đây, cơ bản gồm có ba phần như sau:

I. Chân Thần, hay Tinh thần thuần khiết (pure Spirit), hay là Cha ở trên Trời (Father in Heaven).

Trạng thái này phản ánh ba trạng thái của Thượng Đế:

1. Ý Chí hay Quyền Lực Đức Chúa Cha.
2. Bác ái-Minh triết Đức Chúa Con.
3. Thông Tuệ-Linh Hoạt Chúa Thánh Thần.

và chỉ được tiếp xúc với trạng thái này vào những lần điểm đạo cuối cùng, khi hành giả gần đến mức cuối cuộc hành trình và trở nên hoàn thiện. Chân Thần lại tự phản ánh trong

II. Chân Nhân (Ego), Chân Ngã (Higher Self), hay là cái Ta cao siêu (Individuality)

Trạng thái này có tiềm năng là

1. Ý Chí Tinh thần Linh thể
(Atma).
2. Trực giác Bồ đề.
Bác ái-Minh triết, nguyên khí Christ.
3. Thượng Trí hay Trí trùu tượng Thượng trí.

Trong những người tiến hóa cao, Chân Nhân bắt đầu phát lộ quyền lực của mình, và ngày càng tăng trên Đường Dự Bị, cho đến trước lần điểm đạo thứ ba thì Chân Ngã hoàn toàn chế ngự được phàm ngã, và trạng thái cao nhất bắt đầu phát lộ năng lượng.

Chân Nhân tự phản ánh trong

III. Phàm Ngã, hay phàm nhân, con người hồng trần

Trạng thái này cũng tam phân:-

1. Thể trí Hạ trí.
2. Thể tình cảm Thể cảm dục.
3. Thể hồng trần Thể xác và dĩ thái.

Do đó, mục đích của cuộc tiến hóa là làm cho con người ý thức được trạng thái Chân Ngã để chế ngự phàm tính. (1-xv) [4]

5. BẢN CHẤT CỦA CON NGƯỜI

Khi tâm trí quần chúng đã hiểu, dù phớt qua, các sự kiện được trình bày vắn tắt sau đây, khuynh hướng giáo dục quần chúng, mục tiêu của khoa chính trị, và mục tiêu của nỗ lực kinh tế và xã hội sẽ có một chiều hướng mới và tốt đẹp hơn. Các sự kiện này có thể được tóm tắt trong các định đề sau đây:

I. Con người có bản thể thiêng liêng. Điều này luôn luôn được nói đến qua các thời đại, nhưng cho đến nay vẫn là một lý thuyết hoặc niềm tin đẹp đẽ, chớ không phải là một sự kiện khoa học được chứng minh, mà cũng không được mọi người tuân giữ.

II. Con người thực ra là một mảnh (fragment) của Thiên Trí (Universel Mind), hay linh hồn thế giới (GLBN I, Lời Nói Đầu, trang 42 – 44) và với tư cách là một mảnh, như vậy y là người tham dự (partaker) vào các bản năng và tính chất của linh hồn đó, khi nó biểu lộ qua gia đình nhân loại. Do đó, tính đồng nhất chỉ có thể xảy ra trên cõi trí. Nếu là đúng, thì điều này phải đưa đến khuynh hướng phát triển bên trong não bộ xác thân một sự nhận thức hữu thức về các sát nhập thành nhóm trên cõi trí, một sự nhận biết hữu thức về các mối quan hệ tập thể, các lý tưởng và mục tiêu, và một sự biểu lộ hữu

thức về tính liên tục đó của tâm thức, vốn là mục tiêu tiến hóa vào lúc này. Việc đó sẽ thúc đẩy tạo ra sự chuyển di tâm thức nhân loại từ cõi trần đến cõi trí, và sự giải quyết tiếp theo sau nhờ “sự hiểu biết, bác ái và hy sinh” của mọi vấn đề hiện nay. Điều này sẽ đưa tới sự giải thoát khỏi sự rối loạn hiện tại ở cõi trần. Điều đó phải đưa đến việc giáo huấn quần chúng về bản chất của con người, và sự phát triển các quyền năng tiềm tàng bên trong y – các quyền năng vốn sẽ giải thoát y khỏi các giới hạn hiện tại của y, và vốn sẽ tạo ra trong gia đình nhân loại một sự từ bỏ chung về các tình trạng hiện tại. Khi con người ở khắp nơi nhận biết chính họ và nhận biết lẫn nhau như là các đơn vị hữu ngã thức thiêng liêng, hoạt động chủ yếu trong thể nguyên nhân, nhưng vận dụng ba hiện thể thấp chỉ như là một phương tiện tiếp xúc với ba cõi thấp, chúng ta sẽ có việc cai trị, chính trị, kinh tế và trật tự xã hội được tái điều chỉnh theo các đường lối hợp lý, lành mạnh, và thiêng liêng.

III. Con người trong phạm ngã của y, và trong ba hiện thể của y, là một tập hợp các sự sống nhỏ bé hơn, tùy thuộc vào y vì bản chất tập thể của chúng, vì kiểu hoạt động của chúng, và sự đáp ứng tập thể, và – qua năng lượng hay hoạt động của Thái Dương Thiên Thần (Solar Lord) – chính các sự sống đó sau này sẽ được nâng lên, và được phát triển tới giai đoạn con người.

Khi cả ba sự kiện này được hiểu rõ, lúc đó và chỉ lúc đó, chúng ta sẽ có một sự hiểu biết đúng và chính xác về bản chất con người. (3-809/11) [5]

6. TINH THẦN

1. Bản chất của Tinh Thần chỉ có thể được tiết lộ một

cách dễ hiểu cho các điểm đạo đồ cao cấp, nghĩa là, cho những ai (qua trung gian của công việc được thực hiện trong Cuộc Điểm Đạo thứ ba) đã được đặt tiếp xúc hữu thức với “Cha Trên Trời” của họ, là Chân Thần. Các môn sinh huyền bí học, các đệ tử và các điểm đạo đồ cấp thấp đều đang phát triển sự tiếp xúc với linh hồn, hay trạng thái thứ hai, và chỉ khi sự tiếp xúc này được thiết lập một cách vững chắc, thì các ý niệm cao siêu mới có thể được áp ú. (3-1229)

2. Mục tiêu của sự nhận thức đối với con người là sự ý thức về bản chất của Linh Hồn, trung gian mà nhờ đó trạng thái Tinh Thần luôn luôn hoạt động. Ý không thể làm nhiều hơn. Sau khi đã học cách hoạt động như linh hồn, đã tách ra khỏi ba cõi thấp, lúc bấy giờ con người trở nên một thành phần linh hoạt hợp tác hữu thức của Linh Hồn đó, vốn thấm nhuần và tỏa khắp mọi vật đang trong biểu lộ. Lúc đó và chỉ lúc đó, ánh sáng tinh khiết của Linh Hồn tự nó trở nên hữu hình đối với ý nhờ một sự đánh giá đúng Bảo Ngọc (Jewel) được che giấu ở tâm của bản thể của chính y; chỉ bấy giờ y mới trở nên ý thức Bảo Ngọc vĩ đại hơn nằm ẩn nơi tâm của sự biểu lộ thái dương. Ngay khi đó, ở giai đoạn tiến bộ đó, tất cả những gì mà y có thể biết đến, có thể tiếp xúc và hình dung ra, là ánh sáng phát ra từ Bảo Ngọc và sự rực rỡ che đậy sự huy hoàng bên trong.

... Do đó, chúng ta không cần khảo cứu và xem xét những gì mà vị điểm đạo đồ cao cấp chỉ có thể ý thức lò mò; thật là vô ích cho chúng ta khi tìm kiếm các thuật ngữ để diễn tả những gì nằm ẩn kín an toàn đằng sau mọi ý tưởng và mọi tư tưởng, khi bản thân tư tưởng không được hiểu hoàn toàn, và thể chế cho sự nhận thức không được hoàn hảo. Chính con người – là một ý tưởng lớn và là một ý tưởng đặc biệt –

không biết bản chất của những gì mà y đang tìm cách biểu lộ.

Tất cả những gì mà chúng ta có thể làm là hiểu rõ sự thật rằng có Cái Đó (That) mà cho đến nay không thể được định nghĩa, để nhận thức rằng một sự sống trung ương đang tồn tại vốn thấm nhuần và làm sinh động Linh Hồn, và tìm cách sử dụng hình hài mà linh hồn tự biểu lộ qua đó. Điều này có thể được cho là đúng đối với mọi hình hài, đối với mọi linh hồn, thuộc con người, dưới con người, thuộc hành tinh và thuộc thái dương. (3–1231/2)

3. Tất cả những gì có khuynh hướng nâng cao tình trạng nhân loại trên bất cứ cõi biểu lộ nào, đều là công tác tôn giáo và có một mục đích tâm linh, vì vật chất chỉ là tinh thần trên cõi thấp nhất, còn tinh thần, như chúng ta biết, chỉ là vật chất trên cõi cao nhất. Tất cả đều là tinh thần, và các biến phân này chỉ là các sản phẩm của thể trí hữu hạn. Do đó, những kẻ hành đạo hay kẻ hiểu biết về Thượng Đế, trong hay ngoài nhục thân, [6] và đang hoạt động trong bất cứ lĩnh vực biểu hiện thiêng liêng nào, đều tạo thành một phần của huyền giai hành tinh, và là các đơn vị không thể tách rời trong đám mây chúng nhân to lớn đó, vốn là “những kẻ bàng quan và kẻ quan sát”. Họ có năng lực hiểu thấu hay nhận thức tâm linh, cũng như linh thị khách quan hay vật chất. (4–56)

4. Từ ngữ “tâm linh” (“spiritual”) không ám chỉ đến các vấn đề tôn giáo, như được gọi. Mọi hoạt động nào thôi thúc nhân loại hướng về một hình thức phát triển nào đó – về vật chất, tình cảm, trí tuệ, trực giác, xã hội – nếu điều này tiến bộ hơn tình trạng hiện tại của y, thì có bản chất chủ yếu thuộc về tinh thần và là biểu thị cho sự sinh động của thực thể thiêng liêng bên trong. Tinh thần của con người thì bất tử, nó tồn tại mãi mãi, tiến từ mức này đến mức khác trên Con Đường Tiến

hóa, từ từ và tuần tự khai mở các thuộc tính và các trạng thái thiêng liêng. (12-1)

7. CHÂN THẦN

1. *Monad*: Cái Duy Nhất. Tinh thần tam phân trên cõi riêng của nó. Trong huyền bí học, Chân Thần thường có nghĩa là ba thể cao hợp nhất – Atma, Buddhi, Manas; Ý Chí Tinh Thần, Trực Giác và Thượng Trí – hay là phần bất tử của con người đang luân hồi trong các giới thấp, và dần dần xuyên qua các giới này, tiến đến con người, và từ đó đến mục đích cuối cùng. (1-221/2).

2. *Atma* (Linh Thê): Tinh thần vũ trụ; Chân Thần thiêng liêng; nguyên khí thứ bảy, như thường gọi trong cấu tạo thất phân của con người. (1-216)

3. Giống như thể xác trên cõi trần không thể biểu lộ đầy đủ toàn thể mức độ phát triển của Chân Ngã hay Thượng Ngã, cũng thế, Chân Ngã không thể nhận thức đầy đủ và biểu hiện tính chất của Tinh Thần. Do đó, ý thức con người hoàn toàn không thể đánh giá một cách chính xác sự sống của Tinh Thần hay Chân Thần (3-50)

4. Phải nhớ rằng sự tiến hóa của Chân Thần là một điều phức tạp hơn nhiều so với việc đó xuất hiện trong các sách được đưa ra cho quần chúng cho đến nay. Trong các sách này, sự phát triển của tâm thức và sự chuyển tiếp của nó qua các giới của thiên nhiên là các điểm được nhắc đi nhắc lại. Tuy nhiên đã có các chu kỳ trước đây mà việc đó sẽ chỉ có thể được hiểu khi lịch sử và sự tiến hóa của các Hành Tinh Thượng Đế trở nên dần dần được tiết lộ. Chúng là các thành phần của thể biểu lộ của Ngài, là các tế bào bên trong hiện thể vĩ đại đó, và như thế được cấp sinh lực bằng sự sống của

Ngài, được phẩm định (qualified) bằng bản chất của Ngài, và được phân biệt bằng các đặc tính của Ngài. [7] Do đó điều này sẽ đưa lịch sử của một Chân Thần trở lại các thiên kiếp trước kia. Một lịch sử như thế không thể tiết lộ, và một tiết lộ như thế sẽ không được dùng vào mục đích nào cả. Sự kiện chỉ có thể được đề cập đến khi nó phải được xem xét theo các đường lối tổng quát, nếu bản chất thực sự của Bản Ngã (the Self) sẽ được biết một cách chính xác...

Chân Thần có các chu kỳ tương tự, dù ở trên mức độ thu nhỏ, với các chu kỳ của Sự Sống duy nhất, vốn thấm nhuần và làm sinh động mọi sự sống nhỏ bé hơn (*Thánh Kinh I Peter 2:4*). Một số các chu kỳ này bao hàm các khoảng thời gian rất rộng lớn, và quá khứ quá lâu, đến nỗi lịch sử của chúng chỉ có thể được truyền đạt cho các vị Adepts tìm hiểu qua phương tiện âm thanh và ký hiệu. Các chi tiết của việc phát triển đó bị lạc mất trong đêm tối của các kalpas khác, và tất cả những gì có thể được nhìn thấy đều là *các kết quả*, – nguyên nhân phải được chấp nhận như hiện nay, mặc dù đối với chúng ta vẫn còn là không thể giải thích cho đến khi chúng ta đã có các cuộc điểm đạo cao hơn. (3–1087/9)

5. Các nhóm Chân Thần nhập thể theo hoặc một trung tâm nào đó trong một vị Hành Tinh Thượng Đế của một hệ thống hành tinh đặc biệt, hoặc một trung tâm nào đó của Thái Dương Thượng Đế mà sự nhập thể này ở trong tiến trình tiếp sinh khí hay sự hoạt động theo chu kỳ. (3–1090)

6. Chân Thần là cội nguồn của ánh sáng, không chỉ đối với gia đình nhân loại, mà còn là nơi tiếp nhận ánh sáng từ Thái Dương tam phân, đó là cái thấu kính mà nhờ đó ánh sáng của Thái Dương Thượng Đế có thể chảy tới Hành Tinh Thượng Đế, duy trì và giữ ổn định trong ánh sáng đó linh thị,

mục tiêu, ý chí, và ý định sáng tạo của Hành Tinh Thượng Đế. (6-400)

7. Trong giai đoạn trước đây trên con đường tiến hóa, Chân Thần là cội nguồn của sự thờ ra, vốn đưa linh hồn xuất hiện trên cõi trần, trên con đường Qui Nguyên (Path of Return)... Chân Thần là cội nguồn của sự thờ vào. (15-322)

8. TAM THƯỢNG THỂ TINH THẦN

1. *Tam Thượng Thể*: Con người tinh thần; sự biểu lộ của Chân Thần. Đó là tinh thần phôi thai chứa đựng các tiềm năng của thiên tính. Các tiềm năng này sẽ được khai mở trong quá trình tiến hóa. Tam Thượng Thể này tạo thành Bản Ngã đã biệt lập ngã tính hay tách rời, là Chân Ngã. (1-225)

2. Theo sát nghĩa, Tam Thượng Thể là Atma-Buddhi-Manas, là sự biểu lộ của Chân Thần, cũng như phạm ngã là sự biểu lộ của Chân Ngã. Chân Thần tự biểu hiện qua Tam Thượng Thể, và trạng thái thấp nhất của nó, hay Trạng thái thứ ba tạo thành [8] Chân Ngã thể hay thể Nguyên nhân (Egoic or Causal body), đưa con hay mầm của Chân Ngã. Tương tự như thế, Chân Ngã tự biểu hiện qua con người tam phân hạ đẳng, gồm thể hạ trí, tình cảm và thể dĩ thái (các thể này là sự phản chiếu của Tam Thượng Thể), và ba thể này nảy sinh sự biểu lộ hồng trần trọng trước. (3-69)

9. NGUYÊN KHÍ SỰ SỐNG TRONG CON NGƯỜI

Trong con người, nguyên khí sự sống này biểu lộ theo ba cách:

1. Dưới hình thức ý chí, mục đích, động lực cơ bản có

định hướng. Đây là năng lượng năng động vốn làm cho con người hoạt động, đưa con người vào sự sống, đặt kỳ hạn của sự sống con người, đưa con người vượt qua các năm, dài hay ngắn, và tự rút mình ra vào cuối chu kỳ sống của mình. Đây là tinh thần trong con người, biểu lộ dưới hình thức ý chí muốn sống, hiện hữu, hành động, theo đuổi, tiến hóa. Ở trạng thái thấp nhất của nó, tinh thần hoạt động thông qua thể trí (mental body) hay bản chất (nature) trí tuệ, và trong sự liên kết với nhục thân, nó tự làm cho nó được cảm nhận qua não bộ.

2. Dưới hình thức lực cố kết. Chính tính chất thiết yếu quan trọng đó làm cho mỗi người khác nhau, tạo ra sự biểu lộ phức tạp về các tâm trạng, các ham muốn, các đặc tính, các phức cảm, các ức chế, các cảm xúc và các đặc điểm vốn tạo ra tâm lý đặc biệt của một người. Đây là kết quả của sự tương tác giữa tinh thần hay khía cạnh năng lượng, với vật chất hay bản chất xác thân. Đây là con người chủ quan đặc biệt, sắc thái của y, hay nốt (note) cá nhân; chính điều này thiết lập tốc độ của hoạt động rung động của cơ thể y, tạo ra loại hình hài đặc biệt của y, chịu trách nhiệm về tình trạng và bản chất của các cơ quan của y, các tuyến của y, và trạng thái bên ngoài của y. Đây là linh hồn và – trong trạng thái thấp nhất của nó – nó hoạt động qua bản chất tình cảm hay cảm dục và liên quan với nhục thân, nó hoạt động qua quả tim.

3. Dưới hình thức hoạt động của các nguyên-tử và tế bào vốn tạo thành xác thân. Đó là toàn thể các sự sống bé nhỏ vốn tạo thành các cơ quan của con người, bao gồm toàn bộ con người. Các sự sống này có sự sống riêng của chúng và có một ý thức vốn hoàn toàn có tính cá nhân và được nhận biết. Trạng thái này của nguyên khí sự sống hoạt động qua thể dĩ

thái hay thể sinh lực và liên quan với cơ cấu rắn đặc của hình hài hữu hình qua lá lách. (4-452/3) [9]

10. HIỆN TƯỢNG BIỆT LẬP NGÃ TÍNH

1. Trở lại quá khứ mờ mờ của lịch sử (được gọi ý nhờ biểu tượng học và các Thánh kinh trên thế giới), có một sự Tiếp Cận chính đầu tiên khi Thượng Đế chú ý đến con người và có điều gì đó xảy ra – dưới tác động và ý chí của Đấng Sáng Tạo, Thượng Đế Siêu Việt – đã ảnh hưởng đến con người nguyên thủy, và “y đã trở thành một linh hồn sống động”. Khi sự thôi thúc khao khát hướng về điều thánh thiện chưa được hiểu rõ và chưa được xác định, đã làm cho nó được cảm nhận trong các ước muốn còn phôi thai của người thiếu suy xét (theo nghĩa đen, thiếu suy xét vào thời đó), nó gọi lên sự đáp ứng từ Thượng Đế; Thượng Đế tiếp cận với con người, và con người trở nên được thấm nhuần sự sống và năng lượng đó, mà theo thời gian qua, sẽ cho phép y nhận ra chính y là một con của Thượng Đế, và sau rốt biểu lộ chức năng con một cách hoàn hảo. Sự Tiếp Cận này được nổi bật bởi sự xuất hiện khả năng trí tuệ trong con người. Nơi con người, năng lực phôi thai để suy tư, lý luận và hiểu biết được gieo trồng. Toàn Linh Trí của Thượng Đế được phản chiếu trong thể trí bé nhỏ của con người. (7-149/50)

2. *Biệt lập ngã tính* là gì theo quan điểm của sự khai mở tâm lý của con người? Đó là việc tập trung trạng thái thấp nhất của linh hồn, là trạng thái thông tuệ sáng tạo, sao cho nó có thể tự biểu lộ thông qua bản chất hình tướng. Cuối cùng đó sẽ là trạng thái đầu tiên của thiên tính tự biểu lộ nó như thế. Đó là sự xuất hiện vào biểu lộ của tính chất cụ thể của Thái Dương Thiên Thần qua việc vị thiên thần đó chiếm giữ

một hoặc các lớp vỏ, vốn tạo nên sự xuất hiện như thế của vị thiên thần đó. Đó là sự áp đặt ban đầu của một [10] năng lượng có điều khiển được áp dụng lên tập hợp ba lực mà chúng ta gọi là bản chất hình tượng của con người. Cá nhân, trên đường đến sự phối kết và biểu lộ đầy đủ, xuất hiện trên sân khấu của sự sống. Thực thể tự ý thức đi vào hóa thân vật chất. Diễn viên xuất hiện trong tiến trình học tập vai trò của y; y chuẩn bị cho buổi đầu của y và sửa soạn cho ngày của sự chú trọng phạm ngã đầy đủ. Linh hồn đi vào hình thức đậm đặc và trên cõi thấp nhất. Bản ngã bắt đầu phần việc trong sự nghiệp của nó, vốn được thể hiện qua tính ích kỷ, sau rốt dẫn đến một sự vị tha cuối cùng. Thực thể chia rẽ bắt đầu việc chuẩn bị của y cho sự nhận thức nhóm. Một Thượng Đế bước đi trên trái đất, bị che lấp bởi hình tượng xác thịt, bản chất ham muốn và thể trí linh động. Y là một con mồi tạm thời cho ảo giác của các giác quan, và được phú cho một trí năng vốn chủ yếu là gây cản trở và giam cầm, nhưng mà cuối cùng là phóng thích và giải thoát.

... Hiện tượng biệt lập ngã tính ... có thể được định nghĩa một cách đơn giản như là tiến trình mà nhờ đó các hình thức của sự sống trong giới thứ tư trong thiên nhiên đạt đến:

1. Có cá tính hữu thức, nhờ trải nghiệm sự sống của các giác quan. [10]
2. Sự khẳng định cá tính, nhờ sử dụng thể trí biết phân biệt.
3. Cuối cùng hy sinh cá tính đó cho nhóm. (15-9/10)

11. TRÍ TUỆ (MANAS)

1. *Trí Tuệ, hay Nguyên khí Trí Tuệ.* Theo nghĩa đen, Trí Tuệ hay năng lực trí tuệ; những gì phân biệt con người với

con thú đơn thuần. Đó là nguyên khí biệt lập ngã tính; những gì cho phép con người biết rằng y tồn tại, cảm nhận và hiểu biết. Trong một số trường phái, nó được chia thành hai phần, thượng trí hay trí trừu tượng, và hạ trí hay trí cụ thể. (1-220)

2. *Nguyên khí thứ năm*: Nguyên khí trí tuệ; năng lực đó trong con người vốn là nguyên khí suy tư sáng suốt, và phân biệt người với con thú. (1-218)

3. *Ngọn Lửa hay Tia Lửa Trí Tuệ* ... hiện ra khi ý chí sáng suốt đó liên kết Chân Thần hay Tinh thần với điểm tiếp xúc thấp nhất của nó, là phàm ngã, hoạt động qua thể xác.

Nó cũng thể hiện, cho đến nay một cách không hoàn toàn, là yếu tố tiếp sinh khí trong các hình tư tưởng do Chủ Thể Tư Tưởng tạo ra. Cho đến nay, tương đối chỉ có một vài hình tư tưởng có thể nói là được tạo ra bằng trung tâm của ý thức, là Chủ Thể Tư Tưởng, Chân Ngã. Cho đến nay, ít người được tiếp xúc chặt chẽ với Thượng Ngã hay Chân Ngã của mình đến mức họ có thể tạo ra vật chất của cõi trí thành một hình thức có thể được nói đúng thật là một sự biểu lộ của các tư tưởng, mục tiêu hay ham muốn thuộc Chân Ngã của họ, hoạt động qua não bộ vật chất. (3-46)

4. Tính chất của manas này có thể hiểu rõ được ít nhiều nếu môn sinh xem nó như là ý chí sáng suốt, mục tiêu linh hoạt và ý tưởng cố định của một Thực Thể Thông Linh nào đó mang lại sự sống, sử dụng hình hài và thực hiện các kết quả từ các nguyên nhân qua sự phân biệt trong vật chất, sự phân ly thành hình hài và việc lèo lái mọi đơn vị trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài để hoàn thành mục đích đã được đề ra. Con người là nguồn xuất phát của trí tuệ đối với chất liệu của các hiện thể của y và xung lực trí tuệ tiềm tàng của các

hiện thể này. Lại cũng là thể với một Hành Tinh Thượng Đế và phạm vi ảnh hưởng rộng lớn của Ngài, và cũng thể với Thái Dương Thượng Đế. Mỗi Đấng được phân biệt ra, và như thế tạo thành vòng giới hạn của Ngài; mỗi Đấng có [11] mục đích trước mắt cho mỗi cuộc lâm phạm; mỗi Đấng đang theo đuổi tích cực và hành động một cách sáng suốt để thực hiện một số cứu cánh, và như thế, mỗi Đấng là tác nhân tạo ra manas cho hệ thống của Ngài; mỗi người là lựa trí tuệ sinh động đối với hệ thống của y; qua chính nguyên khí trí tuệ này, mỗi người biệt ngã hóa, mở rộng dần dần sự nhận thức bản ngã cho đến khi nó bao hàm vòng giới hạn của Thực Thể mà qua Ngài nguyên khí thứ 5 đến với y; mỗi người đạt được sự khai mở và sau rốt thoát ly khỏi hình hài...

Đối với mọi ý định và mục tiêu, manas là ý chí linh hoạt của một Thực Thể đang tự thể hiện qua mọi sự sống thứ yếu vốn đi tới nội dung của vòng giới hạn hay phạm vi ảnh hưởng của Sự Sống nội tâm. Do đó – khi liên quan đến con người trên dãy này – con người chỉ đang biểu lộ thiên ý và ý chí đang tác động của Hành Tinh Thượng Đế, mà trong cơ thể Ngài, y là một tế bào hay một sự sống nhỏ nhoi. (3-354/5)

5. *Tính phân biệt ...* Mọi môn sinh đều nhận thức đặc tính phân biệt của trí tuệ và năng lực chọn lọc của nó; mọi người đều nhận thức khả năng trong con người giúp cho y phân biệt một cách sáng suốt giữa Ngã với Phi Ngã. Những gì mà chúng ta thường hay quên là khả năng tiếp tục tồn tại trên mọi cõi và có biểu lộ tam phân :

Thứ nhất: Sự phân biệt giữa Ngã thức (the I-consciousness) và những gì được nhận thức trong thế giới bên ngoài. Đây là khả năng phân biệt giữa một người với tất

cả các hình tướng khác hiện có. Khả năng đó được phát triển phổ biến và đã đạt đến một trình độ tiến hóa khá cao.

Thứ hai. Sự phân biệt giữa Chân ngã với Phàm ngã. Điều này thu hẹp khái niệm xuống đến lãnh vực tâm thức riêng của một người, và giúp y phân biệt giữa bản ngã chủ quan hay linh hồn (subjective self or soul) của y với các thể vốn đang cất giữ linh hồn đó. Điều này không được phát triển phổ biến chút nào. Cho đến nay, hầu hết con người không phân biệt một cách chính xác giữa họ, với cương vị là Chủ Thể Suy Tưởng, tồn tại trong thời gian và không gian, với hiện thể mà nhờ đó họ suy tưởng, vốn có tính cách phù du và tạm bợ. Sự nhận thức thực sự về nhị nguyên căn bản này, và việc đánh giá một cách khoa học về điều đó, sẽ được thấy nơi các nhà thần bí, các nhà tư tưởng tiến bộ của nhân loại, những người tìm đạo hữu thức và những kẻ ở gần Cửa Điểm đạo.

Thứ ba. Sự phân biệt giữa linh hồn với Tinh Thần, hay là sự nhận thức của con người rằng không những y có thể nói "Tôi hiện hữu" ("I am"); không những y có thể nhận thức rằng "Tôi là Chân Ngã" ("I am That"); mà y có thể tiến đến một nhận thức xa hơn nữa, và nói "Tôi là Chân Thần" ("I am That I am").

Trong mọi sự khai triển và đánh giá này, quan năng phân biệt của manas được vận dụng đến.... [12]

Đại khái (liên quan tới con người) có thể nói rằng :

"Tôi hiện hữu" ("I am") liên quan tới *phàm ngã* thức trên ba cõi thấp, hay tới tất cả những gì được xem như thấp hơn thể nguyên nhân. Nó liên quan đến sự nhận thức của một người về vị trí của y trên một *bầu hành tinh* trong một dãy hành tinh.

“*Tôi là Chân Ngã*” (“*I am That*”) liên quan với *chân ngã* thức, và với các cõi của Tam Thượng Thế. Nó liên quan với sự nhận thức của một người về vị trí của y trong *dây hành tinh*, và mối liên hệ của y đối với nhóm mà y hợp thành một phần.

“*Tôi là Chân Thần*” (“*I am That I am*”) liên quan đến *chân thần* thức của một người, và sự liên quan của con người với các cõi ý niệm trừu tượng. Nó liên quan đến sự nhận thức của con người về vị trí của y trong *hành tinh hệ*. (3-418/20)

6. Trong sự phát triển hành tinh chúng ta, trọng điểm của toàn bộ diễn trình tiến hóa được dựa vào Trí Tuệ (Mind) và dựa vào các trạng thái khác nhau của trí – sự thông tuệ, nhận thức trí tuệ, Con của Trí Tuệ, hạ trí, trí trừu tượng, trí với cương vị ý chí, Toàn Linh Trí. Ba điểm rất quan trọng và hợp thành một tam giác huyền nhiệm cần được đưa vào một liên hệ hỗ tương thiết yếu là Con của Trí Tuệ, trí trừu tượng và Toàn Linh Trí. Khi được liên kết và linh hoạt đầy đủ, chúng trở thành các yếu tố sắp đặt Thiên Ý và đưa Thiên Ý đi xuống nhập vào hình thức mà chúng ta gọi là Kế Hoạch của Thánh Đoàn và có thể tác động vào đó. Chỉ khi nào vị điểm đạo đồ, qua sự giao tiếp với Chân Thần, đạt đến sự liên giao với Toàn Linh Trí, thì Thiên Ý mới được y cảm nhận; điều này cũng bao hàm sự phát triển của trí trừu tượng, cộng với phần còn lại của nhận thức trí tuệ mà Con của Trí Tuệ (tức linh hồn) đã truyền lại cho y. Qua mọi khai mở này, y có thể gia nhập vào nhóm các Đấng Diễn Giải (Formulators) Thiên Cơ. Ở đây chúng ta đang bàn đến các vấn đề phức tạp và khó khăn nhất vốn có trong tâm thức điểm đạo đồ và cho đến nay chúng ta không có thuật ngữ chính xác nào dành cho nó.

Cũng thế, người tìm đạo bậc trung không có ý tưởng nào về bản chất của ý thức là gì hoặc là các phản ứng để tiếp xúc của các Nhân Vật đã vượt qua cuộc điểm đạo 3; các giới hạn này của đạo sinh bậc trung phải luôn luôn cần ghi nhớ..... Ánh sáng và câu chuyện phiếm của một số văn sĩ và nhà tư tưởng liên quan đến tâm thức vũ trụ, và cách dùng không nghiêm túc của những người này với các câu như là “điều hợp với Cái Vô Biên”, hay là “vận dụng Thiên Trí”, chỉ dùng để chỉ rất ít những gì được biết trong thực tế về các đáp ứng và các phản ứng của những vị thuộc đẳng cấp điểm đạo cao hay là những Đấng ở trên các phân cảnh cao nhất đối với sinh hoạt của Thánh Đoàn. (11-71/2)

7. Trong triết học nội môn, chúng ta được dạy ... rằng trên cõi trí có ba trạng thái trí tuệ hay ba trạng thái của sinh vật có trí tuệ mà chúng ta gọi là con người. Cả ba trạng thái này tạo thành phần quan trọng nhất của bản chất con người: [13]

1. Hạ trí cụ thể của con người, nguyên khí suy luận. Chính khía cạnh này của con người mà các tiến trình giáo dục của chúng ta tuyên bố bàn đến.

2. Con của Trí Tuệ, mà chúng ta gọi là Chân Ngã hay Linh hồn. Đây là nguyên khí thông tuệ và được gọi bằng nhiều tên trong văn liệu nội môn, như Thái Dương Thiên Thần, Agnishvattas, nguyên khí Christ v.v... Tôn giáo trong quá khứ đã công khai bàn đến điều này.

3. Thượng trí trừu tượng, tác nhân bảo quản ý tưởng, và những gì là tác nhân truyền chuyển sự giác ngộ đến cho hạ trí, một khi hạ trí đồng cảm với linh hồn. Triết học đã bàn đến thế giới ý tưởng này.

Chúng ta có thể gọi ba trạng thái này là:

Thể trí dễ lĩnh hội, thể trí mà các nhà tâm lý học có bàn đến.

Thể trí đã biệt lập ngã tính, Con của Trí Tuệ.

Thể trí giác ngộ, thượng trí.

... Lỗ hổng giữa hạ trí và linh hồn đã được bắc cầu, và khá kỳ lạ là nhân loại đã luôn luôn nhận thức điều này, và do đó, đã nói dưới dạng “đạt đến sự thống nhất” hay “thực hiện sự nhất quán”, hay “thành tựu sự chinh phục”. Tất cả các thuật ngữ này là các nỗ lực để diễn đạt chân lý được nhận thức bằng trực giác này. (12-4/5)

8. Khi nào phương pháp luyện tập đúng đắn được thiết lập, thể trí sẽ được phát triển thành một dụng cụ phản xạ hay tác nhân của linh hồn, và nhạy cảm với thế giới của các giá trị đích thực, đến nỗi bản chất thấp – tình cảm, trí tuệ và thể chất hay sinh lực – sẽ trở thành chỉ còn là kẻ phụng sự tự động của linh hồn. Bây giờ linh hồn sẽ hoạt động trên cõi trần qua trung gian thể trí, nhờ đó mà kiềm chế vận cụ của mình, là hạ trí. Tuy nhiên, đồng thời thể trí vẫn sẽ là tác nhân ghi chép và phản chiếu mọi thông tin đến với nó từ thế giới giác quan, từ thể tình cảm, và cũng sẽ ghi nhận các tư tưởng và các ý tưởng hiện thời trong môi trường chung quanh nó. Hiện nay, than ôi, điều đó lại đúng. Thể trí lão luyện được xem như là sự biểu lộ cao nhất mà nhân loại có thể có, nó hoàn toàn được xem như là phạm ngã, và triển vọng của việc có một điều gì đó có thể sử dụng thể trí, cũng như đến phiên nó, thể trí dùng bộ óc xác thịt, lại bị bỏ qua. (12-17)

9. *Thượng trí*: Nói thực tế, ngoại trừ nơi các linh hồn tiến hóa cao và hiếm có, còn thì thượng trí không biểu lộ nơi trẻ con nhiều hơn chút nào như nó đã biểu lộ trong nhân loại còn

ấu trĩ. Nó chỉ có thể thật sự làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận khi linh hồn, thể trí và não bộ được chỉnh hợp và được phối kết. Các chớp lóe của nhận thức sâu sắc và linh thị, khi được nhìn thấy nơi thanh niên, thường là phản ứng của [14] bộ máy rất nhạy cảm của họ đối với các ý tưởng tập thể và các tư tưởng chủ đạo của thời đại và kỷ nguyên của họ, hoặc là của một người nào đó ở môi trường xung quanh họ. (12-13)

10. Vị đệ tử hãy học cách kiểm soát và sử dụng thể trí một cách hữu thức; vị đệ tử hãy tập luyện thể trí của y để tiếp nhận các truyền thông từ ba nguồn:

1. Ba cõi thấp của đời sống bình thường, như vậy cho phép thể trí hành động như là “luơng tri”.

2. Linh hồn, và như vậy một cách hữu thức trở nên đệ tử, là đệ tử trong Huyền Viện, được giác ngộ nhờ minh triết của linh hồn, và dần dần thay thế sự hiểu biết đã có trong ba cõi thấp. Khi áp dụng đúng, sự hiểu biết đó sẽ trở thành minh triết.

3. Tam Thượng Thể Tinh thần, hành động như là trung gian giữa Chân Thần với bộ óc của phàm ngã. Sau rốt điều này có thể xảy ra, bởi vì linh hồn và phàm ngã được phối hợp và pha trộn thành một đơn vị hoạt động, điều này lại thay thế những gì mà chúng ta có ý nói đến khi chúng ta dùng thuật ngữ sai lầm là “linh hồn”. Khi đó nhị nguyên chiếm chỗ của bộ ba lúc đầu. (18-432/3)

12. NĂM GIÁC QUAN VÀ CHÂN NGÃ

1. Các giác quan là gì? Có bao nhiêu giác quan? Sự liên quan của chúng với Con Người nội tâm, tức Chủ Thể Tư

Tương, tức Trí Tinh Quân (Manasaputra) thiêng liêng là gì? Đây là các câu hỏi có tầm quan trọng rất thiết yếu, và trong việc hiểu đúng về chúng đưa đến khả năng đi theo con đường tri thức một cách khôn ngoan.

Các giác quan có thể được định nghĩa như là các cơ quan mà nhờ đó con người trở nên ý thức được vạn vật chung quanh mình. Có lẽ chúng ta nên diễn tả chúng không phải như là các cơ quan mà là các phương tiện (vì xét cho cùng, một cơ quan là một hình thái vật chất, tồn tại vì một mục đích nào đó), nhờ đó Chủ Thể Suy Tư (tức Linh Hồn – ND) tiếp xúc được với môi trường quanh mình. Chúng là các phương tiện mà nhờ đó con người tiến hành học hỏi trên cõi vật chất thô trược, chẳng hạn; chúng là phương tiện mà nhờ đó con người mua lấy kinh nghiệm của mình, nhờ đó mà y khám phá ra những gì mà y muốn biết, nhờ đó mà y trở nên có ý thức, và nhờ đó mà y mở rộng tâm thức của y. Chúng ta đang đề cập ở đây về năm giác quan mà con người dùng. Nơi con vật, năm giác quan này cũng có, nhưng, vì khả năng suy tư có tính tương quan bị thiếu, vì “mối liên hệ giữa” ngã với phi ngã chỉ phát triển ít, [15] nên chúng ta sẽ không quan tâm đến chúng vào lúc này... Còn các giác quan trong con người là tài sản cá nhân của y và thể hiện :

- a. Như là sự nhận thức riêng biệt của ngã thức.
- b. Như là năng lực khẳng định tính cách cá nhân.
- c. Như là một phương tiện quan trọng đối với sự tiến hoá ngã thức.
- d. Như là một cội nguồn của tri thức.
- e. Như là năng lực chuyển hoá hướng về việc kết thúc sự sống trong ba cõi thấp.

Như chúng ta biết, có năm giác quan và theo thứ tự phát triển như sau :

- a. Thính giác
- b. Xúc giác
- c. Thị giác
- d. Vị giác
- e. Khứu giác (3–186)

2. Nhưng vào đúng lúc, và trong ba cõi thấp, mỗi giác quan trên mỗi cõi được dùng để truyền đạt cho Chủ Thể Suy Tư một trạng thái nào đó của phi ngã, và nhờ sự trợ giúp của trí tuệ, khi đó Chủ Thể Suy Tư có thể điều chỉnh mối quan hệ của mình thêm vào đó.

Thính giác cung cấp cho y một ý tưởng về phương hướng tương đối, và cho phép một người xác định vị trí của mình trong cơ tiến hoá và tự đặt mình vào đó.

Xúc giác cung cấp cho y một ý tưởng về số lượng tương đối và cho phép y xác định giá trị tương đối của y đối với các cơ thể khác ở ngoài y.

Thị giác cung cấp cho y ý tưởng về sự cân xứng, và cho phép y hiệu chỉnh động tác của y đối với động tác của những người khác.

Vị giác cung cấp cho y ý tưởng về giá trị, và cho phép y xác định những gì đối với y có vẻ tốt nhất.

Khứu giác cung cấp cho y ý tưởng về tính chất bẩm sinh, và cho phép y tìm thấy những gì hấp dẫn y vì có cùng tính chất hoặc bản thể như y.

Trong tất cả các định nghĩa này, cần phải ghi nhớ rằng *toàn bộ đời tượng của giác quan là để tiết lộ phi ngã, và do đó cho phép Bản Ngã phân biệt giữa chân và giả.*

Trong sự tiến hoá của các giác quan, thính giác là thứ mờ hồ nhất, nó kêu gọi sự chú ý của bản ngã mù quáng bề ngoài.

- a. Tới một sự rung động khác.
- b. Tới cái gì đó phát xuất từ bên ngoài nó.

c. Tới ý niệm về trạng thái bên ngoài (externality). Khi âm thanh lần đầu tiên được tiếp xúc, tâm thức lần đầu tiên bắt đầu ý thức về những gì bên ngoài.

Nhưng tất cả những gì mà tâm thức yên ngủ (dormant consciousness) hiểu được (nhờ [16] giác quan duy nhất là thính giác) là sự thật về một điều gì đó bên ngoài nó, và về chiều hướng mà điều đó đi theo. Theo thời gian, sự hiểu biết này làm nảy sinh ra một giác quan khác, đó là xúc giác. Định luật Thu Hút tác động, tâm thức di chuyển một cách chậm chạp ra ngoài hướng về những gì được nghe; và khi sự tiếp xúc được thực hiện với phi ngã, nó được gọi là xúc giác. Xúc giác này truyền đạt các ý tưởng khác đến cho tâm thức đang dò dẫm, các ý tưởng về kích thước, về cấu trúc bên ngoài, và về các sự dị biệt mặt ngoài; như thế quan niệm của Chủ Thể Suy Tưởng được nói rộng dần dần. Y có thể nghe và cảm nhận, nhưng cho đến nay y không biết đầy đủ về các mối tương quan cũng như về danh tính. Khi y thành công trong việc đặt tên, y đã tiến được một bước dài. Do đó, ở đây chúng ta có thể lưu ý rằng các biểu tượng vũ trụ sớm nhất có thể áp dụng cho các giác quan cũng như ở nơi khác:

Điểm trong vòng tròn – tâm thức và phi ngã ở một giai đoạn mà chỉ mới một mình âm thanh biểu hiện.

Vòng tròn phân đôi – tâm thức biết được phi ngã nhờ một nhận thức kép.

Thị giác tiếp theo sau giác quan này, là giác quan thứ ba, và là giác quan đánh dấu rõ rệt sự tương quan của các ý tưởng, hay là mối quan hệ giữa; nó xảy ra song song với sự xuất hiện của Trí Tuệ, cả về thời gian và hoạt động. Chúng ta có thính giác, xúc giác hay cảm giác, và rồi đến thị giác. Liên quan với sự tương ứng đó, cần lưu ý rằng thị giác đến cùng với căn chủng thứ ba trong cuộc tuần hoàn này, và giống dân

thứ 3 cũng đã chứng kiến sự nhập cuộc của Trí Năng. Bản Ngã và phi ngã được tương quan trực tiếp và được phối hợp tốt. Sự cộng tác chặt chẽ của chúng trở thành một sự kiện hoàn hảo và sự tiến hoá được đẩy nhanh tới trước với sức thúc đẩy được đổi mới.

Ba giác quan chính này (nếu tôi có thể mô tả chúng như thế) được liên kết rất rõ ràng, mỗi giác quan với một trong Ba Ngôi Thượng Đế:

Thính giác – Sự nhận thức về linh từ tứ phân, sự hoạt động của vật chất, Thượng Đế Ngôi Ba.

Xúc giác – Sự nhận thức về Đấng Kiến Tạo Hình Tượng thất phân, sự tập hợp các hình tượng lại với nhau, sự xấp xỉ và quan hệ hỗ tương của chúng, Thượng Đế Ngôi Hai. Định luật Thu Hút giữa Ngã với phi ngã bắt đầu hoạt động.

Thị giác – Sự nhận thức về tổng thể, sự tổng hợp của vạn vật, sự nhận thức về Đấng Nhất Như (the One) trong Số Đông (Many), Thượng Đế Ngôi Một. Định Luật Tổng Hợp, hoạt động giữa mọi hình tượng mà bản ngã đang chiếm ngụ, và sự nhận ra nhất nguyên cơ bản của mọi sự biểu lộ nhờ vào thị giác.

Về phần *vị giác* và *khứu giác*, chúng ta có thể gọi chúng là các giác quan thứ yếu, vì chúng được liên kết mật thiết với xúc giác quan trọng. Thực tế chúng phụ thuộc vào giác quan này. (3-193/6)

3. Trong tất cả các tính chất hoàn hảo này (của giác quan cho thấy sự hiểu biết của Chân Ngã và tiến trình được sắp xếp theo mức độ tăng dần của việc nhận dạng, sử dụng, vận dụng, và sau cùng chối bỏ phi ngã do bởi Chân Ngã bây giờ đã nhận biết một cách hữu thức.

Y nghe thấy âm điệu (note) của thiên nhiên và âm điệu

của Chân Thần của y; y nhận thức sự đồng nhất của chúng, sử dụng sự rung động của chúng, và nhanh chóng vượt qua ba giai đoạn Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn và Đấng Hủy Diệt. (3–200)

4. Toàn bộ mục đích của các giác quan là tiết lộ phi ngã và do đó, cho phép Chân Ngã phân biệt giữa chân và giả. (15–562) [17]

13. LINH HỒN VŨ TRỤ (THE ANIMA MUNDI)

1. Trong vũ trụ biểu lộ của chúng ta, đang tồn tại sự biểu hiện của một Năng Lượng (Energy) hay Sự Sống (Life), vốn là nguyên nhân chịu trách nhiệm về các hình thức (forms) khác nhau và hệ cấp (hierarchy) rộng lớn các sinh linh hữu tình (sentient beings) vốn hợp thành tổng thể của tất cả những gì hiện tồn. Đây là cái được gọi là thuyết vật-hoạt-luận (hylozoistic theory, thuyết này chủ trương rằng vật chất nào cũng có sự sống. – *Từ Điển Oxford* 1994), mặc dù thuật ngữ đó chỉ làm cho rối trí mà thôi.

Sự Sống vĩ đại này là căn bản của Nhất-Nguyên-Thuyết (Monism – Thuyết này chủ trương vạn vật chỉ có một bản thể, hay do một nguyên tố mà thôi. Thí dụ: Thuyết duy vật là một nhất nguyên thuyết. Trích: *Từ Điển và Danh Từ Triết Học*, 1969, của Tiến Sĩ Triết Học Trần Văn Hiến Minh), và tất cả những người giác ngộ đều là người theo Nhất Nguyên Thuyết (Monists). “Thượng Đế là Đấng Duy Nhất” (“God is One”) là lời phát biểu về chân lý. Một sự sống thấm nhuần mọi hình hài và các hình hài này là các biểu lộ, trong thời gian và không gian, của năng lượng vũ trụ trung ương. Sự sống đang biểu lộ tạo ra sự hiện tồn (existence) và bản thể (being). Vì vậy, đó là nguyên nhân gốc của nhị-nguyên-tính

(duality). Nhị-nguyên-tính này, vốn được nhìn thấy khi tính-khách-quan hiện hữu, và biến mất khi khía cạnh hình tướng tan biến, được bao hàm bởi nhiều tên gọi, mà để cho sáng tỏ, các tên gọi thông dụng nhất có thể được liệt kê ở đây:

<i>Tinh Thân (Spirit)</i>	<i>Vật chất (Matter)</i>
Sự Sống (Life)	Sắc tướng (Form)
Cha	Mẹ
Dương/Tích cực	Âm/Tiêu cực
Bóng tối	Ánh sáng

Các đạo sinh phải có sự đồng nhất căn bản (essential unity) này một cách rõ ràng trong trí ngay cả khi họ nói (như chúng cần phải có) theo thuật ngữ hữu hạn về nhị-nguyên-tính đó, nó vốn hiển hiện ở khắp nơi, theo chu kỳ....

Sự Sống duy nhất, biểu lộ qua vật chất, tạo ra yếu tố thứ ba, đó là tâm thức. Tâm thức này, nguyên là kết quả của sự hợp nhất của hai cực tinh thần và vật chất, là linh hồn của vạn vật; nó thấm nhuần mọi chất liệu hay là năng-lượng khách-quan; nó nằm dưới mọi hình hài, dù cho đó là hình hài của loại đơn vị năng lượng mà chúng ta gọi là một nguyên tử, hay là hình hài của con người, một hành tinh, hoặc là một thái-dương-hệ. (4-8)

2. Linh hồn của vật chất (soul of matter) hay anima mundi, là yếu tố có tri giác (sentient factor) trong chính thực chất (substance). Đó là sự đáp ứng của vật chất (matter) qua khắp vũ trụ và khả năng bẩm sinh đó trong mọi hình tướng, từ nguyên tử của nhà vật lý học, đến thái-dương-hệ của nhà thiên văn học, vốn tạo ra hoạt động thông minh không thể chối cãi mà vạn vật đang chứng tỏ. Nó có thể được gọi là năng lượng thu hút, sự cố kết, khả năng tri giác (sentientcy), tính sinh động (aliveness), sự hiểu biết hay là ý thức

(awareness or consciousness), nhưng có lẽ thuật ngữ rõ ràng nhất là linh hồn là *tính chất* (*quality*) mà mọi hình tướng biểu lộ. Đó là một điều gì đó tinh tế để phân biệt một yếu tố này với yếu tố khác, một khoáng chất này với khoáng chất khác. Đó là bản chất căn bản vô hình của hình tướng mà trong giới thực vật, nó xác định đó là một hoa hồng hoặc một [18] bông cải, một cây du (elm) hay là xà lách xon (water cress) sẽ xuất hiện; đó là một loại năng lượng giúp phân biệt các chủng loại khác nhau của giới động vật, và làm cho một người khác với một người khác ở dáng vẻ (appearance), bản chất (nature) và đặc tính (character) của y.... Vấn đề của chính sự sống hãy còn vượt quá sự hiểu biết của người thông thái nhất, và cho đến khi sự hiểu biết về “mạng lưới sự sống” hoặc là về thể sinh lực, vốn nằm dưới mọi hình tướng, và liên kết mỗi phần của một hình tướng với mỗi phần khác, được nhận ra và được biết là một sự thực trong thiên nhiên, thì khi ấy vấn đề sẽ được giải quyết. (4-33/4)

3. Anima mundi (Linh Hồn thế giới) là những gì nằm đằng sau lưới sự sống. Lưới sự sống chỉ là biểu tượng vật chất của linh hồn đại đồng (universal soul) đó; đó là dấu hiệu bên ngoài và hữu hình của thực tại bên trong, sự cụ thể hóa của thực thể đáp ứng nhạy bén đang liên kết tinh thần và vật chất lại với nhau. Chúng ta gọi thực thể này là Linh Hồn Đại Đồng (Universal Soul), tức nguyên khí trung gian theo quan điểm của sự sống hành tinh. Khi chúng ta thu hẹp ý niệm xuống đến gia đình nhân loại, và xem xét con người cá biệt, chúng ta gọi nó là nguyên khí trung gian, vì linh hồn của nhân loại không chỉ là một thực thể liên kết tinh thần với vật chất, và làm trung gian (mediate) giữa Chân Thần với phạm ngã, mà linh hồn nhân loại còn có một chức năng độc đáo là

thực hiện vai trò trung gian giữa ba giới cao trong thiên nhiên với ba giới thấp. (4-47)

4. Như mọi người nên lập luận, từ cái phổ quát đến cái đặc thù, điều thiết yếu là nhân loại liên kết bộ máy riêng của nó với bộ máy to lớn hơn (toàn thể sự sống hành tinh của chúng ta) và xem xét những gì được gọi là “linh hồn riêng biệt của một người” như là phần vô cùng bé nhỏ của linh hồn thế giới. Con người cũng cần liên kết linh hồn của y với phạm ngã của y, xem cả hai như là các khía cạnh và những phần không thể tách rời của gia đình nhân loại. Trường hợp này ngày càng nhiều thêm. Tiến trình này đang bắt đầu thể hiện trong tâm thức ngày càng mở rộng của nhóm, quốc gia và chủng tộc mà nhân loại ngày nay đang chứng tỏ. (9-95)

5. Tất nhiên nói bằng các biểu tượng, thì chúng ta hãy xem xét Linh Hồn vũ trụ, hoặc tâm thức của Thượng Đế, Đấng đã sáng tạo vũ trụ của chúng ta. Chúng ta hãy xem Thượng Đế như đang thấm nhuần hình hài của thái dương hệ của Ngài bằng sự sống, và như đang ý thức về công việc của Ngài, về dự tính của Ngài và mục tiêu của Ngài. Thái dương hệ này là một sắc tướng, nhưng Thượng Đế vẫn siêu việt (transcendent). Thượng Đế nội tại bên trong mọi hình hài, nhưng vẫn riêng biệt và tách rời. Giống như một con người suy tư sáng suốt đang hoạt động qua cơ thể của y nhưng chủ yếu an trú trong ý thức trí tuệ của y, hoặc trong các tiến trình tình cảm của y, cũng thế Thượng Đế an trú riêng biệt trong bản chất trí tuệ của Ngài; thế giới mà Ngài đã tạo ra và thấm nhuần sự sống của Ngài tiến tới về phía mục tiêu mà vì đó Ngài đã tạo ra nó. Tuy nhiên, bên trong phạm vi hình tướng đang xuất hiện của Ngài, [19] các hoạt động vĩ đại hơn đang tiến tới, các trạng thái tâm thức và các giai đoạn

nhận thức khác nhau sẽ được nhìn thấy; các mức độ phát triển của khả năng tri giác xuất hiện, và ngay cả trong biểu tượng học về hình dạng con người, chúng ta cũng có các trạng thái tri giác khác nhau như đã được ghi nhận bằng mái tóc, bằng các cơ cấu nội tại trong cơ thể, bằng hệ thần kinh, bằng não, và bằng thực thể mà chúng ta gọi là bản ngã (nó ghi nhận cảm xúc và ý nghĩ). Trong thái dương hệ, Thượng Đế cũng làm như thế, Ngài biểu lộ một sự khác nhau rộng lớn của tâm thức. (14-57/8)

6. Thật khôn ngoan khi nhớ rằng trên cõi hiện tồn của linh hồn, không có sự chia rẽ, không có “linh hồn tôi và linh hồn anh”. Chỉ trong ba cõi thấp của ảo tưởng và ảo ảnh, chúng ta mới suy tưởng dưới dạng linh hồn và thể xác. Đây là một câu nói vô vị huyền bí và nổi tiếng, nhưng việc nhấn mạnh lại cái chân lý nổi tiếng đôi khi sẽ giúp bạn hiểu rõ sự chính xác của nó. (15-116)

7. Trong Thánh Kinh Cơ đốc, chúng ta thấy các lời sau: “Trong Ngài, chúng ta sống, hoạt động, và hiện tồn”. Đây là phát biểu về một định luật căn bản trong thiên nhiên, và là nền tảng được nói lên về mối quan hệ hiện có giữa linh hồn đơn vị đang hoạt động trong xác thân con người, với Thượng Đế. Chừng nào mà người ta hiểu rõ, câu đó cũng xác định mối quan hệ giữa linh hồn với linh hồn. Chúng ta sống trong một đại dương các năng lượng, và tất cả các năng lượng này có liên quan chặt chẽ với nhau, và tạo thành một thể năng lượng tổng hợp duy nhất của hành tinh chúng ta. (15-184)

14. LINH HỒN

1. Ngay từ đầu chúng ta sẽ chấp nhận sự thật về linh hồn. Chúng ta sẽ không xem xét các lý luận ủng hộ hay

chống lại giả thuyết về việc có một linh hồn – phổ quát, thuộc vũ trụ, và thiêng liêng, hay cá nhân và con người. Đối với các mục đích thảo luận của chúng ta, thì linh hồn tồn tại, và thực tại bên trong của nó được giả định như là một nguyên lý cơ bản và đã được chứng minh. Tuy nhiên, những người không thừa nhận giả định này có thể nghiên cứu sách này theo góc độ của một giả thuyết được tạm chấp nhận, và như thế tìm cách thu thập những tương đồng và các chỉ dẫn vốn có thể chứng minh quan điểm. Đối với người tìm đạo, và đối với những người đang tìm cách chứng minh sự tồn tại của linh hồn bởi vì họ tin vào sự tồn tại của nó, sự biểu hiện này của các quy luật và truyền thống của nó, bản chất, nguồn gốc, và các tiềm năng của nó sẽ trở thành một hiện tượng dần dần trở nên sâu sắc và được trải nghiệm. (14–xvii) [20]

2. Tôi sẽ tìm cách để làm cho luận đề về linh hồn này tương đối ngắn. Tôi sẽ tìm cách diễn tả những chân lý trừu tượng này theo một cách mà quảng đại quần chúng, với sự quan tâm sâu sắc của họ vào linh hồn, có thể được hấp dẫn và đạt đến một sự xem xét sâu hơn về những gì mà cho đến nay là một ước đoán còn che đậy. Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ chứng kiến sự kiện linh hồn được chứng minh. Đây là một nỗ lực, được xúc tiến trong những khó khăn của một giai đoạn chuyển tiếp vốn thiếu ngay cả thuật ngữ cần thiết, để giúp vào việc chứng minh đó. (14–xxiv)

3. Cho đến nay, linh hồn vẫn còn là một ẩn số (unknown quantity). Nó không có vị trí thực sự trong các lý thuyết của các nhà sưu khảo về khoa học và học thuật (academic). Nó chưa được chứng minh và được xem như một giả thuyết có thể có, nhưng thiếu sự chứng minh, bởi ngay cả người có trí tuệ cởi mở hơn cả trong số các viện sĩ hàn lâm

(academicians). Nó không được chấp nhận như một sự thực trong ý thức nhân loại. Chỉ có hai nhóm người công nhận nó là một sự thật. Một là những người cả tin, kém phát triển, thật thà như trẻ con, họ viện dẫn dựa vào một thánh kinh trên thế giới, và có khuynh hướng về tôn giáo, chấp nhận các nguyên lý cơ bản (postulates) của tôn giáo – như là linh hồn, Thượng Đế và sự bất tử – mà không thắc mắc. Nhóm kia là nhóm nhỏ nhưng đang tăng lên đều đặn, nhóm của Những Người Hiểu Biết về Thượng Đế, và về thực tại, họ biết linh hồn là một sự thực theo kinh nghiệm riêng của họ, nhưng không thể chứng minh sự tồn tại của nó một cách thỏa đáng cho người nào chỉ thừa nhận những gì mà trí cụ thể có thể hiểu, phân tích, phê phán và thử nghiệm. (4-17)

4. Phía sau hình tướng bên ngoài của một con người, chịu trách nhiệm cho việc tạo ra nó, duy trì nó và sử dụng nó, chúng ta đều biết, là linh hồn. Phía sau của mọi hoạt động để thúc đẩy sự tiến hóa của con người, cũng như đối với các diễn trình tiến hóa khác, là Thánh Đoàn. Cả hai tiêu biểu cho các trung tâm năng lượng; cả hai hoạt động theo Thiên Luật một cách sáng tạo, cả hai tiến lên từ hoạt động chủ quan đến sự biểu lộ khách quan, và cả hai đáp ứng (theo trình tự vĩ đại của các sự sống có phân cấp) với việc truyền sinh khí và kích thích từ các trung tâm năng lượng cao hơn. (4-281)

5. Linh hồn không phải là một hoa sen có 12 cánh (một cách tượng trưng) trôi lơ lửng đây đó trong chất trí, mà thực ra là một xoáy lực hay mười hai năng lượng được giữ chung nhau bằng Ý Chí của thực thể tâm linh (Chân Thần trên cảnh giới riêng của nó). (6-93)

6. “Soul” ... là một từ dùng để diễn tả toàn bộ bản chất tâm thông (psychic nature) – thể sinh-lực, bản chất tình cảm

và chất trí. Nhưng nó cũng còn nhiều hơn thế, một khi đạt đến giai đoạn làm người. Nó tạo thành thực thể tinh thần, một thực thể tâm thông hữu thức, một con của Thượng Đế, sở hữu sự sống, tính chất và sắc tướng – một sự biểu lộ duy nhất trong thời gian và không gian của ba biểu hiện của linh hồn như chúng ta vừa phác thảo chúng:

1. Linh hồn của tất cả các nguyên tử, bao gồm sắc tướng hữu hình. [21]

2. Linh hồn cá nhân hay là tổng thể cố kết tinh tế mà chúng ta gọi là Phạm Ngã, bao gồm các thể tinh anh, là thể dĩ thái hay thể sinh lực, thể cảm dục hay thể tình cảm, và cơ cấu hạ trí. Nhân loại chia sẻ ba hiện thể này – với giới động vật về mặt sự sở hữu của nó về sinh khí, khả năng tri giác và trí tuệ tiềm tàng, – với giới thực vật về sinh khí và khả năng tri giác, – và với giới khoáng vật về sinh khí và khả năng tri giác còn tiềm tàng.

3. Linh hồn cũng là thực thể tinh thần, hay là sự hợp nhất của sự sống và tính chất. Khi có sự hợp nhất của cái được gọi là ba linh hồn này, thì chúng ta có một con người.

Do đó trong con người, bạn có sự pha trộn hoặc dung hợp của sự sống, tính chất và sắc tướng, hay tinh thần, linh hồn và thể xác qua trung gian của một hình tướng hữu hình.

Trong diễn trình phân hóa, các trạng thái khác nhau này đã thu hút được sự chú ý, còn sự tổng hợp cơ bản đã bị bỏ qua hoặc coi nhẹ. Tuy nhiên, mọi hình hài đều là các biến phân của linh hồn, mà linh hồn đó là Linh Hồn duy nhất, khi được quan sát và xem xét về mặt tinh thần. Khi được nghiên cứu từ khía cạnh hình tướng thì không thể thấy gì ngoài sự biến phân và phân chia. Khi được nghiên cứu từ khía cạnh tâm thức hay tri giác thì sự thống nhất xuất hiện. Khi giai đoạn con người được đạt đến, và ngã thức được pha trộn với

khả năng tri giác của các hình hài và với tâm thức nhỏ bé của nguyên tử, thì một ý tưởng nào đó về sự thống nhất chủ quan (bên trong) khả hữu bắt đầu lờ mờ hé lộ trên thể trí của nhà tư tưởng. Khi giai đoạn con đường đệ tử được đạt tới, một người bắt đầu thấy chính mình là một phần hữu cảm thức của một tổng thể hữu cảm thức, và từ từ phản ứng với mục tiêu và ý định của tổng thể đó. Dần dần y hiểu rõ mục đích đó khi y hữu thức chuyển vào nhịp điệu của toàn bộ mà y là một phần trong đó. Khi các giai đoạn tiến bộ hơn và các hình tướng tinh vi và tế nhị hơn có thể có, thì phần tử bị chìm vào trong tổng thể; nhịp điệu của tổng thể bắt cá nhân phụ thuộc vào một sự tham dự giống nhau trong mục đích tổng hợp, nhưng sự nhận thức của ngã thức cá nhân vẫn còn tồn tại và làm phong phú cho sự đóng góp cá nhân, mà bây giờ được đưa ra một cách sáng suốt và tự nguyện, để cho hình hài không chỉ tạo nên một khía cạnh của tổng thể (vốn luôn luôn và chắc chắn xảy ra ngay cả khi không được nhận thức), nhưng thực thể suy tư hữu thức biết *sự thật* về sự hiệp nhất tâm thức và về sự tổng hợp của sự sống. Như thế chúng ta có ba điều cần ghi nhớ khi chúng ta đọc và nghiên cứu:

1. Sự tổng hợp sự sống tinh thần.
2. Sự thống nhất tâm thức linh hồn.
3. Sự tích hợp của các hình tướng thể xác. [22]

Ba khía cạnh này luôn hợp nhất (at-one), nhưng ý thức của con người đã không biết việc đó. Đó là sự nhận thức ba yếu tố này và sự tích hợp của chúng vào kỹ thuật sinh hoạt, mà đối với con người, là mục tiêu của toàn bộ kinh nghiệm tiến hóa của y. (4-55/7)

7. Phạm ngã của con người phản ứng trong ý thức của nó với phạm ngã (form nature) của Thượng Đế. Y phục bên

ngoài của linh hồn (xác thân, sinh lực và tâm linh) là một phần của y phục bên ngoài của Thượng Đế.

Linh hồn hữu ngã thức của con người đồng cảm với linh hồn của vạn vật. Nó là một phần không thể thiếu của Linh Hồn vũ trụ, và vì linh hồn này có thể trở nên biết được mục đích hữu thức của Thượng Đế; có thể hợp tác một cách sáng suốt với ý muốn của Thượng Đế, và như vậy làm việc với Cơ Tiến-Hóa.

Tinh thần của con người là một với sự sống của Thượng Đế và ở bên trong y, ở sâu trong linh hồn của y, vì linh hồn của y ở bên trong thể xác.

Tinh thần này, trong một thời gian xa xôi nào đó, sẽ đưa y đồng cảm với khía cạnh siêu việt đó của Thượng Đế, và do đó mỗi con của Thượng Đế cuối cùng sẽ tìm thấy con đường của y tới trung tâm đó – được triệt thoái và trừu tượng hóa – nơi mà Thượng Đế đang ngự bên ngoài ranh giới của thái dương hệ. (14-58/9)

8. Con người sẽ biết, và biết sớm, rằng linh hồn không phải là một điều hư cấu tưởng tượng, rằng đó không chỉ là một cách tượng trưng để diễn tả một hy vọng thầm kín, và không phải là một phương pháp của con người để xây dựng một cơ chế phòng vệ; cũng không phải là cách viển vông để thoát khỏi một hiện tại đau buồn. Họ sẽ biết rằng linh hồn là một Bản Thể (Being), một Bản Thể có trách nhiệm đối với tất cả những gì xuất hiện trên cõi hiện tượng. (14-109)

a) Một Số Từ Đồng Nghĩa Với “Linh Hồn”

1. Các thuật ngữ Phàm ngã (Lower self), Thượng ngã (Higher Self), Linh Ngã (Divine Self) thường bị lẫn lộn cho đến khi đạo sinh hiểu rõ các đồng nghĩa khác nhau liên quan

đến chúng. Bảng sau đây có thể là hữu ích :

Cha	Con	Mẹ
Tinh thần	Linh hồn	Xác thân
Sự Sống	Tâm thức	Sắc tướng
Chân Thần.....	Chân ngã	Phàm ngã
Linh ngã.....	Thượng ngã.....	Bản ngã thấp
Tinh thần	Biệt ngã (Individuality)....	Bản ngã cá nhân
Điểm (The Point)..	Tam nguyên (Triad).....	Tứ nguyên (Quaternary)
Chân thần.....	Thái Dương Thiên Thần...	Nguyệt Tinh Quân (3-48/9) [23]

2. (Sau đây là một số đồng nghĩa được dùng cho “Linh hồn”. Các đồng nghĩa này đã đưa ra một số chỉ dẫn về một số đặc tính và tính chất của Linh hồn):

Linh hồn; Chân Ngã; Bản Ngã; Bản Ngã Duy Nhất (One Self); Thượng Ngã; Bản Ngã Tinh thần; Cái Duy Nhất (the One); Vị Cai Quản Bên Trong (Inner Ruler); Thượng Đế Nội Tại (the God Within); Thực Tại Bên Trong; Vị Cai Quản Thiêng liêng Bên Trong; Mặt Trời Tinh thần Bên Trong; Nội Chủ Thể Thiêng liêng; Chân Sư trong Tâm (Master Within the Heart); Ngọn Lửa Nội Tại; Thượng Đế Nội Tâm (Inner God); Christ Nội Tâm; Nguyên Khí Christ; Ngã Tính; Thực Tại Thiêng liêng; Chân Nhân; Chủ Thể Tư Tưởng; Chủ Thể Tư Tưởng Tâm linh; Thái Dương Thiên Thần; Thiên Thần; Thiên Thần của Bản lai Diện Mục (Angel of the Presence); Bảo Ngọc; Con của Từ Phụ; Ngọn Lửa Tinh thần; Linh Điểm Phát triển; Hóa Thân (Agnishvattas); Con của Trí Tuệ; Nguyên Khí Trung Gian; Tam Giác Thể; Vị Giám Sát; Sự Hợp Nhất Bàn Quan; Vị Quan Sát; Kẻ Bàn Quan; Kẻ Nhận Thức Thiêng liêng; Kẻ Thu Nhận; Kẻ Xem Xét; Kẻ Diễn Dịch.

b) Sự Nhận Thức Linh hồn

Bước đầu tiên hướng tới chứng minh sự thật về linh hồn là thiết lập sự thật về sự tồn tại, dù điều này không nhất thiết có thể chứng minh sự thật về tính bất tử. Tuy nhiên, nó có thể được xem như một bước đi đúng hướng. Điều mà một cái gì đó sống qua được tiến trình của sự chết, và điều mà một cái gì đó vẫn còn sau sự tan rã của xác thân, đang ngày càng được chứng minh. Nếu điều đó không phải như thế, thì bấy giờ chúng ta là các nạn nhân của một ảo giác tập thể, còn não bộ và tâm trí của hàng ngàn người là không thật và lừa dối, bị bệnh hoạn và bị biến dạng. Sự điên rồ tập thể khổng lồ như thế thì khó tin hơn là khả năng về một tâm thức được mở rộng. Tuy nhiên, sự phát triển theo các đường lối tâm linh này không chứng minh được sự thật về linh hồn; nó chỉ dùng để làm sụp đổ luận điểm duy vật mà thôi.

Chính trong số các nhà tư tưởng của nhân loại mà sự công nhận có bảo đảm đầu tiên về linh hồn sẽ xảy đến, và sự kiện này sẽ là kết quả của việc nghiên cứu và phân tích, bởi các nhà tâm lý học trên thế giới, về bản chất của siêu tài (genius) và các ý nghĩa của công việc sáng tạo. (14–98/9)

2. Khoa học.. không dành chỗ cho điện lực của linh hồn, vốn có uy lực đang tăng lên đều đặn. Một vài nhà khoa học trong số người tiến hóa nhất đang bắt đầu làm điều này. Bước kế tiếp trước mắt cho khoa học là “sự khám phá” ra linh hồn, một sự khám phá sẽ cách mạng hóa, mặc dù không phủ nhận, đa số lý thuyết của họ. (17–368) [24]

c) Định Nghĩa Về Linh Hồn

1. 1. Linh hồn, của đại thiên địa và tiểu thiên địa, của vũ trụ và con người, là thực thể được tạo ra khi trạng thái tinh

thần và trạng thái vật chất được liên kết với nhau.

a/ Do đó linh hồn không phải là tinh thần, cũng không phải là vật chất mà là mối quan hệ (relation) giữa cả hai.

b/ Linh hồn là chủ thể trung gian (mediator) giữa nhị nguyên tính này; nó là nguyên khí giữa, khoen nối giữa Thượng Đế với sắc tướng của Ngài.

c/ Do đó, linh hồn là một tên gọi khác để chỉ nguyên khí Christ, dù là trong thiên nhiên hoặc trong con người.

2. Linh hồn là lực hút của vũ trụ được sáng tạo và (khi hoạt động) giữ cho mọi hình thể (forms) kết lại nhau để cho sự sống của Thượng Đế có thể biểu lộ hay tự biểu hiện qua các hình thể đó.

a/ Do đó, linh hồn là trạng thái kiến tạo hình hài, và là yếu tố thu hút trong mọi hình hài trong vũ trụ, trong hành tinh, trong các giới của thiên nhiên và trong con người (con người tổng kết trong chính mình mọi trạng thái) linh hồn tạo ra hình hài, nó giúp cho hình hài phát triển và tăng trưởng để cung cấp nơi trú ngụ thích hợp hơn cho sự sống nội tại, và thúc đẩy mọi tạo vật của Thượng Đế tiến tới theo con đường tiến hóa, qua hết giới này đến giới khác, hướng đến mục tiêu cuối cùng và một thành tựu huy hoàng.

b/ Linh hồn là chính mãnh lực tiến hóa và điều này đã ở trong trí Thánh Paul khi ngài nói đến “Đấng Christ trong bạn, niềm hy vọng vinh quang” (“Christ in you, the hope of glory”).

3. Linh hồn này biểu lộ khác nhau trong các giới khác nhau của thiên nhiên, nhưng chức năng của nó bao giờ cũng như nhau, cho dù chúng ta đang đề cập đến một nguyên tử của vật chất và sức mạnh của nó để gìn giữ sự đồng nhất của nó với hình tướng và xúc tiến hoạt động của nó theo đường lối riêng của nó, hoặc là chúng ta bàn đến một hình hài ở một

trong ba giới của thiên nhiên, được giữ cố kết với nhau, thể hiện các đặc trưng, theo đuổi đời sống theo bản năng riêng của nó, và hoạt động thành một khối hướng đến một điều gì đó cao cả hơn và tốt đẹp hơn.

a/ Do đó, linh hồn là nhân tố mang lại các đặc điểm riêng biệt và các biểu lộ sắc tướng khác nhau.

b/ Linh hồn tác động lên vật chất, thúc đẩy vật chất đảm nhận một số hình thức (shapes), để đáp ứng với một số rung động, và để tạo ra các hình tướng đặc biệt thuộc cõi hiện tượng mà chúng ta nhận biết trong thế giới của cõi hồng trần dưới hình thức [25] khoáng chất, thực vật, động vật và con người, – và đối với điểm đạo đồ thì còn có một số hình thức khác nữa.

4. Các tính chất, các rung động, các màu sắc và các đặc điểm của tất cả các giới trong thiên nhiên là các tính chất của linh hồn, như là các năng lực tiềm tàng trong bất cứ hình hài nào đang tìm cách biểu lộ và chứng tỏ tiềm năng. Trong tổng thể của chúng vào cuối giai đoạn tiến hóa, chúng sẽ tiết lộ những gì là bản chất của sự sống thiêng liêng và của linh hồn thế giới, – linh hồn tối cao đó sẽ tiết lộ đặc tính (character) của Thượng Đế.

a/ Do đó, qua các tính chất và các đặc điểm này, linh hồn biểu lộ như là sự đáp ứng hữu thức đối với vật chất, vì các tính chất được xuất hiện thông qua sự tương tác của các cặp đối ứng, tinh thần và vật chất, và ảnh hưởng của chúng lên nhau. Đây là nền tảng của tâm thức.

b/ Linh hồn là yếu tố hữu thức trong mọi hình hài, cội nguồn của tâm thức mà mọi hình hài biểu lộ và của sự đáp ứng với các điều kiện tập thể chung quanh mà các hình hài trong mọi giới của thiên nhiên thể hiện.

c/ Do đó linh hồn có thể được định nghĩa như là khía

cạnh đây ý nghĩa trong mọi hình hài (được tạo ra qua sự hợp nhất của tinh thần và vật chất), nó cảm nhận, biểu lộ sự hiểu biết, thu hút và xua đuổi, đáp ứng hoặc từ chối đáp ứng, và giữ mọi hình hài trong một tình trạng thường xuyên hoạt động rung động.

d/ Linh hồn là thực thể có tri giác được tạo ra qua sự hợp nhất của Cha-Tinh Thần và Mẹ-Vật Chất. Đó là cái mà trong giới thực vật chẳng hạn, tạo ra sự đáp ứng với tia nắng mặt trời và việc nở ra của chồi búp; đó là cái mà trong giới động vật khiến cho nó thương yêu chủ của nó, đi săn mồi, và tuân theo cuộc sống bản năng của nó; đó là cái mà trong con người, nó làm cho y ý thức về môi trường chung quanh y và nhóm của y, nó khiến cho y sống cuộc đời của y trong ba cõi của sự tiến hóa bình thường của y như kẻ bàng quan, chủ thể nhận thức, diễn viên (actor). Sau rốt chính điều đó khiến cho y phát hiện rằng linh hồn này nơi y vốn có hai phần (dual), phần kia của y đáp ứng với sinh hồn (animal soul), còn phần của y thì nhận ra hồn thiêng (divine soul) của mình. Tuy nhiên, vào lúc này, đa số con người sẽ được nhận thấy là đang hoạt động một cách đầy đủ, không hoàn toàn là sinh hồn, cũng không hoàn toàn là hồn thiêng, mà có thể được xem như nhân hồn (human souls).

... Do đó linh hồn có thể được xem như khả năng tri giác hợp nhất (unified sentiency) và ý thức tương đối của những gì ẩn sau hình hài của một hành tinh và của một thái-dương-hệ. Những cái sau này (hành tinh và thái dương hệ) là toàn bộ của mọi hình hài, hữu cơ hoặc [26] vô cơ (organic or inorganic, có tổ chức hoặc không tổ chức) như người theo thuyết duy vật phân biệt chúng. Mặc dù linh hồn tạo thành một tổng thể lớn, tuy thế nó vẫn bị giới hạn trong sự biểu lộ của nó, bởi bản thể và tính chất của hình tướng mà nó ngự

trong đó, và do đó, có những hình hài có tính đáp ứng cao với linh hồn và biểu hiện cho linh hồn, còn các hình hài khác – do sự trọng trực của chúng và tính chất của các nguyên tử mà chúng được tạo thành từ đó – lại không thể nhận biết các trạng thái cao siêu của linh hồn, hoặc không thể diễn đạt nhiều hơn so với mức rung động thấp của nó, âm điệu hoặc sắc thái của nó. (4–34/9)

2. Linh hồn là gì? Chúng ta có thể định nghĩa linh hồn hay không? Bản chất linh hồn là gì?

Ở đây, tôi sẽ đưa ra bốn định nghĩa, sẽ được dùng như là nền tảng cho tất cả những gì theo sau:

a/ Linh hồn có thể được nói đến như là Con của Cha và của Mẹ (Spirit-Matter), và do đó là sự sống được hiện thân của Thượng Đế, đi vào luân hồi để tiết lộ tính chất của bản thể Thượng Đế là tình thương tinh chất. Sự sống này, khoác lấy sắc tướng, nuôi dưỡng tính chất bác ái bên trong tất cả các hình hài, và cuối cùng tiết lộ mục đích của mọi tạo vật... (14–36)

b/ Linh hồn có thể được coi như là nguyên khí thông tuệ (intelligence) – một trí thông tuệ mà các đặc điểm của nó là thể trí và nhận thức trí tuệ, mà đến lượt nó, thể hiện như là năng lực phân tích (analyse), phân biệt (discriminate), phân chia (separate), phân biệt (distinguish), lựa chọn hoặc bác bỏ, với mọi hàm ý được truyền đạt trong các thuật ngữ này. (14–38)

Tôi tìm nhiều cách khác nhau để truyền đạt qua biểu tượng của từ ngữ về ý nghĩa của linh hồn. Do đó linh hồn là con của Thượng Đế, là sản phẩm của cuộc hôn phối của tinh thần và vật chất. Linh hồn là một biểu hiện của Thiên Trí, vì thể trí (mind) và trí năng (intellect) là những thuật ngữ diễn đạt nguyên lý bác ái sáng suốt của vũ trụ, một tình thương

vốn tạo ra một sắc tướng qua bản chất trí tuệ, và như thế là chủ thể kiến tạo các hình thức hay sắc tướng riêng biệt. Nhờ đặc tính bác ái, linh hồn cũng tạo ra sự hợp nhất của sắc tướng và tính chất, của nhận thức và của hình thức.

3. Linh hồn (và ở đây ngôn từ hạn chế và biến dạng) là một đơn vị ánh sáng, bị nhuộm màu bởi một rung động cung đặc biệt; nó là một trung tâm năng lượng rung động được tìm thấy bên trong sắc tướng (appearance) hay hình thức (form) của toàn bộ sự sống cung của nó. Đó là một trong bảy nhóm của hàng triệu sự sống mà, trong tổng thể của chúng, tạo thành Sự Sống Duy Nhất. Từ chính bản chất của nó, linh hồn ý thức hay hiểu biết theo ba hướng. Đó là có Thượng Đế thức; tập thể thức; ngã thức (self-conscious). Trạng thái ngã thức này được đưa đến kết quả trong sắc tướng cõi hiện tượng [27] của một con người; trạng thái tập thể thức vẫn duy trì trạng thái ý thức con người, nhưng thêm vào đó nhận thức về sự sống cung của nó, dần dần được khai mở; lúc đó nhận thức của linh hồn là nhận thức về tình thương, về tính chất, về tinh thần trong các mối liên hệ của nó, nó chỉ có Thượng Đế thức một cách tiềm tàng, và trong sự khai mở đó, đối với linh hồn, có ẩn sự phát triển riêng của linh hồn, lên trên và ra ngoài sau khi trạng thái ngã-thức của nó được hoàn thiện và tập-thể-thức của nó được nhận biết.... (14-40/1)

4/ Linh hồn là nguyên khí tri giác (sentieny) nằm dưới mọi biểu lộ bên ngoài, thâm nhập khắp mọi hình hài, tạo thành tâm thức của chính Thượng Đế.

Khi linh hồn bị đắm chìm trong vật chất, nó chỉ là khả năng tri giác, và nhờ sự tương tác tiến hóa của nó mà nó tạo ra một sự bổ sung, và chúng ta thấy xuất hiện tính chất và

năng-lực để phản-ứng với rung động và với môi trường. Đây là linh hồn khi nó tự biểu lộ trong mọi giới dưới nhân loại trong thiên nhiên.

Khi linh hồn, một biểu lộ của tri giác và tính chất, đưa thêm vào đó năng lực của ngã thức tách biệt, khi đó xuất hiện loại thực thể tự nhận dạng (self-identified entity) mà chúng ta gọi là một con người.

Khi linh hồn đưa thêm vào tri-thức, tính chất và ngã thức cái ý thức tập thể, lúc đó chúng ta có sự đồng nhất hóa với một nhóm cung, và khi đó xuất hiện đệ tử, điểm đạo đồ và bậc thầy (master).

Khi linh hồn thêm vào tri thức, tính chất, ngã-thức và ý thức tập thể cái ý thức về mục đích tổng hợp thiêng liêng (mà chúng ta gọi là Thiên Cơ), khi đó chúng ta có trạng thái hiện tồn và tri thức vốn đặc biệt với (distinctive of) mọi người trên Con Đường Điểm Đạo, và bao gồm những Sự Sống có đẳng cấp, từ đệ tử cao cấp lên đến chính Hành Tinh Thượng Đế.

Nhưng đừng quên rằng khi chúng ta đưa ra các phân biệt này, dù sao đó vẫn là Linh Hồn duy nhất đang hoạt động, tác động qua các hiện thể có các khả năng khác nhau, có các tinh tế khác nhau, và có các hạn chế lớn và nhỏ, chỉ trong ý nghĩa tương tự như một người có một cá tính duy nhất, đôi khi làm việc qua một thể vật chất và đôi khi qua một thể cảm giác hoặc một thể trí, và đôi khi tự biết y là Chân Ngã (Self) – một sự kiện hiếm hoi và bất thường đối với đa số con người. (14-53/4)

d) Christ Nội Tâm

1. Khi nhân loại được đảm bảo về tính thiêng liêng và tính bất tử, và đã bắt đầu một trạng thái hiểu biết về bản chất của linh hồn và của giới mà trong đó linh hồn hoạt động, thì

thái độ của nó đối với sự sống hằng ngày và đối với các sự việc đang xảy ra sẽ trải qua một sự biến đổi đến nỗi chúng ta quả thực sẽ thật sự thấy sự xuất hiện của một bầu trời mới và một quả đất mới. Một khi [28] mà thực thể trung tâm bên trong mỗi hình hài con người được nhận thức và được biết cơ bản nó là vì điều gì, và một khi sự tồn tại thiêng liêng của nó được thiết lập, bấy giờ tất nhiên chúng ta sẽ thấy sự bắt đầu của triều đại của định luật thiêng liêng trên địa cầu – một định luật được áp đặt mà không có sự va chạm và chống đối. Phản ứng hữu ích này sẽ xảy đến vì các nhà tư tưởng của nhân loại sẽ được phối hợp cùng nhau trong một nhận thức chung về linh hồn, và một ý thức tập thể tiếp theo sau sẽ cho phép họ thấy được mục tiêu nằm bên dưới việc vận hành của thiên luật.

Chúng ta hãy diễn tả điều này đơn giản hơn một chút. Trong Tân Ước (New Testament) chúng ta được dạy rằng chúng ta phải nỗ lực để cho thể trí vốn đã ở trong Đức Christ cũng được biểu lộ nơi chúng ta. Chúng ta đang hoạt động hướng về sự hoàn thiện quy luật Christ trên cõi trần; chúng ta đang nhắm tới việc phát triển tâm thức Christ, và nhắm vào việc đưa vào quy luật hay luật lệ Christ, vốn là Bác Ái (Love). Điều này sẽ đưa đến kết quả trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, và chúng ta sẽ chứng kiến tình huynh đệ được thiết lập trên địa cầu. Quy luật Christ thống trị trong số các định luật tâm linh cơ bản. Thể trí Christ là một cách nói (phrase) gọi ra ý niệm về quy luật về lòng bác ái sáng suốt thiêng liêng, nó kích thích quy luật của linh hồn bên trong mọi hình hài, và đưa tới việc ngự trị của Tinh Thần. Không dễ gì diễn tả bản chất của sự thiên khai đang xảy ra. Nó bao hàm sự nhận thức của con người ở mọi nơi rằng “chất trí” (“mind stuff”) như người Ấn Giáo (Hindus) gọi, mà trí tuệ của họ có liên quan, và các thể

trí của họ là một phần không thể thiếu của nó, cũng là một phần của thể trí Christ, là Christ vũ trụ, mà Đức Christ lịch sử – trên hành tinh chúng ta – là Đấng đại diện được phong chức. Khi nhờ tham thiền và phụng sự tập thể, con người đã phát triển được một ý thức về thể trí được kiểm soát và được giác ngộ của chính họ, họ sẽ thấy chính họ được kết nạp vào một tâm thức hiện tồn thật sự, và vào một trạng thái hiểu biết vốn sẽ chứng tỏ cho họ sự thật về linh hồn, vượt khỏi mọi ngờ vực hay nghi vấn.

Bí Pháp của các Thời Đại sắp tiết lộ, và nhờ sự tiết lộ về linh hồn mà bí mật mà nó che giấu sẽ được tiết lộ. Các Thánh kinh của thế giới, như chúng ta biết, đã từng tiên đoán rằng vào cuối kỷ nguyên này chúng ta sẽ thấy sự thiên khai của những gì còn bí mật, và sự xuất hiện vào ánh sáng thanh thiên bạch nhật của những gì từ trước đến giờ đã bị giấu diếm và che đậy. Chu kỳ hiện tại của chúng ta là sự kết thúc của kỷ nguyên, và hai trăm năm tới đây sẽ chứng kiến việc xóa bỏ cái chết – vì bây giờ chúng ta đều hiểu sự chuyển tiếp vĩ đại đó, và việc thiết lập sự thật về sự tồn tại của linh hồn. Linh hồn sẽ được biết như là một thực thể, là xung lực thôi thúc và là trung tâm tinh thần ở đằng sau mọi hình tướng biểu lộ. Vài thập niên tới đây sẽ chứng kiến một vài niềm tin lớn được chứng minh. (14-94/6) [29]

2. Con người cá nhân và linh hồn của y cũng đang cố gắng đến cùng nhau, và khi sự việc đó được hoàn tất, thì Christ được sinh trong ra chốn sâu thẳm của tâm, và Christ được nhìn thấy trong cuộc sống hằng ngày với năng lực ngày càng tăng. (14-288)

3. Biểu hiện của Khía cạnh Thực Tại Chủ Quan trong Con người. Một trong những mục tiêu của tiến hóa là cuối cùng nên đưa thực tại chủ quan vào nhận thức. Điều này có

thể được diễn tả bằng nhiều cách tượng trưng, tất cả đều đề cập tới cùng một sự kiện trong thiên nhiên:

- Việc đưa đến sự giáng sinh của Christ nội tâm.
- Sự tỏa chiếu của ánh sáng rực rỡ hay vinh quang bên trong.
- Sự biểu lộ trạng thái thứ hai hay trạng thái bác ái.
- Sự biểu lộ của Thái Dương thiên thần.
- Việc xuất hiện của Con Thượng Đế, Ego hay Linh Hồn bên trong.
- Sự biểu lộ đầy đủ của buddhi, khi nó sử dụng thượng trí (manas).

Sự xuất hiện vào biểu lộ này được mang lại qua những gì được hiểu bằng các thuật ngữ sau đây:

- Việc thanh luyện các thể tạo thành lớp ngoài (casket) hoặc vỏ bọc (sheath) che giấu thực tại.
- Tiến trình của 'sự hiển lộ', sao cho các thể này vốn đang che đậy Chân Ngã, hết thể đến thể khác, được đưa đến một mức độ mà chúng chỉ là những thể trong suốt, cho phép sự tỏa chiếu đầy đủ của bản chất thiêng liêng.

Một sự mở rộng tâm thức được mang lại qua năng lực của bản ngã để đồng nhất hóa với bản chất thực sự của nó với tư cách là Kẻ Bàng Quan, và không còn tự xem nó như là cơ quan nhận thức nữa. (18-6)

e) Thể Dĩ Thái, Biểu Tượng Của Linh Hồn

Biểu tượng lớn của linh hồn trong con người là thể sinh lực hay thể dĩ thái của y, và vì các lý do sau đây:

1. Đó là tương ứng vật chất đối với thể ánh sáng bên trong (inner light body) mà chúng ta gọi là thể linh hồn (soul body) tức thể tinh thần (spiritual body). Nó được gọi là "chén vàng" ("golden bowl") trong Thánh Kinh (Bible) và được

nhận ra bởi:

a/ Tính chất ánh sáng của nó.

b/ Tốc độ rung động của nó, tốc độ này luôn luôn đồng bộ với sự phát triển của linh hồn.

c/ Lực cố kết của nó, đang liên kết và kết nối mọi phần của cấu trúc cơ thể. [30]

2. Đó là “mạng lưới sự sống” (“web of life”) của tiểu thiên địa vì nó nằm dưới mọi phần của cấu trúc vật chất và có ba mục tiêu:

a/ Truyền nguyên khí sự sống, năng lượng vốn tạo ra hoạt động, đi khắp cơ thể. Nó làm được điều này nhờ dòng máu, điểm tập trung cho sự phân phối này là tim. Đó là tác nhân vận chuyển sinh lực cho thể xác.

b/ Làm cho linh hồn, hay con người, chưa phải là con người tâm linh, đồng cảm với môi trường chung quanh của y. Việc này được tiến triển qua trung gian của toàn bộ hệ thần kinh, điểm tập trung của hoạt động đó là não bộ. Đây là trung tâm của sự tiếp nhận hữu thức.

c/ Sau rốt, qua sự sống và tâm thức, tạo ra một hoạt động tỏa chiếu, tức là sự biểu lộ của vinh quang, vốn sẽ làm cho mỗi người thành một trung tâm hoạt động để phân phối ánh sáng và năng lượng thu hút đến những kẻ khác trong giới nhân loại, và qua giới nhân loại, đến các giới dưới nhân loại. Đây là một phần của kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế để truyền sinh lực và phục hồi lại rung động của các hình hài mà chúng ta gọi là dưới nhân loại.

3. Biểu tượng tiểu thiên địa này của linh hồn chẳng những nằm dưới toàn bộ cấu trúc vật chất, và như thế là một biểu tượng của anima mundi, hay là linh hồn thế giới (world soul), mà còn là một thực thể thống nhất, cố kết và không thể

phân chia được, do đó tượng trưng cho sự thống nhất (unity) và sự thuần trạng (homogeneity) [50] của Thượng Đế. Không có các cơ cấu riêng biệt trong đó, mà chỉ là một cơ thể có thần lực đang tuôn chảy tự do ...

4. Thể ánh sáng và năng lượng cố-kết, thống-nhất này là biểu tượng của linh hồn, nơi đó nó có bên trong nó bảy điểm tập trung...

5. Tính tượng trưng cũng được đưa ra khi người ta nhớ rằng thể dĩ thái liên kết thể xác thuần túy, tức nhục thân (dense body) với thể tinh anh thuần khiết, tức thể cảm dục hoặc thể tình cảm (the astral or emotional body). Trong thể này, người ta thấy hình ảnh (reflection) của linh hồn trong con người liên kết ba cõi thấp (tương ứng với các trạng thái đặc, lỏng và khí của thể thuần vật chất của con người) với các cõi cao trong thái-dương-hệ, như vậy liên kết cõi trí với cõi bồ đề và liên kết thể trí với các trạng thái trực giác của tâm thức. (4-48/50)

f) Sự Xuất Hiện Và Tiến Hóa Của Linh Hồn

1. Sự sống ở tâm của thái-dương-hệ đang tạo ra một sự khai mở các năng lượng của vũ trụ từ sự tiến hóa, mà cho đến nay, con người hữu hạn không thể hình dung được. Tương tự, trung tâm năng lượng mà chúng ta gọi là khía cạnh tâm linh trong con người (qua việc sử dụng vật chất hoặc [31] chất liệu) đang tạo ra một phát triển tiến hóa của cái mà chúng ta gọi là linh hồn, và nó là sự biểu lộ cao nhất của các biểu lộ thuộc *sắc tướng* – giới nhân loại. Con người là sản phẩm cao nhất của sự hiện tồn trong ba cõi thấp. Bằng thuật ngữ con người (man), Tôi ám chỉ con người tâm linh, tức một con của Thượng Đế đang lâm phạm. Các hình tướng của mọi giới

trong thiên nhiên – nhân loại, động vật, thực vật và khoáng vật – góp phần vào sự biểu lộ đó. Năng lượng của Ngôi Ba của thánh linh hướng tới sự thiên khai của linh hồn, hay là Ngôi Hai, mà đến lượt nó tiết lộ trạng thái cao nhất. Phải luôn nhớ rằng bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* của H.P. Blavatsky diễn tả điều này một cách chính xác bằng các từ “Sự Sống mà chúng ta xem như là một hình thức hiện tồn, đang biểu lộ trong cái được gọi là Vật Chất; hay những gì mà, phân biệt chúng một cách không chính xác, chúng ta gọi là tinh thần, linh hồn và vật chất trong con người. Vật chất là vận thể cho sự biểu lộ của linh hồn trên cõi hiện tồn này, còn linh hồn là vận thể trên cõi cao hơn cho sự biểu lộ của tinh thần, và ba hình thức này là một tam bộ (trinity) được sự sống tổng hợp, sự sống này thấm nhuần cả ba”. (GLBN, 79 – 80, quyển I).

Nhờ sử dụng vật chất, linh hồn khai mở và tìm thấy sự tốt đỉnh của nó trong linh hồn con người. (4-13/4)

2. Nhờ ... sự sáng tạo, các sự sống đi vào biểu lộ, tham gia vào kinh nghiệm của chu kỳ đặc biệt của chúng, cho dù nó phù du, như đời sống của một con bướm, hoặc tương đối thường tồn, như cuộc sống phú linh (ensouling life) của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và tan biến. Hai khía cạnh có liên quan, tinh thần và vật chất, do đó được đưa vào một mối quan hệ gần gũi, và tất nhiên là gây một ảnh hưởng lên nhau. Cái được gọi là vật chất được cấp năng lượng (energised) hoặc “được nâng lên” (“lifted up”) theo ý nghĩa huyền bí của thuật ngữ này, do sự tiếp xúc của nó với cái được gọi là tinh thần. Tinh thần, đến lượt nó, được làm cho nâng cao rung động của nó nhờ kinh nghiệm của nó trong vật chất. Việc kết hợp nhau của hai khía cạnh thiêng liêng này, đưa tới sự xuất hiện của khía cạnh thứ ba, mà chúng ta gọi là linh hồn, và

qua trung gian của linh hồn, tinh thần phát triển một khả năng tri giác (sentieny), và một sự nhận thức hữu thức, và năng lực đáp ứng, vốn vẫn là sở hữu vĩnh viễn của nó khi sự tách ra giữa hai khía cạnh này cuối cùng lại tái diễn và theo chu kỳ. (4-522)

3. Có ba phân đoạn lớn đánh dấu sự phát triển của linh hồn hướng tới mục tiêu của nó. Qua tiến trình *Biệt Ngã Hóa*, linh hồn đạt tới một ngã thức đích thực và nhận thức trong ba cõi kinh nghiệm của nó. Diễn viên trong vở kịch sự sống làm chủ vai trò của y. Qua tiến trình *Điểm Đạo*, linh hồn trở nên có ý thức về bản chất cơ bản của thiên tính. Việc tham gia ý thức đầy đủ với nhóm và sự hấp thu của cá nhân và cá thể vào Tổng Thể, đặc trưng cho giai đoạn này trên con đường tiến hóa. Cuối cùng đến tiến trình bí nhiệm [32] mà trong đó linh hồn trở nên được hấp thu vào Thực Tại và sự Tổng Hợp tối cao qua *Sự Đồng Nhất Hóa*, mà ngay cả ý thức của nhóm mờ đi (trừ khi được phục hồi có chủ ý trong công tác phụng sự). Khi đó không có gì được biết trừ Thượng Đế (Deity), – không có sự chia rẽ của bất kỳ bộ phận nào, không có những tổng hợp thấp kém, và không có các phân chia hay biến phân. Trong các tiến trình này, có thể nói rằng ba dòng năng lượng tác động lên tâm thức của con người thức tỉnh: –

a. Năng lượng của chính vật chất, vì nó ảnh hưởng tâm thức của con người tinh thần bên trong, vốn đang sử dụng hình tượng như một phương tiện biểu lộ.

b. Năng lượng của chính linh hồn, hoặc của Thái Dương Thiên Thần, khi năng lượng đó tuôn đổ ra trên các hiện thể và tạo ra năng lượng hỗ tương trong hình tượng thái dương.

c. Năng lượng của chính sự sống, một cụm từ vô

nghĩa, và là cụm từ mà chỉ các điểm đạo đồ ở mức thứ ba mới có thể hiểu, vì ngay cả những khám phá của khoa học hiện đại cũng không đưa ra ý tưởng thực sự nào về bản chất thực sự của sự sống. (15-19)

4. Đó là chương trình dành cho nhân loại, vì nó liên quan đến việc khai mở tâm thức con người. Sự nhấn mạnh hoàn toàn về toàn bộ tiến trình tiến hóa, xét cho cùng, được đặt trên sự phát triển nhận thức hữu thức, thông minh trong cuộc sống làm sinh động các hình tượng khác nhau. Các trạng thái chính xác của nhận thức phụ thuộc vào tuổi của linh hồn. Tuy nhiên, linh hồn không có tuổi theo quan điểm thời gian, như nhân loại hiểu về điều đó. Nó vô tận và vĩnh cửu. Trước khi linh hồn chuyển qua sự biến ảo của các giác quan, và vở kịch diễn ra định kỳ của sự tồn tại của sự sống hiện tượng bên ngoài; nhưng trong suốt tất cả các sự cố trong thời gian và không gian, linh hồn luôn luôn giữ được thái độ của Người Bàng Quan và người Quan Sát có nhận biết. Nó nhìn và diễn dịch. Trong các giai đoạn đầu, khi "tâm thức Lemuria" đặc trưng cho người sống theo giác quan, khía cạnh rời rạc đó của linh hồn vốn đang cư trú và thấm nhuần hình tượng của con người, và cung cấp cho con người bất kỳ tâm thức con người thật sự nào có thể hiện diện, đều là trì trệ, còn phôi thai và không có tổ chức; nó không có thể trí như chúng ta hiểu về điều đó, và chỉ được nhận ra bởi một sự đồng nhất hóa hoàn toàn với thể xác và các hoạt động của nó. Đây là giai đoạn của các phản ứng bất động chậm chạp đối với sự khổ đau, niềm vui, sự đau đớn, đối với sự thôi thúc của ham muốn và sự thỏa mãn nó, và đối với sự thôi thúc nặng nề thuộc tiềm thức hướng tới sự cải thiện. Hết kiếp này sang kiếp khác trôi qua, và từ từ năng lực đối với sự đồng nhất hóa hữu thức gia tăng, với một sự ham muốn ngày càng tăng

cho một phạm vi lớn hơn của những sự thỏa mãn; linh hồn nội tại và sinh động trở nên luôn ẩn sâu hơn, là tù nhân của bản chất hình tướng. Toàn bộ các mãnh lực của sự sống được tập trung vào thể xác, và các ham muốn [33] được biểu lộ khi đó là những ham muốn vật chất; đồng thời có một xu hướng đang phát triển hướng tới những ham muốn tinh tế hơn, đó là do thể cảm dục gọi lên. Dần dần sự đồng nhất hóa của linh hồn với hình tướng chuyển từ thể xác sang thể cảm dục. Không có gì có mặt tại thời điểm này có thể được gọi là một phạm ngã. Đơn giản chỉ có một thể xác sống động, tích cực, với những thiếu thốn và dục vọng của nó, những nhu cầu và những ham muốn của nó, kèm theo một sự chuyển di rất chậm nhưng tăng dần của ý thức ra khỏi thể xác để vào thể cảm dục.

Khi sự thay đổi này, theo thời gian, đã được đạt đến một cách thành công, thì ý thức không còn hoàn toàn được đồng nhất hóa với thể xác, mà nó trở nên được tập trung vào thể cảm dục-tình cảm. Bây giờ, trọng tâm chú ý của linh hồn, hoạt động qua người tiến hóa chậm chạp, là ở cõi ham muốn, và linh hồn trở nên đồng nhất hóa với một bộ máy đáp ứng khác, thể dục vọng hay thể cảm dục. Tâm thức của y lúc đó trở thành "tâm thức Atlantis." Các ham muốn của y không còn mơ hồ và phôi thai nữa; cho đến nay chúng vẫn quan tâm đến những thôi thúc hay những ham muốn cơ bản, – đầu tiên, sự thôi thúc để tự bảo tồn của y; sau đó thôi thúc để tự tồn tại thông qua sự thôi thúc sinh sản; và tiếp theo, để thỏa mãn kinh tế. Ở giai đoạn này, chúng ta có trạng thái nhận thức của trẻ sơ sinh và người hoang dã còn non nớt. Tuy nhiên, dần dần, chúng ta nhận thấy một sự nhận thức bên trong của chính sự ham muốn ngày càng tăng dần và ít chú

trọng đến những thỏa mãn về thể chất. Tâm thức từ từ bắt đầu đáp ứng với tác động của thể trí, và với năng lực phân biệt và chọn lựa giữa những ham muốn khác nhau; khả năng sử dụng thời gian có chút thông minh phần nào, bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm thấy. Các thú vui tinh tế hơn bắt đầu kêu gọi họ; những ham muốn của con người trở nên ít thô thiển và vật chất hơn; ham muốn mới mẻ về cái đẹp bắt đầu xuất hiện, và một cảm giác mơ hồ về các giá trị thẩm mỹ. Tâm thức của y đang trở nên có tính trí tuệ-cảm dục nhiều hơn, hoặc trí-cảm (kama-manasic), và toàn bộ xu hướng của thái độ hằng ngày của y, hoặc cách sinh hoạt của y, và của tính cách của y bắt đầu mở rộng, khai mở, và cải tiến. Mặc dù y vẫn còn bị áp chế bởi sự ham muốn vô lý trong hầu hết thời gian, nhưng lĩnh vực của những sự thỏa mãn của y và của các thôi thúc cảm giác của y rõ ràng ít thú tính hơn và rõ ràng nhiều tình cảm hơn. Các tâm trạng và cảm giác đó bắt đầu được nhận thức, và một mong muốn mơ hồ đối với sự bình an, và sự thôi thúc để tìm thấy cái điều mơ hồ được gọi là "hạnh phúc" bắt đầu tác động. Điều này tương ứng với thời kỳ thiếu niên, và với trạng thái tâm thức được gọi là Atlantis. Đó là tình trạng của quần chúng ở thời điểm hiện tại. Phần lớn con người vẫn là người Atlantis, vẫn còn thuần về tình cảm trong những phản ứng của họ, và trong cách tiếp cận của họ với cuộc sống. Họ vẫn còn bị chi phối chủ yếu bởi những ham muốn ích kỷ và bởi những kêu gọi của cuộc sống bản năng. Nhân loại trên trái đất của chúng ta vẫn còn trong giai đoạn Atlantis, trong khi tầng lớp trí thức [34] trên thế giới, và các đệ tử và những người chí nguyện, đang nhanh chóng vượt qua giai đoạn này, vì họ đã đạt tới sự biệt ngã hóa trong dãy mặt trăng, và đã là người Atlantis của lịch sử quá khứ....

Ở những người tiến hóa hơn của thế giới ngày nay thì chúng ta có sự hoạt động của thể trí; điều này được tìm thấy ở một quy mô lớn trong nền văn minh phương Tây của chúng ta. Năng lượng của cung thể trí bắt đầu tuôn đổ vào, và từ từ tự khẳng định chính nó. Khi điều này xảy ra, bản chất đục vọng được đưa vào sự kiểm soát, và do đó bản chất vật chất có thể trở thành khí cụ của các xung lực trí tuệ rõ ràng hơn. Ý thức não bộ bắt đầu tổ chức và việc tập trung các năng lượng bắt đầu chuyển dần ra khỏi các bí huyết thấp vào các bí huyết cao hơn. Nhân loại đang phát triển "tâm thức Arya" và đang đạt tới sự trưởng thành.

Trong những người tiên tiến hơn của thế giới, chúng ta cũng có sự tích hợp của phạm ngã và sự kiểm soát rõ rệt của cung phạm ngã xuất hiện, với sự kiểm soát tổng hợp và cố kết ba thể của nó, và sự phối hợp chúng thành một đơn vị hoạt động. Về sau, phạm ngã trở thành công cụ của linh hồn nội tại. (15-23/6) Xem thêm (15-342/4)

g) Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục (The Angel of the Presence)

1. Người ta nói rằng "tư tưởng là các sự vật" và tạo ra các kết quả hữu hình. Người ta cũng nói rằng "con người nghĩ như thế nào trong tâm của y, thì y sẽ như thế đó", và do đó, các biểu hiện của tư tưởng hữu hình tạo ra các hiệu quả rõ rệt nơi y. Trong các câu nói vô vị cổ xưa này có ẩn chứa nhiều giáo huấn, nhiều ánh sáng và sự hiểu biết... Là một linh hồn đang nhập thế, bạn biết sự thật một cách hữu thức – được cảm thấy một cách chủ quan và thường là mơ hồ – về Chân Ngã thực sự của bạn, về Thái Dương Thiên Thần, vốn là Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục. Vấn đề của bạn là đào sâu nhận thức này, và biết chính bạn là Thiên Thần, đang

đứng giữa bạn, là con người trên cõi trần, với Chân Thần (the Presence). Có thể làm sáng tỏ các vấn đề nếu chúng ta xem xét trong chốc lát xem từ ngữ Presence tượng trưng cho thực tại gì.

Nhà thần bí luôn luôn ý thức về nhị nguyên; về con người hạ đẳng và linh hồn nội tại; về đệ tử nhằm chán và vị Thiên Thần; về cái bản ngã nhỏ bé và Chân Ngã (real Self); về biểu lộ sự sống con người và về biểu lộ sự sống tâm linh. Nhiều tính chất khác nhau tượng trưng cho cùng một sự biểu hiện về thực tại. Nhưng đằng sau tất cả các tính chất đó là thực tại – nội tại, kỳ diệu và huy hoàng – mà các nhị nguyên này chỉ là các khía cạnh của nó: là Sự Hiện Diện (Presence), nội tại nhưng siêu việt, của Thượng Đế (of Deity). Trong bản chất của Đấng Duy Nhất này, mọi nhị nguyên bị hấp thu, mọi sự biến phân và dị biệt đều mất hết ý nghĩa của chúng.

Khi bạn được dạy phát triển tâm thức của Bản Lai Diện Mục (Chân Thần, the Presence), trước tiên, điều đó cho thấy rằng vào lúc này, bạn phần nào biết Thiên Thần, [35] và bây giờ có thể đáp ứng, một cách mơ hồ và yếu ớt, với Tổng Thể vĩ đại đang ở sau thế giới hiện tồn chủ quan, vì thế giới đó nằm sau thế giới hồng trần hữu hình của cuộc sống hằng ngày. Một biểu tượng của điều này có thể được thấy trong sự hiểu biết là toàn bộ hành tinh ở bên ngoài căn phòng mà trong đó bạn đang suy ngẫm các lời của tôi, và chỉ phân cách với bạn bằng cái cửa sổ và mức độ hiểu biết hữu thức của bạn. Vũ trụ bên ngoài của hành tinh, là thái dương hệ và bầu trời đầy sao, được tiết lộ cho bạn thông qua tấm kính đó, nếu kính sạch và không bị che đậy, nhưng sẽ tác động như vách ngăn nếu bị dính đất cát hay bị tấm màn che lại. Điều này và năng lực của bạn để tự phóng chiếu bạn vào trong sự mênh mông của vũ trụ, sẽ chi phối mức độ hiểu biết của bạn tại bất

kỳ thời điểm đã cho nào. Hỏi huynh đệ, hãy suy ngẫm về điều này, và nhìn xuyên qua cánh cửa của thể trí tới Ánh sáng đang tiết lộ Thiên Thần, mà đến phiên nó, nó lại che lấp và ẩn giấu cái chưa biết vô tận, tuy linh hoạt và sống động, là Thượng Đế. (5-390/1)

2. Thật ra mỗi con người, giống như xoáy nước thu nhỏ trong đại dương vĩ đại của Đấng Cao Cả mà trong đó y sống và hoạt động – không ngừng chuyển động cho đến khi linh hồn “hít thở trên nước” (hay thần lực) và Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục giáng xuống trong xoáy nước. Sau đó tất cả đều trở nên tĩnh lặng. Nước đã bị khuấy động do nhịp điệu của sự sống, và sau đó lại bị khuấy động dữ dội do sự giáng xuống của Thiên Thần, đáp ứng với thần lực chữa trị của Thiên Thần và được đổi “thành một cái ao yên tĩnh, trong đó những xoáy nước nhỏ có thể đi vào và tìm thấy sự chữa trị mà chúng cần đến”. *Cổ Luận* nói như thế. (17-140)

15. LINH HỒN TẬP THỂ (GROUP SOUL)

1. Như trong mọi sự biểu lộ khác, có một phạm ngã tập thể và một linh hồn tập thể; bạn phải học cách phân biệt rõ ràng giữa cả hai và dồn toàn bộ sức nặng của ảnh hưởng, dự vọng và áp lực của bạn về phía Thiên Thần Tập Thể. Bằng cách này, có thể xảy ra sự nhận thức kỳ diệu mà mọi cuộc điểm đạo chuẩn bị cho ứng viên – sự tiết lộ Bản Lai Diện Mục. (10-160)

2. Giống như một số người, qua thiên định, có giới luật và phụng sự, hầu hết chắc chắn đã thực hiện một sự tiếp xúc với linh hồn riêng của họ, và do đó có thể trở thành những vận hà cho sự biểu lộ của linh hồn, và là những phương tiện để phân phối năng lượng linh hồn vào thế gian, cũng thế,

những người nam và nữ, được [36] định hướng tới sinh hoạt linh hồn trong tập hợp của họ, *tạo thành một nhóm các linh hồn*, đồng cảm với cội nguồn cung cấp tinh thần. Với tư cách một nhóm và từ góc độ của Thánh Đoàn, họ đã thiết lập một sự tiếp xúc và "đang tiếp xúc" với thế giới của các thực tại tâm linh. Giống như cá nhân đệ tử ổn định mỗi liên hệ này và học cách thực hiện một sự chinh phục nhanh chóng, và bấy giờ, và chỉ bấy giờ, mới có thể bắt đầu tiếp xúc với Chân Sư của nhóm y và đáp ứng một cách sáng suốt với Thiên Cơ, cũng thế, nhóm các linh hồn đã chinh phục đi vào tiếp xúc với các Đấng cao cả và các Mạnh Lực Ánh Sáng, chẳng hạn như Đức Christ và Đức Phật. Hoài bão và sự hiến dâng được kết hợp, và lòng sùng kính sáng suốt của nhóm mang các cá nhân của nhóm lên các tầm cao lớn lao hơn là khi đơn độc. Sự kích thích tập thể và nỗ lực đoàn kết cuốn toàn bộ nhóm tới một sự tăng cường nhận thức mà sẽ không xảy ra nếu làm cách khác. Giống như Định Luật Hấp Dẫn hoạt động trên cõi trần, mang những người nam và nữ cùng với nhau vào một nỗ lực tập thể, cũng thế, Định Luật Xung Lực Từ Tính có thể bắt đầu kiểm soát họ khi, một lần nữa với tư cách một nhóm và chỉ với tư cách một nhóm, họ cùng nhau kiến tạo họ thành các vận hà cho việc phụng sự trong sự quên mình hoàn toàn.

Tư tưởng này tiêu biểu cho cơ hội trước mắt mọi nhóm người chí nguyện và liên minh những người có thiện chí trên thế giới ngày nay. Nếu họ làm việc cùng nhau như một nhóm các linh hồn, thì họ có thể thực hiện được nhiều điều. Tư tưởng này cũng minh họa cho ý nghĩa của định luật này là *tạo ra sự hòa hợp cực*. Điều cần được hiểu rõ là trong công việc này, không có hàm ý tham vọng cá nhân nào, thậm chí có một bản chất tinh thần và không tìm kiếm sự hòa hợp cá nhân. Đây không phải là sự hòa hợp thần bí của các kinh điển

hay của truyền thống thần bí. Đó không phải là sự chinh hợp và sự hòa hợp với một nhóm của Chân Sư, hoặc sự hợp nhất với một nhóm nội môn các đệ tử hữu thế của một người, thậm chí cũng không với sự sống Cung riêng của một người. Tất cả những yếu tố này cấu thành các ngụ ý sơ bộ và có một ứng dụng cá nhân. Tôi yêu cầu bạn suy ngẫm về câu này. Sự hòa hợp này là một điều lớn hơn và quan trọng hơn *bởi vì đó là một sự hòa hợp tập thể*.

Điều mà chúng ta đang tìm cách làm là chuyển một nỗ lực tập thể có tầm quan trọng mà, vào đúng thời điểm, nó có thể tạo ra, trong đà phát triển của nó, một xung lực từ tính mạnh mẽ đến mức nó sẽ đạt đến những Đấng áp ủ nhân loại và nền văn minh của chúng ta, và các Đấng này làm việc qua các Chân Sư Minh Triết và Thánh Đoàn được tập hợp lại. Nỗ lực tập thể này sẽ kêu gọi từ các Ngài một xung lực đáp ứng và thu hút, vốn sẽ mang lại với nhau, qua sự trung gian của mọi nhóm đang khao khát, các Mạnh Lực từ tâm phù trì. Qua nỗ lực tập trung của các nhóm này trong thế giới ngày nay (vốn tạo thành *Một Nhóm Duy Nhất* về mặt chủ quan), ánh sáng, và nguồn cảm hứng, và sự mặc khải thiêng liêng có thể được giải phóng theo một con lộ quyền năng đến nỗi nó sẽ tiến hành những thay đổi rõ rệt trong [37] tâm thức con người và giúp cải thiện các điều kiện trong thế giới thiếu thốn này. Nó sẽ mở mắt con người đối với các thực tại cơ bản, mà cho đến nay chỉ được công chúng biết suy tư lờ mờ cảm nhận. (15-112/4)

16. LINH HỒN NHÂN LOẠI

1. Ý thức trách nhiệm là một trong các chỉ dẫn đầu tiên cho thấy linh hồn của cá nhân được thức tỉnh. Linh hồn nhân

loại vào lúc này cũng đang thức tỉnh ò ạt, và đó là các dấu hiệu sau đây:

1. Sự phát triển các hội đoàn, các tổ chức và các phong trào quần chúng ở khắp nơi cho sự cải thiện nhân loại.

2. Sự quan tâm đang tăng trưởng của quần chúng vào sự phúc lợi chung. Từ trước đến giờ, tầng lớp thượng lưu của xã hội đã quan tâm, hoặc vì lý do ích kỷ, lý do tự vệ, hoặc vì chế độ gia trưởng bẩm sinh. Giới trí thức và các tầng lớp chuyên nghiệp đã tìm tòi và nghiên cứu phúc lợi chung từ góc độ lợi ích trí tuệ và khoa học, dựa vào một nền tảng vật chất chung, và giai cấp trung lưu thấp kém dĩ nhiên đã được bao hàm cùng quyền lợi, theo quan điểm những trao đổi về tài chính và thương mại. Ngày nay, sự quan tâm này đã đạt đến các chiều sâu của trật tự xã hội, và mọi tầng lớp đều hoạt động và cảnh giác một cách nhạy bén với điều tốt lành chung của quốc gia, chủng tộc, hay quốc tế. Đây là dấu hiệu rất tốt và đầy hy vọng.

3. Nỗ lực nhân đạo và nhân từ đang ở đỉnh cao của nó, bên cạnh các sự tàn bạo, căm thù và các khác thường mà sự chia rẽ, các ý thức hệ quốc gia quá cường điệu, sự xâm lược, và tham vọng, đã tạo ra trong đời sống của mọi quốc gia.

4. Giáo dục đang nhanh chóng trở thành nỗ lực của quần chúng, còn trẻ con ở mọi quốc gia, từ cao nhất đến thấp nhất, đang được trang bị về mặt trí tuệ hơn bao giờ hết. Dĩ nhiên phần lớn nỗ lực là để cho phép họ đáp ứng với các điều kiện vật chất và quốc gia, được dùng cho quốc gia, và không có trở ngại kinh tế trong đó. Tuy nhiên, kết quả chung phù hợp với Thiên Cơ và điều tốt đẹp chắc chắn.

5. Trong giới cầm quyền, có một nhận thức ngày càng tăng là người ngoài phổ đang trở thành một yếu tố trong các

sự việc thế giới. Y được tiếp cận trên mọi mặt [38] bởi báo chí và đài truyền thanh, và ngày nay đã đủ sáng suốt và đủ được quan tâm, đang cố gắng để tạo thành các ý kiến riêng của y. Cho đến nay, điều này hãy còn phôi thai, nhưng các dấu hiệu về các nỗ lực của y chắc chắn là ở chỗ đó; đó là việc kiểm soát báo chí và đài phát thanh vốn có ở mọi quốc gia dưới hình thức này hoặc hình thức khác. (12-106/7)

2. Nhiều bệnh, nếu không phải là tất cả, vốn có thể được nhìn thấy xảy ra trong thế giới ngày nay, bị gây ra bởi một sự kích thích linh hồn gia tăng rất nhiều, mà toàn thể gia đình nhân loại đang phản ứng với điều đó, mặc dù, với tư cách là các cá nhân, thì họ đã không thực hiện một sự tiếp xúc nào với linh hồn. Sự kích thích gia tăng này là do hai việc:

1. Rất nhiều người, và con số này đang tăng lên nhanh chóng, đang thực hiện sự tiếp xúc với linh hồn của họ thông qua một khát vọng mãnh liệt và trong nhiều trường hợp, sự thất vọng thì rất thực.

2. Thánh Đoàn các Chân Sư đang cực kỳ hoạt động ngày nay, và đây là do hai điều: -

a. Nhu cầu về phía nhân loại đã đạt đến sự chú ý của các Ngài liên tục trong vài thập niên qua, và đang kêu gọi một sự đáp ứng không thể tránh khỏi.

b. Một sự kích thích của chính Thánh Đoàn hành tinh. Điều này khiến nhiều người trong các hàng ngũ của Thánh Đoàn chuyển qua một trong các cuộc điểm đạo cao. Do đó, các Ngài trở nên mạnh mẽ hơn nhiều và ảnh hưởng của các Ngài thu hút và phát xạ hơn nhiều. (15-709)

3. Trong nhiều tao đây ánh sáng, được dệt bởi những người tìm đạo, các đệ tử và các điểm đạo đồ của thế giới, chúng ta có thể thấy antahkarana tập thể đang dần dần xuất hiện – đó là cây cầu mà nhờ đó nhân loại nói chung sẽ có thể

tách chính nó ra khỏi vật chất và hình tướng. Việc kiến tạo antahkarana này là việc phụng sự vĩ đại và tối thượng mà mọi người tìm đạo chân chính đều có thể cống hiến. (18–497)

4. Toàn bộ mục tiêu của sự tiến hóa thông thường là đưa nhân loại đến trình độ mà một tuyến tiếp xúc trực tiếp được thiết lập giữa phàm ngã và Tam Thượng Thể Tinh Thần, xuyên qua linh hồn – hay đúng hơn, qua trung gian của việc sử dụng linh-hồn-thức (soul consciousness) để đạt được nhận thức này. Điều này được hoàn thành ở cuộc điểm đạo thứ ba. (18–497)

5. Nhân loại *nói chung* hiện đứng ngay lối vào Con Đường Đệ Tử. Cái nhìn chăm chú của nhân loại đang hướng tới linh thị, cho dù đó là *linh thị* của linh hồn, một linh thị về một cách sống tốt đẹp hơn, về một tình hình kinh tế được cải thiện, hoặc về mối quan hệ tốt đẹp hơn giữa các chủng tộc. Điều mà linh thị này thường bị bóp méo, điều mà nó được định hướng về mặt vật chất hoặc chỉ được thấy một phần, thì lại là thật một cách đáng buồn; [39] nhưng theo một hình thức này hoặc hình thức khác nào đó, ngày nay tồn tại một sự hiểu biết đáng kể về “điều mới mẻ và đáng ưa thích” của quần chúng – một điều từ trước đến nay chưa được biết. Trong quá khứ, chính giới trí thức hoặc người được chọn mới có đặc quyền có linh thị. Ngày nay, chính đa số con người có đặc quyền đó. Do đó, nhân loại nói chung đang sẵn sàng cho một tiến trình chinh hợp chung, và đó là lý do *linh thần* đang nằm đằng sau cuộc thế chiến. “Cái kéo nhọn của sự buồn phiền phải tách cái chân ra khỏi cái giá; cú đánh của sự đau khổ phải đánh thức linh hồn ngái ngủ đến cuộc sống tinh tế; việc giạt mạnh mẽ của sự sống ra khỏi mảnh đất của ham muốn ích kỷ phải được trải qua, và khi đó con người được tự do”. *Cổ Luận*

diễn tả như thế ở một trong những khổ thơ rất huyền bí của nó. Như thế, có tinh cách tiên tri, nó cho biết sự chấm dứt của chủng tộc Aryan – không phải là một sự chấm dứt theo ý nghĩa hoàn thành, mà là một việc chấm dứt một chu kỳ hoàn thiện trí tuệ, chuẩn bị cho một chu kỳ, mà trong đó thể trí sẽ được sử dụng một cách đúng đắn như một công cụ chinh hợp, kế đó như ngọn đèn pha của linh hồn, và như kẻ kiểm chế của phàm ngã.

Đối với quần chúng, – dưới các diễn trình tiến hóa chậm chạp – bước tiến kế tiếp là sự chinh hợp của linh hồn và sắc tướng, sao cho có thể có một sự pha trộn trong tâm thức, tiếp theo là một sự nhận thức trí tuệ về nguyên khí Christ và biểu lộ sâu sắc của nó trong cuộc sống của nhân loại. Đây là một điều có thể được thấy xuất hiện rất rõ ràng, nếu bạn có đôi mắt có thể thấy được. Điều đó là hiển nhiên trong sự quan tâm chung vào thiện chí, sau rốt đưa tới hòa-bình; mong muốn hòa bình này có thể được dựa trên sự ích kỷ cá nhân hay quốc gia, hoặc dựa vào một mong muốn thật sự để nhìn thấy một thế giới hạnh phúc hơn, trong đó con người có thể trải qua một cuộc sống tinh thần đầy đủ hơn và đặt các nỗ lực của mình trên các giá trị chân chính hơn; nó có thể được nhìn thấy trong mọi kế hoạch vốn đang tiến hành cho một trật tự thế giới mới, được dựa trên quyền tự do của con người, niềm tin vào các nhân quyền và các mối quan hệ đúng đắn của con người; nó cũng đang thể hiện trong hoạt động của các phong trào nhân đạo lớn, các tổ chức phúc lợi, và sự gọi lên rộng rãi tâm trí con người qua mạng lưới các cơ sở giáo dục trên khắp thế giới. Tinh thần Christ đang hiện hữu một cách có ý nghĩa, và việc đã không nhận ra sự kiện này phần lớn là do các nỗ lực thường thấy của con người khi giải thích và diễn giải câu nói này chỉ về mặt tôn giáo, trong khi việc giải thích tôn giáo

chỉ là một phương cách hiểu biết Thực Tại (Reality). Có những cách giải thích khác cũng quan trọng không kém. Mọi con đường lớn tiếp cận Thực Tại đều có bản chất tâm linh và diễn giải mục đích thiêng liêng, và mặc dù người theo Thiên Chúa giáo nói đến Nước Thiên Chúa, hoặc nhà hoạt động nhân đạo nhấn mạnh về tình huynh đệ của con người, hoặc các nhà lãnh đạo chống điều ác dẫn đầu việc đấu tranh cho trật tự thế giới mới hoặc cho Bốn Tự Do hay Hiến Chương Đại Tây Dương, tất cả họ đều biểu lộ sự xuất hiện của lòng bác ái của Thượng Đế dưới hình thức của tinh thần Christ. [40]

Do đó nhân loại nói chung đã đạt đến một trình độ thoát ra khỏi bóng tối; việc đó tự nó đã khơi dậy phản ứng của các quyền lực tà ác, và vì vậy chúng cố ngăn chặn sự tiến bộ của tinh thần con người, và làm ngưng lại việc tiến tới của thiện, chân và mỹ. (18-498/500)

17. LINH HỒN THỂ

(Thánh Điện của Linh hồn)

1. Theo quan điểm của cõi trần, linh hồn thể không phải là một thể (is no body), dù chủ quan hoặc khách quan. Tuy nhiên, đó là trung tâm của chân ngã thức, và được tạo thành bằng sự liên kết của thể buddhi và manas. Linh hồn thể tương đối thường tồn và kéo dài suốt chu kỳ dài của các lần luân hồi, và chỉ bị tan biến sau cuộc điểm đạo thứ tư, khi nhu cầu tái sinh thêm về phía một con người không còn tồn tại. (1-217)

2. Khi hiểu một cách đúng đắn chủ đề về Chân ngã hoạt động trong linh hồn thể, ta mới có khả năng làm việc một cách khoa học với vấn đề tiến hóa riêng của ta, và làm những việc tốt lành để giúp cho sự tiến hóa của huynh đệ của ta.

(3-505)

3. Khi xem xét linh hồn thể, chúng ta đang đặc biệt bàn đến hiện thể biểu lộ của một Thái Dương Thiên Thần, vốn là sự sống thấm nhuần của linh hồn thể, và ở trong tiến trình kiến tạo linh hồn thể, hoàn thiện nó, và mở rộng nó, và như vậy phản chiếu ở một mức độ nhỏ công việc của Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài. (3-1110)

a) Nội Dung của Linh Hồn Thể

Đúng ra thì bạn muốn ám chỉ điều gì khi nói về thể nguyên nhân? Đừng có nhanh nhẩu nói đó là thể của những nguyên nhân vì những lời được nói như thế thường chỉ tối nghĩa và mơ hồ. Bây giờ, chúng ta hãy xem xét thể nguyên nhân và tìm ra các thành phần cấu tạo của nó.

Trên đường tiến hóa giáng hạ, bạn có cái được gọi là Hồn Khóm (Group Soul), được mô tả một cách thích hợp (trong chừng mực mà ngôn ngữ thế gian cho phép) là một tập hợp các tam thượng thể (triads) được bao bọc trong một vỏ có 3 lớp làm bằng tinh chất cõi chân thần (monadic essence). Trên con đường tiến hóa thăng thượng, có các nhóm của các thể nguyên nhân tương ứng và được cấu tạo tương tự, có 3 yếu tố xen vào. [41]

Thể nguyên nhân là một tập hợp của các vi tử thường tồn, có ba tất cả, được bọc trong một vỏ làm bằng tinh chất trí tuệ... Việc gì xảy ra vào lúc mà người-thú trở thành một thực thể biết suy tư, một con người thiết thọ? Sự gần giống (approximation) của cái ngã (self) và cái phi ngã (non-self) qua trung gian của trí tuệ (mind) vì con người là “sinh linh mà trong đó tinh thần cao nhất và vật chất thấp nhất được liên kết với nhau bằng sự thông tuệ”. Tôi có ý nói gì với câu này đây? Chỉ là thế này: khi mà người-thú đã tiến đến một

mức thích hợp, khi xác thân y đã được điều hợp thích đáng, khi y đã có một bản chất tinh cảm hay ham muốn đủ mạnh để tạo thành một căn bản cho sự tồn tại, và nhờ bản năng để hướng dẫn nó, và khi mầm trí tuệ đã được ăn sâu đủ để có được ký ức theo bản năng và sự liên kết các ý tưởng, vốn có thể được thấy ở một con thú nuôi ở mức trung bình, bấy giờ, cái tinh thần đang giáng thế (vốn đã thu về cho nó một nguyên tử của cõi trí) phán đoán rằng thời gian đã chín muồi cho việc chiếm hữu các hạ thế. Các Hòa Tinh Quân (Lords of the Flame) được vời đến, các Ngài thực hiện việc chuyển sự an trụ từ vi tử thấp nhất của Tam Thượng Thế đến vi tử thấp nhất của Phạm Ngã. Ngay cả lúc bấy giờ mà Ngọn Lửa nội tại vẫn không thể xuống thấp hơn phân cảnh thứ ba của cõi trí. Ở đó, cả hai (tinh thần và sắc tướng) đã gặp nhau, trở thành một và thể nguyên nhân được tạo thành. Mọi thứ trong thiên nhiên đều phụ thuộc lẫn nhau và Chân Ngã nội tâm (indwelling thinker) không thể kiểm soát được ba cõi thấp mà không có sự trợ giúp của phạm ngã. *Sự sống của Thượng Đế Ngôi I phải được hòa trộn với sự sống của Thượng Đế Ngôi II và phải được dựa vào sự hoạt động của Thượng Đế Ngôi III.*

Do đó, vào thời điểm biệt lập ngã tính, từ ngữ này được dùng để diễn tả giờ phút tiếp xúc này, bạn có ở phân cảnh 3 của cõi trí, một điểm sáng bao quanh 3 vi tử thường tồn, và tất cả được bao bọc trong một vỏ bằng chất cõi trí. Công việc tiếp đó phải được làm gồm có :

1. Làm cho điểm sáng ấy trở thành Ngọn Lửa bằng cách quạt đều tia lửa và cung cấp chất đốt cho lửa.

2. Làm cho thể nguyên nhân tăng trưởng và nở rộng từ là một khối bầu dục không màu, giữ lấy Chân Ngã giống như một lòng đỏ ở trong vỏ trứng, thành một vật có vẻ đẹp hiếm có, chứa đựng trong nó tất cả màu sắc của cầu

vòng. Đây là một sự kiện huyền linh. Khi đúng lúc, thể nguyên nhân sẽ rung chuyển với sự tỏa chiếu bên trong, và ngọn lửa nội tại đang tỏa sáng sẽ dần dần lan ra từ trung tâm ra chu vi. Sau đó, ngọn lửa sẽ xuyên thủng chu vi, dùng thể nguyên nhân (vốn là sản phẩm của vô số kiếp đau khổ và cố gắng) làm nhiên liệu cho ngọn lửa của nó. Nó đốt tan tất cả, nó sẽ leo lên đến Tam Thượng Thế, và (trở thành một với Tam Thượng Thế đó), sẽ được tái hấp thu vào tâm thức tinh thần (Chân Thần thức) – sẽ [42] mang cùng với nó – dùng sức nóng như là biểu tượng – một nhiệt độ mãnh liệt, hay tính chất của màu sắc, hay rung động mà trước đây còn thiếu.

Vì chúng ta phải nhìn mọi việc theo quan điểm của Phạm Ngã cho đến khi chúng ta có thể có được nhãn quang Chân Ngã, cho nên công việc của Phạm Ngã trước tiên là tô điểm, xây dựng và mở rộng thể nguyên nhân; thứ hai là rút sự sống của Phạm ngã vào bên trong nó, hút những gì tốt đẹp của sự sống Phạm ngã và đem chứa nó vào thể của Chân Ngã (thể nguyên nhân). Chúng ta có thể gọi điều này là sự Hút Máu Thiêng Liêng (Divine Vampirism), vì luôn luôn điều ác chỉ là mặt kia của điều thiện. Khi đã hoàn tất việc này rồi, sự tác động của ngọn lửa đối với chính thể nguyên nhân sẽ đến, và kẻ vui sướng đứng một bên trong khi công việc phá hủy tiếp tục, và Ngọn Lửa – là con người sống bên trong và là tinh thần của sự sống thiêng liêng – được giải thoát và leo lên tới cội nguồn của nó.

Trọng lượng riêng của thể nguyên nhân ấn định thời điểm của sự giải thoát và đánh dấu thời điểm khi công việc tô điểm và xây dựng được hoàn tất, khi ngôi đền Solomon được dựng lên, và khi *trọng lượng* (hiểu theo nghĩa huyền linh) của thể nguyên nhân đạt tới tiêu chuẩn mà Đại Đoàn Chương

Giáo mong đợi. Bấy giờ, việc phá hủy xảy ra và sự giải thoát đến gần. Mùa Xuân đã được trải qua, cây cỏ xanh tươi hoàn mãn của mùa Hạ đã tiếp theo, giờ đây lực tan rã của mùa Thu phải được cảm thấy, – chỉ có điều là lần này, nó được cảm thấy và tác động trên các phân cảnh trí tuệ chứ không phải ở cõi trần. Lưỡi rìu được đặt vào rễ cây nhưng tinh túy sự sống được thu vào kho chứa Thiên liêng.

Nội dung của thể nguyên nhân là sự tích lũy những điều tốt đẹp trong mỗi kiếp sống bởi một tiến trình dần dần và chậm chạp. Việc xây dựng lúc đầu tiến hành một cách chậm chạp, nhưng về phía cuối của sự luân hồi – trên Con Đường Dự Bị và trên Con Đường Điểm Đạo – công việc diễn tiến nhanh chóng. Cấu trúc đã được dựng lên và mỗi viên đá được khai thác trong đời sống cá nhân. Trên Đường Đạo, ở mỗi giai đoạn trong hai giai đoạn của nó (Dự Bị và Điểm Đạo), công việc hoàn thành và tô điểm Ngôi Đền tiến hành với sự nhanh chóng còn nhiều hơn nữa... (2–29/32)

b) Kiến Tạo Linh Hồn Thể

1. Con Đường Dự Bị đi trước Con Đường Điểm Đạo hay Thánh Thiện, và đánh dấu thời kỳ trong đời sống của một người khi người ấy dứt khoát tự đặt y về phía các lực lượng tiến hóa, và hoạt động để kiến tạo đặc điểm riêng của y. Y tự chịu trách nhiệm, vun trồng các tính chất còn thiếu trong tính khí của y, và chuyên tâm tìm cách kiểm soát phạm ngã. Y đang kiến tạo linh hồn thể với ý định thận trọng, lấp đầy những khoảng trống có thể còn tồn tại, và tìm cách biến nó thành chỗ chứa thích hợp cho nguyên khí Christ. (1–63) [43]

2. Các nguyên tử thường tồn được bao trong chu vi của thể nguyên nhân, tuy nhiên, thể tương đối thường tồn đó được kiến tạo và được mở rộng, được phát triển và được

chuyển thành một trạm trung tâm tiếp nhận và truyền chuyển (dùng các từ không thích hợp để truyền đạt một ý tưởng huyền linh) nhờ tác động trực tiếp của các trung tâm lực và của *các trung tâm lực tối cao*. Giống như sức mạnh tinh thần hay trạng thái ý chí đã tạo ra Thái dương hệ, cũng thế, cùng mãnh lực đó trong con người đang kiến tạo thể nguyên nhân.... Bằng việc mang lại với nhau (trong tiểu thiên địa) Tinh Thần và vật chất, và việc kết hợp chúng bằng thần lực (hay ý chí tinh thần) mà hệ thống khách quan, tức thể nguyên nhân, đang được tạo ra... Linh hồn thể chỉ là cái vỏ của Chân ngã. (3-178/9)

c) Sự Giải Thoát Tâm linh

1. Linh hồn thể là hiện thể của tâm thức cao siêu, đền thờ của Thượng Đế nội tại, vốn dường như có một vẻ đẹp rất hiếm có, và một sự ổn định có bản chất quá chắc chắn đến nỗi khi sự tan rã cuối cùng của ngay cả kiệt tác đó của nhiều kiếp sống xảy ra, thì cốc phải uống thực sự là cay đắng, và đơn vị tâm thức dường như bị mất đi một cách không thể diễn tả bằng lời được. Bây giờ, chỉ có ý thức về Tinh Thần Thiêng Liêng bẩm sinh, chỉ có ý thức về Chân Lý của Thượng Đế Ba Ngôi (Godhead), nhận thức một cách sâu sắc và đến tận thâm sâu bản thể của y về bản chất phù du của hình tướng và của mọi hình tướng, đứng đơn độc trong con xoáy của các nghi lễ điếm đạo, bị tước đi tất cả những gì mà y có thể trông cậy vào (có thể là người bạn, Chân Sư, học thuyết hoặc môi trường chung quanh), rồi thì vị Điểm Đạo Đồ có thể kêu lên: “Tôi là Linh Ngã, và không có gì khác nữa”. Rồi thì, một cách ẩn dụ, y có thể đặt bàn tay y vào bàn tay của Cha y trên Cõi Trời, và đưa bàn tay kia ra ban phúc cho thế giới loài người, bởi vì chỉ những bàn tay đã để trôi tuột ra mọi vật trong ba cõi thấp

mới được đặc quyền mang phúc lành tối thượng đến cho nhân loại đang phấn đấu. Kế đó y tự tạo cho chính y một hình thể như y mong muốn, – một hình thể không còn bị tan rã, mà đủ cho nhu cầu của y, để bị loại bỏ hoặc được sử dụng khi cơ hội cho phép. (4-264/5)

2. Chất trí, thể trí trừu tượng và trực giác hay lý trí thuần túy phải được hợp nhất trong tâm thức của người tìm đạo. Khi điều này xảy ra, đệ-tử đã kiến tạo cây cầu (antaskarana), nó nối liền:

1. Tam-thượng-thể tinh-thần (spiritual triad).
2. Thể nguyên nhân (causal body).
3. Phàm-ngã (personality).

Khi điều này được thực hiện, chân-ngã-thể đã đáp ứng với mục đích của nó, Thái Dương Thiên Thần đã thực hiện công việc của mình, và không còn cần đến khía cạnh sắc tướng của sự hiện tồn nữa, vì [44] chúng ta hiểu biết và sử dụng nó như một phương tiện của kinh nghiệm. Con người nhập vào tâm thức của Chân Thần (Monad), Đấng Duy Nhất (the ONE). Thể nguyên nhân tan rã; phàm-ngã biến dần, và ảo tưởng kết thúc. Đây là việc hoàn thành Đại Sự, và thêm một Con của Thượng Đế đã bước vào nhà của Từ Phụ. Việc mà ngài có thể đi ra khỏi đó để đi vào thế giới của các hiện tượng để có thể hợp tác với Thiên Cơ thì có thể xảy ra, nhưng ngài sẽ không cần phải trải qua các tiến trình biểu lộ như nhân loại chịu đựng. Lúc đó, ngài có thể tạo ra thể biểu lộ của ngài để hoạt động. Ngài có thể làm việc thông qua và với năng lượng khi Thiên Cơ ra lệnh. Hãy chú ý những lời cuối cùng này vì chúng nắm giữ bí quyết của sự biểu lộ (manifestation). (4-387/8)

3. Chỉ có thể bàn thật vắn tắt về hiệu quả của việc áp

Thần tượng đối với thể nguyên nhân của điểm đạo đồ.... Chỉ có hai cách để truyền đạt một ý niệm nào đó về chân lý nền tảng đến thể trí của môn sinh, mà chúng ta có thể xem xét ở đây.

Thứ nhất, môn sinh nên ghi nhớ sự kiện có ý nghĩa thú vị rằng y là một phàm nhân đang hoạt động ở cõi trần, với các đặc tính được biết và được nhận thức, và tuy vậy, đồng thời y là một Sự Sống thuộc chủ quan, sử dụng phàm nhân này làm một trung gian để biểu lộ, và – nhờ tác dụng của thể xác, thể tình cảm và thể trí vốn hợp thành phàm nhân tam phân – y tiếp xúc với cõi trần và phát triển bằng cách đó. Cùng ý tưởng phát triển tổng quát này giờ đây phải được mở rộng đến Bản Ngã cao, là Chân nhân trên cõi riêng của nó. Chân nhân này là một Thái Dương Thiên Thần cao cả, làm phương tiện biểu lộ cho Chân Thần hay tinh thần thuần khiết, giống như phàm nhân làm phương tiện cho Chân nhân ở mức độ thấp hơn. Theo quan điểm của con người trong ba cõi thấp, Chân nhân, hay Thần Thái Dương, là vĩnh cửu; Chân nhân tồn tại trong toàn chu kỳ của các kiếp luân hồi, giống như phàm nhân tồn tại trong suốt chu kỳ sống ngắn ngủi ở cõi trần. Tuy nhiên, thời kỳ hiện tồn này chỉ trường cửu tương đối, và sẽ đến lúc sự sống tự biểu lộ qua trung gian của Chân nhân, là Chủ Thể Tư Tưởng, Thần Thái Dương hay Thần Trí Tuệ (Manasadeva), tìm cách thoát khỏi ngay cả giới hạn này, và quay về với nguồn cội, nơi xuất phát nguyên thủy của nó.

Sự sống lúc bấy giờ, vốn được biểu lộ như một Thái Dương Thiên Thần, và nhờ năng lượng cố hữu, đã gắn bó với hình tướng Chân nhân qua những thời đại lâu dài, bấy giờ tự rút lui dần, và hình tướng từ từ tan rã; các sinh linh bé nhỏ vốn đã tạo nên hình thể này, bèn quay về nguồn chung của

chất liệu thiên thần, cộng với tâm thức và hoạt động được gia tăng mà chúng đã hoạch đắc nhờ kinh nghiệm của việc được gắn vào trong một hình tướng và được sử dụng bởi một trạng thái hiện tồn còn cao siêu hơn nữa. Tương tự, trong trường hợp của phạm nhân, khi sự sống Chân nhân triệt thoái, thì phạm ngã tam phân tan rã; các sinh linh nhỏ bé [45] tạo nên cơ thể của cái được gọi là bản ngã thái âm (lunar self, khác với bản ngã thái dương, solar self, mà nó chỉ là phản ánh), được hấp thu vào kho chứa chung của chất liệu thiên thần có một rung động thấp hơn so với loại chất liệu tạo thành thể chân nhân. Tương tự, sự tiến hoá của chúng cũng đã được tăng thêm nhờ đã được gắn vào một hình tướng cho Chân ngã sử dụng.

Nhờ việc áp Điểm đạo Thần tượng, việc tách rời linh ngã tinh thần (spiritual self) khỏi chân ngã (higher self) được tiến triển, và sự sống bị giam hãm từ từ thoát ra, trong khi thể nguyên nhân bị hấp thu hay tan biến dần.

Điều này đã dẫn đến sự diễn đạt, đôi khi được dùng trong các sách huyền bí, về “sự rạn nứt của thể nguyên nhân” ở mỗi cuộc điểm đạo, và tới ý tưởng về ngọn lửa nội tại trung tâm từ từ đi qua và phá hủy các bức tường giới hạn, và cũng về sự hủy hoại Ngôi Đền Solomon do sự triệt thoái của Shekinah. Tất cả những cụm từ này là những lối nói biểu tượng, và là những cố gắng truyền đạt tới thể trí của con người chân lý cơ bản từ các góc độ khác nhau.

Vào thời gian đạt được cuộc điểm đạo thứ tư, việc tiêu hủy được hoàn tất, Thái Dương Thiên Thần sau khi đã làm xong phận sự và quay về nơi chốn riêng của Ngài, và các sinh linh thái dương tìm kiếm điểm xuất phát của chúng. Bấy giờ sự sống bên trong hình tướng leo lên trong sự khải hoàn đến sự đùm bọc của “Cha trên Trời”, giống như vào lúc chết, sự

sống bên trong thể xác tìm kiếm cội nguồn của nó, là Chân ngã, và điều này cũng theo bốn giai đoạn:-

1. Bằng việc rút lui khỏi thể xác trọng trực.
2. Bằng việc rút lui khỏi thể dĩ thái.
3. Bằng một sự bỏ trống thể cảm dục sau đó.
4. Một sự rời bỏ cuối cùng thể hạ trí.

Một cách khác để nhấn mạnh cùng một chân lý này là xem thể của chân nhân như một trung tâm lực, một luân xa năng lượng, hoặc một hoa sen, và hình dung nó như một hoa sen có chín cánh, che giấu bên trong các cánh hoa này một đơn vị trung tâm gồm ba cánh hoa; các cánh này đến lượt chúng, cất giấu sự sống trung tâm, hay là “bảo ngọc trong hoa sen.” Khi cuộc tiến hoá tiếp diễn, ba vòng với mỗi vòng có ba cánh hoa này khai mở dần, có một hiệu quả đồng thời trên một trong ba cánh hoa ở trung tâm. Ba vòng này được gọi lần lượt là các cánh hoa Hy sinh, Bác ái, và Kiến thức. Vào lúc điểm đạo, Thần tượng được áp vào các cánh hoa một cách khoa học, và được điều chỉnh theo cung và khuynh hướng của điểm đạo đồ. Việc này làm khai mở nụ hoa ở trung tâm, giúp viên ngọc ra khỏi lớp vỏ từ lâu đã bao bọc nó, và như nó được gọi một cách huyền bí, là [46] được chuyển đến “ngai vàng” (“the crown”), tức là trở về với Chân thần là cội nguồn của nó.

Chúng ta phải nhận thức rõ rằng tất cả những điều trên đây chỉ là một cố gắng, dùng ngôn từ giới hạn, để mô tả phương pháp và các nghi thức mà nhờ đó cuối cùng đạt được sự giải thoát tinh thần trong chu kỳ này; trước hết, nhờ phương pháp khai mở tiến hoá, hay sự phát triển dần dần, và sau đó nhờ Điểm đạo Thần tượng trong các giai đoạn cuối cùng. (1-135/8)

4. Khi “ý chí sinh tồn” (“will to live”) tan biến, lúc bấy giờ các “Đứa Con Thiết Yếu” (“Sons of Necessity”) ngừng sự biểu lộ khách quan. Về mặt luận lý thì điều này không thể tránh được và sự thể hiện của nó có thể được nhận thấy trong mỗi trường hợp *trạng thái khách quan được đi vào hiện tồn (entified objectivity)*. Khi Chủ Thể Tư Tưởng trên cõi riêng rút sự chú ý của nó ra khỏi hệ thống bé nhỏ của nó trong ba cõi thấp và qui tụ mọi thần lực của nó vào chính nó; lúc bấy giờ sự sống trên cõi trần đi đến chỗ chấm dứt, và tất cả trở lại trong tâm thức của thể nguyên nhân; đây là một sự hườn hu (abstraction, trừu xuất) trong ba cõi thấp của Chủ Thể Tư Tưởng, cũng như Đấng Tuyệt Đối ở trong Thái dương hệ tam phân của Thượng Đế. Điều này biểu lộ trên cõi trần bằng sự triệt thoái ra khỏi đỉnh đầu của thể dĩ thái sáng chói, và sự phân huỷ tiếp đó của thể xác. Cái khung mất đi và hình hài vật chất trọng trực tan rã; sự sống của prana bị tách ra khỏi lớp vỏ trọng trực của xác thân, và sự kích thích của lửa vật chất chấm dứt. Lửa tiềm tàng của nguyên tử vẫn còn lại; lửa ấy thì cố hữu, nhưng hình hài được tạo ra bởi tác động của hai thứ lửa vật chất – hoạt động và tiềm tàng, phát xạ và cố hữu – được trợ giúp bởi lửa của Thượng Đế Ngôi Hai, và khi chúng được tách ra, hình hài sẽ tan rã. Đây là một minh họa thu nhỏ về nhị nguyên căn bản (essential duality) của mọi vật mà Fohat tác động lên.

... Khi một người bắt đầu sống cuộc đời riêng có sự ham muốn hữu thức, khi một người được sinh ra trong một thế giới mới có một hình thức sự sống tinh tế hơn, sợi dây đan bằng chất dĩ thái đó (vốn đã nối y với thể xác của y) bị đứt; “sợi chỉ bạc bị rời ra” và con người cắt đứt sự liên lạc của mình với nhục thân và thoát ra xuyên qua trung tâm lực cao nhất của thể xác, thay vì thấp nhất, đến cuộc sống trong một

cõi cao hơn và thuộc một chiều đo khác. Thế nên, điều đó sẽ được tìm thấy trong mọi thể và các lớp vỏ của tiểu thiên địa, vì sự tương đồng sẽ tồn tại trên mọi cõi trong khi biểu lộ. (3-85/6) [47]

18. HOA SEN CHÂN NGÃ (Egoic Lotus)

1. Mô tả tượng trưng:

Tất cả các cách diễn tả này (về Hoa Sen Chân Ngã) chỉ là các hình ảnh dùng để truyền đạt một ý tưởng nhỏ nào đó của sự mỹ lệ, và sự phức tạp của diễn trình thiêng liêng khi nó được tiến hành trong tiểu thiên địa và trong đại thiên địa. Tất cả chúng dùng để giới hạn và hạn chế thực tại, nhưng đối với người có con mắt thiêng liêng đang trong tiến trình khai mở, và đối với người có năng lực trực giác cao siêu được đánh thức, các hình ảnh đó dùng như một manh mối hay bí quyết cho sự lý giải cao siêu. Chúng tiết lộ cho môn sinh một vài ý tưởng nào đó về bản chất của lửa. (3-1119)

2. Chúng ta đã thấy rằng hoa sen Chân Ngã ở trên cõi phụ thứ ba của cõi trí, và môn sinh nên hình dung hoa sen đó cho chính y như sau:

Được ẩn giấu ở ngay trung tâm hay tim của hoa sen là một điểm lửa điện sáng chói có màu trắng-xanh (bảo ngọc trong Hoa Sen), được bao quanh, và hoàn toàn được che giấu bởi ba cánh hoa xếp chặt. Quanh cái nhân trung tâm này, hay ngọn lửa bên trong, có xếp chín cánh hoa thành các vòng, mỗi vòng ba cánh hoa, tạo thành ba vòng tất cả. Các cánh hoa này được tạo thành bằng chất liệu của Thái Dương Thiên Thần, như ba cánh hoa trung tâm, – chất liệu này vốn không phải chỉ hữu cảm thức như là chất liệu của các hình hài trong ba cõi thấp và các nguyệt thể (lunar bodies), mà nó có một tính

chất được thêm vào của “I-ness” hay của ngã thức (self-consciousness) giúp cho nhất nguyên tâm linh (spiritual unity) ở trung tâm (nhờ đó) hoạch đắc tri thức, sự hiểu biết và sự tự-nhận thức (self-realisation). Chín cánh hoa này có một màu vàng cam chiếm ưu thế hơn, mặc dù sáu màu khác được thấy như là các màu phụ ở một mức độ khác nhau. Ba cánh hoa bên trong có màu vàng chanh đáng yêu. Ở đáy của các cánh hoa sen là ba điểm ánh sáng đánh dấu vị trí của các nguyên tử thường tồn, và là phương tiện giao tiếp giữa các Thái Dương Thiên Thần với các Lunar Pitris. Nhờ các vi tử thường tồn mà Ego, tùy theo tình trạng tiến hóa của nó, có thể kiến tạo các nguyệt thể của nó, hoạch đắc tri thức trên ba cõi thấp, và như thế có được kinh nghiệm của nó, và trở nên *hiểu biết*. Trên một vòng xoắn ốc cao hơn, Chân Thần thông qua các cánh hoa Chân Ngã, và như vậy với sự trợ giúp của các Thái Dương Thiên Thần, hoạch đắc tri thức, và cũng trở nên hiểu biết trên các phân cảnh cao hơn.

Ánh sáng trong các vi tử thường tồn này có sắc đỏ mờ, do đó chúng ta có cả ba loại lửa thể hiện trong thể nguyên nhân – *Lửa điện* ở trung tâm, *Lửa thái dương* bao quanh nó giống như ngọn lửa bao quanh cái nhân ở giữa hay tinh hoa trong một ngọn lửa nến, và *lửa do cọ xát*, [48] lửa sau cùng này tương tự với tim bắc đẩu chói nằm ở đáy của ngọn lửa trên cao.

Ba loại lửa này ở trên cõi trí – gập gờ và hợp nhất trong thể Chân Ngã – cuối cùng tạo ra một bức xạ hay hơi ấm tuôn ra từ mọi phía của hoa sen, và tạo thành dạng giống hình cầu được các nhà sư khảo ghi nhận. Ego có thể được phát triển càng đầy đủ, thì các cánh hoa càng được khai mở nhiều thêm, vẻ đẹp đẽ của hình cầu bao quanh càng lớn, và sắc thái của nó càng thanh bai.

Vào các giai đoạn đầu sau hiện tượng biệt ngã hóa, thể chân ngã có dạng một cái chồi. Lửa điện ở trung tâm không rõ ràng và cả chín cánh hoa đều khép xuống trên ba cánh ở bên trong; màu cam có một vẻ xám xịt, còn ba điểm ánh sáng ở đáy chỉ là các điểm và không có gì hơn; tam giác được nhận thấy về sau kết nối các điểm thì không được thể hiện. Hình cầu bao quanh thì không màu và chỉ được đánh giá như là các rung động hình sóng (giống như các sóng trong không khí hoặc dĩ thái) chỉ đạt đến bên ngoài đường viền của cánh hoa.

Vào lúc đạt đến Điểm Đạo ba, một sự biến đổi thần kỳ đã diễn ra. Hình cầu bên ngoài đang đập nhịp theo mọi sắc màu trong cầu vồng, và có bán kính rộng; các dòng điện năng lưu chuyển trong đó mạnh đến nỗi chúng đang thoát ra vượt quá chu vi vòng tròn, tương tự các tia sáng mặt trời. Chín cánh hoa được khai mở hoàn toàn, tạo thành một đế gắn trang nhã cho viên ngọc nằm giữa, và màu cam của chúng giờ đây có độ trong mờ xinh xắn, lốm đốm với nhiều màu sắc, màu của cung Chân Ngã đang chiếm ưu thế. Tam giác ở đáy giờ đây được kích thích và lấp lánh, còn ba điểm là các đốm lửa nhỏ rực sáng, phơi bày trước mắt của người có nhãn thông như là các vòng xoắn ánh sáng thất phân, lưu chuyển ánh sáng của chúng từ điểm này đến điểm khác của một tam giác đang chuyển động nhanh.

Vào lúc đạt Điểm Đạo bốn, hoạt động của tam giác này lớn đến nỗi nó trông giống hơn một bánh xe đang quay nhanh. Nó có một trạng thái của bề đồ thứ tư. Ba cánh hoa ở tâm đang mở ra, tiết lộ "bảo ngọc sáng chói". Ở cuộc điểm đạo này, qua tác động của Đấng Điểm Đạo đang vận dụng Quyền Lực Trọng có điện, ba loại lửa bất ngờ được kích

hoạt bằng một dòng điện đi xuống, hay thần lực dương, từ Chân Thần, và sự bùng lên của chúng khi đáp ứng tạo ra sự hòa nhập vốn hủy diệt toàn bộ quả cầu, xua tan mọi sự xuất hiện của hình hài, và tạo ra một khoảnh khắc cân bằng, hay sự đình chỉ (suspension), trong đó “các yếu tố bị thiêu hủy bằng sức nóng dữ dội”. Thời điểm của sự phát xạ cao nhất được biết tới. Khi đó – qua việc phát ra một Quyền Lực Từ nhất định, các Thái Dương Thiên Thần cao cả gom lại vào chính Các Ngài lửa thái dương, như vậy tạo ra sự tan rã cuối cùng của hình hài, và đó là việc tách sự sống ra khỏi [49] hình hài; lửa vật chất quay trở lại với kho chứa chung, còn các vi tử thường tồn và thể nguyên nhân không còn nữa. Lửa điện trung tâm trở nên được tập trung trong atma-buddhi. Chủ Thể Suy Tư hay thực thể tâm linh được giải thoát khỏi ba cõi thấp, và hoạt động hữu thức trên cõi bồ đề. Giữa hai giai đoạn quán tính tĩnh lặng (mặc dù có ngã thức) và hoạt động bức xạ đó, vốn tạo ra một sự quân bình của các lực, là một loạt dài gồm nhiều kiếp sống. (3-761/4)

3. Không thể đưa ra cho các môn sinh một ý tưởng thích hợp về cái mỹ lệ của hoa sen Chân Ngã khi nó đã đạt đến giai đoạn khai mở hoàn toàn. Sự rực rỡ về màu sắc của nó không được đề cập đến ở đây, trừ sự chói lọi của các lửa, và sự nhấp nháy mau chóng của các dòng chuyển động không ngừng và các điểm năng lượng. Mỗi cánh hoa đập nhịp với “các điểm” lửa rung rung, và mỗi tầng cánh hoa rung động theo sự sống, trong khi ở trung tâm, Bảo Ngọc rực sáng, tỏa ra các dòng năng lượng từ trung tâm đến ngoại vi của vòng tròn ở ngoài cùng.

Các Lửa của năng lượng sinh động tuần hoàn chung quanh mỗi cánh hoa riêng biệt, và phương pháp xen kẽ nhau và sự tuần hoàn của các lửa (như có thể được hiểu rõ) có bản

chất thất phân tùy theo bản chất thất phân của Thượng Đế có liên quan. Khi sự tiến hóa tiếp diễn, mỗi vòng cánh hoa cũng trở nên linh hoạt và quay chung quanh Bảo Ngọc ở giữa, sao cho chúng ta có không chỉ sự hoạt động của các cánh hoa, không chỉ sự hoạt động của các điểm sinh động hay các sự sống deva bên trong chu vi cánh hoa, mà cũng là hoạt động hợp nhất của mỗi tầng của hoa sen tam phân. Ở một giai đoạn đặc biệt trong sự tiến hóa, trước khi có sự khai mở của chồi nụ đang che đậy ở giữa, ba tầng cánh hoa, được xem như một đơn vị, bắt đầu quay vòng, sao cho toàn bộ hoa sen dường như đang hoạt động. Ở các giai đoạn cuối cùng, vòng cánh hoa ở giữa khai mở, tiết lộ những gì được che giấu, và quay chung quanh Bảo Ngọc, chỉ theo một hướng ngược lại với hoa sen ở ngoài đang chạy vòng nhanh chóng. Lý do không thể được tiết lộ ở đây vì nó được ẩn giấu trong bản chất của Lửa Điện của chính Tinh Thần.

Bản thân Bảo Ngọc vẫn đứng yên một cách huyền bí và không chạy vòng. Đó là một điểm an bình; nó đập nhịp một cách nhịp nhàng giống như tim người, và từ đó tỏa ra tám luồng hòa sinh động mở rộng tới chóp đỉnh của bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hy sinh. Năng lượng bát phân (eightfold energy) này là atma-buddhi. Chính sự tỏa ra cuối cùng này tạo ra sự tan rã sau rốt của thể Chân Ngã. Các cánh hoa tri thức, không phải là đối tượng của sự chú ý của ngọn lửa trung tâm này, vào đúng lúc chấm dứt hoạt động; tri thức được thay thế bằng minh triết thiêng liêng, và các cánh hoa bác ái có các lực của chúng cũng được hấp thu. Sau rốt không có gì còn lại trừ sự mong muốn “hy sinh”, và vì xung lực rung động hơi giống với bản chất của Bảo Ngọc sinh động, [50] nó được tổng hợp trong đơn vị trung tâm và chỉ có Bảo

Ngọc bằng lửa còn lại. Khi tất cả các cánh hoa đã hòa nhập các thần lực của chúng ở một nơi khác, tiến trình thiên khai được hoàn tất. Các lửa thấp kém tàn tạ; lửa trung tâm được hấp thu và chỉ có điểm lửa điện sáng rực còn lại. Kế đó một hiện tượng kỳ lạ sẽ được nhìn thấy ở Cuộc Điểm Đạo cuối cùng. Bảo Ngọc bằng lửa rực cháy lên như bảy viên ngọc trong một, hay như tia lửa điện thất phân, và trong sự tăng cường ánh sáng chói được tạo ra như thế, Bảo Ngọc được tái thu hút vào Chân Thần hay Cái Duy Nhất. (3-1118/9)

4. Viên ngọc hay kim cương, do Hoa Sen Chân Ngã che giấu, là cửa sổ của Chân Thần hay Tinh thần, qua đó Chân Thần nhìn ra ngoài hướng vào ba cõi thấp. Con mắt thứ ba là cửa sổ của Chân ngã hay Linh hồn đang hoạt động trên cõi trần, qua đó y nhìn vào ba cõi thấp. (3-1130). *Xem thêm* (3-539/44)

19. SỰ TIẾN HÓA CỦA CHÂN NGÃ THỂ

1. Khi nghiên cứu chủ đề (về sự khai mở của Chân ngã) với sự áp dụng thích hợp cho con người, môn sinh nên ghi nhớ các sự kiện sau:

Thứ nhất, tùy theo Cung Chân Thần, mà các cánh hoa sẽ khai mở như thế đó. Thí dụ, nếu Cung Chân Thần là Cung 2, cánh hoa tri thức sẽ khai mở trước tiên, nhưng cánh hoa thứ hai là bác ái sẽ hầu như phát triển song song với nó, vì đó là đường lối khai mở dễ dàng nhất đối với loại Chân Ngã đặc biệt đó; cánh hoa tri thức sẽ khó khai mở nhất đối với nó.

Thứ hai, các ảnh hưởng của một vòng cánh hoa đang khai mở sẽ được cảm nhận bên trong vòng kế tiếp ở một giai đoạn sớm, và sẽ gây ra một rung động đáp ứng, vì vậy các giai

đoạn khai mở về sau sẽ nhanh hơn rất nhiều so với giai đoạn đầu tiên.

Thứ ba, có tồn tại nhiều trường hợp khai mở không đồng đều hoặc không bằng nhau. Rất thường gặp những người có thể có hai cánh hoa đã được khai mở trong vòng tròn thứ nhất và một cánh hoa vẫn còn ở trạng thái tiềm tàng, trong khi một cánh hoa ở trung tâm hoặc ở vòng thứ hai có thể ở trong sự phát triển đầy đủ. Thường thì điều này là sự giải thích về năng lực phụng sự theo một số đường lối mà một số người thể hiện, cùng với một giai đoạn phát triển hoặc tâm thức tương đối thấp (nói về mặt Chân Ngã). Điều này do các nguyên nhân khác nhau, như là nhân quả (karma) của [51] chính Chân Thần trên cõi cao của nó, và sức mạnh của sự thu hút của Chân Thần trên chân ngã; nhiều kiếp sống được dành cho một đường lối hoạt động đặc biệt, dẫn đến việc tạo nên một rung động mạnh mẽ – rung động này mạnh đến nỗi nó làm cho việc phát triển sự đáp ứng với các rung động phụ khó đạt được; một số tình trạng đặc biệt được che giấu trong sự tiến hóa của Đấng Chương Quản đặc biệt của một Cung nào đó, và ảnh hưởng của tình trạng đó trên một nhóm tế bào đặc biệt; karma tập thể của một nhóm hoặc tập hợp các thể nguyên nhân và sự tương tác lẫn nhau của chúng. Mỗi đơn vị chân ngã hoặc trung tâm lực của Chân Thần đều có một ảnh hưởng xác định lên nhóm hoặc cộng đồng các Chân Ngã, mà nó có thể có một vị trí trong đó, và khi sự tương tác tiếp diễn, các kết quả đôi khi được tạo ra có một tính chất bất ngờ tạm thời. (3-546/7)

2. Chúng ta có thể chia diễn trình (tiến hóa) thành ba giai đoạn:

Một. Giai đoạn mà trong đó lửa vật chất (sức nóng của mẹ) che đậy, bảo dưỡng và khai sinh hài nhi Chân Ngã. Đây là giai đoạn của sự sống phàm ngã thuần túy, khi trạng thái thứ ba thống ngự, và con người ở trong bức màn ảo tưởng.

Hai. Giai đoạn mà trong đó Ego, hay sự sống chủ quan bên trong hình tướng, vượt qua một vài giai đoạn khai mở, và đi đến một tâm thức ngày càng sung mãn hơn. Đây là thời kỳ phát triển Chân Ngã, và được tạo ra bằng sự phối hợp và pha trộn từ từ của hai loại lửa. Đó là sự sống của phụng sự và của Thánh Đạo.

Ba. Thời kỳ mà chính Chân Ngã thức được thay thế bằng nhận thức tinh thần, và lửa của Tinh Thần phối hợp với hai lửa kia.

Lúc đầu, phàm ngã đóng vai trò của mẹ, hay của khía cạnh vật chất, đối với mầm mống của sự sống bên trong. Kế đó, Chân Ngã biểu lộ sự sống của nó bên trong sự sống cá nhân, và tạo ra một sự chiếu rạng “càng lúc càng tăng cho đến ngày hoàn thiện” (*Thánh Kinh Tân Ước. Proverb IV, 18 – Bản dịch của NXB Tôn Giáo 2003*). Vào lúc ngày hoàn thiện của sự thiên khai, người ta thấy được người trong bản thể là gì, và Tinh thần bên trong được tiết lộ. (3-610/1)

3. Sự tiến hóa cũng ảnh hưởng đến Chân ngã thể, chứ không chỉ các hình tướng của con người trong ba cõi thấp. Các hiệu quả của tiến trình đều phụ thuộc lẫn nhau, và khi phàm ngã phát triển, hoặc phàm ngã trở nên linh hoạt và sáng suốt hơn, thì các kết quả được tạo ra trong thể cao. Vì các hiệu quả này được tích lũy lại, chớ không phù du như các kết quả thấp, nên thể Chân Ngã cũng trở nên linh hoạt và sự biểu lộ năng lượng của nó được tăng lên. Vào cuối giai đoạn tiến hóa trong ba cõi thấp, một sự trao đổi năng lượng

thường xuyên được thấy xảy ra; các hình hài thấp trở nên phát xạ ánh sáng, và phản chiếu sự huy hoàng cao siêu; thể Chân Ngã là [52] Mặt Trời của hệ thống thấp, và các thể của nó phản chiếu các tia sáng của nó, giống như mặt trăng phản chiếu ánh sáng của vầng thái dương. Tương tự, mặt trời Chân Ngã, – qua sự tương tác – tỏa chiếu với cường độ và vẻ huy hoàng ngày càng lớn. (3-764/5)

20. CÁI CHẾT THỂ XÁC VÀ LINH HỒN

(Physical Death and the Soul)

1. Cái chết được diễn ra theo sự chỉ đạo của chân ngã (ego) bất kể con người có thể nhận thức về sự quản lý đó như thế nào. Tiến trình hoạt động một cách tự động với đa số người, vì khi linh hồn thu hồi sự chú ý của nó thì phản ứng không thể tránh khỏi trên cõi trần là cái chết, hoặc là do sự trừu xuất (abstraction, rút ra) cả hai tuyến là tuyến sự sống và tuyến năng lực lý trí, hoặc là bằng cách rút đi tuyến năng lượng vốn được hạn định bởi trí lực (mentality), để lại dòng sự sống (life stream) vẫn còn hoạt động qua tim nhưng không còn sự nhận thức sáng suốt. Linh hồn có công việc nơi khác và bận rộn với các công việc riêng trên cõi riêng của nó.

Trong trường hợp của những người phát triển cao, chúng ta thường thấy một cảm thức đoán trước về thời gian chết; điều này liên quan đến sự tiếp xúc với Chân Ngã và nhận biết những ước muốn của chân ngã. Đôi khi nó bao hàm sự hiểu biết về chính ngày chết, được kết hợp với một sự duy trì quyền tự quyết đến tận thời điểm cuối cùng của sự triệt thoái. Trong trường hợp của các điểm đạo đồ thì còn nhiều hơn thế nữa. Có một sự hiểu biết sáng suốt về các định luật trừu xuất, và điều này cho phép một người, vốn đang thực

hiện việc chuyển đổi, triệt thoái một cách có ý thức và trong sự tỉnh thức hoàn toàn ra khỏi thể xác, và nhờ đó hoạt động trên cõi cảm dục. Điều này liên quan đến việc duy trì sự liên tục tâm thức sao cho không có sự gián đoạn xảy ra giữa cảm thức (sense of awareness) trên cõi trần với cảm thức của trạng thái sau khi chết. Con người biết về y hiện giờ như là y trước đây, mặc dù không có một bộ máy mà nhờ đó y có thể tiếp xúc với cõi trần. Y vẫn nhận biết các trạng thái cảm xúc và những tư tưởng về những người mà y thương mến, mặc dù y không thể nhận thức hoặc tiếp xúc với hiện thể hồng trần trọng trực. Y có thể giao tiếp với họ trên cõi cảm dục, hoặc là bằng viễn cảm qua thể trí nếu họ và y đồng cảm, nhưng sự giao tiếp liên quan đến việc sử dụng năm giác quan nhận thức của cõi hồng trần thì tất nhiên là nằm ngoài tầm với của y. (4-497/8)

2. Bây giờ sự chết là kết quả của ý chí của linh hồn. Cuối cùng nó phải là kết quả của ý chí thống nhất của linh hồn và phàm ngã, và khi điều đó xảy ra, sẽ không có sự sợ chết. Hãy suy ngẫm về điều này. (5-669) [53]

3. Ý định dành cho con người là tử vong, vì mọi người đều phải chết *theo mệnh lệnh của chính linh hồn y*. Khi con người đã đạt đến một trình độ tiến hóa cao, với sự lựa chọn ngày giờ một cách cẩn thận và rõ rệt, y sẽ triệt thoái khỏi xác thân của y một cách hữu thức. Thể xác sẽ bị để im lặng và thiếu linh hồn, không có ánh sáng, nhưng lành lặn và nguyên vẹn. Sau đó, nó sẽ tan rã theo tiến trình tự nhiên, và các nguyên tử cấu tạo của nó sẽ quay trở lại vào “cái hồ có các đơn vị đang chờ”, cho đến khi chúng lại được cần dùng cho các linh hồn lâm phạm. Một lần nữa, ở khía cạnh chủ quan của sự sống, tiến trình được lặp lại, nhưng nhiều người đã

học cách triệt thoái khỏi thể cảm dục mà không chịu “sự tác động trong sương mù” (“impact in the fog”) đó, là lối mô tả tượng trưng cái chết của một người trên cõi cảm dục. Bấy giờ y tiếp tục triệt thoái lên cõi trí và để cái xác cảm dục của y làm phình sương mù lên và làm tăng mật độ của nó. (17-29)

4. Có thể là đáng mong muốn (và thường như vậy) rằng bệnh tật được phép làm công việc của nó và cái chết mở ra cánh cửa cho sự giải thoát linh hồn khỏi ngục tù. Chắc chắn đến lúc cho mọi sinh linh đã lâm phạm khi linh hồn yêu cầu sự giải thoát khỏi thể xác và khỏi sự sống sắc tướng, và thiên nhiên có các đường lối khôn ngoan riêng của nó để làm điều này. Bệnh tật và tử vong phải được nhận thức như là các yếu tố giải thoát khi nào chúng đến như là kết quả của việc tính đúng thời điểm của linh hồn. Các môn sinh phải nhận thức rằng hình hài vật chất là một tập hợp các nguyên tử, được kiến tạo thành các cơ quan và sau cùng thành một thể cố kết, và rằng, thể này được giữ chung với nhau bằng ý chí của linh hồn. Hãy triệt thoái ý chí đó lên trên cõi riêng của nó, hay (như nó được diễn tả một cách huyền bí) "hãy để cho con mắt của linh hồn quay sang một hướng khác", và trong chu kỳ hiện tại, bệnh tật và tử vong sẽ xảy đến bất ngờ. Đây không phải là sự sai lầm của trí tuệ, hay sự thất bại để nhận thức thiên tính, hay sự chịu thua điều sai trái. Thực ra đó là sự phân giải (resolution) bản chất hình tướng thành các thành phần cấu tạo và tinh chất căn bản của nó. Về thực chất, bệnh tật là một khía cạnh của sự chết. Đó là tiến trình mà nhờ đó bản chất vật chất và hình hài cụ thể tự chuẩn bị nó cho việc tách ra khỏi linh hồn. (17-111)

5. Sau rốt, tuổi thọ sẽ bị rút ngắn hoặc kéo dài tùy ý bởi các linh hồn phụng sự hữu thức và sử dụng cơ thể như là khí

cụ mà nhờ đó Thiên Cơ được phục vụ. Ngày nay, các kiếp sống thường được duy trì trong hình hài – cả trong tuổi già lẫn lúc ấu thơ – vốn có thể được hoàn toàn cho phép sự giải thoát. Chúng không dùng cho mục tiêu hữu ích nào cả, mà còn gây ra nhiều đau khổ cho các hình hài mà thiên nhiên (bị bỏ quên cho thiên nhiên) sẽ không sử dụng lâu dài và sẽ phá hủy. Hãy lưu ý lời này. Qua việc quá nhấn mạnh của chúng ta vào giá trị của sự sống sắc tướng và qua nỗi sợ chết phổ biến – sự chuyển tiếp lớn lao đó mà tất cả chúng ta phải đối mặt – và qua sự không chắc chắn của chúng ta về [54] sự thật của sự bất tử, và cũng qua sự gắn bó sâu xa của chúng ta với hình hài, chúng ta ngăn chặn các tiến trình tự nhiên và giữ lấy sự sống, vốn đang phấn đấu để được tự do, bị giới hạn vào các thể hoàn toàn không thích hợp với các mục tiêu của linh hồn. Đừng hiểu lầm tôi. Tôi không muốn nói điều gì làm cho việc tự tử là quan trọng. Nhưng tôi vẫn nói và nói với sự nhấn mạnh rằng Luật Karma thường bị đặt sang một bên khi các hình hài được duy trì trong sự biểu lộ cố kết, vốn nên được loại bỏ, vì chúng không phục vụ cho mục tiêu hữu ích nào. Trong đa số các trường hợp, sự duy trì này bị thúc ép bởi nhóm của chủ thể, chứ không phải bởi chính chủ thể – thường là một người tàn tật vô thức, một người già có bộ máy tiếp xúc và đáp ứng không hoàn hảo, hoặc một trẻ sơ sinh không bình thường. Các trường hợp này tạo thành các thí dụ rõ ràng của một sự hóa giải Luật Karma. (17–350/1)

6. Hai ý tưởng chủ yếu sẽ dùng để làm sáng tỏ vấn đề tử vong mà chúng ta đề cập hiện nay:

Thứ nhất, nhị nguyên luận vĩ đại luôn luôn hiện diện trong biểu lộ. Mỗi một trong các nhị nguyên có sự biểu lộ riêng của nó, bị chi phối bởi các định luật riêng của nó, và tìm kiếm các mục tiêu riêng của nó. Nhưng – trong thời gian và

không gian – chúng dung hợp các lợi ích của chúng cho lợi ích của cả hai, và cùng tạo ra sự xuất hiện của một sự thống nhất. Tinh thần-vật chất, sự sống-sắc tướng, năng lượng-mãnh lực – mỗi nhị nguyên có khía cạnh phát ra của chúng; mỗi một trong chúng có mối quan hệ với nhau; mỗi cặp có một mục tiêu chung tạm thời, và như thế kết hợp tạo ra sự tuôn ra vĩnh cửu, sự lên xuống theo chu kỳ của sự sống trong khi biểu lộ. Trong tiến trình của mối liên hệ này giữa Cha-Tinh Thần và Mẹ-Vật Chất, đưa con xuất hiện, và trong giai đoạn thơ ấu, xúc tiến các tiến trình sống bên trong hào quang của mẹ, được đồng nhất hóa với mẹ, tuy nhiên mãi mãi tìm cách thoát khỏi sự thống trị của bà. Khi đến tuổi trưởng thành, vấn đề mãnh liệt, sức “kéo” của cha bắt đầu chậm chạp hóa giải thái độ chiếm hữu của mẹ, cho đến khi cuối cùng, sự nắm giữ của vật chất hay của mẹ, đối với con của bà (là linh hồn) sau rốt bị phá vỡ. Đứa Con, Chúa hài đồng (Christ-child), được giải thoát khỏi sự giám hộ và đôi tay bám chặt của mẹ, đến để biết Cha. Tôi đang nói với bạn bằng các biểu tượng.

Thứ hai: Mọi tiến trình lâm phạm, của sự sống trong hình hài và của sự hoàn trả (bằng hoạt động của nguyên lý tử vong), của vật chất cho vật chất, và linh hồn cho linh hồn, được xúc tiến dưới Định Luật Hút phổ quát vĩ đại. Liệu bạn có thể hình dung thời điểm khi tiến trình sự chết được nhận thức rõ ràng và được con người chào đón, có thể được y mô tả bằng câu đơn giản: “Thời điểm đã đến khi lực hút của linh hồn tôi đòi hỏi rằng tôi từ bỏ và hoàn trả thể xác tôi vào nơi mà từ đó nó đã đến” hay không? [55] Hãy tưởng tượng sự thay đổi trong tâm thức con người khi sự chết đến để được xem như một hành động từ bỏ hình hài một cách hữu thức và đơn giản. (17- 426/7)

7. Một ý tưởng xuất hiện khi chúng ta (xem xét) ... cái chết của xác thân dưới hai trạng thái của nó: tư tưởng đó là sự toàn vẹn của con người nội tâm. *Y vẫn là chính y*. Y không bị động đến và không bị hạn chế; y là một tác nhân (agent) tự do, trong chừng mực liên quan đến cõi trần, và giờ đây chỉ đáp ứng với ba yếu tố gây ảnh hưởng:

1. Tính chất của vận cụ tình cảm-cảm dục của y.
2. Tình trạng trí tuệ mà y thường sống trong đó.
3. Tiếng nói của linh hồn, thường không quen thuộc, nhưng đôi khi được biết rõ và được yêu thương.

Cá tính không mất đi; cùng một con người vẫn hiện hữu trên hành tinh. Chỉ những gì đã biến mất vốn là một phần trọn vẹn của sắc tướng hữu hình của hành tinh chúng ta. Những gì đã được yêu thích hoặc ghét bỏ, vốn đã hữu dụng cho nhân loại, hoặc một nghĩa vụ đã phụng sự nhân loại, hoặc đã là một thành viên vô ích của nó, vẫn tiếp tục tồn tại, vẫn tiếp xúc với các tiến trình định tính và trí tuệ của sự tồn tại, và sẽ vẫn còn mãi mãi – có tính cá nhân, dù tư cách bởi loại cung, một phần của giới linh hồn, và một điểm đạo đồ cao cấp trong quyền riêng của nó. (17-478)

8. Về thực chất, bệnh tật và tử vong đều là điều kiện có sẵn trong vật chất; chỉ chừng nào một người còn đồng nhất hóa y với khía cạnh hình hài, chừng đó y sẽ bị chi phối bởi Định Luật Phân Hủy. Định Luật này là định luật căn bản và tự nhiên chi phối sự sống của sắc tướng trong mọi giới của thiên nhiên. Khi đệ tử hoặc điểm đạo đồ đang đồng nhất hóa chính y với linh hồn, và khi antahkarana được kiến tạo bằng nguyên khí sự sống, bấy giờ đệ tử vượt ra ngoài sự kiểm soát của định luật đại đồng, tự nhiên này và sử dụng hoặc vứt bỏ thể xác tùy ý – theo đòi hỏi của ý chí tinh thần hoặc qua sự

nhận thức về các nhu cầu của Thánh Đoàn hoặc các mục tiêu của Shamballa. (17-501)

9. Cuộc luân hồi này nối tiếp cuộc luân hồi khác, và tiến trình chết quen thuộc, xảy ra giữa các chu kỳ kinh nghiệm tiếp diễn. Tuy nhiên, cả ba cái chết – thuộc xác thân, cảm dục và hạ trí – được tiến hành với trạng thái ý thức (awareness) thức tỉnh đều đặn, khi hạ trí phát triển; con người không còn trôi dạt – ngủ và không hay biết – ra khỏi thể dĩ thái, thể cảm dục và hạ trí, mà mỗi thể trở nên giống như một biển cố như cái chết xác thân.

Sau cùng đến lúc mà đệ tử từ trần với chủ ý và trong [56] tâm thức đầy đủ, và với sự hiểu biết thực sự, từ bỏ các thể khác nhau của y. Linh hồn từ từ nắm quyền kiểm soát, và lúc đó đệ tử mang lại cái chết qua một tác động của ý chí linh hồn và biết chính xác những gì y đang làm. (17-514)

10. Sự sống có thể và thường được kéo dài, sau khi ý chí của linh hồn được hướng về việc triệt thoái của sự sống của linh hồn. Sự sống của các nguyên tử của các nguyệt thần có thể được khuyến khích trong thời gian dài, việc này làm phiền lụy rất nhiều cho con người tâm linh, vì con người này biết về tiến trình và ý định của linh hồn mình. Cái được giữ sống còn là xác thân, nhưng sự chú ý của chân nhân không còn được tập trung vào đó nữa. (17-652)

21. SỰ HÓA THIÊU VÀ SỰ GIẢI THOÁT CỦA LINH HỒN

1. Nói một cách huyền bí, việc hỏa táng là cần thiết vì hai lý do chính. Nó đẩy nhanh việc phóng thích các thể tinh anh (vẫn còn phủ kín linh hồn) ra khỏi thể dĩ thái, nhờ thế

mang lại sự giải thoát trong một ít giờ thay vì vài ngày; nó cũng là một phương tiện rất cần cho việc mang lại sự thanh lọc cho cõi cảm dục và cho việc ngăn chặn khuynh hướng “chuyển động hướng xuống” của dục vọng vốn cản trở rất nhiều linh hồn đang lâm phạm. (17–470/1)

2. Nhờ việc dùng lửa, mọi hình tướng bị tan rã; thể hồng trần con người bị tiêu hủy càng mau, thì sự nắm giữ của nó trên linh hồn đang triệt thoái càng bị đứt vỡ mau. Rất nhiều điều vô nghĩa đã được thuật lại trong văn liệu minh triết thiêng liêng hiện nay về phương trình thời gian liên quan với sự hủy diệt theo sau các thể tinh anh. Tuy nhiên, cần nên nói rằng lúc mà cái chết thực sự được thiết lập theo khoa học (bởi y sĩ chính thống phụ trách trường hợp) và đã xác định rằng không một tia sự sống nào còn lại trong xác thân, bấy giờ có thể thi hành hỏa táng. Cái chết hoàn toàn hay đích thực này xảy ra khi giác tuyến và sinh mệnh tuyến hoàn toàn rút ra khỏi đầu và tim.... Không có việc cần trì hoãn đối với thể dĩ thái. Khi con người bên trong rút ra khỏi xác thân của y, thì cùng lúc y cũng rút ra khỏi thể dĩ thái. Đúng là thể dĩ thái thường nấn ná một thời gian dài trên “vùng xạ khí” khi thể xác được mai táng, và nó thường tồn tại cho đến khi sự tan rã hoàn toàn của nhục thân đã xảy ra. Tiến trình ướp xác như được thực hành ở Ai Cập, và ướp hương liệu, như [57] được thực hành ở phương Tây, đã chịu trách nhiệm cho việc làm tồn tại thể dĩ thái, đôi khi hàng thế kỷ....

Nơi nào có luật hỏa táng, không những chỉ có hủy diệt tức khắc nhục thân, và phục hồi nó vào kho chất liệu, mà thể sinh lực cũng tan rã nhanh chóng, các mãnh lực của thể đó được cuốn sạch bởi luồng lửa vào kho chứa năng lượng sinh động.... Nếu sự trì hoãn là cần thiết do tình cảm gia đình,

hoặc do các đòi hỏi của chính quyền, việc hỏa thiêu nên theo sau cái chết trong vòng ba mươi sáu giờ; nơi nào không có lý do để trì hoãn, việc hỏa thiêu có thể được phép trong mười hai giờ. Tuy nhiên, thật khôn ngoan khi chờ mười hai tiếng đồng hồ để chắc chắn là chết thực sự. (17-483/5)

22. LUÂN HỒI

1. Sự xuất hiện của các Jivas luân hồi trên cõi trần sẽ bị chi phối bởi ba điều:

- Trước tiên, do sự thôi thúc được dựa trên mục tiêu-ý chí của Sự Sống làm sinh động toàn thể các nhóm trên bất cứ cung phụ nào, hoặc một trong 7 nhóm lớn.

- Thứ hai, do sự thôi thúc được dựa trên ý chí, bị nhuộm màu bởi mong muốn, của Sự Sống làm sinh động một nhóm Chân Ngã con người.

- Thứ ba, do sự thôi thúc được dựa trên mong muốn của Ego để biểu lộ ở cõi trần.

Khi sự đồng nhất hóa (identification) của một người với nhóm của y trở nên hoàn thiện, thì xung lực của mong muốn trở nên được biến đổi cho tới khi sau rốt nó bị thay thế bởi ý chí tập thể. Nếu các sự kiện này được suy gẫm, sẽ hiển nhiên là các Egos bước vào luân hồi do đó không đơn độc mà tùy vào sự thôi thúc tập thể, và như thế có tính tập thể. (3-770)

2. Bạn đã thiết lập một sự nhিপ nhàng về tư tưởng mà không gì có thể thay đổi, và sẽ là một động cơ mạnh mẽ khi quyết định thời gian bạn quay lại khi lần luân hồi này đi đến kết thúc, loại hiện thể mà bạn, với tư cách linh hồn, sẽ kiến tạo, và bản chất của chủng tộc, quốc gia và loại phụng sự mà linh hồn đang ám trợ sẽ chuyển giao cho phàm ngã. (6-477).

3. *Thuyết luân hồi ...* đang trở nên ngày càng phổ biến ở

Tây phương; thuyết này luôn luôn được chấp nhận (mặc dầu với nhiều thêm thắt và diễn giải lối bịch) ở Đông phương. Giáo lý này đã bị [58] biến dạng nhiều, cũng như các giáo huấn của Đức Christ, hoặc Đức Phật, hoặc Đức Shri Krishna bởi những nhà thần học thiên cận và bị giới hạn trí tuệ. Các sự kiện căn bản có nguồn gốc tâm linh, về một sự giáng xuống vào vật chất, về một sự thăng lên qua trung gian các hóa thân liên tục trong hình hài cho đến khi các hình hài này là các biểu lộ hoàn hảo của tâm thức tâm linh nội tại, và của một loạt các cuộc điếm đạo vào lúc kết thúc chu kỳ luân hồi, đang được chấp nhận và được công nhận sẵn sàng hơn so với trước đây. (17-402)

4. Những linh hồn tiến hóa và những người mà khả năng trí tuệ đang phát triển nhanh chóng sẽ trở lại rất nhanh, do bởi sự đáp ứng nhạy bén của họ với sức thu hút của nghĩa vụ, các quan tâm, và các trách nhiệm mà họ đã tạo ra trên cõi trần...

Con người đầu thai lại không do sự thôi thúc của thời gian. Con người đầu thai lại theo sự đòi hỏi của trách nhiệm nghiệp quả, theo sự lôi cuốn của những gì mà y, với tư cách linh hồn, đã khai mở, và bởi vì cảm thấy cần phải làm tròn các nghĩa vụ được tạo ra; con người cũng đầu thai theo ý nghĩa về trách nhiệm, và để đáp ứng với các đòi hỏi mà một lần phạm luật trước kia đang chi phối các mối quan hệ chính đáng của con người đã áp đặt lên y. Khi các đòi hỏi này, tức các qui luật tất yếu của linh hồn, các kinh nghiệm và trách nhiệm đã được đáp ứng, y thường xuyên tiến vào “ánh sáng trong lạnh của tình thương và sự sống”, và không còn cần đến (chùng nào mà chính y có liên quan) giai đoạn bảo dưỡng của kinh nghiệm linh hồn trên cõi trần. Y thoát khỏi các áp đặt của nghiệp quả trong ba cõi thấp, nhưng vẫn còn ở

dưới sự thôi thúc của nhu cầu nghiệp quả, đang rút ra từ nơi y những việc phụng sự cuối cùng có thể có mà y đang ở trong vị thế làm cho các áp đặt này vẫn còn ở dưới Định luật Trách Nhiệm Nghiệp Quả (17-403/5)

a) Định luật Tái Sinh

1. Định luật này là một hệ luận quan trọng của Định luật Tiến hóa. Nó đã không bao giờ được nắm bắt hay được hiểu đúng ở phương Tây, và ở phương Đông, nơi nó được biết như là một nguyên tắc sống chủ đạo, nó đã không tỏ ra hữu dụng vì nó mang lại hiệu quả ru ngủ, và gây phương hại cho sự tiến bộ. Người môn sinh phương Đông cho rằng nó cho y nhiều thời gian; điều này đã phủ định sự nỗ lực gắng sức để thành tựu mục tiêu. Người Kỵ Tô giáo trung bình lẫn lộn Luật Luân Hồi với cái mà y gọi là “sự thoái bộ luân hồi của linh hồn” và thường tin rằng Luật Luân Hồi có nghĩa là việc chuyển con người vào thể xác của thú vật hay các hình thể sống thấp kém hơn. Sự việc không phải như thế. Khi sự sống của Thượng Đế tiến triển lên qua hết hình thể này đến hình thể khác, sự sống đó trong giới hạ đẳng (dưới nhân loại) của thiên nhiên tiến dần từ các hình thể khoáng sản sang các hình thể thực vật, và từ các hình thể thực vật này sang các hình thể động vật; từ giai đoạn hình thể động vật, sự sống [59] Thượng Đế chuyển vào giới nhân loại, và bắt đầu bị Luật Luân Hồi chi phối chứ không phải luật Thoái Bộ Luân Hồi. Với những ai biết ít nhiều về Luật Luân Hồi hay Luật Tái Sinh, sự sai lầm này có vẻ khôi hài.

Giáo lý hay thuyết luân hồi làm cho người Kỵ Tô giáo chính thống ghê sợ; tuy nhiên, nếu có người hỏi y câu hỏi mà các đệ tử đã hỏi Đức Christ về người mù, “Thưa Thầy, Người này đã gây ra tội hay cha ông của y phạm tội mà y sinh ra bị

mù lòa như vậy?” (John IX. 2), thì họ từ chối những hàm ý của điều này; hoặc họ biểu lộ sự thích thú hoặc mất tinh thần khi có thể có trường hợp như thế....

Nếu mục tiêu của Đức Christ là sẽ dạy cho đại chúng về những liên giao chính đáng trong nhân loại thì giáo lý của Ngài ắt phải chú trọng vào Định luật Luân Hồi. Điều này chắc chắn là như thế, vì trong việc nhận thức về định luật này sẽ tìm thấy giải pháp của mọi vấn đề của nhân loại, và câu trả lời cho nhiều thắc mắc của nhân loại.

Giáo lý này sẽ là một trong các chủ âm của tân tôn giáo thế giới, đồng thời là tác nhân soi sáng đưa đến một sự hiểu biết hơn các sự vụ của thế giới. Trước kia, khi Đức Christ đã đến đây trong hình hài, Ngài đã nhấn mạnh sự thật về linh hồn và giá trị của của cá nhân. Ngài đã bảo con người rằng họ có thể được cứu rỗi nhờ sự sống của linh hồn, và của Christ trong tâm người. Ngài cũng đã bảo rằng “con người không thể thấy được Thiên Giới nếu y không được sinh lại lần nữa” (John III. 3). Chỉ có những *linh hồn mới* có thể thành công dân của thiên giới đó, và chính Ngài đã giữ vai trò này lần đầu tiên trước nhân loại, nhờ thế đưa ra cho con người một viễn ảnh về một khả năng thiêng liêng và một kết thúc không đối đối với kinh nghiệm. Ngài đã bảo họ “Vì thế hãy trọn lành như Cha các người trọn lành ở trên trời” (Matt. V. 48).

Lần này, Ngài sẽ dạy con người phương pháp mà nhờ đó khả năng này có thể trở thành hiện thực – nhờ sự trở lại liên tục của linh hồn đang luân hồi vào trường đời ở Thế Gian, để trải qua ở đó tiến trình hoàn thiện mà Ngài đã là gương mẫu nổi bật. Đó là ý nghĩa và giáo huấn về sự luân hồi....

Nên nhớ rằng trên thực tế, tất cả những nhóm huyền bí và các tác phẩm huyền bí học đã nhấn mạnh một cách ngu xuẩn vào những kiếp quá khứ và sự hồi tưởng về chúng; sự hồi tưởng này không thể có bất kỳ sự kiểm tra hợp lý nào – bất kỳ ai cũng có thể nói và tuyên bố bất cứ gì họ thích; giáo huấn đã được đặt trên những qui tắc tưởng tượng, được cho là chi phối sự đánh đồng thời gian và sự cách quãng giữa các kiếp sống, mà quên rằng thời gian đó là một khả năng của ý thức não bộ và khi tách ra khỏi bộ óc thì thời gian không còn tồn tại; sự chú trọng đã luôn luôn đặt trên một việc trình bày các quan hệ hư cấu. Giáo huấn (từ trước đến giờ được đưa ra về luân hồi) đã làm [60] hại hơn là làm lợi. Chỉ còn lại một yếu tố có giá trị: sự tồn tại của Định Luật Luân Hồi đang được nhiều người thảo luận và rất nhiều người công nhận.

Ngoài sự thật rằng có một định luật như thế, chúng ta ít biết về nó, và những người, nhờ kinh nghiệm mà biết thực tính sự luân hồi này, loại bỏ một cách nhiệt tình những chi tiết ngu ngốc và không thể xảy ra, và được các nhóm thần triết và huyền bí đưa ra như là sự thật. *Định luật này vốn có thật; nhưng chúng ta không biết gì cả về hoạt động của nó.* Chỉ có thể nói chính xác vài điều về nó và các điều này bảo đảm không có sự mâu thuẫn:

1. Định luật Tái Sinh là một luật thiên nhiên vĩ đại trên hành tinh chúng ta.
2. Đó là một tiến trình, được thiết lập và tiến hành dựa theo Luật Tiến Hóa.
3. Nó có liên quan mật thiết và được quy định bởi Luật Nhân Quả.
4. Đó là một tiến trình phát triển không ngừng, khiến cho con người cứ tiến về phía trước từ các hình thức thô kệch nhất của tính thiên về vật chất thiếu suy nghĩ, đến

một sự hoàn thiện tinh thần và một sự nhận thức khôn ngoan, sẽ làm cho một người trở thành một thành viên của Thiên Giới.

5. Nó giải thích những sự khác nhau giữa những con người và – khi kết hợp với Luật Nhân Quả (được gọi là Luật Nghiệp Quả (Karma) ở phương Đông) – nó giải thích những sự khác nhau về các hoàn cảnh và thái độ đối với cuộc sống.

6. Đó là sự biểu lộ của trạng thái ý chí của linh hồn và không phải là kết quả của bất cứ quyết định nào của hình thể; chính là linh hồn trong mọi hình thể mới luân hồi, lựa chọn và kiến tạo các hiện thể vật chất, tình cảm và trí tuệ, để học những bài học cần thiết tiếp sau.

7. Định luật Luân Hồi (đối với nhân loại) bắt đầu tác động trên cõi của linh hồn. Sự đầu thai được thúc đẩy và điều khiển từ phân cảnh linh hồn, trên cõi trí.

8. Các linh hồn đầu thai theo nhóm, theo chu kỳ, dưới sự chi phối của định luật, và nhằm mục đích đạt tới các liên giao chính đáng với Thượng Đế và với đồng loại của họ.

9. Sự khai mở liên tiến, dưới tác động của Luật Luân Hồi, được qui định phần lớn bởi nguyên khí trí tuệ, vì “con người nghĩ trong tâm như thế nào thì y sẽ như thế ấy”. Mấy lời vắn tắt này cần được xem xét rất cẩn thận.

10. Dưới tác động của Luật Luân Hồi, con người phát triển trí tuệ dần dần, rồi trí tuệ bắt đầu kiểm soát bản chất cảm xúc, tình cảm, và cuối cùng tiết lộ cho con người biết linh hồn, cùng bản chất và môi trường của nó. [61]

11. Ở giai đoạn phát triển đó của y, con người bắt đầu bước lên Con Đường Phán Bốn Hoàn Nguyên, và tự định hướng dần dần đến Thiên Giới sau nhiều kiếp sống.

12. Khi – nhờ một trí tuệ được phát triển, sự minh triết, việc phụng sự trong thực tế và sự hiểu biết – một người đã học để không còn đòi hỏi điều gì cho bản ngã riêng rẽ, khi đó y không còn ham sống trong ba cõi thấp và được giải thoát khỏi Luật Luân Hồi.

13. Y bây giờ có tâm thức tập thể, có ý thức về nhóm linh hồn của y, và ý thức được linh hồn trong mọi hình thể, và đã đạt đến – như Đức Christ đã yêu cầu – một trình độ hoàn thiện như Đức Christ, cho đến “mức độ phát triển hoàn mãn của Đức Christ” (Eph. IV. 13).

Người khôn ngoan sẽ không cố nói thêm điều gì nằm ngoài điều khái quát này. Khi Đức Christ tái lâm, sự hiểu biết của chúng ta sẽ trở nên xác thực và thực tế hơn; chúng ta sẽ biết rằng chúng ta có liên quan với linh hồn của tất cả mọi người một cách vĩnh viễn, và chúng ta có một quan hệ xác định với những người cùng tái sinh với chúng ta, là những người đang học cùng một bài học với chúng ta và đang trải nghiệm và thử nghiệm với chúng ta. Sự hiểu biết đã được chứng minh và được công nhận này sẽ phục hồi chính những nguồn cội của đời sống nhân loại chúng ta. Chúng ta sẽ biết rằng những khó khăn và những vấn đề của chúng ta là do chúng ta không thừa nhận Định Luật căn bản này, cùng với những trách nhiệm và nghĩa vụ của nó; khi ấy chúng ta sẽ dần dần học chi phối những hoạt động của chúng ta bằng năng lực kiềm chế và đúng đắn của định luật này. Định luật Luân hồi thể hiện kiến thức thực tiễn mà con người ngày nay cần có để xử sự một cách đúng đắn và thích hợp đời sống tôn giáo, chính trị, kinh tế, cộng đồng và riêng tư của họ, và nhờ đó thiết lập những liên giao chính đáng với sự sống thiêng liêng trong mọi hình tướng. (8-115/20)

2. Định đề đầu tiên, vốn phải được đưa ra và phải dạy dỗ cho quảng đại quần chúng, là tất cả mọi linh hồn đều đều thay và tái sinh theo Định Luật Tái Sinh. Vì lý do đó mỗi sự sống không chỉ là một sự tóm tắt của kinh nghiệm sống, mà còn là một sự gánh vác các nghĩa vụ xưa cũ, một sự khôi phục lại các mối liên hệ cũ, một cơ hội để trả món nợ cũ, một dịp may để phục hồi và tiến bộ, một sự đánh thức các tính chất ngấm ngấm, việc nhận ra các bạn cũ và các kẻ thù cũ, việc giải quyết các bất công kinh tởm, và việc giải thích những gì chi phối con người và làm cho y như là hiện giờ. Đó là định luật mà hiện nay đang kêu gọi mọi người nhận biết, và khi được những người biết suy tư hiểu rõ, nó sẽ làm được nhiều điều để giải quyết các vấn đề về tính dục và hôn nhân. (14-300)

3. Nền tảng của tâm lý học mới chắc chắn phải được xây dựng dựa trên tiền đề rằng kiếp sống duy nhất này không phải là cơ hội đơn lẻ của con người [62] để đạt được sự tích hợp và sự hoàn thiện cuối cùng. Đại Luật Tái Sinh phải được chấp nhận, và bây giờ nó sẽ được nhận thấy tồn tại trong chính nó một tác nhân giải phóng lớn trong bất kỳ thời điểm khủng hoảng hay bất kỳ trường hợp nào về vấn đề tâm lý.

Việc nhận thức thêm cơ hội nữa và một ý thức thời gian được kéo dài đang làm tĩnh lặng và hữu ích cho nhiều loại trí tuệ; Giá trị giải thích của nó sẽ được nhận thấy soi sáng khi bệnh nhân hiểu được sự thật rằng nhiều giai đoạn khủng hoảng nằm ở phía sau y, trong đó nó có thể được chứng minh bằng khí cụ hiện tại của y rằng y đã đạt được sự tích hợp, do đó đảm bảo cho y sự chiến thắng trong giai đoạn khủng hoảng và xung đột gay go hiện tại của y. Ánh sáng mà điều này phóng vào các mối quan hệ và môi trường sẽ dùng để ổn

định mục đích của y và làm cho y hiểu được sự tất yếu của trách nhiệm. Khi đại luật này được hiểu theo hàm ý thật sự của nó, và không bị diễn dịch theo những thuật ngữ của cách trình bày trẻ con hiện tại của nó, bấy giờ người ta sẽ gánh vác trách nhiệm của đời sống với một sự nhận thức hằng ngày về quá khứ, một sự hiểu biết về mục đích của hiện tại, và với một cái nhìn đến tương lai. Điều này cũng sẽ làm giảm đáng kể xu hướng tự tử đang tăng mà nhân loại đang cho thấy. (15-431)

4. Tâm lý học cuối cùng phải công nhận:

1. Sự thực về linh hồn, là tác nhân tích hợp, Chân Ngã (the self).

2. Định Luật Cơ Hội hay Tái Sinh.

3. Bản chất của cấu trúc bên trong của con người, và mối quan hệ của nó với các hình tướng hữu hình bên ngoài.

Thật thú vị khi lưu ý rằng trên thực tế thì tất cả giáo lý được đưa ra về sự tái sinh hoặc đầu thai đã nhấn mạnh vào khía cạnh hiện tượng vật chất dù đã luôn luôn có một sự tham khảo tình cờ nhiều hoặc ít tới những thành tựu tinh thần và trí tuệ được hoạch định trong trường học của sự sống trên hành tinh này, từ lần đầu thai này đến lần đầu thai khác. Bản chất thực sự của ý thức đang khai mở và sự tăng trưởng trong tâm thức bên trong của chân nhân đã ít được lưu ý; thành tựu của mỗi kiếp sống trong sự hiểu biết thêm về bộ máy tiếp xúc, và kết quả của việc gia tăng tính nhạy cảm đối với môi trường (vốn là các giá trị duy nhất mà chân ngã bận tâm), thì ít khi có, nếu có, thì được nhấn mạnh. (15-432/3)

5. Cho đến nay dường như chỉ có hai qui luật được thừa nhận liên quan đến việc một chân ngã quay trở lại (return) với việc luân hồi ở cõi trần. Trước tiên là nếu sự hoàn thiện

đã không được đạt đến, thì bấy giờ linh hồn phải quay lại và tiếp tục tiến trình làm hoàn thiện trên Địa Cầu (the Earth). Thứ hai là xung lực dẫn dắt chân ngã đến hành động như thế là hình thức nào đó của [63] ước muốn chưa được thỏa mãn. Cả hai lý giải này đều đúng một phần, và thực ra chỉ có đặc tính chung (generic) mà chúng chỉ là các chân lý từng phần và gắn liền với các chân lý rộng lớn hơn vốn chưa được các nhà huyền bí học (esotericists) cảm nhận hoặc chú ý một cách thật đúng; chúng chỉ có bản chất phụ thuộc và được diễn đạt bằng các thuật ngữ của ba cõi tiến hóa của con người, của ý định phạm ngã và của các ý niệm về thời gian - không gian (time-space concept). Về cơ bản, chính không phải là cái ham muốn này thúc đẩy quay lại, mà là ý muốn và hiểu biết về thiên cơ. Không phải là nhu cầu để đạt được một sự hoàn thiện cuối cùng mới thúc đẩy/động viên (goads) chân ngã đi vào kinh nghiệm trong hình hài, vì chân ngã đã sẵn hoàn thiện (ego is already perfect). Động cơ chính là hy sinh và phụng sự cho các sinh linh thú yếu đang tùy thuộc vào nguồn cảm hứng cao siêu (mà hồn thiêng (hồn tinh thần) có thể mang lại) và sự quyết tâm mà các sinh linh này cũng có thể đạt được tình trạng hiểu biết tương đương với tình trạng của linh hồn hy sinh. Sau rốt, chính là để phủ nhận ý niệm không gian - thời gian, và để chứng minh nó là một ảo tưởng mà cánh cửa trong Bắc Giải mở ra cho linh hồn biết hy sinh, phụng sự. Hãy luôn ghi nhớ ý tưởng này trong trí khi bạn nghiên cứu vấn đề tái sinh. Trong chính chúng, sự tái sinh (rebirth) và luân hồi (reincarnation) đều là các thuật ngữ sai lầm/lừa dối (misleading terms) và “sự thôi thúc theo chu kỳ” (“cycle impulsion”), “sự lặp lại có mục tiêu sáng suốt” (“intelligent purposeful repetition”), và “nội linh khí hữu ý và ngoại linh khí hữu ý” (“conscious in-breathing and out-

breathing”) sẽ mô tả chính xác hơn tiến trình vũ trụ này. Tuy nhiên, bạn khó mà hiểu được ý tưởng này, vì cần có năng lực để đồng nhất hóa chính mình với Đấng ban linh khí (breaths) như thế – Đức Hành Tinh Thượng Đế – và do đó toàn bộ chủ đề chắc hẳn vẫn tương đối khó hiểu cho đến khi nhận được điểm đạo. Nói về mặt huyền bí, điểm đáng quan tâm nhất nằm trong sự kiện là chính sự *tái sinh theo nhóm* (group rebirth) lúc nào cũng xảy ra, và sự luân hồi của cá nhân chỉ có thể xảy ra vào biến cố trọng đại này. Đa số con người không biết đến hoặc quên mất điều này, vì sự chú ý mạnh mẽ và ích kỷ vào kinh nghiệm và cách sống cá nhân, đã hiện rõ trong các chi tiết dựa trên suy đoán liên quan đến việc quay lại của cá nhân, được đưa ra trong các sách được gọi là thuộc huyền linh học, đa số đều thiếu chính xác rất nhiều, và chắc chắn là không quan trọng. (16–324/5)

6. Theo Định luật Tái Sinh, có ba tiến trình, đó là:

1. *Tiến trình hoàn trả* (restitution, phục hồi), chi phối giai đoạn triệt thoái của linh hồn (tức nhân hồn – ND) ra khỏi cõi trần và ra khỏi hai trạng thái hiện tượng của linh hồn, là nhục thân và thể dĩ thái. Tiến trình này liên quan với Thuật Từ Trần.

2. *Tiến Trình Loại Trừ* (Elimination, gạt bỏ). Tiến trình chi phối thời kỳ sống của nhân hồn sau khi chết và trong hai cõi tiến hóa khác của nhân loại (cõi cảm dục và hạ trí –ND). Nó liên quan đến việc linh hồn (nhân hồn–ND) loại bỏ thể trí-cảm (astral-mental body), để cho linh hồn “sẵn sàng tự do nơi chỗ riêng của nó”.

3. *Tiến trình Tích Hợp* (Integration), liên quan đến thời kỳ trong đó linh hồn thoát xác lại trở nên có ý thức chính nó là Thiên Thần [64] Bản Lai Diện Mục và được tái hấp thu vào

thế giới Linh hồn, như vậy nhập vào một trạng thái trầm tư (state of reflection). Sau đó, dưới tác động của Luật Trách Nhiệm Nghiệp Quả hay Tất Yếu, linh hồn lại tự chuẩn bị cho một sự giáng nhập khác vào hình hài. (17-407/8)

7. Khi hai giai đoạn của Thuật Từ Trần đã qua, linh hồn thoát xác được tự do khỏi sự kiềm chế của vật chất; nó được thanh luyện (một cách tạm thời bằng giai đoạn Hoàn Trả và Loại Bỏ) khỏi mọi sự nhiễm trược (contamination) của vật chất. Điều này được đạt đến, không qua bất cứ hoạt động nào của linh hồn trong hình hài, là nhân hồn, nhưng là một kết quả của hoạt động của linh hồn trên cõi riêng (tức hồn tinh thần-ND) tách ra một phần của chính nó, mà chúng ta gọi là nhân hồn. Đó chủ yếu là công việc của hồn đang ứng linh (overshadowing soul – tức hồn tinh thần – ND) thực hiện điều này; việc đó không được tiến hành bằng linh hồn trong phạm ngã (tức nhân hồn – ND). Nhân hồn, trong giai đoạn này chỉ đáp ứng với sức thu hút (pull) hay lực hút của hồn tinh thần (spiritual soul, hồn thiêng) khi nó – với ý định có chủ tâm – rút nhân hồn ra khỏi các lớp vỏ đang giam giữ của nó. Về sau, khi các diễn trình tiến hóa tiếp tục và linh hồn ngày càng kiềm chế phạm ngã, nó sẽ là linh hồn bên trong các lớp vỏ giam nhốt vốn sẽ mang lại – một cách hữu thức và có ý định – các giai đoạn của sự chết. Trong các tiểu kỳ (stages) trước kia, sự giải thoát này sẽ được mang lại với sự trợ giúp của hồn thiêng đang ứng linh. Về sau, khi người này đang sống trong cõi trần với cương vị linh hồn, chính y sẽ – với sự liên tục tâm thức đầy đủ – tiến hành các tiến trình trừu xuất (abstraction) của nó, và lúc đó sẽ (với mục tiêu có định hướng) "thăng lên chỗ mà từ đó y xuất phát". Đây là sự phản chiếu (reflection) trong ba cõi thấp về sự thăng lên thiêng liêng của Đứa Con hoàn thiện của Thượng Đế. (17-409/10)

b) Sự Bất Tử

1. Tinh thần trong con người vốn bất tử; nó tồn tại mãi mãi, tiến bộ từ điểm này đến điểm khác, và từ giai đoạn này đến giai đoạn khác trên Con Đường Tiến Hóa, khai mở tuần tự và đều đặn các thuộc tính và các trạng thái thiêng liêng. Chân lý này tất nhiên bao gồm sự nhận thức về hai đại luật thiên nhiên; Định luật Tái Sinh và Định luật Nhân Quả. Các giáo hội ở phương Tây đã chính thức phủ nhận Định luật Tái Sinh và vì thế đã lang thang vào một ngõ cụt thần học và vào một con đường cùng không có lối thoát ra. Các giáo hội ở phương Đông đã chú trọng quá đáng vào hai định luật này đến nỗi con người bị chế ngự bởi một thái độ tiêu cực, cam chịu đối với cuộc sống và các tiến trình của sự sống, dựa trên cơ hội được đổi mới liên tục. Ky Tô giáo đã nhấn mạnh vào tính bất tử nhưng đã làm cho hạnh phúc vĩnh cửu lại tùy thuộc vào việc chấp nhận một giáo điều thần học: Hãy là một Ky Tô hữu chân thật và sống ở một cõi trời ngọc ngà nào đó, hoặc từ chối [65] là một Ky Tô hữu hay là một Ky Tô hữu tiêu cực thì hãy đi xuống một địa ngục không thể có – một địa ngục phát sinh từ khoa thần học của Kinh Cựu Ước và nó trình bày một vị Thượng Đế đầy thù ghét và ganh tỵ. Cả hai quan niệm này ngày nay bị những người có suy nghĩ, chân thật và lành mạnh phủ nhận. Không ai có năng lực lý trí thật sự hoặc có bất cứ niềm tin nào vào một Thượng Đế bác ái lại chấp nhận thiên đường của các tu sĩ hay có bất kỳ ham muốn nào để đến đó. Họ càng không chấp nhận “cái hồ cháy đầy lửa và lưu hoàng” (Rev. XIX. 20) hay sự hành hạ đời đời mà người ta cho là bởi một Thượng Đế bác ái trừng phạt tất cả những ai không tin vào các lý giải thần học của thời Trung Cổ, của những người chính thống hiện đại hay của những

giáo sĩ thiếu suy xét – thông qua giáo lý, sự sợ hãi và sự đe dọa – tìm cách giữ quần chúng theo giáo huấn cổ lỗ lỗi thời. Chân lý căn bản không phải ở đó. “Một người gieo giống nào thì cũng sẽ gặt giống đó” (Gal. VI. 7) là một chân lý cần nhấn mạnh lại. Theo đó, Thánh Paul phát biểu cho chúng ta một giáo huấn chân chính và cổ xưa của Định luật Nhân Quả, mà ở phương Đông gọi là Định Luật Karma (Nghệp Quả). Ở một nơi khác, Ngài thêm vào lệnh chính thức “Hãy vạch ra sự cứu độ riêng của ngươi”, và – vì điều đó mâu thuẫn với giáo lý thần học và nhất là không thể làm được trong bất cứ cuộc sống nào – Ngài ủng hộ tuyệt đối Luật Tái Sinh và làm cho trường đời thành một kinh nghiệm trở lại thường xuyên, cho đến khi con người đã làm tròn huấn lệnh của Đức Christ (và huấn lệnh này có liên quan đến mọi người) “Ngươi hãy hoàn thiện như Cha của ngươi ở trên Trời”. Nhờ nhận biết các kết quả của hành động – hoặc tốt hoặc xấu – và thường xuyên sống lại trên cõi trần, sau rốt con người đạt đến “mức độ danh tiếng toàn vẹn của Đức Christ”.

Sự kiện về thiên tính bẩm sinh này giải thích sự thôi thúc ở tâm của mọi người muốn trở nên tốt lành hơn, có kinh nghiệm hơn, tiến bộ hơn, hiểu biết ngày càng tăng, và vũng vàng tiến tới các đỉnh cao xa xăm mà con người đã hình dung. Không có sự giải thích nào khác về năng lực của tinh thần con người muốn vượt ra khỏi bóng tối, ra khỏi điều ác và tử vong để vào sự sống và thánh thiện. Sự xuất lộ này đã là quá trình liên tục của con người. Một điều luôn luôn xảy ra đối với linh hồn con người vốn đưa con người đến gần hơn với Cội Nguồn của mọi điều tốt lành, và không có gì trên cõi trần này có thể ngăn chặn con người tiến gần đến Thượng Đế. (7-142/4), (8-145/7)

2. Sự thật về tính bất tử ngày nay sắp được chứng minh một cách khoa học; mặc dù những gì đã được chứng tỏ là còn sống thì trong chính nó về bản chất rõ ràng là không bất tử. Thực tính của linh hồn, và sự thật về sự tồn tại của linh hồn và tính sống động vĩnh cửu của nó, đi liền với nhau và chưa được chứng minh một cách khoa học; tuy nhiên ngày nay, chúng được biết và được thừa nhận là chân lý [66] bởi vô số triệu người và bởi nhiều nhà trí thức cho đến nỗi – trừ phi người ta cho là do sự cuồng loạn và sự dối trá của đại chúng – sự tồn tại của chúng được ước đoán một cách chính xác. (8–105)

3. Do các phức hợp về thiên đường hoặc địa ngục của các đức tin tôn giáo hiện tại mà tự động phát sinh ra ý tưởng về một thực thể bất tử được gọi là linh hồn, linh hồn này có thể được hưởng thiên đường hoặc chịu địa ngục theo ý muốn của Thượng Đế, và như là kết quả của các hành động đã làm trong khi ở trong hình hài con người. Khi các hình hài của con người tăng thêm nhạy cảm; khi chúng trở nên ngày càng được thanh luyện dưới ảnh hưởng của định luật chọn lọc và thích nghi; khi sự sống tập thể thêm mật thiết hơn và sự hội nhập của nhóm được cải thiện; khi sự kế thừa của lịch sử, của truyền thống và của các nghệ thuật trở nên phong phú hơn và tạo được ấn tượng của nó, để cho các ý tưởng về Thượng Đế tăng trưởng, và cũng thế, các ý tưởng về linh hồn và về thế giới, các ý niệm về thực tại của con người trở nên phong phú hơn và sâu sắc hơn, để cho ngày nay chúng ta được đối mặt với vấn đề về một di sản tư tưởng, nó làm chứng cho một thế giới của các ý niệm, các ý tưởng và các trực giác vốn liên quan tới cái phi vật chất và cái vô hình, và vốn làm chứng cho một niềm tin từ lâu đời vào một linh hồn và tính bất tử của nó, mà không có một lý lẽ biện minh thực sự nào cho điều đó.

Đồng thời chúng ta đã chứng minh cho chúng ta bằng khoa học rằng, tất cả những gì mà chúng ta có thể thực sự biết một cách chắc chắn là thể giới của các hiện tượng hữu hình, với các hình tướng của nó, các cơ cấu của nó, các ống nghiệm và các phòng thí nghiệm của nó, và các thể của con người “được tạo ra một cách kinh khủng và kỳ diệu” (“fearfully and wonderfully made”), đa dạng và khác nhau. Bằng một cách bí mật nào đó, những người này tạo ra các tư tưởng và các mơ ước và các điều tưởng tượng (imaginings), và đến phiên chúng, các điều này tìm thấy sự biểu lộ trong các hệ thống đã được trình bày của quá khứ, hiện tại và tương lai, hoặc trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật và chính khoa học, hoặc trong đời sống đơn giản mỗi ngày của con người thông thường, họ sống, thương yêu, làm việc, vui chơi, sinh con cái, ăn uống, làm ra tiền, và ngủ nghỉ.

Và điều gì sau đó? Có phải con người biến mất vào trong hư vô, hay một phần của y (từ trước đến giờ vẫn vô hình) tiếp tục sống ở một nơi nào đó? Có phải trạng thái này tồn tại trong một thời gian và sau đó đến phiên nó biến mất, hay là phải chăng có một nguyên khí bất tử, một thực thể tinh anh vô hình vốn có một sự sống hoặc ở trong thân xác, hoặc ở ngoài thân xác, và vốn là Bản Thể (Being) bất diệt bất biến, là niềm tin vào Đấng đã tồn tại không biết bao nhiêu triệu năm qua các kỷ nguyên? Có phải linh hồn là một điều hư cấu của trí tưởng tượng và khoa học đã bác bỏ sự hiện hữu của nó một cách thỏa đáng hay chẳng? Có phải ý thức (consciousness) là một chức năng của bộ óc và của hệ thần kinh có liên kết, hoặc là chúng ta sẽ chấp nhận ý tưởng về một chủ thể hữu thức trong hình hài? Phải chăng năng lực của chúng ta để trở nên biết được và phản ứng với môi trường chung quanh chúng ta tìm thấy cội nguồn của nó

trong bản chất xác thân, hoặc là phải chăng có một thực thể thấy và hành động? Có phải thực thể này khác và tách biệt với xác thân, hay có phải đó là [67] kết quả của loại xác thân và sự sống, và như thế, hoặc là vẫn tiếp tục tồn tại sau khi thể xác biến mất, hoặc là biến mất với thể xác và bị mất đi? Có phải không có gì cả ngoại trừ vật chất hoặc các năng lượng trong hoạt động không dứt vốn tạo ra các hình thái của con người mà đến phiên họ, phản ứng lại và biểu hiện năng lượng đang tuôn đổ qua họ một cách mù quáng và vô thức, không có một sự sống cá biệt nào cả? Hoặc là tất cả các lý thuyết này đều đúng một phần và chúng ta sẽ thật sự hiểu được bản chất (nature) và sự tồn tại (being) của con người chỉ trong sự tổng hợp của tất cả của chúng, và trong sự chấp nhận của các tiền đề tổng quát? Phải chăng những nhà nghiên cứu khoa học và có tư tưởng máy móc không thể nào đúng trong các kết luận của họ về cơ cấu và bản chất hình tướng, và rằng những nhà tư tưởng có khuynh hướng tinh thần vốn thừa nhận một thực thể bất tử cũng không thể đúng? Cho đến nay có lẽ còn đang thiếu một điều gì đó vốn sẽ lấp lỗ hổng giữa hai luận điểm. Liệu chúng ta có thể khám phá một điều gì đó vốn sẽ liên kết thế giới vô hình của thực tại đích thực (true being) với thế giới (được gọi là) hữu hình của sự sống sắc tướng hay không?

Khi nhân loại được đảm bảo về tính thiêng liêng và tính bất tử, và đã bắt đầu một trạng thái hiểu biết về bản chất của linh hồn và của giới mà trong đó linh hồn hoạt động, thì thái độ của nó đối với sự sống hằng ngày và đối với các sự việc đang xảy ra sẽ trải qua một sự biến đổi đến nỗi chúng ta quả thực sẽ thật sự thấy sự xuất hiện của một bầu trời mới và một quả đất mới. Một khi mà thực thể trung tâm bên trong mỗi

hình hài con người được nhận thức và được biết cơ bản nó là vì điều gì, và một khi sự tồn tại thiêng liêng của nó được thiết lập, bấy giờ tất nhiên chúng ta sẽ thấy sự bắt đầu của triều đại của định luật thiêng liêng trên địa cầu – một định luật được áp đặt mà không có sự va chạm và chống đối. Phản ứng hữu ích này sẽ xảy đến vì các nhà tư tưởng của nhân loại sẽ được phối hợp cùng nhau trong một nhận thức chung về linh hồn, và một ý thức tập thể tiếp theo sau sẽ cho phép họ thấy được mục tiêu nằm bên dưới việc vận hành của thiên luật. (14–83/5) Xem thêm: “Vấn đề về sự bất tử” (14–183/4)

c) Trạng thái Phúc Lạc (Devachan)

1. Trạng thái Phúc Lạc là một trạng thái trung gian giữa hai kiếp sống trần gian mà Chân ngã (Ego) tiến vào sau khi tách ra khỏi các trạng thái thấp hay các lớp vỏ của nó. (Cước chú: 3–373)

2. Devachan là một trạng thái tâm thức, phản chiếu trong sự sống của phàm ngã, trạng thái cao mà chúng ta gọi là niết bàn thức (nirvanic consciousness) và nó được mang lại bởi tác động của Chân Ngã. Đó chỉ là một phản ảnh mờ nhạt trong các đơn vị biệt lập (và vì thế bị nhuộm màu với sự ích kỷ và sự vui thích chia rẽ) của tình trạng tập thể được gọi là tình trạng niết bàn. Trong trạng thái tâm thức cao này, [68] mỗi chủ thể riêng rẽ, mặc dù tự nhận thức (self-realising), chia sẻ trong nhận thức của nhóm, và ở đó là sự chí phúc cho đơn vị. Sự phân chia không còn nữa, chỉ có nhất nguyên và sự đơn nhất căn bản được nhận biết. Do đó như có thể suy ra một cách đương nhiên, không hề có trạng thái devachan cho người sơ khai hoặc người kém tiến hóa, vì họ không xứng đáng với nó, và không có năng lực trí tuệ (mentality) để nhận thức nó; vì vậy, thời gian đầu thai của họ nhanh chóng và giai

đoạn pralaya của họ ngăn ngại. Trong trường hợp của họ, có ít điều cho Ego, trên cõi riêng của Chân Ngã, để đồng hóa trong phần còn lại của các lần luân hồi, và vì vậy nguyên khí sự sống nhanh chóng triệt thoái ra khỏi thể hạ trí, đưa đến kết quả là sức thôi thúc của Ego để tái sinh hầu như ngay lập tức.

Khi sự sống của phàm ngã đã đầy đủ và phong phú, tuy chưa đạt đến giai đoạn mà trong đó phàm ngã có thể hợp tác một cách hữu thức với Chân Ngã, các giai đoạn niết bàn của phàm ngã (personality nirvana) được trải qua, kỳ gian của chúng tùy thuộc vào sự thích thú của đời sống, và năng lực của con người để suy ngẫm về kinh nghiệm. Sau này, khi Ego chi phối sự sống phàm ngã, việc quan tâm của con người được nâng lên các mức cao hơn, và niết bàn của linh hồn trở thành mục tiêu của Chân Ngã. Ego không còn để tâm vào devachan. Do đó, những ai trên Thánh Đạo (hoặc Con Đường Dự-Bị, hoặc Con Đường Điểm Đạo), theo thông lệ, không vào devachan, mà sự luân hồi ngay trở thành qui luật trong việc xoay chuyển bánh xe sự sống, lần này việc đó xảy ra bởi sự hợp tác hữu thức của phàm ngã với Chân Ngã thiêng liêng. (3-736/8)

3. Có rất nhiều việc hiểu sai về kinh nghiệm này. Ý tưởng chung là, sau tiến trình thoát ra khỏi thể cảm dục và thể hạ trí, con người nhập vào một loại trạng thái mơ mộng trong đó y tái trải nghiệm (reexperiences) và xem xét lại (reconsiders) các biến cố đã qua trong ánh sáng của tương lai, và trải qua một loại thời kỳ an nghỉ, một thứ tiến trình tiêu hóa (digestive process), chuẩn bị để trải qua cuộc tái sinh. Ý tưởng phần nào sai lầm này đã nảy sinh vì khái niệm thời gian vẫn còn chi phối cách trình bày chân lý của khoa minh triết thiêng liêng. Tuy nhiên, nếu nhận thức rằng thời gian

không được nhận biết ngoài kinh nghiệm ở cõi trần, thì toàn bộ ý niệm về devachan sẽ sáng tỏ. Từ lúc hoàn toàn tách ra khỏi nhục thân và thể dĩ thái, và khi tiến trình loại bỏ được tiến hành, thì con người *ý thức về quá khứ và hiện tại*; khi sự loại bỏ được hoàn tất và giờ phút tiếp xúc với linh hồn xảy ra, và thể trí đang ở trong tiến trình hủy diệt, y lập tức trở nên *ý thức về tương lai*, vì sự tiên đoán là một tài sản của linh hồn thức và con người tạm thời chia sẻ tài sản này. Do đó, quá khứ, hiện tại và tương lai được xem như là một; sự nhận thức về Hiện Tại Vĩnh Cửu (Eternal Now) dần dần phát triển từ [69] lần luân hồi này đến lần luân hồi khác và trong tiến trình tái sinh liên tục. Điều này tạo thành một trạng thái tâm thức (đặc điểm của trạng thái bình thường của người tiến hóa) vốn có thể được gọi là trạng thái devachan. (17-496/7)

d) Chân Ngã Làm Chủ Các Thể

1. Sự biểu lộ của thể dĩ thái trong thời gian và không gian có trong nó điều mà về mặt nội môn đã được gọi là “hai thời điểm tỏa chiếu”. Hai thời điểm này là, thứ nhất, thời điểm trước khi có sự lâm phạm trong xác thân, khi ánh sáng giáng xuống (mang theo sự sống) được tập trung trong mọi sức mạnh của nó chung quanh thể xác và lập nên một liên giao với ánh sáng bẩm sinh của chính vật chất, được nhận thấy trong mỗi nguyên tử vật chất. Ánh sáng tập trung này sẽ được thấy tự tập trung trong bảy vùng của vòng-giới-hạn của nó, như vậy tạo ra bảy trung tâm chính vốn sẽ kiểm soát sự biểu lộ của nó và sự hiện tồn của nó trên cõi bên ngoài, nói về mặt huyền bí. Đây là một thời điểm tỏa chiếu lớn lao; nó hầu như cứ như là một điểm ánh sáng đập nhịp, bùng lên thành ngọn lửa, và cứ như là bên trong ngọn Lửa đó, bảy điểm ánh sáng được tăng cường đã hình thành. Đây là một cao điểm

trong kinh nghiệm lấy hóa thân, và đi trước việc sinh ra thể xác bằng một thời khoảng rất ngắn. Đó là điều đưa tới giờ sinh. Theo cái thấy của người có nhãn thông, giai đoạn kế của tiến trình là giai đoạn thấu nhập, trong đó “bảy trở thành hai mươi mốt và kế đó thành đa tạp”; chất liệu ánh sáng (light substance), là khía cạnh năng lượng của linh hồn, bắt đầu tràn ngập thể xác, và công việc sáng tạo thể dĩ thái hay thể sinh lực được hoàn tất. Nhận thức đầu tiên về điều này trên cõi trần là “âm thanh” được phát ra của trẻ sơ sinh. Nó là tột đỉnh của diễn trình. Hành động sáng tạo bởi linh hồn giờ đây hoàn tất; một ánh sáng mới tỏa chiếu trong một chỗ tối tăm. (17-469/70)

2. Trong toàn bộ công việc tạo hình, một vài cơ hội tối quan trọng xảy ra có liên quan tới Ego thậm chí còn nhiều hơn là chính các thể thấp, mặc dầu tác dụng phản xạ giữa phàm ngã với chân ngã rất chặt chẽ đến mức trở thành hầu như không thể tách rời....

Người ta thường không nhận ra rằng con đường lâm phạm (path of incarnation) không phải là con đường mau chóng, mà là con đường mà Ego đi xuống rất chậm và từ từ chiếm lấy các hiện thể của nó. Người càng kém tiến hóa, tiến trình càng chậm chạp. Ở đây, chúng ta đang bàn đến thời gian xảy ra sau khi Chân Ngã đã tạo ra hoạt động đầu tiên hướng xuống dưới, chớ không phải thời gian trôi qua giữa hai lần luân hồi. Công việc chuyển tới một cõi vì các mục tiêu của luân hồi đánh dấu một bước ngoặt rõ rệt, và được đặc trưng bằng một nỗ lực của ý chí trong sự hy sinh, sự chiếm hữu vật chất trong bác ái, và việc đưa năng lượng của nó vào hoạt động. [70]

... Ego ngừng công việc linh trợ của mình, và ở giai

đoạn nào đó giữa năm thứ tư và năm thứ bảy, tạo ra sự tiếp xúc của Ego với não bộ xác thịt của đứa trẻ. Một sự việc tương tự xảy ra liên quan với thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí. (3-787)

3. Chúng ta được cho biết là vào lúc bảy tuổi, Chân ngã sẽ “nắm chắc”, và một lần nữa ở tuổi thanh niên. Ở tuổi hai mươi mốt, sự nắm giữ đó có thể còn vững chắc hơn nữa. Ngoài ra, khi các kiếp sống trôi qua, Chân ngã (liên quan với con người) nắm chặt các thể của nó, và như vậy đưa các thể đó đến mục tiêu của nó một cách hiệu quả hơn và đầy đủ hơn. (3-366)

4. Kỳ hạn của chu kỳ sống đó có thể dài hoặc ngắn, tùy theo các mục đích có liên quan; nó có thể chỉ gồm một vài năm rất ngắn ngủi, hoặc một thế kỷ. Trước bảy tuổi, sinh lực (vitality) của tinh linh hồng trần là yếu tố quyết định phần lớn. Lúc đó linh hồn được tập trung vào thể dĩ thái, nhưng không vận dụng đầy đủ mọi bí huyết, nó chỉ có một sự kiểm soát dao động nhẹ nhàng và một hoạt động thúc đẩy nhẹ nhàng – đủ để duy trì tâm thức, truyền sinh lực cho các qui trình vật chất khác nhau, và khởi đầu sự thể hiện cá tính và tính khí. Các qui trình này trở nên ngày càng rõ rệt cho đến hai mươi mốt tuổi, khi chúng ổn định thành điều mà chúng ta gọi là phàm ngã. Trong trường hợp các đệ tử, việc nắm chặt của linh hồn lên các bí huyết dĩ thái sẽ mạnh mẽ hơn từ ngay lúc bắt đầu cuộc sống hồng trần. Vào lúc lên mười bốn tuổi, tính chất và bản chất của linh hồn lâm phàm, và tuổi hay kinh nghiệm gần đúng của nó được quyết định, các tinh linh hồng trần, cảm dục và trí tuệ đều ở dưới sự kiểm soát, và linh hồn, là con người tâm linh nội tại, đã quyết định các xu hướng và các chọn lựa trong kiếp sống. (17-436/4)

e) Các Chu Kỳ Của Linh hồn

Tôi muốn giải thích phần nào kinh nghiệm có tính chu kỳ của một linh hồn đang luân hồi, nêu ra sự thăng trầm mang tính bề ngoài của sự khai mở của nó.

Chu kỳ nổi bật cho mỗi linh hồn là chu kỳ của việc đi vào luân hồi của nó, và sự quay về hoặc chày trở lại vào trung tâm mà từ đó nó phát xuất. Việc hiểu biết về sự thăng trầm này sẽ theo quan điểm đó. Về mặt nội môn, các linh hồn có thể được xem như là những người “tìm kiếm ánh sáng kinh nghiệm” và do đó quay về phía biểu hiện vật chất, và những linh hồn “tìm kiếm ánh sáng hiểu biết”, và do đó rút lui khỏi lĩnh vực thế sự của con người để tiến theo con đường hướng nội vào trong tâm thức của linh hồn, và vì thế trở thành “những kẻ an trú trong ánh sáng vĩnh cửu”. Không đánh giá được ý nghĩa của các thuật ngữ này, các nhà tâm lý học đã cảm nhận những chu kỳ này, và gọi một số loại là những người hướng ngoại (extraverts), và một số loại khác, [71] là những người hướng nội (introverts). Những điều này đánh dấu một sự thăng trầm trong kinh nghiệm cá nhân, và là các tương ứng đời sống nhỏ bé so với các chu kỳ lớn lao của linh hồn. Sự đi vào và đi ra mạng lưới của sự sống luân hồi này là các chu kỳ chính của bất kỳ linh hồn cá biệt nào. (4-243)

2. Các khoa học huyền bí nhấn mạnh vào luật chu kỳ, và ... sự quan tâm ngày càng tăng vào Khoa Học Biểu Lộ Theo Chu Kỳ. Cái chết có vẻ thường là vô mục đích; đó là vì ý định của linh hồn không được biết rõ; sự phát triển đã qua, qua tiến trình luân hồi, vẫn còn là một vấn đề được che giấu; các tính di truyền và các môi trường đều không được nhận biết, và sự nhận thức về tiếng nói của linh hồn chưa được phát

triển rộng rãi. Tuy nhiên, đây là các vấn đề sắp được nhận thức; sự thiên khải đang trên đường của nó, và tôi đang đặt nền móng cho việc đó.... Hãy tìm cách đạt đến một quan điểm mới về chủ đề và xem xét định luật, mục đích và vẻ đẹp của ý định nơi những gì mà từ trước đến giờ đã là một sự khủng khiếp và là một nỗi sợ chính. (17-436)

f) Tuổi Của Linh hồn

1. Một trong các sự việc đầu tiên mà một đệ tử phải học là sự phán đoán đúng về tuổi tương đối của linh hồn của những người cộng tác với đệ tử. Y sớm khám phá ra rằng những người này khác nhau. Bấy giờ y học cách nhận ra những ai có minh triết và kiến thức vượt qua minh triết và kiến thức của y, để cộng tác với những kẻ đứng với y trên Thánh Đạo, và để làm việc cho những ai mà y có thể trợ giúp, nhưng có tình trạng tiến hóa thì không ngang bằng với tình trạng tiến hóa của y. Mô hình ngăn nắp của đời sống của y bấy giờ mang các hình thức rõ rệt, và y có thể bắt đầu hành động một cách sáng suốt. (5-307)

2. Linh hồn không biết tuổi tác và có thể sử dụng khí cụ của nó nếu nó tự làm cho nó thành một vận cụ thích hợp và sẵn sàng để dùng. Liệu bạn có quá cứng nhắc và quá bận tâm với chính bạn để đạt sự dứt bỏ cần thiết cho phụng sự thế gian hay không? Đối với bạn, đó là tìm ra và chứng minh cho chính bạn. (5-768)

g) Các Linh hồn Thức Tỉnh

Đa số các linh hồn trong gia đình nhân loại đang đi vào luân hồi trong việc vâng phục sự thôi thúc hoặc mong muốn trải nghiệm, và sức hút từ tính của cõi trần là yếu tố quyết định cuối cùng. Họ, với tư cách là linh hồn, được định hướng

tới đời sống trên trái đất. Càng ngày càng tăng, các linh hồn thức tỉnh, hoặc những người (nói một cách huyền bí) "đang đến với chính họ", nhập vào kinh nghiệm đời sống cõi trần chỉ lò mò ý thức "sức hút" khác cao hơn. Do đó, họ không có một định hướng thực sự với cõi trần như là số lượng lớn đồng loại của họ. Những linh hồn thức tỉnh này là những linh hồn đôi khi có thể [72] bị ảnh hưởng để làm chậm hoặc trì hoãn việc nhập vào cõi trần của họ để thực hiện một phương pháp chi phối (conditioning) của các tiến trình văn minh. Hoặc ngoài ra, họ có thể được thuyết phục để đẩy nhanh việc nhập vào đời sống của họ để sẵn sàng là những tác nhân cho một tiến trình chi phối như vậy. Tiến trình này không được họ tiến hành qua bất kỳ hoạt động được chú trọng hoặc được đánh giá cao một cách thông minh, nhưng nó được mang lại một cách tự nhiên bởi hiệu quả đơn giản của sinh hoạt của họ trên thế giới và việc theo đuổi các mục tiêu sống của họ. Họ chi phối môi trường xung quanh của họ như thế bởi vẻ đẹp, năng lực, hay ảnh hưởng của các kiếp sống của họ, và bản thân họ thường không biết về hiệu quả mà họ đang có. Do đó, sẽ hiển nhiên là những thay đổi cần thiết trong nền văn minh của chúng ta có thể được mang lại nhanh hay chậm, tùy theo số lượng những người đang sống như là *những linh hồn lão luyện*.

... Những linh hồn đang đi vào này, nhờ sự hiểu biết phát triển cao của họ và bằng "năng lực bừng bình" của họ, thường gây ra sự hỗn loạn theo các hướng khác nhau. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể nhìn, như các Đấng ở khía cạnh bên trong có thể, và nếu chúng ta ở một vị trí để đối chiếu với "ánh sáng" của nhân loại như ngày nay, với những gì nó đã là hai hoặc ba trăm năm về trước, chúng ta sẽ nhận thấy rằng những bước tiến rất lớn đã được thực hiện. Điều này được

chứng minh bởi sự kiện là sự xuất hiện của một nhóm "linh hồn chi phối", dưới tên là Đoàn Người Mới Phụng sự Thế Gian, đã có thể tồn tại từ năm 1925. Giờ đây họ có thể đi vào vì công việc đã được thực hiện bởi các nhóm linh hồn đã đẩy nhanh sự gia nhập của họ vào luân hồi, dưới sự thúc đẩy của Thánh Đoàn. Những từ "chi phối" ("condition") hay "đang chi phối" ("conditioning") được sử dụng ở đây khá thường xuyên vì sự thích hợp của cụm từ để biểu thị chức năng. Những linh hồn này, vì mức độ tiến hóa của họ, vì giai đoạn khai mở của họ, và vì tính dễ ảnh hưởng của họ với ý tưởng tập thể và với Thiên Cơ, có thể đi vào luân hồi và bắt đầu, nhiều hoặc ít, thể hiện Thiên Cơ đó và gọi lên một sự đáp ứng với nó trong tâm thức con người. Như vậy họ ở một vị trí "dọn đường cho sự tái lâm của Đức Christ." Điều sau này là một cụm từ mang tính biểu tượng cho thấy một mức độ nhất định của văn hóa tinh thần trong nhân loại. Đôi khi họ lơ mơ ý thức về công việc kỳ diệu này, nhưng trong phần lớn các trường hợp, họ hoàn toàn không ý thức về vận mệnh "định chuẩn" ("qualifying") của họ. Là những linh hồn, dưới sự hướng dẫn của Thánh Đoàn và trước khi lâm phạm, họ có ý thức về sự thôi thúc "đi vào và giúp đỡ hành tinh phiền não và do đó giải phóng các tù nhân bị giữ trong nhà tù gian khổ bởi ham muốn thấp kém" (trích dẫn từ *Kinh Cựu Ước*), nhưng một khi bộ áo ngoài bằng xác thịt đã được khoác lấy, ý thức cũng chết dần, và trong bộ não vật chất, họ không nhận thức những gì mà linh hồn của họ đã có ý định. Chỉ có sự thôi thúc đối với các hoạt động cụ thể vẫn còn. Công việc tuy thế vẫn tiến hành. [73]

Một vài linh hồn đi vào luân hồi theo ý chí và ý muốn tự do của riêng họ; họ hoạt động với sự hiểu biết rõ ràng và tiến hành nhiệm vụ trong ngày. Họ là những người chủ chốt

trong bất kỳ thời đại nào, và là các nhân tố quyết định, về tâm lý, trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào. Chính họ thiết lập nhịp độ tiến triển và làm công việc tiên phong. Họ tập trung vào bản thân họ cả sự thù ghét và tình yêu của thế giới; họ hoạt động như các nhà Kiến Tạo hoặc như các nhân vật Hủy Diệt, và cuối cùng họ trở lại vị trí riêng của họ, mang theo với họ những chiến lợi phẩm dưới dạng của sự tự do mà họ đã giành cho chính họ hoặc cho người khác. Họ chịu đựng những vết sẹo, nói về mặt tâm lý, đã được đưa ra cho họ bởi những đối thủ, và họ cũng được sự bảo đảm rằng họ đã xúc tiến nhiệm vụ mà họ đã được giao, và họ đã thực hiện thành công.

Loại người đang lâm phạm đầu tiên này đã được tăng cường đáng kể trong thế kỷ qua và chính vì lý do này mà chúng ta có thể tìm kiếm sự phát triển nhanh chóng của các đặc tính của Kỷ Nguyên Bảo Bình đang đến. (15-260/3)

23. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA LINH HỒN

I. 1. Chỉ có linh hồn mới có sự hiểu biết rõ ràng và trực tiếp về mục đích sáng tạo và về Thiên Cơ.

2. Chỉ có linh hồn, có bản chất bác ái sáng suốt, mới có thể được phó thác cho sự hiểu biết, các biểu tượng và các công thức cần thiết cho sự chi phối đúng đắn của công tác huyền thuật.

3. Chỉ có linh hồn mới có năng lực hành động trong ba cõi thấp cùng một lúc, và tuy thế, về mặt nghiệp quả, vẫn tách ra khỏi các kết quả của công việc như thế.

4. Chỉ có linh hồn mới thực sự có ý thức tập thể và được thúc đẩy bởi mục tiêu thuần khiết vô kỷ.

5. Chỉ có linh hồn, với con mắt mở rộng của linh thị,

mới có thể nhìn thấy cái kết thúc từ cái khởi đầu, và có thể nắm giữ kiên định hình ảnh đích thực của sự hoàn thiện cuối cùng. (4-126)

II. Một phạm-ngã đầy uy lực có thể hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực biểu lộ nào của con người, và công việc của y sẽ chứng thực cho từ ngữ tinh thần chỉ trong chừng mực mà nó được dựa trên chủ nghĩa lý tưởng cao cả, lợi ích lớn nhất của số đông nhất, và [74] nỗ lực tự hy sinh. Ba điều này – chủ nghĩa lý tưởng, phụng sự tập thể và hy sinh – là các đặc điểm của những phạm-ngã vốn đang ngày càng trở nên nhạy cảm với trạng thái linh hồn, với các tính chất của linh hồn đó, là tri thức, bác ái và sự hy sinh....

Các đặc tính nổi bật của những phạm-ngã này, vốn cho đến nay họ không được tập trung vào linh hồn hoặc được kiểm chế, là tính thống trị, tham vọng, kiêu hãnh và thiếu tình thương đối với tổng thể, mặc dù họ thường có tình thương đối với những người cần cho họ, hoặc cho sự tiện nghi của họ. (5-395/6)

III. Ý chí sắt đá, dễ vỡ, kiên quyết, năng động của người tâm đạo sùng tín phải đổi thành mục tiêu kiên định, mạnh mẽ, điềm tĩnh của linh hồn, hoạt động qua vị đệ tử. Linh hồn thì linh động trong việc hiệu chỉnh nhưng không lệch mục tiêu. Cũng vậy, lòng sùng tín cuồng nhiệt nổi bật đối với việc này, việc khác của người hoặc lý tưởng khác, phải nhường chỗ cho tình thương dịu dàng, không thay đổi của linh hồn – là tình thương của linh hồn của bạn đối với linh hồn những kẻ khác ... phù hợp với xung lực của linh hồn đang uốn nắn đời sống của bạn và chuyển ra khỏi lĩnh vực của ước muốn và khao khát cao vào lĩnh vực của mục tiêu ổn định, và một sự gắn bó không lệch hướng với thực tại. (5-243)

a) Tính Bao Gồm

Tính bao gồm này là đặc tính nổi bật của linh hồn, hoặc chân ngã, cho dù đó là linh hồn của con người, bản chất nhạy cảm của Christ vũ trụ, hoặc Anima Mundi, là linh hồn thế giới. Tính toàn diện này hướng tới sự tổng hợp. Nó có thể được thấy hoạt động ở một điểm thành tựu rõ rệt trong con người, vì con người bao gồm trong bản chất của y mọi thành quả của các chu kỳ tiến hóa đã qua (trong các giới khác trong thiên nhiên và trong các chu kỳ nhân loại trước đó), cộng với tiềm năng của một tính toàn diện vĩ đại hơn trong tương lai. Con người là đại vũ trụ của tiểu vũ trụ; những thành quả và của cải đặc thù của các giới khác trong thiên nhiên là của y, đã được chuyển thành các năng lực của tâm thức. Tuy nhiên, y được bao bọc trong và là một phần của một đại vũ trụ còn lớn hơn nữa, và y phải trở nên ngày càng ý thức về tổng thể lớn hơn này. Hãy để cho từ ngữ này, *Tính Toàn Diện*, chi phối suy nghĩ của bạn. (15-556/7)

b) Lòng Bác Ái

1. Bản chất của linh hồn là bác ái và ý chí hành thiện (5-9)

2. Bác Ái trong phạm ngã từ từ phát triển qua các giai đoạn ái ngã, thuần túy, đơn giản và hoàn toàn ích kỷ, tình thương dành cho gia đình và bạn bè, tình yêu của nam và nữ, cho đến khi nó tới giai đoạn tình yêu thương nhân loại, hay là ý thức yêu thương tập thể vốn là đặc tính vượt trội của [75] Chân Ngã (Ego). Một Chân Sư Từ Bi yêu thương, chịu đau khổ với, và ở lại với giống loài của Ngài và với thân nhân của Ngài. Bác Ái trong Chân Ngã từ từ phát triển từ tình thương nhân loại thành tình thương đại đồng – một tình thương vốn

biểu lộ không những chỉ tình thương nhân loại, mà còn là tình thương với các cuộc tiến hóa thiên thần trong toàn thể của họ, và với mọi hình tướng của biểu lộ thiêng liêng. Bác Ái trong phạm ngã là tình thương trong ba cõi thấp; Bác Ái trong Chân ngã là tình thương trong thái dương hệ và mọi cái mà nó chứa đựng; trong khi Bác Ái trong Chân Thần thể hiện một mức độ Bác Ái vũ trụ, và bao gồm nhiều điều vốn nằm ngoài toàn thể thái dương hệ....

Định Luật Bác Ái thực ra chỉ là định luật của thái dương hệ đang thể hiện trên mọi cõi. Tình thương là động lực thúc đẩy cho sự biểu lộ, và chính tình thương giữ cho vạn vật ở sự phối hợp ngăn nắp; tình thương nâng đỡ vạn vật trên đường trở về lòng Từ Phụ, và sau rốt tình thương hoàn thiện vạn vật đang hiện hữu. Chính tình thương xây dựng các hình tướng vốn tạm thời nâng niu sự sống ẩn giấu bên trong, và tình thương là nguyên nhân của sự phá vỡ các hình tướng này, và sự phá hủy hoàn toàn của chúng, để cho sự sống có thể tiến xa hơn. Tình thương biểu lộ trên mỗi cõi dưới hình thức sự thôi thúc vốn đẩy Chân Thần tiến hóa hướng về mục tiêu của nó, và tình thương là bí quyết cho giới thiên thần, và là lý do của việc pha trộn của hai giới này sau rốt thành Đấng Lương Tính thiêng liêng. Tình thương hoạt động qua các cung cụ thể trong việc kiến tạo thái dương hệ, và trong việc dựng lên cấu trúc vốn che chở Tinh Thần, và tình thương tác động qua các cung trừu tượng để phát triển đầy đủ và mạnh mẽ thiên tính vốn có. Qua các cung cụ thể, tình thương thể hiện các trạng thái của thiên tính, tạo thành *cá tính* (*persona*) che giấu Đại Ngã duy nhất; tình thương thể hiện qua các cung trừu tượng trong việc phát triển các thuộc tính của thiên tính, trong việc tiến triển tới mức đầy đủ nhất Thiên

giới bên trong. Tình thương trong các cung cụ thể dẫn đến con đường huyền học; tình thương trong các cung trừu tượng đưa đến con đường thần bí. Tình thương tạo thành lớp vỏ và cảm ứng (inspires) sự sống, tình thương gây nên rung động của Thượng Đế để lao tới, mang theo vạn vật trên đường của nó, và đưa vạn vật tới sự biểu lộ hoàn hảo. (3-593/4)

3. Càng có nhiều hiểu biết, bạn càng cần có nhiều tình thương hơn. Khi tôi nói “tình thương” là tôi nói đến tình thương của linh hồn chứ không nói đến cảm tình, cảm xúc hay tình cảm. Tôi đề cập đến tình thương sâu xa, không ràng buộc vốn có thể tuôn đổ qua phàm ngã, giải thoát phàm ngã ra khỏi sự biểu lộ hạn chế, và đồng thời tuôn đổ vào môi trường chung quanh.

Làm cách nào để giải phóng trạng thái bác ái của linh hồn bạn? ... Bằng cách tham thiền, và bằng một số biện pháp thực tiễn... Sự tự thương thân phải nhường chỗ bằng sự quan tâm thương xót với kẻ khác – những kẻ ở trong tổ ấm riêng của bạn, trong các mối quan hệ kinh doanh của bạn, và với tất cả những ai mà bạn gặp gỡ, và cuộc sống và số mệnh đưa đẩy vào đường đi của bạn. Sự cô lập phải nhường chỗ cho sự hợp tác; không phải là sự hợp tác bị bắt buộc, mà là [76] một sự mong mỏi tự phát để cùng nhau và để chia sẻ với những người khác các tiến trình sinh hoạt, yêu thương, nhiệm vụ huyền bí. Hãy suy gẫm nhiều về câu cuối này. (5-494)

4. Không có ánh sáng hay bóng tối đối với linh hồn, mà chỉ có sự sống và tình thương ... Không có sự chia rẽ mà chỉ có sự đồng nhất hóa với tâm của mọi tình thương, bạn càng yêu thương nhiều thì càng có nhiều tình yêu có thể đi xuyên qua bạn đến những người khác. Các chuỗi bác ái kết hợp thế giới của con người và thế giới của hình hài, và chúng tạo

thành chuỗi lớn của Thánh Đoàn. Nỗ lực tinh thần mà bạn được yêu cầu thực hiện là nỗ lực để phát triển chính bạn thành một trung tâm mạnh mẽ và sinh động của Tình Thương căn bản và đại đồng đó. (6-30)

5. “Mong cho linh hồn tôi, với bản chất bác ái và minh triết, điều khiển các biến cố, thôi thúc tới hành động, và hướng dẫn mọi lời nói và việc làm của tôi.” (6-479)

6. “Hãy để cho tình thương của linh hồn thu hút, còn ánh sáng của linh hồn hướng đến tất cả những ai mà tôi tìm cách giúp đỡ. Như thế nhân loại được tôi cứu giúp và tất cả được liên kết với Thánh Đoàn.” (6-479)

7. Sự ràng buộc đúng đắn sẽ giải phóng tình thương của linh hồn, và chỉ có tình thương được áp dụng một cách hữu thức, sáng suốt và có chủ ý, mới có thể làm cho công việc thành công. (6-506)

8. “Không gì có thể làm lu mờ tình thương đang tuôn chảy giữa linh hồn tôi với tôi, là bản ngã nhỏ bé. Không gì có thể đến giữa các huynh đệ của tôi và bản ngã của tôi. Không gì có thể ngăn chặn dòng sức mạnh giữa tôi với linh hồn tôi, giữa các huynh đệ của tôi với linh hồn tôi, giữa Chân Sư của đời tôi với tôi, là đệ tử hữu thế của Ngài. (6-647)

9. Nhân loại đã đạt đến trình độ mà những kẻ có chủ đích tốt lành, có một sự hiểu biết chân chính nào đó, và có được trình độ không còn ưa thích bạc vàng (cách nói tượng trưng về ảo cảm của tình trạng vật chất) đang hướng sự ham muốn của họ vào nhiệm vụ của họ, các trách nhiệm của họ, các ảnh hưởng của họ lên trên kẻ khác, và vào sự cảm thông tình cảm có tính chất yêu thương của họ. Đối với nhiều người, thực ra đối với đa số, tình thương không thực sự là

tình thương, mà là một sự pha trộn của việc ham muốn yêu thương và ham muốn được yêu thương, cộng với sự tự nguyện làm bất cứ điều gì để chứng tỏ và gọi ra tình cảm này, và tất nhiên là muốn được thoải mái hơn trong cuộc sống nội tâm riêng của mình. Lòng ích kỷ của những kẻ muốn trở thành vị tha thì rất lớn. Rất nhiều cảm nghĩ đóng góp tập hợp chung quanh tình cảm hay ước muốn để chứng tỏ các đặc điểm khả ái và dễ chịu, vốn sẽ gọi lên một sự đáp trả tương ứng về phía người yêu hay người phụng sự tương lai, vốn vẫn còn hoàn toàn bị bao quanh bởi ảo cảm về tình cảm.

Chính tình thương giả tạo này, chủ yếu dựa trên lý thuyết của tình thương và phụng sự, vốn đặc trưng cho rất nhiều mối liên hệ của con người, như là mối quan hệ hiện có [77] giữa vợ chồng, giữa cha mẹ với con cái. Bị mê hoặc bởi tình cảm của họ đối với nhau, và ít hiểu biết về tình thương của linh hồn, tình thương này không ràng buộc chính nó, đồng thời cũng để cho kẻ khác được tự do, họ lạc vào đám sương mù dày đặc, thường lôi kéo theo họ những người mà họ muốn phụng sự, ngô hầu thu hút một sự yêu mến đáp ứng. Hỡi huynh đệ, hãy nghiên cứu thuật ngữ “sự yêu mến” này và xem ý nghĩa đích thực của nó. Sự yêu mến (affection) không phải là tình thương (love). Đó là sự ước muốn mà chúng ta biểu lộ qua một nỗ lực của thể cảm dục, và hoạt động này có ảnh hưởng đến các giao tiếp của chúng ta; đó không phải là tính không ham muốn tự phát của linh hồn, vốn không đòi hỏi điều gì cho bản ngã chia rẽ. Ảo cảm về tình cảm này giam nhốt và làm bối rối tất cả những người tử tế trên thế gian, áp đặt vào họ các nghĩa vụ vốn không có thật, và tạo ra một ảo cảm mà sau rốt phải được xua tan bằng

việc tuân đổ vào tình thương thật sự và vị tha. (10-76/7)

10. Chính năng lượng này (của Tình Thương) mới tạo ra sự kết hợp (cohering), lực hợp nhất (unifying force), lực này giữ cho vũ trụ biểu lộ hay là dạng thức hành tinh (planetary form) chung lại với nhau và chịu trách nhiệm cho tất cả các mối liên hệ; chính năng lượng này mới là linh hồn của tất cả mọi vật (things) hay là của mọi hình hài (forms, sắc tướng), bắt đầu bằng linh hồn thế giới (anima mundi) và đạt đến điểm biểu lộ cao nhất của nó trong linh hồn nhân loại (human soul) vốn là yếu tố cấu tạo trong giới thứ năm trong thiên nhiên, là Thiên Giới hay giới của Linh Hồn. Hiểu biết về sức mạnh nhân loại này sẽ đến khi một người tiếp xúc với chính linh hồn của y và thiết lập mối liên hệ vững vàng với linh hồn đó; kể đó y trở nên một phàm ngã được linh hồn truyền sức sống. (11-130)

11. Tình thương, tình thương tinh thần chân chính theo sự hiểu biết của linh hồn, luôn luôn có thể được phó thác cho quyền năng và cơ hội, và sẽ không bao giờ phản bội niềm tin đó. (15-279)

c) Niềm Vui và Hạnh Phúc

1. Hãy vun trồng hạnh phúc, vì biết rằng sự ngã lòng, sự khảo xét quá bệnh hoạn về động cơ nội tâm, và sự nhạy cảm quá đáng đối với những lời chỉ trích của người khác, sẽ đưa đến một tình trạng khiến người đệ tử gần như vô dụng. Hạnh phúc vốn dựa trên niềm tin vào Thượng Đế nội tâm, do đánh giá đúng đắn được thời gian, và hoàn toàn quên đi bản ngã. Hãy nhận lấy tất cả những điều vui vẻ có thể đến với bạn, xem đó là những điều được uỷ thác cho bạn để ban rải niềm vui; đừng chống đối hạnh phúc và niềm vui, và đừng xem đó

là dấu hiệu của những gì không lành mạnh. Đau khổ nảy sinh khi phạm ngã nổi loạn. Hãy kiểm soát phạm ngã, loại trừ dục vọng, và tất cả sẽ là niềm vui. (1-76)

2. Đối với những người chiến đấu, phấn đấu, và kiên trì, niềm vui được nhân đôi khi sự hiện thực hóa (materialisation) xảy ra. Niềm vui của sự tương phản sẽ là của bạn, vì biết quá khứ của bóng tối, bạn sẽ say sưa trong ánh sáng của kết quả; niềm vui của [78] tình bằng hữu được thử thách và trắc nghiệm sẽ là của bạn, vì các năm trôi qua sẽ chứng tỏ cho bạn ai là người cộng tác được lựa chọn của bạn, và trong cộng đồng đau khổ, mỗi liên kết được củng cố sẽ đến; niềm vui của hòa bình sau chiến thắng sẽ là của bạn vì đối với người chiến sĩ mỗi mệt, các kết quả của thành tựu và nghỉ ngơi thì ngọt ngào gấp đôi; niềm vui của việc tham gia vào kế hoạch của các Chân Sư sẽ là của bạn, và mọi điều tốt đẹp liên kết bạn một cách chặt chẽ với các Ngài; niềm vui vì đã trợ giúp để an ủi một thế giới thiếu thốn, vì đã mang lại ánh sáng cho linh hồn tăm tối, vì đã cứu chữa trong một mức độ nào đó nỗi đau rõ ràng của tai họa thế giới, sẽ là của bạn, và trong tâm thức của những ngày được trải qua thuận lợi, và trong sự biết ơn của các linh hồn được cứu vớt, sẽ là niềm vui sâu xa nhất của mọi người, – niềm vui mà một Chân Sư biết khi ngài là khí cụ trong việc nhắc một huynh đệ lên cao hơn một ít trên thang tiến hóa. Đây là niềm vui được đặt trước tất cả các bạn – và nó không nằm quá xa phá trước. Vì vậy, hành động, không vì (for) niềm vui mà là hướng tới (towards) niềm vui; không vì phần thưởng, mà từ nhu cầu bên trong để giúp đỡ; không vì lòng biết ơn, mà từ sự thôi thúc vốn đến từ việc đã nhìn thấy linh thị và sự nhận thức đối với vai trò mà bạn phải tham gia trong việc mang linh thị đó xuống cõi trần.

Thật là hữu ích khi phân biệt giữa hạnh phúc

(happiness), niềm vui (joy) và sự chí phúc (bliss):

Thứ nhất, *hạnh phúc*, vị trí của nó nằm trong các cảm xúc, và là một phản ứng của phàm-ngã.

Thứ hai, *niềm vui*, là tính chất của linh hồn và được thể trí nhận thức khi sự chỉnh hợp (alignement) xảy ra.

Thứ ba, *sự chí phúc*, vốn là bản chất (nature) của Tinh Thần (Spirit) và việc suy đoán về nó chẳng mang lại kết quả nào (fruitless) cho đến khi linh hồn hiểu được tính duy nhất (oneness) của nó với Đấng Cha. Nhận thức này tiếp theo một giai đoạn trước đó, trong đó phàm-ngã được nhất quán (atoned) với linh hồn. Do đó, sự suy đoán và phân tích về bản chất của chí phúc là vô ích đối với người bậc trung mà các phép ẩn dụ và thuật ngữ của y tất phải thuộc về phàm tính và liên quan đến thế giới của các giác quan. Người tìm đạo đề cập đến hạnh phúc hay niềm vui của y? Nếu y đề cập đến niềm vui, nó phải đến như là kết quả của ý thức tập thể, của tinh thần đoàn kết tập thể, của tính thống nhất với mọi sinh linh, và xét cho cùng là không thể được diễn giải bằng thuật ngữ hạnh phúc. Hạnh phúc đến khi phàm-ngã được đáp ứng với các điều kiện vốn làm thỏa mãn nó trong phần này hoặc phần khác của bản chất thấp của nó; nó đến khi có một cảm giác về sự sung túc vật chất, về sự hài lòng với hoàn cảnh của nó hoặc các phàm-ngã xung quanh nó, hoặc về sự thỏa mãn với những cơ hội và sự tiếp xúc trí tuệ của nó. Hạnh phúc là mục tiêu của phàm-ngã chia rẽ.

Tuy nhiên khi chúng ta tìm cách sống với tư cách là linh hồn, sự hài lòng của phàm-ngã bị giảm bớt và chúng ta tìm thấy niềm vui trong các quan hệ tập thể của chúng ta, và trong việc mang lại những điều kiện dẫn đến sự biểu lộ tốt hơn của linh hồn của những người mà chúng ta giao tiếp.

Việc mang niềm vui này đến cho những người khác để [79] tạo ra các điều kiện mà trong đó họ có thể tự thể hiện tốt hơn có thể có một hiệu quả vật chất, như chúng ta tìm cách cải thiện các điều kiện vật chất của họ, hoặc một hiệu ứng về tình cảm, như sự hiện diện của chúng ta mang đến cho họ sự an bình và sự nâng cao, hoặc một kết quả về trí tuệ, như chúng ta khuyến khích họ đến với sự sáng tỏ về tư tưởng và sự hiểu biết. Nhưng hiệu quả trên chính chúng ta là niềm vui, vì hành động của chúng ta là vô kỷ và vô vị lợi, và không phụ thuộc vào hoàn cảnh hoặc tình trạng thế tục của người tìm đạo....

Thật là một sự vô vị cũng như là một sự nghịch lý về huyền bí khi nói rằng, ở giữa nỗi buồn và sự bất hạnh sâu xa của phạm-ngã thì người ta mới có thể biết và cảm nhận niềm vui của linh hồn. Tuy nhiên, đó là trường hợp xảy ra, và chính vị đạo sinh phải nhắm vào điều này. (4-386/7)

3. Bạn có thể tự luyện tập để xây dựng trong tính chất của niềm vui đó, vốn là đặc tính của một phạm ngã, vốn được neo chặt một cách hữu thức trong lĩnh vực linh hồn. (5-398)

4. Hãy nhắm vào hạnh phúc đang thể hiện. Hãy vui vẻ trong việc làm và việc phụng sự của bạn. Không được quá mãnh liệt mà hãy hạnh phúc đi theo Con Đường được chiếu sáng. (5-408)

5. (Hãy vun trồng) một tinh thần hạnh phúc và vui vẻ, vốn được dựa trên một sự bảo đảm bên trong về Thiên Cơ và công việc tương lai của bạn có liên quan với nó. (5-420)

6. Hãy vui vẻ, vì sự vui vẻ để cho ánh sáng đi vào, và nơi nào có sự vui vẻ, nơi đó có ít chỗ cho ảo cảm và sự hiểu lầm. (5-461)

7. Hãy hạnh phúc. Hãy học cách cảm nhận sự vui vẻ – một sự vui vẻ được dựa vào sự hiểu biết rằng nhân loại đã luôn luôn thành công, tiến lên và hướng tới trước, dù có các thất bại bề ngoài, và sự hủy diệt các nền văn minh đã qua; sự vui vẻ vốn được tạo lập trên niềm tin không thể lay chuyển rằng mọi người đều là linh hồn, và rằng “các điểm khủng hoảng” là các nhân tố tỏ ra vô ích trong việc kêu gọi quyền lực của linh hồn đó, cả trong con người cá biệt, trong một giống dân, hay trong nhân loại nói chung; một niềm vui liên quan tới sự phúc lạc, là đặc trưng của linh hồn trên cõi riêng của nó, nơi mà các khía cạnh hình hài không chi phối. Hãy suy gẫm về các ý tưởng này và hãy nhớ rằng bạn được đặt vào trung tâm của Bản Thể bạn, và do đó, có thể thấy thế giới một cách đúng thật và không có tầm nhìn bị hạn chế; bạn có thể vẫn bình thản, nhờ biết cái kết thúc từ cái bắt đầu, và nhận thức rằng tình thương sẽ thắng. (5-471).

8. Hãy vun trồng niềm vui mang lại sức mạnh. Đây không phải là lúc cho sự u sầu, thất vọng hay nản chí. Nếu bạn nhượng bộ các điều này, bạn trở thành các tiêu điểm tiêu cực và có tính cách tàn phá ở môi trường chung quanh bạn. Nếu bạn thực sự tin rằng sự sống tâm linh là nền tảng trong thế giới ngày nay, nếu bạn nhất định tin rằng [80] thiên tính dẫn dắt thế giới, nếu bạn thực sự hiểu sự thật rằng tất cả mọi người là huynh đệ của bạn, và rằng tất cả chúng ta đều là con của Đấng Từ Phụ Duy Nhất, và nếu bạn tin chắc rằng tâm hồn nhân loại lành mạnh – thì những điều này không phải là các ý tưởng đủ mạnh để giữ chúng ta điềm tĩnh một cách vui vẻ giữa một thế giới thay đổi hay sao? (13-82)

d) Chia Sẻ

1. Nguyên Tắc Chia Sẻ phải chi phối các mối quan hệ

kinh tế trong tương lai, là tính chất hay năng lượng của linh hồn. (5-40)

2. Sự chia sẻ của Huyền Viện là một trong các sự bù đắp lớn lao của con đường đệ tử. Nhờ đó, ánh sáng tăng cường có thể được “kéo dài một cách huyền bí”. Tôi muốn bạn suy gẫm về câu đó. Sức mạnh hợp nhất vĩ đại có thể được mang lại cho việc phụng sự Thiên Cơ, và ý nghĩa huyền bí của các từ ngữ “Sức mạnh của tôi bằng sức mạnh của mười người vì tâm tôi trong sạch” mới có thể được hiểu. Sức mạnh hoàn hảo của Huyền Viện (được tượng trưng bằng số 10) trở thành có sẵn cho vị đệ tử có sự thanh khiết của tâm hồn, đã cho phép y thâm nhập vào Huyền Viện; kiến thức của y trở nên được chuyển hóa nhanh chóng hơn thành minh triết khi thể trí của y chịu sự tác động của sự hiểu biết cao siêu của các Đấng mà y được cộng tác; dần dần, vị đệ tử bắt đầu đóng góp phần riêng của y về ánh sáng và sự hiểu biết cho những ai vừa mới bước vào, và cho những ai ngang bằng với y. (6-330)

e) Sự Cô Độc

1. Hãy chuẩn bị cho sự cô độc. Đó là định luật. Khi một người tự tách y ra khỏi tất cả những gì liên quan đến thể xác, thể cảm dục và thể trí của y, rồi tập trung chính y vào Chân ngã, điều đó tạo ra một sự phân cách tạm thời. Điều này phải được chịu đựng và được vượt qua, đưa đến một liên kết chặt chẽ hơn ở một giai đoạn sau này với tất cả những gì được liên kết với vị đệ tử do nghiệp quả của các kiếp sống trước, do công việc tập thể, và do hoạt động của vị đệ tử (hầu như được tiến hành một cách vô thức lúc đầu) trong việc tập trung lại những kẻ mà qua họ sau này y sẽ làm việc. (1-76)

2. Sự cô độc ... là một trong các sự việc đầu tiên cho vị

đệ tử thấy rằng y đang được chuẩn bị cho việc điếm đạo. Do đó, sẽ hiển nhiên là sự cô độc mà tôi đề cập đến không phải là sự cô độc gắn liền với các khuyết điểm của tính cách chống lại bạn hữu của y, với một bản chất xa cách hay khó chịu, hay với bất cứ hình thức tư lợi được nhấn mạnh đến nỗi nó gây đối kháng với người khác. Có nhiều sự cô đơn trong cuộc đời một đệ tử mà hoàn toàn là khuyết điểm của riêng y, và phải chịu chữa trị nếu y sử dụng [81] biện pháp đúng đắn của kỷ luật tự giác. Bản thân y phải đối phó với các điều này, vì chúng có liên quan đến phạm ngã, và tôi không có việc gì với các phạm ngã của bạn. Tôi đề cập đến sự cô độc xảy đến khi vị đệ tử nhập môn trở thành đệ tử hữu thể và bước từ cuộc sống định trí ở cõi trần, và đồng hóa với các hình thức tồn tại trong ba cõi thấp, và nhận thấy y đang ở điểm giữa chừng, giữa thế giới các sự việc bên ngoài và thế giới ý nghĩa bên trong. Bây giờ, phản ứng đầu tiên của y là thấy y đang cô độc; y đã cắt đứt với quá khứ, y đang đầy hy vọng nhưng không chắc về tương lai; y biết rằng thế giới hữu hình mà y đã quen thuộc phải được thay thế bằng thế giới vô hình với các giá trị và các trách nhiệm mới. Y tin tưởng rằng cõi giới này tồn tại, và y bước tới một cách dũng cảm và một cách lý thuyết, nhưng trong một lúc nó vẫn hoàn toàn vô hình; y nhận thấy vài người biết suy tư và cảm nhận như y, nhưng bộ máy tiếp xúc chắc chắn chỉ tồn tại trong y trong trạng thái phôi thai. Y đang cắt đứt không rõ ràng từ ý thức quần chúng mà từ trước đến giờ y đã hòa lẫn vào, nhưng chưa tìm thấy nhóm của y, mà y cuối cùng sẽ bị hấp thu vào đó một cách hữu thức. Do đó, y cô đơn và cảm thấy hiu quạnh và mất mát. Một số người trong các bạn cảm nhận sự cô đơn này, chẳng hạn vài người trong các bạn đã đạt mức độ mà bạn cảm thấy chính bạn là một phần không thể thiếu rõ ràng của

nhóm; ... phần lớn thái độ của bạn là thái độ hy vọng, kết hợp với ý tưởng là chính các giới hạn vật chất của bạn đang ngăn không cho bạn nhận thức tất cả những gì thật sự là, liên quan đến các mối liên kết bên trong của bạn. Nhưng hồi huynh đệ, một cảm giác cô độc như thế chỉ là một hình thức khác của ngã thức, của tính tư lợi quá mức, và khi bạn tiến bộ trên Thánh Đạo, bạn sẽ thấy sự cô độc đó biến mất. Do đó, nếu cảm thấy cô độc, bạn phải học cách xem đó như là một ảo cảm hay ảo tưởng, và như là một giới hạn phải được vượt qua. Bạn phải bắt đầu hành động như thể nó không có. Giá mà có nhiều đệ tử hơn học được giá trị của hành động “cứ như là”. Không có thời gian cho bất cứ ai trong các bạn chịu cô độc trong những ngày này, vì không có thời gian cho bạn nghĩ về chính bạn. (6-45/6)

3. Đừng sợ cô độc. Linh hồn không thể trụ lại một mình mà không có gì để cống hiến. (6-755)

4. Sự tiết lộ một vài loại cô độc tâm linh là sự tiết lộ mà mọi đệ tử phải trải qua; đó là một thử thách của sự dứt bỏ huyền bí mà mỗi đệ tử phải nắm vững. (6-762)

5. Trong trạng thái cô độc này không có tình trạng không lành mạnh, không có sự rút lui thô bạo, và không có trạng thái chia rẽ. Chỉ có “chỗ mà đệ tử đứng vững, dứt bỏ và không e ngại, và trong chỗ hoàn toàn yên tĩnh đó, Chân Sư xuất hiện, và không còn sự cô đơn”. (6-764) [82]

f) Sự Điềm Nhiên Tâm Linh

1. Điềm nhiên là gì?... Thực ra nó có hàm ý việc đạt được một thái độ trung lập đối với những gì được xem như là Phi Ngã (Not-self); nó bao hàm việc từ chối chấp nhận cái tương tự (similarity); nó đánh dấu việc nhận biết cái dị biệt cơ

bản (basic distinction); nó có nghĩa là không chấp nhận đồng nhất hóa với bất cứ điều gì trừ thực tại thiêng liêng chừng nào mà thực tại đó còn được cảm nhận và được biết ở bất cứ điểm đã cho nào trong thời gian và không gian. Do đó, khi người ta dùng thuật ngữ đó, thì nó hàm ý một sự việc mạnh mẽ và quan trọng hơn ý nghĩa thông thường. Đó là việc chối bỏ tích cực mà không có bất kỳ sự tập trung vào những gì bị chối bỏ. (10–262)

2. Hãy vun trồng sự điềm nhiên – sự điềm nhiên tinh thần đó không chú ý quá mức vào thể xác, hay vào tính khí và các cảm giác, hay vào các ảo tưởng của thể trí. Thể xác tồn tại và phải nhận được sự chăm sóc đúng mức; các cảm giác và các tính khí thì mạnh mẽ và kiệt sức, và từ chúng ... đưa đến nhiều sự bất tiện của thể xác. Đối phó với chúng không phải là bằng sự tranh đấu, mà là bằng sự thay thế các quan tâm khác, phớt lờ chúng, và đối xử với chúng một cách lãnh đạm, cho đến khi chúng tàn tạ vì thiếu sự chú tâm, và từ từ mất dần. (5–494)

3. Khi nào vị đệ tử sẽ học biết rằng thái độ bao hàm một phản ứng “không quan tâm” và một hình thức điềm nhiên, là một trong các cách mau lẹ nhất để nhờ đó giải phóng Chân ngã ra khỏi các đòi hỏi của phàm ngã? Đây không phải là tinh thần “không quan tâm” vốn sẽ có ảnh hưởng đến thái độ của vị đệ tử đối với người khác. Đó là thái độ của phàm ngã tích hợp biết suy tư của vị đệ tử hướng về thể cảm dục hay thể tình cảm. Nó đưa vị đệ tử đến chỗ thừa nhận quan điểm rằng không có một điều đơn lẻ nào tạo ra bất cứ phản ứng đau đớn hay thống khổ nào trong thể tình cảm, có tầm quan trọng nhỏ nhất. Các phản ứng này chỉ được nhận biết, được sống qua, được chịu đựng, và không được phép tạo ra bất cứ giới

hạn nào. Tất cả những đệ tử nên cẩn thận suy gẫm những gì mà tôi vừa nói đến. Toàn bộ tiến trình được dựa vào niềm tin sâu xa vào sự tồn tại của Bản Thể bất tử bên trong các hình thức của linh hồn và phàm ngã. (5-57)

g) Vô Ngã (Impersonality)

Khi một người đang bắt đầu sống như một linh hồn, và khi tâm thức y đã chuyển đi khỏi thế giới ảo tưởng, lúc đó y có thể trở nên hữu dụng. Bài học đầu tiên mà y phải học là một ý thức về các giá trị trong thời gian và không gian, và biết rằng chúng ta làm việc với linh hồn chứ không nuôi dưỡng phàm ngã.

Dường như điều này là một châm ngôn quá khó cho bạn phải không? Nếu nó thực sự là thế đối với bạn, nó có nghĩa là, cho đến nay, bạn có phần nào tư cho mình là trung tâm và yêu thích linh hồn cá nhân của riêng bạn, đã chưa tiếp xúc đúng đắn với nó, và có lẽ đã chỉ [83] cảm nhận được rung động của nó, và không có gì nữa. Bạn chưa có hình ảnh thực sự về nhu cầu của thế giới, điều đó sẽ giải thoát bạn khỏi tham vọng riêng của bạn và để bạn tự do hành động như chúng ta hành động (trên khía cạnh chủ quan), mà không còn tư tưởng nào về bản ngã hoặc về hạnh phúc tinh thần, và không còn ham muốn cho bất cứ nhiệm vụ tự chỉ định nào; không còn mong muốn nào cho các hứa hẹn hào nhoáng của sự thành công tương lai, và không còn nỗi đau gay gắt nào đối với sự đụng chạm và tiếp xúc nhạy cảm với các nỗi đau lớn hơn trong tâm thức so với các nỗi đau của chúng ta. Nếu điều này vẫn còn nằm ngoài nhận thức của bạn, hãy thừa nhận sự thật, và hãy hiểu rằng không hề có sự khiển trách nào kèm theo. Nó chỉ tiêu biểu cho bạn vị trí mà bạn đang đứng trên đó, và ảo tưởng của cõi cảm dục vẫn còn nắm giữ

bạn ở tình trạng nô lệ cho nó, và vẫn còn đưa bạn đến nơi mà các phản ứng phàm ngã quan trọng hơn nhận thức của nhóm. Chùng nào mà bạn còn đi trên cũi đó và hoạt động trên mức độ tâm thức đó, thì không thể đưa bạn một cách hữu thức vào các nhóm của các Chân Sư trên các phân cảnh trí tuệ. Bạn vẫn còn quá có tính tiêu cực và cá nhân; bạn sẽ dễ gây tác hại cho nhóm và tạo phiền toái; bạn sẽ thấy các sự việc (qua sự kích thích của nhóm) với một sự rõ ràng mà bạn thì chưa sẵn sàng cho việc đó, và sẽ bị kiệt sức vì đó. Bạn cần phải học các bài học chấp nhận sự hướng dẫn từ chính linh hồn bạn, và học cách làm việc với sự hài hòa và tính vô ngã trên cũi trần với nhóm hoặc các nhóm mà vận mệnh của bạn thúc đẩy bạn đến đó. Khi bạn đã học bài học quên mình, khi bạn không tìm kiếm cái gì cho bản ngã chia rẽ, khi bạn đứng vững trên đôi chân của chính bạn và tìm sự trợ giúp bên trong chính bạn, và khi khuynh hướng của cuộc đời bạn là hướng đến sự hợp tác, bấy giờ bạn có thể chuyển từ giai đoạn Người Quan Sát đến giai đoạn Người Truyền Đạt. Điều này sẽ xảy ra bởi vì bạn có thể được tin cậy để truyền đạt chỉ những gì vô ngã và có tính xây dựng thực sự, và những gì sẽ không nuôi dưỡng bản chất tình cảm và làm thỏa mãn bản ngã-ham muốn (the desire-self). (14-116/7)

h) Sự Đoạn Tuyệt

1. Bạn cần có sự đoạn tuyệt thiêng liêng ở nội tâm, để nhìn thấy cuộc sống theo viễn cảnh đích thực của nó. Như vậy, một người được để thoải mái và không bị xúc động do bất cứ điều gì có thể xảy ra. Thái độ lý tưởng đối với bạn là thái độ của Kẻ Bàng Quan, vốn không hề bị đồng nhất hóa với điều gì có thể xảy ra trên cũi trần và cũi tình cảm, và có thể trí là một vật phản ảnh trong suốt của chân lý. Chân lý

này được nhận thức bằng trực giác, vì không có phản ứng trí tuệ mạnh mẽ hay trạng thái đáp ứng tình cảm nào; các hiện thể để nhận thức đều yên lặng và do đó không có gì hóa giải thái độ đúng đắn. Khi đạt đến trạng thái tâm thức này, bạn sẽ có thể có thể giảng dạy với quyền lực và đồng thời cũng sở hữu những gì phải được dạy ra. (5-146) [84]

2. Bạn đang học cách tách rời bạn khỏi mọi người và khỏi những cánh tay bám chặt của những người có mặt đòi hỏi khẩn khe, vốn sẽ được nhận thấy làm âm ỉ để bạn chú ý vào đời sống của họ. Sự tự do này phải tăng lên khi bạn cố gắng đáp ứng một cách hoàn hảo nhu cầu của những kẻ chung quanh bạn, tuy nhiên, đồng thời bạn phải tiếp tục với năng lực ngày một tăng, tách bạn ra khỏi sự nắm giữ bên trong của họ lên bạn. Họ phải không tiếp cận bạn trong pháo đài bên trong của linh hồn bạn. Ở đó bạn phải học cách đứng vững, dứt bỏ và không sợ hãi. (5-393)

3. Một trong các vấn đề mà mọi đệ tử chân thành phải giải quyết là học cách sống như thể không có xác thân. Bằng câu đó, tôi muốn nói rằng các giới hạn và chướng ngại của nó mà nó áp đặt lên sự biểu lộ của tâm thức tinh thần tự do bị vô hiệu hóa bởi một thái độ bên trong của thể trí. Đó là việc vun trồng thái độ đứng vững với đời sống và với các hoàn cảnh. (5-433)

4. Một trong các bài học đầu tiên mà mỗi đệ tử phải học, là việc tăng trưởng sự từ bỏ bên trong, vốn sẽ cho phép y hòa lẫn chính y vào tâm thức của huynh đệ y, và nhờ thế hiểu biết và xác định cách thức tốt nhất để giúp vị huynh đệ này, và thúc đẩy y tới việc tự nỗ lực làm mới lại. Y cũng cần trau dồi sự khiêm tốn đích thực vốn sẽ buộc y cống hiến tất cả những gì y có trong việc phụng sự vị tha, và khi đó quên rằng như

vậy y đã cố gắng chính y. Y phải không có ý tưởng nào về chính y như là một nhân tố trong trường hợp đó. Chỉ khi nào có sự từ bỏ và sự khiêm tốn, thì y mới có thể thực sự phụng sự. Do đó, hãy trau dồi các tính chất này và tiếp tục cố gắng chính bạn trong việc phụng sự. (5-416/7)

5. Hãy luôn luôn sống vượt lên trên thể xác của bạn, không để ý bạn cảm giác thế nào, và tìm cách an trú hết sức có thể, với tâm thức tinh táo của bạn được phối hợp và tan hòa với tâm thức của linh hồn. Cho dù bạn không cảm thấy điều đó, vậy thì hãy biết rằng nó vẫn ở đó.

Hỡi huynh đệ, tôi tự hỏi, liệu tôi có thể nêu ra cho bạn đòi sống cách ly tinh thần, vốn không hề là đòi sống cách ly cá nhân? Đối với bạn, trong tình trạng của “việc bị cách ly” này có ẩn tàng giải pháp của nhiều vấn đề của bạn. Sự cách ly này được mang lại bằng sự điềm nhiên về tình cảm đối với môi trường chung quanh bạn và đối với mọi người, nhưng đó là sự điềm nhiên tinh thần được thiết lập trên sự dứt bỏ và sự thảo nhiên tinh thần. Khi xảy ra việc đó, thì đến việc hoàn thành nghĩa vụ và việc thi hành bổn phận, nhưng không có sự đồng nhất hóa với con người hay hoàn cảnh. Linh hồn vẫn tự do, không bị ràng buộc, không e sợ, và không bị kiểm soát bởi những gì hiện có trong ba cõi thấp. Đây là sự điềm nhiên tâm linh đích thực. (5-429)

6. Hỡi huynh đệ, hãy gắn bó với linh hồn nhưng dứt bỏ khỏi phạm ngã. Linh hồn chữa trị và giúp đỡ các phạm ngã của nhau. Mối quan hệ phạm ngã cạn kiệt và suy nhược. (5-455) [85]

7. Sự thất bại được dứt bỏ. Bạn gắn bó với những người mà bạn yêu thương và thường thì những bàn tay bám chặt

của tình thương có thể ngăn chặn sự tiến bộ – không chỉ sự tiến bộ của riêng chúng ta, mà còn sự tiến bộ của những người mà chúng ta yêu thương nữa ... Khi bạn sống và yêu thương những người ở ngay chung quanh bạn, có bao giờ bạn tự hỏi bạn câu hỏi: Tôi có đang làm họ mạnh lên như các linh hồn để đảm nhận cuộc sống và việc phụng sự hay không? ... Chính tình thương của bạn, tình thương sở hữu bám chặt đối với những người mà bạn đã tập hợp gần bạn trong tiến trình nghiệp quả của sự sống đang ngăn cản bạn yêu thương họ một cách mạnh mẽ, chân thực ... Tôi yêu cầu bạn yêu thương chân thật hơn. (5-516/7)

8. Hãy luôn duy trì thái độ của Kẻ Bàng Quang ở trong đầu. Như vậy sự từ bỏ của linh hồn sẽ tăng trưởng, trong khi sự gắn bó của linh hồn với các linh hồn sẽ tăng trưởng và gia tăng. (5-623)

9. Sau rốt, điều quan trọng hơn hết (trong khi còn luân hồi) ấy là vị đệ tử học cách để biết chính mình sẽ là người điều khiển các mãnh lực; y điều khiển các lực này từ độ cao của Đấng Quan Sát thiêng liêng và nhờ đạt được sự dứt bỏ. Đây là các điều mà tôi thường nói với bạn trước kia. Đối với bạn, các chân lý này chỉ là các điều tầm thường của huyền linh học và tuy thế, nếu bạn có thể hiểu được đầy đủ ý nghĩa của sự dứt bỏ và giữ bình thản với tư cách Chủ Thể Điều Khiển đang quan sát (the observing Director) thì sẽ không còn một hoạt động nào vô ích nữa, không còn các hành vi lỗi lầm và không còn các giải thích sai lệch nữa, không còn việc đi lang thang vào các lối đi quanh co của cách sống hằng ngày nữa, không còn thấy những sự kiện khác qua cái nhìn đây thành kiến, lệch lạc và – nhất là – không còn lạm dụng sức mạnh nữa. (10-243)

i) Sự Tự Do

1. Hỡi huynh đệ, hãy cảm nhận sự tự do như thế, nhưng hãy hoàn toàn chắc chắn rằng đó không phải là một sự tự do được đòi hỏi bởi mối quan hệ tập thể làm phiền bạn. Linh hồn bạn càng giữ chặt phạm ngã của bạn thì bạn sẽ càng ít dính líu đến các vấn đề về sự cô lập và về sự tự do. Hãy cảm thấy tự do, nhưng hãy chắc chắn rằng đó không phải là một sự tự do được đòi hỏi vì việc giữ giới luật kiên định của sự luyện tập huyền linh ăn mòn một tính khí vẫn căn bản là thần bí. Linh hồn bạn càng nắm giữ bạn, thì thể trí của bạn sẽ càng thức tỉnh, và cảm xúc (trong ý thức cá nhân) càng tàn tạ đi. Hãy cảm giác tự do, nhưng hãy chắc chắn là không phải một sự tự do được đòi hỏi, vì cảm thức không thể tổ chức thời gian của bạn và hạn chế phạm ngã của bạn đến sinh hoạt nghiệp nhàn gây tổn thương tính tự cao của bạn. Linh hồn của bạn càng nắm giữ bạn thì càng chắc chắn là bạn sẽ học cách dùng thời gian như là một trách nhiệm. (5-289)

2. Nhiều lần, dọc theo Đường Đạo, y sẽ chống lại sự kiểm chế và sẽ rơi trở lại vào ảo cảm của sự tự do được giả định của y. Có loại tự do thoát khỏi sự kiểm chế của phạm ngã. Có loại tự do thoát khỏi sự kiểm chế của nhiều phạm ngã. Nhưng không bao giờ có bất cứ loại tự do nào thoát khỏi Định Luật [86] Phụng sự, và khỏi sự tương tác thường xuyên giữa con người với con người, giữa linh hồn với linh hồn. Thực sự ở trong tự do là ở trong ánh sáng trong trẻo không bị ngăn trở của linh hồn, mà về căn bản và thực chất là tâm thức tập thể. (10-48)

j) Sự Thanh Thản

1. Như tôi đã chỉ ra cho bạn trước đây, tiến trình thu

nhận một đệ tử vào một Huyền Viện khó biết bao! Y phải được giảng dạy tiến bộ dần từ ngoại vi tâm thức của nhóm hướng đến trung tâm. Mỗi giai đoạn tiến tới đều cần đến sự chăm sóc về phía Chân Sư để thấy rằng Huyền Viện được giữ không bị mọi hoạt động làm phá vỡ. Chỉ khi nào đệ tử đã đạt đến sự “thanh thản huyền bí” thì y mới có thể được phép thường xuyên tập trung y bên trong hào quang của nhóm. Điều này xảy ra khi y trở nên ý thức rung động riêng biệt và đặc thù của hào quang Chân Sư. Như bạn có thể thấy rõ, đó là nhu cầu đối với sự thanh thản.

Tôi muốn nêu ra rằng sự thanh thản và sự an bình không giống nhau. Sự an bình (peace) phải luôn luôn tạm thời, và liên quan đến thế giới cảm giác, và đến các tình trạng dễ bị ảnh hưởng của sự xáo trộn. Đó là căn bản cho sự tiến bộ và là một biến cố không thể tránh, là mỗi bước tiến tới đều được đánh dấu bằng các xáo trộn, bằng các điểm khủng hoảng và hỗn loạn, mà sau này được thay thế (khi được vận dụng thành công) bằng các thời kỳ yên bình. Nhưng sự yên bình này không phải là sự thanh thản, và một đệ tử chỉ được phép an trú trong hào quang của Chân Sư khi *sự thanh thản đã được thay thế cho sự an bình*. Sự thanh thản có nghĩa là sự điềm tĩnh sâu xa, không có sự xáo trộn về tình cảm, nó phân biệt vị đệ tử, là người được tập trung trong một “thể trí được giữ ổn định trong ánh sáng”. Ngoài mặt của cuộc sống của y có thể (từ góc độ cõi trần) ở trong một trạng thái thay đổi liên tục dữ dội. Tất cả những gì mà y quý mến và ưa chuộng trong ba cõi thấp có thể bị tan vỡ chung quanh y. Nhưng bất chấp tất cả, y vẫn đứng vững, điềm đạm trong linh hồn thức, và các chốn sâu thẳm của cuộc sống y vẫn không bị xáo trộn. Đây không phải là sự thiếu nhạy cảm, hay là một sự tự động ám thị bắt

buộc, cũng không phải là một khả năng hiển lộ tâm thức theo một cách mà các biến cố và các diễn biến cá nhân bị lờ đi. Đó là một sự mãnh liệt của cảm xúc được chuyển hóa thành sự hiểu biết tập trung. Khi đã đạt điều này, người đệ tử có quyền sống trong hào quang của Chân Sư. Giờ đây, không có gì trong y sẽ đòi hỏi Chân Sư chuyển hướng chú ý của Ngài ra khỏi các nỗ lực năng động tới nhiệm vụ không quan trọng để giúp đỡ một đệ tử. (5-750)

k) Sự Điềm Tĩnh Bên Trong

1. Hãy kiên nhẫn. Nhẫn nại là một đặc tính của Chân nhân. Chân nhân *kiên trì* vì tự biết nó bất tử. Phạm nhân trở nên thối chí vì biết rằng thời gian thì ngắn ngủi. [87]

Đối với người đệ tử, không có gì xảy ra ở ngoài kế hoạch, và khi động cơ và nguyện vọng duy nhất ở nội tâm là nhằm thực hiện ý muốn của Chân sư và phụng sự nhân loại, thì thành quả sẽ có mang mầm mống của công tác kế tiếp và tạo điều kiện cho bước tiến tiếp theo. Vị thế này giải rõ được nhiều điều, và đây có thể là cơ sở để người đệ tử an trụ vào đó khi tâm nhìn bị che án, khi sự rung động bị hạ thấp hơn mức cần có, và khi trí phán đoán bị phủ mờ bởi ảnh hưởng xấu xa nổi lên từ các tình huống ở cõi trần. Đối với nhiều người, phần lớn những điều nảy sinh trong thể cảm dục đều dựa trên các rung động cũ kỹ và không có cơ sở thực tế, và bãi chiến trường là nhằm kiểm soát trạng thái cảm dục, sao cho từ những bản khoản lo lắng hiện tại có thể phát triển niềm tin và sự bình an, và từ hành động và sự tương tác bạo lực, có thể phát sinh sự thanh bình.

Chúng có thể đạt đến mức mà không điều gì xảy ra có thể làm xáo trộn được sự an tĩnh nội tâm; trong đó ta biết và trải nghiệm sự bình an vượt quá sự hiểu biết, bởi vì tâm thức

được tập trung trong Chân nhân, mà Chân nhân chính là bình an, là phạm vi của sự sống bờ-đề; trong đó ta cảm biết được chính sự điềm tĩnh và sự quân bình ngự trị, bởi vì trung tâm của sự sống ở trong Chân nhân, mà Chân nhân cốt yếu là thẳng bằng; trong đó sự an tịnh chế ngự, không hề bị xáo trộn và lay chuyển, và vị Thức giả (Knower) thiêng liêng cầm quyền ngự trị, không cho phép có sự khuấy rối nào từ phạm ngã; trong đó chúng ta đạt đến chân phúc, vốn không dựa vào các hoàn cảnh trong tam giới mà căn cứ vào nhận thức nội tâm về sự tồn tại độc lập với phi ngã, một sự tồn tại vẫn duy trì khi thời gian và không gian, và tất cả những gì được chứa trong đó không còn hiện hữu; đó là điều chúng ta biết được khi đã kinh nghiệm, trải qua, chuyển hoá và vượt lên khỏi tất cả các ảo tưởng của những cõi thấp; đó là điều vẫn thường tồn khi thế giới bé nhỏ của nỗ lực con người đã tiêu tan, được thấy như là không là gì cả; và điều đó dựa trên sự hiểu biết rằng TÔI LÀ CÁI ĐÓ.

Một thái độ và kinh nghiệm như thế dành cho những ai kiên trì trong nỗ lực cao thượng, xem tất cả mọi sự đều không đáng kể, miễn sao có thể đạt được mục tiêu, tiến tới liên tục qua mọi hoàn cảnh, chăm chú vào viễn ảnh trước mắt, tai lắng nghe tiếng nói của Thượng Đế nội tại, vang lên trong sự tĩnh lặng của tâm hồn, dẫn bước vững vàng trên con đường đưa đến Cửa Điểm Đạo, đôi tay sẵn sàng trợ giúp thế gian, và trọn cả cuộc đời phụ thuộc vào tiếng gọi phụng sự. Bấy giờ, tất cả những gì xảy đến đều nhằm mang lại điều tốt đẹp nhất—bệnh tật, cơ hội, thành công, thất bại, những lời chế nhạo và các mưu đồ đen tối của kẻ thù, việc thiếu sự thông cảm về phía những người chúng ta thương yêu—tất cả đều được sử dụng, tất cả đều hiện hữu chỉ để được chuyển hoá. Sự liên tục của linh thị, của nguyện vọng và của sự tiếp xúc

nội tâm được xem là quan trọng hơn tất cả các điều trên. [88] Đó là sự liên tục cần nhắm tới, mặc dù và bất chấp các hoàn cảnh có thể nào.

Khi người tìm đạo tiến bộ, không những y cân bằng được các cặp đối lập, mà điều bí mật trong tâm hồn của người huynh đệ cũng được tiết lộ cho y. Y trở thành một sức mạnh được thừa nhận trên thế giới và được công nhận là một người đáng tin cậy trong phụng sự. Mọi người hướng về y để được phù trợ và được giúp đỡ theo đường lối được y nhận thức, và y bắt đầu phát ra âm điệu của mình để được nghe thấy trong hàng ngũ các thiên thần và nhân loại. Vào giai đoạn này, y thực hiện điều trên bằng ngòi bút trong văn chương, bằng lời nói trong diễn thuyết và giảng dạy, qua âm nhạc, hội họa và nghệ thuật. Bằng cách này hay cách khác, y thấu đến tâm hồn mọi người, và trở thành một người trợ giúp và phụng sự chủng tộc của y. (1-76/8)

2. *Sự thăng bằng hoàn toàn* cho thấy việc hoàn toàn kiểm soát thể cảm dục, sao cho các xáo trộn đột ngột về tình cảm được vượt qua, hay ít nhất được giảm thiểu trong cuộc sống vị đệ tử. Điều đó cũng cho thấy rằng, trên vòng xoắn ốc cao hơn, y có thể hành động một cách tự do ở các phân cảnh bề đề nhờ sự hoàn toàn giải thoát (và sự thăng bằng do đó) khỏi mọi ảnh hưởng và mọi xung lực được thúc đẩy từ ba cõi thấp. Loại hay tính chất thăng bằng này bao hàm – nếu bạn sẽ suy nghĩ sâu xa – một trạng thái trí tuệ trừu tượng; không điều gì được xem như là thiếu hoàn thiện mà có thể tạo ra sự xáo trộn. Bạn có thể nhận thức một cách chắc chắn rằng nếu bạn hoàn toàn thoát khỏi mọi phản ứng tình cảm, sự sáng suốt của thể trí và năng lực suy tư rõ ràng của bạn sẽ được tăng thêm rất nhiều, với tất cả những gì mà nó bao hàm.

Dĩ nhiên, sự thăng bằng hoàn toàn của một đệ tử được điểm đạo và sự thăng bằng của Chân Sư được điểm đạo thì khác nhau, vì một đảng liên quan đến hiệu quả của ba cõi thấp hay sự không hiệu quả của chúng, còn đảng kia liên quan đến sự thích nghi với nhịp điệu của Tam Thượng Thế Tinh thần; tuy nhiên, loại thăng bằng trước phải đi trước sự thành đạt sau này, đó là sự xem xét của tôi về chủ đề. Sự thăng bằng hoàn hảo này (vốn là một sự thành tựu khả hữu cho bạn đọc) được đạt đến bằng việc loại bỏ các sức kéo, các thôi thúc, các xung lực và các thu hút của bản chất cảm dục, và cũng bằng việc thực hành điều mà trước kia tôi có nói đến: *Sự Diêm Nhiên Thiên liêng*. (17-672/3)

l) Trách Nhiệm

Từ góc độ của Khoa học nội môn, ý thức trách nhiệm là đặc điểm đầu tiên và nổi bật của linh hồn. Do đó, chùng nào mà một đệ tử trong sự giao tiếp với linh hồn và đang trở thành phạm ngã được linh hồn truyền sức sống, và tất nhiên là ở dưới sự điều khiển của linh hồn, thì chùng đó y sẽ đảm trách nhiệm vụ được giao cho y. (6-390) [89]

m) Minh Triết

Minh triết (Wisdom) là sản phẩm của Phòng Minh triết. Nó liên quan đến sự phát triển của sự sống bên trong hình thể, đến sự tiến bộ của tinh thần thông qua các vận cụ vô thường, và đến những sự mở rộng tâm thức nối tiếp nhau từ kiếp này sang kiếp khác. Nó liên quan đến khía cạnh sự sống của sự tiến hóa. Vì nó liên quan đến bản thể của sự vật chứ không phải với chính sự vật, nên nó là sự thấu hiểu chân lý bằng trực giác, độc lập với khả năng lý luận, và là nhận thức bẩm sinh có thể phân biệt đúng với sai, chân với giả. Minh

triết còn hơn thế, bởi vì đó cũng là khả năng của Chủ Thể Tư Tưởng có thể ngày càng thâm nhập vào thể trí của Thượng Đế, nhận thức ý nghĩa sâu sắc đích thực của hoạt cảnh vĩ đại của vũ trụ, hình dung được mục tiêu, và ngày càng hài hòa với mức độ cao hơn. Đối với mục đích hiện nay của chúng ta (là nghiên cứu phần nào về Thánh đạo và các giai đoạn khác nhau trong đó), có thể mô tả minh triết là sự nhận thức về “Thiên Giới ở nội tâm” (“Kingdom of God within”) và sự hiểu biết về “Thiên Giới ở ngoại cảnh” (“Kingdom of God without”) trong thái dương hệ. Cũng có thể nói đó là sự dần dần hòa hợp các đường lối của nhà thần bí và nhà huyền bí – là việc xây dựng ngôi đền minh triết trên nền tảng kiến thức.

Minh triết là khoa học về tinh thần, giống như kiến thức là khoa học về vật chất. Kiến thức thì có tính phân cách và khách quan, trong khi minh triết thì có tính tổng hợp và chủ quan. Kiến thức thì chia ra, còn minh triết thì thống nhất. Kiến thức thì phân hóa trong khi minh triết thì hợp nhất.

Vậy thì từ *sự hiểu biết* (*understanding*) có ý nghĩa gì?

Có thể định nghĩa *sự hiểu biết* là năng lực của Chủ Thể Tư Tưởng trong Thời Gian để hoạch đắc kiến thức làm nền tảng cho minh triết, giúp y có thể làm cho các sự vật sắc tướng thích ứng với sự sống tinh thần, có thể đón nhận các chớp lóe của sự cảm hứng đến với y từ Phòng Minh triết, và liên kết chúng với các sự kiện của Phòng Học Tập. Toàn bộ ý niệm này có thể được diễn đạt như sau:

Minh triết liên quan đến Đại Ngã duy nhất, còn *kiến thức* thì liên quan đến phi ngã, trong khi *sự hiểu biết* là quan điểm của Chân Ngã hay Chủ Thể Tư Tưởng, hay là mối quan hệ giữa chúng.

Trong Phòng Vô Minh, thì hình hài kiểm soát, và

phương diện vật chất của các sự vật có ưu thế. Ở đó con người được an trụ trong phạm ngã hay bản ngã thấp. Trong Phòng Học Tập, Chân Nhân hay Chân Ngã phấn đấu để thống trị hình tướng cho đến khi dần dần đạt được một mức thăng bằng, khi đó con người hoàn toàn không còn bị bên nào kiểm soát. Về sau, Chân Nhân ngày càng chế ngự, cho đến khi, trong Phòng Minh triết, nó thống trị trong ba cõi thấp, và trong mức độ ngày càng tăng, thiên tính vốn có nắm lấy quyền làm chủ. (1-11/2) [90]

n) Trục Giác

1. Trục giác là sự hiểu biết tổng hợp vốn là đặc quyền của linh hồn và chỉ có thể có trục giác khi linh hồn, trên cảnh giới riêng của nó, đang tiến đến hai hướng: hướng về Chân Thần và hướng về phạm ngã tích hợp, và có thể (cho dù là chỉ tạm thời) là phạm ngã được phối kết và nhất quán. Đó là chỉ dẫn đầu tiên về sự hợp nhất chủ động sâu xa vốn sẽ lên đến tột đỉnh ở lần điểm đạo thứ ba.

Trục giác là sự hiểu biết toàn diện về nguyên lý đại đồng, và khi trục giác tác động, ít nhất là tạm thời, sẽ có sự mất hẳn ý thức chia rẽ. Ở điểm cao nhất của nó, trục giác được nhận biết như là Tình Thương Đại Đồng (Universal Love) mà không có liên quan gì với tình cảm hoặc với phản ứng xót thương, mà đáng chú ý nhất là có bản chất hòa đồng (identification) với muôn loài. Bấy giờ lòng từ ái thực sự mới được biết tới; bấy giờ sự chỉ trích mới không còn nữa; chỉ bấy giờ, cái mầm mống thiêng liêng ẩn tàng trong mọi hình hài mới được nhận thấy.

Trục giác chính là ánh sáng; khi trục giác tác động, thế giới được nhận thấy dưới hình thức là ánh sáng, và các thể

ánh sáng (light bodies) của mọi hình hài mới dần dần hiển lộ. Việc này đưa tới khả năng tiếp xúc với trung tâm ánh sáng trong mọi hình hài và như vậy một lần nữa mối liên hệ bản thể được thiết lập và ý thức về sự tự cao và sự chia rẽ lùi vào hậu trường.

Do đó, khi xuất hiện, trực giác mang theo với nó ba tính chất sau :

a/ Giác ngộ (Illumination). Khi dùng chữ giác ngộ, tôi không muốn nói là ánh sáng trong đầu. Ánh sáng đó do ngẫu nhiên và hiếm có. Nhiều người có trực giác thật sự đều hoàn toàn không biết đến ánh sáng này. Ánh sáng mà tôi đề cập đến là ánh sáng tỏa chiếu Cửa Đạo. Đó là “ánh sáng trí tuệ” (“the light of the intellect”), nó thực sự muốn nói đến những gì soi sáng thể trí và những gì có thể tự phản chiếu trong bộ máy trí tuệ đang được giữ “ổn định trong ánh sáng”. Đây là “Ánh sáng của thế gian”, một Thực Tại luôn luôn hiện hữu, nhưng chỉ có thể được khám phá khi ánh sáng nội tâm của cá nhân được nhận biết với tính cách như thế. Đây là “Ánh sáng Muôn Đời” (“Light of the Ages”), sẽ tỏa chiếu mãi mãi cho đến khi Đại Nhật đến với chúng ta (Day be with us). Do đó, trực giác là sự nhận biết trong chính mình, không phải bằng lý thuyết suông mà là như một thực tại trong kinh nghiệm của con người, với sự đồng nhất hóa hoàn toàn với Toàn Linh Trí, với việc tạo thành một phần của Sự Sống Vĩ Đại Thế Gian, và với việc tham dự của con người vào Sự Sống kéo dài vĩnh cửu.

b/ Sự cảm thông: ... Để có sự cảm thông bao hàm khả năng ngày càng yêu thương mọi tạo vật (beings) tuy vậy đồng thời cũng duy trì được sự tách biệt với phàm ngã. Sự tách biệt này có thể được tạo ra một cách dễ dàng dựa vào

việc thiếu khả năng yêu thương, chỉ quan tâm một cách ích kỷ đến tiện nghi riêng của chính mình – về vật chất, trí tuệ hoặc tâm linh, nhất là về mặt tình cảm. Người thuộc cung một, e sợ [91] tình cảm và coi thường tình cảm, nhưng đôi khi họ phải chế ngự trạng thái tình cảm trước khi họ có thể dùng sự nhạy bén tình cảm theo đúng cách.

Việc cảm thông bao hàm việc tiếp xúc với sự sống với tư cách phạm ngã tích hợp, cộng với phản ứng của chơn ngã đối với các mục tiêu và kế hoạch của nhóm. Sự cảm thông này bao hàm sự hợp nhất phạm ngã–linh hồn, kinh nghiệm rộng rãi và hoạt động nhanh chóng của nguyên khí Christ nội tại. Sự cảm thông bằng trực giác luôn luôn có tính cách tự phát. Khi nào lý luận chen vào sự cảm thông, thì đó không phải là hoạt động của trực giác.

c/ *Tình thương* (Love). Như trước đã nói đây không phải là tình cảm luyến ái hay việc chiếm chỗ yêu thương; hai khía cạnh đó đều ngẫu nhiên và xảy ra tuần tự. Khi trực giác được phát triển, thì cả tình thương lẫn việc có tinh thần yêu thương vượt lên trên, tất nhiên là dưới hình thức thuần khiết của chúng, sẽ được minh chứng, nhưng những gì tạo ra hai điều này đều sâu xa và dễ hiểu hơn nhiều. Chính sự hiểu biết tổng hợp toàn thể về Sự Sống và nhu cầu của mọi sinh linh (tôi cố ý chọn hai từ này) là đặc quyền cao cả mà Người Con thiêng liêng của Thượng Đế phải thực hiện. Sự hiểu biết đó gạt bỏ tất cả những gì tạo ra các cản trở, tạo ra sự chỉ trích và tạo ra sự chia rẽ. Tình thương không có sự phân biệt, thậm chí khi nó được nhận là cần thiết và nó tạo ra trong kẻ yêu thương sự đồng hóa tức khắc của linh hồn với những gì được yêu thương. (10–2/5)

2. Những người đã... đã tập luyện thể trí theo nghệ

thuật suy tư rõ ràng, tập trung chú ý, và cảm thụ hợp lý đối với chân lý, đã luôn luôn ở cùng thời với chúng ta, nhưng từ trước đến nay còn ít và không thường xuyên. Họ là những trí tuệ nổi bật của các thời đại. Nhưng hiện nay họ trở nên nhiều và ngày càng tăng lên. Trí tuệ nhân loại đang trong tiến trình luyện tập, và có nhiều trí tuệ như thế đang lượn lờ trên các ranh giới của một kiến thức mới. Trực giác, vốn hướng dẫn mọi nhà tư tưởng tiến bộ đi vào các lĩnh vực học hỏi mới mẻ hơn, chỉ là nhân tố đầu tiên của sự toàn tri (omniscience), vốn là đặc điểm của linh hồn. Chân lý về vạn vật hiện tồn, và chúng ta gọi nó là sự toàn tri, tính không thể sai lầm, “tri thức đúng đắn” của triết học Ấn Độ. Khi con người nắm bắt được một phần nhỏ của tri thức này và hấp thu nó vào tâm thức nhân loại, chúng ta gọi đó là sự trình bày (formulation) về một định luật, một khám phá về một trong các diễn trình của thiên nhiên. Từ trước đến giờ điều này đã là một công việc chậm chạp và được làm từng chút một. Về sau và chẳng bao lâu sau, ánh sáng sẽ tuôn đổ vào, chân lý sẽ được tiết lộ và nhân loại sẽ bước vào di sản của mình – di sản của linh hồn. (4-15/6)

3. Hành động đúng đắn:

Tiêu chuẩn gì để nhờ đó một người có thể biết đường lối nào trong nhiều đường lối hoạt động là đúng để theo? Nói cách khác, [92] có phải có một điều gì đó đang lộ ra, nó sẽ giúp một người không lầm lẫn khi chọn hành động đúng và đi đúng đường hay chẳng? Câu hỏi này không có liên quan với một sự chọn lựa hiện có giữa con đường của nỗ lực tâm linh và con đường của con người thế gian. Nó đề cập đến việc hành động đúng khi đối diện với một sự lựa chọn....

Người tìm đạo có thể chờ đợi, dựa trên một nhận thức

bên trong về chiều hướng, nhờ biết rằng vào thời điểm thích hợp, y sẽ xác định được, qua việc đóng mọi cánh cửa, trừ một cửa là lối mà y sẽ đi. Vì chỉ có một cánh cửa mở ra mà một người như thế có thể đi qua. Đối với việc nhận biết điều đó thì cần có trực giác..... Trong (trường hợp này), lỗi lầm không thể xảy ra và chỉ hành động đúng mới có thể được chọn.

... Tất cả đều tự chuyển thành một sự am hiểu về vị trí của một người trên thang tiến hóa. Chỉ có người nào tiến hóa cao mới có thể biết được các thời điểm và thời cơ, và mới có thể nhận thức đầy đủ sự khác nhau tinh vi giữa một khuynh hướng tâm thông với trực giác.... Đừng một người nào sẽ dùng tri giác thông thường và chọn đường lối hành động dựa trên việc sử dụng trí cụ thể (hạ trí), mà hãy tập luyện phương pháp cao hơn là chờ đợi cho một cánh cửa mở ra.

Y kỳ vọng quá nhiều vào địa vị mà y đang có. Y phải học cách thông qua quyết định đúng và vận dụng trí tuệ đúng để giải quyết các vấn đề của y. Nhờ phương pháp này, y sẽ tăng trưởng, vì các cội rễ của hiểu biết do trực giác được đặt sâu trong linh hồn, do đó linh hồn phải được tiếp xúc trước khi trực giác có thể hoạt động. Ở đây, một hàm ý có thể được đưa ra: trực giác bao giờ cũng bận tâm với hoạt động tập thể, chớ không quan tâm tới các sự việc cá nhân nhỏ nhặt. Nếu bạn vẫn còn là một người tập trung vào phạm ngã, thừa nhận nó và với sự trang bị hiện có, chi phối các hành động của bạn. Nếu bạn tự biết phải hoạt động với cương vị linh hồn và mãi mê trong sự quan tâm đến những người khác, không bị cản trở bởi ham muốn ích kỷ, lúc đó bốn phận chính đáng của bạn sẽ được đáp ứng, các trách nhiệm của bạn được gánh vác, công việc tập thể của bạn được xúc tiến, và con đường sẽ mở ra trước mắt bạn, trong khi đó bạn thi hành sự

việc kế tiếp và làm tròn nhiệm vụ kế tiếp. Do bốn phận được thi hành một cách hoàn hảo, sẽ xuất hiện các bốn phận lớn hơn mà chúng ta gọi là công việc thế gian; do gánh vác các trách nhiệm gia đình, sẽ làm cho đôi vai chúng ta thêm vững chắc, chúng sẽ giúp chúng ta đảm đương các trách nhiệm của tập thể lớn hơn. Lúc bấy giờ tiêu chuẩn là gì?

Hãy để Tôi lặp lại, đối với người tìm đạo cao cấp, việc lựa chọn hành động tùy thuộc vào việc vận dụng đúng đắn thể hạ trí, việc sử dụng một lương tri lành mạnh và việc quên đi tiện nghi ích kỷ và tham vọng cá nhân. Điều này dẫn đến việc làm tròn nhiệm vụ. Đối với đệ tử sẽ có việc tiến hành tự động và không thể thiếu tất cả mọi điều trên, cộng với việc sử dụng trực giác, nó sẽ tiết lộ thời điểm khi mà các trách nhiệm tập thể rộng lớn hơn có thể được gánh vác một cách hợp lý, và được tiến hành đồng thời với các trách nhiệm của tập thể nhỏ hơn. Hãy suy ngẫm về điều này. Trực giác không tiết lộ cách có thể nuôi dưỡng tham vọng, [93] cũng không tiết lộ phương thức có thể làm hài lòng sự ham muốn cho tiến bộ ích kỷ. (4-67/70)

4. Khi việc sử dụng các khí cụ chủ quan trở nên *tự ý*, và một người biết nó nên được sử dụng như thế nào, khi y đang dùng nó, và có thể không tiếp tục dùng nó hoặc lại tiếp tục dùng nó tùy thích, khi đó toàn bộ tình trạng của y thay đổi và sự hữu dụng của y tăng lên. Nhờ việc sử dụng thể trí, nhân loại đã bắt đầu ý thức các mục tiêu và cách sử dụng bộ máy vật chất (xác thân). Bây giờ nhờ việc sử dụng một quan năng còn cao hơn nữa, vốn là một đặc tính của linh hồn, con người đi vào kiểm soát có chủ định và sáng suốt khí cụ của mình, và học cách hiểu được các mục đích mà vì đó nó tồn tại. Quan năng cao này chính là *trực giác* (4-167)

5. Tôi chỉ nhấn mạnh với mỗi người và mọi người vốn đọc Các Giáo Huấn này sự cần thiết có sự nỗ lực mới để tự đáp ứng với việc phụng-sự, bằng một sự cố gắng hữu thức và thận trọng để phát triển trực giác và để đạt được sự giác ngộ. Mỗi con người, khi đạt đến mục tiêu về ánh sáng và minh-triết, đều tự động có một lĩnh vực ảnh hưởng mở rộng khắp chốn, và đi vào bên trong đến nguồn gốc của ánh sáng, và đi đến bên ngoài vào trong “các lĩnh vực của bóng tối”. Khi y đã đạt được như thế, y sẽ trở thành một trung tâm lực hữu thức ban phát sự sống, và sẽ như vậy mà không cần nỗ lực nào. Y sẽ kích thích, tiếp sinh lực và làm cho mọi sự sống mà y tiếp xúc hoạt động hướng tới những nỗ lực mới, những sự sống này có thể là những người tìm đạo huynh hữu của y, hoặc một con vật, hoặc một bông hoa. Y sẽ tác động như một tác nhân truyền ánh sáng trong bóng tối. Y sẽ xua tan ảo cảm (glamour) xung quanh y và để ánh sáng chói lọi của thực tại đi vào.

Khi rất nhiều người con của nhân loại có thể hành động như thế, bấy giờ gia đình nhân loại sẽ bắt đầu công việc đã định của nó là phụng-sự cho hành tinh. Nhiệm vụ của nó là hoạt động như một cầu nối giữa thế giới tinh thần và thế giới của hình hài vật chất. Mọi cấp độ vật chất đều hội tụ trong con người, và mọi trạng thái tâm thức đều có thể xảy ra với y. Nhân loại có thể hoạt động theo mọi hướng, nâng các giới dưới nhân loại vào cõi trời và mang thiên đàng xuống cõi trần. (4-537/8)

6. Năng lực của trực giác, vốn là mục tiêu của phần lớn công việc mà các môn đệ phải làm, đòi hỏi sự khai mở một khả năng khác trong con người. Trực giác cũng là một chức năng của thể trí, và khi được sử dụng đúng cách, nó cho phép

con người nắm bắt thực tại một cách rõ ràng, và nhìn thấy thực tại đó thoát khỏi ảo cảm và ảo tưởng của ba cõi thấp. Khi trực giác hoạt động trong bất kỳ người nào, y có thể thực hiện hành động một cách trực tiếp và đúng đắn, vì y tiếp xúc với Thiên Cơ, với sự thật thuần khiết và các ý tưởng không bị biến dạng – thoát khỏi ảo tưởng, và đến trực tiếp từ [94] trí thiêng liêng hay phổ quát. Sự khai mở khả năng này sẽ mang lại một sự nhận thức thế giới về Thiên Cơ, và đây là thành tựu lớn nhất của trực giác trong chu kỳ thế giới hiện tại này. Khi Thiên Cơ đó được cảm nhận, sẽ có sự nhận thức về sự thống nhất của mọi chúng sinh; về sự tổng hợp của quá trình tiến hóa thế giới, và về sự thống nhất của mục tiêu thiêng liêng. Khi đó mọi sự sống và mọi hình tướng đều được nhìn thấy trong viễn cảnh thực sự của chúng; một ý thức đúng đắn về các giá trị và về thời gian khi đó xảy ra. Khi Thiên Cơ thực sự được trực cảm và trực tiếp, bấy giờ nỗ lực mang tính xây dựng sẽ trở thành chắc chắn và không có hành động nào bị mất. Đó là sự nhận thức một phần về Thiên Cơ và việc giải thích nó ở phía thứ hai hoặc thứ ba bởi những người thiếu hiểu biết, vốn chịu trách nhiệm cho nỗ lực bị lãng phí và những xung lực ngu ngốc vốn đặc trưng cho các tổ chức thế giới và huyền bí hiện nay. (5-25)

7. Ảo Cảm và Trực Giác: Mục tiêu trước Thánh Đoàn lúc này là phá vỡ và xua tan ảo cảm thế giới. Điều này phải xảy ra trên một quy mô thế giới, giống như nó xảy ra trong cuộc sống của mỗi đệ tử, giống như một người chuyển tiêu điểm tâm thức của y (khi ở trên Con Đường Đệ Tử) lên tới cõi trí, và học cách đập tan ảo cảm vốn cho đến nay đã nắm giữ y trên cõi cảm dục, vì vậy vấn đề trước Thánh Đoàn ngày nay là mang lại một diễn biến tương tự trong đời sống nhân loại

nói chung, vì nhân loại đang ở những con đường giao cắt, và tâm thức của nó đang được tập trung nhanh chóng trên cõi trí. Một đòn chí mạng phải được giáng vào ảo tưởng thế giới vì nó nắm giữ các con nhân loại trong cảnh nô lệ. Bằng việc học cách vượt qua ảo cảm trong đời sống của chính họ, và sống trong ánh sáng của trực giác, các môn đệ có thể tăng cường bàn tay của những Đấng có nhiệm vụ đánh thức trực giác trong con người. (5-26)

8. Sự biểu lộ nhận thức trực giác trên cõi trần được hỗ trợ rất nhiều bởi nỗ lực đọc, hiểu và sau đó diễn đạt sự hiểu biết đó bằng lời. Đây không bao giờ là một nhiệm vụ dễ dàng đối với một người có trực giác tự nhiên ..., nhưng nó là một nhiệm vụ sẽ mang lại phần thưởng cao. (5-329)

9. Trực giác là một sự tăng trưởng, chủ yếu trong tính nhạy cảm và trong một sự đáp ứng nội tâm với linh hồn. Điều này phải được vun bồi cẩn thận, và không nên chú ý đến yếu tố thời gian. (5-595)

10. Bản năng tâm linh là khả năng của linh hồn để ghi nhận sự tiếp xúc với Thánh Đoàn mà linh hồn vốn là một bộ phận của nó, giống như trong cơ thể, những sự đáp ứng, phản ứng và phản xạ máy móc, mang tính bản năng của một người là một phần không thể thiếu của cơ chế vật chất. Trong trường hợp của các bản năng tâm linh, chính trực giác sẽ giải thích và soi sáng thể trí (5-697/8) [95]

11. Cuộc điểm đạo không bao giờ có được trừ khi trực giác đang trở nên hoạt động. Bản năng tâm linh, khía cạnh thấp nhất của trực giác, biểu thị sự sẵn sàng cho cuộc điểm đạo đầu tiên; một thể trí được soi sáng và sự thông tuệ tâm linh là dấu hiệu rõ ràng rằng một người có thể có cuộc điểm

đạo thứ hai, trong khi nhận thức tâm linh hoặc bản năng trực giác biểu thị sự chuẩn bị cho Sự Biến Dung, là cuộc điếm đạo thứ ba. (6-267)

12. (Người đệ tử) cuối cùng học cách thay thế trực giác – với sự nhanh nhạy và không sai lầm của nó – cho công việc chậm chạp và gian khổ của thể trí, với sự quanh co của nó, các ảo tưởng của nó, các sai sót của nó, những giáo điều của nó, và tư duy và các văn hóa chia rẽ của nó. (6-415)

13. Những gì vốn là đối cực của ảo tưởng, như bạn biết rõ, là trực giác. Trực giác là sự nhận thức về thực tại vốn trở nên có thể xảy ra khi ảo cảm và ảo tưởng biến mất. Một phản ứng trực giác đối với chân lý sẽ xảy ra khi – theo một đường lối tiếp cận cụ thể đối với chân lý – người đệ tử đã thành công trong việc làm yên lặng các xu hướng tạo hình tư tưởng của thể trí, để ánh sáng có thể chảy trực tiếp, và không có bất kỳ sự sai lệch nào, với các thể giới tâm linh cao siêu. Trực giác có thể bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận khi ảo cảm không còn bám chặt lấy phàm ngã, và những ham muốn thấp hay cao của một người, được giải thích theo cảm tính hay duy ngã, không còn có thể đi vào giữa ý thức não bộ của y và linh hồn. Những khoảnh khắc thoáng qua của sự tự do cao siêu này đôi khi đến với mọi người tầm đạo đích thực trong sự đấu tranh trong đời sống của họ. Bấy giờ, họ có một chớp lóe hiểu biết trực giác. Sự phác thảo về tương lai và bản chất của chân lý lướt qua tâm thức của họ trong giây lát, và cuộc sống không bao giờ là sự việc tương tự nữa. Họ đã có sự đảm bảo của họ rằng mọi cuộc đấu tranh đều được đảm bảo và sẽ gọi lên phần thưởng xứng đáng của nó. (10-67)

14. Trực giác là năng lực cao siêu hơn thể trí, và là một khả năng tiềm tàng trong Tam Thượng Thể Tinh thần; nó là

năng lực của lý trí thuần túy, một sự biểu lộ của nguyên khí bồ đề, và nằm ngoài thế giới của bản ngã và hình tướng. Chỉ khi một người là một điểm đạo đồ thì việc luyện tập trực giác đích thực mới có thể trở nên xảy ra một cách bình thường. Qua đó tôi muốn nói rằng trực giác khi đó sẽ dễ dàng hoạt động giống như nguyên khí trí tuệ trong trường hợp của một người thông minh một cách linh hoạt. Tuy nhiên, trực giác sẽ làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận sớm hơn nhiều ở tình trạng cực đoan hoặc do yêu cầu khẩn cấp. (10-81/2)

15. Trực giác là nguồn gốc hoặc tác nhân cung cấp sự mặc khải. Thông qua trực giác, sự hiểu biết tiến bộ về các đường lối của Thượng Đế trên thế giới và nhân danh loài người được tiết lộ. (10-135/6) [96]

16. Ngay cả tân đạo sinh trên con đường trực giác có thể bắt đầu phát triển trong y năng lực nhận thức điều mà hạ trí không thể cung cấp cho y. Một ý tưởng nào đó về việc tiết lộ uy lực, để được sử dụng cho việc giúp đỡ nhiều người, có thể rơi vào trong trí của y; một ánh sáng mới nào đó về một chân lý rất cũ có thể thâm nhập, giải phóng chân lý khỏi những trở ngại của tính chính thống, do đó soi sáng tâm thức của y. Điều này y phải sử dụng cho mọi người chứ không phải cho một mình y. Dần dần, y học cách vào thế giới của trực giác; ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, y trở nên nhạy cảm hơn với những Ý tưởng thiêng liêng, và có năng khiếu hơn trong việc dành riêng chúng một cách khôn ngoan cho việc sử dụng của đồng loại của y.

Niềm hy vọng của thế giới và việc xua tan ảo tưởng nằm trong sự phát triển của những người có trực giác và sự rèn luyện hữu thức của họ. Có nhiều người có trực giác tự nhiên mà công việc của họ là một sự pha trộn của tâm linh

học cao, với những chớp lóe của trực giác chân chính. Phải có sự đào tạo người có trực giác chính xác. Song song với sự đáp ứng trực giác của họ và nỗ lực của họ để ngưng tụ trực giác của họ vào thế giới tư tưởng của con người, cũng phải có sự phát triển ổn định của tâm trí con người, để nó có thể nắm bắt và hiểu những gì được dự kiến, và trong điều này cũng có hy vọng của nhân loại. (10-184)

17. Trực giác không liên quan gì đến bất cứ điều gì trong ba cõi kinh nghiệm của con người, mà chỉ liên quan đến các nhận thức của Tam Thượng Thể Tinh thần và với thế giới các ý tưởng. Trực giác đối với thế giới ý nghĩa giống như thế trí đối với ba cõi kinh nghiệm. Nó tạo ra sự hiểu biết, giống như ánh sáng của linh hồn tạo ra kiến thức qua trung gian của trải nghiệm đó. Kiến thức không phải là một phản ứng trí tuệ thuần túy, mà là một điều gì đó được tìm thấy ở mọi phân cảnh, và có tính bản năng ở một dạng nào đó trong mọi giới. Điều này là hiển nhiên. Năm giác quan mang lại kiến thức trên cõi trần; sự nhạy cảm thông linh mang lại một kiến thức trên cõi cảm dục; thể trí mang lại nhận thức trí tuệ, nhưng cả ba là các khía cạnh của ánh sáng tri thức (đến từ linh hồn) khi nó thấm nhuần các hiện thể biểu lộ của nó trong môi trường tam phân rộng lớn mà trong đó nó chọn giam nhốt chính nó vì các mục đích phát triển.

Ở một vòng cao hơn của đường xoắn ốc, trực giác là sự biểu lộ của Tam Thượng Thể Tinh thần tam phân, đặt nó trong mối quan hệ với các phân cảnh cao của sự biểu lộ thiêng liêng; đó là một kết quả của sự sống Chân Thần – một năng lượng mang lại mặc khải về mục đích thiêng liêng. Chính trong thế giới của sự mặc khải thiêng liêng này mà người đệ tử cuối cùng học cách làm việc, và trong đó điểm

đạo đồ hoạt động một cách hữu thức. Về kinh nghiệm cao siêu này, cuộc sống hoạt động của ba cõi thấp là một sự biểu lộ méo mó, nhưng cũng tạo thành nền tảng đào tạo, trong đó khả năng để sống cuộc sống điểm đạo đồ có nhận thức trực giác và để phụng sự Thiên Co, được phát triển từ từ Các môn đệ sẽ [97] đạt đến một điểm trong sự phát triển của họ, ở đó họ sẽ cho thấy liệu họ có đang phản ứng với ánh sáng của linh hồn hay với nhận thức trực giác của Tam Thượng Thế. (10-194/5)

18. *Nên Văn minh Trực giác trong tương lai*: Trực giác là tác nhân nhạy cảm không thể sai lầm, tiềm tàng trong mỗi con người; như bạn biết, nó dựa trên kiến thức trực tiếp, không bị cản trở bởi bất kỳ công cụ nào thường hoạt động trong ba cõi thấp. Về thời đại trực giác trong tương lai này, Đấng Christ là Con Người Hạt Giống, vì "Ngài biết những gì đã có trong con người". Ngày nay, một nhóm hoặc một phức hợp các nhóm có thể là những người nuôi dưỡng hạt giống của trực giác; việc vun trồng tính nhạy cảm với ấn tượng viễn cảm là một trong những tác dụng uy lực nhất trong việc phát triển việc sử dụng sắp tới của năng lực trực giác. (11-35)

19. Một trực giác là một ý tưởng được bao bọc trong chất dĩ thái, và thời điểm mà một người trở nên đáp ứng với những ý tưởng đó, thì y có thể bắt đầu thành thạo các kỹ thuật kiểm soát chất dĩ thái ... Một ý tưởng đến từ các cấp độ trực giác của tâm thức thiêng liêng, là một ý tưởng đích thực. Nó được ghi nhận hoặc nắm bắt bởi người có bên trong thiết bị của y chất liệu có cùng tính chất – vì đó là mối quan hệ từ tính giữa người đó và ý tưởng đã làm cho sự linh hội nó có thể xảy ra. (11-189)

24. ÁNH SÁNG

1. Mục tiêu mà sự sống lấy hình tướng và mục đích của hiện thể biểu lộ, là sự khai mở tâm thức, hay sự mặc khải của linh hồn. Đây có thể được gọi là Thuyết Tiến hóa của Ánh sáng. Khi người ta nhận ra rằng ngay cả nhà khoa học hiện đại đang nói rằng ánh sáng và vật chất là những thuật ngữ đồng nghĩa với nhau, do đó vọng lại lời dạy của phương Đông, thì trở nên rõ ràng là qua sự tác động lẫn nhau của các cực, và qua sự ma sát của các cặp đối lập, ánh sáng sẽ lóe lên. Mục tiêu của quá trình tiến hóa được nhận thấy là một loạt các sự thể hiện ánh sáng dần dần. Được che giấu và ẩn dưới mọi hình tướng, là ánh sáng. Khi quá trình tiến hóa tiếp diễn, vật chất ngày càng trở thành một chất dẫn ánh sáng tốt hơn, do đó chúng tỏ tính chính xác trong lời tuyên bố của Đấng Christ "Ta là Ánh Sáng của Thế giới". (4-9/10)

2. Khi một người thực sự bước đi trong ánh sáng của linh hồn y và ánh sáng trong trẻo của mặt trời tràn qua y – tiết lộ Thánh đạo – nó đồng thời tiết lộ Thiên Cơ. Tuy nhiên, đồng thời, y trở nên ý thức sự thực là Thiên Cơ vẫn còn rất xa mới hoàn thành. Bóng tối trở nên [98] thực sự rõ ràng hơn; sự hỗn loạn và sự khốn cùng và sự thất bại của các nhóm thế giới lộ diện; sự bản thiêu và bụi bặm của các lực lượng tham chiến được ghi nhận, và toàn bộ nỗi buồn của thế giới đổ xuống cho người tìm đạo kinh ngạc nhưng được soi sáng. Liệu y có thể chịu được áp lực này không? Liệu y có thể thực sự trở nên quen với đau buồn và tuy vậy vui mừng mãi mãi trong tâm thức thiêng liêng hay không? Liệu y có khả năng đối mặt với những gì mà ánh sáng tiết lộ và vẫn đi trên con đường của y với sự thanh thản, chắc chắn về chiến thắng cuối cùng của điều tốt đẹp hay không? Liệu y sẽ bị áp đảo bởi sự

xấu xa bề ngoài và quên đi tâm Bác ái đang đập phía sau mọi vẻ bề ngoài? Tình huống này nên luôn luôn được người môn đệ ghi nhớ, nếu không y sẽ bị kiệt sức vì điều mà y đã phát hiện ra.

Nhưng với sự giáng lâm của ánh sáng, y trở nên ý thức một hình thức năng lượng mới (đối với y). Y học cách làm việc trong một lĩnh vực cơ hội mới. Cảnh giới của thể trí mở ra trước mắt y, và y khám phá ra rằng y có thể phân biệt giữa bản chất tình cảm và bản chất trí tuệ. Y cũng phát hiện ra rằng thể trí có thể được làm cho đảm nhận vị trí của người điều khiển, và các lực hữu cảm thức đáp ứng với việc tuân theo các năng lượng trí tuệ. "Ánh sáng của lý trí" mang lại điều này – ánh sáng luôn hiện hữu trong con người nhưng chỉ trở nên có ý nghĩa và mạnh mẽ khi được nhìn thấy và được biết đến, hoặc thuộc hiện tượng hay thuộc trực giác. (4-355)

3. Trong ánh sáng của Tổng thể, ánh sáng của bản ngã nhỏ nhoi tắt dần, giống như ánh sáng vốn có trong mỗi nguyên tử của cơ thể được tập hợp lại với nhau và bị lụi tàn trong ánh sáng của linh hồn khi ánh sáng đó bùng lên trong tất cả vinh quang của nó.

Khi giai đoạn quên mình, phụng sự, lệ thuộc vào Đại Ngã Duy Nhất, và hy sinh cho tập thể trở thành mục tiêu, thì một người đã đạt đến mức mà ở đó y có thể được tiếp nhận vào nhóm các nhà thần bí thế giới và những bậc thức giả, và những người phụng sự tập thể, vốn là sự phản chiếu trên cõi trần của Thánh Đoàn hành tinh. (4-397/8)

4. "Tôi là một sứ giả của Ánh sáng. Tôi là một người hành hương trên con đường bác ái, tôi không bước đi một mình mà tự biết tôi là một với mọi linh hồn cao cả, và là một với họ trong việc phụng sự. Sức mạnh của họ là của tôi. Tôi

tuyên bố sức mạnh này. Sức mạnh của tôi là của họ, và tôi cung cấp điều này một cách thoải mái. Là một linh hồn, tôi bước đi trên trái đất. Tôi đại diện cho Đấng Duy Nhất". (5-140)

5. Không được nản lòng. Bằng những thất bại và những phản ứng của chúng ta với ảo cảm, chúng ta học cách tự tin bước lên Con đường Ánh sáng ... Hãy học hỏi từ quá khứ nhưng hãy từ chối bị nắm giữ bởi quá khứ đó. Đừng để những lời nói hoặc ảnh hưởng của bất kỳ ai dẫn dắt bạn. Cầu mong ánh sáng của chính linh hồn bạn dẫn dắt bạn từ sức mạnh này đến sức mạnh khác, và tiết lộ cho bạn một động cơ thuần khiết sẽ tràn ngập cuộc sống của bạn với tình yêu. (5-240) [99]

6. Toàn bộ chủ đề về sự mặc khải là sự mặc khải của ánh sáng, và điều đó hàm ý nhiều cách giải thích khác nhau về từ ngữ "ánh sáng", nó liên quan đến việc khám phá những vùng được chiếu sáng của bản thể (mà về mặt khác vẫn chưa được biết đến, và do đó còn bị che giấu). Chúng ta tạo ra ánh sáng; chúng ta sử dụng ánh sáng; chúng ta khám phá ra những ánh sáng vĩ đại hơn vốn dùng để tiết lộ cho chúng ta về Thượng Đế Chưa Được Biết Đến. Đó là ánh sáng dẫn đường bên trong chúng ta, vốn cuối cùng tiết lộ những ánh sáng rực rỡ hơn mở ra quá trình mặc khải. Hỡi huynh đệ, tôi đang nói một cách tượng trưng, như bạn có thể hiểu rõ. (6-436)

7. Có thể nói rằng quá trình đưa ánh sáng vào những nơi tối tăm này đương nhiên gồm ba giai đoạn:

a. Giai đoạn mà trong đó người sơ cơ và người chí nguyện nỗ lực loại bỏ ảo cảm ra khỏi cuộc sống của chính họ bằng cách sử dụng ánh sáng của thể trí. Ánh sáng tri thức là một tác nhân xua tan chính trong các giai đoạn ban đầu của nhiệm vụ và loại bỏ một cách hiệu quả những ảo cảm khác

nhau che đậy chân lý khỏi người tìm đạo.

b. Giai đoạn mà trong đó người tìm đạo và môn đệ làm việc với ánh sáng của linh hồn. Đây là ánh sáng minh triết, vốn là kết quả được giải thích của kinh nghiệm lâu năm, và ánh sáng này tuôn ra, hòa quyện với ánh sáng tri thức.

c. Giai đoạn mà trong đó người đệ tử và điểm đạo đồ làm việc với ánh sáng trực giác. Chính qua phương tiện pha trộn của ánh sáng tri thức (ánh sáng phàm ngã) và ánh sáng minh triết (ánh sáng linh hồn) mà Ánh sáng được nhìn thấy, được biết đến và được chiếm hữu. Ánh sáng này dập tắt những ánh sáng thấp kém hơn nhờ sự tỏa sáng thuần khiết quyền năng của nó.

Do đó, bạn có ánh sáng tri thức, ánh sáng minh triết, và ánh sáng trực giác, và đây là ba giai đoạn hoặc các khía cạnh rõ rệt của Ánh sáng Duy Nhất. (10-191/2)

8. Khoa học về Antahkatana, nói về mặt kỹ thuật, và vì mục đích của nhóm, đặc biệt là khoa học về sự biểu lộ ánh sáng, với các kết quả về sự mặc khải và những thay đổi do đó của nó. Nên nhớ rằng:

(a) Ánh sáng là có thật, và từ góc độ của tinh thần, là một sự thăng hoa hoặc hình thức cao của vật chất.

(b) Ánh sáng cũng là tính chất hay đặc điểm chính của linh hồn trong cõi riêng của nó, và của thể dĩ thái (cuối cùng là sự phản ánh của linh hồn) trong ba cõi tiến hóa của con người.

(c) Đối tượng của khoa học mà chúng ta đang nghiên cứu, là kết hợp các ánh sáng thấp và cao, để một ánh sáng duy nhất tỏa ra trong sự biểu lộ ở cõi trần, và kết quả là một sự tổng hợp của ánh sáng được mang lại. [100]

(d) Nói về mặt kỹ thuật thì tồn tại hai thể ánh sáng – thể sinh lực hoặc thể dĩ thái và hiện thể linh hồn. Một thể là

kết quả của vô số kiếp sống lâm phạm, và cuối cùng trở thành một kho năng lượng mạnh mẽ được tập hợp từ một phạm vi rộng các sự tiếp xúc, mặc dù được chi phối bởi loại cung trong ba khía cạnh của nó. Thể dĩ thái tồn tại và ngày nay đang hoạt động mạnh mẽ. Thể của linh hồn đang trong quá trình xây dựng từ từ, và là "ngôi nhà không do tay người tạo ra, vĩnh cửu ở trên trời" mà Tân Ước đề cập đến (11 Cô-rinh-tô 5: 1). Điều thú vị cần lưu ý là Cựu Ước đề cập đến thể dĩ thái (Ecc. 12: 6-7) và cấu tạo của nó, còn Tân Ước đề cập đến việc xây dựng thể tinh thần. (12-143/4)

9. Ánh sáng, hay bức xạ (là) hiệu quả của sự tương tác giữa sự sống và môi trường.

... Linh hồn là yếu tố trong vật chất (hay đúng hơn là yếu tố xuất hiện từ sự tiếp xúc giữa tinh thần và vật chất) tạo ra phản ứng có tri giác và điều mà chúng ta gọi là tâm thức ở các dạng khác nhau của nó; đó cũng là tính chất thiết yếu tiềm tàng hoặc chủ quan khiến cho bản thân nó được cảm nhận là ánh sáng hoặc bức xạ phát sáng. Đó là sự "tự tỏa sáng từ bên trong" vốn là đặc trưng của mọi hình thức. Vật chất, về thực chất, và ở trạng thái không biến phân của nó, trước khi bị cuốn vào hoạt động qua quá trình sáng tạo, không có tính chất của linh hồn, và do đó không có các tính chất của sự đáp ứng và của sự bức xạ. Chỉ khi – trong quá trình sáng tạo và tiến hóa hướng thượng – hai tính chất này được đưa vào kết hợp và dung hợp với nhau, nên linh hồn mới xuất hiện và mang đến hai trạng thái của thiên tính này cơ hội biểu lộ như một bộ ba, và cơ hội để thể hiện hoạt động có tri giác và ánh sáng bức xạ từ tính.

... Có thể nói rằng, chỉ khi nào trạng thái linh hồn có tính chủ đạo, thì bộ máy đáp ứng (là phạm ngã của con người) đang làm tròn vận mệnh đầy đủ của nó, và chỉ khi đó,

bức xạ có tính thu hút thực sự và sự tỏa chiếu thuần khiết của ánh sáng mới trở nên có thể xảy ra. Một cách tượng trưng, trong các giai đoạn ban đầu của cơ tiến hóa nhân loại, từ góc độ của tâm thức, con người tương đối không đáp ứng và không có ý thức, vì vật chất trong các giai đoạn ban đầu của nó đang trong tiến trình hình thành. Việc đạt được ý thức đầy đủ dĩ nhiên là mục tiêu của diễn trình tiến hóa. Ngoài ra, nói một cách biểu tượng, người chưa tiến hóa không phát ra hoặc biểu lộ một ánh sáng nào. Ánh sáng trong đầu thì không thể thấy được, mặc dầu người nghiên cứu có nhãn thông sẽ thấy được ánh sáng dù không rõ rệt bên trong các nguyên tử vốn tạo thành cơ thể, và ánh sáng bị che giấu trong các nguyên tử tạo thành phạm ngã.

Khi sự tiến hóa tiếp diễn, các điểm sáng lò mờ này của “ánh sáng tối” (“dark light”) tăng cường độ sáng rực của nó; ánh sáng bên trong đầu lóe lên từng lúc trong kiếp sống của [101] thường nhân, và trở thành một ánh sáng chiếu rạng khi y tiến lên con đường đệ tử. Khi y trở thành điểm đạo đồ, ánh sáng của các nguyên tử quá chói lọi và ánh sáng trong đầu quá mạnh (với một sự kích hoạt song song của các trung tâm lực trong cơ thể), đến nỗi thể ánh sáng (light body) xuất hiện. Sau rốt, thể ánh sáng này trở nên được cảm nhận từ bên ngoài và có sự nổi bật lớn hơn là xác thân trọng trược hữu hình. Đây là thể ánh sáng mà đấng con đích thực của Thượng Đế an trú một cách hữu thức trong đó. Sau lần điểm đạo thứ ba, ánh sáng song đôi trở nên nổi bật và khoác lấy độ sáng còn lớn hơn nhờ sự phối hợp của năng lượng tinh thần với nó. Thực ra, đây không phải là sự nhận vào (admission) hay sự tái-kết-hợp (re-combing) của một ánh sáng thứ ba, mà là sự bùng lên (fanning) của ánh sáng vật chất và ánh sáng linh hồn thành một vẻ huy hoàng vĩ đại hơn nhờ *Linh Khí* (*Breath*)

của tinh thần.... Trong sự hiểu biết về ba khía cạnh ánh sáng này, xuất hiện một quan điểm chân thực hơn về bản chất của các lựa chọn trong sự biểu lộ thiên tính của con người. (14-130/1)

10. Bạn đang ở trong tiến trình luân hồi, bạn đang theo đuổi con đường đã chọn của bạn. Ngôi nhà mà bạn đang xây được chiếu sáng hay chưa? Có phải là ngôi nhà được chiếu sáng hay không? Hay đó là một ngục tù tối đen? Nếu đó là ngôi nhà được chiếu sáng, bạn sẽ thu hút đến ánh sáng của nó và sưởi ấm tất cả những ai đang ở chung quanh bạn, và sức hút của linh hồn bạn, mà bản chất của nó là ánh sáng và tình thương, sẽ cứu giúp được nhiều người. Nếu bạn vẫn còn là linh hồn đơn độc, bạn sẽ phải trải qua các khủng khiếp của sự đơn độc và cô quạnh còn nhiều hơn nữa, bước một mình lên con đường đen tối của linh hồn. Tuy nhiên, sự cô độc, sự đơn chiếc, và cả tình trạng cách ly này trong đêm đen, tất cả là một phần của Đại Hảo Huyền (Great Illusion). Tuy thế, chính cái hảo huyền mà toàn bộ nhân loại hiện nay đang bị cuốn hút vào đó đang được chuẩn bị cho sự hợp nhất, sự tự do và sự giải thoát. Một số người bị đắm chìm trong hảo huyền và không còn nhận ra những gì là thực tại và chân lý. Những người khác thung dung đi lại trong cõi hảo huyền với các mục đích cứu vớt các huynh đệ của họ, và nếu bạn không thể làm được điều này, bạn sẽ phải học cách bước đi như thế. (16-343)

(a) Ánh Sáng Của Linh Hồn

1. Sự chú ý của một Chân Sư được thu hút tới một người bởi sự rực rỡ của ánh sáng nội tâm. Khi ánh sáng đó đã đạt đến một cường độ nhất định, khi các cơ thể được cấu tạo từ một cấp độ vật chất nhất định, khi hào quang đã đạt đến một sắc thái nhất định, và khi sự rung động đã đạt đến một

tốc độ và mức độ cụ thể, và khi đời sống của một người bắt đầu phát ra một cách huyền bí trong ba cõi thấp (mà âm thanh sẽ được nghe thấy trong suốt cuộc đời phụng sự), một Chân Sư cụ thể nào đó bắt đầu kiểm tra y bằng cách áp một rung động cao hơn nào đó, và bằng cách nghiên cứu phản ứng của y với rung động đó. Sự lựa chọn một học trò của một Chân Sư bị chi phối bởi nghiệp quả quá khứ và bởi sự liên kết [102] xưa, bởi cung mà trên đó cả hai có thể được tìm thấy, và bởi nhu cầu của thời điểm. (2-274)

2. Thông qua trung gian của ánh sáng của linh hồn, mà linh hồn có thể được biết. Do đó, hãy tìm kiếm ánh sáng của linh hồn bạn, và biết linh hồn như là người điều khiển của bạn. Khi sự tiếp xúc linh hồn được thiết lập, linh hồn của chính bạn, nếu tôi có thể diễn tả như thế, sẽ giới thiệu bạn với Chân Sư của bạn. (4-594)

3. Trên tất cả, tôi muốn nói: Hãy tìm cách phục hồi sự nhiệt tình của hoài bão tinh thần và kỷ luật tự giác trước đó của bạn. Nếu bạn chưa bao giờ đánh mất nó (mặc dù nhiều môn đệ đã bị như vậy), hãy tìm cách bắt buộc năng lượng truyền cảm hứng đó thể hiện trong một sự biểu lộ hiệu quả hành động rõ rệt trên cõi trần. Hỡi các huynh đệ, bạn hỏi, như thế nào? Bằng cách tăng cường sự rực rỡ của ánh sáng của bạn trên thế giới, thông qua bác ái và thiên định, để những người khác có thể hướng tới bạn như tới một ngọn đèn hiệu trong đêm tối của cuộc đời mà dường như trong thế kỷ này đã giáng xuống nhân loại; hãy tìm cách yêu nhiều hơn những gì bạn từng tin là có thể, để những người khác – bị đóng băng và lạnh lẽo bởi hoàn cảnh cuộc sống và nỗi kinh hoàng hiện tại của sự tồn tại của con người – có thể hướng về bạn để tìm sự ấm áp và sự an ủi. Điều mà tôi và tất cả những ai được liên kết với Thánh Đoàn tìm cách làm vào thời điểm

khủng hoảng tuyệt vọng này là tìm ra những người là những điểm năng lượng sống đáng tin cậy, và thông qua họ, tuôn đổ ra bác ái, sức mạnh và ánh sáng mà thế giới cần và phải có nếu con bão này sẽ được vượt qua, tôi yêu cầu bạn cung cấp việc phụng sự này cho tôi và cho nhân loại. Tôi không yêu cầu điều gì ngoạn mục; tuy nhiên, sẽ cần một nỗ lực vất vả của linh hồn bạn, nếu bạn sẽ đáp ứng một cách thỏa đáng; tôi không yêu cầu điều gì không thể xảy ra; tôi muốn nhắc bạn rằng sự thờ ơ của thể xác và bộ não, sức trì trệ của bản chất tình cảm, và cảm giác về sự vô ích của thể trí khi đương đầu với những vấn đề lớn, dường như sẽ cản trở bạn. (5-99/100)

4. Lời của tôi dành cho bạn là: Hãy làm việc nhiều hơn trong ánh sáng và xem mọi người như ở trong ánh sáng đó với bạn. Tất cả những gì mà bất kỳ môn đệ hay người chí nguyện nào phải làm liên quan với các đồng loại của y, là kích thích ánh sáng ở trong họ, để họ tự do bước đi trong ánh sáng của riêng họ và con đường trên Thánh đạo. (5-417)

5. Hãy để ánh sáng của linh hồn bạn hướng dẫn và tình yêu của linh hồn bạn quyết định thái độ dẫn dắt các cách xử sự, và giải phóng vào lĩnh vực phụng sự của bạn năng lực sẽ mang lại kết quả mong muốn. (5-489)

6. Đối với bạn, phải có sự tăng trưởng đều đặn ánh sáng của linh hồn bạn, được nuôi dưỡng bằng thiên định, được biểu lộ trong việc phụng sự vô kỷ, và ngày càng rạn rỡ qua việc tăng cường sự sống của linh hồn bạn. Vì vậy, hãy sống như một linh hồn và hãy quên đi phạm ngã. Đừng dành quá nhiều thời gian để [103] xem xét những lỗi lầm và sai lầm trong quá khứ. Tính tự ti không nhất thiết là một dấu hiệu của sự tăng trưởng tinh thần. Nó thường là kết quả đầu tiên của một cuộc tiếp xúc với linh hồn, và hàm ý sự tiết lộ những giới hạn của phạm ngã trong nhiều năm. Điều đó có một giá

trị tạm thời, miễn là bạn lại hướng mắt về linh hồn. Hãy quên đi những việc nằm ở đằng sau, hãy để ánh sáng của linh hồn dẫn bạn đến nơi mà nó sẽ ở. (5-599)

7. "Tôi là một vói ánh sáng chiếu qua linh hồn tôi, các huynh đệ tôi và Chân Sư của tôi". (6-647)

8. "Từ bóng tối hãy dẫn chúng ta đến ánh sáng, tôi bước trên con đường của sự sống và ánh sáng bởi vì tôi là một linh hồn. Bước đi cùng với tôi là các huynh đệ của tôi và Chân Sư của tôi. Vì vậy, bên trong, bên ngoài, và ở mọi phía đều có ánh sáng và bác ái và sức mạnh". (6-648),

9. Hãy để ánh sáng và sự rạng rỡ của linh hồn soi sáng việc phụng sự của bạn và đừng để trí tuệ của bạn chứng tỏ là yếu tố chi phối. Hãy để tình yêu tự phát chứ không phải một sự từ tế được vun trồng chi phối các mối quan hệ của bạn với đồng loại. (6-656)

10. Tính chất và đặc điểm chính của linh hồn là ánh sáng. Vì vậy, nếu ánh sáng đó được sử dụng và tính chất đó được biểu lộ bởi người đệ tử và người phụng sự, thì trước hết y phải đạt đến một sự tiếp xúc được nhận thức với linh hồn thông qua thiên định. (10-140)

11. Có thể nói rằng ánh sáng bên trong giống như một chiếc đèn pha, phóng ra vào thế giới của ảo cảm và của cuộc đấu tranh của con người từ cái mà một Chân Sư đã gọi là "bệ đỡ của linh hồn và tháp hay cột mốc tâm linh" Năng lực sử dụng ánh sáng này như một tác nhân xua tan chỉ đến khi các biểu tượng này được thả xuống và người phụng sự bắt đầu tự xem y là ánh sáng và là trung tâm soi sáng. Đây là lý do giải thích cho một số vấn đề chuyên môn của khoa học huyền bí. Người theo thuyết bí truyền biết rằng trong mỗi nguyên tử của cơ thể y sẽ được tìm thấy một điểm sáng. Y biết rằng bản chất của linh hồn là ánh sáng. Qua nhiều thiên kỳ, y bước

đi nhờ ánh sáng được tạo ra trong các hiện thể của y, bởi ánh sáng bên trong vật chất nguyên tử của cơ thể y, và do đó, được hướng dẫn bởi ánh sáng của vật chất. Về sau, y phát hiện ra ánh sáng của linh hồn. Về sau nữa, y học cách dung hợp và pha trộn ánh sáng linh hồn và ánh sáng vật chất. Bây giờ, y tỏa sáng như một người mang Ánh Sáng, ánh sáng được thuần khiết của vật chất và ánh sáng của linh hồn được hòa trộn và được tập trung. Việc sử dụng ánh sáng tập trung này, khi nó xua tan ảo cảm cá nhân, dạy cho các môn đồ những giai đoạn đầu của kỹ thuật vốn sẽ xua tan ảo cảm tập thể và cuối cùng là ảo cảm thế giới. (10-196/7) [104]

12. Linh hồn phải được nhìn thấy bởi đệ tử dự bị như mặt trời của sự sống. Tất cả các đèn nhỏ hơn phải được dập tắt bởi ánh sáng của ngôi sao sáng trung tâm; tất cả các ngọn lửa nhỏ phải được tiêu diệt bằng ngọn lửa mặt trời. Thái Dương Thiên Thần kiểm soát sự sống phàm ngã và các mãnh lực của nó. Trong Kỷ Nguyên Mới, đây là mục tiêu của Con Đường Dự Bị, và của ứng viên của Con Đường Đệ Tử. Cho đến nay, nó đã là mục tiêu của mọi phạm vi được đưa ra về Con đường Đệ Tử, nhưng mức độ thông minh cao hơn của ứng viên hiện đại đảm bảo một sự thay đổi, và theo thời gian, các yêu cầu hiện tại đối với các đệ tử, cho đến và bao gồm cả cuộc điểm đạo thứ hai, sẽ là các yêu cầu cho Con đường Dự Bị. (18-114)

(b) Sự Tìm Kiếm Ánh Sáng

1. Con người – đơn giản chỉ vì bản thân y là mảnh nhỏ và không hoàn thiện – luôn có sự thôi thúc bên trong bản thân y để tìm kiếm những điều khác và vĩ đại hơn bản thân y. Chính điều này đã thúc đẩy y trở lại trung tâm của bản thể y, và chính điều này đã buộc y chọn con đường trở về với Toàn

Ngã (the All-Self). Luôn luôn, qua các thiên kỷ, Đứa Con Hoang Đàng trở dậy và đi đến với Cha của y, và luôn tìm tàng trong y là ký ức về nhà của Cha và vinh quang được tìm thấy ở đó. Nhưng tâm trí con người được cấu thành sao cho việc tìm kiếm ánh sáng và lý tưởng nhất thiết là lâu dài và khó khăn. "Giờ đây chúng ta nhìn qua một tấm kính một cách tối tăm, nhưng rồi phải đối mặt với nhau"; bây giờ chúng ta có những nhìn thoáng qua qua các cửa sổ mà thỉnh thoảng chúng ta đi qua khi chúng ta đi lên cầu thang, về những Đấng khác và vĩ đại hơn chính chúng ta; Các Ngài chìa ra cho chúng ta những bàn tay giúp đỡ, và kêu gọi chúng ta bằng những âm sắc lạnh lạnh để tiếp tục đấu tranh một cách dũng cảm nếu chúng ta hy vọng sẽ đứng ở nơi mà các Ngài đang đứng. Chúng ta cảm nhận các vẻ đẹp và các vinh quang xung quanh chúng ta mà cho đến nay chúng ta vẫn không thể ham thích; chúng bay vào tầm nhìn của chúng ta, và chúng ta chạm đến sự vinh quang vào một khoảnh khắc cao cả, chỉ để lại mất sự tiếp xúc và chìm trở lại vào sự âm đạm u ám đang bao trùm. Nhưng chúng ta biết rằng bên ngoài và xa hơn nữa là một cái gì đó được mong muốn; chúng ta cũng học được bí nhiệm rằng kỳ quan bên ngoài chỉ có thể được tiếp xúc bằng cách rút vào bên trong, cho đến khi trung tâm ý thức được tìm thấy rung động đồng điệu với những kỳ quan được nhận thức một cách lơ mờ đó, và với những Linh hồn rạng rỡ tự gọi các Ngài là các vị Anh Cả của chúng ta. Chỉ bằng cách giẫm đạp lên các lớp vỏ bọc bên ngoài che đậy và che giấu trung tâm bên trong, chúng ta mới đạt đến mục tiêu, và tìm thấy các Đấng mà chúng ta tìm kiếm. Chỉ bằng sự thống trị của mọi hình tướng, và mang các hình tướng đó dưới sự cai trị của Thượng Đế bên trong, chúng ta mới có thể tìm thấy Thượng Đế trong tất cả, vì đó chỉ là những lớp vỏ mà trong

đó chúng ta hoạt động trên cõi hiện tồn vốn che giấu chúng ta với Thượng Đế nội tâm, và ngăn chặn chúng ta khỏi những Đấng mà trong các Ngài, Thượng Đế siêu việt qua mọi hình tướng bên ngoài. [105]

Vị điểm đạo đồ vĩ đại, Người đã nói lên những lời mà tôi trích dẫn, đã thêm những lời khác nữa về chân lý rạng rỡ: "Rồi chúng ta sẽ biết ngay cả khi chúng ta được biết".

Tương lai nắm giữ cho tất cả mọi người đang nỗ lực, phụng sự vô kỷ và thiên định huyền bí, lời hứa về việc biết những Đấng đã có đầy đủ kiến thức của người đấu tranh. Trong đó có hy vọng cho môn sinh tham thiên; khi y đấu tranh, khi y thất bại, khi y kiên trì, và khi lặp lại một cách khó nhọc ngày này qua ngày khác nhiệm vụ gian khổ của việc tập trung và kiểm soát thể trí, thì đứng về phía bên trong là những Đấng biết y, và trông nom với sự đồng cảm đầy nhiệt tình sự tiến bộ mà y thực hiện.

Đừng quên phần trước kia về những nhận xét của vị Điểm Đạo Đồ nơi mà Ngài chỉ ra con đường mà nhờ đó mà bóng tối bị xua tan, và kiến thức về những Đấng Cao Cả được đạt đến, Ngài nhấn mạnh rằng chỉ có bác ái là con đường của ánh sáng và tri thức được bước lên. Tại sao điều này nhấn mạnh vào bác ái? Bởi vì mục tiêu của tất cả là bác ái, và trong đó là sự hợp nhất ...

Đây là con đường được bước lên bởi tất cả mọi người, và phương pháp là sự thiên định. Mục tiêu là bác ái và minh triết hoàn hảo; các bước là việc leo lên hết cõi phụ này đến cõi phụ khác trên cả ba cõi; phương pháp là phương pháp thiên huyền bí; phần thưởng là sự mở rộng liên tục tâm thức sao cho một người cuối cùng đồng cảm với Chân ngã của chính y, với các bản ngã khác, với vị Chân Sư đang háo hức chờ đợi, mà y được chỉ định với Ngài, với các đệ tử đồng môn và

các điểm đạo đồ tiên tiến hơn mà y có thể tiếp xúc trong hào quang của việc Chân Sư đó, cho đến khi y cuối cùng tiếp xúc với Đấng Điểm Đạo Độc Tôn, được nhận vào Nội Bí Nhiệm, và biết được điều bí ẩn nằm dưới chính tâm thức. (2-257/9)

2. Hãy ban cho tôi ánh sáng mà tôi có thể chiếu sáng. Hãy để tôi tỏa ánh sáng khắp thế giới của thời gian và không gian, tạo ra một ánh sáng, truyền đạt ánh sáng, và như vậy bước đi trên Con Đường Được Thấp Sáng (vốn là Chân Ngã Được Thấp Sáng của tôi), đi vào ánh sáng, và do đó, trả lại ánh sáng cho những người cần, cho những Đấng cũng đến từ nơi ánh sáng đó. (6-561)

(c) Ánh Sáng Trong Đầu

Trừ khi có dấu hiệu cho thấy người này là điều được gọi một cách bí truyền là "một ngọn đèn được thấp sáng", nếu không thì thật là vô ích cho Chân Sư để lãng phí thời gian của Ngài. Ánh sáng trong đầu, khi hiện diện, là dấu hiệu của:

a/ Sự hoạt động đến một mức độ lớn hoặc nhỏ của tuyến tùng quả, vốn là (như được biết rõ) chỗ ngự của linh hồn và là cơ quan của sự nhận thức tâm linh. Chính ở trong tuyến này mà những thay đổi sinh lý đầu tiên diễn ra gắn liền với sự tiếp xúc linh-hồn, và sự tiếp xúc này được mang lại [106] thông qua hoạt động nhất định theo các đường lối thiên định, việc kiểm soát thể trí, và dòng lưu nhập của mảnh lực tinh thần.

b/ Việc chỉnh hợp (aligning) của con người trên cõi trần với ego, tức linh-hồn hay chân ngã (higher self) của y trên cõi trí, và sự lệ thuộc của đời sống và bản chất cõi trần đối với ẩn tượng và sự kiểm chế của linh-hồn. Điều này được bao gồm một cách đầy đủ trong hai hoặc ba chương đầu của quyển *Thư Về Tham Thiên Huyền Linh*, và những chương này

nên được người tìm đạo nghiên cứu kỹ.

c/ Luồng giáng lưu (downflow) của thần lực, xuyên qua sutratma, tức là dây từ lực hay là sợi chỉ từ linh hồn đến não thông qua thể trí. Toàn bộ bí mật của linh thị tinh thần, sự nhận thức chính xác và sự tiếp xúc đúng đắn nằm trong sự thấu hiểu hoàn toàn của phát biểu trên, và do đó *Yoga Sutras của Patanjali* bao giờ cũng là sách giáo-khoa của các đệ-tử, các điểm đạo đồ và các cao đồ (adepts), vì trong đó người ta tìm thấy những quy tắc và những phương pháp mang thể trí vào dưới sự kiểm soát, làm ổn định thể cảm dục, và nhờ thế phát triển và củng cố linh-hồn-tuyển (thread soul) để cho nó có thể và trở thành một vận hà giao tiếp thật sự giữa con người với chân ngã của y. Ánh sáng giác-ngộ tuôn tràn vào xoang não và phóng vào ba lĩnh vực tri thức ngoại cảnh. Điều này thường bị quên và do đó dẫn đến sự kiệt sức không đáng và những sự thể hiện sớm của đệ-tử hoặc đệ-tử dự bị mới được giác ngộ một phần.

Ánh sáng trước tiên phóng vào chỗ nổi bật và mang vào cận cảnh của ý thức những hình-tư-tượng và các thực thể vốn miêu tả sự sống thấp kém, và (trong toàn thể của chúng) tạo thành Kẻ Chận Ngõ (Dweller on the Threshold).

Do đó, điều đầu tiên mà người tìm đạo bắt đầu ý thức là những gì mà y biết là không đáng ưa, và sự tiết lộ về sự không xứng đáng và những hạn chế của riêng y, các thành phần không đáng ưa thích của hào quang của chính y xuất hiện đột ngột trước tầm nhìn của y. Bóng tối trong y được tăng cường bởi ánh sáng chập chờn yếu ớt từ trung tâm của bản thể y, và thường thường y thất vọng về chính mình và đi xuống tận đáy của sự chán nản. Tất cả các nhà thần bí đều xác nhận điều này và đó là một thời kỳ phải được trải qua, cho đến khi ánh sáng tinh khiết ban ngày xua đi mọi bóng

đen và bóng tối, và dần dần sự sống được rạng rỡ và được rọi sáng, cho đến khi mặt trời trong đầu tỏa chiếu với hết cả vẻ huy-hoàng của nó.

d/ Cuối cùng, ánh sáng trong đầu là dấu hiệu của việc tìm thấy Thánh Đạo (Path), và vẫn còn ở đó sau đó cho con người nghiên cứu và tìm hiểu các kỹ thuật mà nhờ đó ánh sáng được tập trung, được tăng cường, được nhập vào, cuối cùng trở thành tuyến từ lực (giống như một sợi tơ nhện), nó có thể được theo dõi trở lại cho đến khi nguồn gốc của sự biểu hiện thấp được đạt tới, và linh hồn thức được nhập vào. Ngôn ngữ ở trên có tính biểu tượng và tuy vậy cực kỳ chính xác, nhưng được diễn đạt như vậy để truyền đạt thông tin cho những người biết, và bảo vệ những người cho đến nay chưa biết.

“Con đường của người công chính giống như một Ánh Sáng đang tỏa chiếu”, và tuy thế đồng thời, một người phải trở thành chính con đường đó. Y nhập vào ánh sáng và trở thành [107] ánh sáng, và bấy giờ hoạt động như một ngọn đèn đặt ở một nơi tối tăm, mang sự giác ngộ đến cho những người khác, và chiếu sáng con đường trước mặt họ. (4-183/5)

(d) Con Đường Ánh Sáng

1. Từ giờ này và từ nay về sau trên Thánh đạo, tôi tìm cách Hiện Tôn. Tôi không còn tìm kiếm để biết nữa, bởi vì cuộc sống này đã dạy tôi cách biết, và với kiến thức thu được này, giờ đây tôi có thể phụng sự bằng Bản Thể.

Phía trước tôi Thánh đạo Ánh Sáng tuôn ra. Tôi nhìn thấy Con Đường. Đằng sau tôi là con đường núi, với đá và sỏi trên con đường. Xung quanh tôi là những bụi gai. Chân tôi mỏi. Nhưng thẳng về phía trước, Con đường thấp sáng trải dài và tôi bước đi trên Con đường đó. (6-648)

2. Con đường Tiến hóa trên thực tế là con đường nhận thức, dẫn đến sự mặc khải. Toàn bộ quá trình tiến hóa mang tính chất bắt đầu, dẫn từ sự mở rộng tâm thức này sang sự mở rộng tâm thức khác, cho đến khi thế giới của vô sắc tướng và hữu sắc tướng được tiết lộ trong ánh sáng mà người điếm đạo đồ tạo ra và trong đó y bước đi. Những ánh sáng này đa dạng và tiết lộ một cách khác nhau; có:

1. Ánh sáng của chính vật chất, có trong mọi nguyên tử vật chất.

2. Ánh sáng của thể dĩ thái hay thể sinh lực – một ánh sáng là sự phản chiếu của Ánh sáng Duy Nhất vì nó hợp nhất ba loại ánh sáng trong ba cõi.

3. Ánh sáng bản năng.

4. Ánh sáng trí tuệ hay ánh sáng tri thức.

5. Ánh sáng linh hồn.

6. Ánh sáng trực giác.

Từ ánh sáng này đến ánh sáng khác, chúng ta chuyển từ sự mặc khải này đến sự mặc khải khác, cho đến khi chúng ta vượt ra khỏi lĩnh vực của ánh sáng vào lĩnh vực của sự sống, mà cho đến nay đối với chúng ta hoàn toàn là bóng tối.

Bạn sẽ thấy rõ rằng ánh sáng ngày càng tăng này mang theo với nó một loạt không ngừng phát triển các cuộc mặc khải, giống như mọi điều khác trong thế giới kinh nghiệm của con người, khai mở trước mắt trước tiên là thế giới hình tướng, sau đó là thế giới của các lý tưởng, rồi đến bản chất của linh hồn, của các ý tưởng, và của thiên tính, tôi chỉ đang chọn một số từ thể hiện sự mặc khải và là tượng trưng cho đặc tính của nó. Nhưng tất cả những sự mặc khải này tạo thành một sự mặc khải thống nhất vĩ đại đang dần khai mở trước mắt nhân loại. Ánh sáng của phàm ngã cá nhân tiết lộ cho con người [108] thế giới của hình tướng, của vật chất, của

bản năng, của dục vọng và của trí tuệ; ánh sáng của linh hồn tiết lộ bản chất mối quan hệ của những hình thức sự sống này với thế giới vô sắc tướng, và của sự xung đột giữa cái chân và cái giả.

Ánh sáng trực giác khai mở trước linh thị của linh hồn bên trong phạm ngã bản chất của Thượng đế, và sự thống nhất của Tổng thể. Tình trạng hiếu động của ham muốn vật chất, tìm kiếm sự thỏa mãn của nó trong tam giới, cuối cùng nhường chỗ cho khát vọng hướng tới sự tiếp xúc với linh hồn và sự sống linh hồn. Đến lượt nó, điều này được nhận thức như là một bước tiến tới những trải nghiệm cơ bản vĩ đại mà chúng ta đặt tên là năm cuộc điểm đạo chính. Những điều này tiết lộ cho con người sự thật cho đến nay chưa được nhận thức về tính không tách rời của y, và về mối quan hệ của ý chí cá nhân của y với ý chí thiêng liêng. (10-205/6)

3. Nền văn hóa mới sẽ xuất hiện và ra đời, khi tất cả những người có một ý thức về ánh sáng, và mục tiêu phụng sự thuần khiết (mà một ý thức như thế chắc chắn đòi hỏi) tiến hành nhiệm vụ được chỉ định của họ – một nhiệm vụ tự chỉ định trong mỗi trường hợp – về việc sống và đạt đến chân lý về ánh sáng, khi cơ hội mang lại. (12-142)

(e) Sự Giác Ngộ

1. Đó là sự giác ngộ mà đa số những người tìm đạo ... phải tìm kiếm; và họ phải trau dồi năng lực sử dụng thể trí như một vật phản chiếu Ánh sáng linh hồn, xoay nó lên các phân cảnh ảo cảm, và do đó làm tiêu tan nó. Hỡi các huynh đệ, sự khó khăn là làm như vậy khi ở giữa những sự bi thảm và sự lừa dối của ảo cảm. Nó đòi hỏi một sự triệt thoái yên tĩnh trong thể trí, tư tưởng và ham muốn, ra khỏi thế giới mà trong đó phạm ngã thường hoạt động, và việc tập trung tâm

thức vào thế giới linh hồn, âm thầm và kiên nhẫn chờ đợi ở đó những sự phát triển, biết rằng ánh sáng sẽ tỏa sáng, và sự giác ngộ cuối cùng diễn ra. (10-82)

2. Tôi sẽ... định nghĩa vắn tắt sự giác ngộ, yêu cầu bạn ghi nhớ rằng ở đây chúng ta đang không bàn đến sự giác ngộ vốn tiết lộ Thực tại, hoặc bản chất của linh hồn, hoặc vốn làm rõ tầm nhìn của bạn về giới linh hồn, mà với hình thức giác ngộ vốn được linh hồn đưa xuống vào thế giới của cõi cảm dục. Điều này hàm ý việc sử dụng hữu thức ánh sáng và việc làm của nó, trước hết, như một chiếc đèn pha, quét qua chân trời cảm dục và xác định vị trí của ảo cảm đang gây ra rắc rối, và thứ hai, với tư cách là sự phân bố tập trung của ánh sáng, với ý định được hướng đến khu vực của cõi cảm dục mà trong đó người ta đề xuất rằng cần làm một nỗ lực nào đó để xua tan sương mù được tập trung ở đó. (10-140) [109]

3. Khi định nghĩa sự giác ngộ như là phản nghĩa của ảo cảm, rõ ràng là các nhận xét của tôi nhất thiết phải bị giới hạn ở một số khía cạnh nhất định của sự giác ngộ, và sẽ chỉ liên quan đến những hình thức công việc có định hướng, và những cách trình bày vấn đề sẽ liên quan đến việc sử dụng ánh sáng trên cõi cảm dục ... Có thể có nhiều định nghĩa khác, vì ánh sáng của linh hồn giống như một chiếc đèn pha bao la, các chùm tia của nó có thể được quay theo nhiều hướng và được tập trung ở nhiều cấp độ. Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ quan tâm với việc sử dụng chuyên biệt của nó.

Sự giác ngộ và ánh sáng tri thức có thể được coi là những thuật ngữ đồng nghĩa, và nhiều ảo cảm có thể bị tiêu tan và phân tán khi chịu uy lực của thể trí có nhiều thông tin, vì thể trí về cơ bản là tác nhân chinh phục cảm xúc qua việc trình bày sự thật. Vấn đề là thuyết phục cá nhân hoặc chủng tộc hoặc quốc gia, vốn đang hành động dưới ảnh hưởng của

ảo cảm, kêu gọi năng lực trí tuệ đánh giá tình hình, và đưa nó vào một sự khảo sát kỹ lưỡng một cách bình tĩnh và lạnh lùng. Ảo cảm và cảm xúc tác động vào ảnh hưởng của nhau, và cảm giác thường quá mạnh mẽ liên quan đến ảo cảm, đến nỗi nó không thể mang vào ánh sáng tri thức một cách dễ dàng và hiệu quả.

Sự giác ngộ và sự nhận thức về chân lý cũng là những thuật ngữ đồng nghĩa, nhưng nên nhớ rằng chân lý trong trường hợp này không phải là chân lý trên các cõi trừu tượng, mà là chân lý cụ thể và có thể biết được – chân lý vốn có thể được trình bày và được diễn đạt dưới hình thức và các thuật ngữ cụ thể. Nơi nào ánh sáng chân lý được gọi đến, thì ảo cảm sẽ tự động biến mất, mặc dù chỉ trong một khoảng thời gian tạm thời. Nhưng, một lần nữa, sự khó khăn lại nảy sinh, bởi vì ít người quan tâm đối mặt với chân lý thực tế, vì cuối cùng nó hàm ý việc từ bỏ ảo cảm yêu quý, và khả năng nhận ra lỗi lầm và thừa nhận sai lầm, và sự tự cao giả tạo của thể trí sẽ không cho phép điều đó. Ngoài ra, tôi muốn đảm bảo với bạn rằng sự khiêm tốn là một trong những yếu tố mạnh mẽ nhất trong việc giải phóng năng lực soi sáng của thể trí, vì nó phản chiếu và truyền ánh sáng của linh hồn. Sự quyết tâm đối mặt với cuộc sống thực tế, và sự nhận thức nghiêm khắc về chân lý – một cách lạnh lùng, bình tĩnh và bình thản – sẽ tạo thuận lợi lớn cho việc kêu gọi sự tràn ngập giác ngộ vốn sẽ đủ để xua tan ảo cảm. (10-144/5)

4. Không có hoạt động sống, không có tiếng gọi về thiên hướng, không có nghề nghiệp và tình trạng trí tuệ nào không thể cung cấp chìa khóa việc mở ra cánh cửa vào thế giới mong muốn rộng lớn hơn, hoặc dùng để dẫn dắt một người đến đỉnh núi mà từ đó có thể nhìn thấy chân trời rộng lớn hơn, và nắm bắt tầm nhìn rộng lớn hơn. Một người phải học

cách nhận thức rằng trường phái tư tưởng mà y đã chọn, năng khiếu đặc biệt của y, khuynh hướng riêng của y trong cuộc sống, và xu hướng cá nhân của y, [110] chỉ là một phần của một tổng thể lớn hơn, và vấn đề của y là tích hợp một cách hữu thức hoạt động sống nhỏ bé của y vào hoạt động thế giới.

Chính điều này mà chúng ta gọi là sự giác ngộ (illumination) vì thiếu một từ thích hợp hơn. Tất cả kiến thức là một hình thức ánh sáng, vì nó phóng ánh sáng vào các khu vực ý thức mà cho đến nay chúng ta không biết. Tất cả minh triết là một hình thức ánh sáng, vì nó cho chúng ta thấy thế giới ý nghĩa nằm phía sau hình tướng bên ngoài. Tất cả sự hiểu biết là một sự kêu gọi ánh sáng, vì nó làm cho chúng ta trở nên nhận thức, hoặc ý thức, những nguyên nhân đang tạo ra các hình tướng bên ngoài bao quanh chúng ta (kể cả chính chúng ta), và qui định thế giới ý nghĩa mà chúng là sự biểu lộ. Nhưng khi thực tế này lần đầu tiên được nhìn thấy, được hiểu biết, và khi sự mặc khải ban đầu đã đến, khi vị trí của phần tử trong mối liên quan với tổng thể được cảm nhận, và khi thế giới vốn bao gồm cả thế giới nhỏ bé của chúng ta được tiếp xúc lần đầu tiên, luôn luôn là một thời điểm khủng hoảng và một giai đoạn nguy hiểm. Bấy giờ, khi sự quen thuộc phát triển và chân của chúng ta đã lang thang đi đi lại lại nơi cái cửa mà chúng ta đã mở ra, và chúng ta đã quen với ánh sáng mà các cửa sổ không đóng đã phóng vào thế giới nhỏ bé của sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, thì các nguy hiểm tâm lý khác phát sinh từ đó. Chúng ta đang có nguy cơ khi nghĩ rằng những gì chúng ta đã thấy là tất cả những gì có để thấy, và do đó – trên một vòng cao hơn của đường xoắn ốc và theo một ý nghĩa lớn hơn – chúng ta lặp lại những mối nguy hiểm (được xem xét trước đó) do chú trọng quá mức,

do tập trung sai lầm, do đức tin thiên cận, và do định kiến. Chúng ta trở nên bị ám ảnh với ý tưởng về linh hồn; chúng ta quên đi nhu cầu của nó về một hiện thể biểu lộ; chúng ta bắt đầu sống trong một thế giới hiện tồn và cảm giác có tính tách biệt trừu tượng, và chúng ta không thể duy trì sự tiếp xúc với cuộc sống thực tế của sự biểu lộ trên cõi trần. Vì thế chúng ta lặp lại – một lần nữa trên một vòng cao hơn của đường xoắn ốc – tình trạng mà chúng ta đã xem xét, trong đó linh hồn hay chân ngã không hiện hữu, đảo ngược tình trạng sao cho không có sự sống hình tướng nào thực sự hiện diện trong tâm thức tập trung của con người. Chỉ có thế giới của các linh hồn và một mong muốn hoạt động sáng tạo. Việc giải quyết sinh hoạt hằng ngày trên cõi trần rơi xuống dưới ngưỡng của tâm thức, và con người trở nên một nhà thần bí mơ hồ, không thực tế, có linh thị. Những trạng thái này của trí tuệ là nguy hiểm, nếu người ta cho phép chúng tồn tại. (15-466/8) [111]

25. TÂM THỨC

1. Tâm thức có thể được định nghĩa như là khả năng lĩnh hội và liên quan trước tiên đến mối quan hệ giữa Ngã với Phi ngã, giữa Chủ Thể Nhận Thức với Đối Tượng Nhận Thức, và giữa Chủ Thể Suy Tư với đối tượng suy tư. Tất cả các định nghĩa này bao hàm việc công nhận ý tưởng về nhị nguyên, những gì khách quan và những gì ẩn sau thế giới khách quan.

Tâm thức thể hiện những gì có thể được xem như trung điểm trong sự biểu lộ. Nó hoàn toàn không liên quan đến cực Tinh Thần. Nó được tạo ra bởi sự kết hợp hai cực, và tiến trình tương tác và thích ứng tất nhiên xảy ra sau đó.

Toàn bộ mục đích của sự phát triển tiến bộ là đưa Con

của Cha và Mẹ đến mức độ có nhận thức đầy đủ, có ngã thức hoàn toàn, và đến sự hiểu biết đầy đủ và tích cực. (3-243/4)

2. Mỗi điểm của sự sống trong một trung tâm có phạm vi bức xạ riêng của nó, hoặc lĩnh vực ảnh hưởng mở rộng của riêng nó; lĩnh vực này tất nhiên phụ thuộc vào loại và bản chất của Tâm thức nội tại. Chính sự tương tác từ lực này, giữa nhiều trung tâm năng lượng rộng lớn trong không gian, là cơ sở của tất cả các mối quan hệ thiên văn – giữa các vũ trụ, các thái dương hệ và các hành tinh. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng chính khía cạnh Tâm Thức đưa đến hình thức từ tính, để tiếp thu, từ bỏ và truyền chuyển; tâm thức này khác nhau tùy theo bản chất của thực thể vốn thấm nhuần hoặc hoạt động qua một trung tâm, lớn hay nhỏ. Cũng nên nhớ rằng sự sống tuôn đổ qua tất cả các trung tâm và làm sinh động toàn bộ không gian, là cuộc sống của một Thực thể ; do đó, đó là sự sống giống nhau trong mọi hình tướng, bị giới hạn trong thời gian và không gian bởi ý định, sự mong muốn, hình thức và tính chất của tâm thức nội tại; các loại tâm thức thì nhiều và đa dạng, nhưng sự sống vẫn luôn luôn giống nhau và không thể phân chia, vì nó là SỰ SỐNG Duy Nhất. (11-180).

3. Tất cả các hình tướng bao gồm nhiều hình thức, và tất cả các hình thức – có bản chất được tập hợp hoặc đơn lẻ – là sự biểu lộ của một sự sống nội tại hoặc ban linh hồn. Sự hợp nhất của sự sống với chất sống, tạo ra một khía cạnh biểu lộ khác: là sự biểu lộ tâm thức. Tâm thức này thay đổi tùy theo khả năng tiếp nhận tự nhiên của hình tướng, tùy theo trình độ tiến hóa của nó, và cũng theo vị trí của nó trong chuỗi lớn của Thánh Đoàn. (11-182)

(a) Sự Mở Rộng Tâm Thức

1. Mỗi con người là thành phần của tâm thức thiêng

liêng, là cái ý thức hay trực thức về những gì ở ngoài nó, [112] là cái tự biết mình khác với cái khí cụ bao bọc nó, hay khác với những hình thể ở chung quanh nó.

Trong giai đoạn tiến hóa đặc biệt này, kẻ thường nhân chỉ ý thức được sự dị biệt thôi, chỉ thấy y bị chia tách với tất cả những người khác trong gia đình nhân loại, thành thử y tạo trong y một đơn vị tâm thức khác. Y thừa nhận điều này và thừa nhận những cá nhân khác đều có quyền tự nghĩ về họ như vậy. Y lại còn thừa nhận thêm một điều nữa là ở đâu đó trong vũ trụ này có một Tâm Thức tối cao, một Đấng mà y gọi theo lý thuyết là Thượng Đế hay Thiên Nhiên. Giữa quan điểm thuần *vị kỷ* này (Tôi dùng từ ngữ "vị kỷ" theo nghĩa khoa học chứ không hạ thấp ý nghĩa của từ ngữ này) và luận thuyết mờ mờ nói về Thượng Đế hằng hữu có nhiều giai đoạn khác nhau, trong mỗi giai đoạn có một mức phát triển ý thức hay là một sự nói rộng quan điểm, nó đưa cá nhân tự thức ấy đi từng bước, từ chỗ nhận ra được mình đến mức nhận ra được những cái ta cao siêu, để rồi tự mình làm cho mình xứng đáng để được thừa nhận cũng là một cái ta cao siêu, và cuối cùng có sự nhận thức huyền bí về cái Ta cao siêu nơi chính y. Y đi đến nhận thức rằng Thượng Ngã (Higher Self) hay Ego chính thật là Chân Ngã (true Self) của y, và từ đó, y bước vào giai đoạn của tâm thức tập thể. Trong giai đoạn này, lần đầu tiên, y nhận biết được nhóm Chân Ngã của y rồi đến các nhóm Chân Ngã khác.

Tiếp đến giai đoạn này là sự thừa nhận nguyên lý đại đồng của Tình Huynh Đệ, nó không phải chỉ là thừa nhận trên lý thuyết suông mà là sự hòa hợp tâm thức vào tâm thức của toàn thể nhân loại, đây mới thực là mức phát triển tâm thức, giúp con người nhận biết không những chỉ các mối liên hệ trong nhóm Chân ngã của y mà còn biết được vị trí của y

trong trường tiến hóa nhân loại, ở chính cảnh giới của nhân loại. Y thực sự biết rằng mình là một phần của một trong các Hành Tinh Thượng Đế vĩ đại (great Heavenly Men). Về sau, nhận thức này còn nói rộng đến một quan điểm bao la hầu như không quan niệm nổi, quan điểm về vị trí của y trong Thái Dương Thượng Đế (Grand Heavenly Man), như được tượng trưng bởi chính Đấng Thượng Đế (Logos).

... Trước nhất, cần phải hiểu rõ chỗ nào mà ý thức đang mở rộng và sự nhận thức phải được cảm thấy, cuối cùng phải là trong *ý thức tỉnh đang suy gẫm (thinking, waking consciousness)*. Chân Ngã ở trên cõi của nó có thể biết rõ sự hợp nhất tâm thức của nó với mọi tâm thức khác và nhận thức rằng nó với nhóm của nó là một, nhưng đến khi nào Phàm Ngã (trong tâm thức hồng trần) đã tự nâng tâm thức của mình lên đến cảnh giới của Chân Ngã, cũng nhận biết được tâm thức của nhóm y, cũng tự xem mình là Chân Ngã trong nhóm Chân Ngã chứ không phải là một đơn vị riêng rẽ, thì sự nhận thức ấy mới không còn vô dụng như một lý thuyết được thừa nhận nhưng không được đem ra trải nghiệm.

Môn sinh phải trải qua những giai đoạn này trong ý thức hồng trần của y và phải hiểu biết bằng thực nghiệm chứ không phải bằng lý thuyết [113] mà Tôi nói về nó, trước khi y được coi như đã sẵn sàng bước lên giai đoạn kế. Trọn cả vấn đề đều qui vào việc mở mang thượng trí cho đến mức nó chế ngự được hạ trí và phát triển khả năng tư duy trừu tượng để cuối cùng nó biểu lộ được ở cõi trần. Điều này có nghĩa là làm sao cho những lý tưởng và những lý thuyết cao siêu nhất của bạn thành những sự kiện có thể chứng minh được, và đó là sự hòa hợp giữa Chân Ngã và Phàm Ngã, và làm cho Phàm Ngã được hoàn bị đến mức thích hợp để biểu lộ Chân Ngã.

Đây chính là vai trò của việc tham thiền. Tham thiền chân chính có tính cách khoa học, cung ứng những hình thức tuần tự để nâng cao ý thức từng bước và giúp cho tâm trí (mind) tăng trưởng cho đến mức nó bao trùm cả:

1. Gia đình và bạn bè.
2. Các cộng sự viên ở chung quanh.
3. Những nhóm liên hệ.
4. Nhóm Chân Ngã của môn sinh.
5. Các nhóm Chân Ngã khác.
6. Đấng Cao Cả (the Man of the Heavens, Hành Tinh Thượng Đế –ND) mà các nhóm Chân Ngã hợp thành một bí huyết trong Ngài.
7. Đấng Đại Thiên Nhân (Grand Heavenly Man, Thái Dương Thượng Đế –ND).

... Ai bước vào con đường phát triển tâm linh và mong ước hướng đến cái cao cả đều đã trải qua giai đoạn của một người thường, – là người thấy mình hoàn toàn đứng riêng biệt và chỉ làm điều gì có lợi cho mình thôi. Người chí nguyện thì nhắm mục tiêu khác, tìm cách hòa hợp với Chân Ngã y, và với tất cả những gì được đòi hỏi khi chúng ta dùng thuật ngữ này. Những giai đoạn cao hơn với mọi sự phức tạp của chúng, là những bí mật của Điểm Đạo, và với chúng thì chúng ta không có gì để làm.

Ước nguyện vươn đến Chân Ngã và đem ý thức cao siêu đó vào việc kế tiếp là phát triển ý thức tập thể chính là những điều trực tiếp liên quan đến các độc giả của những bức thư này. Đó là bước kế tiếp, dành cho những ai đang đi trên Con Đường Dự Bị. Nó không thể thành tựu chỉ bằng cách tham thiền mỗi ngày 30 phút theo những hình thức đặt sẵn, mà đây là một cố gắng hết giờ này sang giờ khác, suốt cả ngày và mọi ngày, để giữ tâm thức càng gần cao điểm đạt

được trong lúc tham thiền buổi sáng càng tốt. Đây cũng là quyết tâm lúc nào cũng xem mình là Chân Ngã chứ không phải là một Phàm Ngã tách biệt. Về sau, khi Chân Ngã ngày càng nắm quyền chế ngự, nó bao hàm khả năng xem mình là một thành phần của một nhóm, không còn những vui thích và ham muốn, không còn những mục tiêu hay ước ao nào ngoài việc mưu cầu phúc lợi cho cả nhóm. Nó cần một sự luôn luôn cảnh giác từng [114] giờ trong ngày, để khỏi rơi trở lại vào những rung động thấp kém. Nó đòi hỏi sự chiến đấu thường xuyên với phàm ngã đang lôi kéo xuống, là sự đấu tranh không ngừng để gìn giữ các rung động thanh cao. Và – đây là điều mà Tôi muốn bạn in trí – nên nhắm mục tiêu phát triển thói quen tham thiền suốt ngày và sống trong tâm thức cao cho đến khi nào tâm thức ấy vững mạnh đến mức mà các tinh linh hạ trí, dục vọng và vật chất trở nên quá bị hao mòn và bị bỏ đói vì không được nuôi dưỡng, đến nỗi khiến cho phàm tính tam phân (threefold lower nature) trở nên chỉ còn là phương tiện để Chân Ngã tiếp xúc với cõi trần vì những mục đích giúp đỡ nhân loại. (2-141/5)

2. Sự mở rộng từng cấp của tâm thức ... là kết quả của việc huấn luyện được truyền đạt; những điều này dẫn một người tiếp tục từ bước này sang bước khác cho đến khi y tiếp xúc với Chân ngã của y, Chân Sư của y, nhóm Chân ngã của y, Đấng Điểm Đạo Độc Tôn, Đấng Điểm Đạo Tối Cao Duy Nhất, cho đến khi y đã tiếp xúc với vị Chúa tể của Cung y và đã nhập vào lòng của " Cha y ở trên Trời". (2-304)

3. Không một người nào phấn đấu để thành thạo, đấu tranh để đạt được, và hướng tới việc mở rộng tâm thức, lại đang có một hiệu quả nào đó – trong các vòng xoáy mở rộng – lên tất cả những người mà y tiếp xúc, là chư thiên, con

người và động vật. Đó là y không biết điều đó, và lời nói dối đó có thể hoàn toàn không biết về sự phát ra kích thích tinh vi xuất phát từ y có thể là thật, nhưng tuy nhiên định luật vẫn hoạt động. (3-465)

4. Nhiều công việc đang được con người thực hiện cho con người, và thông qua tác dụng của nỗ lực khoa học, tôn giáo và giáo dục, tâm thức con người đang mở rộng một cách vững chắc cho đến khi hết người này đến người khác, các Con của Thượng Đế đang xuyên thủng những giới hạn của họ để vào thế giới của các linh hồn. Khi nghiên cứu lại lịch sử, hình ảnh về tù nhân đang xuất hiện, tức Con Người, có thể được nhìn thấy trong sự mô tả rõ ràng. Từng bước một, con người đã làm chủ được các ranh giới hành tinh; từng bước một, con người đã phát triển từ giai đoạn người ăn lông ở lỗ (cave man) đến giai đoạn của một Shakespeare, một Newton, một Leonardo da Vinci, một Einstein, một Thánh Francis thành Assisi, đến một Đức Christ và một Đức Phật. Khả năng của con người để đạt đến bất kỳ lĩnh vực biểu lộ nào của con người thực tế là dường như không giới hạn, và nếu vài nghìn năm qua đã chứng kiến một sự tăng trưởng kỳ diệu như vậy, thì chúng ta sẽ thấy gì trong năm nghìn năm tiếp theo? Nếu người tiền sử, chỉ hơn một con thú một chút, đã phát triển thành siêu tài (genius), thì sự khai mở nào lại không thể xảy ra khi ngày càng nhiều thiên tính bẩm sinh làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận? Bậc siêu nhân đang ở với chúng ta. Thế giới sẽ biểu hiện những gì khi tất cả nhân loại đang hướng tới một sự biểu lộ cụ thể các quyền năng siêu nhân?

Tâm thức con người đang được giải thoát theo các hướng và các chiều đo khác nhau. Nó đang mở rộng thành

thế giới của các thực tại tâm linh và đang bắt đầu [115] bao gồm giới thứ năm hay giới tinh thần, giới của các linh hồn. Nó đang thấu nhập (interpenetrating), nhờ sự nghiên cứu khoa học, vào thế giới của nỗ lực siêu nhân loại, và điều nghiên nhiều khía cạnh của Sắc Tướng (Form) của Thượng Đế, và của các hình tướng tạo thành Sắc Tướng đó. (4-536/7)

5. Một tâm thức, một ý thức, và một sự nhạy cảm với một sự tiếp xúc ngày càng mở rộng và bao gồm hơn đang dần dần được phát triển, và đây là tâm thức của Thượng Đế, ý thức về Thái Dương Thượng Đế và sự nhạy cảm của Con vũ trụ của Thượng Đế (the cosmic Son of God).

Hình thức mà qua đó Sự Sống tự biểu lộ, bộ máy đáp ứng bén nhạy mà Tâm Thức tác động qua đó, có tầm quan trọng thứ yếu, và có bản chất của một cơ cấu tự động. Tuy nhiên, đó là cơ cấu mà từ trước đến giờ chúng ta đã đồng nhất hóa chính chúng ta với nó, và chúng ta đã quên rằng cơ cấu đó chỉ là một biểu hiện của một trạng thái tâm thức, và nó biểu thị, vào bất cứ thời điểm đặc biệt nào, mức độ tiến hóa của một thực thể thẩm nhuần nó. Hãy để Tôi nhắc lại: Hai nhân tố có tầm quan trọng chính yếu, trong chu kỳ biểu lộ, là tâm thức đang tiến hóa và sự sống đang biểu lộ. Khi điều này được ghi nhớ, ta sẽ lưu ý cách thức mà mỗi giai đoạn trên con đường có thể được nhìn thấy toàn bộ như là một giới trong thiên nhiên. Mỗi một trong các giới này đều đưa trạng thái ý thức tiến tới đến một giai đoạn hoàn thiện lớn lao hơn, và thể hiện một sự bén nhạy và đáp ứng nhiều hơn với các điều kiện bao quanh bên ngoài và bên trong, so với giới trước đây. Mỗi giới biểu lộ một khai mở đầy đủ hơn của vẻ huy hoàng ẩn tàng bên trong. Tuy nhiên khi một đơn vị sự sống bị chìm đắm trong sắc tướng, và khi tâm thức bị

đồng nhất hóa (theo thời gian và không gian) với bất cứ hình tướng đặc biệt nào, thì nó không thể hiểu được thiên tính của nó hay biểu lộ thiên tính đó một cách hữu thức. Tâm lý của nó là tâm lý thiên vị và riêng tư, chứ không phải là tâm lý chung và toàn thể. Sự đồng nhất hóa với khía cạnh hình hài càng lớn và càng chặt chẽ, thì sự hợp nhất và sự tổng hợp thấp kém càng lớn, nhưng đồng thời, bóng tối càng lớn và, nói một cách tượng trưng, sự giam hãm càng dày đặc hơn. Đó là tâm thức trong các giới thấp hay các giới dưới nhân loại trong thiên nhiên. Đơn vị sự sống được đồng nhất hóa càng nhiều với “đơn vị sự sống có ý thức”, thì sự hợp nhất và sự tổng hợp khác cao hơn, lại càng lớn. Đó cũng là tâm thức của ba giới cao, là giới siêu nhân loại. Bi kịch, sự khó khăn và sự vinh quang của con người là ở chỗ con người có thể đồng hóa chính mình với cả hai trạng thái – sắc tướng và sự sống; còn tình trạng tâm lý của y thì lại ở trong thời kỳ mà y tạo thành một phần của giới nhân loại, tức giới của y, tâm thức của y thì dao động giữa các cặp đối hợp này. Y có thể đồng nhất hóa chính mình với các hình hài dưới con người, và lúc nào y cũng làm điều này trong các giai đoạn ban đầu. Y có thể [116] đồng nhất hóa chính mình với khía cạnh sự sống, và y làm điều này trong các giai đoạn cuối cùng. Trong giai đoạn giữa của người bậc trung, y bị xâu xé dữ dội giữa cả hai, và chính y là bãi chiến trường.

... Tôi muốn bạn có một hình ảnh tổng hợp của sự khai mở từ trạng thái phôi thai đến trạng thái có cảm giác, từ trạng thái có cảm giác đến trạng thái nhận thức trí tuệ, và từ trạng thái nhận thức trí tuệ đến trạng thái “thông hiểu về mặt thiêng liêng” (the “divinely appreciated”), như nó được gọi về mặt huyền -linh-học. Tôi cung cấp cho bạn các hình ảnh nhưng chúng là các hình ảnh của một toàn thể. Hãy cố gắng

suy tư trong các toàn thể chứ không cố làm cho thích hợp mỗi điểm chi tiết vào cái toàn thể, nhưng hãy nhớ rằng những gì có thể có vẻ là một sự mâu thuẫn có thể chỉ là một mảnh của chi tiết tạm thời, mà bạn – cho đến nay – không thấy vị trí hay sự giải thích cho nó. (14-248/50)

6. Tất cả những gì liên quan đến nhân loại vào lúc này là nhu cầu cho một phản ứng hữu thức đang dần khai mở với sự mặc khải tiến hóa, và một sự hiểu biết dần dần về Thiên Cơ, vốn sẽ cho phép con người:

- (a) Làm việc một cách hữu thức và thông minh.
- (b) Nhận thức sự tiết lộ hình tướng và tính chất sự sống.
- (c) Tạo ra sự chuyển hóa bên trong vốn sẽ đưa vào biểu lộ giới thứ năm trong thiên nhiên, là Giới Linh Hồn.

Tất cả điều này phải được thực hiện trong lĩnh vực nhận thức hoặc phản ứng hữu thức, qua trung gian của các hiện thể đang cải tiến đều đặn hoặc các cơ chế đáp ứng, và với sự hỗ trợ của sự hiểu biết và sự giải thích tâm linh. (15-6/7),

(b) Tâm Thức Chân Ngã

1. Việc đạt được một lượng tâm thức thể nguyên nhân nào đó ... Đây là dấu hiệu chỉ rằng người môn sinh đang phát triển (có lẽ ở mức độ thấp, tuy nhiên, được nhận thức rõ rệt) phần nào quyền năng đi vào thế giới của các Ngài. Khả năng suy tư trừu tượng, chiêm ngưỡng (contemplation), quyền năng vượt lên khỏi các giới hạn của thời gian và không gian, là những quyền năng của Chân Ngã Thể, và vì tất cả mọi nhóm Chân Ngã đều được một vị Chân Sư nào đó kiểm soát, như đã nói trước đây, nên việc phát triển ý thức của Chân Ngã (khi được nhận biết một cách hữu thức) là dấu hiệu của sự tiếp xúc và tiếp cận Ngài. Nhiều linh hồn tiếp xúc với Chân Ngã của họ một cách vô thức, và nhất thời có

những tia chớp của Chân Ngã thức, nhưng khi môn sinh có thể tự nâng cao một cách hữu thức, khi y thận trọng tăng cường rung động của y, và chuyển sự an trụ của y vào trong Chân Ngã thể, ngay cả trong một giây phút ngắn ngủi, thì bấy giờ y có thể biết rằng trong phút giây ngắn ngủi ấy, y đang rung động theo âm giai (key) của vị Chân Sư của nhóm y. [117]

Y đã thực hiện được sự tiếp xúc. Có thể lúc đầu, y không ghi nhớ được, trong bộ óc hồng trần của y, các chi tiết của sự tiếp xúc đó, y có thể không nhận ra dung mạo của Chân Sư hay những lời mà môi Ngài thốt ra, nhưng vì y đã hữu ý tuân thủ quy luật, đã nhập vào sự tịch lặng của những chốn cao thâm, và định luật bao giờ cũng tác động, và y đã thực hiện sự tiếp xúc của y. Một số đệ tử hiểu biết Chân Sư họ một cách gần gũi trên các cõi cao và làm việc dưới sự hướng dẫn của Ngài, nhưng nhiều kiếp có thể trôi qua trước khi họ hiểu được định luật và với sự thận trọng có thể tạo ra vận hà tiếp cận với Chân Sư, nhờ quyền năng được phát triển trong tham thiền.

Khi thời gian trôi qua, khả năng tiếp xúc này gia tăng cho đến khi người đệ tử có thể bất cứ lúc nào cũng có thể nhận ra ý muốn của Chân Sư là gì và có sự tiếp cận với tâm của Ngài. (2-292/3)

2. Trong việc đào tạo sẽ được đưa ra trong vài thập niên tới, việc khai mở nhãn thông cảm dục (astral vision) và nhãn thông cảm dục sẽ bị ngăn chặn hoàn toàn, hoặc (nếu có) thì cuối cùng sẽ phải được khắc phục. Vị đệ tử chân chính đã cố gắng để tập trung chính mình (an trụ) vào cõi trí với mục tiêu trước mắt là chuyển tâm thức của mình lên cao hơn nữa, vào ý thức rộng lớn hơn và có tính bao gồm của linh hồn.

Mục đích của y là hao gồm tâm thức cao hơn, và ở giai đoạn này, y không cần phục hồi khả năng cảm dục đó mà như bạn biết rõ, vốn là sở hữu của các giống dân ít tiến hóa của trái đất, và của nhiều động vật cao cấp. Sau này, khi đã đạt tới đạo quả (adeptship), y có thể hoạt động trên cõi cảm dục, có thể y lựa chọn như thế, nhưng nên nhớ rằng Chân Sư làm việc với khía cạnh linh hồn của nhân loại (và của mọi hình thái), chứ không làm việc với thể cảm dục của họ. Các huấn sư ở cả phương Đông lẫn phương Tây thường hay quên điều này.

Khi làm việc với các linh hồn thì kỹ thuật thực sự về tiến hóa mới được xúc tiến, vì chính linh hồn bên trong các hình tướng của mọi giới trong thiên nhiên, mới chịu trách nhiệm về việc phát triển của hình tướng và bên trong hình tướng. Thế nên, liệu Tôi có thể nói với các đạo sinh rằng mục tiêu chính của họ là trở nên ý thức về linh hồn, trau dồi tâm thức linh hồn, học cách sống và làm việc như các linh hồn. Cho đến khi mà việc sử dụng bộ máy của họ trở nên tự ý, khi đó họ sẽ được cho biết rõ để rèn luyện thể trí của họ, nghiên cứu các định luật chi phối sự biểu lộ, và học cách để bao gồm tất cả những gì mà chúng ta hiện đang che đậy bằng từ ngữ “cao siêu” (“higher”) – một cách đặt tên sai, nhưng ắt hẳn nó đủ để đáp ứng. (4-166/7)

3. Nhiều người cho đến nay đang ở trong giai đoạn đầu của việc ghi nhận một kiến thức về một lĩnh vực biểu lộ mà họ biết đang tồn tại – lĩnh vực của sự hiểu biết của linh hồn – nhưng cho đến nay đối với họ chưa phải là lĩnh vực biểu lộ bình thường. Về mặt lý thuyết, nhiều người biết rất nhiều về nó, nhưng các hiệu quả thực tế của [118] kiến thức được áp dụng chưa phải là của họ. Nhiều người ý thức về tâm thức,

và hiểu biết về giới linh hồn và về phản ứng thính thoảng đối với ấn tượng từ giới đó, nhưng họ chưa phải là chính tâm thức đó, cũng không được đồng nhất hóa với linh hồn đến nỗi ý thức về mọi thứ khác kết thúc đi (drops away). Mục tiêu và đích nhắm của họ là đạt cho được điều đó. (14-12/3)

4. Bản thân linh hồn là một trung tâm kinh nghiệm chính trong sự sống Chân Thần; các thể thấp là các trung tâm biểu lộ trong sự sống linh hồn. Khi tâm thức của con người liên tục chuyển vào các thể cao mà qua đó sự biểu lộ có thể xảy ra, linh hồn dần dần trở thành trung tâm kinh nghiệm tối quan trọng *trong tâm thức* và các trung tâm kinh nghiệm thấp (các thể thấp) ngày càng trở nên ít quan trọng hơn. Linh hồn ít trải nghiệm qua chúng, nhưng ngày càng sử dụng chúng vào việc phụng sự.

Cùng tư tưởng này phải được đưa vào khái niệm của chúng ta về linh hồn như là một trung tâm tâm thức. Linh hồn sử dụng các thể trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu như là các trung tâm kinh nghiệm *hữu thức*, sự chú trọng được đặt trên chúng và trên kinh nghiệm. Nhưng theo thời gian, con người trở nên ý thức hơn về linh hồn, và tâm thức mà y trải nghiệm (như một linh hồn trong ba thể) có tầm quan trọng ngày càng giảm, cho đến khi cuối cùng các thể trở nên chỉ là công cụ tiếp xúc mà qua đó linh hồn đi vào mối quan hệ hiểu biết với thế giới của cõi trần, của các phân cảnh cảm giác, tri giác, và với thế giới tư tưởng. (15-314)

(c) Sự Tự Nhận Thức

Các năng lượng khác nhau, vốn đang tác động vào con người và tạo ra sự khai mở (unfoldment) của y, tạo thành lĩnh vực kinh nghiệm của con người. Hai từ – sự khai mở và kinh nghiệm – nên luôn được liên kết, vì cái này tạo ra cái kia. Khi

con người chịu đựng sự trải nghiệm trong thế giới sắc tướng, một sự khai mở tâm thức song song được xúc tiến. Khi sự khai mở đó tạo ra các thay đổi liên tục trong nhận thức và một sự tái định hướng tương ứng liên tục đến một trạng thái mới của nhận thức, tất nhiên là nó dẫn đến kinh nghiệm mới – kinh nghiệm về các hiện tượng mới, về các trạng thái hiện tồn mới, và về các tình trạng chiều đo cho đến nay vẫn chưa được biết. Đó là phản ứng thường xuyên của vị đệ-tử đối với sự kiện này nên đối với y, cho đến nay, không có điểm an bình. An bình (peace) là mục tiêu của người tìm đạo thời Atlantis. Nhận thức là mục tiêu của người đệ tử thời Aryan. Y không bao giờ có thể được tĩnh tại, y không bao giờ có thể nghỉ ngơi, y luôn luôn tự điều chỉnh mình theo các tình trạng mới; luôn luôn học cách hoạt động trong đó, và rồi sau đó nhận thấy chúng qua đi để đến phiên chúng, nhường chỗ cho tình trạng mới. Điều này tiếp diễn cho đến khi ý thức được ổn định trong Chân Ngã, trong [119] Đấng Duy Nhất. Bấy giờ, vị điểm đạo đồ tự biết mình là Nhất Nguyên đang bàng quan (onlooking Unity) quan sát ảo ảnh mang tính hiện tượng của sự sống trong hình tướng.

Y chuyển từ một ý thức về nhất nguyên đến một ý thức về nhị-nguyên, và từ đó một lần nữa chuyển vào một ý thức về nhất nguyên cao hơn. Đầu tiên, bản ngã tự đồng nhất hóa nó với khía cạnh sắc tướng đến một mức độ mà toàn bộ nhị nguyên tính đều biến mất trong ảo tưởng rằng bản ngã (self) là hình tướng. Khi đó chúng ta có sắc tướng dường như cấu thành tất cả những gì hiện hữu. Giai đoạn này được tiếp theo bởi giai đoạn mà trong đó Bản Ngã nội tại bắt đầu ý thức về chính Nó cũng như là ý thức về hình hài, và lúc đó chúng ta đề cập đến chân ngã (higher self) và phàm-ngã (lower self); chúng ta nói về bản ngã và các lớp vỏ của nó, và về ngã và

phi ngã. Giai đoạn nhị nguyên này là giai đoạn của người tìm đạo và của đệ-tử, cho đến thời điểm y được huấn luyện cho cuộc điếm đạo thứ ba. Y bắt đầu với một sự hiểu biết rằng y là một thực-thể tinh thần bị giam nhốt trong một hình hài. Trong một thời gian dài, tâm thức của y chủ yếu vẫn là tâm thức của hình hài. Điều này thay đổi từ từ, – quá từ từ đến nỗi người tìm đạo học được bài học về khả năng chịu đựng (thậm chí đến mức chịu đựng phi-ngã!) cho đến khi có được một đời sống cân bằng, trong đó không cái nào vượt trội hơn. Điều này tạo ra trong con người một trạng thái có vẻ như tiêu cực và trì trệ, trạng thái này có thể kéo dài trong một hoặc hai kiếp sống, và y dường như hoàn thành được một ít trong cả hai hướng. Đối với những người phụng sự, đây là một gợi ý đáng giá trong các cách xử thế (dealings with) của họ với mọi người. Kế đó, điếm cân bằng thay đổi, và linh hồn có vẻ như thống trị theo quan điểm về ảnh hưởng, và toàn bộ trạng thái ý thức bắt đầu di chuyển vào trạng thái cao hơn trong số hai trạng thái. Tuy nhiên nhị nguyên tính vẫn còn, vì con người đôi khi bị đồng nhất hóa với linh hồn mình, và đôi khi bị đồng nhất hóa với bản chất hình tướng của mình; đây là giai đoạn mà rất nhiều đệ-tử nhiệt thành nhất đang ở trong đó vào lúc này. Tuy nhiên, dần dần y trở nên “bị lôi cuốn” vào trong linh hồn, và do đó đi đến sự đồng cảm với mọi trạng thái của linh hồn trong mọi hình tướng cho đến khi ngày bắt đầu rạng, khi y nhận ra rằng không có gì khác ngoài linh hồn, và lúc đó trạng thái nhất nguyên cao hơn đột ngột xảy ra. (4-374/5) [120]

26. CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA LINH HỒN

Ba điều có thể được truyền đạt, mà – khi được thiên

định một cách khôn ngoan – có thể dẫn đến sự giác ngộ:

1. Chân ngã trên cõi riêng của nó, nhận thức một cách hữu thức mối quan hệ của nó với Chân Sư, và tìm cách truyền ý thức đó cho Phàm ngã.

2. Chân ngã trên cõi riêng của nó, không bị ngăn trở bởi thời gian và không gian, và (biết tương lai cũng như những gì đã qua) tìm cách đưa mục tiêu mong muốn đến gần hơn và biến nó thành một sự thực nhanh chóng hơn.

3. Thượng Ngã hay Chân ngã trên cõi riêng của nó có mối quan hệ trực tiếp với những Chân ngã khác trên cùng cung, và trên một cung cụ thể hoặc trừu tượng tương ứng, và – nhận thức rằng sự tiến bộ được thực hiện trong việc thành lập nhóm – hoạt động trên cõi đó với sự giúp đỡ của đồng loại của y. (2-33/4)

(a) Linh Hồn Và Phàm Ngã

1. Linh hồn ý thức rất ít về bản chất phàm ngã, tính khí và các ý tưởng của nó. Linh hồn có thể ý thức về những giới hạn bên trong phàm ngã và về những chướng ngại vật đối với dòng lưu nhập của năng lượng linh hồn, nhưng những chi tiết đó không quan trọng đối với linh hồn. Linh hồn bận rộn với việc nhận thức sự hoạch định của Thánh Đoàn, với việc ghi nhận nhu cầu thế giới, và với việc đáp ứng (lúc đầu mờ nhạt, rất mờ nhạt) với dòng lưu nhập Chân Thần đang phát triển. Những thái độ và phản ứng này của linh hồn (trên cõi hiện tồn riêng của nó) ảnh hưởng sâu sắc và cơ bản đến đời sống phàm ngã và tạo ra những thay đổi cơ bản gọi lên thiên hướng của người đệ tử. (6-67)

2. Tất cả các bạn cần trở nên thật nhạy cảm với tính chất của Ashram của tôi, và thật bận tâm với cơ hội phụng sự vốn đương đầu với mọi môn đệ những ngày này, đến nỗi sự phát

triển cá nhân riêng của các bạn, vấn đề độc nhất của bạn (được bạn rất lưu ý), và các phản ứng của bạn nên được quên đi. Bạn cần nhớ rằng bạn không thú vị đối với linh hồn của bạn như bạn có thể nghĩ.

Từ góc độ của Chân Sư, chính khả năng của linh hồn để kiểm soát công cụ của nó, là phàm ngã, và để làm việc thông qua nó, điều đó mới quan trọng; Ngài tìm kiếm chính những loại người có khả năng này, chứ không phải phản ứng của phàm ngã. Điều này thì khó nhớ đối với đệ tử, nếu không phải là làm bẽ mặt. Y càng bị thu hút với tính dễ phản ứng và các khả năng cá nhân của y, thì những chướng ngại vật mà y đang thiết lập giữa bản thân y (trên cõi trần) với linh hồn của y càng không thể xuyên qua; như là một kết quả của điều này, bấy giờ các chướng ngại vật [121] đang được thiết lập giữa người đệ tử với đời sống của Ashram mà y có ý định tạo thành một thành phần. Do đó, hãy ghi nhớ điều này và hãy bạn rộn với sự sống của linh hồn đến nỗi bạn không còn thời gian cho sự xem xét nội tâm của phàm ngã. (6-69)

3. Các kết quả của các sự tiếp xúc linh hồn lên con người, và hiệu quả được nhìn thấy trong đời sống phàm ngã, có thể được phát biểu như sau:

1. Xung đột, hỗn loạn, sự trung thành bị phản đối, chiến tranh nội tâm và một sự va chạm của các quan điểm khác nhau.

2. Một sự nhạy cảm với các ý tưởng. Trong các giai đoạn ban đầu, điều này chẳng khác gì là một sự đáp ứng linh hoạt, gần như dẫn đến tính không ổn định, và tạo ra sự thay đổi quan điểm liên tục. Điều này dẫn đến một sự nhạy cảm với trực giác, sẽ giúp một cá nhân phân biệt nhanh chóng giữa cái giả và cái chân.

3. Một quá trình dứt bỏ. Đây là quá trình khó khăn và đau khổ để đặt ra các đường ranh giới giữa linh hồn và phàm ngã. Điều này chắc chắn lúc đầu tạo ra sự tách biệt và các lợi ích bị phân chia, sau đó dẫn đến một sự nhấn chìm các lợi ích phàm ngã vào các lợi ích của Thiên Cơ, và sự hấp thu ham muốn cá nhân vào các khía cạnh của linh hồn.

4. Một thời kỳ sáng tạo, do khía cạnh thứ ba của linh hồn, vốn là khía cạnh của tác nhân sáng tạo. Sự phát triển này sẽ tạo ra những thay đổi thói quen rõ rệt trong đời sống cõi trần của người tìm đạo. Nó sẽ dẫn đến việc hiến dâng của đệ tử cho một số loại nỗ lực được tóm tắt trong các chữ “sự nghiệp nghệ thuật”.

Bốn hiệu quả của hoạt động của linh hồn. . . thực ra chỉ là sự tuôn đổ vào của thần lực linh hồn, qua vận hà tiếp xúc mà người này đã mở. (15-706)

(b) Chân Ngã Và Các Chân Sư

1. Như chúng ta đã được bảo cho biết, có 60 tỷ đơn vị ý thức hay tinh thần (Chân Thần) trong huyền giai nhân loại đang tiến hóa. Các con số này được tìm thấy ở các phân cảnh thượng trí, mặc dù hiện nay, các con số hơi ít đi, do bởi hết lần này đến lần khác có những cá nhân đạt đến cuộc điểm đạo thứ tư. Các Chân Ngã này ở những giai đoạn phát triển khác nhau, tất cả đều được liên kết với Chân Thần, hay Tinh Thần, hay Cha ở trên Trời (Father in Heaven) của họ, theo cùng một cách (chỉ có điều là trong vật chất tinh vi hơn) như Chân Ngã được liên kết với Phàm Ngã.

Như bạn biết, mọi Chân Thần đều ở dưới sự kiểm soát, hay đúng hơn là một thành phần cấu tạo, của tâm thức của một trong các Hành Tinh Thượng Đế (Planetary Spirits). Ở các phân cảnh của Chân Ngã, [122] các Chân Ngã cũng ở

trong tình trạng tương tự. Một Đấng Cao Cả (Adept) thuộc cung của các Chân Ngã đó giám sát sự tiến hóa tổng quát của họ, tiếp xúc với họ theo *các nhóm*. Những nhóm này được thành lập theo ba điều kiện:

a) Cung phụ của cung Chân Ngã.

b) Giai đoạn biệt lập ngã tính (individualisation) hay là giai đoạn nhập vào giới nhân loại.

c) Mức thành đạt.

Vị Adept của cung của họ thực hiện sự giám sát tổng quát, nhưng dưới Ngài còn có các Chân Sư (Masters) làm việc, mỗi vị Chân Sư trên cung riêng của Ngài, và với các nhóm của riêng cá nhân các Ngài, gồm những người liên kết với các Ngài thông qua thời kỳ, thông qua nghiệp quả và thông qua mức rung động. Dưới Chân Sư có những đệ tử làm việc, là những người có ý thức của Chân Ngã, và vì vậy có thể làm việc trên các phân cảnh thượng trí và trợ giúp sự phát triển của những Chân Ngã có thể nguyên nhân kém phát triển hơn họ.

Tất cả đều tuân theo định luật một cách tốt đẹp, và vì công việc của sự phát triển Chân Ngã thể tùy thuộc vào sự phát triển được thực hiện trong Phạm ngã tam phân, do đó mà Chân Ngã được hai đệ tử khác trợ giúp trên các cõi thấp hơn, một vị làm việc trên các phân cảnh cảm dục và báo cáo với một vị đệ tử khác làm việc trên các phân cảnh cõi trí. Đến lượt vị này báo cáo cho vị đệ tử làm việc với Chân Ngã thức, là người sẽ trình báo lại với Chân Sư. Tất cả các việc này được thực hiện với sự hợp tác của tâm thức nội tại (Chân Ngã thức) trong thể nguyên nhân. Như bạn thấy, việc này đòi hỏi 5 nhân tố bạn tâm vào việc trợ giúp Chân Ngã trong sự phát triển trên đường tiến hóa của y:

1. Đấng Cao Cả (Adept) của Cung của y.

2. Vị Chân Sư của nhóm y.
3. Một vị đệ tử bận tâm với tâm thức Chân Ngã.
4. Một vị đệ tử trên cõi trí.
5. Một vị phù trợ trên cõi cảm dục. (2-34/5)

2. Một số yếu tố, chi phối mối quan hệ của Chân Sư với vị đệ tử, dần dần được nhận ra, và bắt đầu ngày càng chi phối cuộc sống của đệ tử.

a/ Y nhận ra rằng các phạm vi tiếp xúc của y với Chân Sư của mình bị chi phối bởi sự cấp bách và nhu cầu của nhóm, và liên quan với việc phụng sự của nhóm của y. Điều dần dần trở nên rõ ràng với y đó là Chân Sư của y chỉ quan tâm đến y trong chừng mực mà chân ngã (ego) của y có thể được dùng trong việc phụng sự, qua phàm ngã trên cõi trần. Y bắt đầu nhận ra rằng Chân Sư của y làm việc với [123] linh hồn của y, và rằng chính là ego của y, do đó, mới có liên quan với Chân Sư chứ không phải là phàm ngã. Do đó, vấn đề của y ngày càng trở nên rõ ràng và đây là vấn đề của tất cả các đệ tử. Đó là giữ cho vận hà giao tiếp mở ra giữa linh hồn và não bộ, xuyên qua thể trí, để khi Chân Sư muốn giao tiếp, Ngài có thể làm như vậy lập tức và dễ dàng. Đôi khi một Chân Sư phải chờ nhiều tuần trước khi Ngài có thể có sự lắng nghe của đệ tử của Ngài, vì vận-hà hướng lên bị đóng lại và linh hồn không giao tiếp được với não. Điều này đặc biệt đúng với các giai đoạn đầu của tình trạng đệ tử.

b/ Y nhận thấy rằng chính y là kẻ đóng cánh cửa trong đa số trường hợp do tâm-thông-thuật (psychism) thấp, sự yếu kém về thể chất và sự thiếu kiểm soát tâm trí, và do đó y phát hiện ra rằng y phải làm việc liên tục và không ngừng với phàm ngã (lower self) của mình.

c/ Y nhận thấy rằng một trong những việc đầu tiên y

phải làm là học cách phân biệt giữa:

- Rung động của linh hồn của chính y.
- Rung động của nhóm đệ tử mà y được cộng tác.
- Rung động của Chân Sư.

Cả ba rung động này khác nhau và rất dễ nhầm lẫn chúng, nhất là lúc đầu. Một quy tắc an toàn mà những người tìm đạo phải có khi họ tiếp xúc một rung động và tác nhân kích thích cao, rằng đó là chính linh hồn của họ tiếp xúc với chúng, tức vị Chủ Nhân (Master) trong tâm, và không tránh né ý tưởng (như thế làm tôn lên tính tự cao và phạm ngã của họ) rằng Chân Sư đang nỗ lực để tiếp cận họ. (4-170/1)

3. Cuộc sống của một đệ tử là một hoạt động dần dần nhưng ổn định hướng về trung tâm, và các đệ tử nhập môn chắc chắn là một phần của Thánh Đoàn. Thánh Đoàn là một nơi dung hợp mọi linh hồn ở các phân cảnh cao của cõi trí, chỉ chừng nào mà một người đến dưới ấn tượng của linh hồn, sau đó là sự kiểm soát của linh hồn và sự đồng nhất hóa cuối cùng với linh hồn, mà cho đến nay y chỉ tiến tới trung tâm của sự dung hợp. Khi tình yêu của bạn dành cho nhân loại tăng lên và sự quan tâm của bạn đối với chính bạn giảm xuống, như thế bạn sẽ tiến tới trung tâm của ánh sáng và bác ái, nơi các Chân sư ở trong bản thể tâm linh. (5-682)

4. Các Chân Sư không có phạm ngã như bạn hiểu về phạm ngã. Các yếu tố chi phối của các Ngài là ba trạng thái của Tam Thượng Thể Tinh thần, và những trạng thái này, có tính sáng tạo, xây dựng nên bộ máy hoặc cơ chế thuộc cõi hiện tượng mà nhờ đó một Chân Sư tiếp xúc với ba cõi thấp. (6-761) [124]

5. Các Chân Sư ảnh hưởng khi Ngài tìm cách trợ giúp đệ tử của Ngài, luôn tạo ra sự hỗn loạn nhất thời – nhất thời từ

góc độ của linh hồn, nhưng thường gây kinh hoàng từ góc độ của phàm ngã. (18-32)

6. Tất cả các Chân Sư đã từ bỏ những gì thuộc về vật chất; Các Ngài đã được nâng ra khỏi ba cõi thấp bằng nỗ lực của chính Các Ngài; Các Ngài đã tách chính Các Ngài ra khỏi mọi chướng ngại; Các Ngài đã bỏ lại địa ngục đằng sau và thuật ngữ “các tinh thần đang ở trong ngục tù” không còn được áp dụng cho các Ngài nữa. Các Ngài đã làm điều này không phải vì mục đích ích kỷ. Trong thời kỳ đầu của Con Đường Dự Bị, sự khao khát ích kỷ vốn ở trước nhất trong tâm thức của người tìm đạo; tuy nhiên, khi y bước lên thánh đạo, và cũng là Con Đường Đệ Tử, y bỏ lại tất cả các động cơ như thế ở sau (một sự từ bỏ nhỏ), và mục đích duy nhất của y trong việc tìm kiếm sự giải thoát và sự tự do khỏi ba cõi thấp, là để trợ giúp nhân loại. Sự hiến dâng cho công cuộc phụng sự này là dấu hiệu của Thánh Đoàn. (18-702/3)

(c) Linh Hồn Và Ashram Của Chân Sư

1. Có một sự khác biệt lớn giữa nhóm của một Chân Sư và Đạo tràng của Ngài. Điều này hiếm khi được nhận ra. Nhiều người có thể được tìm thấy trong nhóm của một Chân Sư, nhưng nhân sự của Ashram của Ngài được chọn ra từ nhân sự của nhóm đó. Trong một nhóm, Chân Sư tiếp xúc và biết vị đệ tử có nguyện vọng, và y đã có một sự tiếp xúc rõ ràng với Ngài, nhưng điều này có liên quan đến phàm ngã cũng như một mối quan hệ của linh hồn. Nhưng trong một Ashram, chỉ những gì sẽ được tìm thấy trong phạm vi ảnh hưởng của một Ashram vốn là thuộc linh hồn. Không có gì thuộc về phàm ngã được phép đi vào – các phản ứng nhân cách, các khuyết tật, các giới hạn, suy nghĩ của phàm ngã, và tất cả những gì thuộc về vật chất và được kết nối với bản chất

thấp hơn, không bao giờ đến được Ashram cả. Do đó, trong các giai đoạn đầu của công việc của một đệ tử, có thể có rất ít hoặc không có gì mà đệ tử sẽ có thể đóng góp dưới bất kỳ hình thức nào trong một thời gian dài. Chỉ những trực giác được cảm nhận một cách tích cực, và những ấn tượng và các xung lực của linh hồn rõ ràng mà người đệ tử có thể thành công trong việc gọi lên (qua thiền định và ý định ngày càng thuần khiết) mới có thể đóng góp bất cứ điều gì cho đời sống của Ashram. Do đó, có một luật bảo vệ Ashram khỏi những giới hạn của bạn. Tôi đã sử dụng từ "Ashram" khá rõ ràng trong nỗ lực của tôi để khiến bạn phân biệt giữa một nhóm và một Ashram. Một Ashram về cơ bản được hình thành từ những người mà nhờ kiến thức, sự tận tâm và việc phụng sự của họ, đã làm việc theo cách của họ, ra khỏi một nhóm, vào một trung tâm bên trong, nơi năng lượng, minh triết và nỗ lực của Chân Sư có sẵn dễ dàng hơn. Để thực hiện con đường của họ từ nhóm vào Ashram, các đệ tử sẽ cần phân biệt rất cẩn thận [125] giữa các khuynh hướng phạm ngã cao cấp của họ, các đáp ứng của họ với chân lý và các lý tưởng, và các phản ứng linh hồn thực sự, minh triết tâm linh và nhận thức trực giác của họ. (5-694/5)

2. Một Ashram là sự kết hợp chủ quan của các cá nhân chứ không phải của các phạm ngã, được tập hợp lại với nhau cho các mục đích phụng sự. Nó là một sự pha trộn hoạt động cá nhân thành một tổng thể – một tổng thể được thống nhất về mục tiêu và tầm nhìn, nhưng có thể (và thường xuyên) có các phương pháp và kỹ thuật khác nhau. Công việc của Ashram về cơ bản là sự trình bày với thế giới về những mục đích phụng sự vốn được thực hiện dường như tốt nhất đối với từng người đệ tử, dưới "ấn tượng của Chân Sư" và với sự hợp tác của nhóm của Ngài. Một nhóm đệ tử không được

cam kết thực hiện cùng một loại công việc theo cùng một cách và cùng một lúc.

Họ được cam kết sẽ hành động dưới sự truyền cảm hứng của linh hồn họ, khi linh hồn của họ có thể chỉ đạo và ra lệnh, được củng cố bằng cách tiếp xúc với Chân Sư và với nhau. Họ liên quan với nhau nhờ sự đồng nhất về tầm nhìn và rung động, cộng với sự tôn trọng lẫn nhau và sự tự do hoàn toàn – nhất là điều sau. (5-702)

3. Một Ashram không chỉ giới hạn ở một số ít những người có thể biết nhau và thậm chí có thể gặp nhau với tư cách là thành viên của Ashram. Một Ashram là một nhóm quốc tế; nó bao gồm các linh hồn trong luân hồi và ngoài luân hồi; nó là một sự tổng hợp của những điểm đạo đồ ở nhiều mức độ khác nhau và những đệ tử nhập môn. (5-728)

4. Người đệ tử... được đối mặt với lời đề nghị làm cho sự sống của y có một bản chất sao cho nó đẩy mạnh mục đích của nhóm, tăng cường sức mạnh của nhóm, loại bỏ tất cả những gì có thể cản trở tính hữu ích của nhóm, và mang lại gần hơn mục tiêu mà theo đó nhóm đã được thành lập – là tiến hành các kế hoạch của Chân Sư. Đó là sự đáp ứng bẩm sinh, có tính bản năng của cá nhân đệ tử đối với mục tiêu của cung này, và nỗ lực của y để hạ tầm quan trọng của phạm ngã của y đối với sự cống hiến của linh hồn đang được cảm nhận một cách lò mờ, là điều mà lúc ban đầu đã khiến Chân Sư nhận ra y và kết nạp y vào Huyền Viện của Ngài. Thời điểm mà điều đó xảy ra, vị đệ tử không chỉ đã ở dưới ảnh hưởng ngày càng tăng của mãnh lực chân ngã và ý định thôi thúc của chân ngã (dùng các từ ngữ này theo ý nghĩa huyền bí của chúng), mà sự phát xạ của nhóm đã bắt đầu công việc tốt lành của nó lên trên y. Sức “thu hút” (“pulling”) từ tính mà cho đến nay đã dẫn dắt y tiến tới, thì giờ đây được thay

thế bằng một mãnh lực kích thích đang phát ra; điều này đem lại các thay đổi lớn nơi y, và tạo ra cả các kết quả loại bỏ lẫn thay thế. Ảnh hưởng của sự sống của Huyền Viện, trong phạm vi nhóm tạo thành nó, có liên quan và tách khỏi uy lực của chính Chân Sư, có thể được mô tả như sau: [126]

1. Đòi sống của phàm-ngã đang ngày càng suy yếu, và sự kìm kẹp của nó lên linh hồn chắc chắn được nói lỏng. Linh hồn bắt đầu chiếm ưu thế theo một ý nghĩa rất thực tế.

2. Nhu cầu luân hồi trở nên ít hơn một cách đáng kể, cuối cùng là sự sống trong ba cõi biểu lộ của con người trở nên không cần nữa. Mọi bài học đã được học xong, và mục tiêu của linh hồn đã được thành tựu.

3. Ý chí của Chân Thần bắt đầu được cảm nhận; trạng thái ý chí pha trộn với trạng thái bác ái, và làm cho [99] trạng thái thông tuệ bắt đầu có kết quả và có hiệu quả cho việc tiến hành Thiên Ý, được tập trung cho vị đệ-tử thông qua Huyền Viện.

4. Các mục đích của thời gian và không gian, của các sự kiện và sự mở rộng, của vật chất và ý thức đã được đạt tới, và cuối cùng được thay thế bằng một cái gì đó mà cho đến nay chúng ta chưa có tên gọi cho nó, và chúng ta cũng không có ý niệm nào về nó. Đó là cái bắt đầu tự biểu lộ sau cuộc điểm đạo thứ ba, khi trạng thái Cha (Chân Thần – ND) “bắt đầu xuất hiện” – Tôi không biết cách nào khác để diễn tả điều đó.

5. Tổng thể được xem là có tầm quan trọng thiết yếu hơn so với thành phần, và điều này không phải như là một giấc mơ, một linh thị, một lý thuyết, một tiến trình mơ tưởng, một giả thuyết hay một sự thôi thúc. Nó được nhận thức như một nhu cầu bẩm sinh, và chắc chắn xảy ra. Nó bao hàm cái chết, nhưng là cái chết như vẻ đẹp, như niềm vui, như tinh thần đang hoạt động, như sự hoàn thành mọi điều tốt lành.

... Sự sống được tiếp cận theo quan điểm của Quan Sát Viên (Observer) chứ không theo quan điểm của một kẻ tham dự (participator) trong thử nghiệm và kinh nghiệm thực tế trong ba cõi thấp. Quan Sát Viên này khác với Nhà Quan Sát trên Con Đường Dự Bị. Hầu hết thử nghiệm và kinh nghiệm đã bị bỏ lại phía sau, và một định hướng mới cho một thế giới của các giá trị, thậm chí cao hơn là thế giới ý nghĩa, đã bắt đầu. Thái độ này có thể được mô tả rõ như là cách tiếp cận của tất cả những ai tạo thành một phần của một Huyền Viện. Những người hợp thành Ashram đang sống trong ba cõi kinh nghiệm nếu họ là các đệ-tử nhập môn, nhưng sự tập trung chú ý của họ không phải ở nơi đó. Nếu họ là các đệ-tử được điểm đạo, họ ngày càng không ý thức về các hoạt động và phản ứng của phàm-ngã họ, bởi vì một vài khía cạnh của bản chất thấp hiện đang được kiểm soát và được thanh luyện đến nỗi chúng đã rút xuống dưới ngưỡng của tâm thức và đã bước vào thế giới bản năng, do đó sự ý thức về chúng không hơn gì so với một người đang ngủ ý thức về sự hoạt động nhịp nhàng của hiện thể vật chất đang ngủ của y. Đây là một sự thật sâu xa và phần lớn không được hiểu rõ. (18-98/100)

[127]

(d) Linh Hồn và Thánh Đoàn

1. Thánh Đoàn đơn giản là thế giới của linh hồn; nó ý thức một cách hữu thức về Thiên Cơ, nhạy cảm với Thiên Ý, và gây ấn tượng một cách sáng tạo và không ngừng cho nhân loại, với mục đích trước mắt là mở rộng tâm thức con người. Linh hồn của bạn – trong bản chất thuần khiết của nó – là một phần của Thánh Đoàn. (6-137)

2. Nên chỉ ra có ba loại người hoạt động của Thánh Đoàn:

a. Linh hồn: nghĩa là những điểm đạo đồ đã được Điểm đạo lần thứ tư là Cuộc Điểm Đạo Từ bỏ và trong cuộc điểm đạo đó, linh hồn thể, thể nguyên nhân đã bị phá hủy. Các Ngài là những Người Trông Giữ Thiên Cơ.

b. Những phạm ngã được linh hồn thấm nhuần; đây là những đệ tử và những điểm đạo đồ của ba cuộc điểm đạo đầu tiên, mà qua họ, các "linh hồn" làm việc trong việc thực hiện Thiên Cơ.

c. Những người tìm đạo thông minh, họ chưa phải là những phạm ngã được linh hồn thấm nhuần nhưng họ nhận thức nhu cầu của Thiên Cơ, và tìm kiếm phúc lợi cho đồng loại của họ.

Nhóm cao nhất trình bày Thiên Cơ; nhóm thứ hai "sửa đổi, định tính và thích nghi" Thiên Cơ theo các yêu cầu của con người đương thời, và do đó đảm bảo tính liên tục dần dần và ổn định của Thiên Cơ; nhóm thứ ba là những tác nhân thực hiện Thiên Cơ này cho nhân loại và tìm cách làm cho nó khả thi, được hướng dẫn bởi sự thỏa hiệp tinh thần – sự thỏa hiệp được chứng minh bởi nhóm thứ hai. (6-391/2)

3. Công việc của Thánh Đoàn liên quan đến loài người chia thành hai phần: – làm việc với con người cá nhân, để làm họ thức tỉnh với tâm thức linh hồn, và sau đó là làm việc với họ, với tư cách là linh hồn, để (khi đó hoạt động trên các cấp độ linh hồn và như những đơn vị hữu thức trong Thiên Giới) họ có thể bắt đầu hình dung mục tiêu của chính Thượng Đế. (15-240)

(e) Linh Hồn Và Ý Chí Thiêng Liêng

Khi sự cám dỗ của vật chất bị khắc phục và sự ham muốn đã chết, bấy giờ năng lực thu hút của linh hồn trở nên thống ngự, và sự chú trọng (từ lâu được đặt vào hình hài cá

nhân, sự sống và sự hoạt động cá nhân) sẽ nhường chỗ cho hình thức tập thể và mục tiêu tập thể. Bấy giờ năng lực thu hút của Thánh Đoàn và của các nhóm đệ tử của các Chân Sư thay thế cho những sự hấp dẫn thấp kém, và những tiêu điểm lợi ích nhỏ nhen. Bấy giờ, khi những điều này có được vị trí chính đáng của chúng trong tâm thức, thì khi đó, người ta có thể cảm thấy lực kéo năng động của Trạng Thái Ý Chí của thiên tính – hoàn toàn không liên quan đến hình tướng hay những hình tướng, hoặc đến các tập thể hay một tập thể. (8-71/2) [128]

(f) Linh Hồn Và Các Cung

1. Mỗi người bị cuốn vào biểu lộ dựa trên xung lực của một cung nào đó, và bị nhuộm màu bởi tính chất cung đặc biệt đó, nó định đoạt trạng thái sắc tướng, chỉ ra con đường mà y nên đi, và cho phép y (vào lúc đạt đến điểm đạo lần ba) cảm nhận và kế đó hợp tác với mục đích cung của y.....

Linh hồn con người là một tổng hợp của năng lượng vật chất, được phẩm định bởi ý thức sáng suốt, cộng với năng lượng tinh thần, mà đến phiên nó, được phẩm định bởi một trong bảy loại cung. (14-61)

2. Cung của Chân ngã. Khi bắt đầu việc nghiên cứu của chúng ta về cung Chân Ngã hay Linh Hồn, một vài tiền đề chính có thể được phát biểu một cách vắn tắt, và được kết hợp thành một loạt các định đề, khoảng mười bốn cái. Các định đề đó như sau:

1. Chân Ngã của mọi người sẽ được tìm thấy ở trên một trong bảy cung.

2. Mọi Chân Ngã ở trên cung bốn, năm, sáu và bảy, thì sau lần điểm đạo thứ ba, sau rốt phải pha trộn với ba cung chính, hay các cung Chân Thần.

3. Cung Chân Thần của mỗi Chân Ngã là một trong ba cung trạng thái, và các con của nhân loại hoặc là các Chân Thần quyền lực, các Chân Thần bác ái, hoặc là các Chân Thần trí tuệ.

4. Vì các mục đích cụ thể của chúng ta, chúng ta sẽ giới hạn sự chú ý của chúng ta vào bảy nhóm linh hồn nằm trên một trong bảy cung hay các dòng năng lượng thiêng liêng.

5. Đối với phần lớn trải nghiệm về giống dân và sự sống của chúng ta, chúng ta bị chi phối tuần tự, và về sau thì cùng một lúc bởi:

a/ Thể xác, được thống trị bởi cung đang chi phối tổng số các nguyên tử của thể đó.

b/ Bản chất dục vọng, tình cảm, vốn sẽ được nhận thấy bị ảnh hưởng và bị kiềm chế bởi cung đang nhuộm màu toàn thể các nguyên tử cảm dục.

c/ Thể trí hay bản chất trí tuệ, và năng lực và tính chất của cung vốn quyết định giá trị nguyên tử của nó.

d/ Về sau, trên cõi trần, cung linh hồn bắt đầu hoạt động trong và với toàn bộ ba thể, vốn tạo thành – khi được chinh hợp và hoạt động một cách nhất trí – phạm ngã. Hiệu quả của sự tích hợp chung đó là để linh hoạt tạo ra một kiếp sống và [129] những kiếp sống mà trong đó cung phạm ngã hiện ra rõ ràng, còn ba thể hay bản ngã (selves) tạo thành ba trạng thái hay các cung của bản ngã cá nhân thấp (the lower personal self).

6. Khi cung phạm ngã trở nên rõ rệt và thống trị, và ba cung của các thể phụ thuộc vào nó, lúc bấy giờ cuộc chiến

đấu lớn xảy ra giữa cung chân ngã hay cung linh hồn với cung phạm ngã. Sự dị-biệt trở nên được biểu thị rõ rệt, và ý thức về nhị-nguyên trở nên được củng cố rõ rệt.....

7. Sau rốt, cung linh hồn hay ảnh hưởng linh hồn trở thành yếu tố thống trị, và các cung của các thể thấp trở thành các cung phụ của cung đang kiểm soát này. Câu cuối cùng này có tầm quan trọng căn bản, vì nó cho thấy mối liên hệ thực sự của phạm ngã với chân ngã hay linh hồn. Vị đệ tử hiểu được mối liên hệ này và làm theo nó là sẵn sàng bước lên con đường điếm đạo.

8. Mỗi một trong bảy nhóm linh hồn đáp ứng với một trong bảy loại thần lực, và tất cả chúng đều đáp ứng với cung của Hành Tinh Thượng Đế của hành tinh chúng ta, là cung ba, Cung Thông Tuệ Linh Hoạt. Do đó tất cả đều ở trên một cung phụ của cung thứ ba này, nhưng đừng bao giờ quên rằng Hành Tinh Thượng Đế cũng ở trên một cung, vốn là cung phụ của cung thứ hai, Cung Bác Ái Minh Triết.... (14-401/3)

3. Cung chân ngã của cá nhân, cộng với cung chân ngã của giới thứ tư, dần dần vô hiệu hóa các cung đang chi phối phạm ngã khi người đó đến gần con đường dự bị và con đường đệ tử.

Do đó con người là một tập hợp của các lực, chúng chế ngự con người từng lúc (serially) và cùng nhau; các lực này nhuộm màu bản chất của y, tạo ra tính chất của y, và quyết định “vẻ ngoài” (“appearance”) của y, dùng từ ngữ này theo ý nghĩa huyền bí của từ *ngoại hiện* (*exteriorization*). Qua nhiều kỷ nguyên, y bị vận dụng bởi một trong các lực này, và chỉ là những gì mà chúng gây ra cho y. Khi y đạt tới một sự hiểu biết rõ ràng hơn, và có thể bắt đầu phân biệt, y nhất định

chọn cái nào trong số đó sẽ chiếm ưu thế, cho đến khi sau rốt y trở nên được kiểm soát bởi cung Linh Hồn, với tất cả các cung khác phụ thuộc vào cung đó, và được y sử dụng tùy ý. (14-405)

(g) Linh Hồn Và Các Nghiên Cứu Nội Môn

Nghiên cứu huyền bí, khi kết hợp với sinh hoạt huyền bí, cuối cùng tiết lộ thế giới ý nghĩa, và cuối cùng dẫn đến thế giới của các hậu ý. Người theo chủ nghĩa huyền bí bắt đầu bằng việc nỗ lực khám phá lý do tại sao; y vật lộn với vấn đề về các diễn biến, các sự kiện, các khủng hoảng và các hoàn cảnh, [130] để đạt đến ý nghĩa mà chúng có thể giữ cho y; khi y đã xác định chắc chắn ý nghĩa của bất kỳ vấn đề cụ thể nào, y sử dụng nó như một sự mời mọc để thâm nhập sâu hơn vào thế giới ý nghĩa mới được tiết lộ; bấy giờ y học cách kết hợp các vấn đề cá nhân nhỏ bé của y vào vấn đề của Tổng thể lớn hơn, do đó, không còn thấy cái bản ngã nhỏ bé và khám phá ra cái Bản Ngã lớn hơn. Quan điểm huyền bí thực sự luôn là quan điểm của Tổng thể lớn hơn. Y nhận thấy thế giới ý nghĩa trải rộng như một mạng lưới phức tạp trên mọi hoạt động và mỗi khía cạnh của thế giới hiện tượng.

Tuy nhiên, chủ nghĩa huyền bí không liên quan đến các trung tâm như vậy, và chủ nghĩa huyền bí không phải là một nỗ lực đánh thức các trung tâm một cách khoa học, như nhiều môn sinh nghĩ. Chủ nghĩa huyền bí thực sự đang rèn luyện khả năng hoạt động tự do trong thế giới ý nghĩa; nó không bận tâm với bất kỳ khía cạnh nào của hình tướng máy móc; nó hoàn toàn bận rộn với khía cạnh linh hồn – khía cạnh của Đấng Cứu Rỗi, Đấng Cứu Thế và Đấng Diễn dịch – và với nguyên khí trung gian giữa sự sống và chất liệu. Nguyên khí trung gian này là linh hồn của người tìm đạo cá nhân hoặc đệ

tử (nếu người ta có thể sử dụng cách diễn đạt gây hiểu lầm như vậy); nó cũng là anima mundi (linh hồn thế giới) trên thế giới nói chung.

Do đó, thuyết huyền bí bao hàm một cuộc sống được sống hòa hợp với những thực tại chủ quan bên trong; nó chỉ có thể xảy ra khi môn sinh được an trụ một cách thông minh và được tập trung về mặt trí tuệ; nó chỉ hữu ích khi môn sinh có thể di chuyển giữa những thực tại bên trong này với sự khéo léo và sự hiểu biết. Thuyết huyền bí cũng bao hàm sự hiểu biết về mối quan hệ giữa các lực và các năng lượng, và năng lực sử dụng năng lượng để tăng cường, và sau đó cho việc sử dụng sáng tạo các lực được tiếp xúc; đó là sự cứu chuộc của chúng Chủ nghĩa huyền bí là nghệ thuật “mang xuống trái đất” những năng lượng phát ra từ những nguồn cao nhất, và “tiếp đất cho chúng” hoặc neo chặt chúng...

Tất cả các hoạt động huyền bí đích thực tạo ra ánh sáng và sự giác ngộ; nó dẫn đến ánh sáng được kế thừa của vật chất được tăng cường và được định tính bởi ánh sáng cao hơn của linh hồn – trong trường hợp nhân loại hoạt động một cách hữu thức ...

Tôi muốn thách thức tất cả những người theo thuyết huyền bí để thử sự tiếp cận thực tế mà tôi đã phác thảo ở đây. Tôi muốn yêu cầu họ sống cuộc đời cứu chuộc, khai mở sự nhạy cảm trí tuệ bẩm sinh của họ, và làm việc liên tục với ý nghĩa vốn sẽ được tìm thấy đằng sau mọi sự vụ cá nhân, cộng đồng, quốc gia và thế giới. Nếu điều này được thực hiện, bấy giờ ánh sáng sẽ đột nhiên và ngày càng chiếu sáng trên con đường của bạn. Bạn có thể trở thành những người mang ánh sáng, khi đó biết rằng "trong ánh sáng đó, bạn sẽ thấy Linh Quang" – và đồng loại của bạn cũng vậy. (12-66/8) [131]

(h) Linh Hồn Và Các Chân Ngã Khác

1. Yếu tố hoạt động. Đây phần lớn là một vấn đề về cung, và ảnh hưởng mật thiết đến mối quan hệ giữa các Chân ngã. Những người trên các cung tương tự kết hợp và rung động dễ dàng với nhau hơn so với những người trên các cung khác, và chỉ khi trạng thái thứ hai hoặc trạng thái minh triết được phát triển thì sự tổng hợp trở nên khả thi. (2-38)

2. Không có gì quan trọng trừ linh hồn. Không có gì đáng quan tâm lâu dài ngoài việc phụng sự. Hãy lấy tâm trí của bạn ra khỏi mọi vấn đề phạm ngã của bạn và những vấn đề của những người mà với họ bạn đã chọn để bước vào trong kiếp luân hồi này trên con đường của sự sống. Hãy tin cậy vào linh hồn của họ. Hãy tạo và giữ sự tiếp xúc với họ xuyên qua linh hồn của họ, không để bị quyến rũ bởi phạm ngã của họ ...

Bạn không biết rằng khi bạn thêm mãnh lực linh hồn của bạn cho linh hồn của họ (bỏ qua khía cạnh hình tướng) là bạn có thể kích thích những linh hồn đó vào hoạt động tâm linh gia tăng? Nhưng, huynh đệ của tôi, khi bạn lưu ý những diễn biến này, đừng bị cám dỗ để hỗ trợ. Hãy để lại những phạm ngã cho các linh hồn minh triết, thuần khiết và đầy yêu thương của họ. (5-505/6)

3. Sự hữu ích của các đệ tử đối với những người có liên kết nghiệp quả với họ và đối với họ, họ cảm thấy – đúng hay sai – một ý thức trách nhiệm, thay đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác ngày càng tăng. Sự chăm sóc thể chất của một người dành cho những người thân yêu của họ có thể và phải kiên trì theo một mức độ nào đó, mặc dù sự chăm sóc của một người mẹ dành cho con của bà không thể kéo dài đến những năm trưởng thành. Có thể có một trách nhiệm mà một

người quyết định gánh vác (một lần nữa dù đúng hoặc sai), nhưng nó không được hóa giải hoặc làm suy yếu bất kỳ trách nhiệm nào mà nó có thể là trách nhiệm mà họ phải gánh vác. Sự trợ giúp trí tuệ của một người nên luôn sẵn sàng nhưng nó không nên được đưa ra khi tâm trí của người ta bị hoang mang bởi những màn sương mù của sự chần vãn và nghi ngờ, hoặc khi có một tinh thần chỉ trích. Trách nhiệm tinh thần của một người, khá kỳ lạ, thường là điều cuối cùng được nhận ra; và hành động được thực hiện đối với sự nhận thức đó cũng chậm như nhau. Tuy nhiên, xét cho cùng, cho đến nay nó quan trọng nhất, vì ảnh hưởng tinh thần của một người có thể được đặt ra và có thể mang theo nó năng lực giải thoát cho những người mà chúng ta yêu thương, trong khi các trách nhiệm khác – là các trách nhiệm của các mối quan hệ phạm ngã – luôn mang theo với chúng ảo cảm và những gì không phải của giới tinh thần. (5-518/9)

4. Bạn không có trách nhiệm với những đứa con của bạn và không bao giờ có kể từ khi các em đến tuổi trưởng thành và có quyền sống cuộc đời của riêng chúng. Bạn đã giành được quyền cho sự tự do và sự biểu lộ linh hồn của riêng bạn. (5-324) [132]

(i) Chân Ngã Và Môi Trường Chung Quanh

1. Sự đáp ứng đúng đắn với môi trường của con người, sẽ đưa đến mối quan hệ đúng đắn với trạng thái linh hồn, ảnh hưởng trong mọi hình tướng, và sẽ tạo ra các quan hệ tốt đẹp giữa các phần khác nhau của cấu trúc thần kinh bên trong ở trong mọi giới của thiên nhiên, dưới nhân loại và siêu nhân loại. Cho đến nay điều này thực tế không được biết đến, nhưng đang nhanh chóng được nhận ra, và khi nó được chứng minh và nhận biết, người ta sẽ khám phá rằng trong đó có căn bản

của tình huynh đệ và của sự hợp nhất. Giống như gan, tim, phổi, bao tử và các cơ quan khác trong cơ thể đều riêng biệt trong sự sống và trong chức năng, và tuy vậy lại được thống nhất và được đưa vào mối quan hệ qua trung gian của hệ thần kinh khắp cơ thể, cũng thế người ta sẽ nhận thấy rằng trên thế gian, những tổ chức như là các giới trong thiên nhiên, đều có sự sống và các chức năng riêng biệt của chúng, tuy vậy vẫn được liên kết và phối hợp bằng một hệ thống cảm giác phức tạp rộng lớn, mà đôi khi được gọi là linh hồn của vạn vật, tức anima mundi, tâm thức ẩn bên dưới. (4-21)

2. Sự Cô độc: Một trong những điều kiện chủ yếu mà một đệ tử phải trau dồi, để cảm nhận được thiên-cơ, và được Chân Sư sử dụng, là sự cô độc (solitude). Trong sự cô độc, hoa hồng của linh hồn mới phát triển; trong sự cô độc, linh-ngã (divine self) mới có thể lên tiếng; trong sự cô độc, các năng lực và những ân sủng của Chân Ngã mới có thể bén rễ và nở hoa trong phàm-ngã. Cũng trong cô độc, Chân Sư mới có thể tiếp cận và ghi khắc lên linh hồn tĩnh-lặng (quiescent soul) tri thức mà Ngài tìm cách truyền đạt, bài học phải được học, phương pháp và kế hoạch cho công việc mà đệ tử phải nắm vững. Trong sự cô độc, diệu-âm được nghe thấy. Các Đấng Cao Cả phải làm việc qua các công cụ là con người, vì vậy kế hoạch và tầm nhìn bị trở ngại nhiều bởi sự không thích hợp về phía những công cụ này. (4-132)

(j) Linh Hồn Và Sức Khỏe

1. Chỉ khi nào môn sinh đã sáng suốt đánh giá được một cơn bệnh hay các cơn bệnh đang ảnh hưởng đến y, chỉ khi nào y có khả năng tuân theo một cách chu toàn các công thức được truyền thụ, và chỉ khi nào mục tiêu của y là vô tư lợi, thì y sẽ được giao phó những hình thức thiên này. Khi mục tiêu

của y là tự trang bị để phụng sự, khi y chỉ nhắm mục đích có được các thể mạnh khỏe để thực hiện kế hoạch của các Đấng Cao Cả một cách tốt đẹp hơn, và khi y không muốn trốn tránh bệnh tật vì chính lợi ích cá nhân y, thì chỉ khi đó các công thức này sẽ tác động trong sự liên kết với Chân Ngã thức. Sự sống từ Thượng Đế nội tâm (God within, Chân Ngã – ND) tuôn đổ xuống làm cho các hạ thể được khỏe mạnh, vì thế, chỉ khi nào Phàm Ngã bắt đầu hòa đồng với Chân Ngã và sự an trụ (polarisation) chuyển [133] từ cõi thấp lên cõi cao thì sự tăng cường sinh lực đó mới khả thi. Hiện nay, thời điểm này đang đến với nhiều người. (2-161)

2. Các phàm ngã của những kẻ “hành hương mỗi mệ” quả thật là nhàm chán và mỗi mòn. Nhân loại ngày nay rất mỗi mệ. Các hiện thể đã được sử dụng trong nhiều chu kỳ, và uy lực của chúng (theo một ý nghĩa tích cực) đang hao mòn, vốn là mục tiêu đang đến gần. Trong các chu kỳ dài, linh hồn đã thụ động trong ảnh hưởng của nó lên phàm ngã, và trang bị cá nhân đã là sự biểu lộ tích cực của con người tâm linh. Bây giờ, tập hợp thấp của các mãnh lực bắt đầu suy giảm; sự rung động của nó yếu đi, và vì phần lớn tâm thức vẫn còn đồng nhất hóa với bản chất thể xác, nên người đệ tử ý thức về sự mỗi mệ, đau đớn, đau khổ và một sự kiệt sức sâu sắc. Đó đã là sự “mệ mỗi của phàm ngã” của nhân loại đã phần nào chịu trách nhiệm cho sự phức tạp của sự khốn khổ quá mức, cảm giác tự ti, và tâm lý khao khát giải phóng trong việc trình bày chân lý của Cơ đốc giáo.

Khi sự tiến bộ còn xa hơn nữa được thực hiện, niềm vui của linh hồn bắt đầu tuôn chảy qua những hiện thể mòn mỗi và mệ mỗi, và dần dần bản chất tích cực của linh hồn nắm ảnh hưởng. Khi điều này đủ mạnh và con người đủ phi tập trung hóa, thì chính tính chất linh hồn sẽ tồn tại bất chấp

những giới hạn về thể chất, và cảm giác mệt mỏi bên trong khi đó sẽ bị vô hiệu hóa cẩn thận và được chuyển hóa một cách hữu thức và thông minh. Sẽ có sự nhận thức của sự đau khổ của phàm ngã, nhưng cũng có một nỗ lực được hoạch định để vượt qua nó. Quá trình “sự áp đặt thiêng liêng” này dần dần mang vào mãnh lực chữa bệnh, và do đó sức khỏe hoàn hảo trong một kiếp sống nào đó là phần thưởng của nỗ lực của điểm đạo đồ để sống như một linh hồn chứ không phải cảm giác như một phàm ngã. Chính sự tuôn đổ thiêng liêng này của tính chất sự sống của linh hồn là chìa khóa thực sự để tự chữa lành. (5-557)

3. Việc con người quá nhấn mạnh vào bệnh tật đang gây bối rối cho linh hồn, vì điều đó đặt bản chất hình hài vô thường, luôn luôn thay đổi vào một vị thế nổi bật không đúng chỗ, trong khi mà – từ góc độ của linh hồn – sự thăng trầm của thể xác chỉ có tầm quan trọng chừng nào mà chúng đóng góp cho sự phong phú của kinh nghiệm linh hồn. (17-296)

4. Bệnh tật là một hậu quả của việc tập trung căn bản năng lượng sống của một người.... Tâm thức của con người được tập trung ở đâu, thì năng lượng sống sẽ tập trung các mãnh lực của nó vào đó.....

Khi tâm thức được ổn định trong tâm thức của linh hồn, sẽ có ít bệnh hoạn hiện diện và những khó khăn ở thể xác của người bệnh phát triển cao bấy giờ liên quan với tác động của năng lượng linh hồn trên một thể xác chưa sẵn sàng. Ở giai đoạn đó, chỉ có một số bệnh chính yếu sẽ ảnh hưởng đến y thời. Y sẽ không dễ bị ảnh hưởng với các đau ốm lặt vặt và những [134] sự cảm nhiễm nhỏ nhặt liên miên, vốn làm cho cuộc sống của một thường nhân hay của một người kém phát triển quá phiền phức và khó khăn. (17-559/60)

(k) Linh Hồn Và Việc Chữa Trị

1. Định luật I: Mọi bệnh tật đều là kết quả của sự sống linh hồn bị ức chế, và điều đó đúng với tất cả mọi hình hài trong mọi giới. Thuật của nhà chữa trị bao gồm việc giải phóng linh hồn, sao cho sự sống của nó có thể tuôn đổ qua tập hợp các sinh vật cấu tạo bất cứ hình hài đặc biệt nào. (17-5)

2. Mọi bệnh tật (và đây là một lời vô vị) được gây ra bởi việc thiếu sự hài hòa – một sự bất hài hòa được thấy tồn tại giữa khía cạnh hình thể và sự sống. Những gì mang hình hài và sự sống lại với nhau, hay đúng hơn, những gì là kết quả của sự hợp nhất được dự định này, chúng ta gọi là linh hồn, bản ngã, nơi liên quan đến nhân loại, và gọi là nguyên khí tích hợp nơi có liên quan đến các giới dưới nhân loại. Bệnh tật xuất hiện nơi có một sự thiếu chỉnh hợp giữa các yếu tố khác nhau này, là linh hồn và hình hài, sự sống và sự biểu lộ của nó, các thực tại chủ quan và khách quan. Tất nhiên, tinh thần và vật chất thì *không* liên quan nhau một cách tự do. Đây là một cách giải thích Định Luật I. (17-12)

3. Khi tư tưởng con người đảo ngược các ý tưởng thông thường về bệnh tật, và chấp nhận bệnh tật như là một thực tế trong thiên nhiên, thì con người sẽ bắt đầu hoạt động với định luật giải thoát, với ý tưởng chân chính, và dẫn tới sự bất đối kháng. Ngày nay, bằng quyền năng của tư tưởng có điều khiển của y, và bằng sự đối kháng mãnh liệt của y đối với bệnh tật, y chỉ có khuynh hướng tiếp sinh lực cho sự khó khăn. Khi y tái định hướng tư tưởng của y tới chân lý và linh hồn, thì các ốm đau ở cõi trần sẽ bắt đầu biến mất. Điều này sẽ trở nên hiển nhiên khi chúng ta nghiên cứu phương pháp trừ tiệt sau này. Bệnh tật tồn tại, các hình hài trong mọi giới

đây sự bất hài hòa và không chỉnh hợp với sự sống nội tâm. Bệnh tật, sự hư hoại và khuynh hướng hướng tới sự tan rã có ở khắp nơi. Tôi đang chọn các lời của tôi một cách thận trọng. (17-13)

4. Phương pháp cao nhất và mới nhất (chữa bệnh) là phương pháp kêu gọi linh hồn của chính bệnh nhân vào hoạt động tích cực. Việc chữa trị thực sự trong tương lai được tiến hành khi sự sống của linh hồn có thể lưu chuyển không có bất kỳ chướng ngại và cản trở khắp mọi phương diện của bản chất hình tướng. Bấy giờ sự sống linh hồn có thể truyền sinh lực cho hình hài với uy lực của nó, và cũng có thể loại ra các sự tắc nghẽn và các trở ngại vốn là một cội nguồn bệnh tật phong phú. (17-17)

5. (Hai từ) tóm tắt câu chuyện của người chữa bệnh: Từ lực và Bức xạ

Quy luật một: Người chữa trị phải tìm cách liên kết linh hồn của y, tim của y, óc của y và đôi tay của y. Nhờ thế, y có thể tuôn đổ lực chữa trị sinh động lên [135] người bệnh. Đây là công việc từ lực (magnetic work). Nó chữa trị bệnh, hoặc có thể làm tăng thêm cái gọi là tình trạng tệ hại, tùy theo sự hiểu biết của người chữa trị.

Kẻ chữa trị phải tìm cách liên kết linh hồn của y, óc của y, tim và sự phát tán hào quang của y. Nhờ thế sự hiện diện của y có thể nuôi dưỡng sự sống linh hồn của bệnh nhân. Đây là công việc bức xạ (the work of radiation). Hai bàn tay không cần đến. Linh hồn hiển lộ năng lực của nó. Linh hồn bệnh nhân đáp ứng qua sự đáp ứng của hào quang của y với bức xạ của hào quang người chữa trị, được tràn ngập với năng lượng của linh hồn. (17-17/8)

6. Chứng Tâm Thân Phân Lập (Split Personality):...

Những tình trạng không đáng mong muốn được xem như là kết quả của việc thiếu sự tiếp xúc với linh hồn và sự kiểm soát của linh hồn. Bệnh nhân (nếu tôi có thể gọi y như thế) được dạy lấy mắt của y, và do đó, sự chú ý của y, ra khỏi chính y, các cảm giác của y, các phức cảm của y, và các định kiến cùng các tư tưởng không mong muốn của y, và tập trung chúng vào linh hồn, là Thực Tại thiêng liêng bên trong hình hài, và tâm thức Christ. Điều này có thể được gọi là tiến trình thay thế khoa học của một sự chú tâm năng động mới mẻ, cho những gì mà từ trước đến nay đã nắm giữ giai đoạn, nó mang vào hoạt động chức năng một yếu tố hợp tác có năng lượng cuốn qua sự sống thấp của phạm ngã, và mang đi các khuynh hướng tâm lý sai lầm, các phức cảm không đáng mong muốn, đưa đến các tiếp cận sai lầm với sự sống. Điều này cuối cùng phục hồi sự sống trí tuệ hay tư tưởng để con người được chi phối bởi tư duy đúng đắn dưới xung lực hoặc sự soi sáng của linh hồn. Điều này tạo ra "năng lực trực xuất năng động của một tình cảm mới"; các định kiến cổ xưa, các sự chán nản và đau khổ xưa, các dục vọng ngăn cản và gây bất lợi trước kia – tất cả các điều này biến mất và con người đứng tự do như một linh hồn và chủ nhân của các tiến trình sự sống của y. (17-119)

7. Mọi năng lượng đều đến từ linh hồn trong trường hợp thứ yếu, nhưng theo ý nghĩa chính yếu, mọi năng lượng chỉ là sự sống, hoạt động dưới sự điều khiển thuộc một loại nào đó.

Về vai trò mà bác ái phải đóng trong tiến trình chữa trị: Bác ái là sự biểu lộ sự sống của chính Thượng Đế; bác ái là mãnh lực cố kết làm cho mọi vật toàn vẹn (whole) (tôi muốn bạn suy tưởng về nhóm từ này), và bác ái là tất cả những gì *hiện hữu*. Đặc điểm chính của sự phân biệt giữa năng lượng

linh hồn và lực phạm ngã, khi được áp dụng vào việc chữa trị, nằm trong lãnh vực áp dụng và biểu lộ của bác ái. Lực phạm ngã thuộc về tình cảm, đầy cảm giác, và – khi được dùng – phạm ngã ý thức nó vừa như là nhà chữa trị và như là trung tâm kịch tính của sân khấu có hai diễn viên là kẻ chữa trị và người được chữa trị. Năng lượng linh hồn hoạt động một cách vô thức và được sử dụng bởi những ai tiếp xúc với linh hồn của họ, và do đó, được phá ngã chấp; chính họ "ở ngoài sân khấu", [136] nếu tôi có thể dùng cách diễn tả đó, và họ hoàn toàn bận rộn với tình thương tập thể, hoạt động tập thể và mục đích tập thể. (17-356/7), (2-134/6)

(I) Chân Ngã Và Các Lực Lượng Bóng Tối

Nên luôn luôn nhớ rằng các Huynh Đệ Bóng Tối là các *anh em* của chúng ta đang lầm lỗi và lầm lạc, nhưng vẫn là con của một Đấng Cha chung, dù họ đang lạc bước nơi xa, đến tận chân trời góc biển. Con đường họ trở lại sẽ rất dài, nhưng tất nhiên bánh xe tiến hóa sẽ buộc họ quay lại trong những chu kỳ rất lâu sau này. Người nào quá tán tưng thể trí cụ thể (hạ trí – ND) và để cho nó tiếp tục đóng kín đối với thượng trí tức là đang trong nguy cơ lạc vào tà đạo. Nhiều người đi lệch như thế... nhưng quay lại, và rồi trong tương lai sẽ tránh được những lỗi lầm tương tự, như một đứa trẻ tránh lửa vì đã có lần bị phỏng. Nếu một người vẫn ngoan cố bất chấp sự khuyến cáo và hình phạt thì cuối cùng sẽ trở thành một huynh đệ bóng tối. Lúc đầu, Chân Ngã chiến đấu rất mạnh mẽ để ngăn không cho Phạm Ngã phát triển như thế, nhưng những thiếu sót của thể nguyên nhân (bởi vì đừng quên rằng tật xấu chỉ là những tánh tốt bị dùng sai cách) dẫn đến một thể nguyên nhân méo mó, quá phát triển theo một chiều hướng nào đó, và ở nơi đáng lẽ của những tính tốt thì

lại đầy những hố sâu và khoảng trống.

Huynh đệ bóng tối không nhận thấy sự hợp nhất với đồng loại, mà chỉ thấy đó là những người cần khai thác để thực hiện các mục đích của y. Dấu hiệu này cũng có với mức độ nhỏ hơn, nơi những người bị y sử dụng, cố ý hay vô tình. Họ không kính trọng ai cả, họ xem mọi người như là miếng mồi ngon, họ bắt buộc mọi người phải làm theo những đường lối của họ và dùng những phương tiện đảng hoàng hay xấu xa để triệt hạ mọi chống đối và để cá nhân họ đạt những gì mà họ muốn.

Huynh đệ bóng tối không để ý gì đến nỗi đau khổ mà y có thể gây ra, y không bận tâm đến sự đau đớn tinh thần mà y mang lại cho kẻ chống y, y cứ thực hiện ý định và không ngừng gây thương tổn cho bất cứ ai, đàn ông, đàn bà hay trẻ em, miễn là việc làm đó khiến y đến gần với mục đích của y hơn. Tuyệt đối không bao giờ nên trông đợi lòng nhân ái từ những kẻ chống lại Huynh Đệ Ánh Sáng (Brotherhood of Light). . .

Thường khi, Huynh Đệ Bóng Tối cũng giả làm một nhân viên chánh đạo, họ thường đóng vai sứ giả của thần thánh, nhưng Tôi đoán chắc với bạn rằng, người nào hành động dưới sự hướng dẫn của Chân Ngã mình sẽ có linh thị (vision) sáng tỏ và tránh được sự lừa gạt. (2-134/6)

(m) Linh Hồn Và Việc Phụng Sự

1. Bạn sẽ hỏi việc phụng sự của bạn sẽ là gì? Điều đó, huynh đệ của tôi, sẽ phát triển từ sự thiên định của bạn. Tôi không bảo cho bạn biết hoạt động nào mà phạm ngã của bạn phải tuân theo; chính linh hồn của bạn phải làm như thế. (5-574) [137]

2. Nhiều người vẫn còn quá bận tâm đến những gì họ

đang cố gắng làm, với sự phát triển riêng của họ, và với khả năng của chính họ hoặc không có khả năng giúp đỡ; nhưng đồng thời họ đang xử lý không đầy đủ vấn đề về việc tự làm họ lu mờ và hoàn toàn cống hiến cho đồng loại của họ. "Tôi có thể làm gì? đối với họ ít quan trọng hơn là " Tôi đang học gì, và Chân Sư có hài lòng với tôi không?". Tôi sẽ hài lòng với bạn khi bạn đã quên cả bản thân bạn và tôi trong việc phụng sự vật và của bạn đối với nhân loại.

Việc phụng sự... là một quá trình khoa học, kêu gọi tất cả các quyền năng của linh hồn thành sự biểu lộ đầy đủ trên cõi trần. Chính việc phụng sự gây ra một sự biểu lộ thiêng liêng hay cái mà bạn gọi là một hóa thân thiêng liêng. Nếu một người thực sự phụng sự, y sẽ bắt buộc phải sử dụng mọi nguồn lực của sức mạnh tinh thần và ánh sáng, và tất cả minh triết và quyền năng chỉ đạo của linh hồn y, bởi vì nhiệm vụ phải hoàn thành luôn quá lớn đối với phạm ngã. Một số những người phụng sự vĩ đại nhất của thế giới là những người nam và nữ, rất gần gũi với Thánh Đoàn tinh thần và làm việc dưới sự chỉ đạo, cảm hứng và ấn tượng của nó, nhưng không biết gì về cái gọi là thuyết bí truyền, không nhận ra Thánh Đoàn, và (trong tâm thức não bộ của họ) vẫn không biết về Nhân Sư của nó, là các Chân Sư Minh triết. (6-24/5)

3. Hãy coi tất cả những gì đã xảy ra với bạn là sự đào tạo đặc biệt, điều có thể được gọi là "sự đào tạo cơ bản", để việc phụng sự khởi đầu trong tương lai của bạn có thể được thực hiện theo kế hoạch. Việc phụng sự đó là sự lựa chọn của linh hồn bạn. Nó không bị áp đặt lên bạn... bởi bất kỳ yếu tố nào khác, trừ linh hồn của bạn. (6-665)

4. Khoa học về Phụng sự... Khi sự liên kết giữa linh hồn

và phạm ngã diễn ra, và khi kiến thức về Thiên Cơ và ánh sáng của linh hồn tuôn đổ vào ý thức não bộ, kết quả bình thường là sự phục tùng của cái thấp đối với cái cao hơn. Sự đồng nhất hóa với các mục đích và các kế hoạch tập thể là thuộc tính tự nhiên của linh hồn. Khi sự đồng nhất hóa này được thực hiện trên các phân cảnh trí tuệ và linh hồn, nó tạo ra một hoạt động tương ứng trong đời sống cá nhân, và hoạt động này mà chúng ta gọi là việc phụng sự. Phụng sự là khoa học sáng tạo thực sự và là một phương pháp khoa học để thiết lập tính liên tục. (12-97)

5. Định nghĩa về "Phụng sự" không hề dễ dàng. Đã có quá nhiều nỗ lực để định nghĩa nó từ góc độ của tri thức phạm ngã. Phụng sự có thể được định nghĩa ngắn gọn như là hiệu quả tự phát của sự tiếp xúc với linh hồn. Sự tiếp xúc này rất rõ ràng và cố định đến nỗi sự sống của linh hồn có thể tuôn đổ qua vào khí cụ mà linh hồn nhất định phải sử dụng trên cõi trần. Đó là cách thức mà theo đó bản chất của linh hồn đó có thể thể hiện trong thế giới của các sự vụ nhân loại. Phụng sự không phải là một tính chất hoặc một sự thực hiện; nó [138] không phải là một hoạt động mà mọi người phải phấn đấu vất vả hướng tới nó, cũng không phải là một phương pháp cứu rỗi thế giới. Sự phân biệt này phải được hiểu rõ ràng, nếu không toàn bộ thái độ của chúng ta với sự thể hiện quan trọng này của sự thành công của tiến trình tiến hóa trong nhân loại sẽ là sai lầm. Phụng sự là một sự thể hiện của sự sống. Nó là một sự thôi thúc của linh hồn, và cũng là một động lực thúc đẩy tiến hóa của linh hồn, như sự thôi thúc tới bản năng tự bảo toàn, hoặc tới sự sinh sôi nảy nở của các loài, là một sự thể hiện của những linh hồn động vật. Đây là một phát biểu quan trọng. Nó là một bản năng linh hồn,

nếu chúng ta có thể sử dụng một diễn đạt không thích hợp như vậy và do đó, có tính bẩm sinh và đặc thù của sự khai mở linh hồn. Đó là đặc tính nổi bật của linh hồn, cũng như *dục vọng* là đặc điểm nổi bật của bản chất thấp. Đó là sự ham muốn tập thể, cũng giống như trong bản chất thấp thì nó là sự ham muốn của phạm ngã. Đó là sự thôi thúc tới điều tốt đẹp tập thể. Do đó, nó không thể được dạy hay bị áp đặt lên con người như một bằng chứng đáng mong muốn của nguyện vọng, hoạt động từ bên ngoài và dựa trên một lý thuyết về phụng sự. Nó chỉ đơn giản là hiệu quả thực sự đầu tiên, được chứng tỏ trên cõi trần, về thực tế là linh hồn đang bắt đầu tự thể hiện nó trong sự biểu lộ bên ngoài.

Không phải lý thuyết mà cũng không phải khát vọng sẽ hay có thể làm cho một người là một người phụng sự đích thực. (15-124/5)

6. Tất cả các định luật của Linh hồn (và Định Luật Phụng Sự không phải là ngoại lệ) chắc chắn biểu lộ theo hai cách. Đầu tiên là có ảnh hưởng của chúng trên cá nhân. Điều này xảy ra khi linh hồn đã được tiếp xúc rõ rệt và bộ máy của linh hồn bắt đầu đáp ứng. Bằng chứng của việc này có thể thể hiện bây giờ giữa các môn sinh bí truyền, rải rác trên toàn thế giới, vì họ đã đạt đến một điểm mà người phụng sự đích thực có thể xuất hiện từ hàng ngũ của họ, và đưa ra bằng chứng của một sự tiếp xúc với linh hồn đã được thiết lập. Thứ hai, các định luật linh hồn này đang bắt đầu có một hiệu quả tập thể trong chính nhân loại, và ảnh hưởng đến nhân loại nói chung. Hiệu quả này phần nào ở trong bản chất của một sự phản ánh một ý thức cao trong bản chất thấp, và do đó ngày nay chúng ta có nhiều việc theo đuổi phụng sự, và nhiều nỗ lực từ thiện. Tuy nhiên, mọi điều đó bị nhuộm màu của phạm

ngã một cách sâu sắc, và nó thường tạo ra nhiều tác hại, vì người ta tìm cách áp đặt những ý tưởng phụng sự của họ và các kỹ thuật cá nhân của họ lên những người chí nguyện khác. Họ có thể trở nên nhạy cảm với ấn tượng, nhưng họ luôn luôn giải thích sai chân lý và bị thiên lệch bởi các mục tiêu của phàm ngã. Họ phải học cách đặt chú tâm vào sự tiếp xúc với linh hồn và vào một sự hiểu biết tích cực với sự sống chân ngã, chứ không phải vào khía cạnh hình thức của việc phụng sự. Tôi cầu mong những người trong các bạn, vốn đáp ứng với những ý tưởng này và nhạy cảm với ấn tượng của linh hồn (luôn luôn giải thích sai chân lý, bị thiên lệch bởi các mục tiêu của phàm ngã) [139] hãy đặt trọng tâm vào sự tiếp xúc với linh hồn chứ không phải vào khía cạnh hình thức phụng sự. Hoạt động của khía cạnh hình thức đặt sự căng thẳng lên tham vọng của phàm ngã, che đậy chúng với ảo cảm của việc phụng sự. Nếu việc quan tâm đến sự thiết yếu của việc phụng sự – là sự tiếp xúc với linh hồn – được thực hiện, bấy giờ việc phụng sự được tiến hành sẽ tuôn ra một cách tự phát theo những đường lối đúng đắn và sinh ra nhiều kết quả. Về điều này, việc phụng sự vị tha và dòng chảy sâu sắc của đời sống tinh thần, vốn đã được thể hiện trong hoạt động thể giới mới đây, là một dấu hiệu đầy hy vọng. (15-126)

7. Khi bản ngã cá nhân thấp được đặt dưới nhịp điệu cao và vâng phục Định Luật Phụng Sự mới, bấy giờ sự sống của linh hồn sẽ bắt đầu chảy qua người này tới những người khác, và hiệu quả trong gia đình và nhóm trực tiếp của một người sẽ là thể hiện một sự hiểu biết thực sự và một sự hữu ích thật sự. Khi lưu lượng sự sống trở nên mạnh mẽ hơn qua việc sử dụng, hiệu quả sẽ lan ra từ nhóm gia đình nhỏ bé xung quanh tới lối xóm. Một phạm vi của những tiếp xúc

rộng hơn trở nên có thể xảy ra, cho đến khi cuối cùng (nếu nhiều kiếp sống đã được trải qua như vậy dưới ảnh hưởng của Định Luật Phụng sự), ảnh hưởng của sự sống tuôn tràn có thể trở thành khắp cả nước và trên toàn thế giới. Nhưng nó sẽ không được lên kế hoạch, nó cũng sẽ không được đấu tranh cho, như một mục tiêu trong chính nó. Nó sẽ là một sự biểu hiện tự nhiên của sự sống linh hồn, khoác lấy hình thức và định hướng theo cung của một người và biểu lộ kiếp sống trong quá khứ; nó sẽ được nhuộm màu và được sắp đặt bởi các tình trạng chung quanh, – bởi thời gian, bởi thời kỳ, bởi chủng tộc và thời đại. Nó sẽ là một dòng chảy sinh động, và một sự cho ra tự phát, và sự sống, năng lực và tình thương được thể hiện, được gửi ra từ các phân cảnh linh hồn, sẽ có một mãnh lực mạnh mẽ, thu hút trên các đơn vị tập thể mà đệ tử có thể tiếp xúc với trong ba cõi biểu lộ của linh hồn. Không có cõi giới nào khác mà linh hồn có thể tự biểu lộ như thế vào lúc này. Không gì có thể ngăn chặn hoặc giữ lại uy lực của sự sống này của việc phụng sự tự nhiên, đây yêu thương này, ngoại trừ trong những trường hợp mà trong đó phạm ngã chọn cách này. Khi đó, việc phụng sự, như các Huấn Sư ở khía cạnh sự sống bên trong hiểu về nó, bị bóp méo và biến đổi thành việc thương mại. Nó trở nên bị thay đổi thành tham vọng, thành một nỗ lực để làm cho người khác phụng sự như chúng ta nghĩ rằng việc phụng sự nên được thực hiện, và thành một sự yêu thích quyền lực vốn cản trở việc phụng sự đích thực thay vì thành tình yêu đồng loại của chúng ta. Có một điểm nguy hiểm trong mỗi kiếp, khi lý thuyết phụng sự được hiểu rõ, và định luật cao được nhận thức; bấy giờ tính chất bất chước của phạm ngã, bản chất con khi của nó, và sự háo hức của một khát vọng cao cấp có thể dễ dàng nhầm lẫn lý thuyết với thực tế, và những cử chỉ bên

ngoài của một cuộc đời phụng sự đối với dòng chảy tự nhiên, tự phát của sự sống linh hồn qua bộ máy biểu lộ của nó. (15-128/9)

8. Khi, trong các điều khoản của khoa học huyền bí, chúng ta được dạy phụng sự và vâng lời thì chúng ta không quan tâm. Tuy nhiên, việc phụng sự là phương cách *vượt trội hơn hết* cho [140] việc đánh thức bí huyết tim, và việc vâng lời cũng mạnh mẽ không kém trong việc gọi lên sự đáp ứng của hai bí huyết đầu với tác động của mãnh lực của linh hồn, và thống nhất chúng lại thành một lĩnh vực của nhận thức linh hồn. Con người hiểu biết quá ít uy lực của những thúc đẩy mạnh mẽ của chúng! *Nếu sự thôi thúc để thỏa mãn dục vọng là sự thôi thúc cơ bản của sự sống hình tướng của con người, thì sự thôi thúc phụng sự cũng là một sự thôi thúc cơ bản của linh hồn trong con người.* Đây là một trong những phát biểu quan trọng nhất trong phần này. Cho đến nay điều đó ít khi được thỏa mãn. Tuy nhiên, những dấu hiệu về sự hiện diện của nó luôn luôn được nhận thấy, ngay cả trong những loại người đáng chê trách nhất; nó được phát triển trong những khoảnh khắc của định mệnh cao cả hay của việc cấp bách trước mắt, và của sự khó khăn lớn nhất. Trái tim của con người thì khỏe mạnh, nhưng thường ngủ quên.

Hãy phụng sự và tuân lệnh! Đây là những khẩu hiệu của đời sống người đệ tử. Chúng đã bị bóp méo thành những thuật ngữ tuyên truyền cuồng tín và do đó đã tạo ra các công thức của triết học và thần học tôn giáo; nhưng đồng thời các công thức này cũng che giấu một chân lý. Chúng đã được đưa ra cho con người xem xét dưới dạng những sự sùng kính phàm ngã và tuân lệnh các Chân Sư và các nhà lãnh đạo, thay vì phụng sự và tuân lệnh linh hồn trong tất cả mọi người.

Tuy nhiên, sự thật đang xuất hiện dần dần và chắc chắn phải chiến thắng. Một khi người chí nguyện trên Con Đường Dự Bị có một tầm nhìn về điều này (bất kể nó có thể mong manh như thế nào), bấy giờ định luật dự vọng vốn đã chi phối y nhiều thời đại sẽ từ từ và chắc chắn nhường chỗ cho Định Luật Đẩy Lùi, vốn sẽ cuối cùng giải thoát y khỏi sự nô lệ cho phi ngã. Nó sẽ dẫn y đến những khả năng phân biệt và thái độ bình thản vốn là dấu hiệu của người đang trên đường đi đến sự giải thoát. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ rằng một khả năng phân biệt dựa trên một sự quyết tâm giải thoát, và một sự bình thản là dấu hiệu của một trái tim cứng rắn, sẽ đưa người chí nguyện vào ngục tù của một lớp vỏ kết tinh, vốn khó phá hơn nhiều so với nhà tù bình thường của đời sống của người ích kỷ trung bình. Sự ham muốn tinh thần ích kỷ này thường là tội lỗi lớn của cái gọi là những nhà bí truyền và phải được tránh một cách cẩn thận. Vì vậy, người khôn ngoan sẽ tự áp dụng cho chính y để phụng sự và vâng lời. (15-158/9)

(n) Linh Hồn Và Những Năm Tiến Bộ

Nếu bạn đứng vững vàng, với một trái tim rộng mở, một con mắt thấu suốt, và một sự sẵn sàng đáp ứng với tất cả những ai đến với bạn, thì cánh cửa dẫn đến việc phụng sự tiếp tục sẽ mở ra và bạn có thể làm được nhiều việc Đừng ngò vực chính bản thân bạn, mà hãy đi tới trước. Lĩnh vực phụng sự của bạn nằm ở xung quanh bạn.

Vấn đề phải được đối mặt bởi tất cả những ai đã trải qua các ngọn lửa Từ bỏ, đang bước đi trên con đường khiêm tốn trong khi ý thức về sự cao cả của linh hồn, và đồng thời, đã luống tuổi, [141] là vấn đề đối mặt với thập kỷ cuối cùng hoặc lâu hơn của cuộc đời với sự hiểu biết, và không sợ

những giới hạn về thể chất. Rất nhiều người trong những năm cuối cùng của cuộc đời, sống, suy nghĩ và hành động theo một cách mà linh hồn rút lại sự chú ý của nó. Như vậy chỉ còn lại phàm ngã. Đối với tất cả các bạn đã đi qua nửa thế kỷ, tôi muốn nói: Hãy đối mặt với tương lai với niềm vui như thời trẻ, nhưng có thêm sự hữu ích, biết rằng minh triết của kinh nghiệm là của bạn, năng lực hiểu biết là của bạn, và không giới hạn nào về thể chất có thể ngăn cản một linh hồn tỏ ra hữu dụng và phụng sự. Tôi muốn nhắc bạn một cái gì đó thường bị quên! Nó dễ dàng hơn nhiều cho linh hồn tự biểu lộ nó qua một cơ thể già dặn từng trải hơn là qua một cơ thể trẻ và thiếu kinh nghiệm, miễn là không có tính tự cao và không có tính ích kỷ đục vọng, mà chỉ khao khát yêu thương và phụng sự. (5-465/6)

(o) Linh Hồn Và Việc Sử Dụng Quyền Lực Từ

1. Các Quyền Lực Từ (và điều này cũng đúng đối với thánh ngữ O.M.) đều có khởi nguyên chung hai. Đây là chung của sự biểu lộ tâm thức. Do đó, chúng được dự định cho *việc sử dụng của linh hồn*, bởi vì linh hồn là biểu lộ ngôi hai của thiên tính, và chỉ có linh hồn mới có thể thực sự vận dụng các Linh Từ và các âm thanh này, và như thế tạo ra các kết quả mong muốn vốn dĩ luôn luôn phù hợp với Thiên Cơ. Người ta thường quên rằng các Linh Từ đó phải được linh hồn sử dụng theo cách thức mạnh mẽ, bao gồm việc nhận thức nghiêm túc về *trạng thái ý chí*. Đại Khấn Nguyện, thánh ngữ O.M., và tất cả mọi Quyền Lực Từ như thế phải xuất phát từ linh hồn (có bản chất là bác ái và có mục đích chỉ là điều tốt lành cho tập thể), được hậu thuẫn hay “được đẩy tới một cách huyền bí” (dùng một sự diễn dịch cho một ý tưởng huyền linh hầu như không thể diễn dịch được) bởi trạng thái

ý chí năng động, và thể hiện ra bên ngoài như là một hình tư tưởng được tích hợp trên một dòng chất trí sinh động được soi sáng. Do đó tiến trình này đưa vào hoạt động trạng thái ý chí, bác ái và trí thông tuệ của người đang sử dụng các linh từ và các công thức này. Tuy nhiên, thường thì xảy ra một sự gián đoạn ngay cả khi một người đã tích hợp được ba yếu tố kiểm soát này trong chính y trong chừng mực y có thể làm thể ở trình độ tiến hóa cụ thể của y. Tất cả những gì mà y đã thành công khi làm là duy trì hình tư tưởng được tạo ra trên cõi trí; y không thể làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trên cõi trần và để đạt các kết quả mong muốn, vì bộ óc của y (trung tâm tiếp nhận và phân phối cấp thấp ở trong đầu) không đủ khả năng đối với hai hoạt động cần thiết, – là duy trì ý thức về ý định, ý nghĩa và mục đích của công thức đang được sử dụng, và đồng thời, tiến hành nhiệm vụ phát ra uy lực được che giấu tuy được truyền chuyển bởi các Linh Từ [142] hay các âm thanh. Hai hoạt động này phải được linh hồn xúc tiến cùng một lúc trên cõi riêng của nó qua trung gian của thể trí và não bộ. Ở đây lại là một trong các mục tiêu của mọi công tác thiền định, trừ một việc không được nhấn mạnh vì đó là một diễn biến theo trình tự chớ không phải là một mục tiêu. Do đó hiệu quả tùy thuộc vào việc hiểu rõ các sự việc nói trên và một sự tích hợp được phát triển và được luyện tập giữa linh hồn, trí tuệ, dục vọng, bộ óc, với Linh Từ hay âm thanh được thốt ra.

Những gì tôi đang nói ở đây với bạn không chỉ đề cập tới việc sử dụng Đại Khấn Nguyên, mà còn tới việc sử dụng hằng ngày và thường xuyên Linh Từ (Sacred Word) của các môn sinh huyền linh và những người chí nguyện trong việc thiền định hằng ngày của họ. Họ có thể thay đổi đời sống của họ, tái định hướng mục đích và tiêu điểm đời sống của họ, và

đạt được sự khai mở và mở rộng tâm linh nếu họ có thể dùng thánh ngữ O.M. như nó nên được dùng. (13 1-145/6)

2. Chỉ những ai sống, làm việc, suy tư và cảm nhận như là linh hồn, có nghĩa là luôn luôn ở dưới dạng tập thể, mới có thể sử dụng các công thức này một cách có hiệu quả.

Tuy nhiên, ngày nay, có những người ở khắp mọi nơi đang nhanh chóng trở nên ý thức về linh hồn như là một yếu tố kiểm soát trong tâm thức, họ đáp ứng với các sự việc và các tình trạng thế giới ngày càng với tư cách linh hồn, và do đó, họ có thể được huấn luyện để hành động trên cõi trần. Khi việc này xảy ra, thì mới có thể truyền ra một vài trong số các Quyền Lực Từ và thần chú (mantrams), và mới có thể thiết lập hoạt động mới và mạnh mẽ để sẽ đưa Thánh Đoàn và nhân loại vào sự hợp tác hữu thức và trực tiếp, và còn thêm Shamballa và một số Thần Lực Vĩ Đại liên hành tinh hay thái dương hệ, và cũng là các Năng Lượng vũ trụ vĩ đại.....

Mục tiêu của các tiến trình thỉnh nguyện này (trong số các mục tiêu khác) . . . để kêu gọi linh hồn nhân loại và như thế đưa tới sự biểu lộ tự do hơn của nó trên cõi trần. Điều này có thể xảy ra theo hai cách:

a. Kích thích các linh hồn con người ở khắp nơi bằng dòng lưu nhập gia tăng của nguyên khí Christ, là nguyên khí bác ái, vốn sẽ tự biểu hiện thành sự cảm thông, thiện chí, hợp tác và hòa bình trên thế giới.

b. Tạo ra một rung động trong chính nhân loại có uy lực đến nỗi nó sẽ thu hút bằng từ lực một sự đáp ứng của Thánh Đoàn đang quan sát, chờ đợi, và mang lại một mối quan hệ mật thiết hơn nhiều và cũng *hữu thức* giữa hai trung

tâm hành tinh, là Thánh Đoàn và Nhân Loại. (1-149/50)

3. Nhiệm vụ chúng ta là học cách giao tiếp đúng đắn với Thánh Đoàn xuyên qua linh hồn riêng của chúng ta; sử dụng đúng đắn Đại Khẩn Nguyên với tư cách linh hồn, và tự làm cho chính chúng ta đáp ứng và nhạy cảm với các hiệu quả từ đó. (1-161) [143]

27. NGUYÊN KHÍ XÂY DỰNG HÌNH TƯỢNG

(Sau đây là) một số tiền đề (premises) cơ bản của Minh-Triết Muôn Thuở (Ageless Wisdom):

1. Linh hồn là nguyên lý tạo hình (form-building principle) tạo ra sự thu hút và cố kết (attraction and cohesion).

2. Linh hồn này là một trạng thái hoặc loại năng lượng, được phân biệt với năng lượng của chính vật chất.

3. Nguyên-tử đã được nhận biết như là một đơn vị năng lượng, nhưng cho đến nay năng lượng đang cuốn các nguyên-tử vào những tập hợp (aggregates) mà chúng ta gọi là các cơ thể (organisms) và các hình hài (forms), đã không được phân lập. Điều này các nhà thần bí trong giới khoa học sẽ cảm nhận và làm việc để chứng minh trong thế hệ kế tiếp. Chính loại năng lượng này, tức năng lượng của khía cạnh tạo hình của sự biểu lộ, là nguồn gốc của mọi hoạt động huyền thuật; và chính năng lượng này trong các giới khác nhau của thiên nhiên mới tạo ra hình hài, dạng thức, các loài, giống loại, hạng và các biến phân, vốn đánh dấu và phân biệt vô số hình thức mà qua đó sự sống tự biểu lộ. Đó là tính chất của năng lượng vốn tạo ra hàng loạt hình tượng; đó là ánh sáng vốn gây ra sự xuất hiện vào tâm thức của nhân loại các hình dạng không đồng nhất mà các tập hợp của nguyên-tử có thể

khoác lấy (assume).

4. Loại năng lượng này, vốn tạo ra các dạng thức và các hình tướng, cùng các cơ thể cố kết (kết chặt) trong mọi giới của thiên nhiên, không phải là nguyên khí sự sống. Nguyên khí sự sống sẽ vẫn không được khám phá và không được nhận biết cho đến khi linh hồn, hay nguyên khí tuyền lọc (qualifying principle), là chủ thể kiến tạo (builder) của hình hài được nghiên cứu, được nhận biết và đến lượt nguyên khí sự sống sẽ được nghiên cứu (investigated).

5. Điều này chỉ có thể xảy ra khi con người tiến tới sự sở hữu có ý thức đầy đủ hơn về cái di sản thiêng liêng của mình, và hoạt động với tư cách là một linh hồn, và trong tình trạng kiểm soát bộ máy của mình (thể chất, tình cảm, và trí tuệ), có thể hoạt động một cách hữu thức hòa hợp với linh hồn trong mọi hình thức.

Điều này chỉ có thể xảy ra khi nhân loại hiểu được giả thuyết trên, và nhận biết nó như một sự việc khả hữu, và tìm cách chứng minh sự thực về yếu tố-linh hồn (soul-factor) nằm đằng sau cấu trúc hay thể biểu lộ của nó, hoặc tương tự như vậy, tìm cách bác bỏ nó. Mọi khoa học gia vĩ đại và những người hoạt động trong lĩnh vực của thiên nhiên khách quan đều đã làm việc với tư cách linh hồn, và mọi cái gây ấn tượng nhất trong các phát triển trong lĩnh vực vật lý và hóa học, cũng như trong các bộ môn khác của tri thức nhân loại, đã được thực hiện khi người hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực đặc biệt nào đã bắt đầu với niềm tin vào một giả thuyết nào đó mà y đã hình thành, và đã điều tra và phát triển công việc của mình hết giai đoạn này đến giai đoạn khác, cho đến khi [144] y đã tiếp xúc với một khía cạnh của chân lý mà từ trước đến giờ chưa được con người trình bày. Lúc bấy giờ, nhờ việc sử dụng trực giác của mình khi đi vào một lĩnh vực mới của tư

tưởng, y sử dụng kiến thức được phát hiện nơi đó và trình bày nó theo cách bằng lý thuyết, nguyên lý, sự thực nghiệm, và thiết bị cơ khí sao cho nó trở thành sở hữu của tập thể, và đến lúc thích hợp, được thế giới hiểu và sử dụng. Nhưng trong buổi đầu của nó, nó đã là công việc thần bí và dựa trên một trực giác thần bí. (4-332/3)

28. MỤC ĐÍCH CUỘC SỐNG CỦA CHÂN NGÃ

1. Chân Ngã trên cõi riêng của nó và trên một phạm vi nhỏ, lặp lại hành động của Thượng Đế. Chân Ngã tạo ra một hình thể nào đó cho những mục tiêu nhất định; Y gom góp vật liệu nào đó, và nhắm vào một sự hoàn mãn xác định vốn sẽ là kết quả của vật liệu đã được gom góp đó, vật liệu này rung động theo một nhịp điệu nào đó, bị chi phối – trong một kiếp sống đặc biệt – bởi một số quy luật nhất định và nhắm vào một mục tiêu riêng – *chứ không phải tất cả các mục tiêu có thể.*

Mỗi Phạm Ngã đối với Chân Ngã cũng như thái dương hệ đối với Thượng Đế. Đó là môi trường biểu lộ của Chân Ngã và là phương cách để Chân Ngã đạt một mục tiêu có thể chứng minh. Mục tiêu đó có thể là việc hoạch đắc đức hạnh bởi việc trả giá của tật xấu; đó có thể là việc đạt được sự nhạy bén trong kinh doanh bằng việc cố gắng cung ứng những nhu cầu của cuộc sống; đó có thể là việc phát triển tính nhạy cảm bằng cách phát hiện những sự độc ác của bản chất; đó có thể là việc tạo dựng sự tận tâm vô tư lợi bởi sự khẩn khoản của các thuộc cấp nghèo túng, hay đó có thể là sự chuyển hóa dục vọng bằng phương pháp tham thiền trên đường đạo. Chính mỗi linh hồn tìm ra mục tiêu của mình. Sự kiện mà Tôi muốn tạo ấn tượng lên bạn là có một sự nguy hiểm nào đó

liên quan với chính yếu tố này. Chẳng hạn, nếu trong việc hoạch đăc khả năng trí tuệ để tham thiền, môn sinh bỏ lờ chính điều mà y đã nhập vào thể xác để hoạch đăc nó, kết quả thu đăt không nhiều vì một sự phát triển không đồng đều và một sự mất thời gian tạm thời..... (Nếu) y không làm tròn ý muốn của Chân Ngã, chỉ bỏ lờ cơ hội; y đau khổ nhiều, và trong kiếp tới, cần có một sự dàn dựng tương tự và một sự thôi thúc mạnh hơn, và một vòng giới hạn chặt chẽ hơn cho đến khi nào y tuân theo ý muốn của Chân Ngã của y. (2-108/9)

2. Linh hồn không có vận mệnh cá nhân nào cả, mà đưọc chìm vào Đấng Duy Nhất. Vận mệnh của nó là vận-mệnh của tập thể, và của Tổng Thể (the Whole); mong muốn của nó là thể-hiện Thiên Cơ vĩ đại, và ý chí của nó là sự tôn vinh Thượng Đế nhập thể. (4-296) [145]

3. Con người có khuynh hướng là quan tâm chủ yếu đến các mối quan hệ tập thể cao hơn của họ, đến việc họ quay về quê nhà của Từ Phụ, và đến xu hướng mà chúng ta gọi là “hướng thượng” (“upwards”), và lìa bỏ thể giới hiện tượng. Họ phần lớn bận rộn với việc tìm kiếm trung tâm trong khía cạnh hình tướng, cái mà chúng ta gọi là linh hồn, và, khi đã tìm thấy nó, bận rộn với công việc sau đó là tìm hiểu linh hồn đó và nhờ thế, tìm thấy sự an bình. Điều này thì đúng và phù hợp với ý định thiêng liêng, nhưng nó *không* phải là toàn bộ kế hoạch dành cho con người, và khi điều này vẫn còn là mục tiêu chính, thì một người đang rơi một cách nguy hiểm vào sự cám dỗ của sự ích kỷ và sự chia rẽ về tâm linh. (4-529)

4. Các công dụng của sự đau khổ thì nhiều, và chúng dẫn dắt linh hồn con người ra khỏi bóng tối đi vào ánh sáng, ra khỏi sự trói buộc đi vào giải thoát, ra khỏi sự thống khổ đi

vào sự an bình. Sự an bình đó, ánh sáng đó, và sự giải thoát đó, cùng với sự hài hòa đã an bài của vũ trụ được dành cho tất cả các con của nhân loại. (4-533)

5. Và thế là họ trụ lại – Nhân loại và Thánh Đoàn. Và, hồi huynh đệ, là phạm ngã và linh hồn, như thế các bạn ở tình trạng tự do để tiến tới vào ánh sáng nếu bạn quyết định như thế, hoặc là vẫn ở trạng thái tĩnh tại và không tiến bộ, không học hỏi gì cả và không đi đến đâu cả; bạn cũng có quyền tự do quay lại để đồng nhất hóa với Kẻ Chặn Ngõ, như vậy chối bỏ ảnh hưởng của Thiên Thần, từ chối cơ hội trước mắt và trì hoãn – cho đến một chu kỳ muộn hơn nhiều – việc chọn lựa quyết định của bạn. Điều này đúng đối với bạn và với toàn thể nhân loại nữa. Liệu phạm ngã duy vật thuộc cung ba của nhân loại có chế ngự tình huống hiện nay, hay liệu linh hồn bác ái của nó có tỏ ra là yếu tố mạnh mẽ nhất, nắm giữ phạm ngã và các vấn đề nhỏ bé của phạm ngã, dẫn dắt nó đến chỗ phân biệt đúng và nhận thức các giá trị đích thực, như thế đưa vào kỷ nguyên của linh hồn hay sự chi phối của Thánh Đoàn? Chỉ có thời gian sẽ cho thấy. (10-160)

6. Con người đọc số phận của y trên các cõi trời và viết ra số phận đó trong cuộc đời của y trên cõi trần; y giảm bớt, cố ý hay vô tình, ý tưởng của linh hồn y về dạng thích đáng và phù hợp, để mỗi cuộc sống cộng, trừ và nhân lên, cho đến khi tổng số trải nghiệm của mỗi linh hồn hoàn tất. (12-16)

7. Một cách đều đặn, mục đích khai mở của linh hồn của chính chúng ta (những "thiên thần của lòng bác ái bên bỉ và bất tử") nên có sự kiểm soát đầy đủ hơn và sâu sắc hơn đối với mỗi người chúng ta, và với bất kỳ giá nào và sự hy sinh cá nhân nào, điều này nên là mục tiêu kiên định của chúng ta.

Thật ra và một cách chân thành, chúng ta nên cố gắng vì điều này. (15-18) [146]

29. NĂNG LỰC TRI GIÁC THẦN BÍ

Các nền văn minh, văn hóa, chủng tộc và quốc gia xuất hiện và biến mất, nhưng những cá tính giống nhau đến rồi đi cùng với chúng, thu được các thành quả của kinh nghiệm, và tiến dần từng bước đến chính phủ tự trị, tổ chức tập thể và sự tổng hợp đầy đủ hơn.

Tôi cũng muốn nhắc bạn rằng có một phẩm chất đặc biệt trong mỗi con người – một đặc tính bẩm sinh, cố hữu vốn chắc chắn sẽ hiện diện – mà người ta có thể đặt cho cái tên "năng lực tri giác thần bí". Tôi sử dụng thuật ngữ này theo nghĩa rộng hơn nhiều so với trường hợp thông thường, và bạn có thể coi tính chất năng lực tri giác thần bí này bao gồm:

1. Linh thị thần bí về linh hồn, về Thượng Đế và vũ trụ.
2. Năng lực tiếp xúc và hiểu rõ giá trị thế giới ý nghĩa, thế giới chủ quan của thực tại mới xuất hiện.
3. Năng lực yêu thương và đi ra tới những gì khác hơn bản ngã.
4. Năng lực để nắm bắt và trực cảm những ý tưởng.
5. Khả năng cảm nhận những điều chưa biết, điều đáng mong muốn và được mong muốn. Hậu quả là sự quyết tâm và sự kiên trì cho phép con người tìm kiếm, lục soát và đòi hỏi thực tại chưa được biết đó. Chính khuynh hướng thần bí đã sản sinh ra những nhà thần bí vĩ đại nổi tiếng thế giới, một số lượng lớn các nhà thám hiểm, các nhà khám phá và các nhà phát minh.

6. Năng lực để cảm nhận, ghi nhận và ghi lại những điều thiện, mỹ và chân. Chính điều này đã sản sinh ra nhà

văn, nhà thơ, nghệ sĩ và kiến trúc sư.

7. Sự thôi thúc khám phá và thâm nhập vào những bí mật của Thượng Đế và của thiên nhiên. Chính điều này đã sản sinh ra nhà khoa học và nhà tôn giáo.

Từ một nghiên cứu về các định nghĩa này, bạn sẽ thấy thuật ngữ "năng lực tri giác thần bí" bao gồm như thế nào. Nó không hơn và không kém hơn năng lực, bẩm sinh trong con người, để vươn tới và nắm bắt những gì vĩ đại hơn và tốt đẹp hơn chính y, và đã thúc đẩy y, qua các nền văn hóa và văn minh đang phát triển, cho đến ngày nay y đứng ở ngưỡng của một vương quốc mới trong thiên nhiên. Đó là năng lực để đánh giá cao và phấn đấu theo những điều tốt đẹp dường như không thể đạt được. Do đó, hãy để luận điểm rộng và tổng quát này ở trong trí các bạn khi chúng ta nghiên cứu năng lực tự biểu lộ, tự quyết và tự quản đang phát triển của con người. (12-113/4) [146]

30. NHÀ THẦN BÍ VÀ NHÀ HUYỀN BÍ

1. Thần bí gia loại bỏ hay cố gắng vượt lên khỏi *tâm trí* trong cuộc tìm kiếm Chân Ngã; Huyền bí gia đạt đến cùng mục đích nhờ chú ý một cách sáng suốt vào các hình thể che phủ Chân Ngã và nhờ sử dụng *nguyên khí trí tuệ* ở cả hai cấp độ (thượng và hạ trí –ND). Y nhận ra được những lớp vỏ che án. Y chú tâm nghiên cứu những định luật chi phối Thái dương hệ được biểu lộ. Y chú tâm vào cái khách quan, cụ thể và trong những năm đầu, y có thể nhiều lần bỏ qua, không màng đến giá trị của cái chủ quan, trừu tượng. Cuối cùng, y đạt đến sự sống ở trung tâm bằng cách dùng sự hiểu biết và kiểm soát một cách ý thức để loại ra hết lớp vỏ này đến lớp vỏ khác. Y tham thiền về hình thể cho đến mức không còn

thấy hình thể nữa, và kẻ sáng tạo ra hình thể trở thành cái toàn thể trong vạn vật (all in all). (2-151)

2. Giá trị đối với tư tưởng quần chúng về một giải thích xác đáng về sự tiến hóa của Ego, và năng lực đang phát triển từ từ của Chân Ngã trên cõi trần là rất lớn. Có hai cách mà con người có thể xem xét vấn đề này, cả hai đều cung cấp chất liệu cho tham thiền, và rất đáng xem xét một cách nghiêm túc....

Bằng sự sùng tín hoàn toàn và sự chuyên tâm nhiều cố gắng, và bằng một sự giới luật nghiêm ngặt của xác thân, nhà thần bí thực hiện việc tiến nhập của y vào bí huyết tim của hệ thống bé nhỏ của y, và đời sống của y trở nên được sáng ngời bởi các tia bức xạ của mặt trời trung ương của chính y – là ánh sáng thiêng liêng của Chân Ngã.

Vấn đề có thể một lần nữa được xem như là vấn đề mà trong đó nỗ lực của con người được tập trung trong một cố gắng đưa xuống vào trong tâm thức của bộ óc hồng trần, và như thế vào cõi trần, sự sống, quyền năng và năng lượng của trung tâm bên trong, là Chân Ngã (Ego). Điều này tất nhiên bao hàm một sự am hiểu khoa học về các định luật của sự hiện tồn, và một sự nhận thức về bản chất kép của Bản Ngã (Self). Nó liên quan đến sự tận tâm trong việc mang lại sự thống trị các nguyệt thần (lunar lords) qua sự kiểm soát tỏa sáng của Thái Dương Thiên Thần (Solar Lord). Đây là phương pháp huyền linh. Đó là phương pháp nghiên cứu sự cấu tạo của các thực thể vốn hợp thành tứ thể hạ, là phàm ngã, và một sự nghiên cứu kỹ lưỡng các Bản Thể thiêng liêng, vốn kiến tạo thể của Ego hay Thượng Ngã (higher self). Cần phải thêm vào điều này một sự áp dụng nghiêm khắc các luật thiên nhiên vào vấn đề cá nhân. (3-815/6)

3. Nhà thần bí (mystic) luôn luôn ý thức về nhị nguyên tính. Y là tác nhân tìm kiếm để tìm kiếm ánh sáng, linh hồn, người yêu quý, một điều nào đó cao siêu hơn mà y cảm nhận là đang hiện hữu và là điều có thể được tìm thấy. Y phấn đấu sau khi nhận thức về đấng thiêng liêng và bởi đấng thiêng liêng; y là người đi theo linh thị, một đệ tử của Đức Christ, và điều này chi phối việc suy tư và đạo tâm của y. Y là một [148] kẻ sùng tín và là kẻ yêu cái không thể đạt được theo bề ngoài – Cái Khác (the Other) hơn chính y.

Chỉ khi y trở thành nhà huyền bí, thì nhà thần bí mới học biết rằng luôn luôn có một từ lực lôi cuốn y, và nhị nguyên tính đã nhuộm màu cuộc sống và tư tưởng của y, và cung cấp động lực cho tất cả những gì mà y đã tìm cách làm, là Chân Ngã của y, là Thực Tại Duy Nhất đó. Lúc bấy giờ, y nhận thức rằng sự đồng hóa vào và sự đồng nhất hóa với thực tại duy nhất đó giúp cho lưỡng nguyên tính được chuyển hóa thành nhất nguyên, và ý nghĩa của việc tìm kiếm được biến đổi thành nỗ lực trở thành điều, mà về thực chất, y là – một Con của Thượng Đế, là một với mọi người Con của Thượng Đế. Sau khi đã hoàn thành điều đó, y thấy y là một với Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn. (17-116/7)

31. "LINH HỒN BỊ MẮT"

Nếu (con người) thờ ơ với việc phát triển tâm linh của y, và tập trung vào nỗ lực trí tuệ, hướng sang việc vận dụng vật chất vào các mục đích ích kỷ, nếu y cứ tiếp tục điều này bất chấp sự thôi thúc của bản ngã bên trong của mình, và bất chấp sự cảnh báo có thể đến với y từ các Đấng Quán Sát, và nếu điều này được tiếp tục trong một thời gian dài, thì y có

thể đưa chính mình đến chỗ huỷ diệt, vốn là cái chung cục đối với chu kỳ khai nguyên này. Do sự hợp nhất hai lửa vật chất và sự biểu lộ kép của lửa trí tuệ, y có thể thành công trong việc phá huỷ hoàn toàn nguyên tử thường tồn hồng trần, và do đó cắt đứt sự giao tiếp của y với chân ngã trong các thời kỳ rất dài. Bà Blavatsky có đề cập sơ qua về điều này khi nói đến việc “các linh hồn lạc lối” (“lost souls”). Ở đây, chúng ta phải nhấn mạnh thực tế về tai hoạ thảm khốc này, và gióng lên một tiếng chuông báo động cho những kẻ tiếp cận chủ đề về các lửa vật chất với mọi nguy cơ tiềm tàng của nó. Sự phối hợp các lửa này phải là kết quả của sự hiểu biết đã được tinh thần hoá, và phải được hướng dẫn duy nhất bởi Ánh Sáng của Tinh Thần, vốn hoạt động thông qua bác ái và là bác ái, và tìm kiếm sự hợp nhất này và sự phối hợp hoàn toàn này *không* theo quan điểm của giác quan, hay của sự ban thưởng về vật chất, mà vì mong muốn sự giải thoát và sự thanh luyện, để có thể thực hiện sự hợp nhất cao cả với Thượng Đế; sự hợp nhất này phải được mong mỏi, không phải vì các mục đích ích kỷ, mà bởi vì *sự hoàn thiện tập thể* vốn là mục tiêu và cơ hội cho việc phụng sự lớn lao hơn đối với nhân loại, phải được thành tựu. (3-127) [149]

32. VIỆC HUẤN LUYỆN CÁC HIỆN THỂ CHO VIỆC PHỤNG SỰ LINH HỒN

1. Luôn luôn việc kêu gọi sự đáp ứng (của Chân Sư) phải là công việc của môn sinh, và thời điểm của sự đáp ứng đó tùy theo nhiệt tình trong hoạt động của y, sự hiến dâng trong việc phụng sự của y, và những món nợ nghiệp quả của y. Khi y xứng đáng với sự đáp ứng nào đó, nó sẽ được biểu lộ trong số mệnh của y, và không gì có thể cản trở hay làm chậm

trở được. Hơn nữa, không có gì có thể thực sự vội vã, vì thể môn sinh không cần phí thời giờ trong việc lo nghĩ buồn lòng vì không có sự đáp ứng. Phần việc của y là tuân thủ các quy luật, thích nghi với các hình thức được đặt ra, suy gẫm và tuân theo một cách khôn ngoan những lời giáo huấn được quy định, hành động một cách dứt khoát và phụng sự nhiệt tình đồng loại của y. Khi y đã thực hiện tất cả những điều này, khi y kiến tạo chất liệu có rung động cần thiết vào ba hạ thể của y, khi y đã chỉnh hợp được ba thể này với Chân Ngã thể (dù chỉ trong một phút ngắn ngủi), đột nhiên y có thể thấy, đột nhiên y có thể nghe, đột nhiên y có thể cảm thấy một rung động, và từ đó về sau, y có thể nói rằng lòng tin đã hòa vào sự thấy, và ước nguyện đã trở thành sự nhận biết. (2-295)

2. Nhu cầu về những khí cụ đã được thử nghiệm nổi lên hiện nay. Khi những Đấng hướng dẫn sự tiến hóa nhân loại, vào giai đoạn này, đưa mắt nhìn khắp nhân loại để tìm những khí cụ như thế, thì các Ngài thấy cho đến nay ít có người sẵn sàng cho việc phụng sự cần thiết. Nhưng các Ngài cũng thấy một số người, với một sự huấn luyện thêm đôi chút, sẽ đáp ứng nhu cầu này một cách khá thích hợp.

Khi cuộc tiến hóa tiếp tục, thì sự an trụ của nhân loại cũng thay đổi. Con người hiện nay được an trụ chủ yếu vào thể cảm dục của họ, – những cảm xúc, những ham muốn, những mối bận tâm về Phàm ngã đang làm họ quay cuồng. Thể cảm dục là tiêu điểm của Phàm ngã. Nó tác động như là nơi thu dọn (clearing) tất cả những gì liên quan đến nó, và như là chỗ giao nhau của Phàm ngã và Chân Ngã. Nó giống như một trạm xe lửa cuối tấp nập, nhận hàng hóa từ mọi hướng và phân phối hết cho thành phố lớn là cuộc sống Phàm ngã ở cõi trần. Sau đó, khi có sự tiến bộ, quang cảnh ấy

lại chuyển lên cao hơn, và thể trí trở thành tiêu điểm. Về sau, thể nguyên nhân trở thành đơn vị quan trọng, và sau nữa đến sự hy sinh tối thượng của ngay cả thể nguyên nhân, cho đến khi con người dung dung với tất cả những rung động đối với ba cõi thấp, và tất cả đã hết đối với cuộc sống Phạm ngã, – không có gì còn lại cả, ngoại trừ sự sống Tinh Thần và sự tự nguyện hiến dâng sự sống đó để giúp đỡ thế gian.

Trong việc đẩy nhanh cuộc tiến hóa, một số việc phải được tiến hành trước khi con người có thể được dùng như một khí cụ đáng tin cậy, chân chánh (true) như thép đã trui để giúp đỡ giống nòi của y. Đừng quên rằng, như một quy luật, một người (khi đã được kiểm tra và được thử thách) là một khí cụ tốt nhất vì y hiểu [150] hoàn toàn tâm thức nhân loại, vì y dẫn thân giải quyết những vấn đề khó khăn hiện thời theo một cách thức toàn diện hơn là một Chân Ngã ở giai đoạn ban đầu. Vì thế mà các Chân Sư muốn dùng những ai trong bạn hiện đang sống ở cõi trần để chữa trị những vết thương của thể hệ đang đau khổ hiện tại. Vậy thì phải làm điều gì? Vấn đề Tôi đưa ra bây giờ không có gì quá bất thường cả, mà nó chứa đựng tư tưởng để cân nhắc bởi bất cứ ai muốn giúp đỡ... Trong việc chuẩn bị một linh hồn cho việc phụng sự, các vị Hướng Đạo nhân loại phải đề cập đến từng thể (thể xác, thể dĩ thái, thể tình cảm và thể trí). (2-333/4)

3. Một khi sự kỳ diệu (magic) của linh hồn được phạm ngã hiểu thấu, linh hồn ấy sẽ chế ngự một cách vững vàng, và có thể được tin cậy để tiến hành việc luyện tập của con người đến kết quả, không bị trở ngại (như bạn tất nhiên đang bị) bởi các tư tưởng về thời gian và không gian, và bởi việc thiếu hiểu biết về quá trình phát triển đã qua của linh hồn có liên quan. Cần phải luôn luôn ghi nhớ rằng, khi đề cập đến các cá nhân, công việc được đòi hỏi có hai phần:

Thứ nhất. Chỉ dạy cho các cá nhân đó cách thức để liên kết cái ngã thấp kém của cá nhân với linh hồn đang ứng linh (over-shadowing soul), sao cho trong bộ óc xác thân có một ý thức chắc chắn (assured consciousness) về thực tại của sự thật thiêng liêng đó. Tri thức này làm cho thực tại giả tạo từ trước đến giờ về ba cõi thấp không còn hiệu quả thu hút và lôi cuốn, và là bước đầu tiên, ra khỏi giới thứ tư, nhập vào giới thứ năm.

Thứ hai. Đưa ra một giáo huấn thực tiễn như thế, sẽ giúp cho người tìm đạo (aspirant) :

a/ Thông hiểu bản chất riêng của mình. Điều này bao hàm một kiến thức nào đó của giáo huấn trong quá khứ về cấu tạo của con người, và một nhận thức về các giải thích của các nhà sưu khảo hiện đại, cả Đông Phương lẫn Tây Phương.

b/ Kiểm soát các sức mạnh của chính bản chất của mình, và học được điều gì đó về các lực đang bao quanh y.

c/ Cho phép y khai mở các năng lực tiềm tàng của mình, sao cho y có thể giải quyết các vấn đề đặc biệt riêng của mình, đứng trên đôi chân của mình, vận dụng sự sống riêng của mình, giải quyết các khó khăn riêng của mình, và trở nên mạnh mẽ và ở tư thế sẵn sàng về mặt tinh thần, đến nỗi y thúc đẩy việc công nhận về sự thích hợp của y để được nhìn nhận như một người hoạt động trong cơ tiến hóa, như một nhà huyền linh thuật, và như một người trong nhóm các đệ tử hữu thụ, mà chúng ta gọi là “huyền giai của hành tinh chúng ta”. (4-55/6)

4. Bộ máy con người, vốn là cơ chế mà qua đó linh hồn tiếp xúc với ba cõi thấp mà nếu không thì ba cõi này (theo kế hoạch hiện tại) sẽ bị niêm kín và bị che giấu trước sự kinh nghiệm và thử nghiệm của [151] linh hồn. Nó đã được nhạy

cảm và phát triển một cách sâu sắc hơn trong suốt hai nghìn năm qua so với bất kỳ khoảng thời gian mười nghìn năm trước đó. Lý do cho điều này là thể trí của con người đã hỗ trợ một cách hữu thức trong quá trình phối hợp các bản năng và chuyển hóa phản ứng bản năng, diễn dịch nó thành sự nhận thức thông minh. Trong trường hợp của các đệ tử thế giới, quá trình này đã được chuyển sang giai đoạn khai mở tiếp theo, mà chúng ta đặt cho cái tên là tri thức trực giác. (9-415)

5. Một trong các bài học đầu tiên mà nhân loại sẽ học được dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của cung 7 là linh hồn kiểm soát khí cụ của nó, là phạm ngã, qua nghi lễ, hay là qua sự áp đặt của một nhịp điệu đều đặn, vì nhịp điệu là những gì thực sự chỉ rõ một nghi lễ.

Khi những người khao khát làm đệ tử áp đặt một nhịp điệu lên kiếp sống của họ mà họ gọi nó là một giới luật, và họ cảm thấy hạnh phúc về việc đó. Những gì các nhóm làm, họ được tập hợp lại với nhau để thực hiện bất cứ nghi thức hay nghi lễ nào (nghi lễ Giáo Hội, công trình Tam Điểm, sự rèn luyện của lục quân hay hải quân, các tổ chức kinh doanh, hoạt động riêng của một chỗ ở, của một bệnh viện hoặc của một nơi giải trí, v.v..) đều có một bản chất tương tự, vì nó áp đặt lên những người tham dự một sự thi hành đồng thời, một công việc tương tự hoặc một nghi thức. Không một ai trên trái đất này có thể lẫn tránh nghi lễ hoặc nghi thức, vì việc mọc và lặn của mặt trời đang áp đặt một nghi lễ, việc đi qua theo chu kỳ của các năm, các phong trào mạnh mẽ của các trung tâm dân số lớn lao, việc đến và đi của các tàu hỏa, của tàu biển và của thư từ, và việc phát sóng đều đặn của các tổ chức phát thanh, – tất cả những điều này đều áp đặt một nhịp

điều lên nhân loại, dù cho điều này được nhận biết hay không. Các thử nghiệm lớn lao hiện nay theo tiêu chuẩn quốc gia và việc tổ chức thành đoàn thể cũng là một biểu hiện của các nhịp điệu này, khi chúng thể hiện qua quần chúng trong bất cứ quốc gia nào.

Không có việc né tránh tiến trình sinh hoạt theo nghi lễ. Nó được công nhận một cách vô thức, được đi theo một cách mù quáng, và tạo thành kỷ luật vĩ đại về việc thờ nhịp nhàng của chính sự sống. (14-365)

(a) Việc Huấn Luyện Thể Xác

1. Việc này bao hàm một số điều kiện cần thiết:

Thu nạp vật chất của những phân cảnh cao và loại trừ những chất thô của phân cảnh thấp. Điều này cần thiết bởi vì những người có các thể thô trực không thể tiếp xúc được với các rung động cao. Chân Ngã không thể nào chuyển tri thức cao và sự chỉ đạo xuyên qua một thể xác thô trực. Những luồng tư tưởng cao thượng không thể nào tác động đến bộ óc hồng trần kém tiến hóa. Vì thế mà sự tinh lọc thể xác là một điều thiết yếu. Điều này được thực hiện theo nhiều cách khác nhau, tất cả các cách này đều hợp lý và thiết thực: [152]

Bằng thực phẩm thanh khiết...

Bằng sự sạch sẽ...

Bằng giấc ngủ ...

Bằng ánh nắng ...

Khi bốn yêu cầu này được chú ý thỏa đáng, một quá trình loại bỏ dứt khoát tiến hành, và trong vòng vài năm thì toàn bộ xác thân chuyển sự an trụ của nó lên dần dần, cho đến lúc cuối cùng, bạn sẽ có một thể xác được kết hợp bởi vật chất của phân cảnh cực vi... Việc này có thể mất nhiều kiếp, nhưng bạn nên nhớ trong trí rằng cứ mỗi lần đầu thai mới,

thì một thể xác vẫn giữ đúng phẩm chất (nếu Tôi có thể nói như thế) như cơ thể trước đã bị thải bỏ khi chết. Vì vậy, thời gian dùng để kiến tạo không bao giờ bị mất. Sau cùng, sẽ còn có 2 phương pháp khác mà theo đó việc tinh luyện nhanh chóng hơn có thể được thực hiện:

Việc sử dụng ánh sáng màu....

Sự kích thích của âm nhạc....

Một điểm nữa mà Tôi muốn đưa ra, và đó là, trong *việc vận dụng điện lực* có ẩn những điều liên quan đến việc làm sinh động các thể. (2-334/6)

2. (Một trở ngại khác đối với việc nghiên cứu huyền bí được nhận thấy trong thể xác, vốn đã được dựng nên bằng sự trợ giúp của thịt, thức ăn và thức uống lên men, và được nuôi dưỡng trong một môi trường mà trong đó không khí trong lành và ánh sáng mặt trời không phải là các yếu tố có ý nghĩa nhất.... Khi trái cây và rau củ tươi, nước tinh khiết, các quả hạt (nuts) và ngũ cốc, nấu chín và không nấu, tạo thành chế độ ăn uống duy nhất của các con nhân loại đang tiến hóa, thì bấy giờ các thể (bodies) thích hợp để làm các hiện thể (vehicles) cho các Chân Ngã (Ego) tiến hóa cao sẽ được tạo nên. (4-84)

(b) Việc Huấn Luyện Thể Dĩ Thái

Việc thanh lọc này đồng thời với việc thanh lọc thể xác. Phương pháp chính yếu gồm việc sinh hoạt trong ánh nắng, giữ cho khỏi lạnh và trong việc uống vài hợp chất sinh tố nhất định mà chẳng bao lâu nữa sẽ được đưa ra cho nhân loại.... Việc nghiên cứu các bệnh thể dĩ thái – chứng suy nhược (atrophy) và tắc nghẽn (congestion) – chẳng bao lâu sẽ là một nghiên cứu được thừa nhận, và sẽ dẫn đến những cách trị liệu và phương thức xác định. Như đã nói trước đây, tất cả

những gì mà bạn có thể làm bây giờ trong việc để hai thể hồng trần (thể xác và thể dĩ thái) trở nên nhạy cảm (sensitising), là chú ý các quy luật trên, và để thời gian hoàn tất những phần còn lại của công việc. (2-337)

(c) Việc Huấn Luyện Thể Cảm Xúc

1. Thể cảm dục chỉ là một vật phản chiếu rất quan trọng. Nó tiếp thu màu sắc và hoạt động từ môi trường chung quanh của nó. Nó tiếp nhận ấn tượng của mỗi [153] dục vọng ngẫu nhiên. Nó tiếp xúc với mỗi ý tưởng thoáng qua (whim) và vật tưởng tượng (fancy) trong môi trường của nó; mỗi dòng năng lực đều làm cho nó chuyển động; mỗi âm thanh đều gây ra sự rung động, trừ khi người chí nguyện ngăn cản các trạng thái này và huấn luyện nó chỉ tiếp thu và ghi nhận những ấn tượng đến từ cõi trực giác (cõi bờ đề – ND) xuyên qua Chân Ngã, và như thể xuyên qua phân cảnh cực vi tử. Người chí nguyện nên nhắm mục tiêu huấn luyện thể cảm dục sao cho nó sẽ trở nên tĩnh lặng và trong trẻo như một tấm gương, nhờ thế nó có thể phản chiếu một cách hoàn hảo. Y nên nhắm mục tiêu là làm cho nó chỉ phản chiếu thể nguyên nhân (Chân Ngã thể – ND), chỉ nhận màu sắc nào phù hợp với Định Luật vĩ đại, và chỉ chuyển động theo chiều hướng nhất định, chứ không chỉ như những luồng gió của tư tưởng thổi qua, hay những luồng sóng của dục vọng nổi lên. Nên dùng những từ ngữ nào diễn tả thể cảm dục? Đó là những từ: tĩnh lặng (still), thanh thản (serene), đằm tĩnh (unruffled), yên tĩnh (quiet), thư thái (at rest), trong trẻo và trong sáng (limpid and clear), có một tính chất như gương (phản chiếu trung thực – ND), có bề ngoài phẳng lặng, vật phản chiếu trong trẻo – một vật truyền chuyển chính xác những ước muốn, những ước vọng, những nguyện vọng của Chân Ngã

chứ không phải của Phàm Ngã đâu. Điều này nên được thực hiện như thế nào? Theo nhiều cách, một số theo sự điều khiển của người chí nguyện, và một số theo sự điều khiển của Chân Sư.

a/ Bằng việc thường xuyên coi chừng mọi ham muốn, động cơ và ước vọng đi qua nhận thức hàng ngày, và bằng sự chú trọng tiếp theo sau vào tất cả những điều cao cả, và bằng sự ngăn chặn những điều thấp hèn.

b. Bằng một sự nỗ lực liên tục hằng ngày để tiếp xúc với Chân Ngã, và để phản ảnh ước muốn của Chân Ngã trong cuộc sống. Lúc đầu sẽ có những sự sai lầm, nhưng dần dần, tiến trình kiến tạo tiếp diễn, và sự an trụ trong thể cảm dục dần dần chuyển lên từng phân cảnh cho đến khi tới phân cảnh cực vi.

c. Bằng những thời gian nhất định hằng ngày được hướng vào việc an định (stilling) thể cảm dục. Quá nhiều sự nhấn mạnh được đặt ra về sự an định của thể trí trong lúc tham thiền, nhưng nên nhớ rằng việc an định bản chất tình cảm là một bước khởi đầu để làm yên lặng thể trí; bước này nối tiếp bước kia, và khôn ngoan thì bắt đầu ở đáy của cái thang. Mỗi người chí nguyện phải khám phá cho chính mình trong trường hợp nào y dễ nhượng bộ nhất đối với những rung động mãnh liệt, như là sự sợ hãi, sự lo âu, các kiểu dục vọng của Phàm ngã, tình yêu của Phàm ngã dành cho vật nào hay người nào, sự thiếu can đảm, sự quá nhạy cảm đối với dư luận; rồi y phải khắc phục rung động đó, bằng việc áp đặt lên nó một nhịp điệu mới, việc dứt khoát loại bỏ và việc kiến tạo.

d. Bằng công việc được thực hiện trên thể cảm dục ban đêm, dưới sự hướng dẫn của những Chân Ngã tiến hóa hơn tiến hành dưới sự điều dắt của Chân Sư. Việc kích thích rung

động hay làm giảm sự rung động đi theo việc áp dụng một vài màu sắc và âm thanh.... [154]

Hãy nhớ rằng việc thực hiện thì từ từ, và khi sự an trụ chuyển lên cao, thời điểm chuyển tiếp từ phân cảnh này lên phân cảnh kia được đánh dấu bằng một vài cuộc trắc nghiệm được tiến hành lúc ban đêm, cái mà người ta có thể gọi là một loạt các cuộc điếm đạo nhỏ để cuối cùng sẽ được hoàn thành trong cuộc điếm đạo lớn thứ hai, điều đó đánh dấu sự hoàn toàn kiểm soát thể cảm dục. (2-337/9)

2. Nếu con người nhận thức được điều đó, các devas cõi cảm dục hiện giờ kiểm soát ở mức độ rất lớn những gì y làm và nói, và mục tiêu tiến hóa của y (mục tiêu trước mắt của y) là giải phóng chính y ra khỏi sự kiềm chế của các devas, sao cho y, tức Chân Ngã đích thực hay chủ thể suy tư, có thể là ảnh hưởng khổng lồ. (3-662)

(d) Việc Huấn Luyện Thể Trí

1. Cần phải có 3 điều trước khi đạt đến cõi của thể hạ trí và trước khi đến được Chân Ngã thức (causal consciousness, tâm thức hoàn toàn của Chân Ngã).

1.- *Việc suy tư sáng tỏ*, không chỉ trên những chủ đề gây nên sự quan tâm, mà trên tất cả mọi vấn đề có ảnh hưởng đến nhân loại. Nó bao gồm sự trình bày rõ ràng vấn đề tư tưởng, và khả năng xác định. Điều đó có nghĩa là có khả năng tạo ra các hình tư tưởng từ chất liệu tư tưởng, và sử dụng các hình tư tưởng đó để giúp đỡ công chúng. Người nào không suy tư sáng tỏ, và có một thể trí kém phát triển thì đều đang sống trong tình trạng hoang mang mù mịt, và người nào ở trong tình trạng hoang mang mù mịt thì chỉ là một người lãnh đạo mù của những người mù.

2.- *Khả năng an định thể trí*, nhờ đó mà các tư tưởng từ các phân cảnh trừu tượng và từ cõi trực giác có thể tìm thấy một bức màn thụ cảm mà chúng có thể ghi khắc chính chúng lên đó. Ý tưởng này đã được trình bày rõ ràng trong nhiều cuốn sách nói về định trí và tham thiền, và Tôi không cần giải thích gì nữa. Đây là kết quả của sự luyện tập khó nhọc đạt được qua nhiều năm trường.

3.- *Một tiến trình rõ rệt* do Chân Sư thực hiện có sự ưng thuận của người đệ tử, vốn gắn kết những nỗ lực và những kết quả đạt được một cách khó nhọc của nhiều năm thành một hình thức trường cửu. Ở mỗi lần điểm đạo, điện lực hay từ lực được áp dụng có một hiệu quả làm ổn định. Nó đem lại tính bền bỉ cho những kết quả mà người đệ tử đã đạt được. Như người thợ gốm nặn và tạo hình đất sét rồi dùng lửa nung cho cứng chắc, cũng thế người chí nguyện tạo hình, nắn, và xây dựng, và chuẩn bị cho lửa nung cho cứng rắn. Sự điểm đạo đánh dấu một sự thành đạt trường cửu và sự khởi đầu một chu kỳ cố gắng mới.

Trên hết mọi sự, có hai điều nên được nhấn mạnh:

Thứ nhất. Một sự kiên trì vững vàng, không lay chuyển, không quản ngại thời gian cũng như [155] trở ngại, mà vẫn cứ tiếp tục. Khả năng kiên trì này giải thích tại sao lắm khi một người không đáng để ý lại thường được điểm đạo trước bậc siêu tài, và trước những người thu hút nhiều sự chú ý hơn. Khả năng làm việc cần mẫn được mong đợi nhiều.

Thứ hai. Một sự tiến bộ được thực hiện mà không có sự tự phân tích quá đáng. Đừng có nhổ cá rế của mình lên để xem nó có tăng trưởng hay không. Điều đó làm mất thì giờ quý báu. Hãy quên sự tiến bộ của riêng bạn trong việc tuân thủ các quy luật và trong việc giúp đỡ người khác. Khi được như vậy, sự giác ngộ bất ngờ có thể đến và sự nhận thức mở

toang ra cho bạn rằng thời điểm đã đến, khi mà Đấng Đại Giác (Hierophant) có thể yêu cầu bạn có mặt và ban cho bạn sự điếm đạo. Nhờ sự làm việc khó nhọc và sự hoàn toàn nỗ lực để tuân thủ định luật và yêu thương muôn loài, bạn đã đưa vào các thể của bạn loại vật chất vốn làm cho bạn có thể đứng trước Ngài. Định Luật Hấp Dẫn vĩ đại thu hút bạn đến với Ngài và không điều gì có thể chống lại Định Luật. (2-340/1)

2. Sự Lười Nhác Trí Tuệ: Việc huấn luyện thể trí có một giá trị, và nhiều người né tránh các vấn đề chuyên môn như vậy, ẩn đằng sau một sự chú trọng vào khía cạnh sự sống của chân lý, tất cả đều do một sự lười biếng về trí tuệ cố hữu. Cái mà bây giờ bạn đang nhận được chỉ là kiến thức sơ đẳng của huyền bí học. Thế nên đừng lãng phí thời gian vào việc suy diễn quá chi tiết. Tất cả những gì có thể có hiện giờ là một nét phác thảo đại cương tổng quát, là sự dè dặt đầy nhẫn nại, là một sự sẵn lòng để nhận ra những hạn chế của bộ óc vật chất và là việc chấp nhận một giả thuyết. Hãy tin những giả thuyết này là có thể có, trừ phi trực giác của bạn chống lại, hoặc là các giả thuyết có mâu thuẫn với giáo huấn trong quá khứ được đưa ra bởi Sứ Giả khác của các Sứ Giả thuộc Thánh Đoàn. Tôi không nói giáo điều (dogmatise) với bạn. Trong các chỉ dẫn này, Tôi chỉ cung cấp cho bạn một số thông tin – tính chính xác của thông tin đó Tôi để cho tương lai chứng minh. Tôi chỉ đơn giản yêu cầu bạn ghi nhận và trong những năm sắp tới, nhiều điều mà bây giờ có thể có vẻ đặc biệt hoặc thậm chí có thể mâu thuẫn, sẽ được làm sáng tỏ, được tháo gỡ từ từ, và dễ hiểu hơn. Một ít kiến thức dẫn đến nhiều lẫn lộn, trừ khi được để qua một bên cho việc vận dụng trong tương lai, khi mà những năm giảng dạy đã tăng thêm vốn kiến thức.

(4-363 / 4)

3. Đối với con người, Thiên Trí (Universal Mind) có thể được hiểu tốt nhất khi nó tự biểu lộ qua cái mà chúng ta gọi là trí cụ thể, trí trừu tượng, và trực giác hay lý trí thuần túy.

Trí cụ thể là khả năng kiến tạo hình hài. Các tư tưởng (thoughts) là các sự việc (things). Trí trừu tượng là khả năng kiến tạo mô hình (pattern), hay là thể trí làm việc với các bản thiết kế mà dựa vào đó các hình hài được lên khuôn (modelled). Trực giác hay lý trí thuần túy là khả năng giúp cho con người đi vào sự giao tiếp với Thiên Trí và hiểu được Thiên Cơ về phương diện tổng hợp, lĩnh hội được Thiên Ý hoặc tách ra một chân lý cơ bản và thuần túy nào đó. [156]

Mục tiêu của mọi công việc của một người tìm đạo là để hiểu các khía cạnh đó của thể trí mà y phải học cách làm việc với chúng. Do đó công việc của y có thể được tóm tắt như sau:

1. Y phải học cách suy tư; để phát hiện rằng y có một bộ máy được gọi là thể trí, và khám phá các năng lực và quyền năng của nó. Các điều này cũng đã được phân tích kỹ cho chúng ta trong hai quyển đầu của bộ *Yoga Sutras* của *Patanjali*.

2. Kế tiếp y phải học cách trở về với các diễn trình tư tưởng của y và các khuynh hướng tạo ra hình hài, và khám phá các ý tưởng đang nằm dưới hình-tư-tưởng thiêng liêng, tiến trình thế giới, và vì thế học cách làm việc trong sự phối hợp với thiên cơ, và làm cho việc kiến tạo hình-tư-tưởng của y phụ thuộc vào những ý tưởng này. Y phải học cách thâm nhập vào thế giới của các ý tưởng thiêng liêng này và nghiên cứu “mô hình của các sự vật trong Cõi Trời” như nó được gọi trong Kinh Thánh. Y phải bắt đầu làm việc với các bản thiết

kế mà theo đó vạn-vật hiện tồn được lên khuôn và được nắn tạo. Bây giờ y trở thành một nhà nghiên cứu thuộc trường phái biểu tượng (student-symbolist), và từ một kẻ sùng bái hình tượng, y trở thành một người theo chủ nghĩa lý tưởng thiêng liêng. Tôi sử dụng những từ này theo ý nghĩa và ngụ ý thực sự của chúng.

3. Từ chủ nghĩa lý tưởng đã được phát triển đó, y phải tiến sâu hơn nữa, cho đến khi y đi vào lĩnh vực trực giác thuần túy. Bây giờ, y có thể rút ra chân lý tại cội nguồn của nó. Y tiến nhập vào thể trí của chính Thượng Đế. Y trực cảm (intuits) cũng như lý-tưởng-hóa (idealises), và nhạy cảm với các tư tưởng thiêng liêng. Chúng làm phong phú tâm trí của y. Về sau y gọi những cái này là các khả năng trực giác, khi y thể hiện chúng ra thành các ý tưởng hoặc các lý tưởng, dựa mọi hoạt động và quản lý công việc của y vào chúng.

4. Kế đó, y đi theo công việc kiến tạo hình-tư-tưởng một cách hữu thức, được dựa trên những ý tưởng thiêng liêng này, phát ra dưới hình thức các trực giác từ Toàn-Linh-Trí (Universal Mind). Điều này tiến triển nhờ thiên định.

Mỗi đạo sinh chân chính đều biết rằng điều này bao hàm *sự định trí* để tập trung hoặc định hướng hạ trí vào thượng trí. Tạm thời thì những khuynh hướng tạo ra hình-tư-tưởng bình thường bị kiềm chế. Nhờ *thiên định*, vốn là quyền năng trí tuệ tự giữ chính nó trong ánh sáng, và trong ánh sáng đó nó sẽ trở nên ý thức về thiên cơ, y học cách để “vượt qua” (“bring through”) những khái niệm cần thiết. Nhờ *nhập định* (contemplation), y nhận thấy y có thể nhập vào sự tĩnh lặng vốn sẽ cho phép y khai thác (tap) thiên trí, cố rút tư tưởng của Thượng Đế ra khỏi tâm thức thiêng liêng (divine consciousness) và *hiểu biết*. Đây là công việc phía trước mỗi

người tìm đạo, và do đó y cần tìm hiểu bản chất của vấn đề trí tuệ của y, là các công cụ mà y nhất thiết phải làm việc với chúng, và y phải sử dụng những gì y học và có được qua việc vận dụng đúng đắn bộ máy trí tuệ đó. (4-365/6)

... Điều này sẽ được thực hiện như thế nào? Làm thế nào để đưa qua và làm thế nào để xây dựng sau này? ... (Để biết câu trả lời, xem: 4-366/74) [157]

4. Sự an trụ trí tuệ : Đòi sống nội tâm của bạn ngày càng phải được sống trên cõi trí. Thái độ tham thiền phải được duy trì một cách ổn định và không đi xuống – không phải trong vài phút mỗi sáng, hoặc vào những thời điểm cụ thể trong ngày, mà là liên tục, suốt cả ngày. Nó gợi ý một sự định hướng liên tục đến sự sống và cách xử lý cuộc sống từ góc độ của linh hồn. Điều này không đề cập đến điều thường được gọi là "quay lưng lại với thế giới". Người đệ tử đối mặt với thế giới nhưng anh ta đối mặt với nó từ cấp độ của linh hồn, nhìn với đôi mắt tinh tường thế giới của các sự vụ con người. "Trong thế giới, tuy nhiên, không thuộc về thế giới" là thái độ đúng đắn – được Đức Christ diễn tả cho chúng ta. Càng ngày, cuộc sống bình thường và mạnh mẽ của ham muốn tình cảm, cảm dục và bản chất ảo cảm, phải được kiểm soát và được làm cho yên lặng bởi sự sống của linh hồn, hoạt động thông qua thể trí. Những cảm xúc vốn bình thường duy ngã và mang tính cá nhân, phải được chuyển hóa thành những nhận thức về tính đại đồng và tính phi cá nhân; thể cảm dục phải trở thành cơ quan mà qua đó tình yêu của linh hồn có thể tuôn chảy; ham muốn phải nhường chỗ cho hoài bão, và đến lượt nó, nó phải được hòa nhập trong cuộc sống tập thể và lợi ích tập thể; ảo cảm phải nhường chỗ cho thực tại, và ánh sáng thuần khiết của thể trí phải tuôn đổ vào tất cả những nơi tăm tối của bản chất thấp. Đây là các kết quả của sự an trụ trí tuệ,

và được mang lại bởi sự thiên định kiên định và việc trau dồi thái độ thiên định. (5-50/1)

33. CHÂN NGÃ VÀ CÁC BÍ HUYỆT

1. Các trung tâm lực được tạo thành hoàn toàn bằng các dòng thần lực từ Chân ngã trút xuống, thần lực đó được Chân Ngã truyền xuống từ Chân Thần. Nơi đây chúng ta có bí mật về việc làm cho các bí huyệt rung động nhanh dần khi Chân ngã lần đầu tiên bắt đầu đi vào kiểm soát, hay hoạt động, và về sau (sau cuộc điểm đạo) thì là Chân Thần, như vậy đem lại các thay đổi và sức sống được tăng cường trong các lĩnh vực của lửa hay của lực sống tinh khiết.

Do đó, các trung tâm lực, khi vận hành một cách thích hợp, tạo thành “thể lửa” (“body of fire”), mà cuối cùng là tất cả những gì được để lại, trước tiên cho con người trong ba cõi thấp, và sau đó cho Chân Thần. Thể lửa này là “thể không thể hư hoại” (Thánh Kinh I, Cor. XV, 53) hay không thể bị huỷ hoại, như Thánh Paul đã nói, và là sản phẩm của sự tiến hoá, của sự phối hợp hoàn hảo ba loại lửa, mà sau rốt sẽ phá huỷ hình tướng. Khi sắc tướng bị [167] phá huỷ, thể tinh thần vô hình của lửa còn lại nơi đó, một ngọn lửa tinh khiết, được phân biệt bởi bảy trung tâm lực sáng chói cháy mãnh liệt hơn. Lửa điện này là kết quả của việc đem hai cực lại với nhau và biểu lộ vào lúc nhất quán hoàn toàn, là chân lý huyền bí của câu nói “Thượng Đế của chúng ta là Ngọn Lửa thiêu hủy” (Thánh Kinh Deut. IV, 24; Hebrews XII, 29).

Ba trong số các trung tâm lực này được gọi là các trung tâm lực chính yếu, vì chúng thể hiện ba trạng thái của Chân Thần tam phân – Ý chí, Bác Ái và Trí Thông Tuệ:

1. Trung tâm lực đỉnh đầu ... Chân Thần.

Ý chí hay Quyền năng.

2. Trung tâm lực ở tim Chân ngã.

Bác Ái và Minh triết

3. Trung tâm lực cổ họng Phạm ngã.

Hoạt động hay Trí Thông Tuệ

... Chúng ta phải gạt bỏ thể trí của chúng ta khỏi ý tưởng cho rằng các trung tâm lực này là các *sự vật hồng trần* (*physical things*). Chúng là các xoáy lực đang cuốn chất dĩ thái, chất cảm dục và chất trí vào một loại hoạt động nào đó. (3-166/7)

2. Thông thường trong số những người vô minh, các bí huyết được nghiên cứu đầu tiên một cách khách quan, các bài tập tâm linh được thực hiện để thực sự tạo ra cảm giác trong các bí huyết, và do đó làm cho người đó ý thức về vị trí và tính chất của chúng. Về sau, một nỗ lực được thực hiện qua thiền định để tiếp xúc với linh hồn.

Trình tự này là sai. Con người nên trở nên ý thức về các bí huyết như là một giai đoạn cuối cùng, và điều này bởi vì sự nhấn mạnh và sự đồng nhất hóa của y là với linh hồn chứ không phải với khía cạnh hình tướng, trong đó các bí huyết là một phần. Hãy cẩn thận trong mọi giáo huấn mà bạn có thể đưa ra sau này về những vấn đề này, để làm cho điểm này rõ ràng một cách thích hợp. (6-575)

3. Linh hồn bám chặt vào hai dòng năng lượng tại hai điểm tiếp xúc: dòng sự sống ở tim và dòng tâm thức ở đầu. Trạng thái tâm thức này bản thân nó có tính kếp, và cái mà chúng ta gọi là ngã thức được khai mở và hoàn thiện dần cho đến khi bí huyết Ajna, hoặc bí huyết giữa hai chân mày, được thức tỉnh. Tâm thức tập thể tiềm tàng, vốn mang sự nhận thức về Tổng Thể vĩ đại hơn, không hoạt động trong phần

lớn chu kỳ tiến hóa, cho đến khi tiến trình tích hợp đã tiến đến một mức độ mà phạm ngã đang hoạt động. Bấy giờ bí huyết đầu bắt đầu thức tỉnh và con người trở nên có ý thức theo ý nghĩa rộng hơn. Bấy giờ đầu và tim liên kết nhau, và con người tinh thần xuất hiện trong sự biểu lộ đầy đủ hơn. (15-415)

4. Bí huyết đầu là chỗ của năng lượng linh hồn, hoặc bí huyết mà qua đó con người *tinh thần*, hữu thức hoạt động. Bí huyết tim là chỗ của sự sống, của nguyên khí cao nhất vốn tự biểu lộ qua con người. (15-435)

5. Bí Huyết Tim tương ứng với "tâm của Mặt Trời" và do đó với cội nguồn tâm linh của ánh sáng và bác ái. [159]

Nó được đưa vào hoạt động sau kỳ điểm đạo thứ hai. Lần điểm đạo đó đánh dấu sự hoàn thành tiến trình mà nhờ đó bản chất xúc cảm (với tính chất dục vọng nổi bật của nó) được đưa vào dưới sự kiểm soát của linh hồn, và dục vọng của phạm ngã đã được chuyển hóa thành bác ái. Đó là cơ quan để phân phối năng lượng của Thánh Đoàn, tuân đồ xuyên qua linh hồn vào bí huyết tim của mọi kẻ tìm đạo, đệ tử và điểm đạo đồ. (17-156/7)

6. Thiên chí đã đang làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trong thế giới ngày nay, biểu thị bí huyết tim đang đi vào hoạt động, và chứng tỏ rằng bí huyết tim ở trong đầu đang bắt đầu khai mở như một kết quả của hoạt động đang tăng trưởng của bí huyết tim trên xương sống.

Đó là cơ quan phối hợp, giống như bí huyết đầu là cơ quan tổng hợp. Khi bí huyết tim trở nên hoạt động, người tìm đạo cá biệt từ từ bị rút vào một mối quan hệ ngày càng chặt chẽ hơn với linh hồn của y, và lúc bấy giờ, hai sự mở rộng tâm thức xảy ra và được y giải thích như là các biến cố hay

diễn biến:

a. Y được rút vào Đạo Viện của một trong các Chân Sư, tùy theo cung linh hồn của y, và trở thành một đệ tử nhập môn theo ý nghĩa chuyên môn. Chính Chân Sư là bí huyệt tim của Đạo Viện và giờ đây Ngài có thể vươn đến đệ tử của Ngài xuyên qua linh hồn, bởi vì đệ tử đó, nhờ sự chỉnh hợp và sự tiếp xúc, đã để cho tâm của y vào mối giao tiếp chặt chẽ với linh hồn. Bấy giờ, y trở nên đáp ứng với tâm của mọi vật, mà, trong chừng mực liên quan đến nhân loại hiện tại, vốn là Thánh Đoàn.

b. Y được rút vào mối quan hệ phụng sự chặt chẽ với nhân loại. Ý thức trách nhiệm tăng thêm của y do bởi hoạt động của bí huyệt tim, đưa y đến phụng sự và hành động. Sau rốt, y cũng trở nên trung tâm của một nhóm hoặc của một tổ chức – lúc đầu nhỏ, nhưng trở nên rộng khắp khi năng lực tinh thần của y phát triển, và y suy tư dưới dạng của nhóm và của nhân loại. Về phía y, hai mối quan hệ này có tính hỗ tương. Như thế, trạng thái bác ái của thiên tính trở nên linh hoạt trong ba cõi thấp, và bác ái được neo chặt trên địa cầu và thay thế cho cảm xúc, cho dục vọng và các trạng thái vật chất của cảm giác. Hãy lưu ý cụm từ này. (17-160/1)

7. Các bí huyệt là tác nhân trọng yếu ở cõi trần, mà qua đó linh hồn hoạt động, biểu lộ sự sống và phẩm tính, tùy trình độ tiến hóa đã đạt được, và hệ thống tuyến chỉ là một hiệu quả – chắc chắn và không thể tránh – của các bí huyệt mà linh hồn đang tác động qua đó.... Các tuyến biểu lộ đầy đủ trình độ tiến hóa của con người và tùy theo trình độ đó, chịu [160] trách nhiệm cho các khuyết điểm, và các giới hạn hoặc về các ưu điểm và các hoàn thiện đã đạt được. Hạnh kiểm và cách hành xử của con người ở cõi trần đều do bản

chất các tuyến của y chi phối, kiểm soát và định đoạt, và các tuyến này lại bị chi phối, kiểm soát và định đoạt bởi bản chất phẩm tính và sức sống động của các bí huyết. Đến phiên chúng, các bí huyết này bị chi phối, kiểm soát và định đoạt bởi linh hồn với hiệu quả ngày càng tăng theo sự tiến hóa. Trước khi được linh hồn kiểm soát, thì chúng bị chi phối phẩm định và kiểm soát bởi thể cảm dục và về sau bởi thể trí. Mục tiêu của chu kỳ tiến hóa là mang lại tiến trình kiểm soát, chi phối và định đoạt này của linh hồn. Ngày nay, con người đang ở đủ mọi giai đoạn phát triển có thể tương tượng trong tiến trình này. (17-623/4)

34. SỰ CHỈNH HỢP CỦA CHÂN NGÃ VỚI PHẠM NGÃ

1. Công việc thực sự của một Chân Ngã hay Chân Ngã Cao Siêu trong một kiếp sống chính là làm chỉnh hợp được ba thể: thể xác, thể cảm dục, và thể hạ trí (lower mind body) trong phạm vi của thể nguyên nhân và ổn cố chúng ở đây bằng một nỗ lực của ý chí. Những nhà tư tưởng lớn của nhân loại, những người tiêu biểu thực sự cho hạ trí, cơ bản đều là những người đã có ba thể ấy được chỉnh hợp; tức là những người có thể trí (mental body) đã kiềm giữ được hai thể kia trong sự chỉnh hợp thận trọng. Lúc đó, thể trí ở trong sự giao tiếp trực tiếp, thông suốt và không bị ngăn trở, thẳng xuyên tới bộ óc vật chất.

Khi sự chỉnh hợp này là gồm bốn phần, và khi ba thể nói trên điều hợp (aligned) với thể của Chân Ngã, thể nguyên nhân hay Chân Ngã Thể, và trụ vững trong chu vi của nó, bấy giờ, những lãnh tụ lớn của nhân loại – những người gây ảnh hưởng về tình cảm và trí tuệ khắp nhân loại – được thấy

hoạt động ở điều kiện đó; bây giờ, các văn sĩ dồi dào cảm hứng và những người mơ mộng có thể mang nguồn cảm hứng và những ước mơ của họ xuống cho đời; và bây giờ, các nhà tư tưởng tổng hợp và trừu tượng mới có thể chuyển những quan niệm của họ đến cõi sắc tướng. Đó là vấn đề của một vận hà (channel) thông suốt, không bị ngăn trở. Vì thế, hãy nghiên cứu trong sự liên hệ này, và khi thời gian cho phép, hãy nghiên cứu sự điều hợp (co-ordination) của thể xác, rồi tới sự điều hợp thể xác cộng với sự quân bình tình cảm, và bạn có hai thể hoạt động như một. Khi sự điều hợp lan rộng đến thể trí, con người [161] với ba hạ thể (phàm ngã) sẽ đạt đến sự giải thoát của nó, và đã trải qua nhiều lần luân hồi trong thế giới sắc tướng.

Sau đó sẽ đến trạng thái điều hợp hoàn toàn với Chân Ngã, đường vận hà sẽ thẳng suốt, ngang qua một cái phễu thông suốt (nếu Tôi có thể diễn tả nó như vậy) đến tâm thức bộ óc hồng trần. Trước khi có trạng thái này, sự trực tiếp chỉ rất hiếm hoi. Bốn trung tâm nhỏ của bộ óc đang hoạt động với sức rung động cao trong một người có phàm ngã được điều hợp cao; khi Chân Ngã gần đến sự chinh hợp với các hạ thể, thì tuyến tùng quả và tuyến yên (pineal gland and pituitary body) đang trong tiến trình phát triển; còn khi chúng hoạt động với sự tương quan (đến lúc cuộc Điểm Đạo thứ ba diễn ra) thì trung tâm thứ ba, hay bí huyết hành tủy (alta major centre), cho đến lúc này mới tăng cường sự rung động êm dịu của nó. Khi đến cuộc Điểm Đạo thứ năm, sự tác động hỗ tương giữa ba trung tâm được hoàn thiện, và việc chinh hợp của các thể được điều chỉnh theo dạng hình học; bây giờ, bạn có vị siêu nhân hoàn thiện với năm trạng thái.

Đối với người thường, sự chinh hợp này chỉ xảy ra trong một đôi khi – trong những lúc căng thẳng, trong những

giờ phút cần một nỗ lực nhân đạo, và trong những lúc đạo tâm mãnh liệt nhất. Trạng thái hườn hư (hay quan điểm trừu tượng, abstraction) ở mức độ nhiều hay ít phải nhập vào trước khi Chân Ngã liên tục chú ý đến phàm ngã. Khi sự hườn hư này bao gồm các tình cảm, được dựa vào trí tuệ (mentality) và tiếp xúc với bộ óc hồng trần thì lúc đó sự chính hợp sẽ bắt đầu.

Vì thế mới phải thực hành tham thiền, vì nó đưa đến sự hườn hư và tìm cách đánh thức ý thức trừu tượng cả ở tình cảm lẫn trí tuệ.

. . . Tư tưởng trừu tượng thật sự trở nên khả hữu chỉ khi nào Phàm ngã, do sự rung động hỗ tương với sự rung động của Chân Ngã, đã tự chính hợp đúng mức đủ để tạo thành một vận hà khá thông suốt. Bấy giờ, đôi khi những ý tưởng trừu tượng bắt đầu thấm xuống, lúc đầu thưa thớt, nhưng về sau càng thường xuyên hơn, được nối tiếp đúng thời điểm bằng những tia chớp của giác ngộ hay trực giác chân chính từ Tam Thượng Thể hay chính Chân Ngã có ba trạng thái.

SỰ ĐIỀU HỢP CỦA CHÂN NGÃ

Khi Tôi dùng từ ngữ “rung động hỗ tương”, Tôi muốn nói gì? Tôi muốn nói đến sự thích ứng của Phàm ngã đối với Chân Ngã, nói đến sự thống trị cung Phàm ngã bởi cung Chân Ngã và sự phối hợp các âm điệu (tones) của chúng. Tôi có ý nói đến sự phối hợp màu sắc nguyên thủy của Chân Ngã với màu sắc phụ thuộc của Phàm ngã cho đến khi đạt được vẻ mỹ lệ. Lúc đầu, chỉ có sự chói tai và bất hòa, một sự chọi nhau của các màu sắc, và sự tranh đấu giữa Chân Ngã và Phàm ngã. Nhưng theo thời gian, và sau đó với sự giúp đỡ của Chân Sư, sự hòa hợp của màu sắc và âm điệu được tạo ra (một vấn đề [màu sắc và âm thanh – ND] đồng nghĩa), cho

đến cuối cùng, bạn sẽ có được nốt căn bản của [162] vật chất, nốt chánh thứ ba của Phạm ngã được chinh hợp, nốt trội thứ năm của Chân Ngã, được theo sau bởi sự điều hợp hoàn toàn của Chân Thần hay Tinh Thần. (2-1/4)

2. Sự chinh hợp với Chân ngã. Điều này... chỉ có thể xảy ra với người đã đạt đến Con Đường Dự Bị, hoặc một mức độ tiến hóa rất rõ rệt nào đó. Nhờ sự hiểu biết và thực hành, năng lực này đã được hoạch đắc khi sử dụng, một cách tự động và khoa học, sutratma (hay vận hà) như một phương tiện tiếp xúc. Khi năng lực này được thêm với năng lực vận dụng dễ dàng antaskarana (là nhịp cầu giữa Tam Thượng Thể với phạm ngã), bấy giờ chúng ta có một tác nhân thừa hành mạnh mẽ của Thánh Đoàn trên cõi trần.... Trong các giai đoạn chinh hợp ban đầu, điều đó phải được mang lại nhờ sự định trí và thiền định. Về sau, khi nhịp điệu đúng đắn đã được thiết lập trong các thể, và sự thanh luyện các thể đã được theo đuổi một cách nghiêm nhặt, hoạt động kép sẽ trở nên gần như tức thời, và môn sinh lúc đó có thể chuyển sự chú ý của y vào công việc kiến tạo và truyền sinh lực một cách hữu thức; khi đó điểm tập trung của y sẽ không được dành cho việc thành đạt sự chinh hợp nữa.

Sự chinh hợp chính xác đòi hỏi,

- Sự tĩnh lặng của thể trí, hay sự rung động ổn định,
- Sự ổn định về tình cảm, đưa đến sự phản ánh rõ ràng,
- Sự thăng bằng của thể dĩ thái, tạo ra một tình trạng trong bí huyết đầu, vốn sẽ cho phép việc áp dụng trực tiếp thần lực cho bộ óc phạm trần xuyên qua bí huyết đó. (3-959/60)

3. Đối với một đệ tử, sự chinh hợp trực tiếp với Chân ngã xuyên qua các bí huyết và bộ não thể chất, là mục tiêu

của đời sống thiền định và giới luật của y. Điều này là để Thượng Đế bên trong có thể hoạt động trong tâm thức đầy đủ và nắm toàn quyền kiểm soát trên cõi trần. Như vậy, nhân loại sẽ được giúp đỡ và các mối quan tâm tập thể được đẩy mạnh. (3-1149).

4. Chúng ta hãy đơn giản hóa các vấn đề, nếu chúng ta có thể, bằng ba phát biểu rõ ràng; trong đó chúng ta sẽ tổng kết công việc mà vị đệ-tử hoàn thành, khi y đấu tranh với các năng lượng của cõi trí và khống chế (masters) chúng.

1. Hoạt động trên cõi trí (mental plane) tạo ra sự nhận thức về nhị nguyên tính (duality). Vị đệ-tử tìm cách pha trộn và hòa nhập linh hồn với hiện thể của nó và thực hiện điều này một cách có ý thức. Y tìm cách dung hợp chúng thành một sự đơn nhất (unity, nhất nguyên). Y nhắm vào sự nhận thức rằng, ngay lúc này đây, chúng là Một (ONE). Sự hợp nhất bản ngã với phi ngã là mục tiêu của y. Bước đầu tiên theo hướng này được thực hiện khi y bắt đầu chấm dứt việc đồng hóa mình với hình tượng, và nhận ra (trong thời kỳ chuyển tiếp này) rằng y là một nhị-nguyên (a duality). [163]

2. Do đó, nhờ được vận dụng đúng, thể trí trở thành một tác nhân ghi nhận hai loại năng lượng, hoặc hai trạng thái biểu lộ của Sự Sống Duy Nhất. Nó ghi lại và giải thích thế giới của các hiện tượng. Nó ghi lại và giải thích thế giới của các linh hồn. Nó nhạy cảm với ba cõi tiến hóa của con người. Nó cũng trở nên nhạy cảm với giới linh hồn. Đó là nguyên khí trung gian vĩ đại, trong thời gian chuyển tiếp này, của sự nhận thức mang tính nhị nguyên.

3. Sau này, linh hồn và khí cụ của nó trở nên hợp nhất và nhất quán đến nỗi tính nhị nguyên biến mất, và linh hồn tự biết nó là tất cả những gì đang hiện hữu, tất cả những

gì đã là, và tất cả những gì sẽ là. (4-385/6),

5. Bạn đã có thường suy nghĩ về sự chinh hợp dưới dạng tiến trình mà nhờ đó phàm ngã được đưa vào mối quan hệ với linh hồn. Điều này hoàn toàn chính xác, tuy nhiên, sự chinh hợp là một thuật ngữ mà trong thực tế bao gồm bốn quá trình:

1. Sự chinh hợp giữa linh hồn và phàm ngã, kết quả là một mối quan hệ hữu thức với Thiên Giới.

2. Sự chinh hợp của linh hồn và phàm ngã với Ashram, dẫn đến một mối quan hệ hữu thức với Chân Sư của Ashram.

3. Sự chinh hợp của điểm đạo đồ cấp cao với Tam Thượng Thể Tinh thần và kết quả do đó là sự nhận thức năng lượng Chân Thần.

4. Sự chinh hợp của tất cả các bí huyệt trong thể dĩ thái của đệ tử. Điều này dẫn đến khả năng của các bí huyệt này để ghi nhận và truyền chuyển các năng lượng đi vào cơ chế thấp như là một kết quả của ba sự chinh hợp cao được liệt kê ở trên. (6-152/3)

6. Khi phàm ngã đã đạt đến một trình độ thanh luyện, hiển dăng và giác ngộ, bấy giờ năng lực thu hút của linh hồn, có bản chất là bác ái và hiểu biết, có thể hoạt động, và sự hợp nhất của hai điều này sẽ diễn ra. (8-134)

7. Do đó, con người (từ góc độ của sự biểu lộ lực) là một khối các năng lượng xung đột và là một trung tâm linh hoạt của các lực chuyển động với một sự thay đổi về tầm quan trọng liên tục xảy ra, và với sự tập hợp của nhiều dòng năng lượng cho thấy một kính vạn hoa rắc rối của các mối quan hệ qua lại tích cực, thâm nhập vào nhau, chiến tranh nội bộ, và sự phụ thuộc lẫn nhau, cho đến khi các lực của phàm ngã (biểu tượng của sự đa dạng thiêng liêng) bị khuất phục hoặc

"bị đưa vào đường lối" bởi linh hồn vượt trội. Đó là những gì mà chúng ta thực sự muốn nói bằng việc sử dụng từ ngữ "chỉnh hợp" (alignment). Sự chỉnh hợp này đưa đến:

1. Việc linh hồn kiểm soát phạm ngã. [164]

2. Dòng năng lượng linh hồn tuôn đổ xuống, qua thể trí và thể cảm dục, vào não bộ, như thế tạo sự khuếch phục của bản chất thấp, sự thức tỉnh của ý thức não bộ với tâm thức linh hồn, và một sự chỉnh hợp mới của các thể.

3. Sự sắp xếp đúng đắn, theo loại cung, các năng lượng đang thúc đẩy và khơi hoạt một cách năng động các bí huyết vào hoạt động. Điều này cuối cùng dẫn đến một sự chỉnh hợp trực tiếp các bí huyết trên cột sống, sao cho năng lượng linh hồn có thể đi lên và xuống qua các bí huyết từ trung tâm chỉ đạo trong đầu....

Cuối cùng, cung Chân Thần nắm quyền kiểm soát, hấp thụ vào chính nó những cung của phạm ngã và linh hồn (ở cuộc điếm đạo thứ ba và thứ năm) và như vậy nhị nguyên cuối cùng và chắc chắn bị đánh bại và "chỉ còn lại *Đấng Duy Nhất*." (15-340/1)

35. SỰ TÍCH HỢP

1. Bằng *Sự Tích Hợp*, chính xác là chúng ta muốn ám chỉ điều gì? Chúng ta thường bàn tán những lời lẽ với sự nhanh nhẹn không suy nghĩ và không chính xác, nhưng, khi chúng ta đang bàn về một sự phát triển đang trở nên ngày càng phổ biến trong lĩnh vực con người, có thể có lợi cho chúng ta trong chốc lát để định nghĩa nó và tìm cách để hiểu một hoặc hai hàm ý chính của nó. Đó phải được coi là một bước cần thiết, trước khi (trong tâm thức đầy đủ và tỉnh táo) chuyển vào giới thứ năm, hoặc giới tinh thần. Chúng ta xem thể xác

như một tập hợp hoạt động của các cơ quan thể chất, mỗi cơ quan hoạt động với những nhiệm vụ và mục đích riêng của nó. Những cơ quan này, khi được kết hợp và hành động cùng nhau, chúng ta coi như cấu thành một sinh vật sống. Nhiều phần tử hình thành nên một toàn thể, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Chủ Thể Tư Tưởng hữu thức, thông minh, là linh hồn, trong chừng mực liên quan với con người. Đồng thời, hình tướng hữu thức này đang dần đi đến một điểm mà ở đó sự tích hợp thành tổng thể lớn hơn trở nên đáng mong muốn và cuối cùng được đạt đến – một lần nữa trong tâm thức tinh tảo. Tiến trình đồng hóa hữu thức này được thực hiện một cách tiệm tiến bởi sự tích hợp dần dần của thành phần vào đơn vị gia đình, quốc gia, trật tự xã hội, nền văn minh hiện nay, thế giới gồm các quốc gia, và cuối cùng đã thành chính nhân loại đó. Do đó, việc tích hợp này ở cả bản chất thể xác, và một thái độ của trí tuệ. Tâm thức của con người được khuấy động dần dần để nó nhận biết [165] mối quan hệ này của phần tử đối với tổng thể, với mối quan hệ lẫn nhau mặc nhiên của mọi bộ phận bên trong tổng thể.

Người đã thức tỉnh với tâm thức đầy đủ trong các khía cạnh khác nhau của bản thể y – tình cảm, trí tuệ và chân ngã – trước hết là nhận thức y như một phạm ngã. Ý tích hợp các thể khác nhau của y với các trạng thái tâm thức khác nhau của chúng thành một thực tại tích cực. Bấy giờ y rõ rệt là một phạm ngã và đã chuyển qua một cột mốc quan trọng trên Con Đường Hoàn Nguyên. Đây là bước quan trọng đầu tiên. Chắc chắn tiến trình tiến hóa phải khiến vượt qua biến cố phi thường này trong trường hợp của mỗi con người, nhưng nó có thể được tạo ra (và ngày càng được tạo ra như thế ngày nay) bằng một việc áp dụng trí tuệ có kế hoạch với nhiệm vụ, và một sự cân nhắc thông minh mối quan hệ của phần tử với

tổng thể. Ta sẽ nhận thấy rằng phạm ngã hoàn toàn ích kỷ, vật chất, cuối cùng sẽ đi đến tình trạng mà trong đó con người sẽ ý thức về hoạt động và năng lực được tích hợp, vì y

1. Đã phát triển và tích hợp "các bộ phận" riêng rẽ của y thành một tổng thể.

2. Đã nghiên cứu và sử dụng môi trường của y, hoặc tổng thể mà phạm ngã của y chỉ là một phần, theo một cách sao cho nó góp phần vào mong muốn của y, thành công của y, và sự xuất hiện của y vào tình trạng nổi bật. Khi làm điều này, tất nhiên y đã phải thực hiện một sự đóng góp sinh hoạt nào đó cho tổng thể, để gọi lên năng lực tích hợp của nó. Tuy nhiên, động cơ của y có mục tiêu hoàn toàn ích kỷ và vật chất, chỉ có thể mang y đi được một khoảng cách nhất định nào đó trên con đường tích hợp cao hơn.

Người có định hướng tinh thần, vị tha cũng tích hợp các khía cạnh khác nhau của y vào một tổng thể hoạt động, nhưng trọng tâm hoạt động của y là *đóng góp*, chứ không phải thu nhận, và, bằng tác động của định luật cao, là định Luật Phụng sự, y trở nên được tích hợp, không chỉ như một con người trong phạm vi của nền văn minh phổ biến, mà còn vào thế giới rộng lớn hơn và toàn diện hơn của hoạt động hữu thức mà chúng ta gọi là Thiên Giới.

Sự tiến bộ của nhân loại đi từ một sự tích hợp *được nhận thức* tới một sự tích hợp khác; tuy nhiên, tính toàn vẹn cơ bản của con người ở trong lĩnh vực tâm thức. Đây là một phát biểu quan trọng. Nói một cách không chặt chẽ và chung chung, có thể rõ ràng là

1. Trong thời Lemuria, nhân loại đã đạt tới sự tích hợp của thể dĩ thái, hay thể sinh lực, với thể xác.

2. Trong thời Atlantis, nhân loại thêm vào sự tổng hợp đã đạt được một phần khác nữa, có bản chất cảm dục, và

con người tâm thông [166] đã xuất hiện rõ rệt. Y sinh động và đồng thời nhạy cảm và đáp ứng với môi trường của y theo một ý nghĩa rộng lớn hơn và chuyên biệt hơn.

3. Ngày nay, trong giống dân Arya của chúng ta, nhân loại đang bận rộn với nhiệm vụ thêm một khía cạnh khác nữa, đó là thể trí. Thêm vào các sự kiện đã đạt được về sinh sống và nhạy cảm, y nhanh chóng bổ sung thêm lý trí, nhận thức trí tuệ và các tính chất khác của đời sống trí tuệ và tư tưởng.

4. Nhân loại tiến bộ trên Con Đường Dự Bị đang hợp nhất ba khía cạnh thiêng liêng này thành một tổng thể mà chúng ta gọi là phạm ngã. Nhiều trăm, ngàn người tại thời điểm này đứng trên Con Đường đó, và đang hành động, cảm giác, và suy nghĩ cùng một lúc, làm cho các chức năng này thành một hoạt động duy nhất. Sự tổng hợp phạm ngã này xảy ra trên Con Đường Đệ Tử, dưới sự chỉ đạo của thực thể nội tại, là con người tinh thần.

Sự kết hợp này tạo nên sự chinh hợp, và – khi một người đã đạt được điều này – cuối cùng y chuyển qua một tiến trình tái định hướng. Điều này tiết lộ cho y, khi y từ từ thay đổi hướng của y, *Tổng Thể* nhân loại còn lớn hơn nữa. Sau này, trên Con Đường Điểm Đạo, sẽ lộ dạng trên tầm nhìn của y, Tổng Thể mà chính nhân loại chỉ là một biểu lộ của nó. Đây là thế giới chủ quan của thực tại, mà chúng ta chắc chắn bắt đầu nhập vào đó khi chúng ta trở thành thành viên của Thiên Giới.

5. Trên Con Đường Dự Bị, mặc dù chỉ trong các giai đoạn về sau của nó, y bắt đầu hữu thức phụng sự nhân loại qua trung gian của phạm ngã tích hợp của y, và do đó tâm thức của Tổng Thể lớn rộng hơn dần dần thay thế tâm thức cá nhân và chia rẽ của y. Y biết y chỉ là một thành phần.

6. Trên Con Đường Đệ Tử, tiến trình tích hợp vào Thiên Giới, là Giới Linh hồn, tiếp diễn cho đến khi trải qua cuộc điểm đạo thứ ba.

Tất cả những sự tích hợp khác nhau này thể hiện thành một hình thức hoạt động rõ rệt nào đó. Đầu tiên, có việc phụng sự phạm ngã, ích kỷ và chia rẽ, trong đó con người hy sinh nhiều vào các lợi ích của ham muốn của riêng y. Rồi đến giai đoạn phụng sự nhân loại, và, cuối cùng, là việc phụng sự Thiên Cơ. (15-348/51)

2. Trên thế giới ngày nay, có nhiều phạm ngã được tích hợp thật sự. Vì linh hồn và phạm ngã được tích hợp, nên các phạm ngã này có thể bước lên Con Đường Đệ Tử Nhập Môn.
... [167]

Việc nghiên cứu và thiền định kết hợp là các nhân tố mà mọi người tìm đạo nên dùng nếu họ tìm cách tạo ra sự tích hợp cần có này và một cuộc sống phụng sự tiếp theo sau. Như vậy người tìm đạo có thể thử nghiệm cả trình độ tích hợp của y lẫn mức độ của tính chất phụng sự được tạo ra bởi sự tích hợp này. Nếu những người tìm đạo muốn nghiên cứu sự sống hồng trần của họ một cách cẩn thận, họ sẽ khám phá rằng hoặc họ đang tự động làm việc đáp ứng với các ý tưởng quy ước của cõi trần về thiện chí hay về ứng xử tử tế, hoặc họ đang làm việc bằng tình cảm vì họ thích trợ giúp, họ thích được ưa thích, họ thích làm nhẹ nỗi đau khổ (do sự thù ghét sự bất tiện mà sự đau khổ đưa đến cho họ), họ tin vào việc đi theo chân của Đức Christ, Đấng đã đi đây đó làm điều lành, hoặc vì một khuynh hướng đời sống thầm kín tự nhiên. Đây là một khai mở đầy triển vọng và chung cuộc.

Sau rốt, những người tìm đạo sẽ tìm ra (khi các giai đoạn tích hợp của thể xác và thể tình cảm đã qua), rằng có một giai

đoạn phụng sự sáng suốt đi theo sau, được thúc đẩy lúc đầu bởi lòng nhân từ, kế đó bởi sự tin chắc về tính chất thiết yếu của nó, sau đó bằng một giai đoạn có tham vọng tinh thần rõ rệt, tiếp theo bằng một sự tuân theo ngoan ngoãn gương mẫu của Thánh Đoàn, và sau rốt bằng sự hoạt động có tính chất bác ái thuần khiết. Lòng bác ái thuần khiết này tự biểu lộ ngày càng nhiều khi sự tích hợp cao hơn của linh hồn với phạm ngã tiếp diễn. Mọi giai đoạn dự định và chuyên môn này đều đứng ở vị trí riêng của chúng, chỉ chừng nào chúng có giá trị dạy dỗ, và trong khi các giai đoạn cao kế tiếp vẫn còn mơ hồ và mù mịt. Chúng trở nên sai lầm khi chúng được duy trì và được tiến hành khi giai đoạn kế tiếp được thấy rõ nhưng không được noi theo. Hãy suy gẫm về điều này. Nó có giá trị cho bạn khi nhận thức ý nghĩa thực sự của các giai đoạn tích hợp khác nhau này, được tiến hành – như bản chất của chúng – theo Luật tiến hóa.

Tất cả các bước trên con đường tích hợp dẫn đến giai đoạn tốt đỉnh mà trong đó phạm ngã – giàu về kinh nghiệm, mạnh mẽ khi biểu lộ, được tái định hướng và được hiến dâng – chỉ trở thành tác nhân trung gian của sự sống linh hồn giữa Thánh Đoàn với Nhân Loại. Một lần nữa, hãy suy gẫm về điều này. (17-509/10) [168]

36. SỰ NHẤT QUÁN, KẾT QUẢ CỦA ĐIỂM ĐẠO

Một điểm chúng ta cần phải thấu triệt là mỗi cuộc điểm đạo kế tiếp đều mang lại một sự thống nhất hoàn toàn hơn của phạm ngã và Chân Nhân, và trên các cấp độ cao hơn nữa, là với Chân Thần. Toàn bộ cuộc tiến hóa của tinh thần con người là một sự nhất quán ngày càng tăng tiến. Trong sự nhất quán (at-one-ment) giữa Chân Ngã và Phạm ngã có ẩn bí

nhệm của Thiên Chúa Giáo về sự Chuộc Tội. Một sự thống nhất xảy ra vào lúc biệt ngã hóa, khi con người trở thành một thực thể hữu thức, có lý trí, khác với loài vật. Khi cuộc tiến hóa tiếp diễn, những sự nhất quán kế tiếp nhau xảy ra.

Sự nhất quán trên mọi cấp độ – xúc cảm, trực giác, tinh thần và Thiêng liêng – cốt ở sự hoạt động liên tục, hữu thức. Trong mọi trường hợp, trước đó luôn luôn có sự đốt cháy, bởi ngọn lửa nội tâm, và sự hủy diệt, qua sự hy sinh, tất cả các yếu tố chia rẽ. Chúng ta tiến đến sự hợp nhất bằng cách hủy diệt những gì thấp thỏi, và tất cả những gì tạo thành chướng ngại. Để minh giải, hãy xét tấm mạng ngăn cách thể dĩ thái và thể tinh cảm. Khi tấm mạng này đã bị đốt cháy bởi ngọn lửa nội tại, sự liên giao giữa các thể của phàm ngã trở nên liên tục, toàn diện, và ba thể hoạt động như một. Trên các mức độ cao hơn, chúng ta cũng có tình trạng hơi tương tự, dù rằng không giống trong từng chi tiết. Cõi trực giác (bồ đề) tương ứng với cõi xúc cảm, và bốn phân cảnh cao của cõi trí tương ứng với thể dĩ thái. Việc hủy diệt thể nguyên nhân ở cuộc điểm đạo thứ tư (gọi theo khoa biểu tượng là “Thập Giá Hình”) là một tiến trình tương tự với sự đốt cháy tấm mạng, đưa đến việc thống nhất các thể của phàm ngã. Sự tan rã này là một phần của cuộc điểm đạo bậc La Hán, và đưa đến sự hợp nhất giữa Chân Nhân và Chân Thần, tự biểu lộ trong Tam Thượng Thể. Đó là sự nhất quán hoàn hảo.

Như vậy, toàn thể tiến trình này có mục đích làm cho hành giả hữu thức hợp nhất:

Thứ nhất, với chính y, và với những người đang lâm phạm với y.

Thứ hai, với Chân Ngã của y, và do đó, với mọi Chân Ngã.

Thứ ba, với Tinh thần của y, hay “Cha Trên Trời”, và

như vậy với mọi Chân Thần.

Thứ tư, với Thượng Đế, Đấng Ba trong Một và Đấng Một trong Ba.

Hành giả trở thành một con người có ý thức, nhờ phương tiện (instrumentality) của các Hỏa Tinh Quân (Lords of the Flame), qua sự hy sinh bền bỉ các Ngài. [169]

Hành giả trở thành một Chân Nhân hữu thức, với tâm thức của Chân Ngã ở cuộc điểm đạo thứ ba, nhờ phương tiện của Chân Sư và của Đức Christ, và sự hy sinh của các Ngài trong việc lấy xác phàm để giúp đỡ thế gian.

Hành giả hợp nhất với Chân Thần vào cuộc điểm đạo thứ năm, nhờ phương tiện của vị Chúa Tế Thế Gian, Đấng Trông Nom Cô Độc, Đấng Đại Hy Sinh.

Hành giả trở nên hợp nhất với Thượng Đế nhờ phương tiện của *Đấng Bất Khả Tư Nghị*. (1-18/9)

37. SỰ TIẾN HÓA TINH THẦN

1. Phương cách phát triển bao giờ cũng như nhau: – tham thiền huyền linh và việc phụng sự; đời sống tập trung ở nội tâm và cuộc sống thực hành ở ngoại cảnh; khả năng nội tâm để tiếp xúc với các cõi cao, và khả năng biểu lộ ra ngoài năng khiếu đó dưới dạng của cuộc sống thánh thiện; sự phóng quang bên trong từ Tinh Thần và sự chiếu rạng bên ngoài trước mắt mọi người. (2-273)

2. Đó là sự thành tựu tâm linh nằm ngoài trình độ thành tựu hiện tại; nó là những gì hiện thân cho linh thị, và thôi thúc con người tiếp tục hướng tới một mục tiêu cao hơn mục tiêu đã đạt được. (6-234)

3. Thời điểm đã đến khi nhịp điệu vĩ đại của việc thiên định, đi từ sự ham muốn, qua sự cầu nguyện, đến sự thờ

kính, và từ đó đến thiên định và thỉnh nguyện, có thể được áp đặt bởi con người lên việc tư duy của họ.

Đây là nhiệm vụ trước mắt của Đoàn Người Mới Phụng sự Thế Gian, hợp tác ở khắp nơi với những người thiện chí; mỗi thành viên của Nhóm Mới phải xác định xem y đứng ở đâu, trách nhiệm thiên định của y nằm ở đâu, và vận mệnh biểu thị lĩnh vực nào mà việc phụng sự của y đối với nhân loại phải được tìm thấy. Đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng, huynh đệ của tôi. Con người thường rất có tham vọng về mặt tinh thần và lãng phí thời gian của họ để làm những gì không phải là nhiệm vụ đã định của họ vì khi làm như vậy họ thỏa mãn niềm tự cao tinh thần của họ. (6-255)

4. Bởi vì các đệ tử và các điểm đạo đồ cao cấp đã đạt tới một mục tiêu mà dường như từ lâu không thể đạt được đối với những người chí nguyện trung bình, nên người ta cho rằng họ đã thành tựu; thực tế là họ chỉ mới vượt qua một cột mốc trên Con Đường Chí Phúc vô tận bị lãng quên hoàn toàn. Nhưng, do [170] sự thôi thúc của chính cuộc sống, sự tiến bộ luôn luôn tiếp tục; kiến thức phải luôn luôn được chuyển hóa thành minh triết; bác ái phải luôn luôn đi kèm với ý chí thiêng liêng; việc hoạch định phải luôn luôn nhường chỗ cho mục đích thiêng liêng; ánh sáng phải luôn luôn được kể tục bởi sự sống; từ Thánh Đoàn, điểm đạo đồ phải chuyển qua Shamballa, và từ Shamballa, y sẽ đi theo một trong bảy Thánh Đạo; Con Đường Tiến Hóa nhường chỗ cho Con Đường Tiến Hóa Cao Siêu; những nhận thức về hành tinh cuối cùng mở rộng vào những sự tiếp xúc với thái dương hệ; tâm thức Christ cuối cùng khai mở thành một cái gì đó bao gồm tất cả mà cho đến nay chúng ta không có từ nào cho nó, hoặc bất kỳ nhu cầu từ ngữ nào; sự nhận thức về Cha và về

sự sống Chân Thần làm cho mọi nhận thức thấp kém hơn mờ đi, và tâm thức linh hồn và sự sống phát triển không ngừng trong hình tướng không còn là các mục tiêu, mà bị bỏ lại xa ở phía sau.

Bất chấp tất cả những điều này, cần phải nhớ rằng việc hoạch đắc mọi kinh nghiệm vẫn còn mãi mãi, không có gì bị mất đi bao giờ; những gì mà sự sống trong hình tướng đã trao tặng vẫn thuộc sở hữu của thực thể tinh thần bất tử; những gì mà tâm thức linh hồn đã bao bọc và bao gồm vẫn là tài năng thiên phú dồi dào của Bản thể, giờ đây được tập trung ở Chân Thần; kinh nghiệm Thánh Đoàn được hợp nhất vào các mục đích của Phòng Hội đồng tại Shamballa, nhưng khả năng làm việc trong Thánh Đoàn luôn luôn tồn tại vì cấu tạo và thể chế Thánh Đoàn qui định mọi sự biểu lộ – điều này là do lý do gì thì không ai biết, nhưng Thiên Ý là thế. (13-559/60)

5. Nó khiến cho chính linh hồn tiết lộ cho thể trí điềm đạm và an bình bước tiếp theo cần được thực hiện trong công cuộc tiến hóa của thế giới, qua việc truyền đạt các ý tưởng. Đó là Thiên Cơ dành cho nhân loại. (15-136)

(a) Con Người

1. Chúng ta có thể xem xét tiểu thiên địa, hay là con người đang tiến hoá trong ba cõi thấp. Con người là sản phẩm của sự tiến gần lại (hiện còn bất toàn) của hai cực là Tinh Thần (Cha trên Trời) và vật chất (Mẹ). Kết quả của sự phối hợp này là một Đấng Con của Thượng Đế được cá biệt hóa, hay là đơn vị Linh Ngã (divine Self) một mô phỏng thu nhỏ chính xác trên cõi thấp nhất của Con vĩ đại của Thượng Đế, là Toàn Ngã (All-Self), mà trong chính Ngài là tổng thể

của tất cả đũa con thu nhỏ, của tất cả Bản Ngã đã được cá biệt hoá, và của mỗi và mọi đơn vị. Tiểu thiên địa, được diễn tả theo các thuật ngữ khác hay theo quan điểm chủ quan, là một mặt trời thu nhỏ, được phân biệt bằng các tính chất của nhiệt và ánh sáng. Hiện tại, ánh sáng đó bị che khuất (“under the bushel”), hay bị che lấp sâu dưới một màn vật chất, nhưng vào đúng tiến trình tiến hoá, nó sẽ toả chiếu đến mức mà các bức màn sẽ không còn được thấy trong một ánh sáng chói cực kỳ rực rỡ. Hiện nay, nhiệt của tiểu thiên địa còn ở mức độ nhỏ, hay là bức xạ từ điển giữa các đơn vị tiểu thiên địa chỉ được *cảm nhận* yếu ớt (theo ý nghĩa huyền bí của [171] thuật ngữ này), nhưng theo thời gian tiến triển, các bức xạ nhiệt, – do sự mạnh lên của ngọn lửa bên trong, cùng với bức xạ được đồng hoá của các đơn vị khác – sẽ gia tăng, và trở nên có quy mô lớn đến nỗi tác động hỗ tương giữa các Bản Ngã được cá biệt hoá sẽ đưa đến kết quả là một sự phối hợp tiến tới sự hoàn thiện của ngọn lửa bên trong mỗi Bản Ngã, và một sự hòa trộn của nhiệt; điều này sẽ tiếp diễn cho đến khi có “một ngọn lửa với vô số tia lửa” bên trong nó, cho đến khi nhiệt trở nên phổ biến và ổn định. Khi trường hợp này xảy ra, và mỗi Con của Thượng Đế là một Mặt Trời hoàn thiện, được đặc trưng bởi ánh sáng và nhiệt được biểu lộ một cách hoàn hảo, lúc bấy giờ toàn thể Thái dương hệ, tức Con vĩ đại hơn của Thượng Đế, sẽ là Mặt Trời toàn bích. (3-228/9)

2. Trong chu kỳ sống của một người, y biểu lộ những gì có trong y vào giai đoạn đặc biệt của mình, và phát triển dần dần từ giai đoạn của thời kỳ tiền sinh (ante-natal period) trong đó Bản Ngã ứng linh (overshadow) trạng thái vật chất, cho đến thời kỳ mà trong đó Chân Ngã sở hữu hoàn toàn hình tướng đã được chuẩn bị. Giai đoạn này thay đổi theo

mỗi cá nhân. Từ lúc đó, dựa trên ngã thức đầy đủ được tìm kiếm, và con người (nếu tiếp tục một cách bình thường) tự biểu lộ thông qua hình tướng ngày càng thích hợp hơn. Mỗi kiếp sống của chu kỳ nhỏ trong đại chu kỳ của Chân Ngã hay Bản Ngã nhìn thấy sự biểu lộ đó đầy đủ hơn, càng kiểm soát hình tướng nhiều hơn, và phát triển một nhận thức hữu thức về Bản Ngã, cho tới khi đến một chu kỳ cực điểm của các kiếp sống, trong đó Bản Ngã bên trong thống trị nhanh chóng, và có đầy đủ quyền lực. Hình tướng trở nên hoàn toàn thích ứng; sự hợp nhất 2 cực Tinh Thần và vật chất được xảy ra đầy đủ; và ánh sáng (lửa) và nhiệt (bức xạ) được nhìn thấy và được cảm nhận một cách có hệ thống. Lúc bấy giờ, hình tướng hoặc là được vận dụng một cách hữu thức cho các mục đích đặc biệt, hoặc là bị bỏ trống, và con người được giải thoát. (3-231)

3. Trong bản thể cốt yếu, con người là Tam Thượng Thể đang thể hiện qua một hình tướng đang tiến hoá dần dần, là chân ngã thể hay thể nguyên nhân, và đang sử dụng phạm ngã tam phân như một phương tiện để tiếp xúc với ba cõi thấp. Tất cả điều này đều có mục đích phát triển ngã thức hoàn hảo. (3-260/1)

4. Con người có thể được định nghĩa như là một đơn vị của sự sống hữu thức, bị cuốn vào sự biểu lộ hữu hình qua tình thương sáng suốt của Thượng Đế. Qua các kinh nghiệm sống của y, con người thấy vô số lựa chọn hiện ra với mình, các lựa chọn này dần dần chuyển từ lĩnh vực hữu hình sang lĩnh vực vô hình. Khi con người thu hút, hoặc bị thu hút bởi sự sống của môi trường chung quanh y, y ngày càng trở nên ý thức một loạt các giá trị thay đổi, cho đến khi y đạt đến mức độ trong sự phát triển của y, khi lực kéo hay hấp dẫn từ

điện của thế giới bên trong và các thực tại trí tuệ vô hình và tinh thần trở nên mạnh mẽ hơn [172] các yếu tố mà cho đến nay đã tiếp tục cám dỗ y. Ý thức của y về các giá trị không còn bị quyết định bởi:

1. Sự thỏa mãn của bản chất bản năng động vật của y.
2. Thể cảm dục của y đòi hỏi các ham muốn thuộc loại tình cảm và cảm xúc nhiều hơn.
3. Sức lôi cuốn và các vui thích có bản chất trí tuệ và các khao khát trí tuệ.

Y trở nên bị thu hút mạnh mẽ bởi linh hồn của mình, và điều này tạo ra một cuộc cách mạng phi thường trong toàn bộ kiếp sống của y, khi xem xét từ ngữ “cách mạng” (“revolution”) theo ý nghĩa đích thực của nó, là một sự quay ngược hoàn toàn. Cuộc cách mạng này hiện đang xảy ra, trên một qui mô chung trong đời sống của các cá nhân trên thế giới, đến nỗi nó trở thành một trong các yếu tố chính đang tạo ra sức mạnh hiện nay của các ý tưởng thực nghiệm trong thế giới của thời hiện đại. Mạnh lực thu hút của linh hồn tăng trưởng đều đặn, còn sức lôi kéo của phạm ngã yếu đi cũng đều đặn. Mọi điều này đã được mang lại bởi tiến trình thử nghiệm, dẫn đến kinh nghiệm; bởi kinh nghiệm, dẫn đến việc vận dụng khôn ngoan hơn các sức mạnh của phạm ngã; bằng một sự đánh giá ngày càng tăng về một thế giới chân thực hơn của các giá trị và của thực tại, và bằng một nỗ lực về phía con người để đồng nhất hóa chính mình với thế giới của các giá trị tinh thần chứ không phải thế giới của các giá trị vật chất. Thế giới của ý nghĩa và của các nguyên nhân dần dần trở nên thế giới mà trong đó y tìm thấy hạnh phúc, và sự chọn lựa của y đối với các quan tâm chính yếu của y, và việc sử dụng mà y quyết định dành thời gian và các năng lực của y cho nó, cuối cùng bị chi phối bởi các giá trị tinh thần đích

thực hơn. Bấy giờ y ở trên con đường giác ngộ. (14-339/40)

(b) Việc Bước Lên Đường Đạo Mỏng Như Lưỡi Dao Cạo

1. Không ảo cảm, không ảo tưởng nào có thể lưu giữ lâu dài một người đã tự đặt mình vào nhiệm vụ bước trên Con Đường Đạo mỏng như lưỡi dao cạo dẫn qua vùng hoang dã, xuyên qua rừng cây rậm rạp, băng qua vùng nước sâu của đau buồn và khốn khổ, xuyên qua thung lũng của sự hy sinh và vượt qua các ngọn núi của linh-thị đến cửa Giải Thoát. Đôi lúc y có thể đi vào trong bóng tối (và ảo giác của bóng tối thì rất thực); đôi khi y có thể du hành trong một ánh sáng quá chói lọi và gây bối rối đến nỗi y hầu như không thể thấy con đường phía trước; y có thể biết những gì gây mất niềm tin trên Thánh Đạo, và gục xuống dưới sự mệt mỏi do phụng sự và do sự bất hòa; y có thể tạm thời chệch hướng và đi lang thang xuống con đường nhánh của tham vọng, của tư lợi và của quyến rũ vật chất, nhưng sự sa ngã sẽ chỉ ngăn ngui thôi. Không có gì trong thiên đàng hoặc địa ngục, trên trần thế hoặc nơi nào khác có thể ngăn chặn sự tiến bộ của người đã tỉnh thức trước ảo tưởng, đã thoảng thấy được thực tại bên kia ảo cảm của [173] cõi cảm dục, và đã nghe, mặc dù chỉ một lần, tiếng kêu gọi thúc giục của chính linh hồn mình. (4-223)

2. Các đạo sinh được yêu cầu đối phó một cách quyết liệt và mạnh mẽ với các bản chất tình cảm của mình, nhớ rằng chiến thắng từ bên trên đi xuống, và không thể được đạt tới từ bên dưới. Linh hồn *phải* nắm quyền và khí cụ của linh hồn trong cuộc chiến là thể trí được tôn phong.

Thật là lý thú khi ghi nhận trình tự huyền bí trong cách mô tả được dành cho cõi này trong qui luật đang xem xét.

Trước tiên, đây là cõi của các lực kép. Điều đầu tiên mà người tìm đạo bắt đầu ý thức được là tính chất lưỡng nguyên.

Người ít tiến hóa ý thức về sự tổng hợp, nhưng đó là sự tổng hợp của bản thể vật chất của y. Người phát triển cao về tinh thần cũng biết về sự tổng hợp nhưng đó là sự tổng hợp trong linh hồn của mình, mà tâm thức của linh hồn là tâm thức về hợp nhất. Nhưng ở giữa là người tìm đạo khốn khổ, có ý thức về nhị nguyên trên mọi thứ khác, và bị kéo qua lại giữa hai bên. Bước đầu tiên của y, đối với mục tiêu của bước đó, phải làm cho y ý thức về các cặp đối ứng và về việc cần thiết để lựa chọn giữa chúng. Nhờ ánh sáng mà y đã phát hiện ra trong bản thân mình, y bắt đầu biết được bóng tối. Nhờ điều thiện hảo vốn thu hút y, y thấy được điều sai trái, mà đối với y, là đường lối ít đối kháng nhất. Nhờ sự hoạt động của khổ đau, y có thể hình dung và biết được lạc thú, và thiên đường và địa ngục trở thành các thực tại đối với y. Nhờ hoạt động của sự sống thu hút của linh hồn y, y nhận ra sự thu hút của vật chất và của hình hài, và bị buộc phải nhận ra sự thôi thúc và sức lôi kéo của cả hai. Y học cách để cảm thấy bản thân y như “treo lung chùng giữa hai lực vĩ đại”, và, một khi các lưỡng nguyên được hiểu rõ, nó hé lộ cho y một cách từ từ và chắc chắn rằng yếu tố quyết định trong cuộc đấu tranh là ý chí thiêng liêng của y, ngược lại với ý muốn ích kỷ của y. Do đó, các mãnh lực kép giữ vai trò của chúng cho đến khi người ta thấy chúng như hai dòng năng lượng thiêng liêng vĩ đại, đang kéo theo các hướng ngược nhau, và lúc đó y bắt đầu biết về hai con đường, đã được đề cập trong qui luật của chúng ta. Một con đường dẫn trở lại vào vùng đất âm đạm của sự tái sinh, còn đường kia dẫn xuyên qua cánh cửa vàng đến thành phố của những linh hồn giải thoát. Do đó một con đường thuộc về sự giáng hạ tiến hóa và lôi cuốn y vào vật chất sâu thẳm nhất; còn đường kia thì dẫn y ra khỏi bản chất xác thân, và cuối cùng làm cho y ý thức về thể tinh thần của

mình, qua đó mà y có thể hoạt động trong giới linh hồn. Về sau, (khi y trở thành một đệ-tử thật sự và hữu thể) y biết một con đường là tả đạo (left hand path), còn đường kia là con đường của sự hoạt động chân chính. Trên một con đường, y trở nên thành thạo trong hắc thuật, vốn chỉ là các quyền năng được phát triển của kẻ phạm nhân, bị lệ thuộc vào các mục đích ích kỷ của một người mà các động cơ của y là nhằm vào tính tư lợi và tham vọng trần tục. Các điều này giam hãm y vào ba cõi thấp và đóng lại cánh cửa vốn [174] mở vào sự sống. Trên con đường kia, y hạ thấp tầm quan trọng của phạm ngã của y và thực hành huyền thuật của Thánh Đoàn (White Brotherhood), luôn luôn hoạt động trong ánh sáng của linh hồn, hoạt động cùng với linh hồn trong mọi hình tướng, và không đặt tầm quan trọng vào những tham vọng của bản ngã cá nhân. Sự phân biệt rõ ràng về hai con đường này tiết lộ những gì mà một số sách huyền linh học gọi là “Thánh Đạo hẹp như lưỡi dao cạo” vốn nằm giữa hai con đường. Đây là “Bát Chánh Đạo” của Đức Phật, nó đánh dấu đường ranh giới mong manh giữa các cặp đối ứng và giữa hai hướng chuyển động mà y đã học được cách nhận ra – một hướng đi lên đến cổng thiên đàng, còn hướng kia đi xuống vào trong địa ngục tận cùng bên dưới. (4-228/9)

(c) Sự Phát Triển Của Con Người

1. Sự phát triển của con người chỉ là chuyển từ một trạng thái tâm thức này sang một trạng thái khác. Đó là một loạt những sự mở rộng, một sự tăng trưởng khả năng *ý thức* vốn là đặc tính quan trọng nhất của Chủ Thể Tư Tưởng nội tâm. Đó là sự tiến triển từ mức tâm thức được an trụ trong phạm ngã, bản ngã thấp, hay con người, đến mức tâm thức được an trụ vào Chân Ngã, Chân Nhân, hay linh hồn, rồi đến

một sự an trụ vào Chân Thần, hay Tinh thần, mãi cho đến cuối cùng là tâm thức Thiêng Liêng. Trong quá trình phát triển của con người, trước hết, năng lực ý thức mở rộng vượt qua những giới hạn giữ nó lại trong các giới thấp của thiên nhiên (khoáng chất, thực vật, và động vật), đến ba cõi tiến hóa của của phàm ngã, đến hành tinh mà y có vai trò trong đó, rồi đến thái dương hệ mà hành tinh này quay trong đó, cho đến cuối cùng nó vượt khỏi chính thái dương hệ và trở thành tâm thức vũ trụ. (1-7/8)

2. Qua một thời kỳ dài gồm nhiều kiếp sống, Chân Ngã vẫn hầu như ý thức về Phàm Ngã. Sự liên kết từ lực vẫn tồn tại, nhưng tất cả chỉ có vậy, cho đến thời kỳ mà cuộc sống Phàm Ngã đạt đến một mức mà nó có một chút gì đó để thêm vào dung tích của thể nguyên nhân – một thể lúc đầu nhỏ bé, không màu sắc và tầm thường. Nhưng ngày giờ đến khi các viên đá được làm cho hoàn hảo lần đầu tiên từ mỏ đá của cuộc sống Phàm Ngã, và các màu sắc đầu tiên được vẽ vào thể nguyên nhân bởi con người, nhà xây dựng và nhà nghệ sĩ. Lúc bấy giờ, Chân Ngã mới bắt đầu chú ý đến Phàm Ngã, lúc đầu rất hiếm khi, nhưng với tần suất tăng dần, cho đến khi các kiếp sống thay đổi hẳn, trong đó Chân Ngã tác động rõ rệt vào việc chinh phục Phàm Ngã, vào việc mở rộng vận hà thông thương, và vào việc truyền đến ý thức não bộ của thể xác sự kiện về sự tồn tại của Chân Ngã và mục tiêu hiện hữu của nó. Một khi việc này được hoàn tất, và ngọn lửa nội tại tự do hơn trong lối đi của nó, các kiếp sống khi đó được dành cho việc củng cố ấn tượng đó, và cho việc làm cho ý thức nội tại đó (của Chân Ngã) thành một phần [175] của cuộc sống hữu thức (trong thân xác – ND). Ngọn lửa tỏa chiếu xuống ngày càng nhiều hơn cho đến khi các hiện thể

khác nhau dần dần sắp thành hàng (chính hợp), và con người ở trên Con Đường Dự Bị. Y vẫn chưa biết biết về những gì đang nằm phía trước, mà chỉ ý thức về một ước vọng mãnh liệt và nồng nhiệt, và về các khao khát thiêng liêng bẩm sinh. Y hăm hở làm lành, khát khao hiểu biết, và luôn mơ tưởng đến một người hay một điều nào đó cao cả hơn y. Tất cả việc này dựa vào một niềm tin sâu sắc rằng trong việc phụng sự nhân loại, mục tiêu mơ ước sẽ thành đạt, viễn ảnh sẽ thành sự thật, niềm khao khát sẽ kết trái thành sự toại nguyện, và nguyện vọng sẽ hòa chung vào sự quyết tâm.

Đại Đoàn Chương Giáo bắt đầu hành động và việc dạy dỗ được tiến hành như đã nói trước đây ... Mãi cho đến bây giờ, các Huấn Sư đã chỉ trông chừng và hướng dẫn chứ không có liên hệ rõ ràng với Phạm Ngã; mọi sự đã được để cho Chân Ngã và thiên tính của sự sống tiến hành kế hoạch, còn sự chú ý của Chân Sư được hướng đến Chân Ngã trên cõi riêng của nó. Chân Ngã dồn mọi nỗ lực để đẩy nhanh sự rung động, và để bắt buộc các hạ thể thường bất tri đáp ứng và vượt lên đến lực tăng trưởng nhanh chóng. Đây phần lớn là vấn đề của lửa hay sức nóng được tăng thêm, và sự tăng cường tương ứng khả năng rung động. Ngọn lửa Chân Ngã luôn luôn bùng lớn hơn cho đến khi công việc hoàn tất và ngọn lửa tinh luyện trở thành Ánh Sáng Giác Ngộ. Hãy suy gẫm về câu này. Trên sao dưới vậy; trên mỗi nấc thang, tiến trình được lặp lại; ở cuộc điểm đạo thứ ba, Chân Thần bắt đầu ý thức đến Chân Ngã. Công việc lúc này được tiến hành nhanh hơn do bởi tính vật chất ít đi và do bởi sự thật rằng sự cản trở là một nhân tố trong ba cõi thấp chứ không ở đâu khác.

Kể từ đây, sự đau khổ không còn đối với vị Chân Sư. Đó là sự đau khổ như chúng ta biết ở cõi trần, vốn phần lớn là sự

đau khổ trong vật chất. Sự đau khổ ẩn mình trong sự nhận thức, không phải trong sự cản trở, được cảm nhận đối với những chu kỳ tiến hóa cao nhất, vâng, nó lên tận Thượng Đế. Nhưng đây là việc ngoài đề rồi và hầu như không thể hiểu được đối với bạn, là những người còn bị vật chất ngăn trở....

Chân Ngã tìm cách thực hiện mục đích mong muốn theo ba cách:

1.- Bằng công việc xác định trên các phân cảnh trừu tượng. Chân Ngã mong muốn tiếp xúc và bao bọc vi tử thường tồn (thượng trí – ND), là sự tiếp cận trực tiếp đầu tiên đến Tam Thượng Thế.

2.- Bằng công việc xác định trên màu sắc và âm thanh với mục tiêu trước mắt là việc kích thích và làm sống động (thể nguyên nhân – ND), như thế, làm việc trong các nhóm và dưới sự hướng dẫn của Chân Sư.

Bằng các nỗ lực thường xuyên để hoàn toàn kiểm soát Phạm ngã, là một việc không thích thú đối với Chân Ngã, mà khuynh hướng (của Chân Ngã) là vẫn cứ bằng lòng với sự ý thức và ước vọng trên cõi riêng của nó. Đừng quên rằng, bản thân Chân Ngã cũng có điều gì đó để phấn đấu vượt qua. Sự từ chối luân hồi không chỉ được thấy ở các phân cảnh tinh thần (cõi Chân Thần) mà cũng được thấy trên cõi của Chân Ngã. (2-35/7)

3. Những linh hồn, đi vòng quanh qua các hình thức khác nhau của sự sống trong tiến trình tiến hóa lâu dài, cuối cùng đạt tới sự hoàn mãn đầy đủ, sự tồn tại hữu ngã thức. Bằng điều này chúng ta có ý nói rằng họ tự quyết định, tự qui định và tự nhận thức. Họ cũng ý thức và đáp ứng với môi trường của họ.

Một khi sự nhận thức hữu thức này đạt được, khi đó sự

tiến bộ trở nên nhanh chóng hơn. Nên nhớ rằng nhiều người không nhận thức được như vậy. Việc phân nhóm phát sinh ra từ việc nhận thức này (giới hạn những ý tưởng của chúng ta hoàn toàn với những người trong giới gia đình nhân loại) có thể được thể hiện như sau: -

1. Các linh hồn sống nhưng có tâm thức ngủ. Những người này là những người đang ngủ mà trí năng của họ thuộc một loại thấp, và ý thức của họ về bản thân và sự sống là rất lơ mơ và mơ hồ, đến nỗi chỉ có những hình thức thấp kém nhất của sự sống con người đi vào thể loại này. Có đặc trưng chủng tộc, quốc gia, và bộ lạc, họ không tồn tại như những loại người thuần khiết, nhưng đôi khi một người như vậy xuất hiện trong khu ổ chuột của những thành phố lớn của chúng ta. Họ giống như một "sự giật lùi" và không bao giờ xuất hiện giữa những gì được gọi là những người man dã tự nhiên, hoặc giới nông dân.

2. Những linh hồn vốn chỉ ý thức về sự sống ở cõi trần và về cảm giác. Những người này chậm chạp, trì trệ, không nói được, bị bối rối bởi môi trường chung quanh họ, nhưng họ không bối rối, như những loại người tiến bộ và tinh cảm hơn, bởi những biến cố. Họ không có cảm giác về thời gian hoặc về mục đích, họ ít khi có thể được huấn luyện theo bất kỳ đường lối trí tuệ nào, và họ rất hiếm khi biểu lộ kỹ năng thuộc bất kỳ chiều hướng nào. Họ có thể cuốc đất và khâu vá, dưới sự chỉ đạo; họ ăn, ngủ và sinh sản, tuân theo những bản năng tự nhiên của thể xác động vật. Tuy nhiên, về mặt tình cảm thì họ đang ngủ, và về mặt trí tuệ thì họ hoàn toàn chưa thức tỉnh. Những người này cũng tương đối hiếm, mặc dù vài ngàn người trong số họ có thể được tìm thấy trên hành tinh của chúng ta. Họ có thể được nhận ra qua sự hoàn toàn không có khả năng của họ để đáp ứng với việc đào tạo về

tình cảm và trí tuệ và văn hóa.

3. Các linh hồn đang bắt đầu tích hợp và sống động về mặt tình cảm và thông linh. Dĩ nhiên, ở họ, bản chất động vật thức tỉnh và bản chất dục vọng đang trở nên cực kỳ phát triển. Những người này sẽ được nhận thấy trong mọi giống dân ở một mức độ nhỏ, và một số họ có thể được tìm thấy trong những người da đen, chủng tộc này chứa một số lớn những người mà ngày nay tương đối trẻ con. Những người này là những linh hồn trẻ thơ, và mặc dù có khí cụ trí tuệ và một số họ có thể được huấn luyện để sử dụng nó, [177] sự chú trọng về đời sống hoàn toàn dựa trên hoạt động thể chất khi nó được thúc đẩy bởi ham muốn thỏa mãn thuộc loại nào đó, và bởi sự muốn sống nông cạn hay bản chất dục vọng, hầu như hoàn toàn được định hướng vào đời sống vật chất. Những linh hồn này đều là những tương ứng hiện đại đối với các nền văn hóa Lemuria cổ.

4. Các linh hồn chủ yếu thuộc về tình cảm. Bản chất trí tuệ không hoạt động mạnh mẽ, và nó chỉ hiếm khi chuyển vào hoạt động, và thể xác đang trượt dần dần vào lĩnh vực vô thức. Trong mỗi giống dân và quốc gia có hàng triệu linh hồn như vậy đang tồn tại. Họ có thể được xem như là những người Atlantis hiện đại.

5. Các linh hồn hiện nay thuộc loại người thông minh, có khả năng ứng dụng trí tuệ nếu được đào tạo, và cho thấy họ có thể suy nghĩ khi cần thiết. Tuy nhiên họ chủ yếu vẫn là tình cảm. Họ tạo thành phần lớn nhân loại hiện đại ở thời điểm này. Họ là các công dân trung bình của thế giới hiện đại của chúng ta, – giỏi, có thiện ý, có khả năng hoạt động tình cảm mãnh liệt, với bản chất xúc cảm hầu như quá phát triển, và dao động giữa sự sống của các giác quan và sự sống của thể trí. Họ dao động giữa các cực của kinh nghiệm.

Cuộc sống của họ được tiêu phí vào một sự rối loạn cảm dục, nhưng họ có những thời gian chuyển tiếp đang gia tăng, trong đó thể trí trong giây lát có thể làm cho bản thân nó được cảm thấy, và như thế thực hiện những quyết định quan trọng cần thiết. Đây là những người tốt, dễ thương, tuy nhiên, bị kiểm soát phần lớn bởi tâm thức quần chúng, vì họ tương đối thiếu suy nghĩ. Họ có thể được đưa vào đoàn thể và được chuẩn hóa dễ dàng bởi tôn giáo chính thống và chính phủ, họ là những "con chiên" của gia đình nhân loại.

6. Các linh hồn suy tư, và là những thể trí. Những người này ngày càng tăng đều đặn về số lượng và có được quyền lực khi các tiến trình giáo dục của chúng ta và các khám phá khoa học của chúng ta mang lại những kết quả, và mở rộng nhận thức của con người. Họ tạo thành tinh hoa của gia đình nhân loại, và là những người đang đạt được thành công trong một bộ môn nào đó của đời sống con người. Họ là các nhà văn, nghệ sĩ, nhà tư tưởng trong các lĩnh vực khác nhau của kiến thức và nguyện vọng của con người, các chính trị gia, các nhà lãnh đạo tôn giáo, nhà khoa học, công nhân lành nghề và nghệ nhân, và tất cả những ai, mặc dù ở hàng ngũ phía trước, tuy nhiên, lấy những ý tưởng và những gợi ý, và làm việc với họ vì lợi ích tối hậu của gia đình nhân loại. Họ là những người tìm đạo trên thế gian, và là những người đang bắt đầu đưa lý tưởng phụng sự vào tâm thức của họ.

7. Những linh hồn có ý thức nhận biết trên cõi trần hiện nay có một phẩm cấp đến nỗi họ có thể chuyển tới Con Đường Dự Bị. Họ [178] là các thần bí gia, có ý thức về nhị nguyên, bị giảng xé giữa các cặp đối lập, nhưng chưa thể thanh thản cho đến khi họ được an trú vào linh hồn. Đây là những người đang đấu tranh, nhạy cảm, mong mỏi được giải thoát khỏi tình trạng không thích hợp và khỏi sự hiện tồn

trong thế giới ngày nay. Các bản chất trí tuệ của họ sống động và tích cực nhưng họ vẫn chưa thể kiểm soát chúng như họ muốn, và sự giác ngộ cao siêu cho đến nay vẫn còn là một niềm hy vọng vui tươi và triển vọng cuối cùng.

8. Những linh hồn có trí thông minh và bản chất bác ái đang trở nên thức tỉnh và được tích hợp đến nỗi họ có thể bắt đầu đặt chân lên Con Đường Đệ Tử. Họ là các nhà thần bí thực tế, hoặc các nhà huyền bí, của thời hiện đại.

9. Những linh hồn được kết nạp vào những bí pháp của Thiên Giới. Những người này là những linh hồn không chỉ ý thức về các hiện thể biểu lộ của họ, là phàm ngã hội nhập, mà cũng ý thức về bản thân họ là những linh hồn, nhưng họ còn biết, vượt qua mọi tranh cãi, là không có việc như là "linh hồn của tôi và linh hồn của anh", mà chỉ là "Đại Hồn". Họ biết điều này không chỉ như là một định đề trí tuệ, mà như là một thực tại được cảm nhận, nhưng cũng là một thực tế trong tâm thức riêng của họ.

10. Các linh hồn đã đạt được sự giải thoát khỏi tất cả những giới hạn của bản chất sắc tướng và an trú vĩnh viễn trong tâm thức của Linh Hồn Duy Nhất, được rút ra khỏi sự đồng nhất hóa với bất cứ khát vọng nào của sự sống sắc tướng, chco dù phát triển cao như thế nào. Các Ngài có thể và vẫn sử dụng hình tướng tùy ý cho các mục đích công ích chung. Những người này là những Chân Sư của Sự Sống, những vị adepts hoàn thiện. (15-203/7)

4. Sự sống của một phàm ngã được chia thành các giai đoạn sau:

1. Sự cấu tạo của nó chậm chạp và từ từ qua một thời gian dài. Trong nhiều chu kỳ luân hồi, một người không phải là một phàm ngã. Y chỉ là một thành viên của đám đông

(mass).

2. Sự đồng nhất hóa hữu thức của linh hồn với phàm ngã, giai đoạn này gần như không có. Trạng thái của linh hồn được che giấu bên trong các lớp vỏ trong một thời gian rất dài, bị chi phối bởi sự sống của các lớp vỏ này, chỉ làm cho sự hiện hữu của nó được cảm nhận qua những gì được gọi là “tiếng nói của lương tâm”. Tuy nhiên, khi thời gian trôi qua, sự sống linh hoạt sáng suốt của con người dần dần được nâng cao và được phối kết bởi năng lượng đang tuôn ra từ các cánh hoa kiến thức của hoa sen chân ngã, hoặc từ bản chất nhận thức sáng suốt của linh hồn trên cõi riêng của nó. Sau rốt điều này tạo ra sự tích hợp của ba lớp vỏ thấp thành một tổng thể duy nhất hoạt động. Lúc bấy giờ con người mới là một phàm ngã (personality). [179]

3. Sự sống phàm ngã của cá nhân được phối kết hiện nay tiếp tục tồn tại trong một số lớn kiếp sống, và cũng chia thành ba giai đoạn.

a/ Giai đoạn của một sự sống phàm ngã năng động có ưu thế, về căn bản được chi phối bởi loại cung của nó, có bản chất ích kỷ và rất có tính chất cá nhân.

b/ Một giai đoạn chuyển tiếp mà trong đó một sự xung khắc nổi lên dữ dội giữa phàm ngã với linh hồn. Linh hồn bắt đầu tìm cách thoát ra khỏi sự sống sắc tướng và tuy thế – xét cho cùng – phàm ngã tùy thuộc vào nguyên khí sự sống được linh hồn ban cho. Nói cách khác, sự xung đột giữa cung linh hồn với cung phàm ngã bắt đầu và cuộc chiến diễn ra giữa hai trạng thái năng lượng có tập trung. Cuộc xung đột này kết thúc vào cuộc điểm đạo thứ ba.

c/ Sự kiểm soát của linh hồn là giai đoạn cuối cùng, đưa đến cái chết và sự hủy diệt của phàm ngã. Cái chết

này bắt đầu khi phàm ngã, là Kẻ Chận Ngõ (Dweller on the Threshold), đứng trước Thiên Thần Bản Lai Diện Mục. Ánh sáng của Thái dương Thiên Thần lúc bấy giờ phá tan ánh sáng vật chất.

Giai đoạn “kiểm soát” (“control”) được chi phối bởi sự đồng nhất hóa hoàn toàn của phàm ngã với linh hồn; đây là một đảo ngược của sự đồng nhất hóa trước kia của linh hồn với phàm ngã. Đây cũng là những gì mà chúng ta ám chỉ khi nói đến sự tích hợp của cả hai; giờ đây hai chỉ còn là một. Thánh Paul có nói đến giai đoạn này khi Ngài nhắc đến (trong Thư gửi cho Ephesians) Đức Christ tạo ra “từ hai, là một người mới” (“out of two, one new man”). Đó chủ yếu là trạng thái (phase) của các giai đoạn cuối cùng của Con Đường Dự Bị (nơi mà công việc bắt đầu một cách hữu thức) và việc xúc tiến của con đường đó đến chỗ hoàn tất trên Con Đường Đệ Tử. Đó là giai đoạn của người phụng sự thực tiễn và thành công; đó là giai đoạn mà trong đó toàn bộ tiêu điểm (focus) và đầu ra (output) của sự sống của người đó được hiến dâng cho việc hoàn thành ý định của Thánh Đoàn. Ý bắt đầu làm việc trên và từ các mức độ không được bao gồm trong ba cõi của cơ tiến hóa thông thường, nhưng tuy vậy lại có các kết quả của chúng và các mục tiêu được dự tính của chúng trong vòng ba cõi này. (17-506/8)

Xem thêm: "Năm giai đoạn tiến hóa" – (2-23/9), và (4-467/70), (15-268/9), (15-332/3)

(d) Những Bước Ngoặt Trong Đời Sống

Chúng ta có năm bước ngoặt trong đời sống của cá nhân.... Sự phản ánh năm kinh nghiệm này trong bất kỳ cuộc sống cá nhân nào diễn ra theo trình tự sau trong đời sống của người chí nguyện thông minh trung bình, y đáp ứng [180]

vói, và tận dụng lợi thế của nền văn minh và giáo dục của thời điểm hiện tại.

1. Việc chiếm hữu thể xác. Điều này diễn ra giữa năm thứ tư và thứ bảy, khi linh hồn, cho đến lúc đó vẫn đang che chở, chiếm hữu hiện thể vật chất.

2. Một bước ngoặt trong thời thanh niên, trong đó linh hồn chiếm hữu thể cảm dục. Bước ngoặt này không được công chúng nhận thức và chỉ được nhà tâm lý học trung bình cảm nhận lờ mờ, từ các chứng tỏ bất thường tạm thời của nó,. Họ không nhận biết nguyên nhân, mà chỉ nhận biết các hiệu quả.

3. Một bước ngoặt tương tự giữa những năm hai mươi mốt và hai mươi lăm tuổi, trong đó thể trí được chiếm hữu. Người này khi đó có thể bắt đầu đáp ứng với các ảnh hưởng của linh hồn, và y thường làm như thế trong trường hợp của người tiến hóa.

4. Một bước ngoặt giữa những năm 35 và 42 tuổi, trong đó sự tiếp xúc hữu thức với linh hồn được thiết lập; phạm ngã tam phân khi đó bắt đầu đáp ứng, như một đơn vị, với xung lực của linh hồn.

5. Đối với các năm còn lại của cuộc đời, có thể có một mối quan hệ mạnh mẽ ngày càng tăng giữa linh hồn và các hiện thể của nó, dẫn đến một bước ngoặt khác giữa những năm 56 hoặc 63 tuổi. Theo bước ngoặt đó sẽ phụ thuộc vào tính hữu ích trong tương lai của người đó, và hoặc linh hồn tiếp tục sử dụng các hiện thể vào tuổi già, hoặc có một sự triệt thoái dần của thực thể ngụ bên trong.

Có nhiều chu kỳ khủng hoảng tương ứng trong lịch sử đời sống của bất kỳ linh hồn qua các thời đại, nhưng những năm cuộc khủng hoảng lớn này có thể được truy nguyên một cách rõ ràng theo quan điểm của tầm nhìn cao hơn. (15-52/3)

(e) Tốc Độ Của Sự Tiến Bộ

Tôi muốn ... nhấn mạnh rằng bao giờ bạn cũng cần phải nhớ là trong tất cả các công phu thật sự huyền linh thì những hiệu quả mong đợi chỉ đạt được một cách rất chậm chạp. Nếu trong một kiếp nào đó, một người có vẻ như làm được sự tiến bộ ngoạn mục, thì chẳng qua là y chỉ đang thể hiện những gì đã đạt được trước đây (sự biểu lộ ra của khả năng bẩm sinh, đã đạt được trong những tiền kiếp) và đang chuẩn bị cho một giai đoạn nỗ lực mới một cách chậm chạp, cẩn thận và khó nhọc. Trong kiếp này, y tóm tắt lại các tiến trình đã được vượt qua trong quá khứ, và nhờ thế mà đặt nền tảng cho cố gắng mới. Nỗ lực chậm chạp và khó nhọc này, vốn là phương pháp tiến hóa thích hợp của vạn vật, chung quy chỉ là một ảo tưởng về thời gian và do sự thật là hiện nay, ý thức của đa số nhân loại được trụ vào trong [181] các thể thấp chứ không phải ở thể nguyên nhân. Những trạng thái tâm thức nối tiếp nhau có vẻ chậm chạp, và trong sự tiến bộ chậm chạp đó mà Chân Ngã mới có cơ hội đồng hóa được những kết quả của những giai đoạn này. Phải cần một thời gian lâu mới tạo được một rung động bền vững, và cũng cần một thời gian lâu như vậy để phá vỡ nó, và áp đặt một rung động khác và nhịp điệu còn cao hơn nữa. Sự tăng trưởng là một giai đoạn lâu dài xây dựng để rồi phá hủy, kiến tạo để sau đó giải tán, phát triển những tiến trình có nhịp điệu (rhythm) nào đó để rồi sau đó lại phá vỡ chúng, và buộc nhịp điệu cũ phải nhường chỗ cho nhịp điệu mới. Khi Chân Ngã – hoạt động trong tâm thức thấp – tìm cách tạo nên một sự thay đổi những gì mà Phàm Ngã đã mất nhiều ngàn kiếp thiết lập nên thì sự thay đổi không nhẹ nhàng gì. Việc chuyển di sự an trụ từ thể cảm dục sang thể trí, sau đó đến thể nguyên nhân, và sau nữa đến

Tinh Thần tam phân đòi hỏi một giai đoạn cực kỳ khó khăn không thể tránh được, một sự xung đột dữ dội cả ở nội tâm và với ngoại cảnh, sự đau khổ mãnh liệt và sự tối tăm, đổ vỡ ở bề ngoài – tất cả những điều này đặc trưng cho cuộc đời của người chí nguyện hay người đệ tử. (2-81/2)

(f) Học Tập Từ Kinh Nghiệm

1. Đừng nhắc lên quá nhiều (tư đôi vai của các cộng sự của bạn). Đó là quyền của linh hồn họ để học những bài học giống như bạn đã phải học, và một trái tim quá đầy lòng trắc ẩn không phải luôn luôn là tài sản hữu ích nhất. Một trái tim đầy yêu thương thì luôn luôn hữu ích Đừng tước bỏ khỏi những người khác quyền đứng một mình, bằng một sự thể hiện quá lớn của tình yêu che chắn.... Hãy để họ đứng lên trước những vấn đề của linh hồn vốn được đưa tới sự chú ý của họ qua trung gian của bài học vật chất, và như vậy giúp họ bước vào kiếp sống tiếp theo của họ được trang bị tốt hơn để yêu thương, để làm việc, và để sống một cách vị tha Tình yêu đích thực đôi khi phải đứng sang một bên và chứng kiến một cách thanh thản trong khi những người khác học bài học của họ. ... Bấy giờ, hãy từ chối bị áp đảo và không coi bản thân bạn như là thất bại ở một khía cạnh nào đó khi những người khác không đáp ứng các vấn đề như họ nên làm. Các phản ứng của những người khác không phải là trách nhiệm của bạn. Chính trách nhiệm của bạn là cung cấp cho họ sức mạnh và tình trạng tách rời. Vì vậy, đừng gánh vác những trách nhiệm không phải của bạn.

(Nhưng đồng thời đừng sử dụng sự thúc đẩy này – ngoài bối cảnh – như một cái cớ để trốn tránh thực hiện hành động ở nơi và khi đó là trách nhiệm của bạn để hành động và đóng vai trò đó theo kế hoạch của linh hồn bạn – Người biên

dịch). (5-404/5)

2. Theo luật huyền bí, việc làm luôn luôn đi trước kiến thức, bởi vì kiến thức có được nhờ sự thực nghiệm và kinh nghiệm. Người đệ tử hoặc người tìm đạo luôn luôn làm việc trong bóng tối, nhất là trong các giai đoạn đầu của quá trình [182] khai mở của y, đi theo một bản năng sâu sắc và thầm kín hướng tới hoạt động đúng đắn. Bằng việc thi hành nhiệm vụ khó khăn và bền bỉ đó, lúc đầu dưới áp lực của lương tâm, dưới xung lực của linh hồn thức tỉnh của y, và dưới các ảnh hưởng của Chân Sư, y tiến từ bóng tối ra ánh sáng; y phát hiện rằng việc tuân theo bản năng tâm linh của y chắc chắn dẫn y vào lĩnh vực tri thức, và tri thức đó – khi có được – cuối cùng được biến đổi thành minh triết. Bấy giờ y trở thành một Chân Sư và không còn đi trong bóng tối nữa.

Những người tìm đạo thường bực tức một cách cay đắng với nhiều chu kỳ bóng tối mà họ dường như đi qua; họ phàn nàn về sự khó khăn khi làm việc trong bóng tối và không nhìn thấy ánh sáng ở bất cứ đâu; họ quên rằng khả năng làm việc trong bóng tối hay trong ánh sáng tất cả đều là một năng lực cố hữu. Lý do cho điều này là linh hồn không biết gì khác ngoài sự hiện tồn, và ánh sáng và bóng tối – đối với linh hồn – là một và giống nhau. Trên mọi thứ khác, kiến thức đến nhờ sự thực nghiệm hữu thức, và nơi nào không có hoạt động thực nghiệm, thì không thể thu được kinh nghiệm. Kiến thức là phần thưởng của cả hai yếu tố này – một kiến thức không phải là lý thuyết, mà là đã được chứng minh, có căn cứ thực tế, và là kết quả thông minh của sự làm việc chăm chỉ; nó cũng là kết quả của sự đau khổ thường xuyên (được xử lý đúng cách) và của sự tiên liệu về tâm linh.

Những điều trên đúng về cuộc sống và công việc của

người tìm đạo cá nhân khi y giải quyết vấn đề của bản chất thấp của chính y, và chuẩn bị cho giai đoạn trở thành một phạm ngã được linh hồn thấm nhuần; điều đó cũng đúng với đệ tử đang hoạt động, tìm kiếm kiến thức và minh triết khi y hết sức thực hiện Thiên Cơ của Thánh Đoàn. Y cần phải thử nghiệm và tích lũy kinh nghiệm thực tế; y phải học ý nghĩa của cả sự thành công và sự thất bại, và kiến thức có thể thu được từ đó. Lúc đầu, kiến thức có được qua sự đấu tranh tiến tới vào ánh sáng vĩ đại hơn và rõ ràng hơn; sau đó nó xảy ra khi người tìm đạo (tìm kiếm sự biểu lộ của linh hồn) học cách quên chính y trong nhu cầu của người khác khi họ yêu cầu bất cứ ánh sáng và kiến thức nào mà y có thể sở hữu; minh triết thay thế cho kiến thức khi, trong quá trình chuyển hóa, các ngọn lửa của đấu tranh, đau khổ và làm việc chăm chỉ, người chí nguyện tự biến y thành đệ tử hoạt động, và dần dần được đưa vào các hàng ngũ của Thánh Đoàn. (6-393/5) [182]

38. CON ĐƯỜNG ĐỆ TỬ

1. Trước hết, một người đệ tử thệ nguyện làm ba điều:-
 1. Phụng sự nhân loại.
 2. Cộng tác với kế hoạch của các Đấng Cao Cả theo mức y thấy được, và làm hết khả năng của y.
 3. Phát triển các quyền năng của Chân nhân, mở rộng tâm thức cho đến khi có thể hoạt động trên ba cõi trong tam giới và trong thể nguyên nhân, và tuân theo sự hướng dẫn của chân ngã chứ không theo tiếng gọi của sự biểu lộ của ba thể thấp của y.
- Một đệ tử là người đang bắt đầu hiểu biết công tác tập thể, và bắt đầu đổi trung tâm hoạt động từ chính mình (như một

trụ cột để mọi sự xoay quanh theo đó) đến trung tâm của nhóm.

– Một đệ tử là người đồng thời nhận thức sự tương đối vô nghĩa của mỗi đơn vị tâm thức, và cũng nhận thức tầm quan trọng lớn lao của nó. Ý thức tỉ lệ của y được điều chỉnh, và y nhìn thấy thực tính của sự vật; y nhìn thấy thực tính của mọi người; y nhìn thấy chân tính bẩm sinh của chính y, và khi đó tìm cách thực hiện chân tính đó.

– Người đệ tử nhận thức sự sống, hay phương diện mãnh lực của thiên nhiên, và hình tướng không còn hấp dẫn được y. Y làm việc với lực và thông qua lực; y nhận thức y như là một trung tâm lực bên trong một trung tâm lực vĩ đại hơn, và trách nhiệm của y là điều khiển năng lượng nào có thể tuôn đổ qua y vào các vận hà để mang phúc lợi cho tập thể.

– Người đệ tử tự biết y—dù ở mức độ nhiều hay ít—là một tiền đồn của tâm thức của Chân sư, và quan niệm Chân sư theo hai ý nghĩa:

a. Là Chân ngã thức của chính y.

b. Là trung tâm của nhóm y; là mãnh lực làm sinh động các đơn vị trong nhóm và gắn bó họ thành một toàn thể đồng nhất.

– Một đệ tử là người đang chuyển tâm thức của y ra khỏi cuộc sống riêng tư (tính cách cá nhân) để nhập vào cuộc sống vô kỷ (tính cách vô ngã), và trong giai đoạn chuyển tiếp tất nhiên là phải chịu nhiều khó khăn đau khổ. Các khó khăn này nảy sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau:

a. Phạm ngã của người đệ tử chống đối việc bị chuyển hoá.

b. Tập thể thân cận người này, là bạn bè, hay gia đình, chống đối việc y ngày càng trở nên vô kỷ (vô ngã). Họ

không thích được thừa nhận là một với y về phương diện sự sống mà lại tách biệt với y về các quan tâm và những điều ham muốn. Tuy nhiên, định luật bao giờ cũng đúng, [184] và sự thống nhất đích thực có thể được nhận thức chỉ trong cuộc sống thiết yếu của linh hồn. Trong khi khám phá ra thực chất của hình hài sắc tướng, người đệ tử phải chịu nhiều đau khổ, nhưng rốt cuộc con đường đạo sẽ đưa đến sự hợp nhất hoàn toàn.

– Một đệ tử là người nhận thức được trách nhiệm của y đối với tất cả những người đến với ảnh hưởng của y—một trách nhiệm cộng tác với kế hoạch tiến hành cho họ, để mở mang tâm thức họ, và dạy họ sự khác biệt giữa điều thật và điều giả, giữa sự sống và hình thể. Y làm điều này rất dễ dàng bằng cách thể hiện trong đời sống riêng của y về mục tiêu, chủ đích và tâm điểm tâm thức của y. (1-71/2)

2. Giống như trong quá khứ, khí cụ và mối quan hệ của nó với thế giới bên ngoài đã là sự kiện tối quan trọng trong kinh nghiệm của Chân Nhân, thế nên giờ đây một sự tái điều chỉnh có thể xảy ra, trong đó sự kiện nổi bật sẽ là con người tinh thần (spiritual man), tức Thái Dương Thiên Thần (solar angel) hay linh hồn. Ta cũng sẽ nhận ra rằng mối quan hệ của linh hồn (qua khía cạnh sắc tướng) sẽ tồn tại đối với các cõi giới bên trong cũng như bên ngoài. Con người đã chỉ bao gồm vào trong mối quan hệ của y khía cạnh hình tướng của lĩnh vực tiến hóa của người bậc trung.

Y đã lợi dụng khía cạnh hình tướng và đã bị nó chế ngự. Y cũng đã đau khổ vì nó, và do đó cuối cùng đã ghê tởm, qua sự chán ngấy hoàn toàn, tất cả những gì gắn liền với thế giới vật chất. Sự bất mãn, ghê tởm, chán ghét, và một sự mệt mỏi sâu xa là đặc điểm rất thường gặp của những người sắp trở thành đệ tử. Vì một đệ tử là gì? Đệ tử là kẻ muốn học hỏi một

nhịp điệu mới, muốn tiến vào một lĩnh vực kinh nghiệm mới, và muốn theo bước chân của nhân loại tiến bộ, những người đã đi trước y trên con đường đạo, dẫn từ bóng tối đến ánh sáng, từ cái giả đến cái chân. Y đã nếm trải các thú vui của sự sống trong thế giới hão huyền và đã được biết sự bất lực (powerlessness) của chúng để làm thỏa mãn và lôi cuốn y. Giờ đây, y đang ở trong một tình trạng chuyển tiếp giữa tình trạng hiện tồn mới và cũ. Y đang rung động giữa trạng thái hiểu biết của linh hồn và trạng thái hiểu biết của sắc tướng (soul awareness and form awareness). Y đang “thấy hai bên” (“seeing double”).

Tri giác tinh thần của y phát triển dần dần và chắc chắn vì bộ óc bắt đầu có thể được soi sáng từ linh hồn xuyên qua thể trí. Khi trực giác phát triển, thì phạm vi hiểu biết tăng lên và các lĩnh vực tri thức mới mở khai mở.

Lĩnh vực tri thức thứ nhất đang nhận được sự giác ngộ, có thể được mô tả như là bao gồm toàn thể các hình hài được tìm thấy trong ba cõi nỗ lực của nhân loại, cõi dĩ thái, cõi cảm dục và cõi trí. Qua tiến trình này, vị đệ tử tương lai (the would-be disciple) trở nên ý thức về bản chất thấp của mình, và bắt đầu nhận ra được mức độ bị giam hãm của y và (như Patanjali diễn tả) “các biến thái của bản chất thông linh hay thay đổi”. Các chướng ngại đối với sự thành tựu, và các trở lực đối với sự tiến bộ được tiết lộ cho y, và vấn đề của y [185] trở nên rõ ràng. Thường thường lúc bấy giờ y đạt đến một tình thế mà trong đó Arjuna (một nhân vật trong Kinh Bhagavad Gita – ND) nhận thấy chính mình, đang đương đầu với những kẻ thù, vốn là những người trong gia đình (household) của y, bối rối trước bốn phận của mình, và nản lòng khi y tìm cách tự quân bình giữa các cặp đối ứng. Lời khẩn nguyện của y khi đó là lời khẩn nguyện nổi tiếng nhất

của Ấn Độ được thốt ra từ tim, được lĩnh hội bằng đầu, và được bổ sung bằng một cuộc sống nhiệt tâm trong việc phụng sự nhân loại.

“Hãy tiết lộ cho chúng con diện mạo của mặt trời tinh thần chân chính,

Được che kín bởi một đĩa ánh sáng vàng,

Để cho chúng con có thể hiểu biết chân lý và làm tròn nhiệm vụ của chúng con,

Khi chúng con lên đường đến với bàn chân linh thánh của Ngài”.

Khi con người kiên trì và đấu tranh, vượt qua các khó khăn của mình và kiểm soát các ham muốn và các tư tưởng của mình, lĩnh vực thứ hai của tri thức được tiết lộ – tri thức về bản ngã (self) trong thể tâm linh (spiritual body), tri thức về Chân Ngã (ego) khi nó tự biểu hiện qua trung gian của thể nguyên nhân (causal body),... và ý thức về cội nguồn đó của năng lượng tinh thần, vốn là động lực thúc đẩy đằng sau biểu lộ thấp. “Đĩa ánh sáng vàng” bị xuyên thủng; mặt trời đích thực được nhìn thấy; con đường được tìm ra và người tìm đạo cố gắng tiến vào ánh sáng càng ngày càng tỏ rạng.

Khi tri thức về cái ngã và khi ý thức về những điều mà cái ngã đó thấy, nghe và tiếp xúc được ổn định, thì Chân Sư được nhận biết; nhóm đệ tử của Ngài được tiếp xúc; kế hoạch đối với việc chia sẻ công việc trước mắt mà y phải gánh vác được hiểu rõ và được thể hiện dần dần trên cõi trần. Như vậy hoạt động của bản chất thấp giảm xuống, và dần dần con người tiến vào sự tiếp xúc hữu thức với Chân Sư và nhóm của y. Nhưng việc này đi theo với việc “thấp sáng ngọn đèn” – sự chinh phục thể thấp với thể cao, và dòng chảy của sự giác ngộ xuống đến não bộ.

Điều cốt yếu là các điểm này nên được những người tìm

đạo hiểu rõ, và nghiên cứu sao cho họ có thể tiến hành các bước cần thiết và phát triển ý thức mong muốn. Chỉ cho đến khi điều này được thực hiện, nếu không thì bất kể Chân Sư có thể có thiện ý như thế nào, Ngài vẫn bất lực và không thể thực hiện các bước để thu nhận một người vào nhóm của Ngài, và do đó đem y vào phạm vi hào quang của Ngài, làm cho y trở thành một tiền đồn của tâm thức Ngài. Mọi bước của con đường phải được tiến hành bởi chính con người, và không có con đường tắt hoặc con đường dễ dàng nào để ra khỏi bóng tối, đi vào ánh sáng cả. (4-58/60)

3. Bạn đã được dạy rằng linh hồn đang ở trong trạng thái thiên định thâm sâu trong phần lớn chu kỳ các kiếp sống của bất kỳ một cá nhân nào, và rằng, chỉ khi một mức độ hợp lý của sự tích hợp phạm ngã được thiết lập thì sự chú ý của linh hồn mới bị thu hút khỏi những sự xem xét nội tâm của chính nó và những vấn đề của Chân ngã, tới những vấn đề của cái bóng của nó. Khi điều này xảy ra, nhóm Chân ngã chắc chắn bị ảnh hưởng, và Chân Sư (trên cùng cùng với cung linh hồn có liên quan) trở nên ý thức về điều được gọi một cách bí truyền là "một linh hồn nhìn chằm chằm xuống dưới". Trên Con Đường Đệ Tử, Chân ngã luôn luôn ý thức một cách hữu thức về phạm ngã đang phấn đấu, và sẽ đến một giai đoạn khi (về cuối Con Đường Tiến Hóa) linh hồn tóm tắt lại các quá trình tiến hóa của sự tiến hóa giáng hạ và sự tiến hóa thăng thượng. Năng lượng linh hồn đi xuống và lực phạm ngã [186] đi lên, và điều này diễn ra qua một tiến trình giáng xuống và thăng lên hữu thức. Ở đây tôi đề cập đến tiến trình được linh hồn đảm nhiệm dưới xung lực của Thánh Đoàn, chứ không phải tiến trình mà trong đó phạm ngã thỉnh cầu linh hồn trong nhu cầu bức thiết được mang lại vào tâm thức thấp bởi sự chấm dứt dần sự ham muốn. (5-714)

39. CUỘC SỐNG SONG ĐÔI CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ

1. Liên quan với sự sống nhị phân (dual life) của đệ tử, các yếu tố được bao hàm là *phàm ngã* tam phân (với một tâm thức thức tỉnh hay bàng quan (onlooking) được tập trung trong não), *linh hồn* mà thoát tiên có vẻ là mục tiêu tối hậu của sự thành tựu, nhưng về sau được coi như chỉ là một hệ thống hoặc tập hợp của các thuộc tính tâm linh hòa hợp, và là trạng thái thấp nhất của Tam Thượng Thể Tinh Thần, tức là *trí triêu tượng*. Đệ tử cảm thấy rằng, nếu y có thể đạt được tâm thức trực tiếp và hợp nhất của ba trạng thái, thì y đã thành tựu; y cũng nhận thức rằng điều này bao hàm việc kiến tạo antahkarana. Tất cả các yếu tố này, đối với một người vừa được nhận vào Con Đường Đệ Tử và chỉ mới tìm thấy vị trí của y trong một Huyền Viện, có vẻ là một công việc khó khăn một cách thích đáng, và là công việc chiếm hết mọi năng lực mà y có.

Trong lúc này, điều này là đúng, và – cho đến lần điểm đạo thứ ba – các mục tiêu này, sự hòa hợp hữu thức của chúng, cộng với một nhận thức về các cõi hiểu biết thiêng liêng mà tất cả chúng đều nhận y vào đó, biểu thị nhiệm vụ của đệ tử và giữ y hoàn toàn bận rộn. Đối với các nhận thức được kế thừa, y phải thêm vào một khả năng đang tăng trưởng để làm việc trên các cấp độ tâm thức được bao hàm, luôn luôn nhớ rằng một cõi giới và một trạng thái tâm thức là những thuật ngữ đồng nghĩa, và rằng y đang tạo ra tiến bộ, trở nên hiểu biết, tạo ra antahkarana, tập luyện như một người phụng sự Thánh Đoàn trong một Huyền Viện, làm quen với các môi trường tâm linh mới mở ra, mở rộng chân trời của y, ổn định chính mình trên Thánh Đạo, và sống trên cõi trần đời

sống của một người thông tuệ bên trong thế giới con người. Y cũng không thể hiện các đặc tính bất thường nào, mà xuất hiện như một người có thiện chí, có trí tuệ nhân từ, có lòng tốt không đòi hỏi, và có mục tiêu tinh thần cứng rắn và bất biến. Liệu đó đủ là một mục tiêu cho một đệ tử? Liệu nó có vẻ hữu như không thể hoàn thành? Liệu bạn có thể đảm trách một đề xuất như vậy và làm tốt công việc của bạn hay không?

Rất chắc chắn là bạn có thể, vì yếu tố thời gian đi vào và vị đệ tử được tự do xem xét sự chi phối của nó, nhất là trong các giai đoạn đầu của [187] con đường đệ tử của y; y thường làm điều này trước nhất, do không biết gì khác để làm, nhưng tốc độ hoặc bản chất sattva hay bản chất nhị nhàng của đời sống tinh thần cuối cùng thay đổi thái độ này; lúc đó y làm việc mà không có ý thức thực sự về thời gian trừ khi nó ảnh hưởng đến những người khác và những người cộng tác của y trên cõi trần.

Lúc đầu, sự ghi nhận của y về những gì được cảm nhận hoặc được nhìn thấy trên các cõi tinh anh hay cõi linh hồn (soul plane) còn chậm chạp; nó cần có thời gian cho các tiếp xúc và cho kiến thức thu được thâm nhập từ các phân cảnh cao đến bộ não vật chất của y. Sự kiện này (khi y phát hiện ra nó) có khuynh hướng phá vỡ ý thức về thời gian của y, và do đó bước đầu tiên được thực hiện trên con đường vô tận, nói một cách tượng trưng. Y cũng có được khả năng làm việc một cách nhanh hơn và sự phối hợp trí tuệ nhiều hơn so với người thông minh bậc trung; bằng cách này y biết được các hạn chế của thời gian là một tình trạng của bộ óc, và cũng học cách hóa giải (offset) nó và hành động theo một cách mà y làm được nhiều việc hơn trong một giới hạn thời gian được định sẵn so với khả năng của người bình thường, bất luận y có thể theo đuổi nỗ lực một cách hăng hái như thế nào. Việc khắc phục

thời gian và việc thể hiện tốc độ tinh thần (spiritual speed) là các chỉ dấu cho thấy cuộc sống nhị phân của con đường đệ tử đang thay thế cuộc sống tích hợp của phạm ngã, mặc dù đến lượt nó, điều đó đưa tới một sự tổng hợp còn lớn hơn và sự tích hợp còn cao hơn nữa.

Cuộc sống nhị phân mà mọi đệ tử đang trải qua, cũng tạo ra một sự thể hiện trí tuệ nhanh chóng, là căn bản cho việc ghi nhận lành mạnh về sự sống hiện tượng của các cõi cao khác nhau và các trạng thái tâm thức khác nhau. Đừng quên rằng tất cả các cõi của chúng ta đều là các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, và do đó đều có bản chất hiện tượng. Khi chúng được tiếp xúc và được ghi lại, và tri thức được truyền cho não bộ vật chất, xuyên qua thể trí, ở đó luôn luôn phải đi cùng với chúng một sự diễn dịch đúng và một nhận thức chính xác “các sự việc theo đúng bản chất của chúng”. Chính ở đây mà người không phải đệ tử và nhà tâm thông bị sai, vì sự giải thích của họ hầu như luôn luôn sai lầm về cơ bản, và cần thời gian (xảy đến trong chu kỳ giới hạn đó) để diễn giải một cách sáng suốt, và ghi nhận chính xác những gì mà tâm thức quan sát đã tiếp xúc. Khi yếu tố thời gian không còn kiểm soát nữa, các giải thích do não bộ ghi nhận trở thành vô cùng chính xác. Ở đây Tôi đã đưa cho bạn một mẫu thông tin lớn.

Do đó, bạn sẽ thấy rằng trong tiến trình điểm đạo lúc đầu, yếu tố thời gian được lưu ý bởi điểm đạo đồ và cũng bởi các Chân Sư giới thiệu. Một thí dụ về việc thẩm thấu chậm chạp thông tin từ cõi điểm đạo đến não bộ vật chất có thể được nhận thấy trong sự kiện là rất ít người tìm đạo và các đệ tử ghi nhận *sự kiện* rằng họ đã nhận được cuộc điểm đạo thứ nhất, sự sinh ra của Christ trong chốn sâu thẳm của tim. Việc họ đã nhận được nó được chứng tỏ bằng việc họ chú ý bước lên Thánh Đạo (Way), bằng lòng bác ái của [188] Christ trong họ –

bất luận họ có thể gọi Ngài bằng tên gì – và bằng nỗ lực của họ để phụng sự và trợ giúp các huynh đệ của họ; tuy nhiên, họ vẫn còn bị ngạc nhiên khi được bảo rằng việc điếm đạo thứ nhất nằm phía sau họ. Điều này hoàn toàn là do yếu tố thời gian, dẫn đến việc họ không có khả năng để “mang qua hết” (“bring through”) các biến cố trong quá khứ một cách chính xác, cũng bởi một sự khiêm nhường giả tạo (được khắc sâu bởi Giáo Hội Thiên Chúa, khi Giáo Hội này cố gắng giữ cho con dân bị nô dịch bằng ý tưởng tội lỗi), và bởi tâm thức tiên tiến mãnh liệt trước hạn của người tìm đạo bậc trung. Khi một sự đánh giá đúng đắn và một quan điểm cân bằng đã đạt được, và một hiểu biết nào đó về Hiện Tại Vĩnh Cửu đang bắt đầu thâm nhập vào sự hiểu biết của họ, bấy giờ quá khứ, hiện tại và tương lai sẽ bị mất dạng trong tâm thức có *tính bao gồm của khoảnh khắc Hiện Tôn (IS)*; lúc đó các hạn chế của thời gian sẽ chấm dứt và Định Luật Karma sẽ bị phủ nhận; vào lúc này nó được liên kết một cách rất chặt chẽ với quá khứ và tương lai. Cuộc sống nhị phân của đệ tử lúc bấy giờ sẽ được kết thúc, nhường chỗ cho nhị nguyên luận vũ trụ của Chân Sư. Chân Sư thoát khỏi các giới hạn của thời gian, mặc dù không phải của không gian, vì không gian là một Thực Thể vĩnh cửu.

Do đó, bạn sẽ thấy sự cần thiết lớn lao đối với một sự nhấn mạnh thường xuyên, ở giai đoạn này trong việc luyện tập của người tìm đạo bậc trung, về nhu cầu đối với *sự chỉnh hợp (alignment)*, hoặc đối với việc tạo ra một vận hà liên lạc trực tiếp từ não bộ đến điểm tiếp xúc mong muốn. Việc kiến tạo antahkarana và việc sử dụng nó sau đó trong một hệ thống các chỉnh hợp ngày càng tăng trưởng cuối cùng phải được thêm vào sự chỉnh hợp đã được luyện tập này. Antahkarana phải được hoàn thành và sự tiếp xúc trực tiếp phải được thiết lập với Tam Thượng Thể Tinh Thần vào lúc

cuộc điếm đạo thứ ba được thực hiện. Kế đó là cuộc điếm đạo thứ tư với sự hủy diệt của thể chân ngã, tức thể nguyên nhân hay linh-hồn-thể, do sự hợp nhất hoàn toàn của linh hồn và phàm ngã. Cuộc sống nhị phân của đệ tử kết thúc. (18-434/7)

2. Thật thích hợp... để chúng kiến một nhị nguyên đang tồn tại trong tâm thức của vị đệ tử, và cả hai khía cạnh của nó tồn tại bên cạnh nhau:

Thứ nhất: Đòi sống ý thức, mà trong đó y biểu lộ thái độ của linh hồn, ý thức của linh hồn và tâm thức linh hồn, qua trung gian của phàm ngã *trên cõi trần*; y học cách ghi nhận và biểu lộ điều này một cách *hữu thức*.

Thứ hai: Sự sống vô cùng riêng tư và hoàn toàn thiên về nội tâm, trong đó, y – tức phàm ngã được linh hồn thấm nhuần – được định hướng vào cõi trí, đưa tới mối liên hệ ngày càng tăng giữa:

a/ Hạ trí cụ thể với thượng trí trừu tượng của y.

b/ Bản thân y và Chân Sư của nhóm cung của y, nhờ đó phát triển ý thức về Huyền Viện.

c/ Bản thân y và Thánh Đoàn nói chung, ngày càng trở nên ý thức về sự tổng hợp tinh thần đang nằm dưới các Huyền Viện thống nhất. Nhờ thế y tiếp cận một cách hữu thức và vững vàng với Trung Tâm rực rỡ của Huyền Viện thái dương này, là chính Đức Christ, Đấng Điếm Đạo Thứ Nhất. (18-441)

40. HUYỀN LINH THUẬT

1. Nhà huyền linh thuật là người đang tiếp xúc với linh hồn của mình.

2. Y dễ tiếp thu với và có ý thức về mục tiêu và kế hoạch của linh hồn mình.

3. Ý có khả năng tiếp nhận các ấn tượng từ lĩnh vực tinh thần, và ghi nhận các ấn tượng đó trong bộ óc hồng trần của mình.

4. Cũng có thể nói rằng huyền linh thuật –

- Tác động từ trên hướng xuống dưới.

- Là kết quả của rung động thái dương (solar vibration) và do đó của năng lượng Chân Ngã.

- Không phải là kết quả của rung động của khía cạnh sắc tướng của sự sống, được tách khỏi xung lực tình cảm và trí tuệ. (4-57)

2. Nhà huyền linh học luôn luôn là người, nhờ sự chỉnh hợp hữu thức với Chân Ngã của mình, tức là với “thiên thần” (“angel”) của mình, nên dễ lĩnh hội các kế hoạch và các mục tiêu của mình, và do đó có khả năng tiếp nhận ấn tượng cao siêu. Chúng ta phải nhớ rằng trong khi huyền thuật (magic) tác động từ trên xuống dưới và là kết quả của sự rung động thái dương, mà không phải là các xung lực phát ra từ một trong các nguyệt tinh quân (lunar pitris), luồng giáng lưu của năng lượng-gây-ấn-tượng từ Chân Ngã (solar pitri) là kết quả của sự an tĩnh nội tại của người, của việc thu các lực của người vào trong, trước khi làm cho chúng tập trung vào cái bóng (shadow) của người, tức con người, và của sự tham thiên kiên định của người vào thiên ý và thiên cơ. Có thể là hữu ích cho đạo sinh, nếu ở đây y nhớ lại rằng Chân Ngã (ego) (cũng như Thượng Đế – Logos) ở trong con thiên định thâm sâu trong toàn bộ chu kỳ lâm phạm ở cõi trần. Sự thiên định này có tính chu kỳ, Chân Ngã (the pitri) có liên quan gợi ra cho “hình ảnh” (“reflection”) của người các dòng năng lượng nhịp nhàng, các dòng này được con người có liên quan nhận biết như là “các xung lực cao siêu” của y, tức là các ước

mơ (dreams) và các hoài bão (aspiration) của y. Do đó, điều sẽ hiển nhiên là tại sao những người phụng sự (workers) trong huyền linh thuật bao giờ cũng là [190] những người tâm linh và tiến hóa, vì “hình ảnh” ít khi đáp ứng với Chân Ngã hay solar angel, cho tới khi nhiều chu kỳ lâm phạm đã xảy ra. Chân Ngã (solar pitri) giao tiếp với “cái bóng” (“shadow”) hay hình ảnh (reflection) của mình nhờ kim quang tuyến (sutratma), tuyến này chạy xuống qua các thể, đến một điểm ở lõi vào trong bộ óc xác thân, Tôi tạm diễn tả như thế, nhưng cho đến nay, con người không thể tập trung hoặc nhìn thấy rõ ràng theo bất cứ hướng nào.

Khi nhìn về phía sau, y có thể chỉ thấy sương mù và chướng khí của các cõi hãm huyền, và không còn thấy thích thú nữa. Nếu nhìn về phía trước, y thấy một ánh sáng xa xa đang thu hút y, nhưng cho đến giờ, y không thể thấy được những gì mà ánh sáng đó tiết lộ. Nếu nhìn sang chung quanh, y chỉ thấy các hình tượng đang di chuyển và cái máy chiếu phim (cinematograph) về khía cạnh hình tượng của sự sống. Nếu nhìn vào bên trong, y thấy các hình bóng mà ánh sáng đó hắt ra, và bắt đầu biết có nhiều đồ đạc (impedimenta) phải được loại bỏ, trước khi ánh sáng mà y thấy ở xa xa có thể đến gần, và rồi nhập vào trong y. Bây giờ y có thể tự biết mình chính là ánh sáng đó, và bước đi trong ánh sáng đó, và đồng thời truyền ánh sáng đó cho những kẻ khác.

Có lẽ là tốt khi nhớ rằng giai đoạn đệ tứ, về nhiều mặt, là phần khó khăn nhất của toàn bộ thang tiến hóa. Chân Ngã (solar angel) không ngừng ở trong trạng thái thiền định sâu xa. Các xung lực của năng lượng, phát ra từ y, đang gia tăng tốc độ rung động và đang trở nên ngày càng mạnh hơn. Năng lượng đang tác động ngày càng nhiều lên các hình tượng mà linh hồn đang tìm cách biểu lộ qua đó và đang cố

gắng kiềm chế. (4-60/2)

3. Huyền Linh Thuật... liên quan đến sự khai mở của linh hồn trong hình tướng và việc đạt được kinh nghiệm cần thiết của nó nhờ đó. Nó không liên quan đến công việc trực tiếp trên hình tướng, mà liên quan đến ảnh hưởng gián tiếp của linh hồn, hoạt động dưới bất kỳ hình tướng nào ở mọi giới trong thiên nhiên vì nó đưa hình tướng vào dưới sự kiểm soát của nó, qua đó tạo ra những thay đổi cần thiết và phát triển trong bộ máy tiếp xúc. Nhà huyền linh thuật biết rằng khi sự kích thích cung thích hợp và chính xác được áp dụng vào trung tâm mà chúng ta gọi là linh hồn trong bất kỳ hình tướng nào mà không phải chính hình tướng đó, thì bấy giờ linh hồn được kích thích như thế, sẽ thực hiện công việc hủy diệt, thu hút, xây dựng lại, và một sự biểu lộ sự sống được đổi mới của chính nó. Điều này đúng với linh hồn của con người, linh hồn của một quốc gia, và linh hồn của chính nhân loại. (9-95) (9-122/3) [191]

41. BẢN CHẤT SÁNG TẠO CỦA LINH HỒN

1. Sự khai mở bản chất sáng tạo của con người tâm linh hữu thức ... diễn ra thông qua việc sử dụng đúng cách thể trí, với quyền năng của nó đối với các ý tưởng trực giác, để đáp ứng với tác động, diễn dịch, phân tích và xây dựng các hình tướng cho sự mặc khải. Linh hồn của con người sáng tạo như thế. Tiến trình sáng tạo này có thể được mô tả, liên quan đến các bước của nó, như sau:

(a) Linh hồn tạo ra thể xác của nó, về ngoài thuộc cõi hiện tượng của nó, hình thức bên ngoài của nó.

(b) Linh hồn sáng tạo, trong thời gian và không gian, phù hợp với các mong muốn của nó. Như vậy thế giới thứ

cấp của các sự vật hiện tượng ra đời, và nền văn minh hiện đại của chúng ta là kết quả của hoạt động sáng tạo này có bản chất mong muốn của linh hồn, được giới hạn bởi hình tượng. Hãy suy ngẫm về điều này.

(c) Linh hồn sáng tạo nhờ tác dụng trực tiếp của hạ trí và do đó xuất hiện thế giới biểu tượng lấp đầy sự sống thống nhất của chúng ta với sự quan tâm, các khái niệm, các ý tưởng và vẻ đẹp, qua lời được viết, và các hành động sáng tạo. Đây là những sản phẩm của tư tưởng của các nhà tư tưởng của nhân loại.

Hướng đi đúng của xu hướng đã phát triển này, là mục tiêu của mọi nền giáo dục chân chính. Bản chất của các ý tưởng, các phương thức trực cảm chúng và các quy luật sẽ chi phối mọi công việc sáng tạo, là các mục đích và mục tiêu của nó. (12-20/1)

2. Trên cõi riêng của nó, linh hồn biết không có sự chia rẽ, và yếu tố tổng hợp chi phối mọi mối quan hệ của linh hồn. Linh hồn không chỉ bận rộn với hình tượng mà tầm nhìn về mục tiêu của nó có thể có, mà còn với tính chất hoặc ý nghĩa mà tầm nhìn đó che đậy hay giấu kín. Linh hồn biết Thiên Cơ; hình tượng, phác thảo, các phương pháp và mục tiêu của nó đều được biết. Nhờ việc sử dụng trí tưởng tượng sáng tạo, linh hồn sáng tạo; nó xây dựng các hình tư tưởng trên cõi trí và cụ thể hóa sự mong muốn trên cõi cảm dục. Sau đó nó tiến hành hiển thị tư tưởng của nó và mong muốn của nó trên cõi trần nhờ thần lực được áp dụng, được kích hoạt một cách sáng tạo bởi trí tưởng tượng của hiện thể dĩ thái hay thể sinh lực. Tuy nhiên, vì linh hồn là trí thông tuệ, được thúc đẩy bởi bác ái, nó có thể (trong sự tổng hợp được nhận thức vốn chi phối các hoạt động của nó) phân tích, phân biệt và phân chia. Linh hồn cũng khao khát những gì lớn lao hơn chính nó, và

vươn ra tới thế giới của những ý tưởng thiêng liêng, và do đó tự nó chiếm một vị trí giữa chừng giữa thế giới ý tưởng và thế giới hình tượng. Đây là khó khăn của nó và là cơ hội của nó. (15-243) [192]

3. Phần lớn ngày nay được nghe về Kỷ Nguyên Mới, về sự mặc khải sắp đến, về bước nhảy vọt tới trước sắp xảy ra vào một nhận thức trực giác về những gì mà cho đến nay đã chỉ được cảm nhận mờ mờ bởi các nhà thần bí, nhà tiên tri, nhà thơ được truyền cảm hứng, nhà khoa học có trực giác, và nhà nghiên cứu huyền bí, những người không quá bận tâm với các vấn đề chuyên môn và các hoạt động học thuật của hạ trí. Nhưng có một điều thường bị quên trong triển vọng lớn lao. Không cần một sự quá căng thẳng hướng lên hoặc một sự hướng ngoại quá mãnh liệt, để sử dụng các thuật ngữ mà quan điểm hạn chế thông thường có thể hiểu được. Những gì sẽ được tiết lộ nằm xung quanh chúng ta, và bên trong chúng ta. Đó là ý nghĩa của tất cả những gì được thể hiện trong hình tượng, ý nghĩa đằng sau vẻ bề ngoài, thực tại bị che đậy bởi biểu tượng, sự thật được biểu lộ trong vật chất.

Chỉ có hai điều sẽ cho phép con người thâm nhập vào lĩnh vực bên trong này của những nguyên nhân và của sự mặc khải. Chúng là:

Đầu tiên, là sự nỗ lực liên tục, dựa trên một xung lực chủ quan, để tạo ra những hình tượng vốn sẽ biểu lộ một số chân lý được cảm nhận; vì từ đó và qua nỗ lực này, sự chú trọng được liên tục chuyển từ thế giới bề ngoài ở bên ngoài tới khía cạnh bên trong của các hiện tượng. Bằng phương tiện này, một sự tập trung tâm thức được tạo ra vốn cuối cùng trở nên ổn định và được triệt thoái ra khỏi sự ngoại hiện mãnh liệt như hiện nay. Một điểm đạo đồ về cơ bản là một người có

cảm giác ý thức bận rộn với các tiếp xúc và tác động chủ quan chứ không phải chủ yếu bận tâm với thế giới của các tri giác của giác quan bên ngoài. Mối quan tâm được vun bồi này vào thế giới ý nghĩa ở bên trong sẽ tạo ra không chỉ một hiệu quả rõ rệt trên chính người tìm kiếm tâm linh mà cuối cùng sẽ mang lại sự chú trọng, được nhận thức trong tâm thức não bộ của nhân loại, rằng thế giới ý nghĩa là thế giới duy nhất của thực tại đối với nhân loại...

Thứ hai, nỗ lực liên tục để làm cho con người nhạy cảm với thế giới của các thực tại đầy ý nghĩa và do đó, tạo ra những hình tượng trên cõi bên ngoài sẽ hoạt động đúng với xung lực ẩn giấu. Điều này được mang lại bởi sự trau dồi trí tưởng tượng sáng tạo. Cho đến nay, nhân loại ít biết về khả năng này, vốn tiềm ẩn trong mọi người. Một chớp lóe của ánh sáng đột nhiên xuyên qua tới thế trí đang khao khát; một ý thức về sự lộng lẫy được tiết lộ trong một lúc quét qua người chí nguyện bị căng thẳng vì sự mặc khải; một nhận thức bất ngờ về một màu sắc, một vẻ đẹp, một minh triết và một sự vinh quang vượt qua ngôn từ vỡ ra trước tâm thức được hài hòa của người nghệ sĩ, trong một khoảnh khắc chú ý cao độ được áp dụng, và sự sống khi đó được nhìn thấy trong một giây đúng với bản chất của nó. Nhưng linh thị đã mất, và sự nhiệt tình ra đi, và vẻ đẹp mờ dần. Con người ở lại với một cảm giác của sự mất người thân, của sự mất mát, nhưng với một sự chắc chắn về tri thức và một mong muốn thể hiện những gì [193] mà y đã tiếp xúc, mà y đã không bao giờ trải nghiệm trước đây. Y phải tìm lại những gì mà y đã nhìn thấy; y phải khám phá ra nó cho những người chưa có thời điểm bí mật của sự mặc khải; y phải thể hiện nó trong một hình thức nào đó, và tiết lộ cho người khác ý nghĩa được nhận ra đằng sau vẻ ngoài của hiện tượng. Làm thế nào y có thể làm điều

này? Làm thế nào y có thể phục hồi những gì mà y đã từng có và dường như đã biến mất, và đã rút ra khỏi lĩnh vực ý thức của y? Y phải nhận thức rằng những gì mà y đã nhìn thấy và đã chạm vào vẫn còn đó và là hiện thân của thực tại; rằng chính y đã rút ra chứ không phải linh thị. Sự đau khổ trong mọi khoảnh khắc của xúc cảm mãnh liệt phải được trải qua và được sống lại hết lần này đến lần khác cho đến khi bộ máy tiếp xúc được quen với những rung động được nâng cao và không chỉ có thể cảm nhận và tiếp xúc, mà còn có thể giữ và tiếp xúc tùy ý thế giới mỹ lệ ẩn tàng này. Việc vun bồi năng lực này để đi vào, duy trì và truyền chuyển phụ thuộc vào ba điều:

1. Một sự sẵn lòng chịu đựng nỗi đau của sự mặc khải.
2. Năng lực tiếp tục duy trì tới cao điểm của tâm thức mà sự mặc khải đạt đến.
3. Tập trung năng lực tưởng tượng về sự mặc khải, hoặc mức tối đa mà ý thức não bộ có thể mang lại vào khu vực chiếu sáng của tri thức bên ngoài. Đó là sự tưởng tượng hay năng lực tạo hình ảnh vốn liên kết thể trí và não bộ với nhau và do đó tạo ra sự hiện hiện của vẻ huy hoàng còn che giấu.

Nếu nhà nghệ sĩ sáng tạo sẽ suy ngẫm về ba yêu cầu này – sự bền bỉ, thiên định, và trí tưởng tượng, y sẽ phát triển trong chính y năng lực đáp ứng với quy luật thứ tư này về sự kiểm soát của linh hồn, và cuối cùng sẽ biết linh hồn như là sự bí mật của tính kiên trì, tác nhân tiết lộ các phần thưởng của sự đại định và tác nhân sáng tạo mọi hình tượng trên cõi trần. (15-246/9) [194]

42. BẢN CHẤT NHỊP NHÀNG CỦA CÁC XUNG LỰC CỦA LINH HỒN

1. Tôi đã nói : “Sự thiên định của linh hồn có bản chất nhịp nhàng và theo chu kỳ, giống như mọi hiện tượng khác trong vũ trụ. Linh hồn truyền sinh khí (breathes), còn hình tướng (form) của nó thì sống nhờ vào đó”. Bản chất nhịp nhàng của sự thiên định của linh hồn phải không bị bỏ qua trong đời sống của người tìm đạo. Có sự dao động lên xuống (ebb and flow) trong khắp thiên nhiên, và trong các đợt thủy triều của đại dương, chúng ta có một sự hình dung tuyệt diệu về một định luật vĩnh cửu. Khi người tìm đạo tự mình hiệu chỉnh với các triều lưu của sự sống linh hồn, y bắt đầu nhận ra rằng luôn luôn có một luồng tuôn chảy vào, một luồng truyền sinh lực và một luồng kích thích, vốn được theo sau bằng một luồng tuôn chảy ra cũng chắc chắn và không thể tránh khỏi như các định luật bất biến của lực. Sự dao động lên xuống này có thể được nhìn thấy đang tác động trong các diễn biến của sự chết và sự lâm phạm. Nó cũng có thể được nhìn thấy khắp toàn bộ diễn trình các kiếp sống của một người, vì một số kiếp sống có thể được thấy là có vẻ tĩnh tại và yên ổn (uneventful), chậm chạp và trì trệ (inert) theo góc độ về kinh nghiệm của linh hồn, trong khi những kiếp sống khác thì sôi nổi (vibrant), tràn đầy kinh nghiệm và sự tăng trưởng. Tất cả các bạn, tức là những người phụng sự, nên ghi nhớ điều này khi các bạn đang tìm cách giúp những người khác sống một cách chính đáng. Có phải họ đang ở vào lúc triều xuống (ebb), hay có phải họ đang bị lệ thuộc vào dòng năng lượng linh hồn (soul energy)? Có phải họ đang trải qua một giai đoạn bất động tạm thời, chuẩn bị cho sự thôi thúc và nỗ lực to tát hơn, sao cho công việc cần làm phải là công việc củng cố, và làm ổn định ngõ hầu giúp cho họ “đứng vững trong bản thể tinh thần” (“stand in spiritual being”), hoặc là có phải họ đang chịu lệ thuộc vào một dòng chảy vào theo

chu kỳ (a cyclic inflow) của các thần lực? Trong trường hợp này, hành giả phải tìm cách trợ giúp đúng hướng và sử dụng năng lượng mà (nếu bị điều khiển sai) sẽ đưa đến kết quả là các kiếp sống bị làm hỏng, nhưng khi được sử dụng một cách khôn khéo sẽ tạo ra một cơ hội phụng sự đầy đủ và có kết quả.

Các tư tưởng trên cũng có thể được áp dụng bởi nhà nghiên cứu về nhân loại đối với các chu kỳ lớn của giống dân, và nhiều điều lý thú sẽ được khám phá. Hơn nữa, và có tầm quan trọng sống còn hơn đối với chúng ta, là các thôi thúc theo chu kỳ này trong kiếp sống của người đệ tử có một tần suất, một tốc độ, một sức mạnh lớn lao hơn là trong kiếp sống của một người bình thường. Chúng xảy ra xen kẽ với một mức nhanh chóng làm cho kiệt sức. Kinh nghiệm lên đồi và xuống thung lũng của nhà thần bí chỉ là một cách diễn tả hiện tượng lên xuống này. Đôi khi đệ tử bước đi trong ánh sáng, còn những lúc khác trong bóng tối; thỉnh thoảng y biết được niềm vui của sự hòa hợp hoàn toàn, và khi khác thì tất cả dường như buồn tẻ và vô bổ; công cuộc phụng sự của y đôi khi là một kinh nghiệm có kết quả và vừa ý, và y dường như có thể thực sự giúp ích; vào các lúc khác, y cảm thấy rằng mình đã không cố gắng được gì, và việc phụng sự của y trở nên vô vị và dường như không mang lại kết quả. Có những ngày mọi việc đều rõ ràng đối với y, và y dường như đứng trên đỉnh núi nhìn ra một phong cảnh tràn ngập ánh nắng, nơi mà vạn vật đều trong trẻo trước cái nhìn của y. Y biết và cảm nhận chính mình là một con của Thượng Đế. [195] Tuy nhiên, về sau, các đám mây mù dường như giáng xuống, và y không còn chắc chắn về điều gì cả, và dường như không biết gì cả. Y bước đi trong ánh nắng, và hầu như bị áp đảo bởi sự chói lọi và sức nóng của các tia sáng mặt trời, và tự hỏi không

rõ cái kinh nghiệm thất thường này và sự luân phiên dữ dội của các đối nghịch này sẽ tiếp diễn trong bao lâu.

Tuy thế, một khi mà y hiểu được sự thật là y đang chứng kiến hiệu quả của các thôi thúc theo chu kỳ, và hiệu quả của việc thiền định của linh hồn trên bản chất hình tướng của y, ý nghĩa liền trở nên sáng tỏ hơn, và y nhận ra rằng chính khía cạnh hình hài đó đang thất bại trong sự đáp ứng của nó, và đang phản ứng lại với năng lượng một cách thất thường. Lúc bấy giờ y học được rằng một khi y có thể sống trong ý thức linh hồn (soul consciousness) và đạt đến “cao độ” đó (Tôi tạm diễn tả như thế) một cách tùy ý, thì các dao động (fluctuations) của sự sống sắc tướng sẽ không chạm đến y. Lúc bấy giờ y mới cảm nhận được nẻo đạo hẹp như lưỡi dao cạo đang dẫn từ cõi của sự sống hồng trần, đến lĩnh vực của linh hồn, và thấy rằng khi y có thể bước lên nẻo đạo một cách vững chãi, nó sẽ dẫn dắt y ra khỏi thế giới hằng thay đổi của các giác quan, đi vào ánh sáng trong treo ban ngày và đi vào thế giới của thực tại.

Đối với y, khía cạnh hình hài của sự sống khi đó trở nên đơn giản là một môi trường dành cho phụng sự mà không còn là một lĩnh vực của nhận thức giác quan nữa. Môn sinh hãy suy ngẫm về câu cuối này. Y hãy cố gắng sống như một linh hồn. Khi đó các thôi thúc theo chu kỳ, xuất phát từ linh hồn, được biết như là các thôi thúc mà chính y có trách nhiệm đối với chúng, và là những gì mà y đã phát ra; lúc đó y tự biết mình là nguyên nhân khơi mào chứ không phải y lệ thuộc vào các kết quả. (4-62/4)

2. Cầu mong có một sự tác động đầy đủ và đều đặn của mãnh lực có chu kỳ từ giới tinh thần lên mỗi chúng ta, kêu gọi chúng ta tiến vào lĩnh vực ánh sáng, bác ái, và phụng sự, và tạo ra một sự đáp ứng theo chu kỳ từ mỗi người! Cầu

mong có một điểm gặp gỡ thường xuyên giữa những người truyền đạt giáo huấn và người đệ tử đang mưu tìm giáo huấn! (4-64/5)

3. Thời điểm mà một người đặt bàn tay của y vào cái cày và bắt đầu việc cày bừa của y, từ thời điểm đó cho đến khi y đã hoàn thành nhiệm vụ của y, y vẫn tự do bên trong nhưng bị giới hạn ở bề ngoài. Vì vậy, phải luôn luôn ở cùng với những người phụng sự trong công việc của chúng ta.

Nhưng những thời điểm cao trào có tầm quan trọng, và việc theo đuổi một tinh thần chung bằng phẳng thường không tốt cho một đệ tử, nếu được duy trì quá lâu Các bước ngoặt của linh hồn là những sự mở rộng, được ghi nhận bởi dòng lưu nhập của bác ái và ánh sáng. Chúng là những bước ngoặt được nhận thức về trí tuệ của tính bao gồm. Những điều này dẫn dắt một người tiếp tục đi và chuẩn bị y cho các cuộc mở rộng rộng lớn hơn sau này mà chúng ta gọi là các cuộc điểm đạo. (5-228/9)

4. Một chuỗi liên tục những sự khai sáng tâm linh và một sự cố vũ không suy giảm tới các sự tiếp xúc cao cuối cùng sẽ làm cùn lụt khí cụ để [196] cho những sự nhận thức đích thực sẽ phai mờ. Hãy suy ngẫm về điều này, huynh đệ của tôi, và hãy biết ơn những ngày của nhiệm vụ sắp tới, của sinh hoạt yên tĩnh, của sự định hướng kiên định về phía ánh sáng, của sự giao tiếp thầm lặng với linh hồn của bạn, của việc học tập và của tư tưởng. (5-323/4)

5. Mọi cuộc sống có tính chu kỳ, và đây là một điểm mà các đệ tử thường quên và bỏ qua; khi đó họ nhận thấy họ chán nản khi tính mãnh liệt của cảm giác rời bỏ họ. Điểm đạo đồ luôn đi theo lộ trình thẳng giữa các cặp đối lập, thanh thản và không sợ hãi. (5-448)

43. TÂM NHÌN

1. Những người thấy được một linh thị mà những người khác không thấy do thiếu thiết bị cần thiết cho việc nhận biết linh thị đó, lại bị xem là hoang tưởng (fanciful) và không đáng tin. Khi nhiều người thấy được hình ảnh đó thì khả năng nhìn thấy đó được thừa nhận, nhưng khi chính nhân loại có thị giác được đánh thức và mở rộng, việc nhìn thấy đó không còn được nhấn mạnh nữa, mà là một sự thật được trình bày và một định luật được đưa ra. Lịch sử của quá khứ đã như thế và diễn tiến trong tương lai cũng sẽ như thế. (4-16)

2. Vị đệ-tử thực sự nhìn thấy được linh thị. Lúc đó, vị đệ-tử này tìm cách tiếp xúc thật mật thiết với linh hồn y, sao cho y có thể đứng vững vàng trong khi y nỗ lực để làm cho linh thị đó thành hiện thực; y nhắm đạt tới những gì mà theo quan điểm của thế gian thì dường như là không thể xảy ra, biết rằng linh thị đó không được thành hiện thực thông qua tính thủ đoạn và sự thích nghi quá mức (undue adaptation) của những ý tưởng đề xuất bởi các cố vấn trần tục hoặc thuộc hạ trí thức. (4-630/1)

3. Linh thị là một cách tượng trưng của việc trải nghiệm sự mặc khải. Sự khai mở dần dần của từng giác quan trong số năm giác quan đã mang đến sự tiết lộ đều đặn mới mẻ về thế giới của các vị Thần và một linh thị liên tục mở rộng. Sự phát triển của thị giác mang lại một năng khiếu tổng hợp để tập trung các kết quả của mọi linh thị nhỏ được mang tới điểm tiết lộ bởi bốn giác quan. Rồi đến một linh thị, được tiết lộ bởi "luong tri" của thể trí. Điều này thể hiện trong giai đoạn phát triển nhất của nó khi sự nhận thức thế giới nơi nào liên quan

đến các vấn đề của con người, và thường xuyên thể hiện trong các kế hoạch phạm ngã rộng lớn của các nhà lãnh đạo thế giới trong các lĩnh vực khác nhau của sinh hoạt con người. Nhưng linh thị mà bạn nên quan tâm, là trở nên ý thức về những gì mà linh hồn biết và những gì mà linh hồn nhìn thấy, qua việc sử dụng chìa khóa của linh thị linh hồn – là trực giác. Chìa khóa đó chỉ có thể được sử dụng một cách thông minh và hữu thức [197] khi các vấn đề của phạm ngã đang rơi xuống dưới ngưỡng tâm thức.

... Một đệ tử trở thành Đệ tử Nhập Môn khi y bắt đầu leo lên hướng tới linh thị, hướng tới đỉnh núi; y cũng có thể ghi nhận một cách hữu thức những gì y đã thấy, và sau đó bắt đầu làm điều gì đó mang tính xây dựng hướng tới việc hiện thực hóa nó. Điều này, nhiều người trên khắp thế giới đang bắt đầu làm. Một người trở thành một Đệ tử Thế giới theo nghĩa chuyên môn khi linh thị đối với y là một sự thật quan trọng và quyết định trong tâm thức của y, và là một điều mà mọi nỗ lực hằng ngày của y được phụ thuộc. Y không cần ai tiết lộ Thiên Cơ cho y. Y biết. Ý thức về tỷ lệ của y được điều chỉnh theo sự mặc khải, và cuộc sống của y được hiến dâng để đưa linh thị vào sự hiện tồn thực tế – trong sự cộng tác với nhóm của y.

Do đó, đó là một tiến trình khai mở dần dần đến một giai đoạn nhất định.

Sau khi đã đạt đến giai đoạn đó, nó không còn là linh thị vốn là yếu tố chi phối nữa, mà là lĩnh vực của kinh nghiệm, của việc phụng sự, và của sự thành tựu. Hãy suy ngẫm về điều này. (5-687/8)

4. Thị giác (sight) là phát triển quan trọng nhất trong mọi phát triển trong chu kỳ thế giới này, trong đó Thượng Đế

đang tìm cách đưa các giới dưới nhân loại đến trình độ mà khả năng nhìn của con người trở thành khả năng của chúng, để đưa nhân loại đến trình độ mà linh thị *ting thần* (*spiritual vision*) được phát triển, và nhận thức thấu suốt của Thánh Đoàn là tính chất bình thường của thị giác của điểm đạo đồ (*initiate sight*), và để đưa các Thành Viên của Thánh Đoàn đến mức mà nhận thức vũ trụ là của các Ngài. Do đó, có thể nói rằng :

1. *Qua cánh cửa biệt ngã hóa*, các giới dưới nhân loại chuyển tới tầm nhìn con người, dẫn đến sự tiếp xúc trí tuệ và ấn tượng sáng suốt.

2. *Qua cánh cửa điểm đạo*, nhân loại chuyển tới linh thị *ting thần* (*spiritual vision*), đưa đến sự tiếp xúc với linh hồn và ấn tượng tâm linh.

3. *Qua cánh cửa đồng nhất hóa*, Thánh Đoàn chuyển tới linh thị vũ trụ, dẫn đến sự tiếp xúc với Chân Thần và ấn tượng ngoại-hành-tinh. (11-56)

Xem thêm: (4-368) [198]

44. MẮT CỦA LINH HỒN

Như là một kết quả của việc suy nghĩ tập trung "vào trái tim", con mắt tâm linh mở ra và trở thành tác nhân điều khiển, được điểm đạo đồ sử dụng một cách hữu thức.

... Những từ "vào trái tim" ở đây có nghĩa là gì? Linh hồn là trái tim của hệ thống con người *ting thần*; nó là vị trí của sự sống và tâm thức làm sinh động phàm ngã, và nó là uy lực thúc đẩy trong mỗi kiếp lâm phàm, dựa theo kinh nghiệm, chi phối sự biểu lộ của con người tâm linh trong bất kỳ lần tái sinh cụ thể nào. Trong các giai đoạn đầu của kinh nghiệm, "con mắt" này vẫn đóng; không có khả năng cho tư

tưởng và không có năng lực suy tư trong tim nào hiện diện; nghĩa là từ các cấp độ linh hồn. Khi trí năng phát triển và năng lực tập trung vào cõi trí tăng trưởng, sự thật về sự tồn tại của linh hồn trở nên được biết đến, và mục tiêu chú ý thay đổi. Tiếp theo đó là khả năng tập trung vào tâm thức linh hồn và vì thế kết nối linh hồn với thể trí, để một sự nhất quán xảy ra, và một người khi đó có thể bắt đầu suy nghĩ "trong trái tim của y". Bấy giờ, "con mắt của linh hồn" cũng mở ra, và năng lượng từ các cấp độ linh hồn, được sử dụng một cách thông minh, trở nên được điều khiển từ các cấp độ đó, và tuân theo điều mà giờ đây được gọi một cách mơ hồ là "con mắt thứ ba". Ngay lập tức phạm ngã trong ba cõi thấp bắt đầu tự biểu lộ như là linh hồn trên cõi trần, và ý chí, mục đích và bác ái bắt đầu kiểm soát ...

Bây giờ, hãy để tôi mở rộng khái niệm hơn nữa, nhắc bạn nhớ đến cụm từ rất thường được sử dụng, "Toàn Nhân Thông" ("All-seeing Eye"). Điều này đề cập đến quyền lực của Hành Tinh Thượng Đế khi nhìn vào mọi bộ phận, khía cạnh và giai đoạn (trong thời gian và không gian) của hiện thể hành tinh của Ngài, vốn là cơ thể vật chất của Ngài, và đồng nhất hóa chính Ngài với mọi phản ứng và tính nhạy cảm của thể giới được tạo ra của Ngài, và để tham gia với đầy đủ kiến thức trong tất cả mọi biến cố và diễn biến. Ngài làm điều này qua trung gian nào, trên các cấp độ cao của chính Ngài? Như thế Ngài "nhìn thấy" qua cơ cấu nào? Cơ quan thị giác của Ngài là gì? Bản chất của thị giác mà nhờ đó Ngài tiếp xúc với bảy cõi của vũ trụ biểu lộ của Ngài là gì? Cơ quan được Ngài sử dụng, tương ứng với con mắt thứ ba trong con người, là gì? Câu trả lời như sau: Chân Thần đối với Hành Tinh Thượng Đế giống như con mắt thứ ba đối với con người; điều này sẽ trở nên rõ ràng hơn với bạn nếu bạn nhớ

rằng bảy cõi của chúng ta chỉ là bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ. Thế giới Chân Thần – gọi là thế – là cơ quan thị giác của Ngài; nó cũng là tác nhân điều khiển của Ngài đối với sự sống và ánh sáng phải được tuôn đổ vào thế giới hiện tượng. Tương tự như vậy, Chân Thần đối với phàm ngã trong tam giới, cũng là cội nguồn của sự sống và ánh sáng của nó. [199]

Do đó, có ba cơ quan của sự mặc khải, liên quan đến con người tinh thần:

1. Mắt người, cung cấp "sự hiểu biết sâu sắc" vào thế giới hiện tượng, để cho ánh sáng đi vào và mang lại sự khai thị về môi trường chung quanh.

2. Con mắt của linh hồn, mang lại sự mặc khải về bản chất của thế giới bên trong, của Thiên Giới và của Thiên Cơ.

3. Trung tâm bên trong Sự sống Duy Nhất mà chúng ta gọi bằng từ ngữ vô nghĩa là Chân Thần, điểm linh quang trong Ngọn Lửa duy nhất. Trong các giai đoạn cuối của Cuộc Điểm Đạo, Chân Thần trở thành tác nhân tiết lộ Mục đích của Thượng đế, Ý chí của Hành Tinh Thượng Đế, và cánh cửa mở ra trên Con đường Tiến hóa Cao siêu. Con đường này dẫn một người ra khỏi cõi hồng trần vũ trụ lên tới cõi cảm dục vũ trụ, và do đó vào trong thế giới của khả năng tri giác thiêng liêng, mà chúng ta không thể có sự cảm thông khả hữu nào, nhưng sự phát triển tâm thức đã cung cấp cho chúng ta những bước đầu tiên đối với điều đó.

Con người đã học cách sử dụng con mắt hồng trần và qua đó tìm đường đi đây đó và xuyên qua môi trường chung quanh của y. Giai đoạn trong quá trình tiến hóa của con người mà trong đó y đã lần đầu tiên học cách "nhìn thấy" nằm ở xa phía sau, nhưng khi y đã thấy và có thể tập trung và điều khiển đường đi của y bằng thị giác, điều đó đã đánh dấu một sự khai mở kỳ diệu, và lối vào thực sự đầu tiên của y

trên Con đường Ánh sáng. Hãy suy ngẫm về điều này. Nó cũng có những tác động bên trong và thực ra là kết quả của một sự tương tác có tính khẩn nguyện giữa các trung tâm quyền lực bên trong và sinh vật đang mò mẫm trong thế giới hiện tượng.

Con người bây giờ đang học cách sử dụng con mắt của linh hồn, và khi y làm như vậy, y mang sự tương ứng của nó trong đầu cũng vào hoạt động chức năng; điều này tạo ra sự hợp nhất và sự đồng nhất hóa, và đưa tuyến tủy vào hoạt động. Tuy nhiên, kết quả chính là giúp cho đệ tử trở nên ý thức, trong khi ở trong thể xác, về một phạm vi các sự tiếp xúc và các nhận thức mới. Điều này đánh dấu một bước ngoặt trong sự khai mở của y cũng có một bản chất quyết liệt và quan trọng như việc đạt được thị giác cõi trần và sử dụng mắt hồng trần trong việc khai mở của sinh vật kỳ lạ vốn đã xảy ra trước người thú nguyên thủy nhất. Những thứ không biết giờ đây có thể được cảm nhận, được tìm kiếm, và cuối cùng được nhìn thấy; một thế giới hiện tồn mới trở nên hiển nhiên, vốn đã luôn luôn hiện diện, mặc dù chưa từng được biết đến trước đây; cuộc sống, bản chất, tính chất và các hiện tượng của giới linh hồn, hoặc của Thánh Đoàn, trở nên cũng rõ ràng trước tầm nhìn của y và cũng thật như thế giới của các giác quan hồng trần sống động.

Rồi về sau, trên Con Đường Điểm Đạo, điểm đạo đồ phát triển sự tương ứng nhỏ bé của y với "Toàn Nhãn Thông" hành tinh. Y khai mở các quyền năng [200] của Chân Thần. Những điều này liên quan đến Mục đích thiêng liêng và với thế giới mà trong đó đức Sanat Kumara hoạt động, và cái mà chúng ta gọi là Shamballa, tôi đã gây ấn tượng với bạn ở nơi khác rằng trạng thái hiện tồn của Chân Thần không liên quan gì đến cái mà chúng ta gọi là tâm thức; theo cách tương

tự, không có gì trong thế giới Shamballa có cùng bản chất với thế giới hiện tượng của con người trong tam giới, hay thậm chí của thế giới linh hồn. Đó là một thế giới của năng lượng thuần khiết, của ánh sáng và của lực có định hướng; nó có thể được xem như những luồng và các trung tâm của thần lực, tất cả tạo thành một mô hình của vẻ đẹp hoàn toàn, tất cả gọi lên mạnh mẽ về thế giới của linh hồn và thế giới của các hiện tượng; do đó nó cấu thành, theo một ý nghĩa rất thực, thế giới của nguyên nhân và của điểm đạo.

Khi con người là con người, con người là đệ tử, và con người là điểm đạo đồ, dần dần tiến về phía trước trên dòng đời, sự mặc khải đến từng bước, đi từ tiêu điểm lớn này sang tiêu điểm lớn khác, cho đến khi không còn gì nữa còn lại để được tiết lộ.

Trong tất cả những điểm khủng hoảng tinh thần hoặc của cơ hội cho linh thị, cho cái nhìn sâu sắc mới mẻ về tâm linh, và cho sự mặc khải (vì đó là những gì chúng có trong thực tại), tư tưởng đấu tranh là tư tưởng đầu tiên đảm bảo sự chú ý. Về việc này, tôi đã dùng các từ "giai đoạn thâm nhập"; tư tưởng mà điều này truyền đạt đến sự hiểu biết ban đầu, biểu thị một sự mở rộng của cuộc đấu tranh mà tân đạo sinh thực hiện để đạt được sự kiểm soát bên trong, và sau đó để sử dụng thế trí như là một đèn pha để thâm nhập vào các lĩnh vực mới của ý thức và sự nhận thức. Đừng quên rằng sự nhận thức bao hàm sự giải thích đúng đắn và mối quan hệ đúng đắn với những gì được nhìn thấy và được tiếp xúc. Khái niệm về "toàn bộ linh thị" hoặc một sự tổng hợp năng lực tri giác đi vào toàn bộ sự mặc khải, và sau đó đến nhận thức về những gì được nhìn thấy và được nhận thức. Đó là thế trí (là lương tri, như nó đã từng được gọi) sử dụng các giác quan nhận thức hồng trần, và qua sự đóng góp thống

nhất của chúng, có được "linh thị toàn bộ" và một sự tổng hợp nhận thức về thế giới hiện tượng, tùy theo trình độ phát triển của con người, năng lực trí tuệ của y để nhận thức, giải thích đúng đắn và liên kết đúng đắn những gì đã được chuyển tải đến y bằng hoạt động của năm giác quan. Đây là những gì hàm ý khi chúng ta sử dụng cụm từ "con mắt thể trí", và khả năng này là sở hữu chung của nhân loại ở những mức độ sẵn có khác nhau.

Về sau, con người sử dụng "con mắt của linh hồn", như chúng tôi đã lưu ý ở trên; nó tiết lộ cho y một thế giới của những hiện tượng tinh vi hơn, là Thiên Giới, hay thế giới của linh hồn. Bấy giờ, ánh sáng trực giác tuôn đổ vào, mang lại năng lực nhận thức và giải thích và liên kết đúng đắn.

Khi đệ tử và điểm đạo đồ tiến triển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác của sự mặc khải, sự khó khăn trở nên ngày càng tăng để làm rõ không chỉ những gì [201] được tiết lộ, mà còn cả các tiến trình của sự mặc khải, và các phương pháp được sử dụng để mang lại giai đoạn mặc khải. Đại khối rộng lớn nhân loại trên khắp thế giới không có ý tưởng rõ ràng về chức năng của thể trí như là một cơ quan linh thị được linh hồn chiếu sáng; còn ít hơn nữa, chỉ có các đệ tử và điểm đạo đồ, có thể nhìn thoáng qua mục đích của con mắt tâm linh và hoạt động của nó dưới ánh sáng của trực giác. Do đó, khi chúng ta đi đến cơ quan vĩ đại của sự khải thị phổ quát, là nguyên khí Chân Thần, hoạt động qua trung gian của ánh sáng ngoại hành tinh, thì chúng ta đi vào các lĩnh vực không thể xác định và không có thuật ngữ nào cho chúng đã được tạo ra, và chỉ những điểm đạo đồ trên cấp độ thứ ba mới có thể xem xét. (6-289/94)

45. MẮT THỨ BA.

1. Không người nào là một nhà huyền thuật hay là người hoạt động trong chánh thuật cho đến khi con mắt thứ ba được khai mở, hoặc là ở trong tiến trình đang khai mở, vì chính là nhờ con mắt đó mà hình-tư-tượng được cấp năng lượng, được điều khiển, được kiểm soát, và các thần kiến tạo cấp thấp hay các mãnh lực được cuốn vào bất cứ đường lối hoạt động đặc biệt nào.... Nơi nhân loại, “Mắt Shiva” có vị trí của nó,... ở giữa trán, giữa hai mắt xác thịt. (3-1008)

2. ... Đó là con mắt của nội nhân thông, và người đã mở con mắt đó thì có thể điều khiển và kiểm soát được năng lượng của vật chất, thấy được mọi vật trong Hiện Tại Vĩnh Cửu, và do đó tiếp xúc với các nguyên nhân nhiều hơn là với các kết quả, đọc được tiên thiên ký ảnh, và có được nhân thông. Do đó, kẻ sở hữu nó có thể kiểm soát được các thần kiến tạo cấp thấp. (3-1011)

3. Nhờ thực hành năng lực hình dung, mắt thứ ba được phát triển. Các hình tượng được hình dung, các ý tưởng và các khái niệm trừu tượng, trong tiến trình này, vốn được bao bọc và được vận chuyển (vehicled) về mặt trí tuệ, được hình dung cách con mắt thứ ba một vài inch (=2,54^{cm}). Chính sự hiểu biết về điều này làm cho các nhà yoga Đông Phương nói về việc “tập trung vào chóp mũi”. Đàng sau câu nói sai lạc này che đậy một đại chân lý. (3-1012)

4. Bí huyết giữa hai lông mày thường được gọi là con mắt thứ ba, có một chức năng độc đáo và đặc biệt..... Các đạo sinh không được lầm lẫn tuyến tùng quả với con mắt thứ ba. Chúng có liên quan nhưng không phải như nhau.... Con mắt thứ ba biểu hiện như là một kết quả của sự tương tác rung động giữa các mãnh lực của linh hồn, tác động xuyên qua tuyến tùng quả, với các lực của [202] phạm ngã, tác động

xuyên qua tuyến yên. Các lực tiêu cực (negative) và tích cực (positive) này tác động lên nhau, và khi đủ mạnh, sẽ tạo ra ánh sáng trong đầu. Giống như mắt xác thịt xuất hiện để đáp ứng với ánh sáng mặt trời, vì thế mắt tinh thần cũng xuất hiện để đáp ứng với ánh sáng của mặt trời tinh thần. Khi người tìm đạo phát triển, y bắt đầu ý thức về ánh sáng. Tôi đề cập đến ánh sáng trong mọi hình tướng, bị che đậy bởi tất cả các lớp vỏ (sheaths), và các biểu lộ của sự sống thiêng liêng, chứ không chỉ đề cập đến ánh sáng bên trong bản thân người tìm đạo. Khi sự nhận thức của y về ánh sáng này tăng lên, qua đó bộ máy linh thị phát triển, và cơ cấu mà nhờ đó y có thể nhìn thấy sự vật trong ánh sáng tinh thần, xuất hiện trong thể dĩ thái.

Đây là mắt của Shiva, vì mắt đó chỉ được hoàn toàn sử dụng trong công tác huyền thuật khi trạng thái Chân Thần, tức trạng thái ý chí, đang kiểm soát.

Nhờ vào con mắt thứ ba, linh hồn hoàn thành ba hoạt động:

1. Đó là *mắt của linh thị (vision)*. Nhờ nó, con người tinh thần nhìn thấy đằng sau các hình thức của mọi khía cạnh của sự biểu lộ thiêng liêng. Y bắt đầu nhận thức được ánh sáng của thế giới, và tiếp xúc với linh hồn bên trong mọi hình hài. Giống như mắt hồng trần ghi nhận các hình hài, cũng thế mắt tâm linh ghi nhận sự chiếu sáng bên trong các hình hài này, mà “sự chiếu sáng” đó cho thấy một trạng thái đặc thù của sự sống. Nó mở ra thế giới đầy ánh sáng chói lọi.

2. Đó là *yếu tố kiểm soát công việc huyền thuật*. Tất cả công việc huyền linh thuật đều được xúc tiến với một mục đích kiến tạo nhất định, có thể thực hiện qua việc sử dụng ý chí sáng suốt. Nói cách khác thì linh hồn hiểu biết thiên cơ, và khi sự chinh phục được chính xác và thái độ được đúng đắn,

thì trạng thái ý chí của thiên nhân (divine man) có thể hoạt động và mang lại các kết quả trong ba cõi thấp. Cơ quan được sử dụng là con mắt thứ ba. Sự tương tự với điều này có thể được nhìn thấy trong năng lực thường được ghi nhận của mắt người khi nó kiểm chế những người khác và các con vật bằng một cái nhìn, và qua cái nhìn chăm chăm có thể tác động có tính từ lực. Sức mạnh tuôn ra qua mắt người được chú định. Thần lực tuôn ra qua con mắt thứ ba được chú định.

3. Nó có một trạng thái hủy diệt và năng lượng tuôn ra qua con mắt thứ ba có thể có một tác dụng làm tan rã và phá hủy. Qua sự tập trung chú ý của nó, được hướng dẫn bởi ý chí sáng suốt, nó có thể đuổi đi chất hồng trần. Đây là tác nhân (agent) của linh hồn trong công việc thanh lọc (purificatory work).

... Theo một ý nghĩa huyền bí nhất, linh hồn là mắt của Chân Thần, giúp cho Chân Thần, vốn là Thực-Thể (Being) thuần khiết, hoạt động, tiếp xúc, hiểu biết và nhìn thấy. (4-212 5) [203]

46. ẤN TƯỢNG

Đối với người tìm đạo và nhất là đối với đệ tử hữu thức, ấn tượng cần được xem xét, đến từ bốn cội nguồn :

1. Từ chính linh hồn của đệ tử.
2. Từ Ashram (Huyền Viện) mà đệ tử sẽ được gia nhập.
3. Trực tiếp từ Chân Sư.
4. Từ Tam Thượng Thể Tinh Thần, xuyên qua antahkarana.

Hai giai đoạn đầu bao hàm giai đoạn của hai cuộc điểm đạo đầu tiên; giai đoạn thứ ba đi trước cuộc điểm đạo thứ ba

và tiếp tục tồn tại cho đến khi đệ tử thành Chân Sư; kiểu thứ tư của ấn tượng về thông tin có thể được ghi nhận sau cuộc điểm đạo thứ ba và tiếp cận đệ tử trong Huyền Viện; lúc bấy giờ chính y có nhiệm vụ tạo ấn tượng lên thể trí của y với những gì mà y đã được kể và được biết bên trong Ashram; sau rốt với tư cách một Chân Sư của một Ashram, y bắt đầu một trong các nhiệm vụ chính yếu của Thánh Đoàn là tinh thông Khoa học về Ấn Tượng. Do đó có hai khía cạnh cho công việc ấn tượng này: một khía cạnh bàn đến khả năng nhận được ấn tượng; khía cạnh kia bàn về năng lực trở thành một tác nhân tạo ấn tượng. Đệ tử không được phép thực hành thuật tạo ấn tượng cho đến khi chính y ở trong số những người nhận ấn tượng của Tam Thượng Thể và do đó ấn tượng từ Shamballa, bên trong lĩnh vực che chở hay hào quang của Ashram mà y được gia nhập. Phải nhớ rằng Khoa Học Ấn Tượng này thực ra là khoa học tạo-hình-tư-tượng, làm sinh động hình-tư-tượng và điều khiển hình tư tượng; và chỉ có đệ tử đã vượt qua các tiến trình Biến Dung (Transfiguration) và không còn là nạn nhân của chính phạm ngã của y mới có thể được giao phó cho một chu trình quyền năng nguy hiểm như thế. Bao lâu mà còn có bất cứ ham muốn nào đối với quyền năng ích kỷ, đối với sự chi phối không có tính tinh thần, và đối với ảnh hưởng trên các thể trí của những kẻ khác hoặc lên các nhóm khác, thì theo các qui luật của Thánh Đoàn, đệ tử không thể được phó thác cho sự sáng tạo các hình tư tượng một cách có chủ tâm, được thiết kế để tạo ra các hiệu quả đặc biệt, và cho sự gieo rắc các kết quả đó cho con người và các nhóm. Sau khi đệ tử đã vượt qua các thử thách của cuộc Điểm Đạo Biến Hình, thì đệ tử mới có thể làm thế. Khoa Học Ấn Tượng là tảng đá nền (bedrock) hay là nền tảng cho việc thực hành viên cảm. (11-86/7)

(a) Viễn Cảm

1. Sự giao tiếp viễn cảm. . . là việc ghi nhận trong ý thức não bộ vật chất về thông tin được truyền đạt:

a/ Trực tiếp từ Chân Sư đến đệ-tử; từ đệ-tử đến đệ-tử, từ đạo-sinh đến đạo-sinh. [204]

b/ Từ Chân Sư hoặc đệ-tử đến Chân Ngã và từ đó đến phàm ngã, xuyên qua các cõi phụ nguyên-tử. Do đó bạn sẽ lưu ý rằng chỉ những người mà trong các thể của họ có vật-chất thuộc cõi phụ nguyên-tử, mới có thể hoạt động theo cách này. Mức an toàn và độ chính xác nằm trong năng lực này.

c/ Từ Chân Ngã (ego) đến Chân Ngã xuyên qua thể nguyên-nhân và được truyền trực tiếp theo phương pháp trước, hoặc được lưu trữ cho đến khi thực hiện hết một cách từ từ và theo nhu cầu. (4-179)

2. (Công việc viễn cảm từ linh hồn đến linh hồn) là loại công tác viễn cảm cao nhất có thể có đối với nhân loại, và là hình thức giao tiếp vốn đã chịu trách nhiệm cho tất cả các tác phẩm được linh hứng (inspirational writings) có quyền năng thực sự, là các Kinh Thánh (Scriptures) của thế gian, những phát biểu giác ngộ, các diễn giả có cảm hứng, và ngôn ngữ của biểu tượng học. Điều đó chỉ có thể xảy ra ở nơi nào có phàm ngã tích hợp, và đồng thời có năng lực tự tập trung vào linh hồn thức. Đồng thời thể trí và não bộ phải được đưa vào mối quan hệ và sự chỉnh hợp hoàn hảo. (11-12)

3. Khi một người, với tư cách một linh hồn, có thể đáp ứng với các linh hồn khác, và các tác động và các ấn tượng của họ, thì lúc bấy giờ y đang nhanh chóng trở nên sẵn sàng cho các tiến trình đưa đến điểm đạo.....

Công tác viễn cảm *giữa linh hồn với thể trí*. Đây là kỹ thuật mà nhờ đó thể trí được “giữ ổn định trong ánh sáng”,

và bấy giờ trở nên ý thức về nội dung của tâm thức linh hồn, một nội dung bẩm sinh, hay những gì là một phần của sự sống tập thể của linh hồn trên cõi riêng của nó, và khi ở vào trạng thái tương giao viển cảm với các linh hồn khác.... Đây là ý nghĩa thực sự của viển cảm trực giác. Nhờ phương tiện liên giao này mà thể trí của bậc đệ tử được dồi dào với các ý tưởng tâm linh mới mẻ; y trở nên biết được Thiên Cơ vĩ đại; trực giác của y được đánh thức. Ở đây có một điểm nên được ghi nhớ, vốn thường bị quên đi: luồng lưu nhập (inflow) của các ý tưởng mới từ các phân cảnh bồ đề, như vậy đánh thức được trạng thái trực giác của đệ tử, cho thấy rằng linh hồn của y đang bắt đầu tích hợp một cách hữu thức và một cách rõ rệt với Tam-Thượng-Thể Tinh Thần, và do đó ngày càng ít đồng hóa với phản ảnh thấp, là phàm ngã. Sự nhạy bén trí tuệ này và mối quan hệ giữa linh hồn với thể trí, trong một thời gian, vẫn tương đối còn phôi thai trên cõi trí. Những gì được cảm nhận vẫn còn quá mơ hồ hay quá trừu tượng để trình bày rành mạch. Đó là giai đoạn của linh thị thần bí và của sự khai mở thần bí.

Công tác viển cảm *giữa linh hồn, thể trí với não bộ*. Trong giai đoạn này thể trí vẫn còn là nơi thu nhận ấn tượng từ linh hồn, nhưng, đến phiên nó, thể trí trở nên “tác nhân truyền chuyển” (“transmitting agent”) hay tác nhân truyền đạt (communicator). Các ấn tượng [205] nhận được từ linh hồn, các trực cảm (intuitions) được ghi nhận như là xuất phát từ Tam-Thượng-Thể Tinh-Thần xuyên qua linh hồn, bây giờ được trình bày rõ ràng thành các tư tưởng. Các ý tưởng mơ hồ và linh thị từ trước đến giờ không được biểu lộ, thì bây giờ có thể được bao phủ trong hình hài và được đưa ra như là các hình tư tưởng được hiện thân cho bộ óc của vị đệ tử – cuối cùng và như là kết quả của việc huấn luyện chuyên môn,

đệ tử có thể theo cách này tiếp cận thể trí và não bộ của các đệ tử khác. Đây là một giai đoạn cực kỳ lý thú. Nó tạo thành một trong các phần thường chính của cách thiền định đúng đắn và bao hàm nhiều trách nhiệm đích thực...

Công tác viên cảm giữa một *Chân Sư* (tiêu điểm của một nhóm) với một đệ tử trên thế gian. Đó là một chân lý huyền linh mà không người nào thực sự được chấp nhận vào một nhóm của *Chân Sư* với tư cách một đệ tử nhập môn (accepted disciple), cho tới khi y đã trở nên dễ bị ảnh hưởng về mặt tâm linh và có thể hoạt động với tư cách một thể trí trong sự cộng tác với chính linh hồn y. Trước đó y không thể trở thành một thành phần hữu thức của một nhóm hoạt động trên các nội cảnh giới được tập trung chung quanh một mãnh lực được cá nhân hóa (personalized force), là *Chân Sư*; y không thể hoạt động trong mối liên giao thực sự với các đệ tử đồng môn của y. Nhưng khi y có thể làm việc phần nào với cương vị một linh hồn hữu thức, thì bấy giờ *Chân Sư* có thể bắt đầu tạo ấn tượng lên y với các ý kiến của nhóm xuyên qua chính linh hồn của y. Bấy giờ y lượn lờ một thời gian ở ngoại vi của nhóm. Sau rốt, khi sự nhạy cảm tâm linh của y tăng lên, y mới có thể được *Chân Sư* gieo ấn tượng một cách rõ rệt và dạy kỹ thuật tiếp xúc. Về sau, nhóm các đệ tử, hoạt động như một hình tư tưởng tổng hợp duy nhất, có thể dạy y, và như thế, một cách tự động, y trở thành một trong số họ. Đối với những ai có ý thức nội môn thực sự, thì đoạn văn nói trên sẽ truyền đạt rất nhiều thông tin mà từ trước đến giờ bị che giấu. (11-21/3)

4. Viễn cảm trực giác bắt đầu biểu hiện ngày càng nhiều giữa những người tiến bộ ở mọi vùng đất và mọi chủng tộc. Điều này cho thấy sự tiếp xúc với linh hồn và hệ quả là sự

thức tỉnh của tâm thức tập thể, vì sự nhạy cảm với những ấn tượng trực giác chỉ liên quan đến những mối quan tâm tập thể. (11-68)

5. Tình yêu (không phải tình cảm) là manh mối cho công việc viễn cảm thành công. Vì vậy, hãy yêu thương nhau với một sự nhiệt tình và sự tha thiết tươi mới; hãy tìm cách biểu lộ tình yêu đó bằng mọi cách có thể – trên cõi trần, trên các phân cảnh của tình cảm, và qua tư tưởng đúng đắn. Hãy để tình yêu của linh hồn cuốn qua tất cả như một lực tái sinh. (11-26)

6. Người có khả năng viễn cảm thực sự là người đáp ứng với những ấn tượng đến với y từ mọi hình thức sự sống trong tam giới, nhưng y cũng đáp ứng với những ấn tượng đến với y từ thế giới linh hồn và thế giới trực giác. Đó là sự phát triển của bản năng viễn cảm mà cuối cùng sẽ khiến một người thành bậc thầy trong tam giới, [206] và cũng trong năm cõi giới phát triển của con người và siêu nhân. (11-35)

7. Tôi không hề nêu ra cách mà một cá nhân có thể trở nên viễn cảm. Tất cả những phát triển đó trong khu vực hoặc vùng có các sự tiếp xúc phát triển không ngừng chỉ hữu ích và thực sự sẵn có, khi chúng được phát triển bình thường và tự nhiên, và không phải là kết quả của sự khai mở sớm. Khi sự phát triển còn sớm, thì luôn có sự nguy hiểm của những diễn giải không đúng, sai lầm và duy ngã. Thông tin viễn cảm có thể có ý nghĩa hoàn toàn ích kỷ và cá nhân, và loại viễn cảm đó không có chỗ trong những gì mà tôi đang tìm cách truyền đạt.... Con người ngày nay thường chứng tỏ một xu hướng hoặc năng lực viễn cảm. Họ điều chỉnh (một cụm từ mà họ xem thuận tai hơn những từ "mối quan hệ viễn cảm") với một cái gì đó hoặc một ai đó, mặc dù họ không biết đó là gì. Mọi thứ mà họ ngụ ý ghi nhận được họ coi là có tầm

quan trọng chính: nó thường liên quan đến bản thân và không phải do mức độ khai mở tâm linh cao của họ vốn đảm bảo rằng họ là người gìn giữ các thông điệp tâm linh bí ẩn – thường có một bản chất không quan trọng và vô vị. Có nhiều nguồn của những thông điệp này, và thật hữu ích nếu tôi đề cập đến một số chúng ở đây; những gì mà tôi phải nói có thể chứng tỏ có giá trị đối với công chúng huyền bí:

1. Các thông điệp phát ra từ bản chất tiềm thức tương đối từ tế, được huấn luyện tốt của người tiếp nhận. Những thông điệp này tuôn ra từ tiềm thức, nhưng được người nhận coi là đến từ một nguồn bên ngoài Nó chiếm 85% trong số các tác phẩm được gọi là viễn cảm hoặc được truyền cảm hứng rất phổ biến vào thời điểm này.

2. Các ấn tượng từ linh hồn, được chuyển thành các khái niệm và được phàm ngã viết ra; người nhận bị ấn tượng sâu sắc bởi sự rung động tương đối cao đi kèm với chúng, mà quên rằng sự rung động của linh hồn là rung động của một Chân Sư, vì linh hồn là vị Chân Sư trên cõi riêng của nó. Đây là những ấn tượng linh hồn thực sự nhưng thường không có gì mới mẻ hoặc có tầm quan trọng lớn trong chúng; chúng lại là kết quả của các thời kỳ đã qua của sự phát triển linh hồn (mà phàm ngã có liên quan); do đó, chúng là những gì mà một phàm ngã thức tỉnh đã đóng góp cho linh hồn về thiện, chân và mỹ, cộng với những gì đã đi vào tâm thức phàm ngã như là kết quả của sự tiếp xúc với linh hồn. Điều này chiếm tám phần trăm (8%) các bài viết và các thông tin được đưa ra cho công chúng ngày nay bởi những người tìm đạo.

3. Những giáo lý do một đệ tử cao cấp hoặc tiến bộ hơn trên các cõi bên trong truyền cho một đệ tử đang được huấn luyện, hoặc đã vừa được nhận vào [207] một Ashram ... Chúng sẽ chiếm năm phần trăm (5%) giáo huấn được đưa

ra...

4. Các thông tin từ một vị Chân Sư cho đệ tử của Ngài. Điều này chiếm hai phần trăm (2%) của toàn bộ dung lượng viễn cảm, được nhân loại nói chung chứng minh trên khắp toàn thế giới. (11-75/7)

(b) Sự Nhạy Cảm Với Ấn Tượng

1. Vị đệ tử trên cõi trần và vị huấn sư nội môn (dù đó là một trong các Đấng Cao Cả hoặc là “vị Thầy (Master) trong Tâm”) cần biết nhau ít nhiều, và làm quen với rung động của nhau. Các huấn sư trên các nội cảnh giới có nhiều điều để đối phó do sự chậm chạp của các tiến trình trí tuệ của các đạo sinh trong các thể hồng trần. Nhưng sự tin cậy và tín nhiệm sẽ tạo nên sự rung động đúng đắn, vốn sau cùng sẽ tạo ra hoạt động chính xác. Việc thiếu đức tin, thiếu bình tĩnh, thiếu chuyên cần và sự hiện diện của sự xao động tình cảm sẽ gây cản trở.

Về mặt nội môn, nhiều người cần sự kiên nhẫn lâu dài trong việc giải quyết mọi thứ vốn phải được tận dụng đến, vì thiếu vật liệu khác tốt hơn. Một sự không thích hợp nào đó về thể chất có thể làm cho xác thân thành khó tiếp thu; sự ưu tư hay lo lắng nào đó có thể làm cho thể cảm dục rung động theo một nhịp điệu không thể tiếp thu đúng đắn mục tiêu bên trong; một thành kiến, một chỉ trích, một sự tự phụ nào đó có thể hiện diện sẽ làm cho thể trí thành vô dụng. Trước công việc khó khăn này, những người tìm đạo phải vô cùng chú ý trông chừng chính mình, giữ sự thanh thản và an bình trong nội tâm, và giữ được một sự mềm dẻo về trí tuệ, sao cho nó sẽ có khuynh hướng làm cho người tìm đạo có được một sự hữu dụng nào đó trong việc giữ gìn và dẫn dắt nhân loại.

Do đó, các qui luật sau đây có thể được đưa ra:

1. Điều thiết yếu là nên có một sự cố gắng để đạt đến một sự thanh khiết tuyệt đối trong động lực thúc đẩy.

2. Khả năng nhập vào cái tĩnh lặng của các chổn cao siêu sẽ nối tiếp sau đó. Sự tĩnh lặng của thể trí dựa vào định luật về sự nhịp nhàng. Nếu bạn đang rung động theo nhiều hướng và các tư tưởng đang ghi nhận từ mọi phía, định luật này sẽ không thể chạm tới bạn. Sự quân bình và cân bằng phải được phục hồi trước khi trạng thái thăng bằng có thể được đạt tới. Định luật rung động và việc nghiên cứu chất liệu nguyên tử được quyện vào nhau chặt chẽ. Khi nhiều điều hơn nữa được hiểu rõ về các nguyên tử này và sự tác động, sự phản ứng và sự tương tác của chúng, lúc đó con người sẽ kiểm soát các thể của mình một cách khoa học, đồng bộ với luật rung động và luật nhịp nhàng. Chúng như nhau nhưng không giống nhau....

3. Hãy luôn luôn nhớ rằng việc thiếu an tĩnh (calm) trong đời sống hằng ngày ngăn cản các huấn sư trên các phân cảnh của chân ngã đến với bạn. Do đó, hãy cố gắng [208] duy trì sự an tĩnh (quiescent) khi sự sống trải ra, hãy hoạt động, hãy miệt mài làm việc, hãy nỗ lực, hãy nuôi hoài bão và hãy giữ an tĩnh nội tâm. Một cách kiên định rút vào hoạt động bên trong, và như thế trau dồi một sự đáp ứng với các cõi cao. Một sự kiên định hoàn toàn đối với sự tự chủ nội tâm, là điều mà các Chân Sư cần có nơi những ai mà các Ngài muốn sử dụng. Chính một sự tự chủ nội tâm mới giữ cho thị giác tuy thực hiện công việc bên ngoài của nó trên cõi trần, với một sự chú ý của bộ óc được tập trung mà không hề bị lệch hướng do bởi sự tiếp thu ở bên trong. Nó bao hàm một hoạt động hai mặt.

4. Hãy học cách kiểm soát tư tưởng. Cần bảo vệ những

gì mà bạn tư duy. Đây là lúc mà nhân loại nói chung đang trở nên nhạy cảm, có viễn cảm và đáp ứng với sự tương tác tư tưởng. Sắp đến lúc mà tư tưởng sẽ trở nên tài sản chung, và những người khác sẽ cảm nhận được những gì mà bạn nghĩ. Do đó tư tưởng phải được cẩn thận bảo vệ. Những ai đang tiếp xúc với các chân lý cao siêu, và đang trở nên nhạy cảm với Toàn Linh Trí (Universal Mind, Thiên Trí, Thượng Đế Ngôi Ba) đều phải bảo vệ một số tri thức của họ khỏi sự xâm nhập (intrusion) của những thể trí khác. Những người tìm đạo phải học cách ngăn chặn một vài tư tưởng, và ngăn ngừa một số kiến thức không lọt ra ngoài vào tâm thức chung khi giao tiếp với các huynh đệ của họ. (4-65/7)

2. Tính nhạy cảm... chủ yếu không có nghĩa rằng bạn là một "linh hồn nhạy cảm"- ngụ ý của nó thường có nghĩa là bạn là người dễ chạm tự ái, duy ngã và luôn luôn ở thế thủ! Đúng hơn là tôi đề cập đến khả năng mà nhờ đó bạn có thể mở rộng tâm thức của bạn để bạn trở nên ý thức các phạm vi tiếp xúc ngày càng luôn mở rộng. Tôi đề cập đến khả năng linh hoạt, tinh táo, sắc sảo để nhận thức các mối quan hệ, nhanh chóng phản ứng với nhu cầu, chú ý đến cuộc sống về trí tuệ, tình cảm và thể chất, và phát triển nhanh chóng năng lực quan sát cả ba cõi trong tam giới một cách đồng thời. Tôi không quan tâm đến các mối quan hệ cá nhân của bạn nơi chúng liên quan đến tính nhạy cảm phạm ngã sai lầm của bạn với sự chán nản, tính tự thương thân, các sự phòng thủ của bạn, cái gọi là tính nhạy cảm của bạn với những sự coi thường, với những sự hiểu lầm, sự không thích của bạn, các điều kiện môi trường chung quanh của bạn, sự xúc phạm tính tự cao của bạn, và những tính chất thuộc loại này. Tất cả những điều này khiến bạn hoang mang và thả lỏng trong bạn

những cửa xả lòng thương cảm cho bản thân bạn. Nhưng bạn không cần tôi giải quyết chúng; những điều này bạn đều biết rõ và có thể xử lý chúng nếu bạn quyết định. Những lỗi này chỉ gây quan tâm trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến cuộc sống của nhóm của bạn; chúng phải được bạn xử lý cẩn thận và với đôi mắt mở rộng để cảm nhận sự nguy hiểm từ xa và tìm cách tránh nó. Sự nhạy cảm mà tôi muốn thấy được phát triển, là sự tinh táo với sự tiếp xúc của linh hồn, sự nhạy cảm với "tiếng nói của vị Huấn Sư", một sự sống động với tác động của những ý tưởng mới, và với sự tinh tế của sự đáp ứng trực giác. Những điều này luôn là [209] dấu hiệu phân biệt của người đệ tử chân chính. Đó là sự nhạy cảm tâm linh phải được trau dồi; điều này chỉ thực sự có thể thực hiện khi bạn học cách làm việc qua các bí huyệt trên cơ hoành và chuyển hóa hoạt động của bí huyệt nhật tùng (vốn rất nổi trội ở người bình thường), biến nó thành hoạt động của tim và phụng sự đồng loại của bạn (5-47/8)

3. Sự tăng trưởng tính nhạy cảm thật khó để hiểu. Các thành viên của nhóm của một Chân và của Ashram của Ngài phải ngày càng trở nên nhạy cảm – nhạy cảm với Chân Sư và với những người hoạt động đã thệ nguyện của Ngài. Bạn không thể được làm cho nhạy cảm hoặc được khiến cho nhạy cảm bởi một loại quy trình hoặc sự đào tạo theo yêu cầu. Những người nam và nữ đều nhạy cảm, chỉ là họ không biết điều đó, khi quá bận tâm đến những vấn đề bên ngoài, với cuộc sống hình tướng và những sự việc khách quan.

Hãy để tôi diễn đạt điều đó theo cách này: Những gì bạn nói với chính bạn và với những người khác – qua lời nói của bạn, hoặc cuộc sống của bạn quá ồn ào đến nỗi điều đó không dễ trở thành những gì đúng thực chất của bạn, và để được nhận thức như là một thực thể tâm linh. Chân Sư được

hướng dẫn bởi những gì Ngài biết về bạn trong những khoảnh khắc khát vọng thâm lặng của bạn, bởi những gì bạn đã chứng minh trong nhiều năm là xu hướng sống cố định của bạn, và bằng cách thức mà trong đó bạn phản ứng ở những thời điểm khủng hoảng hoặc căng thẳng. Nhiệm vụ của Chân Sư là kích thích người đệ tử luôn luôn thể hiện điều mà Ngài biết là bản chất của y ở các thời điểm cao nhất của y. Đó là một cách diễn đạt đơn giản và gần như trẻ con, nhưng nó dùng để diễn đạt ý tưởng chung. Một Chân Sư làm điều này vì nhu cầu thế giới đối với những người phụng sự phi tập trung, tiên tiến, đầy yêu thương và thông minh thì rất lớn, nhất là vào thời điểm này. Nhiều người đã đến mức họ có thể trở nên nhạy cảm nếu những sự khẳng định lớn tiếng về phạm ngã bị mờ đi và ánh sáng của linh hồn được phép tuôn đổ qua. Bấy giờ, họ có thể biết và tiếp xúc với Chân Sư. Khi bạn có thể thoát khỏi chính bạn và những phản ứng cá nhân của bạn, những diễn giải riêng của bạn, và những yêu cầu cá nhân của bạn, thì bạn sẽ tự mình khám phá ra cách và bằng cách nào mà Chân Sư đang tìm cách gây ấn tượng lên bạn và nhóm mà bạn có thể được liên kết. Bạn sẽ trở nên nhạy cảm với ấn tượng đó. Sau đó, bạn có thể tạo điều kiện (như nó được gọi) cho hoạt động của Chân Sư bằng một sự quan tâm sâu sắc đến đời sống huyền bí, để loại trừ cá tính riêng của bạn và cũng của Chân Sư. Có nhiều cách sau đó có thể được tiết lộ sẽ hỗ trợ sự tương tác giữa bạn, là đệ tử, và Chân Sư. (5-710/1)

4. Dần dần khi đệ tử hoạch đắc sự tự do tư tưởng thực sự và năng lực thụ cảm với ấn tượng của trí trừu tượng, y tạo ra cho chính y một kho chứa tư tưởng, kho này có sẵn khi cần để giúp những người khác và cho các nhu cầu phụng sự thế

gian ngày càng tăng của y. Về sau, đệ tử trở nên nhạy cảm với ấn tượng đến từ Thánh Đoàn (Hierarchy). [210] Lúc đầu, việc này thuần túy thuộc Huyền Viện, nhưng về sau được biến đổi thành ấn tượng hoàn toàn thuộc Thánh Đoàn vào lúc đệ tử trở thành một Chân Sư; lúc đó Thiên Cơ (Plan) trở thành chất liệu năng động cung cấp nội dung của kho chứa tư tưởng tư tưởng mà Ngài có thể rút ra từ đó. Đây là một phát biểu có tầm quan trọng độc đáo và khác thường. Về sau nữa, y trở nên nhạy cảm với ấn tượng từ Shamballa, và tính chất của Thiên Ý (Will) mà Thiên Cơ của hành tinh (planetary Purpose) đang thể hiện, được thêm vào nội dung của tri thức sẵn có của y. Tuy nhiên, điểm mà Tôi tìm cách đưa ra ở đây là sự thật về sự tồn tại của một kho chứa tư tưởng đang phát triển mà vị đệ tử đã tạo ra để đáp ứng với nhiều ấn tượng khác nhau mà y đang trở nên ngày càng nhạy cảm với chúng; các ý tưởng, các khái niệm và các mục tiêu tinh thần mà đệ tử đang trở nên hay biết, đang được đệ tử dần dần trình bày thành các tư tưởng với các hình tư tưởng thích hợp của chúng, và dựa vào những điều này, y học cách rút ra khi y tìm cách phụng sự đồng loại của y. Đệ tử nhận thấy chính y sở hữu một kho chứa hay một hồ chứa chất liệu tư tưởng, vốn là kết quả của hoạt động trí tuệ của riêng y, của năng lực lĩnh hội bẩm sinh của y, và nó cung cấp nguyên liệu cho việc giảng dạy, và là “nguồn tri thức” mà đệ tử có thể rút ra khi y tìm cách giúp những người khác.

Điểm căn bản cần hiểu rõ là tính nhạy cảm với ấn tượng là một sự khai mở bình thường và tự nhiên, đi song song với sự phát triển tâm linh. Tôi đã cung cấp cho bạn một manh mối cho toàn bộ diễn trình khi Tôi nói rằng:

“Sự nhạy cảm với ấn tượng bao hàm việc sinh ra một hào quang từ lực mà các ấn tượng cao nhất có thể tác động vào”.

Tôi muốn bạn đưa ra sự xem xét sâu sắc nhất đối với các lời này. Khi vị đệ tử bắt đầu thể hiện tính chất linh hồn, và trạng thái thiêng liêng thứ hai nắm giữ y, đồng thời kiểm soát và nhuộm màu toàn bộ sự sống của y, thì một cách tự động, tính nhạy cảm cao siêu được phát triển. Y trở thành một người có sức thu hút (magnet, nam châm) đối với các ý tưởng và các quan niệm tâm linh, y thu hút vào lĩnh vực tâm thức của y nét phác thảo, rồi về sau các chi tiết, về Kế Hoạch của Thánh Đoàn. Sau rốt, y trở nên ý thức Mục Tiêu của hành tinh. Tất cả các ấn tượng này không phải là các sự việc mà y phải tìm cho ra và học hỏi chuyên cần để biết chắc, để nắm giữ và thấu hiểu. Chúng rơi vào lĩnh vực tâm thức của y vì y đã tạo ra một hào quang thu hút, hào quang này kêu gọi đến chúng và đưa chúng “vào trí y”. Hào quang từ lực này bắt đầu tự tạo thành từ thời điểm đầu tiên mà y tạo một sự tiếp xúc với linh hồn y; nó đào sâu và tăng trưởng khi các tiếp xúc gia tăng tần suất (frequency) và sau rốt trở thành một trạng thái tâm thức thường xuyên; lúc đó, một cách tùy ý và bất cứ lúc nào, y cũng giao tiếp được với linh hồn của y, là trạng thái thiêng liêng thứ hai.

Chính hào quang này mới thực sự là kho chứa chất liệu-tư tưởng (thought-substance) mà về mặt tâm linh y có thể trông cậy vào. Điểm tập trung này ở trên [211] cõi trí. Y không còn bị bản chất cảm dục kiểm soát nữa; y đang thành công trong việc kiến tạo antahkarana mà các ấn tượng cao siêu có thể tuôn chảy theo đó; y không học cách xua tan dòng lưu nhập (inflow) này nữa, mà tích lũy bên trong hào quang (mà y đã bao quanh chính y với hào quang đó) tri thức và minh triết mà y nhận thức rằng việc phụng sự của y cho đồng loại của y đòi hỏi. Một đệ tử là một trung tâm từ lực của ánh sáng và tri thức chỉ chừng nào mà hào quang từ lực còn được

y giữ trong một trạng thái dễ tiếp nhận. Bấy giờ nó thường xuyên thình nguyện phạm vi cao siêu của các ấn tượng; nó có thể được gọi lên và được đưa vào “hoạt động phân phối” bởi những gì thấp kém và đang cần trợ giúp. Do đó, vào đúng lúc, đệ tử trở thành một sự tương ứng rất nhỏ của Thánh Đoàn – có tính chất thình nguyện y như Thánh Đoàn đối với Shamballa và dễ dàng được gọi lên bởi yêu cầu của con người. (11-94/6)

5. Vầng hào quang mà mỗi người trong các bạn đã tạo ra xung quanh hạt nhân trung tâm của bản ngã luân hồi hay linh hồn của bạn, là một mảnh của linh hồn phú linh đã đưa bạn đến trong sự biểu lộ. (11-97)

(c) Việc Ghi Nhận Ấn Tượng

1. Khả năng lý giải các ấn tượng ghi nhận được học hỏi khi hào quang trí tuệ phát triển dưới ảnh hưởng của “thể trí được giữ ổn định trong ánh sáng” của linh hồn; đệ tử học biết rằng mọi chân lý được ghi lại dễ bị ảnh hưởng với nhiều cách lý giải, và các lý giải này khai mở với độ sáng tỏ ngày càng tăng khi đệ tử nhận hết cuộc điểm đạo này tới cuộc điểm đạo khác, và khi y phát triển sự đáp ứng hữu thức. Năng lực thình nguyện thể hiện từ kiếp này đến kiếp khác, và bao hàm việc thình nguyện sự đáp ứng hữu thức từ linh hồn thế giới (anima mundi), hay từ linh hồn tiềm thức (subconscious soul) của vạn vật, cũng như từ tâm thức con người và từ thế giới của sự tiếp xúc siêu thức (super-conscious contact).

Năng lực (thình nguyện) này phát triển đều đặn khi người tìm đạo bước lên Con Đường Đệ Tử; nó thường được bắt đầu trong các giai đoạn ban đầu bằng nhiều sự lộn xộn (confusion), nhiều thông linh cảm dục (astral psychism), và thường thường là các lý giải sai lầm. Tuy nhiên, không có

nhu cầu ở giai đoạn này, do sự thống khổ thái quá, vì tất cả những gì được cần là kinh nghiệm, và kinh nghiệm đó có được nhờ sự thử nghiệm (experiment) và sự biểu lộ của nó trong cuộc sống hằng ngày. Không có trường hợp nào cho thấy chân lý hiển nhiên của việc học hỏi qua một hệ thống thử và sai (trial and error) lại tỏ ra chính xác hơn chân lý đó trong cuộc sống và kinh nghiệm của đệ tử nhập môn. Khi y trở thành đệ tử nhập môn, con số các sai lầm giảm đi, dù là các thử nghiệm (hay lợi ích thực nghiệm của nhiều năng lượng khác nhau) trở nên bao quát hơn, và do đó, bao hàm một phạm vi các hoạt động rộng lớn hơn nhiều.

Các Tiến Trình Ghi Nhận được thành lập dựa trên những gì mà Tôi có thể gọi là các tiếp cận thỉnh nguyện từ một phạm vi rộng lớn các tiếp xúc có thể có được. Đệ tử [212] phải học cách phân biệt giữa nhiều tác động này trên hào quang nhạy cảm của y. Trong các giai đoạn ban đầu, đa số các tác động đó đều được ghi nhận một cách vô thức, mặc dù việc ghi nhận đều sắc bén và chính xác; tuy nhiên mục tiêu là việc ghi nhận hữu thức; điều này được mang lại qua việc duy trì thái độ của Người Quan Sát liên tục và đều đặn. Thái độ đó được phát triển nhờ đạt được hạnh dứt bỏ (detachment) – sự không bám chấp của Người Quan Sát với mọi dục vọng và sự khát khao vốn có liên quan với bản ngã tách biệt (separated self). (11 – 100/1)

2. Thường thường, trong các giai đoạn ban đầu, cái ưa thích duy nhất của đệ tử là ghi nhận các ấn tượng từ Thánh Đoàn; y ưa thích ý tưởng đó hơn là ý tưởng ghi nhận các ấn tượng từ chính linh hồn của y hay từ các yếu tố con người chung quanh, các đồng bào của y, và môi trường và các hoàn cảnh mà họ tạo ra. Y mong mọi những gì có thể được gọi là

“ấn tượng chiều thẳng đứng” (“vertical impression”). Động cơ này, phần lớn là duy ngã (self-centredness), chuyển đệ tử một cách nội quán (introspectively) vào chính y, và chính trong giai đoạn này mà nhiều người tìm đạo trở thành các tù nhân, nói về mặt cảm dục, vì họ ghi nhận trong hào quang từ lực của họ nhiều hình tư tưởng được thúc đẩy về mặt cảm dục của những gì mà họ tin tưởng và hy vọng “ấn tượng chiều thẳng đứng” được cho là sẽ truyền đạt. Họ tiếp xúc dễ dàng với các đối phần cảm dục của các thế giới cao siêu, vốn bị phản ánh (và do đó bị lệch lạc) vào trong cõi cảm dục; thế giới được ghi nhận nơi đó bị mê hoặc bởi các dục vọng ích kỷ và sai lầm và bởi sự mơ tưởng của những người mộ đạo có thiện ý. Tôi không cần bàn rộng về điều này. Tất cả các đệ tử – ở một trình độ nào đó trong sự rèn luyện của họ – phải hoạt động qua giai đoạn ảo cảm này; khi làm thế, họ làm sáng tỏ và tăng cường hào quang từ lực, và đồng thời, làm sáng tỏ thế giới cảm dục chung quanh mà họ đang tiếp xúc. Họ cũng học biết rằng niềm khát khao ghi nhận các ấn tượng từ Thánh Đoàn phải nhường chỗ cho việc quyết định đặt hào quang từ lực của họ cho việc sử dụng của nhân loại; lúc bấy giờ họ học cách ghi nhận nhu cầu nhân loại và qua đó, hiểu biết nơi nào có thể trợ giúp và các đồng loại của họ có thể được phụng sự. Nhờ sự ghi nhận hữu thức này của các kêu gọi thỉnh nguyện từ cõi giới có các tiếp xúc hàng ngang, hào quang từ lực của đệ tử được dọn sạch các hình tư tưởng cản trở và choán thì giờ, và khỏi các dục vọng và các ham muốn đầy tham vọng mà từ trước đến giờ đã ngăn chặn việc ghi nhận đúng đắn. Lúc bấy giờ đệ tử không còn tạo ra chúng nữa, và những gì đã được tạo ra, tàn tạ đi hoặc thoái hóa vì thiếu sự chú ý.

Về sau khi đệ tử dục bị (accepting disciple) trở thành đệ tử chính thức (accepted disciple) và được phép tham gia vào

hoạt động của Huyền Viện, thì y thêm năng lực ghi nhận ấn tượng của Thánh Đoàn; tuy nhiên điều này chỉ có thể xảy ra *sau khi* y đã học được cách ghi nhận ấn tượng đến với y từ chính linh hồn của y ([213] ấn tượng chiều thẳng đứng) và từ thế giới chung quanh của con người (ấn tượng hàng ngang). Khi y đã nhận được một vài cuộc điểm đạo quan trọng, hào quang từ lực của y sẽ có thể ghi nhận ấn tượng từ các giới dưới nhân loại trong thiên nhiên. Ngoài ra, về sau nữa, khi đệ tử trở thành một Chân Sư Minh Triết, và do đó, thành một thành viên chính thức của giới thứ năm trong thiên nhiên, thì thế giới của sự sống và hoạt động của Thánh Đoàn sẽ là thế giới mà từ đó ấn tượng hàng ngang sẽ được tạo ra trên hào quang từ lực của y, còn ấn tượng thẳng đứng sẽ đến từ các phân cảnh cao của Tam Thượng Thể Tinh Thần, và về sau nữa, từ Shamballa. Bấy giờ, thế giới của nhân loại đối với y sẽ là những gì mà các giới dưới nhân loại đã là, khi giới thứ tư, là giới nhân loại, đã là lĩnh vực của ấn tượng được ghi nhận theo hàng ngang của y. (11-102/3)

(d) Sự Linh Hứng

1. (Linh hứng) bao hàm một khía cạnh khác của sự phát triển. Sự linh hứng tương tự như trạng thái đồng cốt (mediumship), nhưng hoàn toàn thuộc về Chân Ngã (egoic). Nó sử dụng thể trí như là trung gian truyền chuyển đến bộ não về những gì mà linh hồn biết. Trạng thái đồng cốt thường mô tả tiến trình khi bị giới hạn hoàn toàn vào các phân-cảnh cảm dục. Trên cõi Chân Ngã thì điều này liên quan đến sự linh hứng. Hãy suy ngẫm về lời giải đáp này vì nó giải thích được nhiều điều. (4-179)

2. Nguồn Linh hứng: Những người đang chuẩn bị cho điểm đạo chắc chắn phải làm việc một mình. Tôi muốn bạn

nhớ điều này. Như bạn biết, có ba nguồn linh hứng chỉ ra cho người môn đệ, đang đấu tranh trên cõi trần, mục tiêu của y:

1. Linh hồn của chính y qua sự tiếp xúc trực tiếp, là kết quả của sự chinh phục.
2. Chân Sư qua ấn tượng, là một kết quả của sự nhạy cảm.
3. Nhóm Ashram qua việc phụng sự, là một kết quả của sự tương tác.

Về sau, khi đệ tử-điểm đạo đồ tiến bộ, và khi y xây dựng antahkarana, năng lượng của Sự Sống Duy Nhất phát ra từ Chân Thần, mang vào loại linh hứng thứ tư. Đối với những nguồn linh hứng tinh thần này, phải thêm vào những nguồn linh hứng nhỏ hơn, chẳng hạn như ấn tượng trí tuệ, được ghi nhận bằng viễn cảm và đến từ vô số các nhà tư tưởng và các thể trí. (6-30/1) [214]

47. TIẾNG NÓI BÊN TRONG

1. Con người làm mờ đi tiếng nói bên trong vốn làm chứng cho kiếp sống sau này, và họ nhấn chìm các linh từ đang vang vọng trong sự im lặng bằng sự ồn ào và sự quay cuồng của công việc, sự khoái lạc và phấn khích.

Toàn bộ bí mật của sự thành công khi bước lên con đường huyền linh tùy thuộc vào thái độ của tâm trí; khi đó là thái độ có tính vật chất cụ thể, tập trung vào hình tướng, và một ham muốn đối với những sự việc ở hiện tại, thì có ít tiến bộ có thể được thực hiện trong việc am hiểu chân lý huyền môn cao siêu. (4-84)

2. Con đường (Điểm đạo)... là một con đường mà trên đó việc mở rộng tâm thức đều đặn được trải qua với tính nhạy cảm ngày càng tăng theo các rung động cao siêu. Việc

này thể hiện ra trước tiên như là sự nhạy cảm với tiếng nói nội tâm, và đây là một trong các năng lực cần thiết nhất trong một người đệ-tử. Các Đấng Cao Cả đang tìm kiếm những người có thể nhanh chóng tuân theo tiếng nói bên trong của linh hồn họ. (4-353)

5. Không có gì làm cho y (người tìm học chân chính) thỏa mãn cho đến khi y tìm thấy Thánh Đạo, và không có gì làm dịu đi (appeases) cái mong muốn ở trung tâm của bản thể của y, ngoại trừ những gì được tìm thấy trong ngôi nhà của Từ Phụ y. Y là cái mà y vốn là, vì y đã thử mọi cách thấp kém hơn và thấy chúng đều thiếu sót, và đã đặt mình dưới nhiều người hướng dẫn chỉ để nhận thấy họ là “những người mù dẫn đường cho người mù”. Đối với y không còn gì trừ việc trở thành kẻ hướng dẫn riêng của y, và tìm con đường riêng về nhà *một mình*. Trong sự cô đơn vốn là số phận của mỗi đệ-tử chân chính, sự tự tri và sự tự lực được sinh ra, những điều đó vốn sẽ làm cho y thích hợp, đến lượt y, để trở thành một Chân Sư. Sự cô đơn này không phải do một tinh thần chia rẽ nào cả, mà là do các điều kiện của chính Thánh Đạo. Những người tìm đạo phải cẩn thận ghi nhớ sự phân biệt này.

... Người tìm học chân chính là một người có lòng dũng cảm thuộc loại hiếm có, nó khiến cho người sở hữu nó đứng thẳng và xướng lên nốt riêng của y một cách rõ ràng, ở ngay giữa sự xáo động của thế gian. Y là một người có thị giác được huấn luyện để thấy qua khói đám sương mù và chương khí của trần thế, đến tận trung tâm của sự an bình vốn đang điều khiển mọi diễn biến trên cõi trần, và có thính giác lão luyện đây chú tâm vốn (đã bắt được lời thì thầm của Tiếng Nói Vô Thịnh) được giữ điều hợp với rung động cao, và như

vậy không nghe thấy đối với mọi tiếng nói cảm dỗ thấp kém. Việc này lại mang đến sự cô đơn, và tạo ra thái độ xa cách mà mọi linh hồn kém tiến hóa đều cảm thấy khi có sự hiện diện của những người vốn đang tiến lên phía trước.

Một tình huống nghịch lý được đưa đến từ sự kiện này, đó là vị đệ-tử được dạy đi tìm Thánh Đạo (the Way), và tuy vậy không một ai nói gì cho y biết. Những người [215] biết Thánh Đạo có thể không nói, vì biết rằng Thánh Đạo đó được người tìm đạo kiến tạo, giống như con nhện giăng mạng nhện của nó, từ trung tâm của bản thể riêng của y. Như thế chỉ những linh hồn đó phát triển hoàn toàn thành các adepts trong bất kỳ thế hệ đặc biệt nào đó, họ vốn là những người đã “bước lên máy ép nho của con thịnh nộ của Thượng Đế một mình”, hay (nói cách khác) vốn đã trang trải nghiệp quả của họ một mình, và vốn đã chấp nhận một cách sáng suốt nhiệm vụ bước lên Thánh Đạo.

Tuân theo xung lực bên trong của linh hồn. Các huấn sư của nhân loại làm tốt việc hướng dẫn vị điểm đạo đồ đang nảy nở thực hành tính phân biện, và huấn luyện y trong nhiệm vụ khó khăn của việc phân biệt giữa:

a/ Bản năng và trực giác.

b/ Thượng trí và hạ trí.

c/ Dục vọng và sự thôi thúc tinh thần.

d/ Khát vọng ích kỷ và động cơ thiêng liêng.

e/ Sự thôi thúc phát ra từ các nguyệt thần (lunar lords), và sự khai mở của Thái dương thần (solar Lord).

Đó không phải là nhiệm vụ dễ chịu hoặc tăng bốc lên để tự khám phá chính mình, và để phát hiện rằng có lẽ ngay cả việc phụng-sự mà chúng ta đã thực hiện và sự khát khao học hỏi và làm việc của chúng ta đã có một khởi nguyên cơ bản là ích kỷ, và dựa vào một sự mong muốn giải thoát hoặc một sự

chán ghét những bốn phận nhàm chán mỗi ngày. Kẻ nào tìm cách tuân theo những sự thúc đẩy của linh hồn thì phải vun bồi một sự đúng đắn về tổng thể, và một sự trung thực với chính mình, điều này thực sự là hiếm hoi vào thời nay. Y hãy tự nói với chính mình: “Tôi phải chân thật với chính Bản Ngã của tôi”, và trong khoảnh khắc riêng tư của cuộc đời y, trong sự kín đáo của việc thiền định riêng của y, y không cho phép che đậy một lỗi lầm nào, và cũng không tha thứ cho mình theo chỉ một chiều. Y hãy học cách phán đoán những lời lẽ, hành động, và động cơ của chính y, và gọi đúng tên của các sự vật. Chỉ có như vậy thì y mới sẽ tự rèn luyện cho mình tính phân biệt tinh thần và học cách nhận ra chân lý trong mọi sự vật. Chỉ có như vậy thì thực tại sẽ được đạt đến, và Chân Ngã sẽ được biết đến.

Không chú ý đến những sự cân nhắc khôn ngoan về khoa học và sự khôn khéo thuộc về thế tục. Nếu người tìm đạo cần phải trau dồi một khả năng để bước đi một mình, nếu y phải phát triển năng lực trung thực trong tất cả mọi thứ, y cũng cần vun bồi lòng can đảm. Nó sẽ cần thiết cho y để hành động trái lại một cách kiên định với quan điểm của thế gian, và với sự biểu hiện hoàn hảo nhất của quan điểm đó, và điều này rất thường gặp. Y phải học để làm đúng việc, như y đang thấy và biết về nó, không quan tâm đến ý kiến có quyền lực nhất và được trích dẫn nhiều nhất của trần gian. Y phải dựa vào chính mình và dựa vào các kết luận mà chính y đã đạt đến trong những khoảnh khắc của sự hiệp thông thiêng liêng và giác ngộ tâm linh của y. Chính ở đây mà rất nhiều người tìm đạo thất bại. Họ [216] không làm chính cái đúng nhất mà họ biết; họ không hành động theo chi tiết như tiếng nói bên trong của họ nói với họ; họ chừa lại không làm một vài điều mà họ được nhắc nhở để làm trong những lúc

thiên định, và không nói được lời lẽ mà vị cố vấn tinh thần của họ, tức Bản Ngã, thúc giục họ nói ra. Chính trong tập hợp những chi tiết không được thực hiện này mà người ta thấy những sự thất bại lớn lao. (4-584/6)

48. SỰ PHỤC TÙNG LINH HỒN

1. Nếu có bất kỳ mệnh lệnh nào có thể từng phát ra từ nhóm các huấn sư nội môn, ... hãy mặc kệ nó, để tuân theo tiếng gọi của chính linh hồn bạn và sự nhắc nhở của Chân Ngã của bạn. (4-104)

2. Hãy đi theo con đường riêng của bạn với sức mạnh và sự im lặng, và làm những gì linh hồn bạn yêu cầu. Đừng để những tiếng nói nhỏ hơn của những người thân yêu và gần gũi làm chệch hướng bạn khỏi sự tiến bộ của bạn trên con đường phụng sự. Giờ đây bạn thuộc về thế giới, chứ không thuộc về một số ít đồng loại của bạn. Đây không phải là một bài học dễ học, hồi huynh đệ, nhưng tất cả các đệ tử một ngày nào đó phải học. (5-140/1)

3. Sự phục tùng huyền bí là gì mà một Chân Sư cho là chính xác? Ngày nay, các Chân sư đang đối phó với loại đệ tử có trí tuệ cao, vốn tin vào sự tự do của ý chí và ý thức con người, và vốn không bằng lòng sự áp đặt của bất kỳ cái gọi là quyền lực nào. Người trí thức sẽ không chấp nhận bất kỳ sự xâm phạm quyền tự do nào của y, và về cơ bản thì y đúng trong việc này. Ý phản đối việc phải tuân theo ...

Sự tuân phục cần có là sự tuân phục Thiên Cơ. Đó không phải là sự phục tùng Chân Sư, bất kể điều gì mà nhiều trường phái huyền bí kiểu cũ có thể nói. Sự vâng lời được yêu cầu ở bạn được dựa trên sự nhận thức ngày càng tăng của bạn về Thiên Cơ cho nhân loại, khi nó xuất hiện trong tâm

thức của bạn qua quá trình thiền định và qua việc phụng sự nhất định, dựa trên tình yêu thương đồng loại của bạn ngày càng tăng.

Sự tuân phục được đòi hỏi là sự tuân phục của phàm ngã đối với linh hồn, khi tri thức của linh hồn, ánh sáng của linh hồn, và sự kiểm soát của linh hồn ngày càng trở nên mạnh mẽ trong các phản ứng trí não của đệ tử. Toàn bộ vấn đề về sự tuân phục huyền bí này sẽ không nảy sinh chút nào nếu mối quan hệ giữa linh hồn và phàm ngã, hoặc giữa người đệ tử và Chân Sư đã hoàn thiện và được thiết lập một cách vững chắc. Toàn bộ câu hỏi được dựa trên sự mù quáng và [217] thiếu hiểu biết của người đệ tử. Khi mối quan hệ trở nên được thiết lập vững chắc hơn, thì không có sự bất đồng ý kiến cơ bản nào có thể xuất hiện; các mục tiêu của linh hồn và phàm ngã hòa quyện và hợp nhất; mục tiêu trước đệ tử và Chân Sư trở nên giống hệt nhau, và đời sống tập thể chi phối việc phụng sự được đưa ra bởi cả hai. Do đó, chính những hạn chế của người đệ tử gọi lên câu hỏi, và nỗi sợ hãi của y rằng Chân Sư và linh hồn của y có thể đòi hỏi quá nhiều về y. (5-686/7)

4. Khó khăn hiện nay là tương đối ít người có ý thức về linh hồn và do đó hầu hết con người vẫn không biết về "các mệnh lệnh huyền bí" của linh hồn của chính họ. (17-435)

49. SỰ TIN CẬY VÀO LINH HỒN

1. Có thể các bạn chỉ nhìn thấy nó, cái tình trạng bất ổn và nỗi khó khăn ở khắp mọi nơi, đang tạo ra điều thiện hảo, vốn có nhiều giá trị hơn điều có vẻ xấu xa. Các linh hồn đang tìm thấy chính mình và học cách dựa vào Đấng Cai Quản (Ruler) bên trong. Khi tất cả các chỗ dựa bên ngoài yếu đi, và

khi tất cả những người có thẩm quyền hiển nhiên bất đồng trong giải pháp được đưa ra, thì linh hồn phải trở lại dựa vào chính mình và học cách tìm vào nội tâm. Sự tiếp xúc bên trong này với Chân Ngã đang trở nên rõ ràng theo mức độ khai mở dần dần, và dẫn đến sự tự lực và sự bình tĩnh nội tâm vốn được dựa trên sự cai quản của Thượng Đế nội tâm và do đó, nó làm cho một người trở thành một khí cụ cho việc phụng sự trên thế gian. (4-130)

2. Người đệ tử phải tự coi y đúng thực chất của y tại bất kỳ thời điểm cụ thể nào, với bất kỳ thiết bị đã cho nào, và trong bất kỳ hoàn cảnh đã định nào; bấy giờ y tiếp tục đặt chính y, các công việc của y và thời gian của y phụ thuộc vào nhu cầu của thời điểm, nhất là trong một giai đoạn khủng hoảng của nhóm, quốc gia hoặc thế giới. Khi y làm điều này trong tâm thức của chính y, và do đó đang suy tư theo các đường lối có các giá trị đích thực, y sẽ phát hiện ra rằng những công việc riêng tư của y được quan tâm, các năng lực của y được tăng lên, và những hạn chế của y được quên đi. (6-44) [218]

50. SỰ HƯỚNG DẪN BỞI LINH HỒN

1. Sự hướng dẫn có thể đến, như bạn biết rõ, từ chính linh hồn của một người khi nhờ thiên định, giới luật và phụng sự, y đã thiết lập sự tiếp xúc, và do đó, có một kênh liên lạc trực tiếp từ linh hồn đến não bộ, qua thể trí. Điều này, khi rõ ràng và trực tiếp, là hướng dẫn thiêng liêng thật sự, đến từ thiên tính bên trong. Tuy nhiên, nó có thể bị biến dạng và bị hiểu sai nếu thể trí chưa được phát triển, tính cách chưa được thanh luyện, và người này chưa thoát khỏi sự kiểm soát quá đáng của phạm ngã. Thể trí phải áp dụng đúng chân lý

hoặc hướng dẫn được truyền đạt. Nơi nào có sự tiếp thu đúng và thích hợp với tiếng nói thiêng liêng bên trong, bấy giờ – và chỉ bấy giờ – bạn có sự hướng dẫn không thể sai lầm, và tiếng nói của Thượng Đế bên trong bấy giờ có thể nói chuyện một cách rõ ràng cho khí cụ của nó, là con người trên cõi trần.

Khi hình thức hướng dẫn sau này đã được thiết lập, được ổn định, được thúc đẩy, được phát triển và được hiểu rõ, các hình thức hướng dẫn tinh thần khác bấy giờ trở thành khả hữu. Lý do cho điều này là chúng sẽ trải qua hoặc được lập luận theo tiêu chuẩn của các giá trị mà chính yếu tố linh hồn chỉ định. Nhận thức của linh hồn là một phần của sự toàn tri. Việc nhận ra ý thức linh hồn này là một diễn biến dần dần và liên tiến mà con người trên cõi trần quan tâm. Các tế bào não phải được dần dần đánh thức và sự đáp ứng diễn giải chính xác phải được phát triển. Chẳng hạn, khi một người trở nên ý thức về Thiên Cơ, y có thể xem Thiên Cơ đó như được Chân Sư hay một Thành Viên nào đó của Thánh Đoàn truyền đạt cho y; y có thể xem kiến thức đó như đến với y qua sự tiếp xúc trực tiếp của chính y với một hình tượng của Thiên Cơ. Nếu y đạt được và diễn giải kiến thức này theo một cách đúng đắn thực sự, tất nhiên là y chỉ đang có được sự nhận thức về những điều mà chính linh hồn của y chắc chắn biết được, bởi vì linh hồn của y là một khía cạnh của linh hồn Đại Đồng và là một phần không thể thiếu của Thánh Đoàn hành tinh. (15-491/2)

2. Những người không quan trọng và những người sơ cơ lý giải các lời kêu gọi và các thông điệp họ nghe hoặc nhận như đến với họ từ một nguồn cao siêu nào đó một cách thật dễ dàng, trong khi họ hoàn toàn có khả năng đang nghe thấy

những gì phát ra từ chính linh hồn của họ, hoặc từ một huấn sư nào đó (không phải một Chân Sư) vốn đang cố gắng giúp đỡ họ. (17-688) [218]

51. ĐÁM MÂY CỦA NHỮNG ĐIỀU KHẢ TRI

1. (Điểm đạo đồ) đã học biết qua cuộc sống trong tam giới, để thâm nhập vào thế giới trí tuệ, và, thế trí cụ thể đã trở thành công cụ của y, tích hợp phạm ngã của y, mở ra cho y thế giới của tư tưởng, và đưa vào năng lực của y các quá trình tạo ra hình tư tưởng; y đã học qua thiên định để tiếp xúc với linh hồn, là Con của Trí Tuệ, vốn là chính y, và cuối cùng đã đồng nhất chính y với linh hồn đó; y trở thành linh hồn trên thực tế, và có thể tạo ra trong thế giới tư tưởng những hình thức sinh động mang ánh sáng, sự giúp đỡ và chân lý cho những người khác; y phụng sự như vậy; y cũng học tập, nhờ sự nhận thức đang khai mở, để thâm nhập vào các cấp độ tư tưởng trừu tượng, phòng chò cho thế giới của lý trí thuần túy, và qua ba khía cạnh này của trí tuệ, y khám phá ra rằng y sở hữu "ba chiếc chìa khóa" vốn sẽ cho phép y đào sâu vào kiến thức, minh triết và lý trí của Toàn Linh Trí (Universal Mind). Đây là những gì được tiết lộ cho y khi y thâm nhập sâu hơn vào điều được gọi là Arcana (Bí Nhiệm) của Minh triết, Thiên Trí, Trạng Thái thiêng liêng thứ ba. Đây thực chất là những gì được bao hàm bởi cụm từ tượng trưng và hình ảnh "Đám mây của những điều khả tri". Đám mây mưa (raincloud) là một biểu tượng của khu vực có những mục đích chưa được tiết lộ của Thượng Đế, có thể được tiết lộ ngay lập tức nếu các đệ tử và điểm đạo đồ thế giới quan tâm để "thâm nhập đến điểm lắng tụ".

Ý tưởng này trong tương lai nên nằm sau tất cả những

gì bạn làm trong công việc thiền định của bạn. Giờ đây, việc thiền định của bạn nên được bạn coi là một quá trình thâm nhập, được tiến hành như một hành động phụng sự, với ý định mang lại sự giác ngộ cho những người khác. (6-313)

2. Bằng từ ngữ *thuộc siêu thức*, tôi muốn ám chỉ những uy lực và những kiến thức có sẵn nhưng cho đến nay vẫn chưa được tiếp xúc và chưa được nhận thức, và do đó, không được sử dụng ngay lập tức. Đây là sự minh triết, bác ái và chủ nghĩa lý tưởng trừu tượng vốn có trong bản chất của linh hồn nhưng chưa trở thành, và không bao giờ là một phần của thiết bị có sẵn để sử dụng. Cuối cùng, tất cả các quyền năng này sẽ được con người nhận thức và sử dụng. Những tiềm năng và những nhận thức này được gọi trong *Yoga Điển Tắc* (*The Yoga Sutras*) của Patanjali bằng cái tên thú vị là "đám mây của những điều khả tri." "Những điều khả tri" này cuối cùng sẽ rơi vào trong trạng thái ý thức của bản thể một người, và trở thành một phần không thể tách rời của thiết bị trí tuệ của y. Cuối cùng, khi cuộc tiến hóa tiến tới và các thời đại qua đi, chúng sẽ rơi vào trạng thái tiềm thức của bản thể y, khi quyền năng hiểu biết các siêu thức phát triển năng lực. Tôi có thể làm cho bạn hiểu rõ hơn điểm này nếu tôi [220] chỉ ra rằng cũng như tính chất bản năng ngày nay được tìm thấy chủ yếu trong lĩnh vực tiềm thức, cũng vậy, vào đúng lúc, phần trí tuệ của con người (mà vào lúc này y trở nên ngày càng ý thức về nó) sẽ được chuyển xuống một vị trí tương tự, và sẽ chìm xuống dưới ngưỡng của ý thức. Bấy giờ trực giác sẽ chiếm lấy vị trí của nó. Đối với hầu hết mọi người, không thể sử dụng trực giác thoải mái, vì nó nằm trong lĩnh vực của siêu thức. (15-440/1)

52. Ý NGHĨA BÍ TRUYỀN

Bằng những từ "ý nghĩa bí truyền", về cơ bản Tôi muốn nói đến năng lực sống và hoạt động về mặt chủ quan (subjectively), có một sự tiếp xúc bên trong thường xuyên với linh hồn và thế giới mà nó ở trong đó, và điều này phải thể hiện một cách chủ quan nhờ lòng bác ái được bày tỏ một cách tích cực; nhờ minh-triết được tuôn ra đều đặn; và nhờ năng lực bao gồm và đồng nhất hóa chính mình với tất cả những gì thở (breathes) và cảm giác (feels) vốn là tính chất nổi bật của tất cả các con của Thượng Đế đang hoạt động thật sự. Do đó Tôi muốn nói đến một thái độ được chứa đựng bên trong thể trí, nó có thể tự định hướng tùy ý theo bất kỳ hướng nào. Nó có thể chi phối và kiểm soát tính nhạy cảm về tình cảm, không chỉ của chính vị đệ-tử, mà còn của tất cả những người mà y có thể tiếp xúc. Bằng sức mạnh của tư tưởng tĩnh lặng của y, y có thể mang ánh sáng và an bình đến cho mọi người. Nhờ quyền năng trí tuệ đó, y có thể nắm bắt được tư tưởng thế gian, và trên lĩnh vực của các ý tưởng, có thể phân biệt và lựa chọn giữa các tác nhân trí tuệ và các khái niệm vốn sẽ cho phép y, với tư cách một người hoạt động theo thiên cơ, ảnh hưởng đến môi trường chung quanh của y và bao bọc những lý tưởng mới trong chất liệu tư tưởng, vốn sẽ làm cho chúng được nhận biết dễ dàng hơn trong thế giới tư tưởng và sinh hoạt thông thường hằng ngày. Thái độ tâm trí này sẽ giúp cho vị đệ-tử cũng tự định hướng vào thế giới của linh hồn, và ở vị trí cao của sự linh hứng và của ánh sáng, phát hiện ra các phụng-sự-viên thân hữu của y, giao tiếp với họ và – trong sự hiệp nhất với họ – cộng tác nhau trong việc thể hiện các mục đích thiêng liêng.

Ý nghĩa huyền bí này là nhu cầu chính của người tìm

đạo vào lúc này trong lịch sử thế giới. Cho đến khi nào những người tìm đạo đã phần nào hiểu được điều đó và có thể sử dụng nó, bằng không thì họ không bao giờ có thể hợp thành một phần của Đoàn Người Mới; họ không bao giờ có thể hoạt động như các nhà huyền linh thuật, và các Giáo Huấn này đối với họ sẽ vẫn là lý thuyết và phần lớn có tính trí tuệ, thay vì là thực tế và có hiệu quả.

Để vun trồng ý thức huyền bí bên trong này thì cần phải thiền định, và thiền định liên tục trong các giai đoạn đầu của sự phát triển. Nhưng khi thời gian [221] trôi qua và một người phát triển về tinh thần, việc thiền định hằng ngày này sẽ cần phải nhường lối cho một sự định hướng tinh thần bền bỉ, và kể đó người ta sẽ không còn đòi hỏi sự thiền định như được hiểu và cần thiết như bây giờ nữa. Sự tách rời giữa một người với các hình tượng tiện dụng của y sẽ toàn diện đến nỗi y sẽ luôn sống trong “tư thế của Nhà Quan Sát”; và từ quan điểm và thái độ đó, y sẽ chỉ đạo các hoạt động của thể trí, của những cảm xúc và của các năng lượng, những hoạt động này làm cho sự biểu lộ ở cõi trần thành có thể xảy ra và hữu ích.

Giai đoạn đầu tiên trong sự phát triển và trau dồi ý thức huyền bí này cốt ở việc giữ thái độ quan sát luôn luôn khách quan. (4-603/4)

53. ẢO CẢM VÀ ẢO TƯỢNG

1. Chỉ có trực giác mới có thể xua tan ảo tưởng, và đó là nhu cầu của việc rèn luyện trực giác. (10-23)

2. Vấn Đề Ảo Tượng nằm trong sự kiện đó là một hoạt động của linh hồn và là kết quả của trạng thái trí tuệ của mọi linh hồn đang biểu lộ. Chính linh hồn đang bị đắm chìm

trong ảo tưởng và linh hồn không nhìn thấy một cách rõ ràng cho đến khi theo thời gian, linh hồn học được cách tuôn đổ ánh sáng của linh hồn vào thể trí và não bộ.

Vấn Đề Ảo Cảm xảy ra khi ảo tưởng của thể trí bị dục vọng làm cho mạnh thêm. Chính cái mà nhà Nghiên Cứu Minh Triết Thiêng Liêng gọi là “kama-manas” (“trí-cảm”) tạo ra ảo cảm. Đó là ảo tưởng trên cõi cảm dục. (10-21)

3 Trong tiến trình xua tan ảo cảm, cách có uy lực lớn nhất là hiểu được việc cần phải hành động một cách thuần túy như là một đường vận chuyển năng lượng của linh hồn. Nếu vị đệ tử có thể tạo sự chinh hợp đúng và sau đó tiếp xúc với linh hồn của y, thì kết quả cho thấy là ánh sáng ngày càng tăng. Ánh sáng này tuôn đổ xuống và chẳng những soi sáng thể trí mà còn soi sáng ý thức lúc tỉnh thức nữa. Vị đệ tử thấy được tình huống một cách rõ ràng hơn: y hiểu được mặt thật của trường hợp khi đi ngược với “các tưởng tượng vô ích” của y; và thế là “ánh sáng tỏa chiếu trên con đường của y”. Y chưa thể thực sự thấy được trong các tầm mức ý thức rộng lớn hơn; dĩ nhiên ảo cảm của nhóm và ảo cảm của thế gian cho đến nay đối với y vẫn còn là một bí ẩn trói buộc và gây hoang mang, nhưng con đường trước mắt của riêng y bắt đầu thông thoáng và y tương đối thoát khỏi đám sương mù của khí độc của tình cảm lệch lạc và xưa cũ của y. Sự chinh hợp, sự tiếp xúc với linh hồn của y, và kể đó sự kiên định, là các chủ âm đưa đến thành công. (10-36/7) [222]

4. Áo Tường Vê Quyền Lực có lẽ là một trong các thử thách đầu tiên và nghiêm trọng nhất xảy đến cho một người chí nguyện. Đó cũng là một trong các tấm gương rõ rệt nhất của “Đại Lỗi Lầm” này, và do đó tôi muốn bạn chú ý đến nó; đó như là một điều cần chống lại mà tôi xin bạn phải hết sức

cẩn thận đề phòng. Thực ra, ít có đệ tử nào thoát khỏi các hậu quả của sự lầm lẫn do ảo tưởng này, vì, thật kỳ lạ, điều đó lại dựa trên sự thành công đúng đắn và động cơ chính đáng. Đó là bản chất bề ngoài của vấn đề. Điều đó có thể được diễn đạt như sau:

Một người chí nguyện thành công trong việc tiếp xúc với linh hồn hay Chân Ngã của mình nhờ nỗ lực thích đáng. Qua việc thiền định, có chủ tâm tốt đẹp và kỹ thuật chính xác, cộng với ước muốn phụng sự và yêu thương, y đạt được sự chinh hợp. Bấy giờ y trở nên ý thức các kết quả của công việc thành công của y. Thể trí của y được soi sáng. Y cảm nhận được quyền năng đang tuôn đổ qua các hiện thể của y. Ít nhất là tạm thời y được làm cho biết về Thiên Cơ. Nhu cầu của thể giới và năng lực của linh hồn để đáp ứng với nhu cầu đó đang tràn ngập tâm thức y. Sự hiến dâng, sự thánh hóa và mục tiêu chính đáng làm tăng dòng chảy vào có định hướng của năng lượng thiêng liêng. Y hiểu biết. Y yêu thương. Y tìm cách để phụng sự và làm cả ba việc này đều thành công hoặc nhiều hoặc ít. Kết quả của tất cả các việc này là y trở nên bị thu hút nhiều hơn vào cảm thức về quyền lực, và vào vai trò mà y sẽ phải thi hành để giúp đỡ nhân loại, so với việc được thu hút vào nhận thức về một cảm thức đúng mức và thích hợp về sự cân xứng và về các giá trị tâm linh. Y đánh giá quá cao kinh nghiệm của y và chính y. Thay vì tăng cường các cố gắng của y và như vậy thiết lập một sự tiếp xúc chặt chẽ hơn với giới linh hồn và yêu thương mọi sinh linh một cách sâu xa hơn, y bắt đầu kêu gọi người khác chú ý vào chính y, vào nhiệm vụ mà y sẽ phát triển, và vào sự tin tưởng rằng Chân Sư, và ngay cả Hành Tinh Thượng Đế rõ ràng hiện hữu nơi y. Y nói về chính y; y làm điệu bộ và thu hút sự chú ý, đòi hỏi sự thừa nhận. Khi y làm như thế, sự chinh hợp của y từ từ bị

suy giảm; sự *tiếp xúc* của y bị kém sút, y gia nhập vào hàng ngũ của nhiều người đã chịu thua ảo tưởng về quyền lực được cảm nhận. Hình thức ảo tưởng này đang trở nên ngày càng phổ biến trong số các đệ tử và những ai đã có hai cuộc điếm đạo đầu tiên. Ngày nay trên thế giới có nhiều người đã được điếm đạo lần thứ nhất trong một kiếp trước. Ở giai đoạn nào đó trong chu kỳ của kiếp sống hiện tại, có sự tái diễn và tóm tắt lại các biến cố của một lần phát triển trước, họ lại đạt đến một mức độ trong nhận thức của họ mà trước kia họ đã đạt đến. Ý nghĩa của sự thành đạt của họ tuôn đổ lên họ, và ý thức về trách nhiệm và sự hiểu biết của họ. Ngoài ra, họ tự đánh giá chính họ quá cao, xem các sứ mệnh của họ và chính họ là độc đáo trong số các con của nhân loại, và nhu cầu thần bí và chủ quan của họ đối với sự công nhận đi vào và làm hư hỏng những gì mà nếu khác đi thì có thể đã là một việc phụng sự có kết quả. Bất cứ việc chú trọng nào vào phạm ngã đều có thể làm biến dạng một cách dễ dàng nhất ánh sáng thuần khiết của linh hồn khi ánh sáng đó tìm cách tuôn đổ qua phạm ngã. Bất cứ nỗ lực nào kêu gọi chú ý vào sứ mệnh [223] hoặc bốn phận mà phạm ngã đã đảm trách, đều làm giảm giá trị của sứ mệnh đó và cản trở con người trong nhiệm vụ của y; nó đưa đến việc làm trì hoãn thành quả của nó cho đến lúc mà vị đệ tử không thể là gì khác hơn là một vận hà mà qua đó lòng bác ái có thể tuôn đổ và ánh sáng có thể tỏa chiếu. Việc tuôn đổ và tỏa chiếu này phải là một diễn biến tự phát và không chứa sự tự ám chỉ nào. (10-51/3)

5. Chỉ khi nào vị đệ tử học được cách giữ cho thể trí mình “ổn định trong ánh sáng” và khi các tia sáng thuần khiết từ linh hồn tuôn xuống, bấy giờ ảo cảm mới được phát

hiện, được phân biệt, được nhận thức về căn bản nó vì mục đích gì, và như vậy nó mới được làm cho biến mất, giống như sương mù của trái đất, tan rã dưới tia nắng mặt trời đang mọc vậy. Do đó, tôi muốn khuyên các bạn chú ý thích đáng hơn vào việc thiền định của bạn, luôn luôn vun bồi khả năng trầm tư (reflect) và có thái độ trầm tư – được giữ ổn định suốt ngày. (10-81)

6. Chính bản thân linh hồn xưa tan ảo tưởng, qua việc sử dụng năng lực trực giác. Chính thể trí giác ngộ làm tiêu tan ảo cảm. (10-83)

7. Các hiện thể mà qua đó linh hồn tìm kiếm kinh nghiệm và biểu lộ, đều lệ thuộc vào ảo cảm thế gian một cách thông thường và tự nhiên, đồng thời cũng lệ thuộc vào ảo cảm của nhân loại cũng như ảo tưởng. Trong các giai đoạn kinh nghiệm ban đầu, khi linh hồn rơi vào cái bẫy của ảo lực, của ảo cảm và sau rốt của ảo tưởng, lý do là linh hồn tự đồng hóa với các hình thức này và do đó có ảo cảm bao quanh, như thế không đạt được sự đồng nhất hóa với chính nó. Khi sự tiến hóa nối tiếp, bản chất của vấn đề trở nên rõ ràng đối với linh hồn đang nhập thể, và bấy giờ một tiến trình được tạo ra, nhờ đó linh hồn tự thoát ra khỏi các hậu quả của sự đồng nhất hóa sai lầm. Mọi linh hồn đang luân hồi vốn thành công trong việc giải phóng ý thức ra khỏi thế giới của ảo tưởng và của ảo cảm, thì đều rõ rệt là đang phụng sự nhân loại và giúp nhân loại thoát ra khỏi cảnh nô lệ lâu đời và mạnh mẽ này. (10-114)

8. Ánh sáng duy nhất có thể xua tan sương mù ảo cảm và đưa sự sống thoát khỏi các hậu quả bệnh hoạn là ánh sáng của linh hồn, mà – giống như tia sáng thuần khiết có tính tẩy rửa – ánh sáng này có được tính chất kỳ lạ và độc đáo của sự

thiên khai, của việc làm tiêu tan tức thì và của sự giác ngộ. Sự thiên khai được ban xuống đó khác hẳn với sự thiên khai nhờ trực giác vì đó là sự thiên khai về những gì mà ảo cảm che lấp, ẩn giấu, vốn là sự thiên khai độc đáo đối với cõi cảm dục và được chi phối bằng các định luật của cõi ấy. (10-139)

9. Vấn đề của Áo Tường nằm trong sự kiện nó là một hoạt động của linh hồn, và là kết quả của khía cạnh trí tuệ của tất cả các linh hồn trong biểu lộ. Đó là [224] linh hồn bị chìm trong ảo tưởng, và linh hồn không thể nhìn thấy rõ ràng cho đến khi nó đã học để tuân đở ánh sáng của linh hồn xuyên qua vào trong thể trí và não bộ. (15-472) (*Đoạn này đã trích*)

54. CÁC CẶP ĐỐI LẬP

I. Đối với rất nhiều đệ tử, bài học đã là học cách tiến lên phía trước bất chấp hoạt động của các cặp đối lập, không chú ý đến phản ứng của các giác quan, và luôn đứng vững tự do và không sợ hãi, cho dù kinh nghiệm đang được trải qua là một kinh nghiệm có tầm quan trọng cao và sự thỏa mãn tinh thần, hoặc là một kinh nghiệm của những diễn biến "có mức độ buồn tẻ", nơi không có gì mang lại niềm vui mà chỉ có sự đau khổ, sự sợ hãi và sự hồi hộp. Bạn phải học cách tiến về phía trước một cách đều đặn giữa các cặp đối lập, nói với chính bạn: Tôi không phải là cái này; Tôi không phải là cái đó; một cách vĩnh viễn, tôi là Chân ngã. (5-664)

2. Sự cấu tạo của Chân ngã, hay linh hồn, là yếu tố tối quan trọng đối với Chân Sư trong nhiệm vụ huấn luyện đệ tử cho Thánh Đoàn. Điều này tất nhiên bao hàm ba bí huyệt cao (đầu, tim và cổ họng). Ngài quan tâm đến cái gọi là hoa sen chân ngã, và đây là một điểm mà người đệ tử rất thường

quên. Linh hồn bận rộn với cuộc sống của riêng nó; các chi tiết của đời sống phàm ngã (sự biểu lộ không đầy đủ của nó hoặc cái bóng của nó trong tam giới) thường không tạo tác động nào đến tâm thức linh hồn. Khi sự ác liệt của đời sống phàm ngã tăng trưởng, linh hồn, vốn đã là nơi tiếp nhận ngày càng tăng những gì tốt đẹp nhất mà phàm ngã khao khát phải cố gắng hiển, và vốn đã từ từ chuyển sự chú ý của nó về phía thể trí của phàm ngã, cũng trở nên ý thức về một yếu tố đối lập với sự biểu lộ đích thực của linh hồn ở chu vi bên ngoài của sự sống. Bấy giờ, cuộc chiến của các cặp đối lập cao bắt đầu – cuộc chiến giữa linh hồn và phàm ngã, được tiến hành hữu thức trên cả hai phía. Đó là điểm cần ghi nhớ. Cuộc xung đột này chấm dứt, trước mỗi lần của ba cuộc điểm đạo đầu tiên, trong sự đối đầu với hai đối thủ: Kẻ Chận Ngõ (của cuộc điểm đạo) và Thiên thần của Bản Lai Diện Mục đứng mặt đối mặt. (5-762) [225]

55. KẸ CHẶN NGÕ (The Dweller on the Threshold)

1. Giờ đây, một câu hỏi bây giờ nảy sinh trong trí bạn: "Làm sao tôi có thể chiến thắng Kẻ Chận Ngõ này, và tuy vậy, đồng thời từ chối tập trung vào bản thân tôi và các vấn đề của tôi? Tôi được Ngài bảo đừng làm điều này, và tuy vậy Kẻ Chận Ngõ là tổng số của tất cả những ảnh hưởng và những khuyết điểm, mọi uy lực – về cảm xúc, trí tuệ và thể chất – vốn giới hạn sự biểu lộ của tôi với tư cách là một linh hồn. Do đó, tôi có thể làm gì?"

Câu trả lời của tôi sẽ là: Trước hết, bạn phải chấp nhận sự thật về Kẻ Chận Ngõ, và sau đó chuyển Kẻ Chận Ngõ đó tới đúng vị trí của nó như một phần của Đại Ảo Tượng, là ảo

ảnh vĩ đại của sự tồn tại và là một phần không thể thiếu trong sự sống của ba cõi. Sau đó, bạn phải tiếp tục việc phụng sự sự sống đã được hoạch định của bạn (hồi huynh đệ, bạn đã có kế hoạch hoặc các kế hoạch cụ thể nào?) và hành động như thể Kẻ Chặn Ngõ không tồn tại, như thế giải thoát bản thân bạn khỏi mọi ảnh hưởng phạm ngã trong thời gian thỏa đáng và để cho thể trí của bạn rảnh rỗi cho nhiệm vụ trước mắt. Có lẽ tôi có thể nói điều đó theo một cách khác. Khi mỗi quan tâm của bạn vào công việc của Thánh Đoàn và chương trình của Ashram, mà bạn được kết nối, đủ mạnh, thì nó sẽ chi phối mọi hành động của bạn, và mọi tư tưởng của bạn (khi thức hoặc ngủ); bấy giờ bạn sẽ thấy rằng sự nắm giữ của Kẻ Chặn Ngõ sẽ bị phá vỡ, rằng sự sống của nó đã bị phá hủy bởi lực làm tiêu hao, và hình hài của nó bị hủy diệt trong các ngọn lửa hy sinh. Câu chuyện này vẫn tắt như vậy. (6-47/8)

3. Kẻ Chặn Ngõ này thường được xem như là tai họa, như là một điều kinh khiếp cần tránh xa và như là một tai họa cuối cùng và cực điểm. Tuy nhiên tôi muốn nhắc nhở bạn rằng Kẻ Chặn Ngõ là “kẻ đang đứng trước Cổng của Thượng Đế”, kẻ ngự trong bóng tối của cửa điểm đạo, và là kẻ đối diện với Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục với mắt mở rộng, như kinh sách xưa gọi nó. Kẻ Chặn Ngõ có thể được định nghĩa như là tổng số các lực của phạm ngã như được biểu lộ trong phạm ngã, trước khi giác ngộ, trước sự linh hứng và trước cuộc điểm đạo. Ở giai đoạn này, phạm ngã cực kỳ mạnh mẽ, còn Kẻ Chặn Ngõ hiện thân cho tất cả các mãnh lực tâm thông và trí tuệ mà qua bao thời đại đã được khai mở trong một người và được nuôi dưỡng cẩn thận; nó có thể được xem như là uy lực của hình hài vật chất tam phân, trước khi nó hiến dâng và cống hiến cho sự sống của linh hồn và

cho việc phụng sự Thánh Đoàn, Thượng Đế và nhân loại.

Kẻ Chặn Ngõ là tất cả những gì mà một người có, ngoại trừ Chân ngã tâm linh; đó chính là trạng thái thứ ba của thiên tính, khi được biểu lộ trong cơ cấu con người, và chính trạng thái thứ ba này sau rốt phải phụ thuộc vào trạng thái hai, là linh hồn. (10-90/1), (15-312) [226]

3. (Về bản chất của Kẻ Chặn Ngõ), tôi muốn bàn rộng thêm về một hay hai điểm và đưa ra một hay hai gợi ý mới mà – để làm sáng tỏ và để bạn hiểu nhanh hơn – chúng tôi sẽ liệt kê như sau:

1. Về cơ bản, Kẻ Chặn Ngõ là phàm ngã; đó là một sự hợp nhất được tích hợp gồm có các lực của thể xác, năng lượng thể sinh lực, các lực của thể cảm dục, và các năng lượng của thể trí, tạo thành toàn thể bản chất thấp.

2. Kẻ Chặn Ngõ hình thành khi một sự tái định hướng sự sống con người đã xảy ra một cách hữu thức và dưới ảnh hưởng của linh hồn; lúc bấy giờ, về mặt lý thuyết, toàn thể phàm ngã được hướng đến sự *giải thoát vào việc phụng sự*. Vấn đề là biến lý thuyết và đạo tâm thành các sự thật trong kinh nghiệm.

3. Trong một thời gian dài, các mãnh lực của phàm ngã không tạo ra Kẻ Chặn Ngõ. Con người không ở trên ngưỡng của thiên tính; y không hữu thức biết về Thiên Thần. Các mãnh lực của y còn phôi thai; y hành động một cách vô thức trong môi trường của y, là nạn nhân của hoàn cảnh và của bản chất riêng của y một cách hiển nhiên, và ở dưới sự quyến rũ và sự thôi thúc của sự ham muốn đối với hoạt động và cuộc sống ở cõi trần. Tuy nhiên, khi sự sống của con người được điều khiển từ cõi trí, cộng thêm ham muốn hay tham

vọng, và y bị kiểm soát ít nhất đến một mức độ rộng lớn nào đó do ảnh hưởng của thể trí, thì bấy giờ Kê Chận Ngõ bắt đầu hình thành dưới hình thức một mãnh lực hợp nhất.

4. Các giai đoạn mà trong đó Kê Chận Ngõ được nhận thức, chịu một phương pháp rèn luyện tính phân biện, và sau rốt bị kiểm soát và bị khống chế, có ba phần chính:

a. Giai đoạn mà phạm ngã chế ngự và cai quản cuộc sống và các tham vọng, và các mục tiêu của nỗ lực trong cuộc sống của con người. Lúc bấy giờ Kê Chận Ngõ kiểm soát.

b. Giai đoạn có sự phân cấp ngày càng tăng trong tâm thức vị đệ tử. Kê Chận Ngõ hay phạm ngã khi đó bị thôi thúc theo hai hướng: một là hướng về việc theo đuổi tham vọng và dục vọng của cá nhân trong ba cõi thấp; hai là Kê Chận Ngõ (hãy lưu ý phát biểu này) cố gắng để có một chỗ đứng trên ngưỡng của thiên tính và trước Cửa Điểm Đạo.

c. Giai đoạn mà Kê Chận Ngõ hữu thức tìm kiếm sự hợp tác của linh hồn, và, mặc dù về căn bản trong chính nó vẫn còn tạo ra một tường chắn đối với sự tiến bộ tinh thần, nó ngày càng chịu ảnh hưởng của linh hồn hơn là của phạm ngã.

5. Khi đạt đến giai đoạn cuối cùng (và ngày nay, có nhiều người đang đạt tới đó) vị đệ tử cố gắng với ít nhiều thành công để giữ vững Kê Chận Ngõ (bằng [227] cách học “giữ cho thể trí ổn định trong ánh sáng” và như vậy kiểm soát phạm ngã). Theo cách này thì tính chất hay thay đổi thường xuyên, linh hoạt của Kê Chận Ngõ dần dần bị vượt qua; việc định hướng về phía thực tại của nó và tách ra khỏi Đại Áo Tường đã có hiệu quả, Thiên Thần và Kê Chận Ngõ từ từ được đưa vào một mối liên kết chặt chẽ.

6. Trong các giai đoạn ban đầu của nỗ lực và của sự kiểm soát bất thành, Kẻ Chặn Ngõ thì tích cực còn Linh Hồn thì tiêu cực trong các hiệu quả của chúng trong ba cõi nỗ lực của con người. Bấy giờ có một thời kỳ dao động, đưa đến cuộc sống thăng bằng, trong đó không có trạng thái nào tỏ ra chiếm ưu thế; sau đó sự quân bình thay đổi, rồi phạm ngã dần dần trở nên tiêu cực, còn linh hồn hay tâm (psyche) trở nên chiếm ưu thế và tích cực. (10-153/5)

4. Có một số các chu kỳ mà trong đó Kẻ Chặn Ngõ xuất hiện và đương đầu với người chí nguyện, thách thức mục đích và sự tiến bộ của y, và ngăn chặn cánh cửa vốn dẫn đến sự sống và sự giải thoát được mở rộng. Kẻ Chặn Ngõ thách thức sự tự do của linh hồn con người. Vì thế nó cũng ở trong đời sống của một quốc gia, một chủng tộc và nhân loại nói chung.

Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục biểu thị tiềm năng thiêng liêng, tiết lộ cho vị đệ tử chăm chú bước kế tiếp hướng tới sự giải thoát phải được thực hiện, và chiếu rọi ánh sáng lên giai đoạn trước mắt của Con Đường tiến đến Ánh Sáng phải được bước lên...

Kẻ Chặn Ngõ tổng kết lại trong chính y các khuynh hướng sai trái, các giới hạn được tích lũy, và toàn thể các thói quen và các ham muốn ích kỷ vốn là đặc trưng của bản chất vật chất của vị đệ tử. Thiên Thần của Bản Lai Diện Mục biểu thị triển vọng *tương lai* và bản thể thiêng liêng.... Kẻ Chặn Ngõ biểu thị *quá khứ* với các giới hạn và các thói quen xấu của nó....

Một số chu kỳ trong kiếp sống của một đệ tử đưa ra một khía cạnh của một sự "đối đầu" ("confrontation") và một cái khác nào đó. Trong một kiếp sống, y có thể hoàn toàn bận rộn

với việc chống lại Kẻ Chặn Ngõ, hay với việc tự định hướng y tới Thiên Thần của Bản Lai Diện mục, và cho phép năng lượng thiêng liêng đang chi phối tuôn chảy vào y; y có thể đang chịu thua ảnh hưởng của tổng số đáng sợ các ham muốn xấu xa và vật chất của y, hoặc y có thể đang thu hút dần dần gần hơn với Thiên Thần. Nhưng – và đây mới là điểm quan trọng – *chính bản thân y gọi lên cái này hay cái kia của những sự biểu lộ này...* Chính tiếng gọi có sức thu hút hay ý định tập trung của vị đệ tử ... tạo ra sự biểu lộ. Trong các kiếp sống khác, vị đệ tử có thể dao động đơn thuần giữa hai cực của bản thể y, không có nỗ lực hữu thức nào, không có sự đương đầu trực tiếp nào, và không có sự hiểu biết rõ ràng về mục đích sống.... [228]

Tuy nhiên, sau rốt, sẽ đến một kiếp sống mà trong đó vị đệ tử bị đối đầu bởi cả Kẻ Chặn Ngõ lẫn Thiên Thần cùng một lúc, và sự xung đột chủ yếu của kinh nghiệm của y xảy ra. Điều đó cũng như thế trên thế giới ngày nay. Tinh thần và vật chất đang xung đột, và chính nhân loại là bãi chiến trường.

. . . Khi (người đệ tử) đã đạt đến mong muốn chính đáng, và đã tạo ra nỗ lực đích thực hướng tới việc định hướng đúng đắn, bấy giờ – khi sự xung đột giữa thiện và ác ở đỉnh cao của nó – đến một lúc mà đệ tử yêu cầu nhiều ánh sáng hơn, nhiều năng lực hơn, nhiều hiểu biết hơn và sự tự do thực hiện bước tiến kế tiếp của y. Khi y có thể thực hiện yêu cầu này với ý định vững chắc, và có thể đứng một cách vững vàng và không sợ hãi, sự đáp ứng chắc chắn sẽ xảy đến từ ngay chính Bản Lai Diện Mục (the Presence). Một sự biểu lộ của ánh sáng, bác ái, và quyền năng sẽ tuôn đổ ra. Bấy giờ, nhận thức về nhu cầu đã gọi lên sự đáp ứng. Sự xung đột

chấm dứt; Kẻ Chặn Ngõ rời đi, đến vị trí riêng của nó; Thánh Đạo phía trước hiện ra rõ ràng; vị đệ tử có thể tiến tới với sự tự tin, và một cuộc sống tốt đẹp hơn tỏ lộ cho y. (13-293/5)

56. LINH HỒN VÀ CÁC QUYỀN NĂNG TÂM THÔNG

Khi một người được an trụ vững chắc trên cõi trí, khi y đã đạt được một mức độ tiếp xúc nào đó với linh hồn, và khi toàn bộ định hướng của y là hướng tới thế giới của những thực tại tinh thần, và cuộc sống của y là cuộc sống theo giới luật và phụng sự, thì đôi khi, và khi cần thiết, y có thể tùy ý sử dụng những quyền năng tâm thông thấp này trong việc phụng sự Thiên Cơ, và để làm một số công việc đặc biệt trên cõi cảm dục. Nhưng đây là một trường hợp tâm thức lớn bao gồm một cách bình thường tâm thức thấp. Tuy nhiên, điều này hiếm khi được thực hiện ngay cả bởi các cao đồ (adepts), vì các quyền năng của linh hồn – nhận thức tinh thần, tính nhạy cảm về viễn cảm và khả năng trải nghiệm tâm lý – thì thường là đầy đủ cho yêu cầu và nhu cầu phải được đáp ứng. Tôi xen những nhận xét này vào, vì có một số người giác ngộ sử dụng các quyền năng này, nhưng điều đó luôn luôn theo đường lối của việc phụng sự cụ thể cho Thánh Đoàn và nhân loại, và không theo bất kỳ đường lối nào được kết nối với cá nhân. (15-477) [229]

57. SUTRATMA

1. “Ngân quang tuyến” (“silver thread”), vốn trải qua luân hồi từ lúc bắt đầu một chu kỳ biểu lộ cho đến lúc chấm dứt, xâu trên nó các viên ngọc của kiếp sống con người. Đó là tuyến năng lượng nổi phàm nhơn với Từ Phụ của y trên Trời

xuyên qua Chân ngã, tức nguyên khí trung gian. Trên sợi ngân quang này có các điểm tập trung năng lượng mà chúng ta gọi là các nguyên tử thường tồn. (3-114)

2. Linh hồn chế ngự hình tướng của nó qua trung gian của sutratma hay sinh mệnh tuyến (life thread), và (thông qua tuyến này) truyền sinh khí cho ba khí cụ của nó (thể trí, thể tình cảm và xác thân), và do đó thiết lập một sự liên lạc với não bộ. Thông qua não bộ được kiểm soát một cách có ý thức, con người được kích hoạt vào hoạt động sáng suốt trên cõi trần. (4-57/8)

3. Mục đích và ý chí của linh hồn, sự quyết tâm về tâm linh để tồn tại và để hành động, đang sử dụng sinh mệnh tuyến (thread soul), tức sutratma, tức dòng sự sống (life current) làm phương tiện biểu hiện trong hình hài của nó. Dòng sự sống này phân hóa thành hai dòng (currents) hoặc hai tuyến (threads) khi nó đến thể xác, và “bị neo chặt” (“anchored”), nếu Tôi có thể diễn tả như thế, ở hai địa điểm trong cơ thể đó. Điều này tượng trưng cho những biến phân của Atma, hay Tinh Thần (Spirit) thành hai phản ảnh của nó, là linh hồn và xác thân. Linh hồn, hay trạng thái tâm thức, là cái làm cho một con người thành một thực thể có lý trí, biết suy tư, được một khía cạnh của tính mệnh tuyến (thread soul) “gắn chặt” vào một “vị trí” (“seat”) trong não, ở trong khu vực của tuyến tủy qua. Khía cạnh kia thuộc về sự sống, vốn làm sinh động mỗi nguyên-tử của cơ thể và tạo thành nguyên khí cố kết (coherence) hoặc nguyên khí tích hợp (integration), tìm đường đến trái tim, và được tập trung hoặc được “gắn chặt” ở đó. Từ hai điểm này, con người tâm linh (spiritual man, chân nhân) tìm cách kiểm soát bộ máy. Nhờ thế, sự thực hiện chức năng trên cõi trần trở nên khả hữu và

sự tồn tại khách quan trở thành một phương cách biểu lộ tạm thời. Linh hồn, được an trụ trong não, làm cho con người thành một thực thể có lý trí thông minh, có ngã thức và tự quản lý; y có ý thức theo mức độ biến thiên của thế giới mà y sống trong đó, tùy theo mức tiến hóa và sự phát triển tương ứng của bộ máy. Bộ máy đó có ba biểu lộ. Trước hết có các kinh mạch (nadis) và bảy trung tâm lực (centres of force); rồi đến hệ thần kinh gồm có ba phần: hệ não tủy (cerebro-spinal), hệ giao cảm (sympathetic), và hệ thần kinh ngoại vi; và kế đó có hệ thống tuyến nội tiết, vốn có thể được coi là trạng thái dày đặc nhất, hoặc phần ngoại hiện (externalization) của hai phần kia.

Linh hồn, được trụ ở tim (seated in the heart), là nguyên khí sự sống (life principle), nguyên khí tự quyết (principle of self-determination), hạt nhân trung tâm mang năng lượng dương (positive), nhờ đó mọi nguyên-tử của cơ thể được giữ đúng chỗ của chúng, và phụ thuộc [230] vào “ý-muốn-tồn-tại” (“will-to-be”) của linh hồn. Nguyên khí sự sống này sử dụng dòng máu như là phương cách biểu lộ của nó, và như là tác nhân kiểm soát của nó, và thông qua mối quan hệ mật thiết của hệ thống tuyến nội tiết đối với dòng máu, chúng ta có hai trạng thái hoạt động của linh hồn được hợp lại để làm cho con người thành một thực thể sống, có ý thức, hoạt động, được chi phối bởi linh hồn, và biểu lộ mục đích của linh hồn trong mọi hoạt động của cuộc sống hằng ngày. (4-495/6)

4. Các đạo sinh nên tự rèn luyện để phân biệt giữa sutratma và antahkarana, giữa sinh mệnh tuyến và tuyến tâm thức. Một tuyến là cơ sở của sự bất tử, còn tuyến kia là cơ sở của sự liên tục. Ở đây có một sự phân biệt tế nhị cho người khảo cứu. Một tuyến (sutratma), liên kết và làm sinh động

mọi hình tướng thành một tổng thể hoạt động, và hiện thân trong nó ý chí và mục đích của thực thể biểu lộ, có thể là con người, Thượng đế hoặc tinh thể. Tuyến còn lại (antahkarana) hiện thân cho sự đáp ứng của tâm thức trong hình tướng đối với một phạm vi tiếp xúc mở rộng đều đặn trong tổng thể vây quanh.

Sutratma là dòng sự sống trực tiếp, không gián đoạn và bất biến, có thể được coi một cách tượng trưng như một dòng năng lượng sinh động trực tiếp chảy từ trung tâm ra ngoại vi, và từ nguồn tới sự biểu lộ bên ngoài hoặc vẻ ngoài thuộc hiện tượng. Nó là sự sống. Nó tạo ra quá trình cá nhân và sự khai mở tiến hóa của mọi hình tướng. Do đó, nó là con đường sự sống, vươn ra từ Chân Thần, đến phàm ngã, xuyên qua linh hồn. Đây là linh hồn tuyến, và nó là duy nhất và không thể phân chia. Nó truyền tải năng lượng của sự sống và tìm thấy điểm neo cuối cùng của nó ở trung tâm trái tim con người, và ở một tiêu điểm trung tâm nào đó trong trong mọi hình tướng của sự biểu lộ thiêng liêng. Không có gì hiện hữu và không có gì còn lại trừ sự sống. (12-26/7)

58. ANTAHKARANA

1. Biểu tượng học về antahkarana có xu hướng tệ hại khi làm phức tạp việc nắm bắt bản chất thực sự của nó... Antahkarana không phải là một chuỗi các tuyến năng lượng, được dệt từ từ bởi phàm ngã được linh hồn thẩm nhuần, và được đáp ứng bằng các tuyến tương ứng do Tam Thượng Thể Tinh thần phóng ra, mà thực tế là một trạng thái ý thức...

HP B. đã dạy rằng antahkarana chủ yếu là vận hà của năng lượng liên kết các hình tướng và mãnh lực của chúng

với các cội nguồn phát sinh của chúng, và đi ngang qua cõi trí (với ba trạng thái trí tuệ của nó), sinh mệnh tuyến [231] tất nhiên được đi ngang qua, liên kết Monad, linh hồn, và phạm ngã thành một tổng thể sống động. Do đó, về mặt kỹ thuật mà nói, thì không cần cái gọi là cầu nối, ngoại trừ một yếu tố quan trọng: về phần phạm ngã được linh hồn thấm nhuần, có một sự gián đoạn rõ ràng trong tâm thức giữa hạ trí và trí trừu tượng. Thượng trí (là trạng thái thấp nhất của Tam Thượng Thể Tinh thần) có thể được coi là một cánh cửa tiếp nhận tâm thức của phạm ngã được linh hồn thấm nhuần vào một lĩnh vực tiếp xúc và nhận thức cao. Nhưng một lần nữa – như bạn có thể thấy rõ – không có gì ở đây ngoài biểu tượng học; không có cánh cửa nào, mà chỉ đơn giản là một biểu tượng biểu thị phương tiện tiếp cận.

Trong toàn bộ quá trình tiến hóa của con người tâm linh qua việc đầu thai ở cõi trần trong vô số hàng trăm kiếp sống, toàn bộ quá trình chỉ đơn giản là một quá trình mở rộng tâm thức và của việc thành đạt – một cách tuần tự và từng giai đoạn – một ý thức luôn bao gồm hơn. Đây là điều tốt đẹp để ghi nhớ, vì cuối cùng tất cả những hình ảnh tượng trưng này sẽ nhường chỗ cho thực tại. Nhiệm vụ – và đó là một nhiệm vụ thực sự – xây dựng antahkarana và tạo ra những gì sẽ nối liền khoảng trống, trên thực tế là nỗ lực có kế hoạch và hữu thức để phóng chiếu tư tưởng tập trung của con người tâm linh từ cõi hạ trí vào các lĩnh vực ý thức đã được cảm nhận nhưng không được tiếp xúc; nó đòi hỏi việc sử dụng toàn bộ ý thức đã được phát triển và đã được linh hồn "soi sáng", và (với sự chủ tâm) làm cho linh hồn ngày càng nhạy cảm với hoạt động tập trung của thế giới của các thực tại tâm linh cao siêu; nó đang hướng dòng tư tưởng hữu thức tới thế giới được cảm nhận và được nhận thức về mặt lý thuyết của các

Chân sư, của Tam Thượng Thể Tinh thần và cuối cùng, của Shamballa. Các đệ tử nên nhớ rằng con đường Tiến hóa cao siêu đơn giản hơn nhiều so với con đường thấp, và do đó, việc tiếp cận trên hậu ý và ý nghĩa của antahkarana – vốn là sự sáng tạo đầu tiên của phàm ngã được linh hồn thấm nhuần hoạt động như một thực thể bất khả phân – thì đơn giản hơn nhiều so với việc liên kết với phàm ngã trong ba cõi tiến hóa của con người. (6-193/5)

2. Antahkarana giờ đây đang được xây dựng bởi mọi phàm ngã được linh hồn thấm nhuần (hoặc được xây dựng một cách vô thức bởi mọi sự đấu tranh để thành tựu sự định hướng và sự phát triển tâm linh), và đang nhanh chóng trở thành một sợi cáp mạnh mẽ, bao gồm tất cả nhiều sợi ánh sáng sinh động, của tâm thức và của sự sống; những sợi này được hòa lẫn và được hợp nhất để không ai có thể thực sự nói: "sợi chỉ của tôi, hoặc cây cầu của tôi, hoặc antahkarana của tôi". Điều này đôi khi họ làm trong sự vô minh. Tất cả các phàm ngã được linh hồn thấm nhuần đang tạo ra antahkarana của con người, vốn sẽ hợp nhất, trong một sự thống nhất bền vững, ba trạng thái hoặc năng lượng của Tam Thượng Thể Tinh thần, với ba trạng thái của phàm ngã được linh hồn thấm nhuần trong ba cõi thấp. Trong thời gian sắp tới, cụm từ "sự sống trong tam giới" sẽ [232] không còn nữa; người ta sẽ nói dưới dạng "sự sống trong năm cõi của Thiên Giới được biểu lộ". Hãy suy nghĩ dưới những thuật ngữ này ngày nay nếu bạn có thể, và bắt đầu hiểu rõ phần nào ý nghĩa của chân lý được thể hiện trong đó. Trong biểu tượng học đẹp đẽ của phương Đông, "Cây cầu của những tiếng thờ dài", liên kết thế giới động vật với thế giới con người, và dẫn mọi người vào thung lũng của nước mắt, của sự đau buồn, của kỷ

luật và của sự cô đơn, đang nhanh chóng được thay thế bằng cây Cầu của Cầu Vòng rực rỡ, được xây dựng bởi các con của nhân loại tìm kiếm ánh sáng thuần khiết. "Họ đi qua cây cầu vào trong Ánh sáng thanh bình đang chờ đợi họ ở đó, và mang ánh sáng rạng rỡ xuống thế giới loài người, tiết lộ vương quốc mới của linh hồn; các linh hồn biến mất, và chỉ có Đại Hồn được nhìn thấy". (6-408)

3. Sự rõ ràng của tầm nhìn và sự hiểu rõ Thiên Cơ ... phụ thuộc vào sự xây dựng hữu thức và thông minh antahkarana. (6-667)

4. Khi antahkarana được xây dựng và ba cái cao được liên kết trực tiếp đến ba cái thấp, thì linh hồn không còn cần thiết nữa. (11-157)

5. Khoa học về Antahkarana. Khoa này bàn về phương thức nối liền khoảng cách tồn tại trong tâm thức con người giữa thế giới kinh nghiệm bình thường của con người, là thế giới tam phân của hoạt động thể chất-tình cảm-trí tuệ, với các cấp độ cao của cái gọi là sự phát triển tinh thần, vốn là thế giới của các ý tưởng, của nhận thức trực giác, của sự nhận thức sâu sắc và sự hiểu biết tâm linh Điều này dẫn đến việc vượt qua những hạn chế về thể chất và tâm lý vốn giới hạn sự biểu lộ tự do của con người về thiên tính bẩm sinh của y. (12-2)

6. Giáo dục là . . . Khoa học về Antahkarana. Khoa học này và thuật ngữ này là cách bí truyền để diễn đạt sự thật về nhu cầu bức cầu này. Antahkarana là cầu nối mà con người xây dựng – nhờ thiên định, sự hiểu biết, và công việc sáng tạo kỳ diệu của linh hồn – giữa ba khía cạnh của bản chất trí tuệ của y. Do đó, các mục tiêu chủ yếu của nền giáo dục sắp tới

sẽ là:

1. Tạo ra sự chình hợp giữa thể trí và bộ não, nhờ một sự hiểu biết đúng đắn về cấu tạo bên trong của con người, cụ thể là thể dĩ thái và các bí huyết.

2. Xây dựng hoặc kiến tạo một cầu nối giữa não bộ- thể trí- linh hồn, như vậy tạo ra một phạm ngã tích hợp, vốn là một sự biểu lộ phát triển ổn định của linh hồn.

3. Xây dựng cầu nối giữa hạ trí, linh hồn, thượng trí, để sự giác ngộ của phạm ngã trở nên khả thi. [233]

Do đó, nền giáo dục đích thực là khoa học liên kết các bộ phận không thể tách rời của con người, và cũng lần lượt liên kết y với môi trường trực tiếp của y, và sau đó với tổng thể lớn hơn mà trong đó y phải đóng vai trò của y. (12-6)

7. Tuyến tâm thức (antahkarana) là kết quả của sự hợp nhất giữa sự sống và vật chất... Nó là sợi chỉ được dệt như là một kết quả của sự xuất hiện của sự sống trong hình tượng trên cõi trần. Một lần nữa, nói một cách tượng trưng, có thể nói rằng sutratma hoạt động từ trên xuống, và là sự ngưng tụ của sự sống vào sự biểu lộ bên ngoài. Antahkarana được dệt nên, được tiến hóa và được tạo ra như là kết quả của sự sáng tạo đầu tiên này, và hoạt động từ dưới lên, từ ngoài vào trong, từ thế giới của các hiện tượng công khai vào thế giới của những thực tại chủ quan và của ý nghĩa.

"Con đường Quy Nguyên" này, mà nhờ đó nhân loại được triệt thoái khỏi sự chú trọng bên ngoài và bắt đầu nhận thức và ghi nhận những kiến thức hữu thức bên trong về những gì không có tính hiện tượng, nhờ tiến trình tiến hóa, đã đạt đến một điểm phát triển mà trong đó một số người có thể đi theo con đường này từ ý thức hồng trần đến ý thức tình cảm, và từ ý thức tình cảm đến ý thức trí tuệ. Phần công

việc đó đã được hoàn thành trong nhiều nghìn trường hợp, và những gì giờ đây được yêu cầu là sự thuận lợi và việc sử dụng chặt chẽ năng lực này. Tuyến năng lượng này, được nhuộm màu bởi sự đáp ứng tri giác hữu thức, và về sau được nhuộm màu bởi ý thức phân biệt của thể trí, và điều này tạo ra sự tích hợp bên trong khiến con người cuối cùng trở thành một sinh vật tư duy hiệu quả. Lúc đầu, tuyến này được sử dụng hoàn toàn cho các lợi ích ích kỷ thấp kém; nó ngày càng trở nên mạnh mẽ và uy lực hơn khi thời gian trôi qua, cho đến khi nó trở thành một tuyến rõ ràng, chắc chắn, mạnh mẽ, vươn từ đời sống vật chất bên ngoài, từ một điểm bên trong não bộ, đi thẳng tới cơ chế bên trong. Tuy nhiên, tuyến này không được đồng nhất hóa với cơ chế, mà với tâm thức trong con người. Qua phương tiện của tuyến này, một người trở nên ý thức về đời sống tình cảm của y dưới nhiều hình tướng (hãy lưu ý cụm từ này), và qua đó, y trở nên ý thức về thể giới tư tưởng; y học cách suy tư và bắt đầu hoạt động hữu thức trên cõi trí, trong đó các nhà tư tưởng của nhân loại – một số lượng ngày càng tăng đều đặn – sống và hoạt động và có sự hiện tồn của họ. Càng ngày y càng học cách bước lên con đường của tâm thức này, và do đó không còn bị đồng nhất hóa với hình dạng bên ngoài của động vật, và học cách đồng nhất hóa bản thân y với những tính chất và những thuộc tính bên trong. Y sống trước tiên đời sống của những giấc mơ, và sau đó là cuộc sống của những tư tưởng. Sau đó, đến lúc mà khía cạnh thấp này của antahkarana được hoàn thành, và sự thống nhất hữu thức vĩ đại đầu tiên [234] được hoàn thành. Y là một phạm ngã sinh động, tích hợp, hữu thức. Tuyến liên tục giữa ba khía cạnh thấp của y được thiết lập và có thể được sử dụng. Nó trải dài, nếu một thuật ngữ như vậy có thể được sử dụng (ý định của tôi là hoàn toàn

bằng hình ảnh), từ trung tâm của đầu đến thể trí, mà đến lượt nó, là một trung tâm năng lượng của thế giới tư tưởng. Đồng thời, antahkarana này được dệt lẫn với tuyến sự sống hay sutratma, xuất hiện từ trung tâm trái tim. Mục tiêu của sự tiến hóa trong hình tướng giờ đây tương đối hoàn chỉnh.

Khi đạt đến giai đoạn này, cảm giác nhạy cảm thăm dò vào trong vũ trụ bao quanh, vẫn tiếp tục. Con người dệt một sợi chỉ giống như sợi tơ mà con nhện dệt một cách rất kỳ diệu. Y vẫn tiếp tục vươn xa hơn trong môi trường khả hữu của y, và sau đó khám phá ra một khía cạnh của bản thân y mà y đã ít mơ tới trong các giai đoạn đầu của sự phát triển của y. Y khám phá ra linh hồn và sau đó đi qua ảo tưởng về nhị nguyên. Đây là giai đoạn cần thiết nhưng không phải là một giai đoạn vĩnh viễn. Nó là giai đoạn đặc trưng cho người chí nguyện của chu kỳ thế giới này, có lẽ tôi nên nói đây là manvantara (chu kỳ khai nguyên) hay thời kỳ thế giới. Y tìm cách hợp nhất y với linh hồn, để đồng nhất hóa chính y, là phàm ngã hữu thức, với linh hồn đang hộ trì. Nói một cách chuyên môn, chính tại thời điểm này, việc xây dựng antahkarana thực sự phải được bắt đầu. Nó là cầu nối giữa phàm ngã và linh hồn. (12-27/9)

8. Khoa học về Antahkarana. Đây là khoa học mới và đích thực về thể trí, vốn sẽ sử dụng chất liệu trí tuệ để xây dựng cầu nối giữa phàm ngã và linh hồn, và sau đó là giữa linh hồn và Tam Thượng Thể Tinh thần. Điều này tạo nên hoạt động tích cực trong chất liệu tinh anh hơn chất liệu của ba cõi thấp của quá trình tiến hóa thông thường của con người. Nó liên quan đến chất liệu của ba phân cảnh cao của cõi trí. Những cây cầu biểu tượng này, khi được xây dựng, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho dòng chảy hoặc luồng ý thức,

hoặc cảm giác nhận thức không bị cản trở, vốn cuối cùng sẽ chấm dứt nỗi sợ chết, vô hiệu hóa mọi cảm giác chia rẽ, và khiến một người đáp ứng trong ý thức não bộ của y với những ấn tượng đến với y từ các lĩnh vực tâm linh cao hoặc từ Thiên Trí. Vì vậy, y sẽ dễ dàng được kết nạp vào các mục đích và các kế hoạch của Đấng Tạo Hóa. (12-95/6)

9. Tôi muốn bạn ghi nhớ rằng "các tuyến tâm thức được thấp sáng" mà chúng ta lúc nào cũng tạo ra, và cuối cùng tạo thành antahkarana, phải được dệt giữa mỗi người và mỗi đơn vị của Thánh Đoàn, và trong chính giới nhân loại, những mối quan hệ liên kết này và các yếu tố bắc cầu, phải được thiết lập giữa đơn vị với đơn vị, và giữa nhóm với nhóm. (12-126)
[235]

10. Khoa học về Antahkarana bàn về tuyến tam phân kết nối:

1. Chân Thần, linh hồn và phàm ngã, liên kết cả ba hiện thể định kỳ và hợp nhất cả bảy nguyên khí.

2. Phàm ngã tam phân và môi trường của nó trong ba cõi sự vụ của con người, và về sau trong hai cõi khác (thành năm) của sự biểu lộ của siêu nhân.

3. Con người sáng tạo hữu thức, và thế giới của những ý tưởng. Những ý tưởng này y phải tiếp xúc và biểu lộ nhờ hoạt động sáng tạo, như thế bắc cầu với ánh sáng:

(a) Giữa thế giới linh hồn với thế giới hiện tượng.

(b) Giữa lĩnh vực của vẻ đẹp chủ quan và thực tại, với thế giới hữu hình bên ngoài của thiên nhiên.

(c) Giữa chính y với những người khác.

(d) Giữa nhóm với nhóm.

(e) Về sau, khi Thiên Cơ đã trở thành một hiện thực đối với y, thì giữa giới thứ tư (loài người) với giới thứ năm

(Thiên Giới).

(f) Cuối cùng, giữa nhân loại với Thánh Đoàn.

(Khoa học này) là khoa học về tuyến tam phân tồn tại từ chính lúc ban đầu của thời gian, và liên kết con người cá nhân với nguồn gốc Chân Thần của y.

Việc nhận thức tuyến này và công dụng của nó, một cách hữu thức, như là Thánh đạo và phương tiện của các sự tiếp xúc luôn luôn mở rộng, đến tương đối muộn trong quá trình tiến hóa. Mục tiêu của mọi người tìm đạo và đệ tử, là trở nên ý thức về dòng năng lượng này dưới nhiều dạng đa dạng khác nhau của nó, và sử dụng những năng lượng này một cách hữu thức theo hai cách: một cách nội tâm trong sự tự khai mở, và trong việc phụng sự Thiên Cơ dành cho nhân loại.

... Do đó, (Nó) bàn về toàn bộ hệ thống năng lượng đi vào, với các quá trình sử dụng và biến đổi và hợp nhất. Nó cũng bàn đến các năng lượng đi ra và mối quan hệ của chúng với môi trường, và là cơ sở của khoa học về các trung tâm lực. Năng lượng đi vào và năng lượng đi ra cuối cùng tạo thành hai trạm năng lượng lớn, một trạm được đặc trưng bởi quyền lực và trạm kia bởi tình yêu, và tất cả được hướng đến sự giác ngộ của cá nhân và của nhân loại nói chung, qua trung gian của Thánh Đoàn bao gồm các cá nhân. Về cơ bản, đây là Khoa học về Thánh đạo.

Do đó, Antahkarana, là tuyến của tâm thức, của trí thông tuệ, và là tác nhân đáp ứng trong mọi phản ứng hữu tình. Điểm thú vị [236] cần ghi nhớ, và nơi mà giờ đây chúng ta phải chú trọng, là tuyến tâm thức này được tiến hóa bởi linh hồn chứ không phải bởi Chân Thần. Linh hồn Thế giới tuân theo tuyến tư nhận của tâm thức hữu tình vào mọi hình tướng, vào mọi tế bào của cơ thể, và vào mọi nguyên tử. Linh

hồn con người, là Thái Dương Thiên Thần, lặp lại quá trình liên quan đến cái bóng và phản ánh của nó, là phạm ngã. Đây là một phần của công việc sáng tạo của linh hồn. Nhưng đến lượt nó, con người cũng phải trở nên sáng tạo theo ý nghĩa trí tuệ của thuật ngữ, và phải lặp lại quá trình này, vì ở mọi mặt, tiểu vũ trụ giống với đại vũ trụ. Do đó, qua tuyến sự sống, linh hồn sáng tạo và tái tạo một phạm ngã để hoạt động qua đó. Bây giờ, qua việc xây dựng antahkarana, linh hồn trước tiên phát triển khả năng tri giác trên cõi trần, và về sau bắc cầu khoảng trống – nhờ thiên định và việc phụng sự – giữa ba khía cạnh trí tuệ. Như vậy, nó hoàn thành việc tạo ra con đường quay trở lại Trung tâm, con đường này phải song song với con đường đi ra. (12-145/8)

11. Linh hồn con người (trái ngược với linh hồn khi nó hoạt động trong giới riêng của nó, thoát khỏi các giới hạn của cuộc sống con người) bị giam cầm và chịu sự kiểm soát của ba năng lượng thấp đối với phần lớn kinh nghiệm của nó. Bây giờ, trên Con Đường Dự Bị, năng lượng kép của linh hồn bắt đầu linh hoạt ngày càng tăng, và con người tìm cách dùng thể trí của y một cách hữu thức, và biểu lộ bác ái-minh triết trên cõi trần. Đây là một phát biểu đơn giản về mục tiêu của mọi người tìm đạo. Khi năm năng lượng đang bắt đầu được sử dụng, một cách hữu thức và một cách khôn ngoan, trong việc phụng sự, nhịp điệu bấy giờ được thiết lập giữa Phạm Ngã và Linh Hồn. Lúc đó, cứ như thể đó là một từ trường được thiết lập, và hai đơn vị rung động và có từ tính này, hay các năng lượng được tập hợp này, được chuyển vào lĩnh vực ảnh hưởng của nhau. Điều này chỉ thỉnh thoảng và hiếm khi xảy ra ở các giai đoạn đầu; về sau nó xảy ra thường xuyên hơn, và như thế một đường tiếp xúc được thiết lập vốn cuối cùng trở thành đường

ít đối kháng nhất, “con đường tiếp cận quen thuộc”, như nó đôi khi được gọi. Như vậy là phân nửa thứ nhất của “cầu nối”, tức antahkarana, được tạo ra. Vào lúc cuộc điếm đạo thứ ba được hoàn tất, Con Đường này được hoàn thành, và điếm đạo đồ có thể “đi tới các cõi giới cao siêu theo ý muốn, bỏ các cõi giới thấp ở xa phía sau, hoặc y có thể trở lại và đi trên con đường dẫn từ bóng tối đến ánh sáng, từ ánh sáng tới bóng tối, và từ các cõi giới thấp ở dưới đi vào các lĩnh vực của ánh sáng”.

Như vậy, cả hai hợp nhất, và sự hợp nhất vĩ đại đầu tiên trên Con Đường Trở Về được hoàn tất. Một giai đoạn thứ hai của Con Đường bấy giờ phải được bước lên, dẫn đến một sự hợp nhất thứ hai còn quan trọng hơn ở chỗ nó dẫn đến sự giải thoát hoàn toàn ra khỏi ba cõi thấp. Cần phải nhớ rằng [237] linh hồn, đến lượt nó, là một sự hợp nhất của ba năng lượng mà ba năng lượng thấp là phản ánh của nó. Đó là một tổng hợp của năng lượng của chính Sự Sống (vốn thể hiện như nguyên khí sự sống trong cõi giới của các hình tướng), năng lượng của trực giác hay bác ái-minh triết, hay sự hiểu biết thiêng liêng (điều này thể hiện như là tính nhạy cảm và cảm xúc trong thể cảm dục), và trí tuệ tinh thần, mà phản ánh của nó trong bản chất thấp là thể trí hay nguyên khí thông tuệ trong thế giới sắc tướng. Trong ba năng lượng này chúng ta có atma-buddhi-manas của văn liệu minh triết thiêng liêng – tam bộ cao đó được phản chiếu trong ba thể thấp, và tập trung qua thể linh hồn trên các phân cảnh cao của cõi trí, trước khi được lắng tụ (precipitated) vào lâm phạm – như nó được gọi về mặt huyền bí.

Hiện đại hóa khái niệm, chúng ta có thể nói rằng các năng lượng làm sinh động thể xác và sự sống thông minh của nguyên tử, các trạng thái cảm xúc nhạy cảm, và thể trí sáng

suốt, cuối cùng phải được pha trộn và được chuyển hóa thành các năng lượng vốn làm sinh động linh hồn. Đây là thể trí tinh thần, truyền đạt sự giác ngộ; bản chất trực giác, ban phát nhận thức tâm linh; và cuộc sống thiêng liêng.

Sau cuộc điểm đạo thứ ba, “Thánh Đạo” (“Way”) được thúc đẩy với tốc độ rất nhanh, đồng thời “cái cầu” được hoàn thành, liên kết một cách hoàn hảo Tam Thượng Thể Tinh Thần với phản ảnh vật chất thấp. Ba thế giới của linh hồn và ba thế giới của phàm ngã trở thành thế giới duy nhất, trong đó điểm đạo đồ làm việc và hoạt động, không còn thấy có sự phân biệt, xem thế giới này là thế giới của cảm hứng và thế giới kia như là tạo thành lĩnh vực phụng sự, nhưng xem cả hai cùng nhau hợp thành một thế giới hoạt động. Thể dĩ thái bên trong (hay thể của cảm hứng sinh động) và thể xác trọng trực là những biểu tượng trên cõi bên ngoài của hai thế giới này. (18-444/5)

12. Chúng ta quan tâm tới chính công việc của các “nhà xây dựng cầu” (“bridge builders”). *Trước tiên, hãy để Tôi cam đoan với bạn rằng việc xây dựng antahkarana thực sự chỉ xảy ra khi đệ tử đang bắt đầu được tập trung rõ rệt trên các phân cảnh trí tuệ,* và do đó khi thể trí của y đang hoạt động một cách sáng suốt và hữu thức. Y phải bắt đầu ở giai đoạn này để có một ý tưởng nào đó chính xác hơn là trường hợp từ trước đến giờ về các phân biệt tồn tại giữa chủ thể tư tưởng, bộ máy tư tưởng, và chính tư tưởng, bắt đầu với chức năng kép huyền bí của nó, đó là:

1. Việc nhận biết và tiếp nhận đối với các Ý Tưởng.
2. Năng lực sáng tạo của việc tạo ra hình tư tưởng một cách hữu thức.

Điều này tất nhiên bao hàm một thái độ trí tuệ mạnh mẽ

và sự tái định hướng của thể trí vào thực tại. Khi đệ tử bắt đầu tập trung y vào [238] cõi trí (và đây là mục đích đầu tiên của việc thiền định), y bắt đầu hoạt động trong vật chất cõi trí và tự huấn luyện chính mình về các quyền năng và các công dụng của tư tưởng. Y đạt được một mức độ kiểm soát thể trí; y có thể xoay ngọn đèn pha của thể trí theo hai hướng, vào thế giới nỗ lực của con người và vào thế giới của hoạt động linh hồn. Cũng giống như linh hồn đang tạo một con đường cho chính nó bằng cách hướng nó theo một tuyến hoặc dòng năng lượng hướng vào ba cõi thấp, cũng thế vị đệ tử bắt đầu một cách hữu thức hướng y vào các thế giới cao siêu hơn. Năng lượng của y phát ra, qua trung gian của thể trí được kiểm soát và được điều khiển, vào thế giới của thượng trí tinh thần và vào lĩnh vực của trực giác. Như thế, một hoạt động hỗ tương được thiết lập. Sự đáp ứng này giữa thượng trí và hạ trí được nói đến một cách biểu tượng bằng các thuật ngữ ánh sáng, và “con đường sáng” xuất hiện giữa phàm ngã và Tam Thượng Thể Tinh Thần, xuyên qua thể linh hồn, giống như linh hồn đi vào tiếp xúc rõ rệt với não bộ xuyên qua thể trí. “Con đường sáng” này là cây cầu giác ngộ. Nó được tạo ra nhờ sự thiền định; nó được kiến tạo nhờ sự nỗ lực liên tục để đưa tới trực giác, nhờ sự phục vụ và tuân phục Thiên Cơ (bắt đầu được nhận biết ngay khi trực giác và trí tuệ có liên giao chặt chẽ), và nhờ một sự kết hợp hữu thức vào nhóm phụng sự và vì các mục đích đồng hóa vào tổng thể. Tất cả các đặc tính và các hoạt động này được dựa trên nền tảng của tính cách và các tính chất tốt đẹp được phát triển trên Con Đường Dự Bị.

Nỗ lực để đưa tới trực giác cần sự thiền định huyền bí (nhưng không có khát vọng) có định hướng. Nó đòi hỏi một sự thông minh lão luyện, sao cho đường ranh giữa nhận thức

trực giác với các hình thức của tâm thông thuật (psychism) bậc cao có thể được nhìn thấy rõ ràng. Nó cần có một sự rèn luyện kỷ luật thường xuyên của thể trí, sao cho nó có thể “giữ chính nó ổn định trong ánh sáng”, và việc phát triển một sự lý giải đúng đắn có văn hóa, để cho tri thức trực giác đạt được bấy giờ có thể bao phủ chính nó trong các hình tư tưởng đúng đắn.

Ở đây cũng có thể nói rằng việc xây dựng cây cầu mà nhờ đó tâm thức có thể hoạt động một cách dễ dàng, cả trong các cõi cao lẫn cõi thấp, trước tiên được mang lại bằng một khuynh hướng sống được xác định rõ ràng, việc đó làm cho con người vững vàng theo chiều hướng của thế giới các thực tại tâm linh, cộng với một vài hoạt động tái định hướng hoặc tập trung có kế hoạch và được sắp xếp thời gian một cách cẩn thận và được điều khiển. Trong tiến trình cuối cùng này, sự thành tựu (gain) của những tháng hoặc năm đã qua được đánh giá một cách chặt chẽ; hiệu quả của sự thành tựu đó trên cuộc sống hàng ngày và trong bộ máy xác thân cũng được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng; còn ý chí muốn sống (will-to-live) như một thực thể tâm linh được đưa vào tâm thức với một sự xác định và một sự quyết tâm vốn đưa tới sự tiến bộ trước mắt. [239]

Việc kiến tạo antahkarana đang tiến hành một cách chắc chắn nhất trong trường hợp của mỗi đạo sinh sốt sắng. Khi công việc được xúc tiến một cách sáng suốt và có sự hiểu biết đầy đủ về mục đích mong muốn; và khi người tìm đạo không chỉ hiểu biết về tiến trình, mà còn tỉnh táo và tích cực trong việc thực hiện nó, bấy giờ công việc tiến triển nhanh chóng và cây cầu được xây dựng. (18-446/8)

13. Cầu Nối giữa Ba Trạng Thái của Trí Tuệ

Có một điểm mà Tôi muốn minh giải nếu Tôi có thể, vì – về điểm này – có nhiều sự nhầm lẫn trong trí của những người tìm đạo, và điều này tất nhiên là như vậy.

Do đó, chúng ta hãy xem xét trong chốc lát người tìm đạo đang đứng chính xác ở đâu khi y bắt đầu hữu thức kiến tạo antahkarana. Phía sau y có một chuỗi dài các kiếp sống, kinh nghiệm của những kiếp sống đó đã đưa y đến mức mà y có thể hữu thức ước định tình trạng của y, và đi đến một hiểu biết nào đó về trình độ tiến hóa của y. Bởi thế, y có thể đảm bảo – khi kết hợp với tâm thức tập trung và đang thức tỉnh đều đặn của y – đi bước tiếp theo, đó là giai đoạn của con đường đệ tử nhập môn. Vào lúc này, y được định hướng tới linh hồn; nhờ thiên định và kinh nghiệm thần bí, nhất định là y có sự tiếp xúc không thường xuyên với linh hồn, và điều này xảy ra với tần suất ngày càng tăng; y đang trở nên có tính sáng tạo phần nào trên cõi trần, cả trong tư duy lẫn trong hành động của y; đôi khi, cho dù hiếm hoi, y có một kinh nghiệm xác thực do trực giác. Kinh nghiệm trực giác này dùng để giữ chặt “tuyến mảnh mai đầu tiên được bện bởi người thợ dệt (Weaver) trong xưởng vũ trụ lực” (fohatic enterprise) theo cách nói của *Cổ Luận*. Đó là dây cáp đầu tiên, được phóng ra từ Tam Thượng Thể Tinh Thần để đáp ứng với phóng phát của phạm ngã, và đây là kết quả của uy lực từ tính ngày càng tăng của cả hai trạng thái này của Chân Thần trong sự biểu lộ.

Điều hiển nhiên đối với bạn là khi phạm ngã đang trở nên từ hóa một cách tương xứng từ góc độ tâm linh, thì nốt (note) hay âm thanh (sound) của nó sẽ phát ra và sẽ gọi lên sự đáp ứng từ linh hồn trên cõi riêng của nó. Sau đó nốt của phạm ngã và nốt của linh hồn cùng cao độ sẽ tạo ra một hiệu quả thu hút rõ rệt lên Tam Thượng Thể Tinh Thần. Đến lượt nó, Tam Thượng Thể này tạo ra một hiệu ứng từ lực ngày càng

nhiều lên phàm ngã. Điều này bắt đầu vào lúc có sự tiếp xúc hữu thức đầu tiên với linh hồn. Sự đáp ứng của Tam Thượng Thể, trong giai đoạn đầu này, tất nhiên được truyền qua sutratma, và chắc chắn tạo ra sự thức tỉnh của bí huyệt đầu. Đó là lý do tại sao tâm pháp (heart doctrine) bắt đầu thay thế nhãn pháp (doctrine of the eye). Tâm pháp chi phối sự phát triển huyền bí; nhãn pháp – vốn là nhãn pháp của linh thị – chi phối kinh nghiệm thần bí; [240] tâm pháp được dựa trên tính chất phổ quát của linh hồn, được Chân Thần, tức Đấng Duy Nhất, chi phối, và bao hàm thực tại; nhãn pháp được dựa trên mối liên hệ nhị phân giữa linh hồn với phàm ngã. Nó bao hàm các mối quan hệ tinh thần, nhưng thái độ của thuyết nhị nguyên hay của sự nhận thức về các đối cực (polar opposites) tiềm ẩn trong đó. Đây là những điểm quan trọng phải nhớ khi môn học mới này trở nên được biết đến một cách rộng rãi hơn.

Cuối cùng, người tìm đạo đạt đến mức độ mà ở đó ba tuyến – sinh mệnh tuyến, tuyến ý thức và sáng tạo tuyến – đang được tập trung, được nhận thức như là các dòng năng lượng, và được sử dụng thận trọng bởi vị đệ tử có hoài bão trên cõi hạ trí. Nơi đó, nói về mặt huyền bí, “y có vị trí của y, và khi nhìn lên y thấy một miền đất hứa của sự mỹ lệ, lòng bác ái và linh thị tương lai.”

Nhưng nơi đây có một khoảng trống trong tâm thức, mặc dù không có trong thực tế. Sợi tơ sutratma chứa năng lượng bắc cầu qua chỗ trống, và liên kết một cách rất mong manh Chân Thần, linh hồn và phàm ngã. Nhưng tuyến ý thức chỉ mở rộng từ linh hồn đến phàm ngã – theo ý nghĩa của cuộc tiến hóa giáng hạ (involutionary). Còn từ góc độ của sự tiến hóa thăng thượng (dùng một câu nghịch lý) thì chỉ có rất ít sự hiểu biết hữu thức đang tồn tại giữa linh hồn và phàm ngã, theo quan điểm của phàm ngã trên cung tiến hóa thăng thượng của Con

Đường Phán Hồi. Toàn bộ nỗ lực của một người là để trở nên có ý thức về linh hồn và để chuyển hóa tâm thức của y vào tâm thức của linh hồn, trong khi vẫn duy trì tâm thức của phàm ngã. Khi sự hợp nhất của linh hồn và phàm ngã được củng-cố, tuyến sáng tạo trở nên ngày càng linh hoạt, và nhờ thế ba tuyến ngày càng hợp nhất, pha trộn, trở thành chiếm ưu thế, và người tìm đạo lúc bấy giờ sẵn sàng bắc cầu khoảng trống và hợp nhất Tam Thượng Thể Tinh Thần và phàm ngã, qua trung gian của linh hồn. Điều này bao hàm một nỗ lực trực tiếp ở công việc sáng tạo thiêng liêng. Đầu mối cho sự hiểu biết có lẽ nằm trong ý tưởng là cho đến nay mối liên hệ giữa linh hồn và phàm nhân đã được xúc tiến một cách đều đặn, trước tiên bởi linh hồn, khi nó kích thích phàm ngã tới sự nỗ lực, linh thị và sự mở rộng. Hiện tại – ở giai đoạn này – phàm ngã tích hợp đang phát triển nhanh chóng trở thành tích cực một cách hữu thức, và (khi kết hợp với linh hồn) bắt đầu kiến tạo antahkarana – một sự hợp nhất của ba tuyến và một sự phóng ra của chúng vào “các tầm với (reaches) cao, rộng hơn” của cõi trí, cho đến khi trí trừu tượng và hạ trí cụ thể được nối liền bằng dây cáp tam phân (triple cable).

Các nghiên cứu của chúng ta có liên quan với chính tiến trình này; kinh nghiệm trước đây liên quan với ba tuyến, về mặt lý luận, được coi như đã xảy ra một cách bình thường. Người này bây giờ giữ vững lập trường, duy trì thể trí ổn định trong ánh sáng; y có một số kiến thức về thiên định, có nhiều thành tâm, và cũng có nhận thức về bước tiếp theo. Sự hiểu biết về tiến trình dần dần trở nên rõ ràng hơn; một [241] sự tiếp xúc ngày càng tăng với linh hồn được thiết lập; đôi lúc các tia chớp lóe của nhận thức trực giác từ Tam Thượng Thể xảy ra. Tất cả các nhận thức này không hiện hữu trong

trường hợp của mỗi đệ tử; một số thì có, một số thì không. Tôi đang tìm cách để đưa ra một bức tranh tổng quát. Sự áp dụng cho cá nhân và sự nhận thức về tương lai phải được thể hiện bởi đệ tử trong lò thử thách của kinh nghiệm. (18-457/9)

14. Một trong những điểm căn bản mà các đạo sinh nên hiểu rõ, đó là có một sự thật huyền bí sâu xa là antahkarana này được tạo ra qua trung gian của một nỗ lực hữu thức *trong chính tâm thức*, chứ không chỉ bằng sự cố gắng để trở nên tốt lành, hoặc để thể hiện thiện chí, hoặc để chứng minh các tính chất của lòng vô kỷ, và đạo tâm cao siêu. Nhiều nhà huyền môn dường như xem việc bước lên Thánh Đạo như là nỗ lực hữu thức để chiến thắng bản chất thấp và để biểu lộ sự sống về mặt cách sống và suy tư đúng đắn, bác ái và sự hiểu biết sáng suốt. Nó gồm tất cả điều đó, mà còn cái gì đó nhiều hơn nữa. Tính cách tốt đẹp, khát vọng tâm linh lớn lao là những điều cần thiết cơ bản. Nhưng các điều này được Chân Sư có một đệ tử đang được huấn luyện xem là đương nhiên; việc thiết lập chúng, việc nhận thức và phát triển chúng là những mục tiêu trên Con Đường Dự Bị.

Nhưng kiến tạo antahkarana là liên kết ba trạng thái thiêng liêng. Việc này bao hàm hoạt động trí tuệ mãnh liệt, nó đòi hỏi năng lực tưởng tượng và hình dung, cộng với một nỗ lực gây ấn tượng mạnh để xây dựng Con Đường Sáng (Lighted Way) trong chất trí.... Tuy nhiên, về cơ bản, đó là một hoạt động của phàm ngã tích hợp và tận tụy. Các huyền bí gia đừng nên có thái độ rằng tất cả những gì mà họ phải làm là chờ đợi một cách tiêu cực một hoạt động nào đó của linh hồn vốn sẽ tự động xảy ra sau khi một mức độ tiếp xúc nào đó với linh hồn đã đạt được, và do đó, cuối cùng hoạt động này sẽ gọi lên sự đáp ứng cả từ phàm nhân lẫn Tam Thượng Thế. Điều này là

không đúng. Việc kiến tạo antahkarana trước tiên là một hoạt động của phàm ngã, được linh hồn trợ giúp; điều này cuối cùng sẽ gọi lên một phản ứng từ Tam Thượng Thế. Có quá nhiều tính trì trệ mà những người tìm đạo thể hiện ra vào lúc này. (18-467/8)

Xem thêm: (18-441/530) [242]

59. THIỀN ĐỊNH

1. Căn bản của mọi sự tăng trưởng huyền bí là sự thiền định, hay những giai đoạn ấp ủ im lặng, trong đó linh hồn tăng trưởng trong sự im lặng. (2-326)

2. Thiền định dẫn đến điều gì ? Do bởi nỗ lực căng thẳng và sự chú tâm thích đáng vào các qui tắc được đưa ra, người tìm đạo thành công trong việc tiếp xúc với vật chất có một tính chất loãng hơn so với thói quen thông thường của y. Y giao tiếp với thể nguyên nhân của y, cuối cùng y tiếp xúc với vật chất của cõi Bồ đề. Nhờ sự tiếp xúc này, rung động riêng của y được đẩy nhanh một cách tạm thời và ngắn ngủi. (3-197)

3. Nhờ thiền định, một người tìm thấy sự giải thoát khỏi ảo giác của các giác quan, và sự cảm dỗ do rung động của chúng; y tìm thấy trung tâm năng lượng dương của chính y và trở nên có thể hữu thức vận dụng nó; do đó, y trở nên biết được Chân Ngã của y, hoạt động một cách tự do và hữu thức vượt ra các cõi của giác quan; y nhập vào các kế hoạch của Thực Thế vĩ đại mà bên trong năng lực phát xạ của Ngài, y có được một vị trí; kể đó y có thể tiếp tục xúc tiến các kế hoạch này vì y có thể hiểu rõ chúng ở các giai đoạn nhận thức khác nhau; và y trở nên biết được nhất nguyên căn bản. (3-746)

4. Chức năng chính của việc thiền định là đưa khí cụ thấp vào một tình trạng dễ tiếp thu và sự đáp ứng rung động, sao cho Chân Ngã, hay Thái Dương Thiên Thần có thể sử dụng nó, và tạo ra những kết quả cụ thể. Do đó, điều này bao hàm một luồng thần lực đi xuống từ các phân cảnh cao của cõi trí (là trú sở của Chân Nhân), và một rung động hỗ tương, phát ra từ Con Người, là Phản Ảnh. Khi cả hai rung động này được điều hợp, và sự tương tác trở nên nhịp nhàng, bấy giờ cả hai sự thiền định tiến hành một cách đồng bộ, và công tác huyền thuật và sáng tạo có thể tiếp tục không bị ngăn trở..... Điều đầu tiên mà Thái Dương Thiên Thần làm là tạo ra một tam giác, bao gồm chính Thần, con người trên cõi trần, và điểm lực rất nhỏ vốn là kết quả của nỗ lực hợp nhất của họ. Sẽ hữu ích cho các môn sinh tham thiền khi suy ngẫm về tiến trình này. (3-998/9)

5. Một trong những mục tiêu của thiền định hàng ngày là giúp não bộ và thể trí có thể rung động đồng cảm với linh hồn khi nó tìm cách "trong sự tham thiền sâu xa" để giao tiếp với phản ảnh của nó. (4-74)

6. Hãy để cho mỗi nỗ lực được thực hiện để đưa thể trí và bộ não vào một tình trạng hoạt động sao cho một người có thể lướt ra khỏi sự thiền định của chính ý và (không còn thấy các tư tưởng của chính ý) trở thành linh hồn, chủ thể tư tưởng trong giới linh hồn. (4-89) [243]

7. Tham thiền quá thường được xem như phương tiện để thiết lập sự tiếp xúc với linh hồn. Tuy nhiên, người ta thường quên rằng sự tiếp xúc này được thực hiện rất thường xuyên bởi một thái độ trầm tư nội tâm của thể trí, bởi một cuộc sống được dành cho việc phụng sự và lòng vị tha, và bởi một sự quyết tâm rèn luyện bản chất thấp để nó có thể trở

thành một vận hà thực sự cho Linh hồn. Khi ba phương pháp phát triển này được thể hiện đầy đủ và trở thành một xu hướng sống hoặc thói quen thường trực, bấy giờ việc thiền định có thể được chuyển sang một phạm trù hữu ích khác, và dùng như một kỹ thuật cho việc phát triển trực giác và cho cách giải quyết các vấn đề tập thể. Tôi tìm cách hướng sự chú ý của bạn tới công dụng này của việc thiền định. (5-349)

8. Khoa học về Tham Thiên. Hiện nay thiền định được liên kết trong thể trí con người với các vấn đề tôn giáo; Nhưng điều đó chỉ liên quan đến chủ đề. Khoa học có thể được áp dụng cho mọi quy trình sống khả hữu. Trên thực tế, khoa học này là một nhánh phụ, chuẩn bị cho Khoa học về Antahkarana. Thực ra nó là khoa học đích thực về việc xây dựng cây cầu huyền bí hoặc cầu nối trong tâm thức. Bằng các phương tiện của nó, nhất là trong giai đoạn đầu, quá trình xây dựng được tạo điều kiện thuận lợi. Đó là một trong những cách chính của hoạt động tâm linh; nó là một trong những con đường của Thượng Đế; nó liên kết thể trí cá nhân cuối cùng với thượng trí, và về sau tới Toàn Linh Trí. Đó là một trong những kỹ thuật xây dựng chính, và cuối cùng sẽ thống trị các phương pháp giáo dục mới trong các trường học và cao đẳng. Nó chủ yếu được dự định để:

(a) Tạo ra tính nhạy cảm với các ấn tượng cao siêu.

(b) Xây dựng nửa đầu của antahkarana, là giữa phạm ngã với linh hồn.

(c) Tạo ra một sự liên tục cuối cùng của tâm thức. Thiền định về bản chất là khoa học về ánh sáng, bởi vì nó hoạt động trong chất liệu ánh sáng.

Một nhánh của nó liên quan đến khoa học hình dung, bởi vì khi ánh sáng tiếp tục mang lại sự mặc khải, thì năng

lực hình dung có thể phát triển với sự trợ giúp của thể trí giác ngộ, và công việc về sau của việc huấn luyện người đệ tử sáng tạo bấy giờ có thể xảy ra. Ở đây có thể thêm rằng việc xây dựng nửa sau của antahkarana (vốn bắc cầu khoảng trống trong tâm thức giữa linh hồn và Tam Thượng Thể Tinh thần) được gọi là Khoa học Linh Thi, bởi vì cũng giống như nửa đầu của cây cầu được xây dựng nhờ việc sử dụng chất liệu trí tuệ, cũng thế, nửa sau được xây dựng nhờ việc sử dụng chất liệu ánh sáng. (12-96/7)

9. Việc chú trọng trong mọi trường phái nội môn được đặt vào việc tham thiền một cách tất yếu và hợp lý. Nói về mặt chuyên môn, tham thiền là tiến trình mà nhờ đó [244] bí huyệt đầu được khơi hoạt, được đặt dưới sự kiểm chế và được sử dụng. Khi xảy ra trường hợp này, linh hồn và phạm ngã được phối kết và được hợp nhất, và sự nhất quán xảy ra, tạo ra trong người chí nguyện một dòng lưu nhập mãnh liệt của năng lượng tâm linh, kích thích toàn bộ bản thể của y đi vào hoạt động, và mang lên bề mặt cái thiện cũng như cái ác tiềm tàng. Ở đây có ẩn nhiều khó khăn và nhiều nguy hiểm. Đó cũng là sự căng thẳng được đặt lên các trường phái chân chính như thế về sự cần thiết của sự thanh khiết và lòng chân thực. Người ta thường quá chú trọng vào nhu cầu giữ cho thể xác được thanh khiết, mà không nhấn mạnh đầy đủ vào việc tránh mọi sự cuồng tín và thiếu khoan dung. Hai tính chất này có thể cản trở môn sinh nhiều hơn nhiều so với chế độ ăn kiêng sai lầm, và chúng nuôi dưỡng các ngọn lửa chia rẽ nhiều hơn bất cứ một yếu tố nào khác.

Thiền định bao hàm việc sống một cuộc đời nhất tâm luôn luôn và mỗi ngày. Tất nhiên điều này đặt một căng thẳng quá mức lên các tế bào não bộ vì nó đưa các tế bào thụ

động vào hoạt động, và làm cho ý thức não bộ thức tỉnh với ánh sáng của linh hồn. Tiến trình thiền định được sắp xếp này, khi được tiến hành qua thời gian nhiều năm, và được bổ túc bằng cách sống thiền định và nhất tâm phụng sự, sẽ khơi dậy một cách thành công toàn bộ hệ thống, và đưa phàm ngã vào dưới ảnh hưởng và sự kiểm soát của chân ngã; việc đó cũng sẽ khơi hoạt các trung tâm lực trong thể dĩ thái, và kích thích vào hoạt động luồng năng lượng huyền bí đang ngủ ở đáy cột sống. Khi tiến trình này được tiến hành với những sự bảo vệ cẩn thận và thích hợp và dưới sự hướng dẫn, và khi tiến trình trải ra trong một thời gian dài thì có ít sự rủi ro nguy hiểm, và việc khơi hoạt sẽ diễn ra một cách bình thường và theo chính định luật hiện tồn. Tuy nhiên, nếu sự điều hợp và sự khơi hoạt bị bắt buộc, hay được mang lại bằng các bài tập thuộc nhiều loại khác nhau trước khi môn sinh sẵn sàng, và trước khi các thể được phối kết và phát triển, bấy giờ người chí nguyện sẽ bị đối đầu với thảm họa. Các bài tập thở hay luyện khí không nên được thực hiện mà không có sự hướng dẫn thành thạo, và chỉ sau những năm thực hành tâm linh, sùng tín và phụng sự; việc định trí vào các bí huyệt trong thể sinh lực (với ý định khơi hoạt các bí huyệt đó) luôn luôn được tránh; việc đó sẽ tạo nên sự kích thích quá độ và mở ra các cánh cửa vào cõi cảm dục, mà môn sinh có thể gặp khó khăn khi đóng lại. Tôi không thể gây ấn tượng quá mạnh vào những người chí nguyện trong mọi trường phái huyền linh mà môn yoga trong giai đoạn chuyển tiếp này là yoga có ý định nhất quán, có mục đích có định hướng, có một sự thực hành liên tục về Sự Hiện Diện (Presence) của Thượng Đế, và có sự thiền định thường xuyên được sắp đặt, được tiến hành một cách hệ thống và kiên trì qua nhiều năm cố gắng.

Khi việc này được thực hiện với tính dứt bỏ và song hành với cuộc sống phụng sự đầy yêu thương, thì việc thức tỉnh của các bí huyết và việc đi lên của luồng hoá xà đang ngủ sẽ tiến hành một cách an toàn và lành mạnh, và toàn bộ hệ thống sẽ [245] được đưa đến giai đoạn cần thiết của nhận thức giác ngộ. Tôi không thể quá mạnh mẽ khuyên các môn sinh phản đối việc noi theo các tiến trình thiên định mãnh liệt nhiều giờ mỗi lần, hay phản đối những thực hành có mục tiêu khuấy động các ngọn lửa của thể xác, việc đánh thức một bí huyết đặc biệt, và làm cho hoá xà chuyển động. Vào lúc này, việc kích thích chung trên thế giới thì rất lớn, và người chí nguyện bậc trung thì quá nhạy cảm và có tổ chức tinh tế, đến nỗi việc thiên định quá mức, một chế độ ăn kiêng cường tén, việc rút ngắn giờ ngủ, hay sự quá quan tâm và quá nhấn mạnh vào kinh nghiệm tâm thông sẽ làm đảo lộn sự quân bình trí tuệ, và thường tạo ra sự tổn hại không thể cứu vãn.

Các môn sinh trong các trường nội môn hãy ổn định vào hoạt động vững vàng, trầm lặng, điềm nhiên. Họ hãy kiềm chế không nghiên cứu và thiên định kéo dài nhiều giờ. Cho đến nay, các thể của họ không có khả năng cho sự căng thẳng cần thiết, và họ chỉ tự làm hại cho chính họ mà thôi. Họ hãy sống đời sống bận rộn bình thường, hãy ghi nhớ, trong sự thúc ép của bốn phận và việc phụng sự hằng ngày, về căn bản họ là ai và mục đích và các mục tiêu của họ là gì. Họ hãy thiên định đều đặn mỗi buổi sáng, bắt đầu với một thời gian mười lăm phút và không bao giờ vượt quá bốn mươi phút. Họ hãy tự quên mình trong việc phụng sự, và đừng tập trung sự chú ý của họ vào việc phát triển tâm linh riêng của họ. Họ hãy rèn luyện thể trí của họ với một mức độ nghiên cứu bình thường, và học cách suy tư một cách sáng suốt, sao cho thể trí

của họ có thể làm quân bình các xúc cảm của họ và cho phép họ lý giải một cách chính xác những gì mà họ tiếp xúc, khi mức độ hiểu biết của họ tăng lên, và tâm thức của họ mở rộng.

Các môn sinh cần nhớ rằng lòng sùng tín đối với Thánh Đạo hay đối với Chân Sư thì không đủ. Các Đấng Cao Cả đang tìm kiếm những người hợp tác và những người phụng sự *thông minh* hơn là tìm kiếm sự tôn sùng đối với Phạm Ngã của các Ngài, và một môn sinh đang bước đi một cách độc lập trong ánh sáng của chính linh hồn y thì được các Ngài xem như là một khí cụ đáng tin cậy hơn là một người cuồng tín sùng đạo. Ánh sáng của linh hồn y sẽ tiết lộ cho người chí nguyện chân thành sự hợp nhất ở dưới mọi nhóm, và giúp y loại bỏ chất độc của sự thiếu khoan dung làm hư hỏng và gây trở ngại cho rất nhiều người; ánh sáng này sẽ khiến cho y nhận thức các nền tảng tinh thần đang hướng dẫn các bước tiến của nhân loại, nó sẽ thúc đẩy y bỏ qua sự thiếu khoan dung, sự cuồng tín và sự chia rẽ vốn đặc trưng cho thể trí nhỏ bé và kẻ sơ cơ trên Thánh Đạo, và như thế giúp cho y yêu thương họ để họ sẽ bắt đầu nhìn thấy một cách trung thực hơn và mở rộng tầm hiểu biết của họ; ánh sáng này sẽ cho phép y đánh giá đúng đắn giá trị huyền linh của việc phụng sự, và nhất là dạy y thực hành tính *vô tổn hại* vốn là đặc tính nổi bật của mỗi người con của Thượng Đế. Một tính vô tổn hại thì *không nói* lời nào có thể làm tổn thương người khác, *không nghĩ* đến bất cứ ý tưởng nào có thể gây độc hại hay tạo sự hiểu lầm, và *không làm* một hành động nào có thể gây thương tổn, dù ít nhất, cho huynh đệ của y – đây là [246] đức tính chính sẽ giúp cho môn sinh huyền môn bước lên con đường phát triển khó khăn một cách an toàn. Nơi nào tầm quan trọng được đặt vào việc phụng sự huynh đệ mình và

chiều hướng của sinh lực hướng ra ngoài tới thế gian, thì bây giờ mới thoát khỏi nguy hiểm, và người chí nguyện mới có thể thiên định, mong mỏi và hoạt động một cách an toàn. Động cơ của y trong sạch, và y đang tìm cách không còn tập trung vào phạm ngã, và chuyển sự tập trung chú ý của y ra khỏi chính y đến với tập thể. Như vậy, sự sống của linh hồn có thể tuôn đổ qua y, và tự biểu lộ nó thành tình thương đối với mọi chúng sinh. Y tự biết y là một phần của một tổng thể, và sự sống của tổng thể đó có thể tuôn đổ qua y một cách hữu thức, đưa y đến một sự nhận thức về tình huynh đệ và về tính đơn nhất (oneness) của y liên quan với mọi sự sống được biểu lộ. (13-17/20)

10. Đừng quên rằng thiên định làm sáng tỏ thể trí về thực tế và bản chất của Thiên Cơ, sự hiểu biết đó đưa Thiên Cơ vào thế giới của ham muốn, và tình yêu đó giải thoát hình tướng vốn sẽ làm cho Thiên Cơ hiện thực trên cõi trần. Tôi nhắc bạn ba sự biểu lộ này của linh hồn bạn. Tất cả các bạn, không có ngoại lệ, có thể phụng sự theo ba cách này, nếu bạn muốn thế. (13-23)

11. Những nỗ lực của người này trong thiên định đã mở ra một cánh cửa mà qua đó y có thể tùy ý (và cuối cùng một cách dễ dàng) chuyển vào một thế giới mới của các hiện tượng, của các hoạt động được điều khiển, và những mô hình lý tưởng khác. Y đã rút chốt một cửa sổ mà qua đó ánh sáng có thể tuôn đổ vào, tiết lộ những gì vốn đang, và luôn luôn đã, tồn tại trong tâm thức của con người, và phóng ánh sáng vào những nơi tối tăm của cuộc đời y; vào những cuộc sống khác; và vào môi trường mà trong đó y đang hoạt động. Y đã giải phóng trong chính y một thế giới của ẩn tượng tinh thần và của các ẩn tượng vốn lúc đầu rất mới và rất khác lạ, đến

nổi y không biết phải làm gì với chúng. Tình trạng của y trở thành một tình trạng cần có sự quan tâm nhiều và sự điều chỉnh cho cân bằng.

Bạn sẽ thấy rõ ràng rằng nếu có một thiết bị trí tuệ tốt và sự đào tạo giáo dục vững chắc, thì sẽ có một ý thức tỷ lệ cân bằng, một khả năng diễn giải, sự nhẫn nại chờ đợi cho đến khi sự hiểu biết đúng đắn có thể được phát triển, và một ý thức hài hước thích hợp.

Tuy nhiên, nơi nào mà những điều này không hiện diện, thì sẽ có (tùy theo loại và ý thức về linh thị) sự hoang mang, một sự không thể hiểu những gì đang xảy ra, sự chú trọng quá mức vào các phản ứng của phạm ngã và các hiện tượng, niềm tự hào về thành tích, một ý thức tự ti dữ dội, quá nhiều lời nói, một việc chạy đây đó để giải thích, sự thoải mái, sự bảo đảm, và một ý thức về tình đồng chí, hoặc có lẽ là một sự sụp đổ hoàn toàn của các mãnh lực trí tuệ, hoặc sự phá vỡ các tế bào não do sự căng thẳng mà họ đã chịu đựng. [247]

Niềm vui đôi khi cũng được tìm thấy do kết quả của sự tiếp xúc với một thế giới mới, và kích thích trí tuệ mạnh mẽ. Trầm cảm thường xuyên là một kết quả, dựa trên một cảm nhận về sự bất lực, không đủ tiêu chuẩn với cơ hội được nhận thức. Người này thấy và biết quá nhiều. Y không còn có thể hài lòng với những tiêu chuẩn sống cũ, với những sự thỏa mãn cũ, và với những chủ nghĩa lý tưởng cũ. Y đã tiếp xúc và bây giờ ao ước những tiêu chuẩn lớn hơn, những ý tưởng mới và sôi nổi, và tầm nhìn rộng lớn hơn. Lối sống của linh hồn đã nắm chặt và thu hút y. Nhưng bản chất của y, môi trường của y, thiết bị của y và các cơ hội của y có vẻ bằng cách nào đó chắc chắn làm y thất vọng, và y cảm thấy y không thể tiến lên vào thế giới mới và tuyệt vời này. Y cảm thấy cần hoãn lại và sống trong cùng một trạng thái trí tuệ

như trước đây, hoặc y nghĩ thể, và y quyết định thể. (15-465/6)

Xem thêm: "Tham Thiền Về Con Đường Của Ánh Sáng Nội Tâm". (5-546/7)

(a) Tham Thiền để hỗ trợ sự chỉnh hợp

1. Về căn bản, tham thiền là để giúp sự chỉnh hợp, và vì thế cho phép có sự tiếp xúc với Chân Ngã; từ đó có thể kiến tạo nó.... Việc nhấn mạnh về tầm quan trọng của sự tham thiền tự nhiên là đi theo với sự nhận thức của môn sinh về sự cần thiết tuyệt đối của việc Chân Ngã chế ngự Phàm Ngã.

1. Con người trong thời đại này đang đeo đuổi nhiều mục đích, và vì sự bó buộc của hoàn cảnh nên y tập trung hoàn toàn vào Phàm ngã, sự an trụ ấy hoặc vào thể cảm dục, hoặc vào thể trí. Một điều lý thú mà Tôi muốn chỉ ra là: – chừng nào mà sự an trụ thuần túy ở thể xác hay thuần túy ở thể cảm dục thì người ta không cảm thấy sự cần thiết của tham thiền. Ngay cả khi thể trí hoạt động cũng không có sự thôi thúc nào nổi lên, cho đến khi con người đã đi qua nhiều biến đổi và nhiều kiếp sống, đã ném qua chén rượu của lạc thú và của khổ đau qua nhiều kiếp luân hồi, đã dò đến các độ sâu của cuộc đời được sống hoàn toàn cho Phàm Ngã, và thấy nó không làm thỏa mãn. Bấy giờ y bắt đầu chuyển tư tưởng của y tới những việc khác, khao khát tới những gì chưa được biết, nhận thức và cảm thấy các cặp đối hợp (opposites) bên trong y, và trong tâm thức của y, y tiếp xúc với những tiềm năng và lý tưởng mà từ trước đến giờ không được y mơ tưởng tới. Y đã đến một mức mà sự thành công, sự mền mộ và nhiều tặng phẩm khác nhau đều thuộc về y, vậy mà, sau khi sử dụng chúng, y vẫn không tìm thấy sự hài lòng; luôn luôn có một sự thôi thúc bên trong, cho đến khi sự đau khổ

quá nghiêm trọng đến nỗi sự mong muốn để vươn ra ngoài và hướng lên trên, để xác định có điều gì hay có Đấng nào ở ngoài đó không, vượt qua mọi chướng ngại. Con người bắt đầu quay vào nội tâm và tìm kiếm cội nguồn mà từ đó y đã đi ra. Rồi y bắt đầu tham thiền, suy gẫm, tăng cường rung động, cho đến khi theo thời gian, y thu hoạch các kết quả của sự tham thiền..... [248] Tham thiền giúp Hành giả có thể giao tiếp với Chân Ngã và chinh hợp 3 hạ thể....

2. Tham thiền đưa Hành giả vào trạng thái quân bình, không phải hoàn toàn thụ cảm và tiêu cực, cũng không hoàn toàn tích cực mà ở điểm thăng bằng (trung dung), điều này tạo cơ hội cho Chân Ngã (về sau là cho Chân Sư) khuấy động thế quân bình và điều chỉnh sự rung động trầm lặng này lên một nốt cao hơn trước, khiến cho tâm thức rung động theo mức độ mới mẻ hơn và cao hơn, và quay ngoặt (nếu Tôi có thể diễn tả nó như thế) vào phạm vi của Tinh Thần ba ngôi. Nhờ thực hành tham thiền liên tục, trọn điểm thăng bằng này được nâng lên dần dần ngày càng cao, cho đến khi mà điểm thu hút thấp trong sự dao động và sự điều chỉnh, không phải ở thể xác, không chạm đến thể cảm dục, không tiếp xúc với thể trí (ngay cả thoát ra khỏi thể nguyên nhân), và kể từ đó, con người được an trụ trong tâm thức tinh thần (Chân Thần thức – spiritual consciousness). (2-9/11)

2. Trong bước đầu kinh nghiệm, sau mức thành tựu cao nhất mà phàm tính phải cố gắng hiển, con người bắt đầu hành thiền. Lúc đầu, công phu của y còn lộn xộn, và thỉnh thoảng nhiều kiếp có thể trôi qua, trong đó Chân Ngã chỉ hiếm khi và thỉnh thoảng bắt buộc Phạm Ngã suy nghĩ và tham thiền một cách nghiêm túc. Những lúc rút vào nội tâm thường hơn, cho đến khi xảy ra cho con người với nhiều kiếp sống được

dành cho tham thiền thần bí và nguyện vọng tâm linh, tột đỉnh thường là trong một kiếp sống dành hoàn toàn cho tham thiền. Nó đánh dấu mức nguyện vọng xúc cảm cao nhất, khác với việc áp dụng định luật có tính khoa học, xuyên qua thể trí. Những định luật này là những định luật chi phối khoa tham thiền huyền linh đích thực.

Đằng sau mỗi người trong bạn – những người đang làm việc dứt khoát là ở dưới ảnh hưởng của một vị Chân Sư – có hai cuộc sống đỉnh điểm: cuộc sống sùng bái vật chất và cuộc sống thiền định mãnh liệt nhất theo đường lối thần bí hay là đường lối từ tình cảm đến trực giác (emotional-intuitional line). Cuộc sống thiền định này được thực hiện hoặc trong tu viện dành cho nam tu sĩ hoặc trong tu viện dành cho nữ tu ở Trung Âu bởi những người được liên kết với Chân Sư Jesus và các đệ tử của Ngài, hoặc ở Ấn Độ, Tây Tạng hay Trung Hoa bởi các môn đệ của Chân Sư M. hay Chân Sư K.H.

Bây giờ, một loạt kiếp sống quan trọng nhất đến với tất cả bạn, mà các cao điểm trước đây đã chỉ là những nền tảng (stepping-stones, tảng đá kê chân). Trong những kiếp sống trước mắt của những người đang trên Đường Đạo, mức thành đạt cuối cùng sẽ đến thông qua công cụ tham thiền huyền linh theo trình tự, dựa trên định luật. Đối với một số ít người nào đó, sự thành đạt có thể đến trong kiếp này hay kiếp tới; đối với những người khác thì ít nhất phải trong vài kiếp nữa. Đối với một ít người, cần phải thành tựu phương pháp thiền thần bí, là cơ sở của phương pháp thiền huyền linh hay phương pháp thiền dùng trí sau này. (2-12) [249]

3. (Người đệ tử dự bị được cho là đang phát triển) khả năng suy tư trừu tượng hay năng lực liên kết với thượng trí xuyên qua thể nguyên nhân. Y phải học cách chi tiếp xúc với

hạ trí chỉ như một khí cụ để qua đó y có thể đạt đến thượng trí, cứ thế mà vượt qua hạ trí, cho đến khi y trở nên an trụ vào thể nguyên nhân. Bây giờ, nhờ trung gian của thể nguyên nhân, y liên kết với các phân cảnh trừu tượng. Cho đến khi y có thể làm được điều này, y mới thật sự tiếp xúc với Chân Sư, vì như bạn đã được bảo cho biết, môn sinh phải tự nâng y từ cõi giới của y (cõi thấp) vào trong cõi giới của các Ngài (cõi cao).

Bây giờ thì cả hai việc này – khả năng tiếp xúc với Chân Sư và nhóm của Ngài, và khả năng tự an trụ trong thể nguyên nhân và tiếp xúc với các phân cảnh trừu tượng – nhất định là kết quả của tham thiền, và các bức thư mà bạn đã nhận trước đây đã được Tôi làm rõ điều này. Vì thế, không cần lặp lại những điều đã được truyền đạt, ngoại trừ để chỉ ra rằng nhờ tham thiền cần mẫn, và khả năng hết lòng chuyên tâm vào bốn phận đang làm (khả năng này sau hết là kết quả của tham thiền được thể hiện trong đời sống hàng ngày) mà chúng ta sẽ tăng khả năng giữ vững các rung động cao. Tôi muốn lặp đi lặp lại mãi chân lý có vẻ đơn giản, là *chỉ có sự tương đồng rung động* mới rút hành giả đến nhóm của y ở trên cõi cao, đến vị Chân Sư mà đối với y là Người tượng trưng cho Đấng Chủ Tế Cung của Ngài, đến Đức Chương Giáo là Đấng sẽ ban cho y các bí nhiệm, đến Vị Điểm Đạo Độc Tôn, là Đấng thực hiện sự giải thoát cuối cùng, và đến trung tâm bên trong Đấng Hành Tinh Thượng Đế mà y có một vị trí trong Cơ Thể của Ngài.... Công việc của người đệ tử dự bị là làm hòa hợp rung động của mình với rung động của Chân Sư, là tinh luyện ba hạ thể của y sao cho chúng không gây trở ngại cho sự tiếp xúc đó, và vì thế là chủ trị hạ trí của y để nó không còn là một chướng ngại đối với dòng ánh sáng tuôn xuống từ Tinh Thần tam phân. Nhờ thế, y được phép tiếp xúc

với Tam Thượng Thể và nhóm trên cõi phụ thượng trí mà y thuộc vào đó – do quyền và nhân quả. Tất cả những điều này đều do tham thiên mang lại, và không có phương tiện nào khác cho việc thành đạt các mục tiêu này. (2-268/9)

4. Các môn sinh tham thiên sẽ ngạc nhiên và có lẽ chán nản nếu họ có thể nhận thức rằng rất ít khi họ cung cấp các điều kiện đúng đắn thông qua tham thiên, vốn sẽ làm cho vị Huấn sư đang trông nom họ có thể đưa đến một vài hiệu quả. Khi môn sinh có khả năng thường xuyên làm được điều này, điều đó cho thấy dấu hiệu tiến bộ, và y có thể được mang sang một bước khác. Tôi nhấn mạnh điểm này khi giảng dạy vì nó có mang một động lực cho sự chuyên cần và ứng dụng nhiều hơn. Nếu bản thân người đệ tử về phần y không cung cấp các điều kiện đúng đắn, Chân Sư đành bó tay và chỉ có thể làm chút ít mà thôi. *Tự cố gắng là bí quyết để tiến bộ, kèm theo sự áp dụng đầy hiểu biết và có ý thức vào công việc được đưa ra.* Khi sự nỗ lực được thực hiện một cách kiên trì thì Chân Sư mới có cơ hội xúc tiến phần việc của Ngài. (2-277) [250]

5. Tham thiên là một kỹ thuật của thể trí vốn cuối cùng tạo ra mối quan hệ đúng đắn, không bị cản trở; đây là một tên khác của sự chinh hợp. Do đó, đó là việc thiết lập một vận hà trực tiếp, không chỉ giữa một nguồn duy nhất, là Chân Thần, với sự biểu lộ của nó, là phàm ngã được thanh luyện và được kiểm soát, mà còn giữa bảy bí huyết trong hiện thể dĩ thái của con người. (17-620)

(b) Nguy Hiểm của Sự Hao Mòn

a) Vài tính chất trở nên quá được an trụ trên cõi trí đến nỗi chúng dẫn đến nguy cơ cắt đứt liên lạc với 2 thể dưới. Hai thể này tồn tại nhằm các mục đích giao tiếp, nhằm

tiếp thu kiến thức trên các cõi thấp, và nhằm các lý do có kinh nghiệm, để có thể làm gia tăng dung tích của thể nguyên nhân. Vì vậy, bạn sẽ thấy rõ ràng rằng nếu tâm thức nội tại không xuống thấp hơn cõi trí và bỏ bê thể của các tình cảm và thể xác, thì 2 việc sẽ xảy ra. Hai hạ thể này sẽ bị bỏ lơ và vô dụng, và thất bại trong mục đích của chúng, và theo quan điểm của Chân Ngã thì chúng đang hao mòn và chết, trong khi đó thì bản thân thể nguyên nhân sẽ không được kiến tạo như mong muốn và vì thế mà làm mất thời gian. Thể trí cũng sẽ trở thành vô dụng, và trở thành một vật có nội dung ích kỷ, vô ích trên thế gian và ít có giá trị. Một người mơ mộng mà các giấc mơ của y không bao giờ trở thành hiện thực, một nhà xây dựng dự trữ vật liệu mà y không bao giờ dùng đến, một nhà viễn kiến mà các viễn ảnh của y vô ích cho thần và người, là một chướng ngại trong hệ thống chung. Y đang lâm vào sự nguy hiểm lớn lao của sự hao mòn.

Tham thiền nên có hiệu quả là mang cả ba hạ thể ngày càng hoàn toàn vào dưới sự kiểm soát của Chân Ngã hơn, và dẫn đến một sự điều hợp và chỉnh hợp, đến một sự tròn ra và một sự phát triển cân đối vốn sẽ làm cho một người thành hữu ích thật sự cho các Đấng Cao Cả. Khi hành giả nhận thấy có lẽ y quá tập trung vào cõi trí thì y nên nhằm rõ rệt vào việc làm cho tất cả những kinh nghiệm trí tuệ, những nguyện vọng và những cố gắng của y có ý nghĩa thực tế trên cõi trần, mang 2 hạ thể vào dưới sự chế ngự của thể trí và làm cho chúng trở thành những khí cụ của các sáng tạo và hoạt động trí tuệ của y. (2-97)

(c) Việc Thiền Định Được Quyết Định Bởi Cung Chân Ngã

Cung của thể nguyên nhân, tức là cung của Chân Ngã sẽ quy định kiểu tham thiền. Mỗi cung cần một phương pháp

tiếp cận khác nhau, vì mục đích của mọi kiểu thiền đều là sự hợp nhất với thiên nhiên. Ở [251] giai đoạn này, đó là sự hợp nhất với Tam Thượng Thể, có phản ảnh thấp nhất của nó trên cõi trí. Hãy để Tôi minh họa vấn đề:

Khi cung của Chân Ngã là *cung Quyền lực* (Power Ray) thì phương pháp tiếp cận phải là áp dụng ý chí theo một hình thức năng động vào các hạ thể; nó phần lớn là điều mà chúng ta gọi là sự thành tựu bởi một sự tập trung cao độ, một sự cực kỳ chuyên nhất, nó kiềm chế mọi trở ngại và thật sự là dùng sức mạnh mở ra một vận hà, như vậy đưa chính nó vào tận Tam Thượng Thể.

Khi cung Chân Ngã là Cung 2 hay *Cung Bác ái – Minh triết* (Love-Wisdom Ray), thì con đường ít trở ngại nhất là theo đường lối của sự mở rộng, của một sự bao gồm dần dần. Nó không phải là một sự thúc đẩy mạnh tới trước mà là một sự mở rộng dần dần từ trung tâm bên trong, bao gồm những người thân tín, hoàn cảnh sống, những linh hồn liên quan, và những nhóm đệ tử dưới ảnh hưởng của một Chân Sư nào đó, cho đến khi tất cả đều được bao gồm trong tâm thức (của Hành giả – ND). Đến mức thành tựu ở cuộc điểm đạo thứ tư, sự mở rộng này dẫn tới kết quả cuối cùng là làm vỡ tan thể nguyên nhân. Trong trường hợp đầu, sự thành tựu qua cung Quyền Lực – việc thúc đẩy tới trước và lực đẩy lên trên cũng có kết quả tương tự; vận hà được mở ra để cho luồng thần lực hay lửa từ Chân Thần (Spirit) tuôn xuống, và thể nguyên nhân cuối cùng cũng bị hủy diệt.

Khi cung Chân Ngã là Cung 3 hay *Cung Hoạt động Thích nghi* (Activity-Adaptability Ray) thì phương pháp có hơi khác. Không có sự thúc đẩy mạnh tới trước hay là sự bành trướng mạnh dần mà là sự thích ứng có phương pháp của mọi kiến thức và mọi phương tiện đối với mục tiêu dự kiến.

Thực tế thì nó là tiến trình tận dụng cái đa tạp để dùng cho cái đơn nhất; nó còn hơn nữa là sự tích góp những chất liệu và phẩm tính cần thiết để giúp đỡ thế gian, và sự tích lũy kiến thức qua Bác ái và sự phân biện, rốt lại cũng làm thể nguyên nhân tan vỡ.

Trong “các Cung Trạng Thái này”, hay là Cung của sự biểu lộ Thiêng liêng, nếu Tôi có thể gọi như thế, việc làm vỡ tan thể nguyên nhân được gây ra bởi sự mở rộng vận hà, nhờ năng lực thúc đẩy của ý chí ở trường hợp thứ nhất; bằng sự bành trướng noãn hào quang thấp, tức là thể nguyên nhân, trong trường hợp thứ hai, nhờ tính chất bao hàm của cung 2, Cung tổng hợp Bác ái và Minh triết; và bằng việc làm nứt vỡ chu vi của thể nguyên nhân trong trường hợp thứ ba, do sự tích lũy khả năng và sự hấp thu có phương pháp của cung Thích Nghi.

Cả ba phương pháp khác nhau này có cùng một kết quả và cơ bản đều là tất cả các hình thức của phương pháp lớn duy nhất được dùng trong cuộc tiến hóa của bác ái và minh triết, là mục tiêu cố gắng trong thái dương hệ hiện thời.

Bạn có *ý chí* thôi thúc một người tiến đến sự hoàn thiện nhờ sự nhận thức Chân Ngã, và đưa đến việc phụng sự của quyền lực thông qua hoạt động bác ái.

Bạn có trạng thái *minh triết hay bác ái* thôi thúc một người đến sự hoàn thiện [252] nhờ việc tận dụng tính chất thống nhất của y với mọi sinh linh có sự sống, đưa đến việc phụng sự của bác ái thông qua hoạt động bác ái.

Bạn có trạng thái *hoạt động* thôi thúc một người đến sự hoàn thiện nhờ tận dụng tất cả vào việc phụng sự nhân loại; trước tiên là bằng sự tận dụng tất cả cho chính y, rồi thì bằng những bước chọn lọc tận dụng tất cả cho gia đình y, cho những người mà cá nhân y yêu mến, cho những người mà y

kết giao ở chung quanh, và cứ thế tiếp tục cho đến khi tất cả được sử dụng trong việc phụng sự nhân loại. (2-15/7)

(d) Chân Ngã Là Ngọn Lửa

1. Lửa vũ trụ tạo thành nền tảng sự tiến hóa của chúng ta; lửa của cõi trí, sự kiểm soát và thống trị bên trong của nó, và khả năng tinh luyện cùng những hiệu quả thanh lọc của nó, là mục tiêu tiến hóa của sự sống tam phân của chúng ta. Khi lửa bên trong của cõi trí và lửa tiềm tàng trong các hạ thể trộn lẫn với lửa thiêng của Tam Thượng Thể thì công việc hoàn thành và con người trở thành Chân Sư (adept). Sự nhất quán đã được thực hiện và công việc nghìn đời được hoàn thành. (2 – 100)

2. Một người theo đuổi việc thực hành tham thiền huyền linh hiểu theo nghĩa đen là “đùa với lửa” (“play with fire”). Tôi muốn bạn chú trọng đến phát biểu này vì nó hàm chứa một chân lý ít được nhận thức. “Đùa với lửa” là một chân lý xưa đã mất ý nghĩa của nó do việc lặp đi lặp lại thiếu nghiêm trang, tuy nhiên, câu này chính xác một cách tuyệt đối và hoàn toàn, nó không phải là một giáo huấn có tính biểu tượng nhưng là một phát biểu đơn giản về một sự thật. Lửa làm thành căn bản của mọi thứ – Chân Ngã là lửa, trí tuệ là một trạng thái của lửa, và tiềm tàng trong các thể vật chất của tiểu vũ trụ có ẩn chứa một ngọn lửa thật sự, nó có thể hoặc là một sức mạnh phá hoại, đốt cháy mô của cơ thể và kích thích các bí huyệt có một đặc tính không đáng mong muốn, hoặc là một nhân tố sống động, hoạt động như là một tác nhân kích thích và làm thức tỉnh. Khi được hướng theo những vận hà đã được chuẩn bị sẵn, lửa này có thể tác động như một lực tinh luyện và là kết nối quan trọng giữa phạm ngã và Chân Ngã.

Khi tham thiền, môn sinh tìm cách tiếp xúc với ngọn lửa thiêng tức là Chân Ngã của y, và cũng tự đặt chính y tiếp xúc với lửa của cõi trí. Khi sự tham thiền bị bắt buộc hoặc là được theo đuổi quá mãnh liệt, trước khi sự chinh hợp giữa thể cao và thấp (thể trí và thể xác – ND) thông qua thể cảm dục được hoàn tất, thì lửa này có thể tác động trên lửa tiềm tàng ở đáy xương sống (được gọi là luồng hỏa hầu, kundalini) và có thể làm cho nó chuyển động quá sớm. Việc này sẽ gây nên sự phá vỡ và hủy hoại thay vì là việc làm sinh động và kích thích các bí huyết ở cao. (2-102/3) [253]

60. CHÂN NGÃ VÀ CÁC CUỘC ĐIỂM ĐẠO

1. Chính con người, với tư cách là linh hồn, trong ý thức hoàn toàn thức tỉnh, tiếp nhận cuộc điểm đạo. Đó là sự nhấn mạnh vào sự tiếp xúc với linh hồn khi một người ở trên Con Đường Dự Bị và đang trải qua các giai đoạn đầu của con đường đệ tử. Điều này sau này dẫn đến việc nhấn mạnh được đặt lên sự cần thiết của hai hoạt động chính – trước khi người đó có thể nhận những điểm đạo cao hơn:

(a) Trên sự chinh hợp.

(b) Trên việc xây dựng khoa học antahkarana. (6-254)

2. Trên Con Đường Điểm Đạo, ý chí Chân Thần (mà ý chí chân ngã là sự phản ánh và sự ương bướng cá nhân là sự lệch hướng của nó) dần dần được truyền dẫn xuyên qua antahkarana, hướng đến con người trên cõi trần. Điều này tạo ra sự tương ứng cao của các tính chất vốn được nói đến một cách trôi chảy bởi nhà huyền học rất lão luyện nhưng thiếu sáng suốt – sự chuyển hóa và chuyển đổi. Kết quả là sự đồng hóa của ý chí cá nhân và ý chí chân ngã thành mục tiêu của Chân Thần, vốn là mục tiêu – không lay chuyển

(undeviating) và bất di bất dịch – của Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, hoạt động và hiện hữu. (18-31)

3. Nếu bạn sẽ lưu ý đến các thái độ và các hành động hiện tại của chính bạn, bạn sẽ khám phá ra rằng chủ yếu (Tôi có thể thêm là hầu như là tất nhiên) chúng tập trung xung quanh chính bạn, các nhận thức của riêng bạn, sự hiểu biết về chân lý của chính bạn, và sự tiến bộ của riêng bạn trên Thánh Đạo. Nhưng – khi bạn đạt tới tình trạng điểm đạo – tính tự lợi (self-interest) tàn tạ cho đến khi nó biến mất, và, như một Khẩu Hiệu cổ xưa có nói “chỉ có Thượng Đế là còn lại”; chỉ còn lại trong ý thức là Cái Đó (THAT), là mỹ (beauty), thiện (goodness) và chân (truth); không phải là hình tướng (form) mà là tính chất (quality), là cái đang nằm đằng sau hình tướng và là những gì biểu thị số phận, linh hồn, vị trí và tình trạng. Hãy ngẫm nghĩ về những lời này, vì chúng truyền đạt cho bạn (khi sự tiến hóa tiếp diễn) nơi mà sau này bạn sẽ chú trọng. (18-293)

4. Linh hồn, trong bản chất riêng của nó, có ý thức tập thể và không có các tham vọng hay các quan tâm cá nhân nào, và không thích thú chút nào các mục tiêu của phạm ngã của nó. Chính linh hồn là điểm đạo đồ. Sự điểm đạo là một diễn trình mà nhờ đó con người tinh thần bên trong phạm ngã bắt đầu ý thức nó là linh hồn, với các quyền năng của linh hồn, các mối quan hệ linh hồn, và mục đích của linh hồn. Thời điểm một người nhận ra điều này, thậm chí trong một phạm vi nhỏ, chính là nhóm mà y biết đến. (18-341) [254]

(a) Sự Mở Rộng Tâm Thức và Sự Điểm Đạo

1. Phút giây trọng đại khi con người ra khỏi giới động vật để nhập vào nhân loại, mà nhiều sách huyền bí gọi là “lúc

biệt lập ngã tính,” chính là một trong các cuộc điểm đạo vĩ đại nhất. Biệt lập ngã tính là khi cái ngã có sự thấu hiểu hữu thức về mối quan hệ của nó với tất cả những gì thuộc về phi-ngã, và trong đại tiến trình điểm đạo này, cũng như trong mọi tiến trình về sau, sự thức tỉnh của tâm thức xảy ra sau một thời kỳ phát triển dần dần; sự thức tỉnh xảy ra tức khắc vào lúc tự nhận thức lần đầu tiên, và luôn luôn sau đó là một thời kỳ tiến hoá dần dần khác. Đến lượt thời kỳ tiến hoá dần dần này, về sau lại đưa đến một cuộc khủng hoảng được gọi là Điểm Đạo. Trường hợp đầu là cuộc điểm đạo vào sự sống có ngã thức, còn trường hợp sau là cuộc điểm đạo vào sự sống tinh thần.

Những nhận thức này, hay các sự mở rộng tâm thức được hiểu rõ, đều theo định luật thiên nhiên, và xảy đến đúng lúc với mọi linh hồn, *không ngoại trừ ai cả*. Ở mức độ nhỏ hơn, chúng xảy ra hằng ngày cho mỗi người, khi sự hiểu biết trí tuệ của y về cuộc sống và kinh nghiệm từ từ tăng trưởng, nhưng chúng chỉ trở nên những *cuộc điểm đạo vào minh triết* (khác với các sự mở rộng kiến thức) khi kiến thức có được là do:- **[177]**

- a. Được hữu ý tìm kiếm.
- b. Được tự áp dụng vào đời sống một cách hy sinh.
- c. Được tự nguyện sử dụng trong việc phụng sự tha nhân.
- d. Được sử dụng một cách thông minh trên phương diện tiến hoá.

Chỉ những linh hồn có một mức độ kinh nghiệm và phát triển nhất định mới thực hiện được cả bốn điều này một cách kiên trì, đều đặn, để chuyển hoá kiến thức thành minh triết, và kinh nghiệm thành tính chất. Người thường thì chuyển hoá vô minh thành hiểu biết, và kinh nghiệm thành năng

khiếu. Thật là hữu ích khi tất cả chúng ta suy gẫm về sự khác nhau giữa tính chất cố hữu và năng khiếu bẩm sinh; một đấng là chính bản chất bồ đề hay minh triết, và đấng kia có bản chất của manas, hay trí tuệ. Sự kết hợp cả hai, qua nỗ lực hữu thức của một người, dẫn đến một cuộc điểm đạo chính yếu.

Các kết quả này được mang lại theo hai cách:

– Thứ nhất, bằng sự tự nỗ lực của chính hành giả, vào đúng lúc sẽ đưa y tìm thấy trung tâm tâm thức của chính y, được sự dẫn dắt hoàn toàn của vị chủ tế ở nội tâm, là Chân nhân, và nhờ nỗ lực mạnh mẽ và cố gắng khó nhọc, làm sáng tỏ bí nhiệm của vũ trụ được ẩn giấu trong chất liệu vật chất được truyền năng lượng bởi Fohat.

– Thứ hai, bằng những nỗ lực của hành giả, được hỗ trợ bởi sự cộng tác yêu thương và sáng suốt của các bậc Thức giả (Knowers) của nhân loại, là các Chân sư [255] Minh triết. Trong trường hợp này tiến trình sẽ nhanh hơn, vì, nếu muốn, hành giả sẽ được giáo huấn, và do đó, nếu phần y đã có được những điều kiện đúng đắn, thì y sẽ được phép sử dụng kiến thức và sự giúp đỡ của các Đấng đã thành đạt. Để sử dụng được sự trợ giúp này, y phải làm việc với vật chất của cơ thể chính mình, kiến tạo loại vật chất đúng đắn thành hình thể có trật tự, vì thế phải học cách phân biệt khi chọn lựa vật chất, và phải hiểu các định luật rung động và kiến tạo.....

Y cũng phải trang bị thể trí của mình để nó có thể là một tác nhân giải thích và là một tác nhân truyền đạt, chứ không phải là một yếu tố gây trở ngại như hiện nay. Y cũng phải phát triển hoạt động tập thể, và học cách làm việc phối hợp với các thành viên khác. Đây là những điều chính yếu mà hành giả phải hoàn tất trên đường điểm đạo; nhưng khi đã thực hiện được chúng, y sẽ tìm thấy Đường Đạo, nó sẽ trở

nên rõ ràng đối với y, và bấy giờ y sẽ gia nhập vào các hàng ngũ của các vị Thức giả. (1-176/8)

2. Sự điếm đạo không chỉ đơn giản là nâng cao và làm sâu sắc tính chất của linh hồn; nó không chỉ cho phép phạm ngã biểu lộ các năng lực của linh hồn, và như thế nhấn mạnh và rút ra những gì tốt nhất có trong đệ tử và việc phụng sự của y, mà nó còn làm cho có sẵn cho y, một cách dần dần, những mãnh lực và năng lượng mà y đã không biết trước đó, và y phải học để sử dụng như một điếm đạo đồ ở một mức độ nhất định trên Con Đường Sáng. Nó tiết lộ cho y những thế giới cho đến nay vẫn không bị nghi ngờ và không được nhận thức, mà y phải học cách hợp tác với chúng, và nó tích hợp y một cách rõ ràng vào "khu vực ánh sáng" của sự sống hành tinh của chúng ta, mang lại sự tiết lộ và tầm nhìn mới mẻ, nhưng làm cho khu vực không được chiếu sáng trở nên thực sự tối. (6-666)

3. Điếm đạo không phải là một thủ tục nghi lễ, hay một sự chuẩn nhận, được ban tặng cho một người chí nguyện thành công; cũng không phải là một sự thâm nhập vào các Bí Nhiệm ... nhưng nó chỉ đơn giản là kết quả của sự sinh động đang trải nghiệm trên cả ba cõi ý thức (cõi trần, cõi cảm dục và cõi trí) và – thông qua sự sinh động đó – đưa vào hoạt động những tế bào tiếp nhận và ghi nhận trong não chất, vốn từ trước đến giờ đã không nhạy cảm với ấn tượng cao siêu. Thông qua lĩnh vực tiếp nhận mở rộng này, hay, nếu bạn muốn thì có thể nói là, thông qua sự phát triển của một khí cụ ghi nhận hay công cụ đáp ứng tinh tế hơn, thể trí được làm cho trở thành vật truyền chuyển các giá trị cao siêu và sự thông hiểu tinh thần. Như thế cá nhân bắt đầu ý thức những lĩnh vực hiện tồn thiêng liêng và những trạng thái tâm thức

vốn vẫn luôn luôn hiện diện nhưng con người, do tính chất cấu trúc, không thể tiếp xúc hay tiến nhập; trên giác độ phát triển tiến hóa của chúng thì cả thể trí lẫn [256] tác nhân ghi nhận của nó là bộ óc đều không thể làm điều đó.

Khi ngọn đèn pha của trí tuệ thâm nhập dần vào các trạng thái từ trước đến nay chưa được nhận thức của thiên trí, khi các phẩm tính từ lực của tâm đang thức tỉnh và trở nên đáp ứng một cách nhạy cảm với cả hai trạng thái kia, thì con người bắt đầu có thể hoạt động trong những lĩnh vực mới khai mở của ánh sáng, bác ái và phụng sự. Y được điểm đạo. (8-128)

4. Về cơ bản, điểm đạo là việc chuyển khỏi các kiềm chế xưa cũ đi vào sự kiềm chế có các giá trị tinh thần hơn và ngày càng cao siêu hơn. Điểm đạo là một sự mở rộng tâm thức, đưa tới sự nhận thức ngày càng tăng trưởng về các thực tại nội tâm. Đó cũng là việc nhận thức một ý thức mới về nhu cầu thay đổi, và kỹ thuật khôn ngoan của các thay đổi cần thiết này, để có thể tạo ra sự tiến bộ thực sự; ý thức được mở rộng và trở nên bao gồm một cách hào phóng và thiêng liêng hơn, và có một sự kiềm chế mới và mạnh mẽ hơn của linh hồn khi linh hồn ngày càng đảm nhiệm việc điều khiển sự sống của cá nhân, của một quốc gia, và của thế giới. (13-136)

5. Điểm Đạo là gì? Điểm đạo có thể được định nghĩa theo hai cách. Trước nhất, đó là việc gia nhập vào một thế giới mới có kích thước rộng lớn hơn bằng sự mở rộng tâm thức của một người để y có thể bao gồm và chứa đựng những gì mà hiện nay y bác bỏ và y thường tự tách y ra khỏi những điều đó trong tư tưởng và hành vi của y. Thứ hai, đó là việc nhập vào con người những năng lượng vốn là đặc trưng của linh hồn và chi của linh hồn – các thần lực của bác ái thông

minh và ý chí tinh thần. (15-12)

(b) Cuộc Điểm Đạo Thứ Nhất

1. Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, việc Chân nhân chế ngự thể xác phải đạt đến mức cao. “Các tội lỗi của xác thịt”, theo cách nói của Thiên Chúa giáo, phải được thống trị; tính tham ăn tục uống và lối sống buông thả phải không còn có ảnh hưởng. Hành giả không còn chiều theo các đòi hỏi của tinh linh hồng trần; sự chế ngự phải hoàn toàn và sự cảm dỗ phải chấm dứt. Phải đạt được một thái độ tuân thủ chung đối với Chân nhân và *sự tự nguyện* vâng lời phải rất mạnh mẽ. Vận hà giữa Chân ngã và phàm ngã được mở rộng và sự tuân phục của thân xác hầu như là tự động. (1-82/3)

2. Nhiều ngàn người trên thế giới ngày nay đã nhận được lần điểm đạo thứ nhất, và được hướng tới đời sống tinh thần và phụng sự đồng loại của họ; tuy thế các kiếp sống của họ thường xuyên để lại nhiều điều cần được mong muốn, còn linh hồn rõ ràng là *không* thường xuyên kiểm soát; một cuộc đấu tranh lớn vẫn đang được tiến hành để đạt được sự thanh lọc trên cả ba cấp độ. Các kiếp sống của các điểm đạo đồ này đều có lỗi lầm, và thiếu nhiều kinh nghiệm, và một nỗ lực lớn được thiết lập trong chu kỳ đặc biệt này, để đạt được sự hợp nhất linh hồn. (18-385)

(c) Cuộc Điểm Đạo Thứ Hai

1. Cuộc điểm đạo thứ nhì tạo nên sự khủng hoảng trong việc chế ngự thể cảm dục. Giống như ở cuộc điểm đạo thứ nhất mà việc chủ trị thể xác đã được chứng tỏ, thì trong cuộc điểm đạo này, việc chủ trị thể cảm dục cũng được chứng tỏ tương tự. Sự hy sinh và chấm dứt dục vọng là mục tiêu của nỗ lực. Chính dục vọng đã được Chân nhân chế ngự, và hành

giả chỉ còn mong muốn những gì tốt đẹp cho toàn thể, phù hợp với ý chí của Chân nhân và của Chân sự. Tinh linh cảm dục được chế ngự, thể tình cảm trở nên tinh khiết và trong sáng, phàm tính tàn lụi nhanh chóng. Bây giờ, Chân nhân lại chế ngự hai hạ thể và uốn nắn chúng theo ý chí của mình. Hoài bão và mong muốn phụng sự, yêu thương, tiến bộ trở nên mạnh mẽ đến nỗi thường thấy có phát triển nhanh chóng. Đó là lý do tại sao lần điểm đạo này và lần điểm đạo thứ ba, thường (nhưng không phải luôn luôn) nối tiếp nhau trong chỉ một kiếp sống. Vào thời kỳ hiện nay của lịch sử thế giới, cuộc tiến hoá đã được kích thích mạnh mẽ đến nỗi các linh hồn chí nguyện—cảm biết được nhu cầu lớn lao và khẩn thiết của nhân loại—đang hy sinh tất cả để đáp ứng nhu cầu đó.

... Ở cuộc điểm đạo này, nếu theo đường lối thông thường, (là điều cũng không có gì chắc chắn) thì *luân xa cố hộng* sẽ được làm sinh động. Nó tạo khả năng sử dụng [86] các thành đạt của hạ trí vào công việc phụng sự Chân sự và trợ giúp nhân loại. Nó cũng tạo khả năng cho ra và phát ra những gì hữu ích, có thể bằng lời nói, nhưng *chắc chắn* là bằng một lối phụng sự nào đó. Hành giả cũng được cho thấy nhu cầu của thế giới, và thấy thêm một phần của Thiên Cơ. Bây giờ, việc phải làm trước khi được điểm đạo lần thứ ba là hoàn toàn hoà nhập quan điểm của cá nhân vào trong nhu cầu của toàn thể. Nó bao gồm việc Chân nhân hoàn toàn chế ngự thể trí cụ thể. (1-85/6)

2. Cuộc điểm đạo thứ hai đánh dấu sự giải phóng linh hồn khỏi ngục tù thể cảm dục. Từ đó, linh hồn sẽ sử dụng thể cảm dục và nặn tạo dục vọng phù hợp với mục đích thiêng liêng. (4-237)

3. Khi cuộc điểm đạo thứ hai đã được thực hiện, Thánh Đoàn quan sát có thể bắt đầu lưu ý sự tái định hướng liên tục của linh hồn hướng tới Chân Thần, và năng lực thu hút của trạng thái cao nhất đó đối với điểm đạo đồ. Ngày nay, rất nhiều thành viên của gia đình nhân loại – đang luân hồi và ngoài [258] luân hồi – đã nhận hai cuộc điểm đạo đầu tiên, nên sự chú ý của Shamballa đang ngày càng được chuyển sang nhân loại, xuyên qua Thánh Đoàn, trong khi các tư tưởng của con người đồng thời được chuyển sang Thiên Cơ, sang việc sử dụng ý chí trong sự định hướng và sự hướng dẫn, và sang bản chất của mãnh lực năng động. (9-120)

(d) Cuộc Điểm Đạo Thứ Ba

1. Ở cuộc điểm đạo thứ ba, đôi khi được gọi là sự Biến Dung, toàn thể phàm nhân chìm ngập trong ánh sáng từ trên xuống. Chỉ sau cuộc điểm đạo này, Chân Thần mới dứt khoát hướng dẫn Chân nhân và ngày càng tuôn đổ sự sống thiêng liêng của Ngài vào trong vận hà đã được chuẩn bị và thanh luyện...

Mục đích của toàn cuộc phát triển là khơi dậy trực giác tinh thần; khi điều đó đã được thực hiện, khi thể xác thanh khiết, thể cảm dục ổn định vững vàng và thể trí được chế ngự, thì bấy giờ điểm đạo đồ có thể an toàn vận dụng và khôn ngoan sử dụng các quan năng thần thông để trợ giúp nhân loại. Không những y có thể sử dụng các quan năng này, mà giờ đây y còn có khả năng sáng tạo và làm sinh động các hình tư tưởng rõ rệt và chính xác, rung động với tinh thần phụng sự và không bị chế ngự bởi hạ trí hay dục vọng. Các hình tư tưởng này sẽ không (như các hình tư tưởng tạo bởi đại chúng) có tính rời rạc, không liên kết, không liên quan với nhau, mà sẽ đạt một mức độ tổng hợp khá cao. Hành giả phải

làm việc khó nhọc, không ngừng trước khi có thể thực hiện được điều này, nhưng khi bản tính dục vọng đã được ổn định và thanh lọc, thì việc chế ngự thể trí sẽ trở nên dễ dàng hơn. (1-86/7)

2. Ở Cuộc Điểm Đạo thứ ba, là Cuộc Điểm Đạo Biến Dung, sự kiểm soát của phàm ngã trong tam giới bị phá vỡ để Con của Trí Tuệ, là linh hồn, cuối cùng có thể được thay thế cho hạ trí cụ thể và cho đến nay đang điều khiển. Ngoài ra, qua Định Luật Hy Sinh, phàm ngã được giải thoát và trở thành chỉ là tác nhân của linh hồn. (6-398)

3. (Cuộc điểm đạo thứ ba) là cuộc điểm đạo đầu tiên mà trong đó phàm ngã và linh hồn được kết hợp và hợp nhất để hai khía cạnh tạo thành một đơn vị... Khát vọng kết thúc và sự tin chắc mãnh liệt nhất nắm lấy vị trí của nó. (9-140)

4. Khi antahkarana cá nhân đã được bắt đầu thành công, và thậm chí còn có một tuyến mỏng manh năng lượng sinh động kết nối phàm ngã tam phân với Tam Thượng Thể Tinh Thần, bấy giờ dòng lưu nhập của năng lượng ý chí mới trở nên có thể xuất hiện. Việc này, trong các giai đoạn đầu, có thể nguy hiểm nhất khi không được bù đắp bằng năng lượng bác ái của linh hồn....

Sau kỳ điểm đạo thứ ba, khi thể linh hồn, tức thể nguyên nhân, bắt đầu tiêu tan, con đường của mối liên hệ hay của sự kết nối có thể hiện hữu và trở nên trực tiếp. [259] Lúc bấy giờ, điểm đạo đồ “đứng trong đại dương bác ái, và lòng bác ái đó tuôn đổ qua y, ý chí của y là tình thương và y có thể làm việc một cách an toàn, vì tình bác ái thiêng liêng sẽ nhuộm màu mọi ý chí của y, và y có thể phụng sự một cách khôn ngoan”. Lúc bấy giờ, bác ái và sự thông tuệ trở thành những người trung thành của ý chí. Năng lượng linh hồn và

mãnh lực phàm ngã đóng góp vào kinh nghiệm của Chân Thần trong ba cõi phục vụ sự sống, và lúc đó là công việc lâu dài của con người tinh thần đang luân hồi cuối cùng được hoàn thành. Ý đã sẵn sàng cho Niết Bàn, vốn chỉ là Con Đường đi vào các lĩnh vực mới của kinh nghiệm tâm linh và của sự phát triển thiêng liêng – cho đến nay không thể hiểu được, ngay cả đối với điểm đạo đồ của mức độ thứ ba. Con Đường này chỉ được tiết lộ khi antahkarana được xây dựng và hoàn thành, và con người bắt đầu tập trung vào Tam Thượng Thế; một cách hữu thức giống như hiện giờ y tập trung vào phàm ngã tam phân vậy. (18-471/2)

5. Ở cuộc điểm đạo thứ ba, sự kiểm soát của thể trí được linh hồn soi sáng cuối cùng được thiết lập, và bản thân linh hồn đảm nhận vị trí thống trị chứ không phải hình tượng thuộc hiện tượng. (18-674)

(e) Sự Loại Bỏ Hình Tư Tượng Của Phàm Ngã

Khi bàn về chủ đề này (và điều đó chỉ có thể được làm rất vắn tắt), cần ghi nhớ hai điều:

1. Đó là chúng ta đang xem xét độc nhất một ý tưởng trong trí của linh hồn và bàn đến sự kiện căn bản về ảo tượng, vốn đã kiểm soát toàn bộ chu kỳ luân hồi, và vì thế nắm giữ linh hồn làm tù nhân cho hình hài. Đối với linh hồn, phàm ngã bao hàm hai điều:

a/ Năng lực của linh hồn để đồng nhất hóa với hình hài; điều này trước tiên được linh hồn nhận thức khi phàm ngã đang bắt đầu phản ứng tới một mức độ tích hợp thực sự.

b/ Một cơ hội điểm đạo.

2. Đó là việc loại bỏ hình tư tượng của phàm ngã, vốn được hoàn tất ở cuộc điểm đạo thứ ba, là một điểm đạo lớn đối với linh hồn trên cõi riêng của nó. Vì lý do này, cuộc điểm

đạo ba được xem như cuộc điểm đạo chính thứ nhất, vì hai cuộc điểm đạo trước có rất ít hiệu quả trên linh hồn và chỉ ảnh hưởng đến linh hồn đang lâm phạm, là “mảnh nhỏ” (“fragment”) của tổng thể.

Đây là các sự kiện ít được nhận thức và ít khi được nhấn mạnh trong bất cứ tài liệu nào được xuất bản từ trước đến nay. Cho đến giờ, sự nhấn mạnh đã đặt trên các cuộc điểm đạo khi chúng ảnh hưởng đến đệ tử trong ba cõi thấp. Nhưng tôi đặc biệt bàn về các cuộc điểm đạo khi chúng ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng đến *linh hồn*, đang phù trì phản ảnh của nó, là phạm ngã, trong ba cõi thấp. [260] Do đó, những gì mà tôi đã nói đến, sẽ có ít ý nghĩa đối với độc giả bậc trung.

Từ góc độ của bản ngã riêng (personal self), xem nó như là Ké Chận Ngõ, thái độ hoặc trạng thái trí tuệ đã được mô tả không đầy đủ như là thái độ của sự xóa sạch hoàn toàn trong ánh sáng của linh hồn; sự huy hoàng của Bản Lai Diện Mục (the Presence), được chuyển hóa bởi Thiên Thần, tới mức độ phạm ngã hoàn toàn biến mất, với các đòi hỏi và các hoài bão của nó. Không gì được để lại trừ cái vỏ ngoài, là vỏ bọc và khí cụ mà ánh sáng mặt trời có thể tuôn đổ qua để giúp đỡ nhân loại. Điều này đúng tới một mức độ nào đó, nhưng – xét cho cùng – chỉ là cố gắng của con người để diễn đạt thành lời hiệu quả chuyển hóa và hiệu quả biến dung của cuộc điểm đạo thứ ba, vốn không thể được thực hiện.

Vô cùng khó hơn là nỗ lực mà ở đây tôi đang thực hiện để mô tả thái độ và các phản ứng của linh hồn, là bản ngã duy nhất, Chân Sư trong tim, khi nó nhận thức sự kiện kỳ diệu về sự giải thoát thiết yếu của chính nó và dứt khoát nhận thức rằng hiện nay nó không có khả năng đáp ứng theo bất cứ cách nào với các rung động thấp của ba cõi thấp, khi được truyền đạt tới linh hồn bằng dụng cụ tiếp xúc của nó, là hình

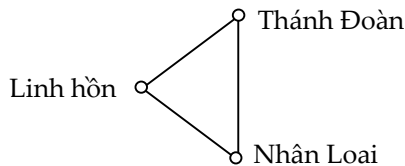
thức phàm ngã. Hình thức đó hiện giờ không có khả năng truyền đạt.

Phản ứng thứ nhì của linh hồn, một khi sự nhận thức này đã được tập trung và được thừa nhận, là – sau khi đã đạt sự tự do – sự tự do đó giờ đây truyền đạt các đòi hỏi riêng của nó:

1. Cho một cuộc sống phụng sự trong ba cõi thấp, rất quen thuộc và hiện nay hoàn toàn được siêu việt.

2. Một ý thức che chở của tình thương hướng ra ngoài, về phía những ai, cho đến nay, đang tìm kiếm sự giải thoát.

3. Một sự nhận thức về tam giác căn bản mà hiện giờ đã trở thành trung tâm của sự sống dựa trên khái niệm của linh hồn:



Linh hồn giờ đây rung động giữa hai điểm hay các cặp đối lập, và hành động như một trung tâm kêu gọi và đáp ứng.

Không cái nào trong các nhận thức nói trên có thể được ghi nhận trong tâm thức não bộ hay trong trí của một phàm ngã giác ngộ. Theo lý thuyết, một số hình ảnh mơ hồ của các tiềm năng có sẵn có thể được cảm nhận, nhưng tâm thức [261] không còn là tâm thức của đệ tử phụng sự trong ba cõi thấp, vận dụng thể trí, các xúc cảm và xác thân để tiến hành mệnh lệnh và ý định của Thánh Đoàn, trong chừng mực có thể. Tâm thức đó đã biến mất theo cái chết của tâm thức phàm ngã. Tâm thức đó giờ đây là tâm thức của chính linh hồn, không biết đến sự chia rẽ, hoạt động theo bản năng, bị ám ảnh về mặt tâm linh bởi các kế hoạch của Thiên Giới, và

hoàn toàn thoát khỏi sự mê hoặc hay sự kiểm soát yếu nhất của hình hài-vật chất; tuy nhiên, linh hồn vẫn đáp ứng với và bị chìm đắm trong năng lượng-vật chất, và sự tương ứng cao của nó vẫn đang hoạt động trên các phân cảnh của cõi hồng trần vũ trụ – cõi Bồ Đề, Niết Bàn, Đại Niết Bàn và Tối Đại Niết Bàn.

Lúc đó, những gì phải xảy ra nếu sự sống của linh hồn sẽ đầy đủ và hoàn tất, và vì thế hoàn toàn có tính bao gồm đến nỗi ba cõi thấp hợp thành một phần của lĩnh vực hiểu biết của nó và lĩnh vực phụng sự của nó? Cách duy nhất mà tôi minh giải cho bạn điều mà linh hồn phải làm sau cuộc điểm đạo thứ ba là tổng kết nó theo hai cách:

Thứ nhất: Giờ đây linh hồn trở thành kẻ sáng tạo hữu thức vì trạng thái thứ ba – được phát triển và được chủ trị qua kinh nghiệm trong ba cõi thấp trong chu kỳ dài của các lần luân hồi – đã đạt đến mức hoạt động hoàn hảo. Diễn tả điều đó về mặt kỹ thuật: năng lượng của các cánh hoa tri thức và năng lượng của các cánh hoa bác ái hiện giờ được dung hợp và hòa lẫn tích cực đến nỗi hai trong các cánh hoa bên trong, đang bao bọc bảo ngọc trong hoa sen, không còn tác động như là các bức màn đối với bảo ngọc đó nữa. Ở đây, tôi đang nói một cách tượng trưng. Vì biến cố này, sự chết hay việc loại bỏ phàm ngã là hoạt động đầu tiên trong vở kịch sáng tạo hữu thức, và hình hài đầu tiên được tạo ra bởi linh hồn là một vật thay thế cho phàm ngã. Như thế, một dụng cụ để phụng sự trong ba cõi thấp được tạo ra. Tuy nhiên, lần này đó là một dụng cụ không có sự sống, không có sự ham muốn, không có tham vọng và không có năng lực tư tưởng của riêng nó. Đó chỉ là một lớp vỏ vật chất, được làm sinh động bằng sự sống linh hồn, nhưng đồng thời, lại đáp ứng với và thích hợp với thời kỳ, chủng tộc và các tình trạng chung quanh mà

trong đó linh hồn sáng tạo chọn để hoạt động. Hãy suy nghĩ câu nói này và nhấn mạnh các từ “thích hợp với” (“suited to”).

Thứ hai: Lúc đó linh hồn tự chuẩn bị cho cuộc điếm đạo thứ tư sắp đến. Về cơ bản đây là một kinh nghiệm và các kết quả của Chân Thần – như bạn biết – trong việc biến mất hoặc sự hủy diệt linh hồn thể, và do đó thiết lập một mối quan hệ trực tiếp giữa Chân Thần trên cõi riêng của nó (tức cõi Đại Niết Bàn – ND) với phàm ngã mới được tạo ra, xuyên qua giác tuyến (antahkarana).

Hai điếm này được cung cấp cho bạn lần đầu tiên trong việc tuân tự đưa ra giáo lý huyền môn; tuy nhiên, các gợi ý đã chuẩn bị đường lối cho hai sự kiện này. Thông tin cũng đã được đưa ra về huyền hình (mayavirupa) [262] mà qua đó Chân Sư làm việc và tiếp xúc với ba cõi thấp, và Ngài chủ ý tạo ra để phục vụ cho các mục tiêu và các kế hoạch của Ngài. Đó là một sự thay thế rõ ràng cho phàm ngã và chỉ có thể được tạo ra khi phàm ngã cũ (được kiến tạo và được phát triển trong chu kỳ luân hồi) đã bị loại bỏ. Tôi thích dùng từ “bị loại bỏ” (“eliminated”) hơn là “bị hủy diệt” (“destroyed”). *Cấu trúc* – vào thời điểm loại bỏ – vẫn tồn tại, nhưng cuộc sống chia rẽ của nó đã mất.

Nếu bạn muốn suy tư rõ ràng về phát biểu này, bạn sẽ thấy rằng một sự tích hợp rất hoàn toàn hiện nay có thể xảy ra. Sự sống phàm ngã đã được hấp thu; hình tướng phàm ngã vẫn bị bỏ lại, nhưng nó tồn tại mà không có bất kỳ sự sống đích thực nào của chính nó. Điều này có nghĩa là giờ đây nó có thể trở thành nơi nhận các năng lượng và các lực mà điếm đạo đồ hoặc Chân Sư cần đến để tiến hành công việc cứu độ nhân loại.....

Đệ tử nào đã loại bỏ (theo nghĩa chuyên môn, cũng như

theo nghĩa huyền bí) sự nắm giữ của phàm ngã, giờ đây đang có “sự tự do của Huyền Viện”, như nó được gọi; y có thể hoạt động tùy ý giữa các đệ tử huynh đệ của y và các điểm đạo đồ. Sẽ không có gì trong sự sống rung động của y hoặc tính chất của y vốn có thể làm xáo trộn sự nhịp nhàng của Huyền Viện; sẽ không có gì để gây ra “sự can thiệp trầm tĩnh” (“calming intervention”) của Chân Sư, như trường hợp thường xảy ra trong các giai đoạn ban đầu của con đường đệ tử; hiện giờ không gì có thể quấy rầy các sự tiếp xúc cao này và các lĩnh vực ảnh hưởng mà từ trước đến giờ đã được niêm kín đối với đệ tử vì sự xâm phạm của phàm ngã của chính y. (17-515/20)

(f) Cuộc Điểm Đạo Thứ Tư

1. Ở Cuộc Điểm Đạo thứ tư, là Cuộc Điểm Đạo Từ Bỏ, khía cạnh hủy diệt của Luật Hy Sinh dẫn đến sự hủy diệt thể nguyên nhân, là linh hồn thể, để phàm ngã được linh hồn thấm nhuần hợp nhất có thể hoạt động trực tiếp dưới sự linh hứng của Tam Thượng Thể Tinh thần – là sự biểu lộ tam phân hoặc công cụ của Chân Thần. (6-398)

2. Các đạo sinh cần khéo léo để biết rằng tiến trình xây dựng antahkarana này là một trong các cách mà theo đó con người, là tam nguyên (trinity), trở thành một nhị nguyên. Khi hoàn thành nhiệm vụ và antahkarana được kiến tạo rõ rệt – như thế tạo được sự chinh phục hoàn hảo giữa Chân Thần và biểu lộ của nó trên cõi trần – thể của linh hồn (là thể nguyên nhân) cuối cùng bị phá hủy hoàn toàn bởi lửa của Chân Thần, đang tuôn đổ xuống antahkarana. Lúc đó có sự trao đổi lẫn nhau hoàn toàn giữa Chân Thần và *linh hồn trên cõi trần* hoàn toàn hữu thức. “Hình thức trung gian thiêng liêng” không còn cần nữa. “Con của Thượng Đế vốn là Con của Trí Tuệ” chết đi; [265] “màn che của đền thờ bị xé làm hai, từ trên xuống

dưới”; lần điểm đạo thứ tư được vượt qua, và lúc đó sự thiên khai của Chúa Cha xảy ra.

Đây là kết quả cuối cùng và sâu rộng của việc xây dựng cây cầu, thực ra chính là thiết lập một tuyến ánh sáng giữa Chân Thần với phàm ngã như một biểu lộ đầy đủ của linh hồn – giữa tinh thần và vật chất, giữa Cha và Mẹ. Đó là bằng chứng cho thấy “tinh thần đã leo lên vai của vật chất” đến nơi cao cả mà từ nguồn gốc đó nó xuất phát, cộng với việc thu thập kinh nghiệm và tri thức đầy đủ, và thu thập tất cả những gì mà sự sống dưới hình thức vật chất có thể cung cấp và tất cả những gì mà kinh nghiệm hữu thức có thể ban cho. Đấng Con đã thực hiện công việc của Ngài. Nhiệm vụ của Đấng Cứu Độ hay của Đấng Trung Gian đã được hoàn thành. Tính đồng nhất của mọi thứ được biết đến là một sự thật trong tâm thức, và một tinh thần con người có thể nói với ý định và với sự hiểu biết: “Ta và Cha Ta là một”. (18-475/6)

3. Sự Đại Từ Bỏ. Một kinh nghiệm phi thường được ban cho điểm đạo đồ vào lúc này; y nhận thức rõ (vì y thấy và biết) rằng antahkarana đã được hoàn thành một cách thành công, và rằng có một tuyến năng lượng đi trực tiếp từ Tam Thượng Thể Tinh Thần, xuyên qua antahkarana, đến thể trí và não bộ của y. Việc này đưa tới mặt trước tâm thức của y sự nhận thức bất ngờ và gây hoảng sợ rằng chính linh hồn, tức chân ngã thể (egoic body) trên cánh giới riêng của nó, và những gì mà từ xa xưa đã được cho là nguồn cội của sự sống của y, và là người hướng dẫn, người thầy (mentor) của y, không còn cần thiết nữa; mối liên hệ của y, với tư cách phàm ngã được linh hồn thấm nhuần, bây giờ là trực tiếp với Chân Thần. Y cảm thấy mất mát và có khuynh hướng thét lên – như Chân Sư Jesus đã làm – “Chúa ơi, Chúa ơi, tại sao Ngài

đã bỏ rơi con?” Nhưng y đang tạo ra sự từ bỏ cần thiết, và thể nguyên nhân, tức thể linh hồn, bị từ bỏ và biến mất. Đây là sự từ bỏ cực điểm và là cử chỉ tột đỉnh của thời gian rất dài các sự từ bỏ nhỏ; sự từ bỏ đánh dấu sự nghiệp của mọi người tìm đạo và các đệ tử – sự từ bỏ, được đối mặt một cách hữu thức, được hiểu và được thực hiện một cách hữu thức. (18–695)

4. Cuộc Điểm Đạo Từ Bỏ này vô cùng quan trọng đối với nhân loại và đối với cá nhân điểm đạo đồ, tất nhiên, vốn là một thành viên của giới thứ tư. Trước hết, hành động từ bỏ vĩ đại này đánh dấu lúc mà đệ tử không có gì trong y liên kết y với ba cõi tiến hóa của con người. Sự giao tiếp của y với các cõi này trong tương lai sẽ hoàn toàn tự nguyện và vì các mục đích phụng sự. (18–696) [264]

61. SỰ TIẾT LỘ “BẢN LAI DIỆN MỤC”

1. Qua các giai đoạn sau của chu kỳ luân hồi, khi hành giả đang dao động với các cặp đối lập, và nhờ tính phân biệt, y trở nên ý thức được điều chân, lẽ giả, trong trí y có sự nhận thức ngày càng tăng, rằng bản thân y là một Sự Sống bất tử, một vị Thượng Đế vĩnh cửu, và là một phần của Sự Vô Cùng Tận (Infinity). Mối liên kết giữa con người ở cõi trần và vị Chủ Thể nội tâm ngày càng sáng tỏ hơn cho đến khi sự khai thị quan trọng xảy ra. Bấy giờ, đến một lúc trong cuộc sống của y, khi y hữu thức đứng mặt đối mặt với Bản Ngã thực sự (real Self) của y và tự biết y thực ra là Bản Ngã đó chứ không chỉ trong lý thuyết; y trở nên ý thức được Thượng Đế nội tâm, không phải qua thính giác, hoặc nhờ sự chú ý vào tiếng nói nội tâm điều khiển và kiểm soát, và được gọi là “tiếng nói của lương tâm.” Lần này, sự nhận thức là qua *thị giác và linh thị trực tiếp*. Giờ đây, y không chỉ đáp ứng với những gì được

nghe, mà còn đáp ứng với những gì mà y thấy. (1-113)

2. Phương tiện của nội nhân vẫn luôn luôn hiện hữu, và những điều có thể được thấy vẫn luôn luôn có sẵn, nhưng cho tới nay sự nhận thức của đa số người vẫn chưa có.

Sự “nhận thức” này của điểm đạo đồ là bước quan trọng đầu tiên trong cuộc lễ điểm đạo, và tất cả các giai đoạn khác đều phải đợi cho đến khi đã qua được bước này. Trong các cuộc điểm đạo khác nhau, cái được nhận thức cũng khác nhau, và có thể tóm tắt khái quát như sau:-

Chân nhân, là phản ánh của Chân thần, trong chính nó là một tam nguyên, như mọi thứ khác trong thiên nhiên, và phản ánh ba trạng thái thiêng liêng, cũng như trên cõi cao, Chân thần phản ánh ba trạng thái—ý chí, bác ái-minh triết, và thông tuệ linh hoạt—của Thượng Đế. Do đó:

Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, điểm đạo đồ ý thức được trạng thái thứ ba, thông tuệ linh hoạt, là trạng thái thấp nhất của Chân nhân. Y được đưa tới mặt đối mặt với sự biểu lộ đó của *Thái Dương Thiên Thần* cao cả (Pitri) vốn là chính y, là bản ngã thực sự (real self). Giờ đây, không còn mọi bối rối, y biết rằng sự biểu lộ đó của trí thông tuệ là Thực Thể vĩnh cửu mà, qua bao thời đại, đã đang thể hiện các quyền năng của nó trên cõi trần, qua các kiếp sống liên tiếp của y.

Ở cuộc điểm đạo thứ hai, y thấy Sự Hiện Diện vĩ đại này là một nhị nguyên, và một trạng thái khác chói rạng trước y. Y trở nên ý thức rằng Sự Sống rực rỡ này, vốn được đồng nhất với chính y, không chỉ là sự thông tuệ đang tác động, mà còn có nguồn gốc là bác ái-minh triết. Y hoà hợp tâm thức của y với Sự Sống này và trở nên hợp nhất với Nó, sao cho, ở cõi trần, qua trung gian của bản ngã cá nhân, Sự Sống này được thấy là sự bác ái sáng suốt (intelligent love) tự

biểu lộ chính nó. [265]

Ở cuộc điếm đạo thứ ba, Chân nhân đứng trước điếm đạo đồ như một tam nguyên (triplicity) hoàn thiện. Không những y biết Đại Ngã (the Self) là bác ái thông tuệ, linh hoạt mà Nó cũng được tiết lộ như là một ý chí hay chủ đích cơ bản, y lập tức tự đồng nhất với Đại Ngã này, và biết rằng trong tương lai, ba cõi thấp đối với y không còn có quyền gì nữa, mà chỉ dùng như là một lĩnh vực cho việc phụng sự tích cực, được thể hiện trong bác ái, hướng đến việc hoàn thành một chủ đích đã được ẩn tàng trong tâm của Đại Ngã qua nhiều thời đại. Giờ đây, chủ đích này được tiết lộ, có thể được cộng tác với một cách thông minh, và như thế được hoàn thiện.

Những khai thị thâm sâu này chói rạng trước điếm đạo đồ theo một cách tam phân:—

Như một vị thiên thần sáng ngời. Nội nhân thấy được vị này với sự chính xác như nhau về cái thấy và sự phán đoán, như khi một người đứng mặt đối mặt với một thành viên khác trong gia đình nhân loại. Vị Thái Dương Thiên Thần cao cả, hiện thân cho Chân nhân, và là sự biểu lộ của Chân nhân trên cõi thượng trí, theo sát nghĩa là tổ phụ thiêng liêng của y, “Vị Trông Nom,” mà qua các chu kỳ luân hồi lâu dài, đã tuân đồ chính Ngài ra trong sự hy sinh, để con người có thể HIỆN TỒN (BE).

Như một khối cầu lửa chói rạng, được nối kết với điếm đạo đồ đứng trước nó bởi sợi dây từ lực bằng lửa, sợi dây này đi xuyên qua tất cả các thể của y, và tận cùng ở trung tâm của não bộ hồng trần. Sợi “chi bạc” này (như được gọi phần nào thiếu chính xác trong Kinh Thánh, khi mô tả nó tách rời thể xác và sau đó rút khỏi thể này) phát ra từ luân xa tim của Thái Dương Thiên Thần, như vậy liên kết tim và não,—là nhị

nguyên vĩ đại của bác ái và trí thông tuệ, biểu lộ trong thái dương hệ này. Khối cầu lửa này cũng được liên kết với nhiều khối cầu khác thuộc cùng nhóm và cung, và do thế nói rằng trên cõi cao chúng ta là một, là một sự kiện thực tế. Sự sống duy nhất đập nhịp và lưu chuyển qua tất cả, xuyên qua những tao dây bằng lửa. Đây là một phần của sự khai thị xảy ra cho một người trụ vào “Chân Thần” (the “Presence”) với đôi mắt của y được mở ra về mặt huyền bí.

Như một Hoa Sen chín Cánh đa sắc. Các cánh hoa sen này được xếp thành ba vòng quanh một bộ ba cánh hoa khép kín ở trung tâm, che chở cho “Bảo Ngọc trong Hoa Sen” như tên gọi trong các kinh sách Đông phương. Hoa Sen này là một vật có vẻ đẹp hiếm có, đập nhịp với sự sống và chói rạng với mọi màu sắc của cầu vồng, và trong ba cuộc điểm đạo đầu tiên, ba vòng này được mở ra theo thứ tự, cho đến cuộc điểm đạo thứ tư, điểm đạo đồ đứng trước một sự khai thị còn lớn lao hơn nữa, và học được sự bí mật của điều nằm trong nụ hoa ở trung tâm. Về phương diện này, cuộc điểm đạo thứ ba hơi khác với hai cuộc điểm đạo trước, vì nhờ quyền năng của một Vị Đạo Trưởng còn cao cấp hơn Đức Bồ-Tát, lần đầu tiên điểm đạo đồ được tiếp xúc với lửa điện của Tinh thần thuần khiết tiềm tàng ở tâm của Hoa sen. [266]

Trong tất cả các từ này, “Thái Dương Thiên Thần,” “khối cầu lửa,” và “hoa sen,” che giấu một trạng thái nào đó của bí nhiệm trung tâm của sự sống con người, nhưng nó sẽ chỉ hiển nhiên đối với những ai có mắt thấy được. Ý nghĩa huyền nhiệm của các nhóm từ hình tượng này sẽ chỉ tỏ ra là một cái bẫy hay là một cơ sở cho sự hoài nghi đối với người nào tìm cách cụ thể hoá chúng một cách quá mức. Trong các thuật ngữ này có ẩn chứa ý tưởng về một sự hiện tồn bất tử, về một Thực Thể thiêng liêng, về một trung tâm vĩ đại của

hỏa năng (fiery energy), và về sự bùng nổ toàn vẹn của cuộc tiến hoá, và ta phải xem xét chúng theo các ý nghĩa đó.

Ở cuộc điểm đạo thứ tư, điểm đạo đồ được đưa vào sự Hiện Diện (the Persence) của trạng thái của chính y, vốn được gọi là “Cha của y ở trên Trời.” Y được mặt đối mặt với Chân Thần của chính y, là bản thể tinh thần thuần khiết trên cõi cao nhất thứ nhì, mà đối với Chân nhân hay chân ngã của y thì nó giống như Chân nhân đối với phàm ngã hay bản ngã thấp vậy.

Chân Thần này đã tự biểu lộ trên cõi trí qua Chân nhân (Ego) theo ba kiểu, nhưng giờ đây, mọi trạng thái của trí tuệ, như chúng ta hiểu về nó, thì đang thiếu. Vị Thái Dương Thiên Thần được tiếp xúc từ trước đến giờ đã tự triệt thoái, và hình tướng mà qua đó vị này hoạt động (chân ngã thể hay thể nguyên nhân) đã mất, không còn lại gì trừ bác ái-minh triết, và ý chí năng động vốn là đặc trưng chủ yếu của Tinh Thần. Phàm ngã đã phụng sự các mục đích của Chân Nhân, và đã bị loại bỏ; Chân Nhân cũng đã phụng sự các mục đích của Chân thần, và không còn cần thiết nữa; và điểm đạo đồ trở nên tự do đối với cả hai, hoàn toàn được giải thoát, và có thể tiếp xúc với Chân Thần, như trước kia y đã học cách tiếp xúc với Chân Nhân vậy. Đối với những sự xuất hiện còn lại của y trong ba cõi thấp, y chỉ bị chi phối bởi ý chí và mục đích, được tự khởi xướng (self-initiated), và tạo ra thể biểu lộ của y, và như thế kiểm soát các thời cơ và thời gian hoạt động của riêng y (trong các giới hạn nghiệp quả). Nghiệp quả được đề cập ở đây là nghiệp quả hành tinh, chứ không phải nghiệp quả cá nhân.

Ở cuộc điểm đạo thứ tư này, y tiếp xúc với trạng thái bác ái của Chân thần, và ở cuộc điểm đạo thứ năm thì với trạng thái ý chí, và như thế hoàn tất các tiếp xúc của y, đáp

ứng với mọi rung động cần thiết, và là chủ nhân trên năm cõi tiến hoá của nhân loại.

Ngoài ra, chính ở các cuộc điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm, mà y cũng trở nên ý thức được “Đấng Hiện Diện” (“Presence”) vốn bao bọc ngay cả Thực Thể tinh thần, là Chân Thần của chính y. Y thấy Chân thần của y hợp nhất với Đức Hành Tinh Thượng Đế. Qua vận hà của Chân Thần của riêng y, y thấy những trạng thái giống hệt (mà Chân thần đó hiện thân) trên một qui mô rộng lớn hơn, và Đức Hành Tinh Thượng Đế, là Đấng phú linh (ensouls) cho mọi Chân Thần trên cung của Ngài, được tiết lộ theo cách đó. Chân lý này hầu như không thể diễn tả bằng lời, và liên quan đến mối quan hệ của điểm lửa điện, vốn là Chân thần, với ngôi sao năm cánh, vốn tiết lộ sự Hiện Diện của Đức Hành Tinh Thượng Đế cho điểm đạo đồ. [267] Điều này hầu như không thể hiểu được đối với người trung bình, là đối tượng của sách này.

Như vậy, nhờ một loạt các bước tiến tăng dần, điểm đạo đồ được đối mặt với Chân lý và Sự Hiện Tồn (Truth and Existence). Các môn sinh biết suy tư sẽ hiểu rõ tại sao sự tiết lộ này về Đấng Hiện Diện (the Presence) phải có trước mọi sự khái thị khác. Nó tạo ra trong thể trí của điểm đạo đồ các nhận thức cơ bản sau đây:-

– Đức tin của y qua nhiều thời đại được chứng minh, và hy vọng và niềm tin hoà hợp lại thành một thực tế xác định. Đức tin bị mất đi trong năng lực thấy, và những gì vô hình thì được thấy và biết. Y không thể còn nghi ngờ nữa, mà thay vào đó, nhờ sự nỗ lực của riêng y, y đã trở thành một người hiểu biết (*knower*).

– Sự đơn nhất của y với các huynh đệ được chứng

minh, và y nhận thức mối liên hệ bất diệt vốn ràng buộc y với đồng loại của y ở khắp nơi. Tình huynh đệ không còn là lý thuyết mà là một sự kiện khoa học được chứng minh; không còn bàn cãi điều gì nữa so với sự bàn cãi do tính chia rẽ của con người ở cõi trần.

– Y được xác định và chứng minh cho thấy tính bất tử của linh hồn và thực tại của các thế giới vô hình. Trong khi, trước cuộc điếm đạo, niềm tin này chỉ căn cứ trên linh thị ngắn ngủi và thoáng qua, và các tin tưởng mạnh mẽ ở nội tâm (là kết quả của suy luận hợp lý và của trực giác phát triển dần), thì nay nó được căn cứ trên thị giác và trên một sự nhận thức về bản chất bất tử của chính y, không cách nào phủ nhận được.

– Y nhận thức ý nghĩa và nguồn cội của năng lượng, và có thể bắt đầu vận dụng quyền năng với sự điều khiển và sự chính xác một cách khoa học. Nay y biết rút năng lượng từ đâu, và thoáng thấy những tài nguyên năng lượng khả dụng. Trước kia, y đã biết rằng năng lượng vốn hiện hữu, và sử dụng nó một cách mù quáng và đôi khi thiếu khôn ngoan; nay y thấy nó theo sự hướng dẫn “của thể trí mở rộng”, và có thể cộng tác một cách thông minh với các mãnh lực của thiên nhiên.

Như thế, theo nhiều cách, sự khai thị về Chân Thần (the Presence) tạo nên các kết quả rõ rệt nơi điếm đạo đồ, và do đó được Thánh Đoàn phán đoán là phần mở đầu cần thiết cho mọi sự khai thị về sau. (1-114/9)

62. GIỚI LINH HỒN

1 . Đó có lẽ là một tư tưởng mới đối với một số người là linh hồn đang tự sắp xếp cho sự nỗ lực, tái định hướng các

sức mạnh của mình, và đang chuẩn bị cho một sự thúc đẩy mới và mạnh mẽ, nhưng điều đó là thế. Mọi hình thức sự sống dưới ảnh hưởng của mãnh lực tiến hóa, đi từ sự khởi đầu này đến sự khởi đầu khác, và linh hồn cũng không được miễn trừ đối với trình tự này. Cũng như linh hồn của người-thú bắt đầu hợp nhất với một [268] nguyên khí thiêng liêng khác, và vì thế trong nhân loại đang tìm cách tiếp xúc với một trạng thái thiêng liêng khác. Khi sự tiếp xúc đó được thực hiện, Giới Thần Thánh (Kingdom of God) sẽ xuất hiện trên trái đất; cõi trần do đó sẽ được chuyển hóa, và giai đoạn đặc biệt đó, được đưa ra một cách biểu tượng dưới thuật ngữ thời đại hoàng kim (millennium), sẽ đến.

Các bậc Thức Giả (Knowers) về Thượng Đế trong kỷ nguyên đó sẽ chiếm đa số hơn những người vốn chỉ khao khát về tri thức đó, và sự tiếp xúc của họ và các kết quả của mãnh lực mà họ truyền chuyển, sẽ được cảm nhận trong mọi giới của thiên nhiên. Sự thống trị mọi hình tướng, và sức mạnh để hoạt động như các tác nhân truyền chuyển năng lượng tinh thần mà chúng ta gọi là bác ái đó, chính là phần thưởng hứa hẹn của các Thái Dương Thiên Thần chiến thắng, và là mục tiêu quý giá của hoạt động thiên định của họ. Các Con của Thượng Đế sẽ chiến thắng trên trần gian trong sự biểu lộ nhập thể hoàn toàn, và sẽ mang ánh sáng (do đó, sự sống) đến tất cả mọi hình tướng biểu lộ. Đây là “sự sống phong phú hơn” mà Đức Christ nói đến. (4-89/90)

2. Tôi, vốn đã phần nào nhập vào sự hiểu biết về sự sống của Thái Dương Thiên Thần, muốn quả quyết với những người hành hương anh em của tôi rằng những sự việc trải qua của các giác quan chỉ là tầm thường và vô giá trị khi so sánh với những phần thưởng, ở đây và trong cuộc sống

này, cho người đang tìm cách hòa nhập tâm thức hằng ngày của mình với tâm thức của chính linh hồn mình. Kế đó y nhập vào cộng đồng của các linh hồn, và không đứng riêng rẽ. Các giai đoạn cô đơn đáng xem xét nhất là kết quả của sự định hướng sai lầm và việc bám chặt vào những gì che giấu ảo ảnh, và nắm đầy tay đến nỗi họ không thể nắm lấy những gì đã được gọi là “viên ngọc quý trong hoa sen”. (4-90)

3. Các nhà quan sát các cơ hội và thời cơ có thể tiến bộ nhanh chóng trong sự tăng trưởng trực giác nếu họ kiên trì trong sự thiền định của họ, luyện tập trí năng của họ, và luôn luôn cố gắng suy tư theo các thuật ngữ phổ quát. Họ hãy xem sự hồi tưởng về lịch sử như là một phần của việc chuẩn bị xuất lộ vốn sẽ bắt đầu cho tương lai. Họ hãy có lòng vị tha khi họ nhận thức thực tế rằng giới linh hồn đang vững vàng trở thành một hiện tượng ở cõi trần (có phải Tôi nói một cách nghịch lý chăng?) và rốt cuộc sẽ được biết đến như là một giới của thiên nhiên và được các nhà khoa học cho là thế trong hai thế kỷ tới. Những “Nhà Quan Sát Có Tổ Chức” này tạo thành vòng ngoài của nhóm mới và chủ âm (keynote) của họ là xu hướng tổng hợp, sự loại bỏ những cái không cần thiết, và việc tổ chức tri thức của nhân loại. Khi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhận thức của con người, họ được phân biệt bởi một tinh thần không bè phái, và bởi một khả năng giải quyết những điều thiết yếu cơ bản và liên kết các bộ môn nghiên cứu khác nhau của con người thành một tổng thể có tổ chức và thống nhất. (4-606) [269]

4. Tôi tự hỏi liệu bạn đã bao giờ xem xét hiệu quả rộng rãi của tất cả sự suy tư trầm ngâm, những lời cầu nguyện đầy khát vọng và công việc thiền định – không được đào tạo hay là kết quả của việc đào tạo – được thực hiện bởi hàng triệu

người qua các thời đại khắp toàn hành tinh? Chất lượng của nó đang thay đổi; sức mạnh của nó đang tăng lên; sự sinh động của nó đang tạo ra những thay đổi trong cơ thể con người. Làn sóng của đời sống tâm linh ngày nay rất mạnh mẽ và đang phấn đấu trong một trăm năm mươi năm tới sẽ chứng minh bản chất thực tế của Giới Linh hồn hoặc của Thiên Giới. Điều này, như bạn chắc chắn có thể đánh giá cao, cũng sẽ tạo ra những thay đổi cơ bản trong các mục tiêu trước mắt trước sự tiến bộ của con người và trong các kế hoạch của các Chân Sư, trong giáo huấn được đưa ra, và trong việc huấn luyện được trình bày. (6-296)

5. Sự điểm đạo, một cách đặc biệt, là một loạt các giai đoạn hoặc các nhận thức có xếp hạng giúp con người cuối cùng trở thành một thành viên, hoặc một điểm sáng, trong Thiên Giới. Khi đủ một số lượng thành viên của giới thứ tư đã trải qua tiến trình điểm đạo (được hiểu về mặt kỹ thuật), bấy giờ giới thứ năm sẽ đi vào sự biểu lộ công khai. Phương pháp làm cho điều này cho đến nay ở bên trong (chủ quan) trở thành một thực thể thực tế, đang nhanh chóng đến gần, và bằng chứng về điều này, là – lần đầu tiên trong lịch sử – sự điểm đạo tập thể. Điều này giờ đây có thể được đồng ý, và chính vì điều này mà Thánh Đoàn đang hoạt động ngày nay, liên quan đến những người tìm đạo và các đệ tử. (6-381)

6. Thiên Giới hay Giới Linh Hồn, được phân biệt bởi uy lực và do đó, bởi hào quang và sự tỏa sáng của bác ái, rõ ràng được neo chặt trên Trái đất, và đang thâm nhập ngày càng đầy đủ và thành công hơn vào ba cõi giới nỗ lực hoàn toàn thuộc con người. Luôn luôn đã có những tiền đồn của giới này giữa con người; đã từng có những cá nhân ở mọi phần của thế giới – trong các tôn giáo trên thế giới hoặc trong các

nhóm có tính xây dựng khác – đã được liên kết một cách hữu thức với linh hồn của họ, và do đó được liên kết với Thánh Đoàn. Luôn luôn đã có những người ở mỗi miền đất đã phát triển và biểu lộ tâm thức Christ; đây là sự hiểu biết đầy yêu thương, và việc phụng sự thông minh, sống động, bất kể bằng từ ngữ hay thuật ngữ nào mà họ đã diễn tả sự kiện thiêng liêng to lớn mà họ đã ý thức. Nhưng – theo quan điểm về dân số thế giới – giới thứ tư trong thiên nhiên thống trị trong mỗi lĩnh vực tư tưởng và hoạt động, chứ không phải Thiên Giới hay Giới Linh Hồn.

Ngày nay, như là một kết quả của một sự thức tỉnh tâm linh bắt đầu từ năm 1625 sau Công nguyên, và đã đặt chú trọng vào một nền giáo dục chung rộng lớn hơn, và vào một cuộc nổi dậy từ sự áp đặt thẩm quyền của giới tăng lữ, sự bức xạ từ thế giới của các linh hồn đã tăng cường đáng kể, và Thiên Giới đang [270] trở thành một phần của sự biểu lộ của thế giới bên ngoài, và điều này là lần đầu tiên trong lịch sử rất lâu dài của nhân loại.

Ảnh hưởng của sự bức xạ hoặc hào quang có từ tính này bây giờ lan rộng đến mức chúng ta không còn cần phải nói về việc mang lại Thiên Giới hay về việc biểu lộ của nó trên Trái đất. Nó đã đang biểu lộ, và hào quang của nó được hòa trộn với các hào quang trí tuệ, cảm dục và dĩ thái của nhân loại. Sự nhận thức chỉ là bắt buộc, nhưng (và đây là một yếu tố cần được lưu ý) sự nhận thức đang được giữ lại cho đến khi giới linh hồn có thể được bảo vệ khỏi các yêu cầu hẹp hòi của bất kỳ giáo hội, tôn giáo hoặc tổ chức nào; nhiều người sẽ tuyên bố (như họ đã từng làm) rằng việc được nhận vào Thiên Giới sẽ được tìm thấy thông qua nhóm riêng biệt cụ thể của họ. Thiên Giới không thuộc Cơ đốc giáo, hay Phật giáo, hoặc được tìm thấy tập trung vào bất kỳ tôn giáo hoặc

tổ chức bí truyền nào trên thế giới. Nó chỉ đơn giản và duy nhất là những gì mà nó tuyên bố nó là: một nhóm rộng lớn và tích hợp những người được linh hồn thẩm nhuần, tỏa ra bác ái và ý định tâm linh, được thúc đẩy bởi thiện chí, và bắt nguồn trong giới nhân loại, như giới nhân loại bắt nguồn trong, và là một sự tách ra từ giới động vật. (6-406/8)

7. Các tiên đồn của Giới đó và đội tiên phong gồm các đệ tử và điểm đạo đồ đã ở đây.

Công việc hoặc hoạt động rạng rỡ của Thánh Đoàn ngày nay có uy lực hơn bất kỳ thời điểm nào trong lịch sử nhân loại. Các Chân Sư và các đệ tử của các Ngài (dưới sự hướng dẫn của Đức Chương Giáo của thời kỳ đó) đã hiện diện bằng thể xác trên Trái đất vào thời kỳ đầu của Atlantean, và bức xạ phát ra từ các Ngài có tính bảo vệ, canh gác và nuôi dưỡng. Về sau, Thánh Đoàn rút lui thành một sự biểu lộ chủ quan, và nhân loại – theo Luật Tiến hóa – được để mặc cho tự xoay sở lấy, như thế để học Đạo và bước lên Con đường Quy Nguyên qua sự thử nghiệm và kinh nghiệm cá nhân. Các Chân Sư (trong khoảng thời gian chuyển tiếp lâu dài này) đã không đến tiếp xúc với nhân loại trên bất kỳ quy mô lớn hoặc tập thể nào; tuy nhiên, nhiều đệ tử cao cấp của các Ngài đã xuất hiện trong những khoảng thời gian khác nhau và khi cần thiết; Đức Chương Giáo cũng đã đến để phát ra chủ âm hoặc âm điệu (key or note) cho mỗi nền văn minh mới, và để thể hiện các kết quả của nền văn minh đã qua. Do đó, con người đã phải một mình tìm đường đến với Thánh Đoàn; trong im lặng Thánh Đoàn đó đã chờ đợi, cho đến khi số lượng "các linh hồn giác ngộ" lớn đến mức tiếng kêu thỉnh nguyện và sự phát xạ từ lực của họ đã đạt đến một uy lực không thể bị phủ nhận; sự cân xứng của trạng thái thăng bằng, được đạt đến

giữa Thiên Giới trên Trái đất và Thiên Giới trên Thiên đàng (sử dụng cụm từ Cơ-đốc giáo) đã trở nên sao cho "các Cánh cổng Quy Nguyên" có thể được mở ra và sự tiếp xúc tự do được thiết lập giữa giới thứ tư và giới thứ năm [271] trong thiên nhiên. Các cánh cổng (và tôi vẫn đang nói bằng các biểu tượng) đã đang mở ra và sẽ sớm mở rộng để tiếp nhận "Con của Con Người, đưa Con hoàn thiện của Thượng Đế" đi qua, trở lại nơi – Trái Đất của chúng ta – mà trước đây Ngài đã thể hiện tình yêu và việc phụng sự hoàn thiện. Nhưng – như bạn biết – lần này Ngài sẽ không đến một mình, mà sẽ mang cùng với Ngài các vị Lãnh đạo của một số Ashrams, cũng như một nhóm điểm đạo đồ và đệ tử lão luyện.

Các diễn biến này *ngày nay* đang diễn ra trước mắt của mọi người, mặc dù nhiều điều đang diễn ra vẫn còn hoàn toàn không được nhận thức trên các vùng rộng lớn của thế giới tư tưởng và bởi nhiều triệu người. Tuy nhiên, hồi huynh đệ của tôi, có đủ điểm đạo đồ và đệ tử đang làm việc trên cõi trần vào lúc này để bảo đảm một sự nhận thức mở rộng, đến nỗi việc khuấy động vững vàng, kiên định sự mong chờ của nhân loại được bảo đảm. Hãy suy gẫm về điều này và học cách nhận thức trên mọi mặt các dấu hiệu của sự đoán trước của nhân loại, và sự biểu thị rõ rệt về sự tiếp cận của Thánh Đoàn. (6-408/10)

8. Mục tiêu của Thiên Cơ là tái tạo giới linh hồn bên trong trên cõi trần. Điều này Chân Sư của các Chân Sư đã báo trước từ lâu. Hãy chuẩn bị con đường. (6-596)

9. Đức Christ cũng đã dạy rằng Thiên Giới đã có ở thế gian và khuyên chúng ta trước nhất hãy tìm Thiên Giới, và để mọi thứ khác ở tầm quan trọng thứ yếu do mức độ quan trọng của nó. Thiên Giới ấy bao giờ cũng ở với chúng ta, gồm

tất cả những người mà qua các thời đại, đã tìm kiếm những mục tiêu tinh thần, đã tự giải thoát ra khỏi các giới hạn của xác thân, những chi phối của tình cảm và trí tuệ bị chướng ngại. Các công dân của Thiên Giới là những người hiện nay (đại chúng không hề biết) đang sống trong thể xác, làm việc cho phúc lợi của nhân loại; sử dụng lòng bác ái thay cho xúc cảm như là kỹ thuật chung của họ, và hợp thành đoàn thể lớn của “các bậc Trí Giả được khai ngộ” đang hướng dẫn vận mệnh thế giới. Thiên Giới không phải là cái gì đó sẽ giáng xuống cõi trần khi con người được tốt đẹp đúng mức! Đó là những gì ngày nay đang hoạt động một cách hiệu quả và đòi hỏi sự thừa nhận. Đó là một đoàn thể có tổ chức, đã và đang gọi lên sự nhận biết bởi những người trước nhất cũng tìm kiếm Thiên giới, và nhờ thế khám phá ra rằng Thiên giới mà họ tìm kiếm đã có ở thế gian này. Nhiều người biết rằng Đức Christ và các đệ tử của Ngài đang hiện diện trong thể xác ở cõi trần, còn Vương quốc mà các Ngài quản trị với những quy luật và những phương thức hoạt động của nó thì quen thuộc đối với nhiều người, và đã có qua nhiều thế kỷ rồi. (8-50/1)

10. Hết giai đoạn này đến giai đoạn khác, hết cuộc khủng hoảng này đến cuộc khủng hoảng khác, hết điểm này đến điểm khác, và hết trung tâm này đến trung tâm khác, sự sống của Thượng Đế tiến triển, để lại vẻ đẹp lớn lao hơn [272] đằng sau nó khi nó đi xuyên từ hình thức này đến hình thức khác và từ giới này đến giới khác. Thành tựu này dẫn đến thành tựu khác; từ các giới thấp, con người đã xuất hiện, và (là một kết quả của cuộc đấu tranh của con người) Thiên Giới cũng sẽ xuất hiện. Việc đưa vào giới đó (là Thiên Giới – ND) là tất cả những gì thực sự liên quan đến nhân loại ngày nay, và mọi diễn trình sống trong nhân loại được hướng tới việc

chuẩn bị mỗi cá nhân con người chuyển vào giới đó. Tri thức vốn có thể có những biểu lộ lớn hơn ngay cả so với Thiên Giới có thể đang truyền cảm hứng, nhưng tất cả chỉ có thể. Sự biểu lộ của Thiên Giới trên Địa Cầu, việc chuẩn bị con đường cho Đấng Khai Mở (Inaugurator) vĩ đại, là Đấng Christ, việc làm cho Thánh Đoàn có thể hiển lộ trên Cõi Trần mang lại cho mỗi người và tất cả chúng ta một nhiệm vụ hoàn toàn thích hợp và một cái gì đó để sống và làm việc vì nó, để ước mơ và khao khát nó. (18-738)

63. KẾT LUẬN

1. Tất cả mọi ý tưởng và quan niệm này chỉ có giá trị chừng nào mà chúng tạo ra bên trong Chủ Thể Suy Tư một nhận thức sáng suốt hơn về sự vĩ đại của thiên cơ, một sự chiếm hữu năng lượng và mãnh lực vốn thuộc về y bằng quyền tham dự vào các tiến trình biểu lộ, và một sự hợp tác khôn khéo trong việc đẩy mạnh cơ tiến hóa khi cơ này đang tác động vào cá nhân y và các nhóm của y. (3-503)

2. Khi năng lượng từ Ego kiểm soát, hoặc áp đặt nhịp điệu của nó vào các hạ thể khác nhau xuyên qua các bí huyệt chính tương ứng của chúng, khi luồng hỏa tam phân đang leo lên một cách trật tự xuyên qua vận hà tam phân, và khi ba bí huyệt đầu được kết hợp theo hình tam giác, bấy giờ chúng ta có sự giác ngộ hay sự tỏa chiếu của toàn bộ sự sống phàm ngã, bóng tối nhường chỗ cho ánh sáng, và Mặt Trời Tri Thức mọc lên và xua tan bóng tối của vô minh. Các bí huyệt nhỏ có liên quan với sự phối kết bên trong của lớp vỏ, các bí huyệt chính có liên quan với sự phối kết của nhóm hay mối tương quan của một lớp vỏ này với một lớp vỏ khác. Con người trở nên một ánh sáng mãnh liệt và một ánh sáng tỏa chiếu, phát

ra một ánh sáng bùng cháy từ bên trong.

Khi giai đoạn kế tiếp được hoàn thành, và năng lượng của Monad, được tập trung qua bảo ngọc, làm cho chính nó cũng được cảm nhận trên cõi trần, đi qua hoa sen Chân Ngã tam phân xuyên qua các vận hà đã được Ego sử dụng, chúng ta có một người “được truyền linh hứng”, y là một kẻ sáng tạo tinh thần, và bản thân y là “một Mặt Trời có Bức Xạ Chữa Trị” (“a Sun of Healing Radiance”).

Đây là các mục tiêu phía trước của mọi người bước lên Thánh Đạo, và là mục tiêu xa phía trước cho những ai noi theo giới luật cần thiết của cuộc sống, và là [273] các giai đoạn khai mở nhờ thiên định. Không cần nói, có vài cách làm việc và các thần chú mà các Chân Sư biết rõ, các thần chú đó giúp cho các Ngài đẩy nhanh tiến trình (khi cần thiết) cho các đệ tử của các Ngài, nhưng đây là các bí mật được giữ gìn rất cẩn thận và không được dùng thường. Phương pháp thông thường, một phương pháp lâu dài và khó nhọc, là để cho đệ tử tìm ra mỗi giai đoạn của con đường cho chính y, dạy cho y sự cấu tạo của chính thể xác của y, bản chất của các hạ thể, chức năng và bộ máy năng lượng, và như thế để cho y dần dần ý thức các thần lực tiềm tàng trong chính y. Những gì được hàm ý bởi “ba hiện thể theo định kỳ” và bảy nguyên khí hay các tính chất của thần lực, được tiết lộ từ từ cho y, và qua kinh nghiệm, thực nghiệm, các thất bại thì thường xuyên, sự thành công thì thỉnh thoảng, sự ngẫm nghĩ và sự tự xem xét nội tâm thuần thực, và thường xuyên luân hồi, y được đưa tới điểm mà ở đó y đã tạo ra một mức độ chính hợp nào đó qua nỗ lực tự tạo và liên tục. Lúc đó, y được dạy cách sử dụng sự chính hợp đó, và cách vận dụng năng lượng một cách hữu thức, để y có thể mang lại trên cõi trần các kết quả trong việc phụng sự, mà trong nhiều kiếp sống có lẽ đã chỉ là một ước

mơ hay một sự tương tượng bất khả thi. Khi y thành thạo trong hai việc này – sự ổn định và sự vận dụng – lúc đó, và chỉ lúc đó các linh từ và các bí mật mới được giao phó cho y, chúng tạo ra sự thể hiện trên cõi trần của năng lượng tinh thần hay năng lượng Chân Thần nhờ vào năng lượng linh hồn hay năng lượng Chân Ngã, lần lượt vận dụng năng lượng của các hình hài vật chất trong tam giới, hay cái mà chúng ta có thể gọi là năng lượng xác thân (bodily energy). Điều này đã được diễn tả trong cụm từ thần bí và huyền linh sau đây:

“Khi bảo ngọc lấp lánh giống như kim cương dưới ảnh hưởng của các tia nắng chói chang, bấy giờ khung cảnh cũng chiếu tỏa ánh sáng. Khi viên kim cương chiếu diệu với độ rực rỡ ngày càng tăng, lửa được sinh ra, nó đốt cháy những gì bị cầm giữ và giam nhốt”.
(3-1130/2)

3. Nhu cầu lớn vào thời điểm này, đối với các nhà chuyên môn trong sự sống của linh hồn và đối với một nhóm nam và nữ vốn đang đảm nhiệm cuộc thử nghiệm và chuyển tiếp vĩ đại, là thêm chứng cứ của họ vào sự thật về những phát biểu của các nhà thần bí và nhà huyền bí của các thời đại. (4-41)

4. Qua Đoàn Người Phụng Sự Thế Gian đang trong tiến trình thành lập, Thánh Đoàn đang tìm cách tự hiển lộ, và khôi phục lại những bí pháp cho nhân loại mà chúng vốn thực sự thuộc về họ. Nếu nỗ lực tiếp tục thì điều cần thiết cơ bản là tất cả các bạn, tất cả các phụng-sự-viên trên thế giới, vốn đã cảm nhận được linh thị hoặc đã thấy một phần của kế hoạch dự trù, nên tự đốc sức mình trở lại cho việc phụng sự nhân loại, nên tự cam kết thực hiện việc trợ giúp hết khả năng của bạn (hãy suy gẫm các lời này, và tìm cho ra ý nghĩa của

chúng), và nên hy sinh thời gian và cống hiến tiền bạc của bạn để thúc đẩy nỗ lực của Các Đấng Cao Cả. Trên hết, không được ngừng công việc thiên định của bạn; hãy duy trì sự liên kết bên trong; lúc nào cũng tưởng nghĩ đến chân lý. Nhu cầu [274] và cơ hội đều quan trọng, và tất cả những người có thể trợ giúp đều được kêu gọi đi đâu trong cuộc chiến đấu. Tất cả đều có thể được sử dụng theo một cách nào đó, nếu bản chất thật sự của sự hy sinh được hiểu rõ, nếu kỹ năng trong hành động được phát triển, và nếu làm việc mà không bị dính mắc là nỗ lực của mỗi người và tất cả các bạn. (4-521)

5. Đối với bạn, là người sống và làm việc trong giai đoạn chuyển tiếp này và trong chu kỳ chuyển đổi của y, với tất cả những hỗn loạn và biến động bên ngoài tổng hợp của nó, được giao nhiệm vụ thể hiện sự kiên định, việc phụng sự và sự hy sinh.... Bạn cần hấp thu và hành động dựa trên thông tin mà bạn đã có, trước khi được gọi lên ở đây từ bạn rằng nhu cầu cơ bản để có thêm ánh sáng, vốn đòi hỏi sự đáp ứng từ những người trong chúng tôi, là những người làm việc trong các hạn định của Thánh Đoàn. Chúng tôi kiên nhẫn chờ đợi nhu cầu đó. (9-146)

6. Tôi đã nói với bạn nhiều, bạn đã có trực giác được thức tỉnh để đọc ý nghĩa của một số nhận xét của tôi. (18-66)

7. Và như vậy, từ giai đoạn này đến giai đoạn khác mà người đệ tử đi qua, đi từ ánh sáng này đến ánh sáng khác, từ năng lực tri giác này đến năng lực tri giác khác, từ mãnh lực tới năng lượng, từ sự tập trung phạm ngã đến sự tích hợp của linh hồn, và sau đó từ linh hồn đến tinh thần, từ hình tượng đến sự sống. Y đã khám phá mọi con đường của tri thức; y đã đi xuống vào các vực sâu, vào địa ngục và vào các thung

lũng; y đã leo lên đỉnh núi điểm đạo, và từ đó đã vượt qua không gian và thời gian của chúng ta; y đã mất mọi tư lợi, và là một điểm tư tưởng tập trung trong thể trí của Thượng Đế.

Liệu tôi có thể nói nhiều hơn điều này không? Tôi nghĩ là không, các huynh đệ của tôi. Và vì vậy, tôi kết thúc loạt bài giáo huấn này, và trách nhiệm của tôi về việc này đã kết thúc. Giờ đây, trách nhiệm của các bạn bắt đầu. (5-772/3)

